

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

PHAN DIỄN	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUỲ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THỨC HUỲNH	"

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG

TOÀN TẬP
TẬP 39
1978

1.1 Ban chỉ đạo xây dựng bản thảo

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRỊNH THỨC HUỲNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"

1.2 Nhóm xây dựng bản thảo tập 39

HOÀNG BẠCH YẾN (Chủ biên)
PHẠM THỊ NHÀN
LÊ THỊ MAI
NGUYỄN THỊ NẾT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2005

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 39

Tập 39 *Văn kiện Đảng toàn tập*, phản ánh sự lãnh đạo của Đảng trong năm 1978.

Năm 1978, Đảng và nhân dân ta đứng trước tình hình mới rất khẩn trương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm: tiếp tục và đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và công, thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam; chấn chỉnh và đẩy mạnh công tác quản lý kinh tế; kiện toàn tổ chức và lề lối làm việc từ trung ương đến cơ sở; tăng cường xây dựng cấp huyện.

Với kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, trong năm 1978, các cơ sở tư bản tư doanh loại lớn và vừa đã chuyển thành quốc doanh, công tư hợp doanh hoặc xí nghiệp hợp tác. Trong thương nghiệp, đã xoá bỏ kinh doanh của giai cấp tư sản, chấm dứt kinh doanh của tư nhân đối với vật tư và 13 mặt hàng Nhà nước thống nhất quản lý. Trong cải tạo nông nghiệp, đẩy mạnh hợp tác hoá dưới hai hình thức hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Tháng 4 - 1978, Trung ương Đảng đã chỉ đạo việc phát hành tiền ngân hàng mới, thu hồi tiền ngân hàng cũ ở hai miền, thống nhất tiền tệ trong cả nước.

Trong khi nhân dân ta đang tiếp tục khắc phục hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh lâu dài do đế quốc Mỹ gây ra và đẩy mạnh

công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì "tập đoàn phản động Campuchia đã điên cuồng gây ra cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới tây nam của Tổ quốc ta, trắng trợn phản bội và phá hoại tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị anh em giữa hai dân tộc được xây đắp bằng xương máu trong quá trình lâu dài cùng nhau đấu tranh vì độc lập tự do". Trước tình hình nghiêm trọng đó, Đảng đã tập trung lãnh đạo nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Trong năm 1978 đã diễn ra hai Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương: Hội nghị Trung ương lần thứ tư (họp từ ngày 14 đến ngày 22 -7) bàn về *Tình hình và nhiệm vụ mới; về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc*; Hội nghị Trung ương lần thứ năm (họp từ ngày 12 đến ngày 19 -12) bàn về *Nhiệm vụ kinh tế năm 1979*.

Văn kiện Đảng toàn tập tập 39 có 80 tài liệu gồm các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tri, điện, báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các bài phát biểu của Tổng Bí thư Lê Duẩn tại Hội nghị lần thứ tư và Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm tài liệu, biên tập, song không tránh khỏi những thiếu sót, mong bạn đọc góp ý.

Xin trân trọng giới thiệu tập 39, *Văn kiện Đảng toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 2 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 31-CT/TW, ngày 2 tháng 1 năm 1978

**Về tổ chức văn học, nghệ thuật
trong tình hình mới**

Để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, phục vụ đắc lực nhiệm vụ chính trị mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra, công tác văn học, nghệ thuật phải được phát triển mạnh mẽ trong cả nước. Nhưng hiện nay, về mặt tổ chức, các hội văn học, nghệ thuật cũng như các tổ chức đảng phụ trách các hội này đều có những chỗ chưa thích hợp, không bảo đảm cho công tác văn học, nghệ thuật trong cả nước phát triển được thuận lợi. Để giải quyết tình hình trên đây, Ban Bí thư chủ trương:

1. Tiếp tục duy trì Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật Việt Nam với tính chất là mặt trận đoàn kết, tổ chức, động viên, giáo dục mọi lực lượng văn học, nghệ thuật tự nguyện phấn đấu để xây dựng nền văn học, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa Việt Nam, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng tư tưởng và văn hoá trong cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng

Cộng sản Việt Nam.

Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật Việt Nam có nhiệm vụ:

- Trong từng thời gian nhất định, đánh giá tình hình hoạt động của giới văn nghệ; căn cứ vào yêu cầu của các nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng và khả năng thực tế của văn nghệ sĩ, đề ra chương trình hành động chung cho giới văn nghệ.

- Tổ chức, giúp đỡ văn nghệ sĩ nghiên cứu những vấn đề về đường lối, chính sách chung và những vấn đề về đường lối, quan điểm văn học, nghệ thuật của Đảng.

- Nghiên cứu và đề xuất với các cơ quan Đảng và Nhà nước những vấn đề về chế độ, chính sách nhằm đẩy mạnh công tác văn học, nghệ thuật.

- Góp ý kiến với các hội chuyên ngành (Hội Nhà văn, Hội Nhạc sĩ, Hội Mỹ thuật...) cũng như các hội văn nghệ địa phương để bảo đảm quán triệt đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng.

Cơ quan lãnh đạo của tổ chức mặt trận này là *Ủy ban Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật gồm có đại biểu của các hội chuyên ngành và các hội văn nghệ địa phương*. Ủy ban này sẽ thay cho Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật hiện nay, sau khi các hội chuyên ngành tổ chức xong đại hội. Ủy ban sẽ bầu ra Ban Thư ký gọn nhẹ, có trách nhiệm điều hành công việc hằng ngày của ủy ban.

Tổ chức đảng phụ trách mặt trận này là Đảng đoàn Ủy ban Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật do Ban Bí thư chỉ định.

2. Các hội chuyên ngành cần xúc tiến mở đại hội của ngành.

Để chuẩn bị đại hội ngành, ban chấp hành của từng hội cần bổ sung một số người tiêu biểu cho ngành ở miền Nam. Những người này chủ yếu là những người tham gia kháng chiến chống Mỹ đến ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Ban chấp hành có thể thu nạp một số ít người tiêu biểu về nghề nghiệp, không tham gia kháng chiến chống Mỹ nhưng lý lịch trong sạch và hiện nay có thái độ chính trị tốt.

Ban chấp hành mới (sau khi đã được bổ sung) của từng hội sẽ cử ra ban trụ bị đại hội (trong đó có cả người không tham gia kháng chiến chống Mỹ nhưng lý lịch trong sạch và hiện nay có thái độ chính trị tốt) để xúc tiến công việc chuẩn bị đại hội: dự thảo báo cáo tình hình và nhiệm vụ, dự thảo điều lệ (sửa đổi) và dự kiến danh sách Ban Chấp hành mới của hội.

Các ban chấp hành mới của các hội do các đại hội bầu ra sẽ không cử ra ban thường vụ mà chỉ cử ra ban thư ký chịu trách nhiệm điều hành công việc hằng ngày của các hội.

Việc chuẩn bị đại hội các ngành phải làm thật chu đáo, cẩn thận, bảo đảm đại hội thành công.

3. Về tổ chức đảng phụ trách, mỗi hội chuyên ngành sẽ có một đảng đoàn do Ban Bí thư chỉ định.

4. Để thống nhất sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác văn nghệ do các cơ quan nhà nước và các hội quần chúng phụ trách, Ban Bí thư quyết định *thành lập Ban Cán sự Văn hoá - Văn nghệ* gồm một số đồng chí lãnh đạo trong Bộ Văn hoá và một số đồng chí lãnh đạo trong các hội văn hoá, nghệ thuật do Ban Bí thư chỉ định. Ban Cán sự Văn hoá - Văn nghệ có nhiệm vụ lãnh đạo công tác của Bộ Văn hoá và của

các hội văn học, nghệ thuật. Ban Bí thư uỷ nhiệm Ban Cán sự Văn hoá - Văn nghệ lãnh đạo các đảng đoàn của các hội văn học, nghệ thuật. Nhiệm vụ cụ thể và cách thức làm việc của Ban Cán sự Văn hóa - Văn nghệ sẽ do Ban Bí thư quy định.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 05-NQ/TW, ngày 4 tháng 1 năm 1978

Về công tác giá trong tình hình mới

Bước sang giai đoạn mới, cả nước hoà bình, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc phát triển và cải tạo kinh tế được tiến hành theo đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng. Tình hình đó đòi hỏi phải "nghiên cứu xây dựng một hệ thống giá hợp lý hơn"¹⁾, phải xác định một phương thức quản lý giá thích hợp.

Muốn vậy, một mặt phải chú ý tới những thành quả và kinh nghiệm của công tác giá trong những năm qua; mặt khác, phải nắm vững đặc điểm, yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

Hệ thống giá phải thể hiện đầy đủ các quy luật kinh tế, lấy kế hoạch làm khâu trung tâm, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phục vụ công cuộc phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hoá, tăng cường quản lý

1) Nghị quyết của Đại hội IV.

kinh tế, tài chính, nhằm bảo đảm tận dụng lực lượng lao động, tài nguyên, đất, rừng, biển và mọi tư liệu sản xuất khác, làm ra nhiều giá trị sử dụng với hiệu quả kinh tế ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Trên quy mô cả nước, giá phải phục vụ và thúc đẩy việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội, phân công mới lao động, hình thành cơ cấu kinh tế mới gắn bó công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, đẩy mạnh xuất khẩu để có thể tăng cường nhập khẩu kỹ thuật hiện đại.

Giá phải phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển với tốc độ nhanh, đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

Giá phải kết hợp chặt chẽ với các công cụ phân phối thu nhập quốc dân như tiền lương, lợi nhuận, với việc phân phối hàng hoá hợp lý, nhằm bảo đảm quan hệ đúng đắn giữa tích lũy và tiêu dùng, bảo đảm thu nhập thực tế của người lao động, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, đồng thời mở rộng phúc lợi công cộng và bảo hiểm xã hội trên cơ sở phát triển sản xuất.

Giá phải phục vụ và thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ hàng đầu hiện nay là ra sức phát triển nông nghiệp, mở rộng diện tích canh tác, chuyên canh và thâm canh trên đất thực cũng như đất mới, phát triển mạnh chăn nuôi, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, tăng cường và cải tiến quản lý, tăng năng suất lao động trong nông nghiệp.

Giá phải phục vụ và thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam đối với thương nghiệp, công nghiệp, thủ công

ng nghiệp tư nhân và nông nghiệp cá thể, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước, mở rộng trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa, thu hẹp thị trường không có tổ chức.

Giá phải bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất theo những định mức kinh tế - kỹ thuật trung bình tiên tiến và có lợi nhuận thoả đáng, thể hiện cả hai mặt nghĩa vụ và quyền lợi đối với đơn vị kinh tế và người sản xuất. Giá là thước đo góp phần đánh giá đúng đắn hiệu quả công việc của mỗi cơ sở sản xuất, là đòn bẩy mạnh mẽ khuyến khích lợi ích vật chất chính đáng của cơ sở và người sản xuất; vừa đòi hỏi mỗi người phải làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, đạt năng suất cao, vừa phục vụ đời sống vật chất và văn hoá của người lao động ngày càng tốt hơn nữa.

Đi đôi với việc xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước, phải cải tiến công tác tiền tệ, tài chính, tín dụng, mở rộng mạng lưới lưu thông, phân phối hàng hoá một cách có kế hoạch, tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh mạnh mẽ chống các hoạt động đầu cơ, buôn lậu, nâng giá, ép giá, sớm xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và cải tạo trung thương, tiểu thương, làm cho hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước có hiệu lực trong toàn bộ thị trường xã hội.

Về phương thức quản lý giá: trên cơ sở Trung ương quản lý thống nhất chính sách và những giá có quan hệ đến quốc kế dân sinh, bảo đảm những cân đối kinh tế có ý nghĩa toàn quốc, đề cao kỷ luật về giá, cần phân cấp quản lý giá cho các ngành, các cấp chính quyền địa phương, theo danh mục do Chính phủ quy định.

Việc xây dựng, thực hiện chính sách và quản lý giá phải

được tiến hành một cách toàn diện, đồng bộ, hỗ trợ và phục vụ lẫn nhau giữa giá với các chủ trương và biện pháp khác về sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng, trước hết là giữa các chính sách giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ, thu mua và phân phối hàng hoá theo hợp đồng hai chiều.

Trước mắt, Bộ Chính trị quyết định điều chỉnh giá thu mua một số nông sản quan trọng, ổn định và có điều chỉnh giá một số tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu liên quan nhiều đến nông nghiệp, có tính đến yêu cầu tiến tới thống nhất giá trong cả nước thành một hệ thống duy nhất, nhưng trước mắt, chỉ thống nhất những giá xét có điều kiện.

Trong tình hình kinh tế còn nhiều mặt không cân đối, tổ chức quản lý còn chưa được chặt chẽ, việc điều chỉnh giá lần này phải *tiến hành tích cực, nhưng thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng và toàn diện.*

Để phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng¹⁾, *chính sách giá thu mua nông sản phải đáp ứng yêu cầu như sau:*

- Giá thu mua phải bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất và có lãi thích đáng nhằm phục vụ tốt, đúng yêu cầu thâm canh, tăng vụ và đẩy mạnh khai hoang, mở vùng kinh tế mới, bảo đảm tái sản xuất mở rộng và từng bước cải thiện đời sống nông dân. Phát huy tác dụng của giá thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, tăng cường và cải tiến quản lý, không ngừng tăng năng suất lao động, năng suất đất đai để làm ra nhiều sản phẩm, bảo đảm hiệu quả sử dụng lao động, vật tư, thiết bị và

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.38, tr.313 (B.T).

tiền vốn trong sản xuất nông nghiệp, *thực hiện ba mục tiêu: một lao động làm từ 1-2 ha gieo trồng, tiến tới đạt bình quân 3 tấn thóc và 3-4 con lợn/ha gieo trồng.*

- Chính sách giá phải gắn chặt với chính sách và kế hoạch Nhà nước thu mua nông sản và cung ứng tư liệu sản xuất cho nông nghiệp, hàng tiêu dùng cho nông dân, phục vụ các hợp tác xã và nông dân thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất, đồng thời bảo đảm cho Nhà nước nắm được đại bộ phận nông sản hàng hoá theo hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với hợp tác xã nông nghiệp và nông dân.

- Chính sách giá nhà nước thu mua nông sản và cung ứng vật tư, hàng hoá phải chiều cố thích đáng những vùng sản xuất có nhiều khó khăn và xa xôi, phục vụ tốt việc phân bố lại lao động và sản xuất ở các vùng, đồng thời khuyến khích thoả đáng những vùng sản xuất tập trung, có khối lượng nông sản hàng hoá lớn và phẩm chất cao.

- Chính sách giá phải gắn chặt với chính sách đầu tư, tín dụng, với các chính sách và biện pháp khác của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lại lao động, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, kết hợp tốt nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp với công nghiệp, từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tiếp theo việc điều chỉnh giá nông sản lần này, cần xúc tiến tích cực việc nghiên cứu xây dựng hệ thống giá hoàn chỉnh và tăng cường quản lý giá.

QUYẾT ĐỊNH CỤ THỂ VỀ ĐIỀU CHỈNH GIÁ

1. Giá mua lương thực

Hàng năm, Nhà nước ký hợp đồng hai chiều với hợp tác

xã nông nghiệp và nông dân thu mua 90% sản lượng lương thực hàng hoá theo kế hoạch. Số còn lại sẽ mua theo giá thường vượt kế hoạch; tùy theo mức bán vượt kế hoạch 5%, 10% và trên 10% mà khuyến khích với tỷ lệ lũy tiến 30%, 40% và 50% trên giá trong kế hoạch.

Giá thu mua lương thực có mức chênh lệch nhất định giữa các vùng, căn cứ vào điều kiện sản xuất (đất, nước, thời tiết, khí hậu) khác nhau giữa các vùng.

a) *Giá thu mua thóc tính theo tiền miền Bắc trong tình hình hiện nay ở các vùng như sau:*

Vùng 1 gồm các tỉnh: Minh Hải, Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang, Cửu Long, Đồng Tháp, Bến Tre, Tiền Giang và Long An; giá mua trong kế hoạch 0,32đ một kilôgam thóc. Trong vùng này, ở những nơi điều kiện sản xuất có khó khăn hơn, giá mua trong kế hoạch 0,35đ một kilôgam thóc.

Vùng 2 gồm các tỉnh: Thái Bình, Hải Hưng, Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình (trừ tỉnh Hoà Bình cũ), Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh; giá mua trong kế hoạch 0,40đ một kilôgam thóc. Ở những nơi bán sơn địa đất bạc màu, chua mặn, đồng chiêm trũng, chưa có công trình thuỷ lợi, giá mua trong kế hoạch 0,43đ một kilôgam thóc.

Vùng 3 gồm các tỉnh: Vĩnh Phú, Hà Bắc, Thanh Hoá; giá mua trong kế hoạch 0,46đ một kilôgam thóc. Ở những nơi có công trình thuỷ lợi, giá mua trong kế hoạch 0,43đ một kilôgam thóc.

Vùng 4 là vùng đất chạy dài ven biển của các tỉnh: Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Thuận Hải; giá mua trong kế hoạch 0,46đ một kilôgam thóc. Ở những nơi đất xấu, có khó khăn về thời tiết và

thuỷ lợi, giá mua trong kế hoạch là 0,50đ một kilôgam thóc.

Vùng 5 gồm các tỉnh: Cao Lạng, Quảng Ninh, Bắc Thái, Hà Tuyên, Hoàng Liên Sơn, Lai Châu, Sơn La, Gia Lai - Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, tỉnh Hoà Bình cũ và các vùng núi cao của các tỉnh khác ở miền Bắc và miền Nam; giá mua trong kế hoạch 0,55đ một kilôgam thóc. Ở những nơi có điều kiện thuận lợi, giá mua trong kế hoạch 0,50đ một kilôgam thóc.

Ở những nơi giáp ranh giữa các vùng, khi quy định giá phải xem xét sắp xếp cho hợp lý trên cơ sở các mức giá nói trên, để tránh chênh lệch không hợp lý và không nên chia ra quá nhiều khu vực nhỏ sinh ra nhiều phức tạp, gây ra lợi dụng buôn bán làm khó khăn cho việc quản lý thị trường.

Đối với một số hợp tác xã, qua nhiều năm, đã bán nhiều thóc ngoài nghĩa vụ và nay vẫn bán nhiều lương thực cho Nhà nước thì Nhà nước có chính sách chiếu cố trong vài năm đầu thực hiện giá mới, nhằm giữ cho thu nhập của các hợp tác xã đó không bị giảm.

b) *Giá thu mua màu* phải khuyến khích mạnh mẽ việc thâm canh, chuyên canh màu, chế biến màu và bán nhiều màu chế biến cho Nhà nước, đồng thời khuyến khích mạnh mẽ việc giao lưu giữa nơi sản xuất và nơi tiêu thụ, góp phần thay đổi cơ cấu lương thực và phát triển chăn nuôi.

Giá mua ngô, cao lương, khoai lang khô theo kế hoạch bình quân cao hơn từ 10 đến 20%; giá mua *sắn lát khô* theo kế hoạch bình quân cao hơn từ 20 đến 25% so với giá thóc bình quân trong kế hoạch ở vùng 2.

Kế hoạch thu mua màu nằm trong kế hoạch sản xuất và thu mua lương thực của Nhà nước; phần màu bán vượt kế

hoạch cũng được giá khuyến khích lũy tiến như đối với thóc.

2. Giá thu mua lợn thịt

Nhà nước giao kế hoạch chăn nuôi và bán sản phẩm cho Nhà nước theo hợp đồng hai chiều.

Đối với *cơ sở chăn nuôi quốc doanh* thì thực hiện chế độ giao nộp sản phẩm.

Đối với các *hợp tác xã nông nghiệp* thì giao kế hoạch bán 90% số lợn thịt chăn nuôi được theo kế hoạch.

Đối với *gia đình xã viên và nông dân* thì giao kế hoạch bán 50% số lợn thịt nuôi được theo kế hoạch.

Giá thu mua lợn phải khuyến khích nâng cao trọng lượng lợn xuất chuồng và khuyến khích chăn nuôi giống lợn có năng suất và chất lượng sản phẩm cao. Phần sản phẩm hàng hoá bán vượt kế hoạch đã giao thì được hưởng giá thưởng một đồng một kilôgam.

Giá thu mua một kilôgam lợn thịt ở các tỉnh miền Bắc tương đương giá từ 7 đến 7,5 kilôgam thóc theo giá thóc bình quân trong kế hoạch ở miền Bắc. Giá này áp dụng thống nhất cho lợn chăn nuôi gia đình, chăn nuôi tập thể và quốc doanh, và không kèm theo việc bán lương thực cho người chăn nuôi.

Ở các tỉnh miền Nam, trước mắt, vẫn tiếp tục áp dụng giá một kilôgam lợn thịt là 3 đồng như hiện nay.

3. Giá thu mua sản phẩm cây công nghiệp không điều chỉnh đồng loạt theo giá lương thực, mà chỉ điều chỉnh giá thu mua một số sản phẩm cần thiết: mía, chè, đỗ tương, lạc, đậu,...

Đi đôi với việc xem xét giá thu mua, cần chú trọng giải quyết tốt những yêu cầu sản xuất của từng cây và từng vùng,

bảo đảm cung ứng lương thực cho những vùng chuyên canh, cung ứng vật tư kỹ thuật, bảo đảm thuỷ lợi, phân bón... cho sản xuất.

4. Giá bán tư liệu sản xuất cho nông nghiệp theo nguyên tắc khuyến khích cách mạng kỹ thuật và thâm canh, Nhà nước không lấy lãi và nếu cần thì có thể chịu lỗ. Trước mắt, chỉ điều chỉnh giá một số ít mặt hàng, để giảm bớt chênh lệch quá đáng giữa các vùng trong nước.

Giữ giá bán phân hóa học các loại. Ở các tỉnh miền Nam, trên cơ sở giá bán hiện nay tại cấp I, Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Bộ Tài chính làm việc với các tỉnh, thành phố để căn cứ vào mức phí lưu thông bình quân mà quy định giá bán thống nhất cho các huyện, thị trấn, thị tứ.

Điều chỉnh giá bán các loại *thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ, diệt chuột ở miền Nam* cho thống nhất với hệ thống giá bán hiện nay ở miền Bắc.

5. Giá bán lẻ hàng tiêu dùng phải gắn với tiền lương của cán bộ, công nhân, viên chức và thu nhập của các tầng lớp nhân dân lao động khác, gắn với việc cung ứng hàng hoá. Phải ra sức ổn định giá để ổn định và từng bước cải thiện đời sống.

Trong thời gian tới, cần *thu hẹp một bước chênh lệch giá hàng tiêu dùng giữa các vùng*, điều chỉnh trong phạm vi thật cần thiết giá một số loại hàng tiêu dùng. Đối với những mặt hàng phẩm cấp cao hoặc có tính chất xa xỉ, cần xét nâng lên để điều tiết tiêu dùng và giảm khó khăn cho ngân sách.

Đối với gạo và thịt lợn bán theo định lượng cho những nhu cầu trong diện được Nhà nước bảo đảm cung cấp thì áp

dụng mức giá bán lẻ thống nhất trong cả nước là:

- Gạo: 0,40đ một kilôgam tiền miền Bắc.
- Thịt lợn xò: 2,50đ một kilôgam tiền miền Bắc.

VỀ TIỀN LƯƠNG

Chế độ tiền lương hiện nay có nhiều nhược điểm; cải tiến chế độ tiền lương là vấn đề lớn và là yêu cầu gấp nhưng cần phải nghiên cứu thêm. Bộ Lao động, Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá, Ủy ban Kế hoạch phối hợp với Công đoàn và các ngành có liên quan xúc tiến nghiên cứu cải tiến chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội và phúc lợi tập thể của công nhân, viên chức để Bộ Chính trị xét vào giữa năm 1978.

Trước mắt cần:

- *Thống nhất chế độ tiền lương trong cả nước; quản lý chặt chẽ lao động và tiền lương; mở rộng diện trả lương theo sản phẩm trên cơ sở định mức tiến bộ và kiểm tra chặt chẽ chất lượng sản phẩm.*

- *Tổ chức tốt việc cung ứng hàng tiêu dùng và các dịch vụ; ra sức khôi phục tiền lương thực tế cho cán bộ, công nhân, viên chức.* Trước hết, phải tập trung sức bảo đảm bữa ăn cho công nhân, viên chức, chú trọng những ngành và khâu lao động nặng nhọc, tiếp xúc với môi trường độc hại. Phải thực hiện dần việc tổ chức bữa ăn giữa ca cho công nhân, viên chức ở các cơ sở sản xuất, trước hết ở những xí nghiệp quan trọng, những công trường trọng điểm, những cơ sở sản xuất có điều kiện lao động nặng nhọc, có độc hại.

Các ngành thương nghiệp, lương thực, thực phẩm phải cùng với các Bộ Nông nghiệp, Hải sản, Giao thông vận tải,

các uỷ ban nhân dân địa phương tổ chức tốt việc thu mua, vận chuyển và phân phối lương thực, thực phẩm, chống tham ô, lạm dụng, cửa quyền, bảo đảm cung ứng lương thực, thực phẩm theo định lượng và có chất lượng tốt cho các hộ công nhân, viên chức.

TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIÁ

Việc thực hiện chính sách giá phải đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất, cải tiến quản lý kinh tế, cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất, tăng cường quản lý thị trường.

1. Bảo đảm quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị về giá

Cơ quan vật giá cùng với các cơ quan thông tin, tuyên truyền và các tổ chức đảng phải giải thích rộng rãi để cho nhân dân và cán bộ, đảng viên hiểu rõ: Nhà nước không ngừng tập trung sức đầu tư xây dựng thuỷ lợi, trang bị cơ giới, sản xuất phân bón và tạo ra nhiều cơ sở vật chất - kỹ thuật khác cho nông nghiệp. Giá Nhà nước thu mua nông, lâm, hải sản cân đối với giá Nhà nước bán tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng nhằm giải quyết thoả đáng mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng tạo điều kiện cho tái sản xuất mở rộng, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng. Chính sách giá không chỉ là quan hệ mua bán giữa Nhà nước với nhân dân, mà còn thể hiện việc Nhà nước cùng nhân dân chăm lo phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và xây dựng Tổ quốc ngày càng giàu đẹp.

Chi bộ cần tăng cường lãnh đạo đảng viên quán triệt quan điểm, chính sách giá của Đảng và Nhà nước, và tích cực chấp hành, làm gương mẫu cho quần chúng.

2. Tích cực chuẩn bị để công bố kịp thời việc điều chỉnh giá mua thóc, màu, thịt lợn để phát huy tác dụng đối với sản xuất và thu mua

Việc công bố giá mới phải tiến hành cùng một lúc với việc công bố chính sách lương thực, với việc giao kế hoạch sản xuất và bán lương thực cho Nhà nước, việc thực hiện hợp đồng kinh tế hai chiều giữa Nhà nước với hợp tác xã nông nghiệp và nông dân.

3. Tăng cường quản lý và kiểm tra giá

Chính sách giá phải được quản lý thống nhất và chặt chẽ, đi đôi với phân công, phân cấp hợp lý, sát với điều kiện của từng ngành, từng địa phương. Phải căn cứ vào tầm quan trọng, tính chất của từng loại sản phẩm, để định danh mục, loại giá nào do Chính phủ quy định, loại giá nào phân cấp cho ngành hoặc địa phương quy định dựa trên những nguyên tắc, chính sách, tiêu chuẩn của Trung ương.

Cần tăng cường kiểm tra, bảo đảm thực hiện chính sách giá chặt chẽ và có hiệu lực trong cả nước. Kiên quyết chấm dứt tình trạng tự ý nâng giá hoặc ép cấp, ép giá thu mua, nâng cấp và nâng giá bán tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng. Phải thi hành kỷ luật nghiêm khắc đối với những trường hợp không chấp hành đúng chính sách giá của Đảng và Nhà nước.

4. Trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc thực hiện chính sách giá

- *Các ngành quản lý và đơn vị sản xuất, kinh doanh* phải soát lại tình hình sản xuất, kinh doanh trong ngành, trong từng đơn vị, đẩy mạnh việc làm giá bán buôn xí nghiệp, gắn với thu quốc doanh và đề ra những biện pháp cụ thể, nhằm sớm trở lại và vượt năng suất lao động, hạ giá thành hơn mức trước chiến tranh.

- *Các ngành giao thông vận tải, lưu thông phân phối* cần chấn chỉnh tổ chức và phương thức kinh doanh, tổ chức vận chuyển hàng hoá; triển khai nhanh việc thực hiện hợp đồng kinh tế hai chiều; phấn đấu giảm chi phí và hao hụt, đưa vật tư, hàng hoá đến tận tay người tiêu dùng đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian và giá cả quy định, phân phối công bằng, hợp lý, không gây phiền hà cho dân.

- *Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Ngân hàng Nhà nước...* căn cứ vào giá mới, tính toán lại kế hoạch, cân đối lao động, vật tư, hàng hoá, tiền tệ một cách tích cực; phối hợp với các ngành có trách nhiệm soát lại và xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật tiến bộ, quản lý biên chế, tiền lương chặt chẽ; giúp các ngành sản xuất, kinh doanh tăng cường quản lý từ cơ sở và thực hiện chế độ hạch toán kinh tế.

- *Các cấp ủy đảng và ủy ban nhân dân địa phương* phải tăng cường quản lý kinh tế, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách giá, đồng thời phải kiểm tra các đơn vị trực thuộc các ngành trung ương hoạt động ở địa phương mình cũng như các ngành và đơn vị của địa phương trong việc chấp hành chính sách giá. Trong phạm vi được Trung ương phân cấp quản lý, địa phương phải phối hợp tốt với các ngành có trách nhiệm, bảo đảm việc quản lý giá của địa phương ăn khớp với

việc quản lý giá của các ngành trung ương.

- Các ban chấp hành các cấp của công đoàn, thanh niên, phụ nữ và nông dân cần tuyên truyền, giáo dục trong đoàn thể mình về chính sách giá; phát động phong trào quần chúng làm chủ tập thể, đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động và thực hành tiết kiệm, chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và Nhà nước, kiểm tra và thúc đẩy chính quyền các cấp và các ngành làm đúng chính sách, chống quan liêu, hách dịch, cửa quyền, ăn cắp của công, tăng cường quản lý, kiên quyết bài trừ nạn đầu cơ buôn lậu phá rối thị trường, gây khó khăn đến đời sống của nhân dân.

Nghị quyết của Bộ Chính trị xác định những quan điểm cần nắm vững trong khi xem xét vấn đề giá, giải quyết một bước việc xây dựng hệ thống giá thống nhất cả nước trong tình hình mới. Các ngành, các cấp phải thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết này, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, đưa việc quản lý kinh tế vào nền nếp và đặt cơ sở cho việc tiếp tục nghiên cứu cải tiến chính sách giá đi đôi với chính sách tiền lương và các chính sách kinh tế tài chính khác.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 07-NQ/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1978

Về việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại kính yêu của Đảng Cộng sản Việt Nam, của giai cấp công nhân, nhân dân và dân tộc Việt Nam, đồng thời là một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một trong những nhà hoạt động lỗi lạc nhất của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay.

Tư tưởng, đường lối và đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng cho nhân dân ta tiến lên hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Những tác phẩm của Người là tài sản vô cùng quý giá của Đảng ta và dân tộc ta.

Việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* để giới thiệu một

cách đầy đủ tư tưởng, đường lối, đạo đức và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chủ tịch cho nhân dân ta và nhân dân thế giới là một sự kiện có ý nghĩa to lớn trong đời sống chính trị và tinh thần của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Việc đó góp phần to lớn vào việc giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân ta về chính trị và tư tưởng, đồng thời là một sự đóng góp quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*, bao gồm toàn bộ những tác phẩm mà Người để lại cho chúng ta dưới những hình thức rất phong phú: từ những báo cáo, luận văn chính trị, lời kêu gọi, lời huấn thị, diễn văn, trả lời phỏng vấn, đến các hình thức về văn học, nghệ thuật, các thư từ, điện văn và các văn kiện của Đảng và của Nhà nước ta mà Người ký tên, đã được xuất bản và chưa xuất bản; kể cả các bút tích của Hồ Chủ tịch trên các sách, báo, tài liệu và văn hoá phẩm ở trong nước và ở nước ngoài.

2. Việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* phải thể hiện được những tư tưởng, đường lối, quan điểm cách mạng của Hồ Chủ tịch, công lao, sự nghiệp vĩ đại và đạo đức cách mạng cao cả của Người; phản ánh được vai trò của Người là một nhà lý luận và một nhà chiến lược cách mạng thiên tài.

Tác phẩm vĩ đại đó phải bảo đảm tính đảng, tính khoa học một cách nghiêm túc.

3. Thành lập Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản

Hồ Chí Minh toàn tập do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch. Hội đồng này bao gồm đại biểu các cơ quan sau đây:

Nhà xuất bản Sự thật,

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương,

Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh,

Ban Tuyên huấn Trung ương,

Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương,

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc,

Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam,

Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam,

Bộ Văn hoá - Thông tin Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Từ nay đến hết kế hoạch 5 năm lần thứ hai phải hoàn thành một phần lớn công việc xây dựng *Hồ Chí Minh toàn tập* để bước sang kế hoạch 5 năm lần thứ ba có thể bắt đầu xuất bản những tập đầu.

5. Nhà xuất bản Sự thật, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương cùng với Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ xây dựng bản thảo *Hồ Chí Minh toàn tập*. Nhà xuất bản Sự thật chịu trách nhiệm tổ chức việc biên tập và xuất bản bộ sách quan trọng này.

Xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* là một công tác có ý nghĩa chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Các cấp, các ngành ở trung ương và các địa phương, ở trong nước và ngoài nước, nhất là các cơ quan tuyên huấn, thông tin, các viện bảo tàng, các bộ phận lưu trữ, các thư viện, các cơ quan nghiên cứu lý luận, chính trị..., đều có trách nhiệm cùng nhau phối hợp công tác và tổ chức thực hiện tốt

Nghị quyết này.

6. Cần xuất bản sớm bộ *Hồ Chí Minh tuyển tập* mới bao gồm những bài và tác phẩm quan trọng của Hồ Chủ tịch, để cung cấp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nghiên cứu, học tập. Tuyển tập này sẽ thay thế tuyển tập xuất bản năm 1960.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 32-CT/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1978

Về nhiệm vụ của Tạp chí *Cộng sản*

Tạp chí *Cộng sản* là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng. Nhiệm vụ của Tạp chí *Cộng sản* là đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để tuyên truyền đường lối, chính sách và các quan điểm của Đảng một cách sâu sắc. Tạp chí *Cộng sản* phải vận dụng lý luận Mác - Lênin phân tích những chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ và đảng viên về tư tưởng chính sách và quan điểm của Đảng, phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong khi thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Trong khi tuyên truyền, giáo dục sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, Tạp chí *Cộng sản* đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng và quan điểm phản động của các giai cấp bóc lột. Tạp chí phải giáo

dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng thực dân mới. Tạp chí phải đi hàng đầu trong việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ đường lối cách mạng và các quan điểm của Đảng, đồng thời làm nổi bật việc Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tạp chí *Cộng sản* đóng vai trò quan trọng trong công tác tư tưởng và lý luận của Đảng. Trong giai đoạn mới, tạp chí phải góp phần bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, tích cực góp phần xây dựng lý luận cách mạng Việt Nam, tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng và trong nhân dân trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối đúng đắn của Đảng.

Trước mắt, Tạp chí *Cộng sản* phải căn cứ vào chức năng của mình mà tuyên truyền sâu sắc Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Quốc hội và Hội đồng Chính phủ. Cụ thể, tạp chí phải tiến hành công tác biên tập theo phương hướng sau đây:

1. Kết hợp lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để giải thích đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta.

2. Căn cứ vào chủ nghĩa Mác - Lênin và Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng mà trình bày có hệ thống và hướng

dẫn những công tác lớn của Đảng như: xây dựng đảng, quản lý nhà nước, vận động quần chúng, kinh tế tài chính, văn hoá giáo dục, khoa học - kỹ thuật, văn học - nghệ thuật, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự, an ninh, v.v..

3. Nêu bật một cách sâu sắc và có tính tổng kết những kinh nghiệm tốt, những sáng kiến mới, phê phán những khuynh hướng và biểu hiện tư tưởng sai lầm trong phong trào quần chúng nhân dân đang phấn đấu để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước.

4. Góp phần tổng kết những kinh nghiệm của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, và của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở Việt Nam, đi đến những kết luận có tính chất lý luận.

5. Tuyên truyền các chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, quan điểm của Đảng về các vấn đề quốc tế quan trọng. Giới thiệu có chọn lọc những kinh nghiệm chủ yếu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, và của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Thông qua bình luận thời sự mà phê phán chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, bóc trần những âm mưu đen tối của bọn đế quốc và tay sai.

6. Dùng những hình thức trình bày trực diện vấn đề mà bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chống chủ nghĩa xét lại hiện đại dưới nhiều màu sắc và những khuynh hướng sai lầm nguy hiểm khác, như chủ nghĩa dân tộc tư sản, tệ sùng bái cá nhân, v.v..

Nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Tạp chí *Cộng sản* phải nâng cao chất lượng, nâng cao tính chiến đấu, tính thiết thực, đồng thời phải bảo đảm nâng cao tính tư

tưởng và tính lý luận của công tác tuyên truyền.

Ban biên tập Tạp chí *Cộng sản* là một ban của Trung ương Đảng đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị. Cán bộ lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành có nhiệm vụ viết bài cho Tạp chí *Cộng sản*. Ban biên tập Tạp chí *Cộng sản* phải phối hợp với Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương và tổ chức cộng tác viên để nghiên cứu các vấn đề lý luận và viết thành bài đăng trên tạp chí.

Tạp chí *Cộng sản* cần được phát hành đến tận các chi bộ của Đảng. Cán bộ và đảng viên của Đảng có nhiệm vụ đọc và vận động nhiều người đọc Tạp chí *Cộng sản*, phổ biến rộng rãi đường lối cách mạng và những quan điểm của Đảng được thể hiện trên tạp chí.

Các cấp uỷ đảng cần hướng dẫn việc đọc Tạp chí *Cộng sản*, thông qua đó mà đẩy mạnh phong trào học tập lý luận và chính trị trong Đảng và trong nhân dân.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 33-CT/TW, ngày 24 tháng 1 năm 1978

Về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

Để thi hành tốt Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương về việc xây dựng huyện, Bộ Chính trị ra chỉ thị về một số vấn đề cụ thể như sau:

I- VỊ TRÍ CỦA HUYỆN VÀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC CẤP HUYỆN

Huyện là địa bàn quan trọng để tổ chức lại sản xuất, là nơi trực tiếp với cơ sở, có điều kiện phối hợp mọi lực lượng trong huyện, tạo thành sức mạnh tổng hợp để thực hiện đường lối cách mạng của Đảng, đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện ba cuộc cách mạng và phấn đấu cho "hai mục tiêu vừa cơ bản, vừa cấp bách: xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời

sống vật chất và văn hoá của nhân dân".

Kinh tế huyện gồm nhiều đơn vị cơ sở sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, lưu thông, phân phối..., thuộc những thành phần kinh tế và ngành kinh tế khác nhau nhưng gắn bó với nhau và cùng phát triển trên địa bàn huyện, *hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp huyện*, một bộ phận của nền kinh tế quốc dân thống nhất, nằm trong cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp của một tỉnh.

Vì vậy, cấp huyện không thể chỉ là một cấp hành chính mà còn là một cấp quản lý kinh tế với *chức năng, nhiệm vụ* như sau:

- Cấp huyện là một cấp quản lý các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng trong huyện, là cấp quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách. Cấp huyện quản lý về mặt hành chính nhà nước và về mặt sản xuất, kinh doanh, lưu thông, phân phối, về mặt hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế và tổ chức chăm sóc đời sống nhân dân trong huyện.

- Cấp huyện là trung tâm chỉ đạo tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp huyện, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, kết hợp cải tạo với xây dựng, nhằm tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động trên địa bàn huyện, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp thích hợp với điều kiện trong huyện và phù hợp với quy hoạch của tỉnh và của cả nước.

- Cấp huyện vừa giáo dục cho nhân dân làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, vừa trực tiếp tổ chức ngày càng tốt hơn đời

sống vật chất và văn hoá của nhân dân trong huyện, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, củng cố quốc phòng, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa trong huyện.

- Cấp huyện là một cấp của bộ máy quản lý nhà nước đặt dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của cấp tỉnh và được giao quyền trực tiếp chỉ đạo và quản lý cấp xã, các hợp tác xã, các đơn vị xí nghiệp và các cơ quan nhà nước phân cấp quản lý cho huyện. Bộ máy chuyên môn của các ngành ở cấp huyện là một bộ phận của hệ thống quản lý các ngành trong phạm vi cả nước.

II- TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT, TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

A- TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT

1. Lập quy hoạch

Việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện phải phù hợp với quy hoạch chung của trung ương và của tỉnh. Trên cơ sở quy mô và địa giới của huyện, xuất phát từ lao động và tài nguyên (chủ yếu là đất, rừng, biển, sông ngòi...) trong huyện và dựa theo phương án phân vùng kinh tế của trung ương và của tỉnh mà đề ra dự án xây dựng cơ cấu kinh tế huyện để có căn cứ tổ chức lại sản xuất, tổ chức kinh tế và đời sống trên địa bàn huyện. Trong quy hoạch kinh tế và văn hoá của huyện, nắm trọng tâm là kinh tế, mà nòng cốt là nông - công nghiệp (hoặc nông - lâm - công nghiệp, hoặc nông - ngư - công nghiệp). Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ các ngành, các cấp làm ngay và làm tốt

công tác quy hoạch huyện.

Quy mô của huyện theo tiêu chuẩn đã ghi trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương. Việc thay đổi quy mô và điều chỉnh địa giới đối với những huyện quá to hoặc quá nhỏ phải được cân nhắc kỹ, chuẩn bị chu đáo, bảo đảm hiệu quả chắc chắn về các mặt phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; giữ vững trật tự trị an và củng cố quốc phòng, bảo đảm đoàn kết, phấn khởi trong cán bộ và nhân dân. Phải đề phòng và khắc phục tư tưởng nôn nóng trong việc điều chỉnh địa giới huyện, gây ra tình trạng không ổn định và xáo trộn địa giới các huyện, ảnh hưởng không tốt đến việc quản lý sản xuất, quản lý đời sống và quản lý xã hội. Cần nhận rõ rằng: công tác trọng tâm lúc này của việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là kiện toàn đội ngũ cán bộ huyện, xây dựng quy hoạch, kế hoạch và ngân sách huyện để phục vụ việc tổ chức lại sản xuất và tăng cường quản lý, chứ không phải là việc sáp nhập huyện.

2. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá và xây dựng ngân sách

Kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá của huyện là kế hoạch toàn diện, bao gồm các mặt sản xuất, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, cung ứng vật tư, thu mua, phân phối, phục vụ đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân trong huyện. *Vấn đề phân bố và tận dụng lao động, tận dụng đất đai trong huyện phải là nội dung chính của kế hoạch.* Phải gắn kế hoạch của các hợp tác xã với việc hướng dẫn kinh tế phụ của gia đình xã viên, và với kế hoạch của các xí nghiệp quốc doanh trên địa bàn huyện. Sau khi hội

đồng nhân dân huyện quyết định và được uỷ ban nhân dân tỉnh duyệt những chỉ tiêu kế hoạch, uỷ ban nhân dân huyện phải chỉ đạo các cơ sở, các đơn vị trực thuộc huyện thực hiện kế hoạch.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải chỉ đạo Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước sơ kết việc xây dựng kế hoạch ở các huyện điểm để đến giữa năm 1978 có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải sớm ban hành chế độ phân cấp quản lý tài chính và quy định cụ thể về các nguồn thu, các khoản chi của cấp huyện, chế độ điều tiết cho ngân sách huyện để kịp thi hành trong năm 1978, làm cho cấp huyện thực sự trở thành cấp có ngân sách, đáp ứng yêu cầu tổ chức lại sản xuất và tổ chức đời sống trên địa bàn huyện.

Cấp huyện phải biết quản lý tài chính để nắm chắc, động viên và sử dụng có hiệu quả các nguồn lao động, tài nguyên, vật tư và vốn bằng tiền trong địa phương; kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn, các quỹ của các đơn vị kinh tế và hành chính trong huyện theo đúng chính sách và chế độ của Nhà nước, phù hợp với lợi ích và quyền làm chủ tập thể của nhân dân, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Ngân hàng phải có kế hoạch phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá của huyện, thực sự phục vụ sản xuất và đời sống trong huyện; đặc biệt phải mở rộng tín dụng dài hạn đầu tư xây dựng cơ bản trong huyện, và thông qua sự giám đốc bằng đồng tiền mà nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.

3. Tổ chức sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

Từ quy hoạch kinh tế và kế hoạch sản xuất của huyện mà tổ chức hệ thống các đơn vị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, sử dụng tốt cơ sở vật chất - kỹ thuật đã có, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật mới. Bố trí vùng chuyên canh, chuyên môn hoá sản xuất, đi đôi với tổ chức hiệp tác, liên hiệp sản xuất và liên doanh giữa các hợp tác xã, giữa hợp tác xã với các cơ sở quốc doanh.

Phân công và sử dụng tốt lực lượng lao động trong từng hợp tác xã, từng xí nghiệp quốc doanh, từng công trường trên địa bàn huyện; bố trí hợp lý sức lao động, phát triển cân đối trồng trọt và chăn nuôi, trồng rừng và bảo vệ rừng, khai thác lâm sản, thuỷ sản, làm thuỷ lợi, giao thông, xây dựng, phát triển các ngành nghề theo hướng tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Phân bố và sử dụng tốt lực lượng lao động, đất đai và các tài nguyên thiên nhiên khác trên địa bàn huyện; kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp và lâm nghiệp ở trung du, miền núi; kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp và ngư nghiệp ở các huyện ven biển, các huyện có mặt nước lớn. Mở mang khu vực kinh tế quốc doanh do huyện trực tiếp quản lý; tổ chức các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vận tải... Các huyện đông dân nhưng ít đất nông nghiệp và lâm nghiệp thì phải tích cực tổ chức việc điều động lao động đi xây dựng những vùng kinh tế mới.

Xây dựng các cơ sở vật chất - kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Xây dựng các trạm máy nông nghiệp, sửa chữa cơ khí, các trại giống cây trồng, giống con chăn nuôi, trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y, các trạm kỹ thuật cần thiết cho sản xuất của huyện theo quy hoạch chung của tỉnh. Những cơ sở

này nói chung thuộc hệ thống kinh doanh của huyện. Đối với những cơ sở có tính chất liên huyện và do cơ quan tỉnh hoặc trung ương quản lý kinh doanh, thì cấp huyện có quyền và có trách nhiệm tham gia lập kế hoạch, đôn đốc thực hiện kế hoạch và kiểm tra các đơn vị này thực hiện kế hoạch, hợp đồng, thi hành luật pháp và chính sách.

Các bộ và cấp tỉnh phải chăm lo củng cố đơn vị sản xuất cơ sở, chấn chỉnh quản lý, tăng cường cán bộ cho huyện, tạo điều kiện để sớm giao cho cấp huyện trực tiếp quản lý những nông trường, lâm trường, những cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội nằm gọn trong huyện. Trong khi chưa giao được cho cấp huyện, thì kế hoạch của các đơn vị này cũng phải được tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá của huyện.

4. Phát triển thuỷ lợi

Phải căn cứ vào kết quả khảo sát đất đai, thổ nhưỡng, thuỷ thế, v.v. và quy hoạch chung của từng khu vực kinh tế mà kết hợp các công trình lớn do trung ương hoặc cấp tỉnh xây dựng với các công trình nhỏ và vừa do cấp huyện xây dựng.

Cấp huyện trực tiếp quản lý các công trình thuỷ lợi nằm gọn trên địa bàn huyện và tham gia hội đồng quản lý hệ thống thuỷ lợi dùng chung cho nhiều huyện, bảo đảm kế hoạch tưới, tiêu ăn khớp với kế hoạch sản xuất chung. Mỗi huyện tổ chức trên địa bàn của huyện mình lực lượng làm thuỷ lợi tập trung do cấp huyện trực tiếp quản lý theo chế độ và chính sách lao động của Chính phủ.

5. Phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp

Công nghiệp huyện cung ứng tư liệu sản xuất và sửa

chữa cơ khí cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Loại xí nghiệp do huyện trực tiếp xây dựng và quản lý để cung ứng một phần tư liệu sản xuất cho nông, lâm, ngư nghiệp, đại thể gồm: nhà máy cơ khí (sửa chữa nhỏ và vừa), những cơ sở sản xuất công cụ thường và công cụ cải tiến, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng... Việc sửa chữa lớn các loại máy kéo, ô tô, v.v. do xí nghiệp của tỉnh hoặc trung ương đặt tại các khu vực đảm nhận.

Công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản do cấp huyện xây dựng và trực tiếp quản lý, đại thể gồm: các cơ sở xay xát gạo, chế biến hoa màu, một phần các loại nông sản khác và lâm sản, thủy sản, chế biến thức ăn cho chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ. Những nông sản, lâm sản, thủy sản sản xuất theo vùng chuyên canh lớn như: cao su, bông, mía, chè, thuốc lá, tôm, cá..., nói chung đều qua tổ chức sản xuất theo ngành dọc hoặc qua thu mua mà tập trung và chế biến tại các xí nghiệp lớn trực thuộc trung ương hoặc cấp tỉnh.

Về việc sản xuất hàng tiêu dùng khác, ngoài những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu là sản phẩm của các xí nghiệp lớn thuộc trung ương hoặc cấp tỉnh được đưa về phân phối tại huyện, mỗi huyện phải phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, sản xuất những loại hàng tiêu dùng mà địa phương có truyền thống sản xuất tốt và có điều kiện về nguyên liệu, để cung ứng cho nhu cầu của địa phương và tham gia vào kế hoạch xuất khẩu của Nhà nước.

6. Giao thông vận tải

Lực lượng vận tải quốc doanh trực thuộc cấp huyện cùng với các hợp tác xã vận tải và lực lượng vận tải của các hợp tác

xã sản xuất nông nghiệp hợp thành đội ngũ vận tải của huyện để phục vụ sản xuất, lưu thông và việc đi lại của nhân dân. Xây dựng trong từng huyện mạng lưới đường giao thông bộ và thủy gắn liền với hệ thống giao thông chung của tỉnh và của cả nước.

7. Xây dựng

Huyện có lực lượng chuyên làm công tác xây dựng trực thuộc cấp huyện. Lực lượng xây dựng quốc doanh này kết hợp với lực lượng của các hợp tác xã xây dựng và các đội xây dựng của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp lập thành đội ngũ xây dựng trong huyện, đảm nhiệm việc sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi, v.v.) để đáp ứng nhanh nhu cầu xây dựng phục vụ sản xuất và những công trình phúc lợi công cộng rất cấp thiết trong huyện. Đội ngũ này hoạt động trên những công trường xây dựng của huyện, song cũng có thể từng thời gian tập trung giúp xây dựng cho từng hợp tác xã, và khi cần thiết, có thể tham gia xây dựng các công trình của tỉnh hoặc trung ương.

B- TỔ CHỨC LƯU THÔNG, PHÂN PHỐI

1. Cung ứng vật tư

Thường vụ Hội đồng Chính phủ sẽ giao cho uỷ ban nhân dân huyện quản lý thống nhất các vật tư kỹ thuật trong huyện.

Mỗi huyện tổ chức một *cơ quan đại lý cung ứng các loại vật tư - kỹ thuật* cho nông nghiệp, công nghiệp và cho các hoạt động kinh tế khác trong huyện. Cơ quan này là một đơn vị kinh tế có tư cách pháp nhân, kinh doanh theo chế độ hạch

toán kinh tế, làm đại lý cho các công ty vật tư của ngành nông nghiệp, ngành xây dựng, ngành lâm nghiệp, ngành điện và than, ngành vật tư, và vật liệu kiến thiết của ngành thương nghiệp. Cơ quan đại lý cung ứng vật tư huyện có những cửa hàng đặt tại những địa điểm thích hợp trong huyện để phục vụ các đơn vị kinh tế cơ sở một cách thuận tiện nhất. Cơ quan ấy trực thuộc uỷ ban nhân dân huyện về quản lý hành chính - kinh tế và quản lý kinh doanh; mặt khác, chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành về kỹ thuật và nghiệp vụ.

Qua công tác thực tế, Chính phủ sẽ quy định cụ thể về tổ chức và quy chế hoạt động của loại cơ quan kinh doanh tổng hợp trên đây.

2. Thu mua nông sản, lâm sản, hải sản

Nhà nước thống nhất quản lý lương thực trong phạm vi cả nước. Hệ thống thu mua và phân phối lương thực vẫn giữ như hiện nay. Cơ quan lương thực ở huyện làm chức năng quản lý hành chính - kinh tế, quản lý lưu thông và phân phối lương thực, chịu sự chỉ đạo của ngành dọc về hành chính và nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời chịu sự chỉ đạo về kế hoạch và tổ chức thực hiện của chính quyền huyện.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ sẽ quy định mức lương thực (tỷ lệ %) mà cấp huyện được trích làm quỹ lương thực của huyện để sử dụng vào việc xây dựng kinh tế huyện, nếu huyện đạt hoặc vượt mức thu mua mà kế hoạch nhà nước đã giao.

Thành lập *cơ quan đại lý thu mua của huyện*, một đơn vị kinh tế có tư cách pháp nhân, kinh doanh theo chế độ

hạch toán kinh tế, do cấp huyện quản lý, thu mua tất cả các nông sản, trừ lương thực, có những trạm thu mua và tổ chức việc thu mua cho thuận tiện đối với các đơn vị sản xuất trong huyện.

Về những nông sản, lâm sản sản xuất theo vùng chuyên canh lớn, hoặc có tổ chức sản xuất và chế biến theo ngành, thì công ty, xí nghiệp tiêu thụ trực tiếp mua của đơn vị sản xuất theo kế hoạch và thông qua hợp đồng, không qua công ty đại lý thu mua của huyện.

Các xí nghiệp đặt tại địa bàn huyện hoặc ngoài địa giới huyện có nhiệm vụ chế biến nông sản trong huyện, được nhận nông sản nguyên liệu thẳng từ các đơn vị sản xuất theo kế hoạch và thông qua hợp đồng, không qua công ty đại lý thu mua của huyện.

Cơ quan đại lý thu mua của huyện liên hệ với các công ty hoặc cơ quan được giao thu mua từng loại nông sản ở huyện theo kế hoạch nhà nước và hợp đồng kinh tế.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ sẽ có quy định thêm về việc thu mua hải sản và những sản phẩm hàng hoá khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cấp huyện làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao và thông qua cấp huyện, thực hiện việc thống nhất tổ chức thu mua và hợp đồng kinh tế hai chiều.

3. Bán lẻ hàng tiêu dùng

Bộ Nội thương phải củng cố mạng lưới cửa hàng và tăng cường cán bộ cho thương nghiệp huyện. Uỷ ban nhân dân huyện, thông qua cơ quan thương nghiệp huyện, tổ chức và chỉ đạo các hợp tác xã mua bán hoặc các cửa hàng mua bán của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch của công ty bán lẻ của ngành nội thương đặt

tại huyện; kiểm tra, đôn đốc công ty này thực hiện đúng kế hoạch nhà nước và thi hành đầy đủ các chính sách, chế độ về thương nghiệp.

Cấp huyện phải tăng cường quản lý thị trường, giá cả, thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị¹⁾, đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực trong quản lý sản xuất, kinh doanh và trong đời sống xã hội.

C- TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ VĂN HOÁ, BẢO ĐẢM AN NINH

Huyện là địa bàn xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch về tổ chức đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Để bảo đảm thực hiện chức năng đó, cấp huyện cần làm tốt các công tác chủ yếu đối với đời sống nhân dân trong huyện.

Cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp trong việc bảo đảm kế hoạch sản xuất và cung ứng lương thực cho nhân dân trong huyện; trong trường hợp huyện làm chưa đủ thì cấp tỉnh có trách nhiệm điều hoà và cân đối lương thực trong tỉnh. Đồng thời tỉnh và huyện phải rất cố gắng làm tròn nghĩa vụ đóng góp đối với cả nước.

Chăm lo các mặt ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, bảo vệ sức khoẻ, nghỉ ngơi, giải trí cho toàn thể nhân dân trong huyện; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và yêu cầu các cơ quan kinh doanh trực thuộc trung ương hoặc tỉnh đặt tại huyện phục vụ đời sống của nhân dân trong huyện, xây dựng và thực hiện kế hoạch cung ứng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và dịch vụ cho đời sống vật

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.35, tr.1 (B.T).

chất và văn hoá của nhân dân trong huyện.

Chỉ đạo việc quy hoạch và xây dựng các điểm dân cư, các công trình phúc lợi công cộng và nhà ở của nhân dân trong huyện; tổ chức mạng lưới giao thông vận tải của huyện.

Xây dựng và chỉ đạo mạng lưới phòng bệnh và chữa bệnh; phát động và duy trì thường xuyên phong trào vệ sinh phòng bệnh; tích cực vận động sinh đẻ có kế hoạch ở nông thôn.

Xây dựng và chỉ đạo mạng lưới các nhà trẻ, các trường mẫu giáo, trường phổ thông trong huyện.

Xây dựng và chỉ đạo các cơ sở hoạt động văn hoá, nghệ thuật (thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hoá, nhà hát, rạp chiếu bóng, nhà truyền thống, đài kỷ niệm, v.v.); chỉ đạo phong trào văn hoá quần chúng, phong trào thể dục, thể thao trong huyện.

Cấp huyện phải chỉ đạo bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống mới, theo đúng chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt phải bảo đảm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong huyện đi đôi với xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Cấp huyện phải chăm lo bảo đảm an ninh chính trị và an toàn xã hội, làm cho đời sống của nhân dân trong huyện được yên vui, hạnh phúc; đồng thời, chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và dân quân tự vệ theo kế hoạch của Bộ Quốc phòng.

III- TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC CẤP HUYỆN

Phải tăng cường tổ chức cấp huyện theo các nguyên tắc:

- Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể,

Nhà nước quản lý;

- Tập trung dân chủ;
- Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

1. Tăng cường chính quyền nhà nước cấp huyện

Xác định mối quan hệ về chức trách giữa các cấp tỉnh, huyện và xã.

Huyện là cấp chính quyền trực thuộc cấp tỉnh và ở trên cấp xã, có quyền hạn về quản lý kinh tế, văn hoá, và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của cấp tỉnh. Huyện chỉ đạo và quản lý các hợp tác xã và chỉ đạo cấp xã về mọi mặt công tác. Trong công việc quản lý kinh tế, quản lý đời sống ở nông thôn, cấp xã vẫn phụ trách nhiều việc quan trọng: thu thuế, thu nợ cho Nhà nước; đôn đốc, kiểm tra các công dân cũng như các đơn vị tập thể ở trong xã làm nghĩa vụ và thi hành pháp luật, chế độ về hoạt động kinh tế, tổ chức đời sống của nhân dân trong xã, v.v.. Đối với cấp xã ở miền Nam, phải có quy định cụ thể riêng, vì trong khi chưa tổ chức hợp tác xã, chính quyền xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn các tổ chức sản xuất và lao động tập thể, các hợp tác xã, các hộ nông dân cá thể sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch và chính sách của Nhà nước, xây dựng và quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật, tổ chức cung ứng vật tư và thu mua nông sản, huy động lao động đi làm nghĩa vụ, v.v..

Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần có quyết định điều chỉnh một số điểm về nhiệm vụ giữa cấp tỉnh và cấp huyện, giữa cấp huyện và cấp xã; quy định cụ thể chế độ, lệ lối làm

việc và mối quan hệ giữa các cấp này với nhau.

Tăng cường tổ chức bộ máy của chính quyền nhà nước cấp huyện.

Coi trọng việc bầu cử hội đồng nhân dân huyện bao gồm những người có năng lực, có uy tín trong nhân dân. Tăng cường uỷ ban nhân dân huyện, đưa những cán bộ có năng lực lãnh đạo kinh tế và văn hoá phụ trách các ngành quan trọng của huyện.

Tăng cường các cơ quan chuyên môn quản lý hành chính - kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế. Trước mắt, tăng cường các cơ quan quản lý nông nghiệp (hoặc nông - lâm nghiệp), thuỷ lợi, công nghiệp, thủ công nghiệp, kế hoạch, thống kê, tài chính, cung ứng vật tư, thương nghiệp.

Tuỳ theo yêu cầu phát triển của sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trên địa bàn huyện mà tăng cường các đơn vị sản xuất, kinh doanh và thực hiện quản lý theo chế độ hạch toán kinh tế.

Tuỳ theo điều kiện địa lý, ruộng đất, thuỷ lợi, giao thông, v.v. trong huyện mà bố trí những cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết, những cơ sở lưu thông, phân phối, cơ sở văn hoá, xã hội, các khu dân cư... theo những *vùng nhỏ* (có nơi gọi là cụm) bao gồm một số xã và hợp tác xã, thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống và cho việc điều hành công việc trong huyện.

Chú trọng xây dựng chức trách rõ ràng của từng tổ chức và cá nhân, bố trí số lượng cán bộ hợp lý và chặt chẽ.

Do cơ cấu kinh tế khác nhau của các huyện, Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần phân loại huyện và có quy định cụ

thể về tổ chức bộ máy cho từng loại huyện để làm khuôn mẫu trong việc tổ chức bộ máy nhà nước ở cấp huyện. Khi thi hành, phải làm vững chắc, có sự hướng dẫn chu đáo, chống khuynh hướng hình thức bày ra một bộ máy công kênh, quan liêu.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và củng cố các đoàn thể quần chúng

Huyện uỷ phải nâng cao năng lực lãnh đạo chính trị, thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng, nắm vững tình hình cơ bản mọi mặt của địa phương, quyết định đúng phương hướng, chủ trương và quy hoạch, kế hoạch xây dựng huyện. Nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng, an ninh, thúc đẩy ba cuộc cách mạng trong huyện tiến lên đồng đều.

Huyện uỷ phải phát huy vai trò và chức năng của chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong việc khai thác và phát huy mọi tiềm lực của huyện.

Huyện uỷ phải nâng cao năng lực lãnh đạo tổ chức, phát huy mạnh mẽ hiệu lực của bộ máy chính quyền, tổ chức, điều hành các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện. Ra sức xây dựng các tổ chức cơ sở, nhanh chóng đưa các cơ sở tiến lên đồng đều. Các tổ chức cơ sở đảng ở miền Bắc phải lãnh đạo thắng lợi cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý ở cơ sở. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở ở nông thôn miền Nam phải lãnh đạo nông dân phát triển sản xuất, làm tốt nghĩa vụ bán sản phẩm cho Nhà nước, đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp và tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự, an ninh ở xã, ấp.

Củng cố các đoàn thể quần chúng và phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân; tổ chức các phong trào cách mạng của quần chúng trong lao động sản xuất, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, ở từng giới, từng tầng lớp và từng lứa tuổi, trong việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực (tham ô, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, hối lộ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân) trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý sản xuất, kinh doanh và tổ chức đời sống.

Tăng cường cán bộ cho huyện một cách đồng bộ. Trước hết, kiện toàn huyện uỷ, uỷ ban nhân dân huyện và các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của huyện. Đồng thời, kiện toàn cán bộ cho các ngành, các đơn vị cơ sở; bố trí cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kiến thức và năng lực đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ. Kiên quyết rút bớt một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có năng lực, có sức khoẻ từ các cơ quan ở trung ương và tỉnh đưa về tăng cường cho các huyện. Làm tốt việc điều động, bồi dưỡng và sử dụng một phần lực lượng cán bộ quân đội chuyển sang tăng cường cho các huyện.

Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Chính phủ, các bộ và các tỉnh cần sắp xếp và kiện toàn các trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và kỹ thuật, nghiệp vụ, cán bộ pháp lý cho cấp huyện, cho xã và hợp tác xã; giúp các huyện mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ xã, hợp tác xã, đội sản xuất.

Xúc tiến xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý của huyện đến 1985, để từng bước tiến tới kiện toàn một cách cơ bản đội ngũ cán bộ đủ sức đáp ứng những

nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý ngày càng lớn của cấp huyện.

Sửa đổi và bổ sung một số chính sách, chế độ nhằm khuyến khích cán bộ về công tác ở huyện, hợp tác xã, ở các vùng kinh tế mới, ở miền núi và ở các địa phương miền Nam.

IV- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Xây dựng huyện và cấp huyện phải đặt trong hệ thống tổ chức chính quyền hiện nay gồm bốn cấp (trung ương, tỉnh hoặc thành, huyện và xã), làm cho bốn cấp đó gắn bó và thông suốt từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Đó là một công việc rộng lớn, phức tạp, phải làm kiên trì, liên tục và đồng bộ trong nhiều năm, qua những bước đi thích hợp và vững chắc. Đề phòng những khuynh hướng sai lệch: chủ quan, nôn nóng, bảo thủ, xem nhẹ việc củng cố đơn vị sản xuất cơ sở, rập khuôn các huyện như nhau, không thấy đặc điểm từng miền, từng vùng, "khép kín" cục bộ trong từng huyện. Các huyện điểm phải xây dựng và tăng cường theo kế hoạch cụ thể của Thường vụ Hội đồng Chính phủ, còn các huyện khác thì tiến hành từng bước theo kế hoạch chung của tỉnh, thành, có sự hướng dẫn của trung ương.

2. Cấp tỉnh chỉ đạo trực tiếp xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, trước hết là phải dựa vào sự phân vùng và quy hoạch chung của trung ương và của tỉnh mà giúp huyện quy hoạch và duyệt quy hoạch của huyện; cùng với các ngành bố trí mạng lưới cơ sở vật chất - kỹ thuật và các cơ sở kinh doanh phục vụ nông nghiệp huyện; giải quyết cụ thể việc phân cấp quản lý để có thể quản lý và sử dụng các cơ sở đó phục vụ tốt sản xuất và đời sống; tăng

cường cán bộ, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho huyện, cho các đơn vị cơ sở và tổ chức quản lý tốt đội ngũ cán bộ đó. Phải đặc biệt chú trọng xây dựng và tăng cường về mọi mặt các huyện điểm và các huyện có vị trí quan trọng về kinh tế và quốc phòng.

3. Các cơ quan trung ương (bộ, tổng cục...) theo chức trách của mình, phải nhanh chóng xác định những vấn đề về tổ chức sản xuất, chính sách và chế độ quản lý, về tổ chức bộ máy của ngành; phân cấp quản lý rành mạch cho cấp tỉnh và chỉ đạo cấp tỉnh phân cấp quản lý cho huyện theo đúng nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ.

4. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ chỉ đạo các ngành, các địa phương hợp tác chặt chẽ với nhau, trước hết là *tập trung chỉ đạo việc xây dựng các huyện điểm của trung ương để rút ra những kết luận đúng và những kinh nghiệm tốt*. Hội đồng Chính phủ ban hành bản quy định về cấp huyện về mặt nhà nước.

Các ban của Đảng phải giúp Ban Bí thư thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, sơ kết và tổng kết kinh nghiệm xây dựng và tăng cường cấp huyện.

5. Ngay từ đầu năm 1978, cùng với việc thảo luận và thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng, cần phổ biến Chỉ thị này trong các ngành, các cấp; tập trung chỉ đạo 12 huyện điểm của trung ương đi trước một bước và có kế hoạch triển khai từng bước trên tất cả các huyện.

Đối với các tỉnh miền Nam, cần tổ chức nghiên cứu và vận dụng cách làm cho thích hợp, chú trọng tăng cường cán bộ, tập trung lực lượng để làm nhanh việc quy hoạch, gắn

chặt xây dựng huyện với cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Sau khi chỉ đạo làm thí điểm, rút kinh nghiệm, Ban Bí thư sẽ ra chỉ thị hướng dẫn cụ thể cuộc vận động xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở miền Nam.

*
* *

Xây dựng huyện, tổ chức lại sản xuất, tổ chức đời sống trên địa bàn huyện và tăng cường cấp huyện là một việc rất lớn, vừa mới vừa phức tạp, phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh từng bước. Các cấp bộ đảng, các ban cán sự đảng ở các bộ cần phát huy trí tuệ tập thể và ra sức thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 10-QĐ/TW, ngày 26 tháng 1 năm 1978

Về việc giải thể Ban Quốc tế nhân dân

- Để kiện toàn các ban chuyên môn của Trung ương theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng;
- Để thống nhất sự chỉ đạo của Trung ương về công tác đối ngoại của Đảng và công tác đối ngoại của các đoàn thể nhân dân;
- Được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng uỷ nhiệm;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Giải thể Ban Quốc tế nhân dân.
2. Nhiệm vụ của Ban Quốc tế nhân dân quy định trong Nghị quyết của Ban Bí thư số 2246-NQNS/TW¹⁾, ngày 5-6-1974 từ nay giao cho Ban Đối ngoại Trung ương phụ trách,

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.35, tr.85 (B.T).

cụ thể là:

- Trên cơ sở đường lối đối ngoại của Đảng, nghiên cứu đề xuất với Trung ương về chủ trương đối ngoại của các đoàn thể nhân dân và giúp Trung ương hướng dẫn, quản lý mọi mặt hoạt động quốc tế của các đoàn thể nhân dân.

- Giúp Trung ương trực tiếp chỉ đạo công tác của Ủy ban Việt Nam đoàn kết hữu nghị với nhân dân các nước, Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam, Ủy ban Đoàn kết nhân dân Á-Phi của Việt Nam, Ủy ban Đoàn kết nhân dân ba châu của Việt Nam và các hội hữu nghị Việt Nam với các nước.

Về tổ chức bộ máy để thực hiện các nhiệm vụ nói trên sẽ do Ban Đối ngoại Trung ương bàn với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu và quyết định.

3. Ban Quốc tế nhân dân, Ban Đối ngoại Trung ương bàn với Ban Tổ chức Trung ương để bố trí công tác thích hợp cho các cán bộ, nhân viên của Ban Quốc tế nhân dân.

4. Tất cả hồ sơ tài liệu, tài sản, cơ sở vật chất của Ban Quốc tế nhân dân phải được kiểm kê đầy đủ và bàn giao chu đáo cho Ban Đối ngoại Trung ương quản lý.

5. Ban Quốc tế nhân dân, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, các ban và các đảng đoàn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 34-CT/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1978

Về kiện toàn các ban kinh tế của Đảng

Để tăng cường sự lãnh đạo kinh tế của Đảng trong giai đoạn mới theo Nghị quyết của Đại hội Đảng và các nghị quyết của Trung ương, Ban Bí thư quy định về tổ chức và nội dung công tác chính của các ban kinh tế như sau:

I- VỀ TỔ CHỨC

Giữ nguyên tổ chức các ban kinh tế của Trung ương như hiện nay:

- *Ban Kinh tế - kế hoạch Trung ương*: theo dõi các mặt công tác kế hoạch, thống kê, vật tư, lao động, tài chính, ngân hàng, vật giá, nội thương và ngoại thương.

- *Ban Công nghiệp Trung ương*: theo dõi cơ khí luyện kim, điện than, hoá chất, dầu khí, địa chất, hải sản, lương thực thực phẩm, công nghiệp nhẹ, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải và bưu điện.

- *Ban Nông nghiệp Trung ương*: theo dõi nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, công tác vận động nông dân và xây dựng nông thôn.

- *Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương* là cơ quan trực thuộc Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ, tương đương như một ban của Trung ương và một bộ của Hội đồng Chính phủ đã được quy định theo Quyết định của Ban Bí thư số 04, ngày 10-11-1977¹⁾.

II- VỀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC BAN KINH TẾ

1. Theo dõi quá trình chuẩn bị những vấn đề kinh tế sẽ đưa ra bàn ở Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; nghiên cứu phân tích các loại ý kiến khác nhau để báo cáo và phát biểu ý kiến chính thức về các vấn đề ấy với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Đối với một số vấn đề kinh tế có liên quan đến nhiều ngành mà không có một cơ quan nhà nước nào phụ trách việc nghiên cứu, hoặc những vấn đề đặc biệt do Trung ương giao thì các ban kinh tế phối hợp với các ngành, tập hợp các chuyên gia có kinh nghiệm, tổ chức nghiên cứu và chuẩn bị đề án.

Các ban kinh tế có thể được giao chủ trì cùng các ngành làm thủ một số chủ trương hoặc tổng kết những vấn đề cần thiết.

2. Các ban kinh tế phải nắm vững đường lối, chủ trương

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.38, tr.474. Theo chúng tôi, Quyết định của Ban Bí thư số 04 là ngày 7-11-1977 (B.T).

và nghị quyết của Đảng về các vấn đề kinh tế, giúp các ngành và các cấp quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng, *kiểm tra việc thực hiện của các ngành, các cấp*. Một trách nhiệm quan trọng của các ban kinh tế là *thường xuyên kiểm tra* hoạt động của các ngành kinh tế, tìm ra những nhân tố tích cực để phát huy, phát hiện những biểu hiện sai trái với đường lối, chính sách của Đảng, đề nghị cấp uỷ uốn nắn hoặc góp ý kiến với các ngành, các địa phương để sửa chữa kịp thời.

Nếu xảy ra những khuyết điểm nghiêm trọng trong các ngành thuộc phạm vi được phân công theo dõi, mà ban kinh tế không kịp thời phát hiện và báo cáo thì ban cũng phải chịu một phần trách nhiệm.

3. Giúp Trung ương quản lý cán bộ theo quy định của Trung ương. Cụ thể là: nắm vững tình hình đội ngũ cán bộ kinh tế và cán bộ khoa học - kỹ thuật của các ngành kinh tế, giúp Trung ương kiểm tra việc thực hiện chính sách cán bộ, có những kiến nghị cần thiết về chính sách và biện pháp đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ trong các ngành kinh tế. Cùng Ban Tổ chức Trung ương quản lý cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

4. Các ban kinh tế có nhiệm vụ cùng Ban Tổ chức Trung ương *theo dõi hoạt động của các ban cán sự các ngành*, nêu những nhận xét về công tác chỉ đạo của các ban cán sự; theo dõi hoạt động của các đảng bộ cơ quan và một số đảng bộ cơ sở lớn, giúp các đảng bộ ấy quán triệt và thực hiện đúng đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất nội bộ, thực hiện dân

chủ và kỷ luật trong Đảng.

III- VỀ CÁN BỘ VÀ BIÊN CHẾ

- Biên chế của các ban phải gọn nhẹ, coi trọng *chất lượng*. Ngoài số chuyên viên trong biên chế, các ban cần huy động lực lượng và trí tuệ tập thể của cán bộ đảng, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ lý luận, các chuyên gia giỏi về quản lý kinh tế và khoa học - kỹ thuật ở các ngành trong công tác nghiên cứu.

- Các cán bộ của các ban kinh tế phải là những cán bộ có phẩm chất cách mạng tốt, nắm được đường lối, chính sách của Đảng, có kinh nghiệm về quản lý, có hiểu biết về công tác, có kiến thức kinh tế, khoa học, kỹ thuật về những ngành và vấn đề được phân công.

- Mỗi ban kinh tế có một trưởng ban và một số phó trưởng ban, nhiều nhất là năm người. Tùy theo khối lượng và tính chất công việc của từng ban mà tổ chức ra các vụ chuyên ngành hoặc chuyên đề.

Tổ chức cán bộ và biên chế cụ thể do từng ban nghiên cứu và có sự tham gia ý kiến của Ban Tổ chức để bảo đảm đúng với những quy định trên.

IV- CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

1. Với Bộ Chính trị và Ban Bí thư

- Các ban kinh tế là cơ quan trực thuộc Trung ương, do đó mọi hoạt động của các ban đều phải gắn với các hoạt động về kinh tế chung và công tác *lãnh đạo của Bộ Chính trị và Ban Bí thư*. Hằng năm, các ban kinh tế phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng giúp Trung ương xây dựng và quyết

định chương trình công tác về kinh tế của Trung ương. Trên cơ sở chương trình công tác của Trung ương, các ban kinh tế lập chương trình công tác cụ thể của mình, nhằm thực hiện chương trình công tác chung.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư thường xuyên giao nhiệm vụ, nghe báo cáo và giải quyết các kiến nghị của các ban kinh tế.

- Đại diện các ban kinh tế được dự những buổi họp của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về vấn đề kinh tế có liên quan.

Các ban kinh tế được cung cấp các tài liệu cần thiết về kinh tế để làm việc, trong đó có những chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, những báo cáo về kinh tế của các ngành, các cấp.

2. Với các ban chuyên môn của Đảng

- Giữa các ban kinh tế (kể cả Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế) phải có quan hệ làm việc mật thiết với nhau, cung cấp cho nhau những thông tin kinh tế và cùng nhau trao đổi ý kiến về các vấn đề kinh tế có liên quan.

Khi cần thiết, đồng chí cấp uỷ phụ trách kinh tế triệu tập cuộc họp giữa các ban kinh tế để thảo luận những vấn đề kinh tế có tính chất phối hợp chung.

- Các ban kinh tế tham gia ý kiến với Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn và Ban Khoa giáo về công tác tư tưởng, công tác xây dựng đảng, công tác cán bộ trong các ngành kinh tế bao gồm chính sách, quy hoạch và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Các ban kinh tế tham gia ý kiến với Ủy ban Kiểm tra trong các vấn đề xét đơn khiếu tố, thi hành kỷ luật đối với những cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý, và những vấn đề về

dân chủ, kỷ luật trong Đảng.

3. Với các cơ quan nhà nước

- Các ban kinh tế được cung cấp tình hình và được dự các cuộc họp của các cơ quan nhà nước khi bàn những vấn đề kinh tế có liên quan.

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cung cấp cho các ban kinh tế những tài liệu có liên quan đến việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, các ban kinh tế tham gia ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về các dự án kế hoạch hằng năm và dài hạn. Tổng cục Thống kê cung cấp cho các ban kinh tế các tài liệu cần thiết theo yêu cầu công tác.

4. Với ban cán sự của các ngành thuộc phạm vi theo dõi của từng ban kinh tế

- Ban cán sự đảng mỗi ngành có trách nhiệm gửi đầy đủ cho ban kinh tế các báo cáo, các đề án nghiên cứu sẽ trình Trung ương và Chính phủ và các tài liệu cần thiết khác theo yêu cầu của ban để ban nắm được tình hình và làm tốt chức trách của mình.

- Trưởng ban, phó trưởng ban, cán bộ có trách nhiệm của ban kinh tế được dự tất cả các sinh hoạt về chuyên môn cũng như về đảng của ngành kinh tế mà ban được phân công theo dõi.

- Qua theo dõi kiểm tra, nghiên cứu, các ban kinh tế thường xuyên trao đổi, góp ý kiến với ban cán sự về những vấn đề cần thiết thuộc trách nhiệm của ban.

5. Với các địa phương

- Các ban kinh tế Trung ương có nhiệm vụ theo dõi, giúp

các ban kinh tế tỉnh, thành quán triệt đường lối, chính sách kinh tế của Trung ương và hướng dẫn về phương pháp công tác, tham gia ý kiến vào các đề án kinh tế do địa phương dự thảo. Các ban kinh tế Trung ương được cử đại diện đến dự các cuộc họp của cấp uỷ bàn về những vấn đề kinh tế liên quan.

Sáu tháng hoặc một năm, các ban kinh tế Trung ương triệu tập các ban kinh tế tỉnh, thành phố họp một lần để trao đổi về tình hình, kinh nghiệm, hướng dẫn và cải tiến công tác.

Các ban kinh tế tỉnh, thành phố thường xuyên hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm phải gửi báo cáo cho các ban kinh tế Trung ương có liên quan.

6. Về các ban kinh tế tỉnh, thành trực thuộc Trung ương

Ở các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương hiện nay nói chung nên thành lập hai ban kinh tế: Ban Kinh tế - kế hoạch và Ban Nông nghiệp. Riêng thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và những tỉnh có nhiều cơ sở công nghiệp như Quảng Ninh, Đồng Nai, v.v. tổ chức thêm Ban Công nghiệp.

Nhiệm vụ và chế độ công tác của các ban kinh tế địa phương đại thể cũng như các ban kinh tế Trung ương. Về công tác cán bộ, các ban kinh tế tỉnh, thành tham gia ý kiến với Ban Tổ chức cùng cấp đối với số cán bộ quản lý kinh tế thuộc diện tỉnh, thành quản lý.

Các ban kinh tế là các ban chuyên môn cũng như các ban tổ chức, tuyên huấn... của cấp uỷ giúp cấp uỷ theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo toàn bộ hoạt động kinh tế của địa phương. Vì vậy

tỉnh, thành uỷ cần cử uỷ viên thường vụ chuyên phụ trách các ban đó, không nên giao cho các đồng chí phụ trách công việc chính quyền kiêm phụ trách các ban kinh tế của Đảng.

Chỉ thị này thay cho tất cả các quyết định đã có về các ban kinh tế của Đảng, trừ quyết định về Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 36-CT/TW, ngày 4 tháng 2 năm 1978

Về việc tổ chức thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong cán bộ và nhân dân

Từ ngày ra đời đến nay, Nhà nước ta đã có hai bản hiến pháp. *Hiến pháp năm 1946* xác định và củng cố nền độc lập, tự do mới giành được, khẳng định quyết tâm của nhân dân ta bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. *Hiến pháp năm 1959* tổng kết những thành tựu đã đạt của cách mạng nước ta, khẳng định quyết tâm của nhân dân ta đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm căn cứ vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Hiện nay, cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và anh dũng của nhân dân ta đã giành được thắng lợi hết sức vẻ vang, mở ra kỷ nguyên phát triển rực rỡ của nước Việt Nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn mới này, Nhà nước ta cần có một bản hiến pháp mới, *Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.

Hiến pháp mới nhằm thể chế hoá nhiệm vụ và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đại hội lần thứ IV của Đảng

đã đề ra, tăng cường nhà nước chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, bảo đảm tiến hành thắng lợi ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học và kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá), xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng và củng cố quốc phòng toàn dân; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hiến pháp mới của nước ta vừa là bản tổng kết những thành tựu cách mạng đến nay đã đạt được, vừa là luật cơ bản bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp mới bao gồm những kết luận khoa học rút ra từ những kinh nghiệm trong mấy chục năm qua của chính quyền nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, đồng thời bao gồm những nguyên lý hướng dẫn hành động của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiến pháp mới của nước ta là hiến pháp của nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì vậy, xây dựng hiến pháp mới không chỉ là công việc của một cơ quan chuyên môn, mà còn phải có sự đóng góp tích cực của nhân dân, người chủ chân chính của nước nhà.

Quốc hội khoá VI đã thành lập một Ủy ban để dự thảo hiến pháp mới trình Quốc hội thảo luận và quyết định. Nay bản dự thảo hiến pháp đó đã được Ủy ban soạn thảo xong. Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định đưa dự thảo ra để cán bộ và nhân dân cả nước thảo luận và góp ý kiến xây dựng.

Cuộc thảo luận dự thảo hiến pháp mới trong cán bộ và

nhân dân ta là *một cuộc sinh hoạt chính trị và vận động dân chủ xã hội chủ nghĩa rất quan trọng*, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân ta, nâng cao tinh thần trách nhiệm và lòng tha thiết của nhân dân ta đối với chế độ xã hội chủ nghĩa và nền chuyên chính vô sản. Cuộc vận động làm tốt sẽ mang lại những kết quả thiết thực trong việc xây dựng chính quyền nhân dân, hoàn thành kế hoạch nhà nước và các công tác trước mắt.

Vì vậy, *tất cả các tổ chức của Đảng, toàn thể cán bộ và đảng viên có nhiệm vụ vận động nhân dân và cùng nhân dân tích cực tham gia thảo luận dự thảo hiến pháp, bảo đảm cho cuộc thảo luận giành được thắng lợi lớn.*

Mục đích, yêu cầu của cuộc thảo luận dự thảo hiến pháp là:

1. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước tích cực tham gia thảo luận và góp ý kiến xây dựng hiến pháp mới.

2. Nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về chủ nghĩa xã hội và pháp chế xã hội chủ nghĩa, về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, phát huy truyền thống anh hùng, tài năng sáng tạo của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Nâng cao nhiệt tình yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội của cán bộ và nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, tăng năng suất lao động, hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước và mọi mặt công tác khác.

Việc thảo luận bản dự thảo hiến pháp phải được tiến hành một cách thiết thực và sâu rộng, bằng nhiều hình thức

linh hoạt và phong phú, có kế hoạch sát hợp, nhất là đối với cấp cơ sở. Kế hoạch đó phải kết hợp công tác thảo luận hiến pháp với việc đẩy mạnh các công tác quan trọng khác, và phải tính đến thời vụ sản xuất. Cần động viên quần chúng đông đảo hăng hái góp ý kiến, đề cao dân chủ xã hội chủ nghĩa, lắng nghe và thu thập ý kiến của nhân dân để chỉnh lý tốt bản dự thảo hiến pháp; song phải tiến hành hết sức khẩn trương, tiết kiệm tiền của và công sức của nhân dân và của Nhà nước; đồng thời đề phòng những phần tử xấu xuyên tạc, khiêu khích và phá hoại.

Thời gian thảo luận sẽ bắt đầu từ nay đến giữa năm 1978, chia làm hai bước như sau:

Bước I, thảo luận trong cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội và Mặt trận, các đại biểu Quốc hội, các đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhằm thu thập ý kiến, bổ sung, chỉnh lý dự thảo hiến pháp trước khi công bố cho toàn dân thảo luận.

Bước này khoảng một tháng, không kể thời gian tập hợp, nghiên cứu các ý kiến và chỉnh lý một bước bản dự thảo hiến pháp.

Trong khi thực hiện bước I phải chuẩn bị cho bước II.

Bước II, Ủy ban dự thảo hiến pháp công bố dự thảo hiến pháp đã được chỉnh lý một bước để cán bộ, công nhân, nông dân, bộ đội, viên chức và các tầng lớp nhân dân khác thảo luận.

Ủy ban dự thảo hiến pháp sẽ nghiên cứu những ý kiến thu thập được để hoàn chỉnh dự thảo hiến pháp, trình Trung ương Đảng và Quốc hội thảo luận và quyết định.

Bước này khoảng hai tháng.

Trong các bước trên (đặc biệt là trong bước II), các cơ

quan thông tin, tuyên truyền, báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình ở trung ương và địa phương, thường xuyên tuyên truyền về các vấn đề chủ yếu của hiến pháp và đưa tin về các cuộc thảo luận dự thảo hiến pháp, động viên các ngành, các cấp hăng hái thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước.

Việc chia cuộc thảo luận làm hai bước là để bảo đảm cho cuộc thảo luận được tiến hành vững chắc, làm cho cuộc sinh hoạt chính trị này đạt kết quả cao nhất, vì vậy phải coi trọng cả hai bước. Cần có mục tiêu thi đua trong mỗi bước, bảo đảm cho các cuộc thảo luận không những không gây trở ngại mà còn thúc đẩy sản xuất và công tác.

Để chuẩn bị triển khai cuộc thảo luận dự thảo hiến pháp, Ban Bí thư sẽ triệu tập một cuộc hội nghị gồm một số cán bộ đảng, chính quyền, quân đội và Mặt trận từ trung ương đến cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, để giới thiệu nội dung dự thảo hiến pháp, phổ biến kế hoạch tổ chức cuộc thảo luận trong cán bộ và nhân dân; đồng thời, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ lấy ngay trong hội nghị này để sau đó giúp Ủy ban dự thảo hiến pháp, các ngành và các địa phương giới thiệu nội dung dự thảo hiến pháp, hướng dẫn thảo luận, tập hợp, thống kê, phân loại ý kiến, sơ kết, tổng kết các cuộc thảo luận.

Cuộc thảo luận dự thảo hiến pháp trong quân đội sẽ được tổ chức riêng trong cùng thời gian do kế hoạch chung quy định, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương. Quân đội cần cử một số cán bộ đến dự hội nghị nói trên để thống nhất nhận định về nội dung dự thảo hiến pháp và thống nhất kế hoạch.

Ủy ban dự thảo hiến pháp căn cứ vào kế hoạch chung của

Trung ương, theo dõi, hướng dẫn, tổng kết cuộc thảo luận trong cả nước, nhất là chính lý bản dự thảo hiến pháp trên những vấn đề cần thiết.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lãnh đạo cuộc thảo luận; phân công cho uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn và ban tuyên huấn các cấp chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn thảo luận trong cán bộ và nhân dân, thực hiện kế hoạch chung của Trung ương, kế hoạch của địa phương và theo những điều hướng dẫn cụ thể của Uỷ ban dự thảo hiến pháp.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương phải nghiên cứu kỹ Chỉ thị này, đồng thời, nghiên cứu những văn kiện cần thiết của Uỷ ban dự thảo hiến pháp, như dự thảo *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, báo cáo về nội dung dự thảo hiến pháp, kế hoạch tổ chức và hướng dẫn cuộc thảo luận hiến pháp trong cán bộ và nhân dân; đặt kế hoạch sát hợp, có phân công lãnh đạo và chỉ đạo cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi công dân ở các địa phương hoặc ở xí nghiệp công nghiệp, nông trường, hợp tác xã, cơ quan, trường học, bệnh viện... đều được tham gia thảo luận; bảo đảm cho cuộc sinh hoạt chính trị có ý nghĩa to lớn này đạt được thắng lợi lớn, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 11-QĐ/TW, ngày 4 tháng 2 năm 1978

Về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và cách làm việc của Ban Cán sự Đảng ở các bộ, ty, sở

Căn cứ vào Điều 43 của *Điều lệ Đảng*, Ban Bí thư quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Cán sự Đảng ở các bộ, tổng cục, ty, sở như sau:

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự

a) Nhiệm vụ chung của các ban cán sự đảng ở các bộ (uỷ ban nhà nước, tổng cục...) và các ty, sở là bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng được quán triệt và thể hiện tốt trong công tác của ngành, của bộ (hoặc ty, sở...) bằng cách:

- Tập thể thảo luận nhiệm vụ, phương hướng, chính sách cơ bản về phát triển công tác của ngành và kế hoạch nhà nước dài hạn và hằng năm do thủ trưởng cơ quan chuẩn bị đề nghị lên cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước quyết định; thảo luận và thông qua những chủ trương, biện pháp quan trọng về nhiệm vụ kế hoạch ấy, những chính sách cụ

thể (thuộc thẩm quyền của bộ, tổng cục) và những biện pháp quan trọng về công tác chuyên môn, về tư tưởng, tổ chức và cải tiến công tác quản lý của ngành nhằm bảo đảm cho những nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch sản xuất, công tác của ngành được thực hiện thắng lợi.

- Tập thể quyết định những vấn đề chung về chấp hành đường lối, chính sách cán bộ trong ngành, về thực hiện quy hoạch, kế hoạch, biện pháp quan trọng về xây dựng đội ngũ cán bộ của ngành. Quản lý cán bộ chủ chốt thuộc diện do ban cán sự quản lý (bao gồm cả việc bồi dưỡng, điều động, đề bạt, kỷ luật, khen thưởng, xếp lương) và phối hợp với các ban của Đảng trong việc quản lý cán bộ thuộc diện do các ban giúp Trung ương (hoặc cấp uỷ) quản lý theo đúng quy định của Bộ Chính trị đã được ghi trong Thông báo số 11-TB/TW, ngày 18-4-1975¹⁾.

Ban cán sự cần phát huy hiệu lực của chế độ thủ trưởng, tôn trọng quyền hạn chỉ đạo công việc hằng ngày của thủ trưởng, không quyết định công việc cụ thể thuộc trách nhiệm chỉ đạo hằng ngày của thủ trưởng. Thủ trưởng phải chủ động giải quyết những công việc ấy, không được ỷ lại, không đưa ra tập thể ban cán sự giải quyết những việc cụ thể thuộc trách nhiệm cá nhân phụ trách của mình.

b) Ở những bộ, tổng cục (hoặc ty, sở), có những đơn vị cơ sở trực thuộc mà tổ chức đảng ở các đơn vị ấy được giao về trực thuộc đảng bộ địa phương, ban cán sự được Trung ương (hoặc cấp uỷ) giao trách nhiệm giúp đảng uỷ cơ sở quán triệt

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.36, tr.126 (B.T).

các nghị quyết của Đảng về đường lối, chính sách thuộc công tác của ngành, về phương hướng phát triển, nhiệm vụ kế hoạch dài hạn và hằng năm của ngành, hướng dẫn các đảng uỷ ấy vận dụng các nghị quyết nói trên vào hoạt động thực tiễn của đảng bộ cơ sở và cùng với cấp uỷ địa phương phụ trách các tổ chức cơ sở ấy xây dựng và thực hiện quy hoạch đào tạo cán bộ lãnh đạo ở cơ sở (kể cả bí thư đảng uỷ cơ sở, bí thư công đoàn, thanh niên).

c) Ở một số bộ, tổng cục và ty, sở có những tổ chức và đơn vị cơ sở trực thuộc "hoạt động trong những hoàn cảnh đặc biệt như lưu động phân tán ở nhiều địa phương mà không có địa điểm tập kết cố định, hoặc có những hoàn cảnh đặc biệt cần giữ bí mật" (theo quy định ở Điều 11 của *Điều lệ Đảng*) thì ban cán sự được Trung ương hoặc cấp uỷ giao trách nhiệm chỉ đạo toàn diện hoạt động của tổ chức đảng ở các đơn vị ấy. Cụ thể là: căn cứ vào các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương (hoặc của cấp uỷ) và hướng dẫn của các ban có trách nhiệm của Trung ương (hoặc của cấp uỷ), chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc các tổ chức đảng trực thuộc cả về công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, về công tác tư tưởng, công tác tổ chức xây dựng đảng và công tác quần chúng.

2. Về các mối quan hệ công tác

a) Đối với thủ trưởng cơ quan

Đối với các vấn đề về công tác chuyên môn và công tác cán bộ thuộc phạm vi quy định ở Điều 1, thủ trưởng cơ quan chuẩn bị đưa ra ban cán sự bàn. Sau khi ban cán sự đã tập thể thảo luận thì đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết

định của cấp trên, sẽ tùy theo tính chất của từng vấn đề mà do thủ trưởng hoặc ban cán sự đề nghị; nếu giữa thủ trưởng và ban cán sự có ý kiến khác nhau thì báo cáo cả những ý kiến khác nhau. Đối với những vấn đề thuộc quyền quyết định của ban cán sự thì thủ trưởng ra quyết định và tổ chức thực hiện; khi giữa thủ trưởng và ban cán sự có ý kiến khác nhau, nếu xét cần, thủ trưởng báo cáo lên cấp trên xem xét, cho ý kiến.

Ban cán sự được thủ trưởng báo cáo tình hình cần thiết cho công tác của ban cán sự để bảo đảm chất lượng sinh hoạt của tập thể và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương (hoặc của cấp uỷ) và các quyết định của ban cán sự.

b) Giữa ban cán sự và đảng uỷ cơ quan

Quan hệ giữa ban cán sự với đảng uỷ cơ quan là quan hệ phối hợp, giúp đỡ nhau làm tròn nhiệm vụ, không phải là quan hệ lãnh đạo và chỉ đạo.

Ban cán sự có trách nhiệm cùng đảng uỷ cơ quan làm cho đảng viên trong cơ quan quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Chính phủ (hoặc của cấp uỷ và chính quyền địa phương) về công tác của ngành.

Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến với ban cán sự về công tác lựa chọn, cất nhắc cán bộ trong cơ quan theo quy định của Bộ Chính trị đã ghi trong Thông báo số 11-TB/TW, ngày 18-4-1975. Đối với công tác chuyên môn, đảng uỷ, chi uỷ cơ quan theo chức trách của các tổ chức đảng ở cơ quan đã được quy định ở Điều 36 của *Điều lệ Đảng* để tham gia ý kiến với ban cán sự và thủ trưởng.

Hàng quý và khi cần thiết, ban cán sự hoặc thủ trưởng góp ý kiến với đảng uỷ cơ quan về công tác chính trị, tư tưởng, công tác đảng, công tác quần chúng trong cơ quan, đồng thời đảng uỷ cơ quan cũng phản ánh cho ban cán sự và thủ trưởng tình hình tư tưởng, đời sống của cán bộ, nhân viên trong cơ quan, tình hình đảng bộ cơ quan và đề xuất những vấn đề mà ban cán sự hoặc thủ trưởng cơ quan cần giải quyết đối với cán bộ, công nhân viên.

c) Giữa ban cán sự với các ban của Trung ương (hoặc của cấp uỷ)

Các ban của Trung ương (hoặc của cấp uỷ) có trách nhiệm giúp Trung ương (hoặc cấp uỷ) theo dõi, kiểm tra hoạt động của các ban cán sự bộ, tổng cục (hoặc ty, sở) theo quy định của Trung ương (hoặc của cấp uỷ) về chức trách của từng ban.

Ban cán sự căn cứ vào quy định của Trung ương (hoặc của cấp uỷ) về chức trách của mỗi ban để thực hiện đúng mối quan hệ với các ban đó.

d) Với các tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị cơ sở trực thuộc bộ mà tổ chức đảng được giao về trực thuộc cấp uỷ địa phương, và với cấp uỷ địa phương.

- Đối với các tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị cơ sở nói trên, ban cán sự thực hiện chức trách đã được xác định trên đây bằng cách trực tiếp làm việc với đảng uỷ cơ sở, ra các văn bản hướng dẫn, mời bí thư hoặc đại diện của tổ chức cơ sở đảng về dự hội nghị do bộ, ty, sở triệu tập để giao nhiệm vụ kế hoạch cho giám đốc cơ sở, sơ kết, tổng kết công tác của ngành hoặc để phổ biến những vấn đề mới về cải tiến quản lý hoặc về công tác của ngành, v.v..

- *Giữa ban cán sự và cấp uỷ địa phương* phải có quan hệ chặt chẽ để góp ý kiến với nhau và tạo điều kiện để giúp đỡ nhau làm tốt trách nhiệm được giao đối với đơn vị cơ sở.

Ban cán sự hoặc thủ trưởng cơ quan bộ, ty, sở thông báo cho cấp uỷ địa phương về nhiệm vụ kế hoạch giao cho các đơn vị cơ sở. Nếu thấy có vấn đề cần quan tâm trong công tác lãnh đạo của cấp uỷ đảng đối với các tổ chức đảng ở đơn vị cơ sở thì ban cán sự thông báo cho cấp uỷ biết và có kiến nghị cần thiết.

Ngược lại, cấp uỷ địa phương cũng thông báo cho ban cán sự biết những vấn đề bộ, tổng cục... cần quan tâm về công tác tổ chức, cán bộ của đơn vị cơ sở. Nếu cấp uỷ địa phương thấy trong việc giao nhiệm vụ kế hoạch hoặc chỉ đạo công tác quản lý của cơ quan nhà nước cấp trên cho đơn vị cơ sở có vấn đề cần xem xét thì thông báo ý kiến của mình để ban cán sự biết và đề xuất ý kiến với bộ, tổng cục (hoặc ty, sở).

Ban cán sự cần xem xét sự phát triển của ngành để chuẩn bị quy hoạch đào tạo, bố trí cán bộ kể cả bí thư đảng uỷ, cho những đơn vị cơ sở trực thuộc bộ, ty, sở sẽ thành lập. Ban cán sự chủ động bàn bạc với cấp uỷ địa phương kế hoạch bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo đảng và đoàn thể quần chúng ở cơ sở về kiến thức quản lý kinh tế, kỹ thuật, hoặc chuyên môn và thực hiện kế hoạch ấy.

đ) Quan hệ với công đoàn dọc (nếu có): Ban cán sự phối hợp với Đảng đoàn Tổng Công đoàn (hoặc đảng đoàn liên hiệp công đoàn tỉnh) để chỉ đạo hoạt động của công đoàn dọc.

3. Tổ chức và chế độ làm việc

a) Ban cán sự đảng được thành lập ở tất cả các bộ, tổng

cục, uỷ ban nhà nước và ở các ty, sở thuộc uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố. Ban cán sự do Ban Bí thư (hoặc ban thường vụ cấp uỷ) chỉ định.

b) Ban cán sự bộ, tổng cục gồm đồng chí bộ trưởng (hoặc tổng cục trưởng), các thứ trưởng (hoặc tổng cục phó) và một vài đồng chí cấp cục, vụ trưởng ở những đơn vị làm công tác tổng hợp, có khả năng nghiên cứu, có liên quan nhiều đến công việc chung (như kế hoạch, tổ chức cán bộ...) hoặc tổng giám đốc, thư ký công đoàn ngành dọc có năng lực và có tín nhiệm. Ban cán sự ở các ty, sở có các đồng chí trưởng ty, phó trưởng ty và một, hai trưởng phòng ở những bộ phận công tác tổng hợp chung.

Các đồng chí trong ban cán sự phải là những đồng chí có phẩm chất chính trị, có trình độ nắm và vận dụng đường lối chính trị chung và đường lối, chính sách cán bộ của Đảng vào công tác của ngành; có năng lực tổ chức thực tiễn; có kiến thức về công tác của ngành, về công tác quần chúng và công tác xây dựng đảng, có tín nhiệm trong cơ quan, với cấp dưới và cơ sở.

c) Ban cán sự ở những bộ, tổng cục không có hoặc có rất ít cơ sở trực thuộc thì không cần có cán bộ chuyên trách giúp việc; ở những bộ, tổng cục có nhiều đơn vị cơ sở trực thuộc mà tổ chức đảng thuộc đảng bộ địa phương thì có khoảng một đến ba cán bộ chuyên trách giúp việc. Ở những bộ, tổng cục có nhiều đơn vị trực thuộc mà tổ chức đảng ở các đơn vị ấy được đặt trực thuộc ban cán sự (vì không thể giao về đảng bộ địa phương được) thì ban cán sự cần có một đồng chí uỷ viên chuyên trách về công tác nói trên. Các ban cán sự này bàn

với Ban Tổ chức Trung ương để tổ chức bộ phận giúp việc.

d) Ban cán sự xây dựng các chế độ công tác của mình và định kỳ sinh hoạt hằng tháng và bất thường.

e) Ngoài các ban cán sự ở bộ, ty, sở, việc thành lập các ban cán sự ở các lĩnh vực công tác khác xét cần thiết phải được Ban Bí thư ra quyết định hoặc đồng ý cho phép thành lập.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 12-QĐ/TW, ngày 4 tháng 2 năm 1978

Một số vấn đề để thi hành *Điều lệ Đảng*

Căn cứ vào quyết định của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng về việc uỷ cho Ban Chấp hành Trung ương quy định một số vấn đề cụ thể trong *Điều lệ Đảng*;

Nay quy định một số vấn đề sau đây để thống nhất thực hiện trong toàn Đảng;

I- VỀ VẤN ĐỀ ĐẢNG VIÊN

1. Về lịch sử chính trị của người vào Đảng

Điều 4 của *Điều lệ Đảng* quy định: "Người vào Đảng không được phạm những điểm do Trung ương quy định về lịch sử chính trị".

Nay quy định những trường hợp phạm những điểm sau đây về lịch sử chính trị thì không được kết nạp vào Đảng:

- Những người bản thân là tay sai cho địch, là phản động chống phá cách mạng, là người có tội ác với nhân dân (như

làm gián điệp, chỉ điểm, mật vụ, CIA, Phòng Nhì, v.v.; hoạt động trong các đảng phái và tổ chức phản động; làm việc trong các bộ máy đàn áp cách mạng hoặc trong ban chấp hành các tổ chức có tính chất quần chúng rộng rãi do địch lập ra từ áp, khóm trở lên; những người trong các lực lượng vũ trang của địch giữ các chức vụ chỉ huy và những tên có hành động chống phá cách mạng, có tội ác đối với nhân dân, v.v.).

- Những người chuyên làm nghề mê tín, tôn giáo.
- Những người trước đã tham gia cách mạng nhưng đã đầu hàng địch, phản bội cách mạng.
- Những người lịch sử chính trị chưa rõ ràng.
- Những người tuy bản thân không làm tay sai cho địch nhưng có cha, mẹ, vợ, chồng và người nuôi dưỡng là phản động, ác ôn có nợ máu với nhân dân, đã bị nhân dân xử trí (trừ một số trường hợp cá biệt đã thoát ly gia đình, tích cực tham gia cách mạng, qua quá trình rèn luyện thử thách, chứng tỏ đã thật sự giác ngộ lý tưởng của Đảng, trung thành với cách mạng, kiên quyết chống lại hành động sai trái của những người nói trên, nếu đủ tiêu chuẩn đảng viên, được tỉnh uỷ đồng ý và đã được kiểm tra thật chặt chẽ).

2. Đối với những vùng có những đặc điểm khác nhau về phân hoá giai cấp và xã hội

Điều lệ Đảng quy định: "Đối với một số vùng có những đặc điểm khác nhau về phân hoá giai cấp, xã hội, Ban Chấp hành Trung ương sẽ có những quy định cụ thể xét cần thiết để bảo đảm công tác kết nạp đảng viên được chặt chẽ".

Nay quy định: Ở các vùng nói trên, trong việc kết nạp người vào Đảng càng cần phải rất chú trọng xem xét kỷ lịch sử chính trị và các mối quan hệ về chính trị, bảo đảm không

kết nạp nhằm những người phạm tiêu chuẩn về chính trị như đã quy định ở điểm 1. Ở những nơi đã tổ chức vận công, đổi công, tập đoàn sản xuất, không kết nạp những nông dân làm ăn riêng lẻ, không tham gia các tổ chức và tập thể nói trên. Ở thôn, xã đã có hợp tác xã thì không kết nạp nông dân ở ngoài hợp tác xã. Những người bản thân thuộc thành phần bóc lột (địa chủ, phú nông, tư sản...) dù đã được thay đổi thành phần cũng không kết nạp vào Đảng.

3. Về trường hợp đặc biệt, đảng uỷ cơ sở được quyền chuẩn y kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đảng viên

Điều lệ Đảng quy định: "Đảng uỷ các tổ chức cơ sở từ 500 đảng viên trở lên, nếu được cấp tỉnh, thành phố trực thuộc đồng ý thì được quyền như huyện uỷ đối với việc chuẩn y kết nạp đảng viên. Những trường hợp đặc biệt khác phải do Trung ương quy định". Nay quy định như sau:

Những cơ sở đảng ở các cơ quan trung ương (kể cả các tổng cục trong quân đội) là nơi tập trung nhiều cán bộ trung cấp và cao cấp của Đảng và Nhà nước, nếu có dưới 500 đảng viên chính thức và dự bị, mà do điều kiện tổ chức và hoạt động phải lập đảng uỷ bộ phận, nếu được thành uỷ trực thuộc Trung ương hoặc cấp uỷ tương đương đồng ý, thì đảng uỷ cơ sở đó cũng được quyền như huyện uỷ trong việc chuẩn y kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đảng viên.

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG CHƯƠNG II VÀ CÁC CHƯƠNG NÓI VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CÁC CẤP

1. Về việc bầu cử trong Đảng

Điều lệ Đảng giao cho Ban Chấp hành Trung ương quy định các nguyên tắc và cách thức ứng cử, đề cử và bầu cử trong Đảng. Nay quy định cụ thể như sau:

a) Điều 13 của *Điều lệ Đảng* nói về bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng quy định: "*Việc bầu cử phải được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín*". Theo quy định này thì việc bầu ban chấp hành đảng bộ các cấp, các ban thường vụ cấp uỷ, bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên đều phải tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

Việc cử bí thư, phó bí thư, các cấp cũng tiến hành theo cách bỏ phiếu kín. Việc cử uỷ viên uỷ ban kiểm tra cũng tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín, nhưng nếu danh sách do cấp uỷ đề nghị được nhất trí không có bổ sung thêm thì có thể biểu quyết theo danh sách đó.

b) *Quyền ứng cử, bầu cử, đề cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng*

Quyền ứng cử:

- Tất cả đảng viên chính thức đều có quyền ứng cử vào các ban chấp hành các cấp của Đảng (dù đảng viên đó có mặt hay không có mặt ở đại hội).

- Khi tổ chức đại hội đại biểu để bầu cử đại biểu đi dự đại hội đại biểu cấp trên, thì những đại biểu chính thức của đại hội được quyền ứng cử. Nếu là đại hội đảng viên thì các đảng viên chính thức đều có quyền ứng cử làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu cấp trên (dù đảng viên đó có mặt hay không có mặt ở đại hội).

Về đề cử:

- Tất cả đại biểu chính thức đi dự đại hội đại biểu đều có quyền đề cử những người mà mình tín nhiệm vào ban chấp

hành đảng bộ hoặc làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu cấp trên. Nếu ở đại hội đảng viên thì tất cả đảng viên chính thức đều có quyền đề cử.

- Ban chấp hành cũ có trách nhiệm chuẩn bị việc bầu cử và được quyền giới thiệu những người mà mình thấy xứng đáng được bầu vào cấp uỷ mới hoặc bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Về bầu cử:

- Trong đại hội đại biểu ở các cấp, chỉ có đại biểu chính thức mới được quyền bầu cử; trong đại hội đảng viên thì chỉ có đảng viên chính thức mới có quyền bầu cử.

- Ở cấp huyện, tỉnh và tương đương và ở những tổ chức cơ sở đảng số lượng uỷ viên chấp hành đồng, trong phiếu bầu cử nên viết sẵn danh sách những người ứng cử và được đề cử (nói chung nên theo thứ tự A, B, C...). Những phiếu bầu thừa hoặc thiếu so với số lượng do đại hội quy định, hoặc phiếu gạch cả danh sách, đều là không hợp lệ.

- Người được trúng cử phải có trên một nửa số phiếu bầu (so với tổng số đại biểu chính thức có mặt lúc bầu; hoặc với tổng số đảng viên chính thức có mặt nếu là ở đại hội đảng viên). Trường hợp bầu mà chưa đủ số đồng chí có đủ số phiếu như trên thì tiếp tục bầu để lựa chọn những đồng chí còn lại trong danh sách ứng cử và đề cử. Sau khi bầu lần thứ nhất mà chưa đủ số thì bầu lại lần thứ hai; lần thứ hai bầu vẫn chưa đủ, thì việc có bầu nữa hay không sẽ do đại hội quyết định.

- Ở những nơi có bầu uỷ viên chính thức (hoặc đại biểu chính thức) và uỷ viên dự khuyết (hoặc đại biểu dự khuyết) thì bầu số uỷ viên hoặc đại biểu chính thức trước; trong danh

sách còn lại sẽ bầu số dự khuyết.

2. Vấn đề cử đại biểu đi dự đại hội đại biểu các cấp

a) Nguyên tắc cử đại biểu

Điều 14 của *Điều lệ Đảng* quy định: "Các đại biểu đi dự đại hội đại biểu các cấp đều phải do bầu cử từ dưới lên. Việc chỉ định một số đại biểu đi dự đại hội chỉ được tiến hành đối với một số đảng bộ hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội đại biểu để bầu cử được".

Các đại biểu đi dự đại hội phải được đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên cấp dưới bầu cử ra. Những trường hợp hoạt động ở trong điều kiện đặc biệt (theo quy định ở Điều 15) là những trường hợp hoạt động ở ngoài nước, phân tán trên địa bàn rộng mà xét không mở đại hội được hoặc trường hợp đột xuất phải chiến đấu vũ trang, gặp nhiều khó khăn mà không thể tổ chức bầu cử được. Trong những trường hợp ấy, cấp uỷ triệu tập đại hội có thể chỉ định đại biểu, nhưng trước khi chỉ định phải lấy ý kiến của cấp uỷ cấp dưới.

Cấp uỷ triệu tập đại hội từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên được quyền giới thiệu một số cấp uỷ viên hoặc một số cán bộ ở các cơ quan chung quanh cấp uỷ về dự đại hội cấp dưới để ứng cử và bầu cử đại biểu đi dự đại hội đại biểu cấp mình, và được quyền biểu quyết trong đại hội, nhưng số đồng chí được giới thiệu về không quá 25% số đại biểu mà đơn vị cấp dưới được cử. Trường hợp các đồng chí này không trúng cử thì cấp uỷ không được giới thiệu về đại hội một đảng bộ khác để ứng cử lại làm đại biểu.

b) Thành phần, cấu tạo và số lượng đại biểu đi dự đại hội đại biểu các cấp

- Số lượng đại biểu ở đại hội đại biểu các cấp được ấn

định như sau:

+ Đại hội đại biểu ở cấp huyện, quận và tương đương từ 150 đến 200 đại biểu. Những huyện, quận có dưới 200 đảng viên chính thức và dự bị, có thể được triệu tập tất cả đảng viên chính thức dự đại hội.

+ Đại hội đại biểu ở cấp tỉnh và tương đương từ trên dưới 300 đến 500 đại biểu.

Cấp uỷ triệu tập đại hội căn cứ vào quy định trên đây để quyết định số lượng đại biểu được triệu tập. Những địa phương, đơn vị có đặc điểm riêng có thể triệu tập số đại biểu ít hơn hoặc nhiều hơn một ít, nhưng nếu nhiều hơn cũng không quá 10% số đại biểu quy định trên đây. Căn cứ vào quy định trên, các tỉnh uỷ (thành uỷ trực thuộc) hướng dẫn cụ thể số lượng đại biểu cho đại hội các quận, huyện, thị ở đảng bộ mình.

- Những đơn vị bầu cử có thể bầu đại biểu dự khuyết để thay đại biểu chính thức khi vắng mặt. Đại biểu dự khuyết của đơn vị nào thì thay thế cho đại biểu chính thức của đơn vị đó theo thứ tự số phiếu được bầu ở đại hội; nếu các đồng chí này có số phiếu ngang nhau thì chọn đồng chí có nhiều tuổi đảng hơn. Số đại biểu dự khuyết có được đến dự đại hội hay không là do cấp uỷ triệu tập đại hội quyết định.

- Ngoài số đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết (nếu đại biểu dự khuyết được triệu tập), cấp uỷ triệu tập đại hội có thể mời một số cán bộ xét thật cần thiết đến dự thính ở đại hội; nhưng không quá 10% số đại biểu.

- Ngoài ra, cấp uỷ triệu tập đại hội có thể mời một số đại biểu các gia đình có công với cách mạng, một số anh hùng, chiến sĩ thi đua, một số đại biểu của đảng bộ bạn... tới tham

dự những buổi cần thiết ở đại hội.

c) Vấn đề phân phối đại biểu và tiêu chuẩn đại biểu đi dự đại hội đại biểu các cấp

- Khi triệu tập đại hội, các cấp uỷ phải căn cứ trước hết vào số lượng đảng viên (kể cả đảng viên chính thức và dự bị) và số lượng đơn vị trực thuộc của mỗi đảng bộ để ấn định số lượng đại biểu cho mỗi đảng bộ; phải xét đến tình hình chung, đến tính chất quan trọng của từng đảng bộ (như nơi có tầm quan trọng đặc biệt về kinh tế, chính trị, quân sự, nơi tập trung đông công nhân và cán bộ, v.v.) để phân phối đại biểu cho thích đáng.

- Đại biểu đi dự đại hội đại biểu các cấp phải là những đảng viên có phẩm chất và năng lực tiêu biểu cho tinh thần phấn đấu cách mạng và trí tuệ của đảng bộ, có khả năng đóng góp thật sự vào công việc của đại hội. Cần có đại biểu hoạt động ở các cấp trên và cơ sở, ở các mặt, các ngành hoạt động chủ yếu của đảng bộ. Chú trọng có nhiều đại biểu là đảng viên ưu tú trong công nhân trực tiếp sản xuất ở các xí nghiệp, công, nông, lâm trường...

Cấp uỷ triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do cấp dưới cử ra trừ trường hợp sau khi được trúng cử, người đại biểu đó bị thi hành kỷ luật bằng hình thức lưu Đảng (theo Điều 14 của *Điều lệ*). Trường hợp sau khi bầu cử, nếu phát hiện người đại biểu có sai lầm, khuyết điểm hoặc có đơn tố cáo thì cấp uỷ triệu tập đại hội cần kịp thời điều tra ngay để có kết luận chính xác, nếu phạm sai lầm, khuyết điểm xét ra không đến mức phải thi hành kỷ luật lưu Đảng hoặc chưa có đủ chứng cứ và thời gian để kết luận chính xác thì đồng chí đó vẫn được triệu tập đi dự đại hội. Trong trường

hợp thấy cần phải bác bỏ tư cách đại biểu của ai thì cấp uỷ triệu tập đại hội phải báo cáo với ban thẩm tra tư cách đại biểu và đoàn chủ tịch của đại hội để cân nhắc và đưa ra đại hội quyết định.

3. Về hội nghị đại biểu các cấp

Điều 15 của *Điều lệ Đảng* quy định: "...Hội nghị đại biểu gồm các uỷ viên trong cấp uỷ đứng ra triệu tập và các đại biểu do cấp uỷ cấp dưới cử lên theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương". Nay quy định cụ thể như sau:

a) Đại biểu do cấp uỷ cấp dưới cử lên gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số ngoài cấp uỷ. Việc cử đại biểu đi dự hội nghị đại biểu phải do hội nghị toàn thể ban chấp hành cấp dưới bầu cử theo cách bỏ phiếu kín. Danh sách đại biểu do cấp uỷ dưới cử lên phải được cấp uỷ đứng ra triệu tập hội nghị đại biểu thông qua.

b) Hội nghị đại biểu các cấp để bầu cử bổ sung cấp uỷ phải có quá 2/3 số đại biểu được triệu tập và thay mặt cho quá 2/3 đơn vị cấp uỷ cấp dưới đến dự thì mới có giá trị.

c) Việc quy định số lượng đại biểu đi dự hội nghị đại biểu phải căn cứ vào tính chất quan trọng của mỗi cấp, căn cứ vào số lượng cấp uỷ trực thuộc và mục đích yêu cầu của từng hội nghị đại biểu mà quyết định dựa theo quy định chung sau đây:

- Hội nghị đại biểu cấp quận, huyện, thị ... cử trên dưới 100 đến 200 đại biểu.

- Hội nghị đại biểu cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cử trên dưới 300 đại biểu.

4. Về số lượng ban chấp hành đảng bộ các cấp

Điều 27 của *Điều lệ Đảng* quy định: "Số uỷ viên chính thức và số uỷ viên dự khuyết của cấp uỷ do đại hội đại biểu ấn định dựa theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương". Điều 29 cũng quy định: "Số uỷ viên trong ban thường vụ và số phó bí thư do hội nghị toàn thể ban chấp hành quyết định dựa theo một quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương". Điều 34 quy định: "Số lượng uỷ viên (của đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ bộ phận, chi uỷ) sẽ do đại hội đảng viên quyết định, dựa theo quy định chung của Ban Chấp hành Trung ương và sự hướng dẫn của cấp trên".

Nay quy định cụ thể như sau:

- Ở các tổ chức cơ sở đảng: chi uỷ có từ 3 đến 7 chi uỷ viên, đảng uỷ cơ sở có từ 7 đến 15 đảng uỷ viên. Ở những đảng bộ cơ sở được cử đảng uỷ viên dự khuyết theo quy định ở Điều 16 của *Điều lệ* thì được cử thêm vài uỷ viên dự khuyết. Những đảng uỷ cơ sở có từ 9 đến 11 uỷ viên chính thức, cử ra ban thường vụ gồm 3 uỷ viên. Nếu có 13 hoặc 15 uỷ viên chính thức thì được cử 5 uỷ viên thường vụ. Trong ban thường vụ có bí thư, 1 hoặc 2 phó bí thư.

Đảng uỷ bộ phận ở cơ sở có từ 5 đến 9 uỷ viên, có bí thư và có thể có 1 phó bí thư; không lập ban thường vụ.

- Ban chấp hành đảng bộ quận, huyện, thị và tương đương có từ 25 đến 35 uỷ viên, kể cả uỷ viên chính thức và dự khuyết (trong đó có 2 đến 4 dự khuyết). Một số huyện, thị ít đảng viên, công việc không phức tạp thì tỉnh uỷ có thể quyết định số lượng ít hơn.

Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có từ 35 đến 45 uỷ viên, kể cả uỷ viên chính thức và dự khuyết (trong đó có 2 đến 4 uỷ viên dự khuyết).

Số uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, v.v. không quá 1/3 số uỷ viên chính thức của ban chấp hành. Ban thường vụ có bí thư, 1 hoặc 2 phó bí thư.

Những trường hợp định khác với các quy định trên đây phải được sự đồng ý của Ban Bí thư.

Trên đây Ban Bí thư quy định cụ thể về một số vấn đề để thi hành *Điều lệ Đảng*. Bản quy định này được gửi đến các chi bộ để quán triệt và chấp hành. Những quy định trước đây trái với các quy định này đều bãi bỏ.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 13-QĐ/TW, ngày 4 tháng 2 năm 1978
Về tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể
của đảng đoàn

Căn cứ vào Điều 43 của *Điều lệ Đảng*, Ban Bí thư quy định về tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể của đảng đoàn như sau:

1. Hình thức tổ chức của các đảng đoàn

Điều 43 của *Điều lệ Đảng* quy định: "trong các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, của các tổ chức quần chúng do bầu cử mà lập ra (như Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, trừ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh), Đảng lập ra các đảng đoàn gồm những đảng viên hoặc một số đảng viên hoạt động trong các tổ chức nói trên".

Nay quy định cụ thể:

Tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ của đảng đoàn ở Ban Thường vụ Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp vẫn giữ như hiện nay. Khi họp Quốc hội và hội đồng nhân dân nếu

xét cần thì Trung ương (hoặc ban thường vụ cấp uỷ) triệu tập đảng viên trong Quốc hội (hoặc hội đồng nhân dân) để phổ biến những chủ trương của Trung ương (hoặc của cấp uỷ) để đảng viên nắm vững và biến thành quyết định của các cơ quan nói trên.

Ở ban chấp hành các đoàn thể quần chúng (trừ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) và Ban Chấp hành Mặt trận Tổ quốc ở cấp trung ương, tỉnh, thành phố và huyện, quận, xã, đảng đoàn gồm một số đảng viên ở trong ban chấp hành do cấp uỷ cùng cấp chỉ định. Số đảng viên này chọn trong bộ phận thường trực.

2. Về quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể của đảng đoàn

Căn cứ Điều 43 của *Điều lệ Đảng*, nay quy định cụ thể như sau:

- Đảng đoàn cần căn cứ vào các nghị quyết, chỉ thị của Đảng để lãnh đạo các tổ chức nơi mình hoạt động, biến các nghị quyết, chỉ thị ấy thành chủ trương, biện pháp, chương trình hành động cụ thể của các tổ chức đó.

- Đảng đoàn phải tuyên truyền, giải thích và bằng mọi biện pháp làm cho đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng được thông suốt trong quần chúng. Tổ chức cho quần chúng trong tổ chức mình hoạt động tham gia vào việc xây dựng đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, nhất là về các vấn đề có quan hệ đến từng đoàn thể. Coi trọng quyền dân chủ thảo luận các vấn đề nêu ra trong tổ chức quần chúng, động viên quần chúng đề xuất ý kiến với Đảng, xây dựng sự đoàn kết nhất trí về chính trị, tư

tưởng và tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng trong tổ chức mình hoạt động.

- Hằng năm và khi xét cần thiết, đề xuất với Trung ương (hoặc cấp uỷ) những vấn đề về phương hướng, chủ trương công tác đối với tổ chức ấy. Khi đoàn thể mình tiến hành mở đại hội thì cần đề xuất và xin ý kiến của Trung ương (hoặc cấp uỷ) về những vấn đề cơ bản sẽ đưa ra đại hội quyết định.

- Thảo luận những vấn đề về điều lệ, tổ chức quần chúng, bộ máy của ban chấp hành để bảo đảm cho cơ cấu của tổ chức quần chúng được phù hợp với đường lối tổ chức của Đảng. Đảng đoàn đề nghị Ban Bí thư (hoặc cấp uỷ) những vấn đề chung về cơ cấu và hệ thống tổ chức của tổ chức quần chúng.

- Phụ trách công tác cán bộ theo quy định của Bộ Chính trị về phân công, phân cấp quản lý cán bộ (đã ghi trong Thông báo số 11, ngày 18-4-1975).

- Theo chế độ do Trung ương (hoặc cấp uỷ) quy định và khi có đột xuất, báo cáo tình hình về tổ chức mình có trách nhiệm lãnh đạo, và phản ánh với Trung ương (hoặc cấp uỷ) ý kiến, nguyện vọng của quần chúng, thái độ của quần chúng đối với đường lối, chính sách và nghị quyết của Đảng.

3. Về chế độ làm việc của đảng đoàn

- Đảng đoàn ra quyết định tập thể; quyết định đó được các thành viên trong đảng đoàn chấp hành, thể hiện vào các đề án, kiến nghị do mình chịu trách nhiệm để đưa ra tổ chức quần chúng thảo luận quyết định và vận động quần chúng thực hiện. Đảng đoàn không ra quyết định buộc quần chúng phải thi hành.

- Khi bàn chủ trương, biện pháp để lãnh đạo quần chúng,

đảng đoàn coi trọng xem xét giải quyết các vấn đề về chủ trương, chính sách, biện pháp lớn, chú trọng phát huy sáng tạo của quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng, tạo điều kiện cho các thành viên trong cơ quan mình hoạt động, thật sự nắm được tình hình thực tế, hiểu đường lối, chính sách của Đảng, mạnh dạn phát biểu, đề xuất các chủ trương, biện pháp và thật sự tham gia quyết định các vấn đề được đề ra một cách tự giác theo đúng đường lối, chính sách của Đảng.

- Đảng đoàn quan hệ với các ban về những vấn đề thuộc chức trách, quyền hạn của các ban theo quy định của Trung ương về chức trách quyền hạn của ban.

- Đảng đoàn các đoàn thể cần liên hệ chặt chẽ với nhau và với các ban cán sự đảng ở các bộ (các ty, sở) để phối hợp hoạt động, giải quyết các vấn đề có quan hệ giữa các tổ chức, phối hợp chặt chẽ với Ban Dân vận - Mặt trận trong việc giúp Trung ương (hoặc cấp uỷ tỉnh, thành phố) nghiên cứu các đề án chung về công tác dân vận, mặt trận).

- Đảng đoàn các tổ chức cấp trên được liên hệ với đảng đoàn của tổ chức cấp dưới để trao đổi ý kiến và kinh nghiệm công tác. Đảng đoàn cấp nào thuộc quyền lãnh đạo của cấp uỷ cấp ấy.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 14-QĐ/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1978

Về hệ thống chỉ đạo và một số vấn đề về tổ chức, chức trách của các đảng bộ cơ quan

Căn cứ vào Điều 11 của *Điều lệ Đảng* về việc giao cho Ban Chấp hành Trung ương quy định hệ thống chỉ đạo của các tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc và chức trách của tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Giải thể đảng uỷ các cơ quan dân, chính, đảng trung ương. Chuyển giao các tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan trung ương đóng ở Thủ đô Hà Nội về thuộc Đảng bộ Hà Nội, và các tổ chức cơ sở đảng ở một số cơ quan trung ương đóng ở thành phố Hồ Chí Minh (như Ban Cải tạo Trung ương, Đài phát thanh Trung ương II, Đài truyền hình Trung ương II...) về thuộc Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh.

Riêng tổ chức cơ sở đảng ở Văn phòng Trung ương Đảng

và ở Văn phòng Phủ Thủ tướng đặt trực thuộc Ban Bí thư (do Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương quản lý về mặt tổ chức). Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan Bộ Nội vụ đặt trực thuộc Đảng bộ Bộ Nội vụ được thành lập theo quyết định của Ban Bí thư. Các tổ chức cơ sở đảng ở Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Phủ Thủ tướng và cơ quan Bộ Nội vụ đồng thời chịu sự chỉ đạo của Thành uỷ Hà Nội về việc chấp hành các chính sách thực hiện ở địa phương và về quan hệ với quần chúng ở địa phương.

Các tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được giao về các đảng bộ thành phố, thị xã, quận, khu phố.

a) Các tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan trung ương (hoặc cấp tỉnh, thành phố) được giao về thuộc đảng bộ địa phương chịu sự chỉ đạo và kiểm tra trực tiếp của cấp uỷ địa phương nơi cơ quan đóng về các mặt công tác sau đây:

- Việc chấp hành các chính sách của Đảng, Nhà nước thực hiện ở địa phương, kể cả các nghị quyết, chỉ thị của đảng uỷ khu phố, huyện uỷ nơi cơ quan đóng.

- Công tác của các đoàn thể quần chúng: việc động viên tổ chức cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng thành phố, thị xã, bảo vệ trật tự an ninh, công tác xã hội, v.v..

- Công tác đảng vụ: giáo dục, rèn luyện đảng viên, kiện toàn đảng uỷ, chi uỷ, củng cố chi bộ, phát triển đảng, thi hành kỷ luật đảng viên, thống kê đảng viên, phát thẻ đảng.

Cấp uỷ địa phương (thành uỷ, đảng uỷ khu phố) không có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát công tác chuyên môn của cơ quan.

b) Các tổ chức cơ sở đảng được giao về đảng bộ địa

phương đồng thời chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của Trung ương (hoặc của cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc), như sau:

- Đối với đường lối, chính sách và các nghị quyết của Trung ương (hoặc các tỉnh ủy, thành ủy) về công tác chuyên môn của cơ quan thì Trung ương (hoặc tỉnh ủy, thành ủy) truyền đạt và chỉ đạo trực tiếp cho các ban cán sự, đảng đoàn, đảng ủy cơ quan. Các ban của Trung ương (hoặc của tỉnh, thành ủy) có trách nhiệm giúp Trung ương (hoặc cấp ủy) trong việc làm quán triệt và theo dõi kiểm tra việc thực hiện.

- Đối với các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương (hoặc của cấp ủy) về công tác đảng, công tác vận động quần chúng và các vấn đề quan trọng về đường lối, quan điểm cần được tiến hành tốt trong đội ngũ cán bộ cao cấp, trung cấp ở cơ quan trung ương (hoặc cán bộ trung cấp và sơ cấp ở cấp tỉnh, thành phố...) nếu thấy cần thiết thì Trung ương (hoặc cấp ủy) triệu tập các bí thư đảng ủy cơ quan đến để trực tiếp truyền đạt và hướng dẫn việc thi hành.

- Các ban của Trung ương (hoặc của cấp ủy) giúp Trung ương (hoặc cấp ủy) kiểm tra các hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan, cử cán bộ dự các kỳ sinh hoạt xét cần thiết của đảng ủy, chi ủy, chi bộ; nghe đảng ủy cơ quan báo cáo tình hình cán bộ, đảng viên chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước để phản ánh với Trung ương (hoặc với cấp ủy).

c) Việc quản lý hồ sơ, lý lịch của những đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương (hoặc cấp ủy) quản lý do các ban giúp Trung ương (và cấp ủy) chịu trách nhiệm. Cấp ủy địa phương chỉ quản lý lý lịch đơn giản của đảng viên theo mẫu do Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn. Việc thi hành kỷ luật

những đảng viên là cán bộ do Trung ương (hoặc cấp ủy) quản lý phải theo đúng quy định của *Điều lệ Đảng* và hướng dẫn cụ thể của Ban Bí thư.

d) Các tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan trung ương được giao về đảng bộ địa phương sẽ tùy theo tầm quan trọng của từng đảng bộ và điều kiện công tác cụ thể mà đặt trực thuộc thành ủy, hoặc đảng ủy khu phố, quận ủy, huyện ủy nơi cơ quan đóng. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với thành ủy có kế hoạch bố trí cụ thể.

Cần kiện toàn các đảng ủy khu phố và các ban tổ chức, tuyên huấn, ủy ban kiểm tra của các thành ủy, đảng ủy khu phố để làm tốt trách nhiệm đối với các đảng bộ cơ quan.

e) Việc đưa đảng viên về tham gia công tác ở đường phố, khu phố với yêu cầu thích hợp trên cơ sở bảo đảm công tác chuyên môn của đảng viên cần được xúc tiến theo quyết định đã có của Bộ Chính trị (Nghị quyết 198, ngày 18-4-1970)¹⁾.

2. Các đảng ủy, chi ủy cơ quan cần được kiện toàn để có thể làm đầy đủ chức trách, nhiệm vụ đã được quy định ở các Điều 35 và 36 của *Điều lệ Đảng*.

Sinh hoạt thường xuyên của các đảng ủy, chi ủy, chi bộ và của đại hội đảng bộ cơ quan cần chú trọng xem xét các vấn đề về lập trường quan điểm, tinh thần trách nhiệm trong công tác chuyên môn và ý thức chấp hành đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng.

Nói chung các đảng bộ cơ quan trung ương có từ 250 đến

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.31, tr.193 (B.T).

300 đảng viên có cán bộ chuyên trách là đảng uỷ viên, những đảng bộ có từ 350 đảng viên trở lên nên có bí thư chuyên trách.

3. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc, Ban Tổ chức Trung ương, các ban cán sự và đảng uỷ các cơ quan dân, chính, đảng Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 38-CT/TW, ngày 21 tháng 2 năm 1978

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác quân sự địa phương trong giai đoạn mới

Công tác quân sự địa phương là một bộ phận rất quan trọng trong toàn bộ công tác quân sự của Đảng, nhằm phát huy sức mạnh của nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương trong sự nghiệp bảo vệ địa phương, bảo vệ Tổ quốc, cũng như động viên sức người sức của ở địa phương trong tình huống xảy ra chiến tranh.

Thực tiễn cách mạng nước ta chứng minh công tác quân sự địa phương giữ một vị trí rất trọng yếu trong sự nghiệp đấu tranh vũ trang, đấu tranh cách mạng của Đảng ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, với việc phát huy vai trò của công tác quân sự địa phương, chiến tranh nhân dân ở các địa phương đã phát triển đến một trình độ cao và đã góp phần rất to lớn vào thắng lợi chung của cả nước.

Từ khi đất nước được hoàn toàn giải phóng đến nay, công tác quân sự địa phương đã đạt được nhiều thành tích và đã có những phát triển mới.

Ở các tỉnh miền Bắc, gắn chặt với việc củng cố và hoàn

thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, lực lượng dân quân tự vệ đã được chấn chỉnh, củng cố và phát triển mạnh hơn trước về số lượng, về quy mô tổ chức và về chất lượng. Nhiều huyện đã tổ chức ra các trung đoàn, sư đoàn dân quân du kích tập trung lao động trên các công trường. Vận dụng những kinh nghiệm thích hợp của tổ chức quân sự và kỷ luật quân sự vào lĩnh vực lao động sản xuất, lực lượng vũ trang địa phương đã góp phần thúc đẩy tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian xây dựng công trình, tăng thêm hiệu quả kinh tế; đồng thời đã cùng với công an, bộ đội chủ lực làm tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo vệ biên giới, ven biển, hải đảo của Tổ quốc.

Ở các tỉnh miền Nam, các lực lượng vũ trang địa phương đã phối hợp với công an và bộ đội chủ lực phát động quần chúng truy quét tàn quân địch, trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương, tiến hành công tác lao động sản xuất có kết quả. Ở một số nơi, lực lượng vũ trang địa phương đã tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới.

Tuy nhiên, công tác quân sự địa phương chưa được đẩy lên đúng với tầm quan trọng của nó, chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh "bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng và đủ sức đập tan mọi hành động xâm lược và mọi hoạt động phản cách mạng" (Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng).

Bước sang giai đoạn mới, chúng ta cần nhận thức sâu sắc rằng chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, và các thế lực phản động quốc tế khác không bao giờ từ bỏ âm mưu phá hoại công cuộc hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân

dân ta. Chúng đang ra sức nắm lực lượng phản động các loại còn lén lút trong nước ta, tuyển chọn và nuôi dưỡng bọn tay sai đã chạy trốn ra nước ngoài, tổ chức móc nối với nhau, thực hiện mưu đồ đen tối của chúng, gây ra những hành động phá hoại, bạo loạn, kết hợp với hành động xâm lược từ ngoài vào.

Tình hình biên giới Việt Nam - Campuchia cho thấy các thế lực đế quốc và phản động quốc tế tuy có những mưu đồ khác nhau ở Đông Nam Á, nhưng đang câu kết với nhau gây khó khăn cho ta, ngăn cản, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, hạn chế và làm chậm bước tiến của cách mạng nước ta.

Tình hình trước mắt cũng như yêu cầu bảo vệ đất nước về lâu dài đòi hỏi chúng ta trong khi ra sức phấn đấu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phải đồng thời "luôn luôn coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội" (Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng).

Để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, *công tác quân sự địa phương trong giai đoạn mới phải nhằm thực hiện những yêu cầu cơ bản* sau đây:

1. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng và tích lũy tiềm lực quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương để làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân ở địa phương, cùng với bộ đội chủ lực và toàn dân bảo vệ biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển và thêm lực địa của Tổ quốc; chuẩn bị địa phương và góp phần chuẩn bị đất nước tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trong trường hợp xảy ra chiến tranh

xâm lược quy mô lớn.

2. Phát huy vai trò của lực lượng vũ trang địa phương trong nhiệm vụ cùng với công an nhân dân giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, đập tan mọi cuộc bạo loạn, trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ công cuộc lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền.

3. Phát huy vai trò gương mẫu, xung kích và khả năng to lớn của các lực lượng vũ trang địa phương trong công cuộc cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc lao động sản xuất xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở địa phương.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: "nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng".

Xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước. Các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền địa phương, các ngành và các đoàn thể quần chúng, trong khi tập trung sức cho nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phải quán triệt sâu sắc hơn nữa đường lối quân sự của Đảng, nhận rõ đặc điểm tình hình hiện nay, nhận rõ yêu cầu bảo vệ đất nước trước mắt cũng như về lâu dài, nâng cao cảnh giác cách mạng, tuỳ theo phạm vi trách nhiệm của mình mà tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thúc đẩy công tác quân sự địa phương phát triển lên một bước mới, nhằm đáp ứng các yêu cầu cơ bản nói trên.

Phải chú ý làm tốt các công tác sau đây:

1. Thường xuyên giáo dục ý thức quốc phòng, đường lối, nhiệm vụ quân sự của Đảng trong đảng bộ và nhân dân địa phương; đặc biệt coi trọng giáo dục nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi người dân nhận rõ nghĩa vụ thiêng liêng của mình là phải ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương.

2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân rộng khắp và vững mạnh, củng cố và nâng cao chất lượng bộ đội địa phương, xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân hàng năm và làm tốt công tác diễn tập động viên thời chiến.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ở các tỉnh miền Bắc phải gắn chặt với việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, với việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; ở các tỉnh miền Nam phải gắn chặt với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, với việc đánh địch, bảo vệ biên giới và hải đảo, trấn áp tàn quân ngụy và bọn phản động khác ở nội địa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, đẩy mạnh xây dựng cơ sở chính trị, cơ sở quần chúng ở địa phương.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân phải hết sức coi trọng chất lượng, bảo đảm tin cậy về mặt chính trị và nâng cao sức mạnh chiến đấu, nhất là ở các vùng biên giới, hải đảo, ven biển, các vùng xung yếu trong nội địa, các thành phố và khu công nghiệp.

3. Trên cơ sở các quy hoạch về xây dựng kinh tế, phát triển

văn hoá trên địa bàn huyện, cần có quy hoạch xây dựng nền quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, xây dựng huyện thành pháo đài vững mạnh về quân sự.

Các huyện biên giới và hải đảo phải căn cứ vào yêu cầu bảo vệ biên giới và hải đảo mà tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, phải thực hiện quân sự hoá toàn dân, xây dựng ấp, xã chiến đấu, kết hợp hệ thống ấp, xã chiến đấu với các khu vực phòng thủ của bộ đội, với đồn công an biên phòng, hình thành các tuyến phòng thủ vững chắc bảo vệ biên giới và hải đảo, sẵn sàng đánh bại mọi cuộc xâm lấn của kẻ địch.

4. Lãnh đạo chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách có quan hệ đến củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân mà Đảng và Nhà nước đã ban hành, chú trọng chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, chính sách đối với quân nhân phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, chính sách đối với dân quân tự vệ và các chính sách về thực hiện nghĩa vụ quân sự, tuyển quân.

5. Khẩn trương kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng cơ quan quân sự địa phương các cấp, bảo đảm làm tốt nhiệm vụ chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang địa phương trong xây dựng, hoạt động, chiến đấu và sản xuất; làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho cấp uỷ, đoàn kết hiệp đồng với các ngành, các đoàn thể và với các lực lượng khác trong việc thực hiện các nhiệm vụ quân sự của Đảng.

Khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quân sự địa phương. Đi đôi với nâng cao trình độ chính trị, quân sự, nghiệp vụ, phải chú trọng nâng cao hiểu biết về kinh tế; đi đôi với cử đi học tại các nhà trường, phải hết sức coi trọng

việc tổ chức học tập tại chức và bồi dưỡng ngắn ngày về những mặt công tác cần thiết, nhất là đối với cán bộ ở các tỉnh miền Nam.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mặt tổ chức, nhanh chóng đưa sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng về mặt quân sự đi vào nền nếp; các cấp uỷ đảng phải thường kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến về công tác quân sự, tăng cường kiểm tra, đôn đốc các ngành, các đoàn thể và cấp dưới thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về quân sự.

Trong cơ cấu tổ chức của cấp uỷ tỉnh và huyện, cần có một uỷ viên thường vụ là người của cơ quan quân sự; ở các huyện biên giới và hải đảo thực hiện quân sự hoá toàn dân thì bí thư huyện uỷ kiêm chính trị viên ban chỉ huy quân sự huyện; ở xã và cơ sở, thì bí thư đảng uỷ hoặc bí thư chi bộ kiêm chính trị viên xã đội, phường đội và cơ sở tự vệ; tăng cường tỷ lệ đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản trong đội ngũ dân quân tự vệ.

*

* *

Chỉ thị này được phổ biến toàn văn đến cấp huyện uỷ và tương đương. Chậm nhất đến cuối tháng 3-1978, Quân uỷ Trung ương, các tỉnh, thành uỷ báo cáo lên Ban Bí thư về kết quả triển khai thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 02-TB/TW, ngày 28 tháng 2 năm 1978

Chương trình công tác của Trung ương năm 1978

Năm 1978, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng từ trung ương đến cơ sở phải *tập trung sức thi hành Nghị quyết lần thứ hai và Nghị quyết lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương*, phấn đấu đạt cho được hai mặt chuyển biến lớn:

1. Phát động *phong trào quần chúng làm chủ tập thể rộng khắp*, nâng cao năng suất lao động, hiệu suất công tác, xây dựng nền nếp quản lý, nền nếp làm việc và nếp sống mới, đấu tranh có hiệu quả chống các hiện tượng hư hỏng, tiêu cực trong hoạt động kinh tế và trong xã hội.

2. Có tiến bộ rõ về quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý vật tư, về chế độ trách nhiệm và kỷ luật trong lao động và công tác, về tổ chức và cán bộ ở *xí nghiệp, ở cấp huyện và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp* và các đơn vị cơ sở của mọi ngành.

Công tác xây dựng đảng và công tác cán bộ cũng có những chuyển biến mới, gắn liền với phong trào quần chúng

làm chủ tập thể, thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước và những tiến bộ về cải tiến quản lý kinh tế.

NHỮNG VIỆC CHÍNH CỦA TRUNG ƯƠNG TRONG NĂM 1978

1. Chỉ đạo về tổ chức, biện pháp và chính sách để thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương

Chú trọng các vấn đề:

- Các biện pháp trước mắt để khắc phục khó khăn về lương thực - thực phẩm, giải quyết những vấn đề cấp bách về đời sống ở các thành phố.
- Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng công nghiệp.
- Cải tiến công tác lưu thông hàng hoá, chỉ đạo tích cực việc nghiên cứu để thực hiện một bước vào cuối năm hoặc đầu năm sau việc cải tiến công tác giá và tiền lương.
- Chuẩn bị các điều kiện để phát triển giao thông - vận tải và một số công trình công nghiệp quan trọng. Tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng cơ bản.
- Xúc tiến việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, tăng cường hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc, triển khai việc xây dựng huyện.
- Xác định đường lối, tổ chức và chính sách cụ thể nhằm phát triển kinh tế đối ngoại và công tác ngoại thương.

2. Chỉ đạo việc chấn chỉnh và cải tiến một bước công tác quản lý kinh tế

Những việc lớn phải làm trong năm 1978:

- Chấn chỉnh và cải tiến một bước công tác quản lý ở cơ sở, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

Trong công nghiệp, từng ngành phải nắm cho được cơ sở, tạo điều kiện cho cơ sở phát triển sản xuất. Trong nông nghiệp thì nghiên cứu và nâng lên các điển hình tiên tiến về tổ chức lại sản xuất ở hợp tác xã nông nghiệp, gắn liền với tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện. Xuất phát từ yêu cầu phát triển sản xuất ở cơ sở mà nghiên cứu, sửa chữa cách quản lý của cấp trên.

Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Soát lại để sửa chữa, cải tiến ngay những chính sách, chế độ, thể lệ về quản lý thấy rõ là không còn thích hợp với tình hình mới.

- Chấn chỉnh tổ chức sản xuất và quản lý của một số ngành kinh tế - kỹ thuật.

- Đổi mới công tác kế hoạch, cải tiến phương pháp kế hoạch hoá từ hệ thống cân đối, hệ thống chỉ tiêu, đến cách thức và trình tự làm kế hoạch ở các loại cơ sở, ở cấp huyện, cấp tỉnh, ở các ngành trung ương và kế hoạch chung của toàn bộ nền kinh tế.

- Giải quyết việc phân công, phân cấp quản lý giữa trung ương, tỉnh, thành, huyện và cơ sở.

- Xây dựng chế độ trách nhiệm và tăng cường kỷ luật ở các cấp. Chỉ đạo việc thi hành Nghị quyết 228 chống các biểu hiện tiêu cực, qua đó chấn chỉnh một bước bộ máy quản lý.

- Tổ chức bồi dưỡng về quản lý cho cán bộ lãnh đạo huyện, tỉnh và các giám đốc xí nghiệp. Tổ chức báo cáo về quản lý kinh tế cho cán bộ cao cấp.

- Cuối năm 1978 đưa ra Bộ Chính trị thảo luận đề cương về cải tiến quản lý kinh tế và tích cực chuẩn bị để sang năm 1979 Trung ương thảo luận và quyết định việc cải tiến một cách cơ bản và toàn diện công tác quản lý kinh tế.

Bộ Chính trị đã chỉ định một tiểu ban (lâm thời) để chuẩn bị những vấn đề về quản lý kinh tế, gồm có các đồng chí: Nguyễn Duy Trinh, Phạm Hùng, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Lam, Nguyễn Côn, Võ Thúc Đồng, Nguyễn Văn Trân.

3. Chỉ đạo việc thảo luận và thông qua hiến pháp mới, chỉ đạo chặt chẽ nội dung đại hội của Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Yêu cầu chính là: tìm ra phương thức hoạt động mới của từng đoàn thể nhân dân, của các cơ quan đại diện của nhân dân ở các cấp nhằm đạt được một bước tiến bộ trong việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường chất lượng của công tác dân vận và công tác mặt trận.

4. Chỉ đạo các công tác an ninh, quốc phòng và đối ngoại

Ngoài những việc bất thường, hằng tháng Bộ Chính trị nghe báo cáo về quốc phòng, an ninh và đấu tranh ngoại giao, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ chỉ đạo và tổ chức thực hiện cho được các chủ trương, kế hoạch đã có về công tác biên giới, về trị an xã hội.

Trong năm nay, Bộ Chính trị thảo luận và thông qua nghị quyết về công tác an ninh, nghị quyết về công tác quốc phòng trong giai đoạn mới.

5. Về mặt văn hoá, khoa học

Bộ Chính trị sẽ thảo luận và quyết định về cải cách giáo dục. Chuẩn bị để đầu năm 1979, Bộ Chính trị thảo luận và quyết định về phương hướng phát triển khoa học - kỹ thuật.

6. Về công tác xây dựng đảng, công tác tổ chức và công tác cán bộ, chú trọng những việc:

- Tăng cường tổ chức lãnh đạo ở các ngành kinh tế quan trọng.
- Quy hoạch cán bộ cao cấp và thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết 225.
- Chỉ đạo công tác xây dựng đảng ở miền Nam, tiếp tục đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.
- Xây dựng tổ chức và chế độ làm việc của Trung ương và các cấp.

BA KỲ HỌP CỦA TRUNG ƯƠNG TRONG NĂM 1978**1. Hội nghị Trung ương lần thứ tư về tổ chức và chế độ làm việc họp vào tháng 5-1978**

Trong tháng 3 và tháng 4, Bộ Chính trị sẽ thảo luận đề án do anh Thọ chuẩn bị.

Ở kỳ họp này Trung ương cũng có nghị quyết về việc chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng nhằm thúc đẩy công tác xây dựng đảng và việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế trong ba năm trước mắt (anh Tố Hữu chủ trì chuẩn bị dự thảo nghị quyết này).

2. Hội nghị Trung ương lần thứ năm về hiến pháp mới họp vào tháng 8-1978

Từ bây giờ, Ban Bí thư chỉ đạo việc hướng dẫn thảo luận và lấy ý kiến cán bộ, nhân dân về dự thảo hiến pháp mới nhằm đạt được những yêu cầu nêu ra trong chỉ thị của Bộ Chính trị.

Trong Hội nghị Trung ương tháng 8-1978, Trung ương có thể nghe báo cáo chương trình chuẩn bị các vấn đề lớn về cải tiến quản lý kinh tế.

3. Hội nghị Trung ương lần thứ sáu về kế hoạch nhà nước năm 1979

Bộ Chính trị duyệt con số kiểm tra vào tháng 4, duyệt kế hoạch năm 1979 vào tháng 10; trình kế hoạch ra Trung ương vào tháng 11. Kế hoạch 1979 được trình ra Hội đồng Chính phủ và Quốc hội trong tháng 12.

Trong kỳ họp này, Trung ương sẽ nghe báo cáo những công việc đã làm được từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ ba về chấn chỉnh quản lý kinh tế và đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong kinh tế và xã hội.

Các vấn đề đưa ra bàn ở Bộ Chính trị:

Ngoài các kỳ họp để chuẩn bị cho các hội nghị Trung ương nói trên, trong nửa đầu năm, Bộ Chính trị nghe báo cáo và cho ý kiến các vấn đề: cân đối lương thực năm 1978 và các biện pháp để huy động lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long, phát triển ngành hải sản, giao thông - vận tải, xây dựng cơ bản, số kiểm tra kế hoạch 1979, điều chỉnh kế hoạch năm 1978, cho ý kiến về đại hội Công đoàn, vấn đề an ninh.

Trong nửa cuối năm, bàn các vấn đề: phát triển công

ng nghiệp hàng tiêu dùng, cải cách giáo dục, cách mạng khoa học - kỹ thuật, kinh tế đối ngoại và xuất khẩu, giá cả và tiền lương, công tác quốc phòng, đề cương cải tiến quản lý kinh tế.

Về công việc của Ban Bí thư:

Ban Bí thư kiểm tra chặt chẽ việc thi hành các nghị quyết ở các ngành, các cấp; giải quyết kịp thời các vấn đề cụ thể về tổ chức và cán bộ.

Đặc biệt chú trọng các vấn đề: xây dựng huyện, công tác thương nghiệp và đời sống, việc thi hành Nghị quyết 228, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, công tác xây dựng đảng ở miền Nam. Ban Bí thư chú trọng chỉ đạo tốt đại hội các đoàn thể để vừa thúc đẩy công tác năm nay vừa chuẩn bị cho phong trào quần chúng những năm sau.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 03-TB/TW, ngày 2 tháng 3 năm 1978

Ý kiến của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ về một số nhiệm vụ công tác của Thủ đô trong năm 1978

I- VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ, CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Căn cứ vào ý kiến của Bộ Chính trị về phương hướng xây dựng và cải tạo Thủ đô Hà Nội, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ trong dịp chuẩn bị Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ Hà Nội, đã cho ý kiến về phát triển kinh tế, văn hoá, chăm lo đời sống nhân dân. Vấn đề quan trọng là chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt những chủ trương đã đề ra.

Trong năm qua, Thành uỷ Hà Nội đã đi vào chỉ đạo thiết thực và đạt một số kết quả về sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, chăm lo đời sống nhân dân, và phát động ba phong trào xây dựng thủ đô xã hội chủ nghĩa. Song nhiều khả năng sản xuất và sức lao động chưa được huy động hết; quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa được

phát huy mạnh, phong trào quần chúng mới có chuyển biến bước đầu.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, các ngành trung ương và Thành uỷ Hà Nội khẩn trương chuẩn bị để sớm trình Bộ Chính trị quyết định quy hoạch mở rộng, cải tạo và xây dựng Thủ đô, làm căn cứ rõ rệt cho việc bố trí lại sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, các cơ sở văn hoá, các khu dân cư và từng bước cải tạo và xây dựng Thủ đô về mọi mặt.

Trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa trung ương, địa phương và cơ sở và có sự phân công, phối hợp tốt giữa Hà Nội với thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác, sớm quy hoạch cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lý ở Thủ đô, hiện đại hoá sản xuất nhanh hơn và quản lý Hà Nội tốt hơn nhằm tăng nhanh hàng hoá với chất lượng tốt để đáp ứng yêu cầu cải thiện đời sống nhân dân Thủ đô, phục vụ nhu cầu của nhân dân cả nước, và tăng nhanh khối lượng và giá trị hàng hoá xuất khẩu, đồng thời làm cho Hà Nội xứng đáng tiêu biểu cho cả nước về trình độ phát triển sức sản xuất cũng như về tổ chức quản lý kinh tế, tổ chức mọi mặt đời sống.

Xúc tiến việc xây dựng và thực hiện quy hoạch công nghiệp của Hà Nội bao gồm công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương đáp ứng được yêu cầu của nhân dân Hà Nội, yêu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Chú trọng xây dựng và phát triển những ngành công nghiệp có kỹ thuật cao như cơ khí chính xác, công nghiệp điện và điện tử, quang học. Phát triển nhanh hơn nữa công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm (bột mì, mì chính, chế biến sắn, rau, cá nước ngọt...), công nghiệp hàng

tiêu dùng với mặt hàng phong phú, số lượng lớn hơn và chất lượng cao như dệt, da, may mặc, cao su, hoá chất, gỗ, giấy, sứ, thuỷ tinh, vật liệu xây dựng, đồng hồ, quạt điện, máy thu thanh, thu hình, máy khâu, xe đạp, phụ tùng xe đạp, đồ chơi trẻ em, học cụ, v.v..

Tổ chức lại sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, bao gồm cả sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp gia đình, sử dụng tốt tài khéo léo của nhân dân Thủ đô, trang bị thêm một số máy tinh xảo, tập trung cung cấp đủ nguyên liệu cần thiết, phát triển và nâng cao mỹ thuật công nghiệp, v.v. để làm cho mặt hàng tiêu dùng ngày càng đa dạng, phong phú, có chất lượng cao, giá cả hợp lý. Tổ chức lại sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phải đặt và giải quyết trong khuôn khổ tổ chức lại sản xuất công nghiệp gắn bó về tổ chức sản xuất, phân công và hợp tác sản xuất theo những hình thức thích hợp giữa các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cùng ngành hoặc thuộc những ngành gần nhau.

Nông nghiệp ngoại thành phải lấy việc sản xuất phục vụ thành phố, nhất là về thực phẩm làm chính. Với việc mở rộng từng bước các khu vực ngoại thành, nông nghiệp của thành phố phải cung ứng được đại bộ phận nhu cầu thực phẩm cho thành phố, sản xuất một phần lương thực và sản xuất nông sản xuất khẩu. Vì thế, phải dành phần thích đáng về diện tích đất, về sức lao động cho việc trồng rau, cây ăn quả và chăn nuôi lợn, gà, gia cầm, cá, trâu bò lấy sữa và lấy thịt. Hà Nội cần tận dụng tốt đất đai, khai thác hết diện tích còn hoang hoá, đưa vòng quay của đất lên tới ba, bốn lần trong một năm và triệt để áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng và con gia súc. Chính phủ cần

dành cho Hà Nội một số lương thực thích đáng làm thức ăn phát triển chăn nuôi. Cơ giới hoá và điện khí hoá nhanh nông nghiệp ở ngoại thành, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, tổ chức quản lý tốt sản xuất và đời sống vật chất, văn hoá trong từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện, làm cho nông nghiệp, nông thôn ngoại thành thực sự tiêu biểu cho nông nghiệp, nông thôn xã hội chủ nghĩa, làm gương về mọi mặt tiến bộ kỹ thuật, quản lý, năng suất cây trồng và con gia súc, năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, về xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, tích cực xoá dần sự cách biệt giữa thành phố và nông thôn ngoại thành.

Hà Nội cần phát triển mạnh sản xuất và tích cực nâng cao chất lượng hàng hoá xuất khẩu (như hàng dệt, da, may mặc, đồ gỗ, vệt bóng bàn, gọng kính, các loại thảm len, giày, bẹ ngô, hàng thêu, hàng mây, tre, song, các loại hàng thủ công mỹ nghệ khác, một số hàng kim khí tiêu dùng, một số nông sản như hành, tỏi, dưa hấu, v.v.). Các ngành trung ương cần tăng thêm hàng gia công xuất khẩu cho Hà Nội. Chú ý thu xếp cho cán bộ quản lý sản xuất và lưu thông của thành phố Hà Nội tham quan tìm hiểu được yêu cầu của các thị trường tiêu thụ nhằm kịp thời cải tiến mặt hàng, cải tiến cách tổ chức vận minh các khâu từ sản xuất, lưu thông, bảo quản đến tiêu thụ.

Ra sức tổ chức sản xuất vật liệu xây dựng tại chỗ và tăng nhanh lực lượng thiết kế, thi công, trong đó có cả lực lượng quân đội làm nhiệm vụ xây dựng để căn bản hoàn thành xây dựng Thủ đô theo yêu cầu đã đề ra. Bảo đảm cung ứng than để Hà Nội có thể tự giải quyết nhu cầu về gạch, ngói và vật

liệu xây dựng khác cần thiết cho Hà Nội. Cải tiến tổ chức quản lý thi công, chấm dứt tình trạng xây rồi lại phá, đào lên lấp xuống một cách tuỳ tiện vì thiếu quy hoạch, thiếu sự phối hợp giữa các ngành và làm không bảo đảm chất lượng; Ủy ban nhân dân thành phố phải tổ chức thật tốt việc phối hợp các ngành trong công tác xây dựng ở thành phố. Đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng công trình về độ bền và trình độ mỹ thuật. Trong năm 1978, đi đôi với việc xây dựng các công trình sản xuất, đẩy nhanh hơn tốc độ xây dựng các công trình phúc lợi, chú trọng mạng lưới cung cấp nước, điện, hoàn thành vượt mức kế hoạch xây dựng 18 vạn m² nhà ở; từng bước cải tạo và mở rộng các đường phố, các công trình cống rãnh thoát nước, v.v..

Cải tiến và tăng cường công tác dịch vụ. Tích cực mở rộng mạng lưới phân phối nhu yếu phẩm có tổ chức, bảo đảm cung ứng hàng hoá công bằng, hợp lý, tiện lợi đến tận tay người tiêu dùng. Chú trọng nâng cao trình độ văn minh thương nghiệp, chấm dứt tình trạng làm ăn cẩu thả, vô trách nhiệm đối với cuộc sống của nhân dân, coi đó là một mặt quan trọng của cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh ở Thủ đô. Tăng cường công tác quản lý thị trường, đấu tranh có hiệu quả hơn nữa chống tệ phe phẩy, móc ngoặc. Tăng thêm phương tiện cơ giới, tổ chức tốt giao thông vận tải công cộng, bảo quản tốt các phương tiện, quản lý tốt việc vận chuyển, thuận lợi cho sự đi lại của nhân dân, tiến tới giảm tình trạng xe đạp quá nhiều và đi lại lộn xộn như hiện nay. Giải quyết tốt hơn nhu cầu về điện, nước, hố xí, vệ sinh của thành phố, chấm dứt việc dùng phân tươi để bón ruộng hoặc nuôi cá. Tổ chức tốt lực lượng chuyên môn sửa chữa nhà cửa và các đồ

dùng khác trong nhu cầu sinh hoạt hằng ngày cũng như lực lượng làm vệ sinh công cộng của thành phố.

Hà Nội phải luôn luôn dẫn đầu trong cả nước về nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Thoả mãn tốt hơn nhu cầu về nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường học, nhu cầu về phương tiện để tổ chức vui chơi và giáo dục thiếu nhi. Đưa tỷ lệ học sinh phổ thông cấp II, cấp III ở Hà Nội lên cao hơn so với tỷ lệ ở các tỉnh khác. Bên cạnh các trường phổ thông và đại học, Hà Nội cần phát triển mạnh các trường trung học vừa học vừa làm, trường dạy nghề, trường kỹ thuật các cấp, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong các trường, để bảo đảm cho mọi thanh niên và thiếu niên đều được học văn hoá, học nghề, được trang bị kiến thức và ý thức cần thiết để chuẩn bị xây dựng đất nước một cách tốt nhất; kịp thời giải quyết lực lượng lao động kỹ thuật và quản lý cho việc xây dựng Thủ đô.

Trên cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá và tổ chức tốt đời sống vật chất, văn hoá ở Thủ đô và tiếp tục đưa người đi mở mang vùng kinh tế mới, bảo đảm trong năm 1978 mọi người đến tuổi lao động đều có việc làm và phải làm việc, đồng thời tích cực tăng nhanh năng suất lao động trong mọi ngành hoạt động.

Phải có những biện pháp cụ thể, thiết thực phát huy sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nhất là ở các cơ sở, đưa phong trào quần chúng tiến lên với khí thế cách mạng sôi nổi, mạnh mẽ hơn nữa, đồng thời cần có sự đầu tư thích đáng hơn của Nhà nước để làm cho Thủ đô sớm trở thành nơi sản xuất tiên tiến nhất, có nền nếp quản lý tiến bộ nhất, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân được tổ

chức tốt nhất, xứng đáng là Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ cùng các ngành trung ương và Hà Nội bàn các chủ trương, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể nhằm tạo ra được những chuyển biến mới, mạnh mẽ hơn trên các mặt công tác ở Thủ đô trong năm 1978.

II- VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở THỦ ĐÔ

Thủ đô Hà Nội là nơi "ngàn năm văn vật" là niềm tự hào của cả nước, nhất thiết phải là nơi tiêu biểu của xã hội mới, nền văn hoá mới, con người mới Việt Nam. Hiện nay tình hình an ninh, trật tự có những vấn đề nghiêm trọng, nhiều mặt tiêu cực trong xã hội đang có chiều hướng phát triển, làm ảnh hưởng không tốt đến đời sống và tâm tư, tình cảm của nhân dân.

Phải kịp thời và kiên quyết tăng cường công tác bảo vệ an ninh trật tự ở Thủ đô. Cần nắm vững, phân loại các đối tượng, có chính sách xử lý đúng với từng loại đối tượng và sử dụng tổng hợp mọi biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính, pháp luật để quét sạch bọn lưu manh, bọn buôn bán trái phép, nghiêm trị kịp thời những tên phạm trọng tội giết người, cướp của, ăn cắp, hối lộ; phải cưỡng bức lao động đối với bọn vô nghề nghiệp, giáo dục, cải tạo số thanh niên, thiếu niên hư hỏng, v.v. để trong năm 1978 ổn định cho được tình hình an ninh xã hội.

Phải quán triệt nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, công an là công cụ chuyên môn trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự. Do đấy mà tích cực

tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng về mọi mặt, chú trọng tăng cường chỉ đạo công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đấu tranh kiên quyết chống các hiện tượng tiêu cực trong nội bộ đảng, cơ quan nhà nước và ngoài nhân dân. Cải tiến, tăng cường các mặt công tác quản lý và thi hành kỷ luật nghiêm minh trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội của các cơ quan nhà nước, từ trung ương đến cấp thành, đến từng xí nghiệp, cửa hàng, hợp tác xã, phường, xã. Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân thành phố được quyền kiểm tra sự hoạt động và quản lý của những cơ sở kinh tế trung ương ở Hà Nội.

Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong quản lý kinh tế, quản lý đời sống xã hội trong phạm vi toàn thành phố và trong từng đơn vị, phát động cho được phong trào quần chúng rộng rãi tự giác, tự nguyện tham gia bảo vệ an ninh, trật tự vì cuộc sống yên vui, hạnh phúc của mọi người và của gia đình mình. Tổ chức lực lượng quần chúng làm công tác bảo vệ an ninh, trật tự dưới nhiều hình thức thích hợp. Khẩn trương xây dựng cấp phường vững mạnh. Chấn chỉnh và tăng cường thêm một bước đội ngũ cán bộ, nhân viên công an, cảnh sát công khai và bí mật, rất chú trọng việc chọn lựa người tốt tại Thủ đô là chủ yếu. Phải huấn luyện tốt hơn về chính sách, nghiệp vụ và trách nhiệm, về kỷ luật và tư thế, tác phong người công an, người cảnh sát nhân dân.

Tăng thêm lực lượng quân cảnh, phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự thành phố. Kết hợp chặt chẽ hoạt động nghiệp vụ của ngành công an với phong trào quần chúng tham gia công tác bảo vệ

an ninh, trật tự mà phát hiện, nắm chắc tình hình các đối tượng và giám sát, quản lý chúng từ gốc.

Phải bằng mọi biện pháp bảo đảm cho mọi người đến tuổi có việc làm, bắt buộc mọi người có sức phải lao động, làm việc chính đáng; thanh niên, thiếu niên trong lứa tuổi học tập được thu hút hết vào các trường, lớp học văn hoá, học nghề hoặc vừa làm vừa học.

Tổ chức tốt và đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới ở Thủ đô. Chú trọng tăng cường việc giáo dục thanh niên, thiếu nhi. Ban Tuyên huấn, các đoàn thể, các trường học có trách nhiệm làm tốt công tác này. Cán bộ, đảng viên phải có ý thức và trách nhiệm trong việc giáo dục con cái mình. Phải tổ chức nhiều hình thức giáo dục, vui chơi, giải trí lành mạnh cho thanh niên, thiếu niên, hướng dẫn thanh niên chống lại lối sống chạy theo dục vọng thấp hèn (ăn hút lung tung, yêu đương bừa bãi). Đối với số thanh niên, thiếu niên hư hỏng, phải biết lấy tình thương và lao động mà giáo dục, cải tạo họ; phải biết dùng số trước đây hư hỏng nay đã thật thà cải tạo tốt làm nòng cốt để cải tạo họ.

Phải kiên quyết không để cho các đối tượng xấu và bọn ăn cắp ở lại Thủ đô. Đối với các đối tượng nguy hiểm về chính trị, bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn can phạm hình sự không chịu cải tạo, bọn buôn gian bán lận, phe phẩy chuyên nghiệp, v.v., phải kiên quyết đưa vào trại sản xuất ở xa thành phố để cải tạo lâu dài bằng lao động sản xuất và giáo dục, tạo điều kiện cho chúng lập nghiệp ở đó, không cho trở lại thành phố.

Chấn chỉnh trật tự giao thông, phân luồng, phân tuyến nhiều hơn nữa. Sớm xây dựng hệ thống đèn hiệu điều khiển giao thông. Kết hợp tăng cường giáo dục kỷ luật giao thông và biện pháp xử phạt các vụ vi phạm. Tổ chức tốt lực lượng cảnh sát giao thông, các đội thanh niên cò đở để bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn, tránh để xảy ra tắc nghẽn giao thông và tai nạn giao thông. Bỏ ngay việc huy động người già và thiếu nhi giữ trật tự giao thông, bỏ ngay những hình thức cắt tóc, xén quần người qua lại. Phải bảo đảm tốt trật tự giao thông ở các cầu, các khu vực có nhà ga, sân bay và khách sạn.

Đảng bộ và chính quyền thành phố phải có kế hoạch cụ thể thực hiện kiên quyết và kịp thời những chủ trương, biện pháp nói trên. Thường vụ Hội đồng Chính phủ sớm tăng thêm lực lượng, phương tiện (xe cộ, vũ khí, máy thông tin) cho công an Hà Nội, ban hành những chính sách và quy định cần thiết nhằm bảo đảm an ninh, trật tự ở Thủ đô, và cấp đất cho Hà Nội để làm trại sản xuất ở xa thành phố.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN XUÂN BÁCH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 16-QĐ/TW, ngày 7 tháng 3 năm 1978

Về việc xây dựng bộ phận thu và in báo *Nhân dân* tại Đà Nẵng

- Dựa vào phương hướng cải tiến của báo Nhân dân nêu trong Quyết định số 257-QĐ/TW, ngày 20-9-1976, của Ban Bí thư Trung ương Đảng¹⁾;

- Để tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho báo Nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, nước nhà đã thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Báo Nhân dân được xây dựng một bộ phận thu và in báo *Nhân dân* tại thành phố Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng để phát hành báo cùng ngày với Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.281 (B.T).

2. Ban Biên tập báo *Nhân dân* được đặt một bộ phận thường trú gọn, nhẹ có chất lượng cao tại thành phố Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng để tổ chức nghiên cứu, theo dõi việc phát hành báo ở các tỉnh Khu V cũ.

3. Ban Tuyên huấn Trung ương, Tỉnh uỷ Quảng Nam - Đà Nẵng, Văn phòng Trung ương Đảng và các ban, các ngành có liên quan có trách nhiệm cùng Ban Biên tập báo *Nhân dân* thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 39-CT/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1978

**Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và tổ chức của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
các đảng bộ tỉnh, thành**

Các Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng các tỉnh, thành ở miền Bắc thành lập đã được 15 năm, đã huy động và sử dụng được một số cán bộ, đảng viên, quần chúng tham gia xây dựng lịch sử đảng bộ trên các mặt: sưu tầm, cung cấp, xác minh, hệ thống hoá tư liệu, dịch tài liệu, v.v.. Một số ban đã viết sơ thảo lịch sử đảng bộ tỉnh, có ban đã giúp huyện viết lịch sử đảng bộ huyện; viết chuyên đề về Hồ Chủ tịch đối với địa phương; xuất bản hồi ký cách mạng, gương sáng đảng viên, v.v.. Hầu hết tỉnh, thành ở miền Nam, sau ngày giải phóng, đã lập Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng và đã có báo cáo đều cho Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương.

Nhưng đến nay, các Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng các tỉnh, thành, ngay cả ở miền Bắc, chưa có đủ cán bộ nghiên cứu và chất lượng còn yếu, có nơi vẫn chưa có trưởng ban. Các ban ở miền Nam còn lúng túng trong công tác vì chưa biết cách làm, thiếu người và chưa được cấp uỷ quan tâm chỉ

đạo. Một số chiến sĩ, thanh niên, học sinh được dự lớp bồi dưỡng ngắn hạn do Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương mở ở thành phố Hồ Chí Minh phần lớn lại bị điều đi làm công tác khác.

Về ngân sách chi tiêu hằng năm và phương tiện công tác còn nhiều khó khăn.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng về việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng, Nghị quyết số 41, ngày 24-1-1962¹⁾, của Bộ Chính trị về nhiệm vụ, quyền hạn, phương châm, nguyên tắc và lề lối làm việc của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, tiếp theo các Chỉ thị số 187, ngày 4-1-1971²⁾, số 242, ngày 20-11-1976³⁾, và các Thông tri số 91, ngày 18-9-1962⁴⁾, số 309, ngày 9-2-1974, nay Ban Bí thư quy định thêm một số điểm cụ thể như sau:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh, thành phố là một cơ quan chuyên môn nghiên cứu lịch sử đảng bộ địa phương do cấp uỷ đảng trực tiếp lãnh đạo về mọi mặt, được sự hướng dẫn của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương về phương hướng công tác, về nội dung, phương pháp nghiên cứu và bồi dưỡng, đào tạo cán bộ. Chức năng của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng các tỉnh, thành là nghiên cứu và biên soạn lịch sử

1), 4) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.63, 733 (B.T).

2) *Sđd*, t.32, tr.244 (B.T).

3) *Sđd*, t.37, tr.443 (B.T).

đảng bộ địa phương giúp các cấp uỷ địa phương tổng kết những kinh nghiệm lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, góp phần biên soạn lịch sử của toàn Đảng.

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng địa phương có nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu, biên soạn những vấn đề thuộc về lịch sử đảng bộ địa phương.

2. Giúp cấp uỷ địa phương nghiên cứu, tổng kết những vấn đề thuộc về lịch sử đảng bộ địa phương, nhằm phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cho việc giáo dục phát huy truyền thống cách mạng ở địa phương.

3. Tham gia ý kiến, cung cấp tư liệu, cộng tác với các cơ quan có trách nhiệm ở địa phương trong việc xây dựng bảo tàng cách mạng, nhà lưu niệm, nhà truyền thống địa phương; tham gia ý kiến với các trường đảng và các trường nhà nước về nội dung giảng dạy lịch sử Đảng.

4. Phối hợp với Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng trong việc xác minh tài liệu lịch sử Đảng, nhất là các tài liệu ở địa phương; đồng thời góp ý kiến và cung cấp tài liệu vào việc biên soạn lịch sử chung của toàn Đảng.

5. Phối hợp chặt chẽ với văn phòng cấp uỷ trong việc sưu tầm, xác minh và khai thác tài liệu về lịch sử Đảng.

Ngoài những quyền hạn chung đã quy định cho các ban chuyên môn trực thuộc cấp uỷ, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng địa phương được nghiên cứu và sao chép lại những tài liệu về lịch sử Đảng đang được lưu giữ tại văn phòng cấp uỷ, trừ những tài liệu tuyệt mật.

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng được cấp ngân sách riêng để hoạt động như các ban khác của Đảng.

II- BỘ MÁY TỔ CHỨC

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng do một đồng chí thường vụ cấp uỷ trực tiếp làm trưởng ban, hoặc do cấp uỷ chỉ định một đồng chí ngoài cấp uỷ chuyên trách, nhưng dưới quyền phụ trách của một đồng chí trong thường vụ cấp uỷ. Giúp việc trưởng ban có từ một đến hai phó trưởng ban chuyên trách. Trưởng ban là người chịu trách nhiệm chung trước cấp uỷ về công tác nghiên cứu lịch sử Đảng ở địa phương. Trưởng ban đề xuất và cùng tập thể ban xét duyệt phương hướng, nhiệm vụ, nội dung công tác nghiên cứu của ban từng thời kỳ; xét duyệt những công trình nghiên cứu quan trọng; xét những vấn đề lớn thuộc tổ chức bộ máy và cán bộ của ban trước khi trình lên thường vụ cấp uỷ.

Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng, phó trưởng ban là những đồng chí giúp việc trưởng ban, được phân công chịu trách nhiệm về từng mặt công tác của ban.

Bộ máy giúp việc của ban cần gọn nhẹ, *trọng chất lượng hơn số lượng*, có khả năng nghiên cứu. Các tỉnh, thành phố thuộc loại lớn được biên chế từ 14 đến 16 cán bộ nghiên cứu. Các tỉnh loại vừa và nhỏ được biên chế từ 8 đến 13 cán bộ nghiên cứu. Ngoài số cán bộ nghiên cứu, mỗi ban có một số nhân viên cần thiết, số này không quá 1/4 tổng số biên chế của ban.

Các huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ lập ra ban sưu tầm tài liệu lịch sử Đảng để giúp cấp uỷ nghiên cứu và biên soạn những sự kiện lịch sử Đảng; phối hợp với văn phòng cấp uỷ trong việc sưu tầm tài liệu lịch sử Đảng; cùng với cơ quan văn hoá, thông tin xây dựng nhà bảo tàng cách mạng hoặc nhà trưng bày truyền thống. Ban có một trưởng ban, một phó trưởng ban hoặc uỷ viên thường trực và một số uỷ viên kiêm nhiệm

do cấp uỷ chỉ định. Ban có từ một đến hai cán bộ nghiên cứu chuyên trách (kể cả phó trưởng ban hoặc uỷ viên thường trực). Bí thư hoặc phó bí thư huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ làm trưởng ban. Phó trưởng ban hoặc uỷ viên thường trực là cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng chuyên trách. Các ban tuyên huấn, tổ chức, quân sự, phòng thông tin văn hoá, giáo dục cử một đồng chí lãnh đạo tham gia làm uỷ viên.

Thi hành Chỉ thị này, các tỉnh uỷ, thành uỷ phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ đã quy định, lựa chọn cẩn thận, từng bước bổ sung cho đủ số lượng, cụ thể hoá phương hướng, nhiệm vụ, phương châm, phương pháp công tác cho Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng của đảng bộ mình và phân công một đồng chí trong thường vụ cấp uỷ phụ trách ban này. Các cấp uỷ đảng cần căn cứ vào các quy định trong các chỉ thị đã có của Ban Bí thư, chỉ đạo chặt chẽ công tác sưu tầm, thu thập, chỉnh lý, bảo quản, lưu trữ... tài liệu của Đảng, nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu lịch sử Đảng và việc nghiên cứu, tổng kết các chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng.

Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương giúp các tỉnh uỷ, thành uỷ nhanh chóng ổn định tổ chức Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng của địa phương, nhất là ở miền Nam.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 35-TT/TW, ngày 13 tháng 3 năm 1978

Về việc tổ chức đội ngũ giảng viên lý luận kiêm chức của Đảng

Hiện nay, việc học tập tại chức về lý luận Mác - Lênin của cán bộ, đảng viên đang được mở rộng, yêu cầu giảng viên ngày càng lớn. Đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp chưa đủ đáp ứng yêu cầu của các trường và lớp tập trung nên không hỗ trợ được nhiều cho việc học tập tại chức. Vì vậy vấn đề củng cố và phát triển mạng lưới giảng viên kiêm chức trở thành khâu then chốt trong việc mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào học tập tại chức về lý luận Mác - Lênin.

Để tạo điều kiện cho việc xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm chức, Ban Bí thư ban hành quy chế đối với giảng viên kiêm chức của Đảng như sau:

I- VỀ TỔ CHỨC

1. Tổ chức đội ngũ giảng viên lý luận kiêm chức

a) Hiện nay có bốn chương trình lý luận cơ bản, nên giảng viên kiêm chức sẽ bao gồm bốn loại như sau:

- Giảng viên chương trình cao cấp, chuyên tu và nghiên cứu sinh.

- Giảng viên chương trình trung cấp.

- Giảng viên chương trình sơ cấp.

- Giảng viên chương trình cơ sở.

b) Giảng viên kiêm chức của các chương trình từ sơ cấp trở lên tổ chức theo từng môn học: triết học, chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng, v.v..

c) Giảng viên kiêm chức của chương trình cơ sở không chia thành môn.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn

Giảng viên lý luận kiêm chức phải là những cán bộ tuyệt đối trung thành với đường lối của Đảng, ý thức tư tưởng tốt, sinh hoạt lành mạnh. Về trình độ lý luận và nghiệp vụ phải đạt những tiêu chuẩn sau đây:

- Giảng viên chương trình cao cấp phải là những đồng chí đã học xong chương trình nghiên cứu sinh, chuyên tu hoặc có trình độ tương đương.

- Giảng viên chương trình trung cấp phải là những đồng chí đã học chương trình cao cấp hoặc có trình độ tương đương.

- Giảng viên chương trình sơ cấp phải là những đồng chí đã học chương trình trung cấp hoặc có trình độ tương đương.

- Giảng viên chương trình cơ sở phải là những đồng chí đã học chương trình sơ cấp hoặc có trình độ tương đương.

Để bảo đảm chất lượng giảng dạy, cần lựa chọn vào đội ngũ giảng viên lý luận kiêm chức những đồng chí đã giảng dạy một số bài có chất lượng; hoặc qua thực tế công tác đã tỏ

ra là có trình độ nghiên cứu lý luận, nắm được vấn đề sẽ giảng và có khả năng trình bày, diễn đạt tốt.

3. Việc xét duyệt giảng viên kiêm chức

Danh sách giảng viên các chương trình cao cấp và nghiên cứu sinh của Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương do Ban Giám đốc trường đề nghị và Ban Bí thư duyệt. Danh sách giảng viên chương trình cao cấp của các trường và các lớp khác do Ban Tuyên huấn Trung ương đề nghị và Ban Bí thư duyệt.

Danh sách giảng viên chương trình trung cấp ở các phân hiệu Nguyễn Ái Quốc do Ban Tuyên huấn Trung ương duyệt.

Danh sách giảng viên chương trình trung cấp của các lớp ở tỉnh, thành do ban tuyên huấn tỉnh, thành đề nghị và ban thường vụ tỉnh, thành uỷ duyệt.

Danh sách giảng viên chương trình sơ cấp do ban tuyên huấn tỉnh, thành đề nghị và tỉnh, thành uỷ duyệt.

Danh sách giảng viên chương trình cơ sở do ban tuyên huấn huyện đề nghị và do huyện uỷ duyệt.

Danh sách giảng viên kiêm chức cần được bổ sung hằng năm và có điều chỉnh. Những giảng viên không đủ tiêu chuẩn hoặc không hoạt động đúng quy chế sẽ rút ra khỏi danh sách.

4. Việc quản lý đội ngũ giảng viên kiêm chức

Quản lý đội ngũ giảng viên lý luận kiêm chức bao gồm những việc: nắm danh sách, theo dõi và nhận xét hoạt động của giảng viên, tổ chức bồi dưỡng thường xuyên về lý luận, đường lối chính sách và nghiệp vụ, thực hiện các chính sách

đãi ngộ theo quy định trong quy chế, điều động đi giảng cho các trường, các lớp.

Giảng viên chương trình cao cấp của trường đảng cao cấp do trường quản lý; của các trường và lớp khác thì do Ban Tuyên huấn Trung ương quản lý; giảng viên chương trình trung cấp và sơ cấp ở các địa phương do ban tuyên huấn tỉnh, thành quản lý; giảng viên chương trình cơ sở do ban tuyên huấn huyện quản lý; ở các cơ quan do đảng uỷ cơ quan quản lý.

5. Chế độ công tác của giảng viên kiêm chức

Giảng dạy lý luận kiêm chức là một công tác quan trọng của Đảng. Các cơ quan chuyên môn và cấp uỷ đảng cần bố trí công việc và sắp xếp thì giờ thích đáng cho các giảng viên kiêm chức có điều kiện vừa làm tốt công tác chuyên môn, vừa làm tròn nhiệm vụ giảng dạy đã được phân công.

Các giảng viên kiêm chức sau khi đã được chính thức công nhận có nhiệm vụ như sau:

- Giảng ít nhất mỗi tháng một bài (khoảng 8 giờ lên lớp).
- Phụ đạo cho học viên. Giờ phụ đạo cũng coi như giờ giảng bài (một giờ phụ đạo được coi là một giờ lên lớp giảng).
- Chấm bài kiểm tra hoặc bài thi (tùy theo điều kiện công tác của mỗi người).

Các giảng viên kiêm chức được sử dụng trong giờ chuyên môn mỗi tháng hai ngày để nghiên cứu và chuẩn bị bài giảng.

Ngoài số ngày giờ được sử dụng vào giờ chuyên môn để soạn, giảng bài như trên quy định, các giảng viên kiêm chức còn được cơ quan dành cho thời gian đi dự các hội nghị bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ giảng viên.

II- VỀ CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN KIÊM CHỨC

Chế độ đọc, mượn sách, báo, tài liệu

Các giảng viên được đọc hoặc mượn sách, báo, tài liệu tham khảo cần thiết của phòng đọc của giảng viên và phòng tư liệu của ban tuyên huấn các cấp.

Giảng viên chương trình trung cấp và cao cấp được đọc tại chỗ những tài liệu mật phổ biến đến tỉnh uỷ, thành uỷ.

Giảng viên chương trình sơ cấp được đọc tại chỗ những tài liệu mật phổ biến đến huyện uỷ và cấp uỷ tương đương.

Chế độ dự hội nghị bồi dưỡng

- Đối với giảng viên chương trình cao cấp và trung cấp:

Được dự các cuộc hội nghị bồi dưỡng đường lối chính sách do Ban Tuyên huấn Trung ương hoặc ban tuyên huấn tỉnh, thành tổ chức.

Tham gia các hội nghị sinh hoạt lý luận, nghiệp vụ do Ban Tuyên huấn Trung ương hoặc Ban Tuyên huấn tỉnh, thành tổ chức.

Giảng viên chương trình cao và trung cấp ở trung ương được nghe những báo cáo thực tế và nội dung sơ kết, tổng kết của các ngành ở trung ương có liên quan đến phần giảng dạy của mình. Giảng viên chương trình trung cấp ở địa phương được nghe những báo cáo thực tế và nội dung sơ kết, tổng kết của các ngành có liên quan và được dự một số cuộc hội nghị cán bộ do cấp uỷ triệu tập.

- Đối với giảng viên chương trình sơ cấp:

Được dự các cuộc hội nghị bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ, đường lối, chính sách do ban tuyên huấn tỉnh, thành tổ chức.

Được nghe những báo cáo thực tế, nội dung sơ kết, tổng kết của các ngành phổ biến đến huyện uỷ và cấp uỷ tương đương, được dự một số cuộc hội nghị cán bộ do cấp uỷ triệu tập.

- Đối với giảng viên chương trình cơ sở:

Được dự các hội nghị bồi dưỡng đường lối, chính sách, nghiệp vụ do ban tuyên huấn huyện uỷ hoặc đảng uỷ tổ chức.

Được nghe báo cáo thực tế và nội dung sơ kết, tổng kết phổ biến đến đảng uỷ cơ sở.

Chế độ cung cấp sách báo:

Mỗi giảng viên kiêm chức được cung cấp một bộ giáo trình theo môn học của chương trình được phân công giảng dạy.

Giảng viên chương trình cao cấp và chương trình trung cấp được cấp thường xuyên Tạp chí *Cộng sản* và Tạp chí *Giảng viên*; các giảng viên kiêm chức khác được cung cấp Tạp chí *Giảng viên*.

Việc cung cấp sách báo trên đây do các đơn vị trực tiếp quản lý giảng viên kiêm chức theo danh mục đã phân cấp đảm nhiệm và gửi trực tiếp cho giảng viên.

Chế độ bồi dưỡng vật chất theo giờ giảng trên lớp:

Cần thực hiện đúng Công văn hướng dẫn của Văn phòng Trung ương số 25-NS/TW, ngày 10-1-1977.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 04-TB/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1978

Ý kiến của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ về công tác thu mua lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long

Sau khi nghe đồng chí La Lâm Gia, Thứ trưởng Bộ Lương thực và Thực phẩm báo cáo tình hình và chủ trương, biện pháp thu mua lương thực năm 1978 ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và ý kiến của các đồng chí bí thư các tỉnh uỷ: Minh Hải, Kiên Giang, Hậu Giang, An Giang, Cửu Long, Tiền Giang, Đồng Tháp, Long An, và ý kiến của các ngành có liên quan, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ có những ý kiến giải quyết như sau:

1. Việc thu mua lương thực có ý nghĩa và tác dụng quan trọng về kinh tế, chính trị và xã hội, không những chỉ để Nhà nước nắm được lương thực, mà thông qua công tác thu mua lương thực còn thể hiện đường lối liên minh công - nông của Đảng, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà nước xã hội chủ nghĩa với nông dân. Thu mua lương thực là một chính sách cơ bản, là một bộ phận trọng yếu của công tác cải tạo xã

hội chủ nghĩa, của ba cuộc cách mạng tiến hành ở nông thôn miền Nam hiện nay.

Việc thu mua lương thực ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là những tỉnh có khối lượng lớn lương thực, hàng hoá lại càng có ý nghĩa và vị trí quan trọng đối với nền kinh tế cả nước.

Thu mua lương thực phải nhằm đạt được những yêu cầu: làm cho nông dân phấn khởi, tin tưởng, hăng hái đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển, tạo cơ sở để phát triển sản xuất công nghiệp; thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, xây dựng và quản lý nông nghiệp trên địa bàn huyện, bảo đảm Nhà nước nắm được đại bộ phận khối lượng lương thực, hàng hoá để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống nhân dân, góp phần thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, củng cố và tăng cường chuyên chính vô sản.

2. Công tác huy động lương thực ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long từ đầu vụ mùa đến nay đạt kết quả thấp so với kế hoạch huy động trong vụ mùa năm 1977 và vụ Đông Xuân năm 1978 và so với cùng thời kỳ này năm 1977.

Nguyên nhân là do:

- Sản xuất vụ Hè Thu năm 1977 có bị giảm sút; vụ mùa 1977 ở một số nơi bị thiệt hại do sâu rầy; sản xuất ở những địa phương dọc biên giới Campuchia bị ảnh hưởng của tình hình chiến sự; ở một số nơi khác có những hoạt động phá hoại của địch.

- Nhiều địa phương chỉ đạo công tác huy động lương thực chưa tốt, chưa vận dụng và kết hợp chặt chẽ cả ba biện pháp

giáo dục, hành chính và kinh tế. Việc tổ chức phân phối tư liệu sản xuất, vật tư nông nghiệp và một số hàng tiêu dùng thiết yếu cho nông dân thời gian qua làm chưa tốt. Do áp dụng cách hàng đổi hàng từ vụ Hè Thu năm 1977, nông dân có tâm lý găm lúa chờ Nhà nước bán hàng hoá mới bán lúa. Công tác quản lý thị trường về lương thực còn bị buông lỏng, vẫn còn gian thương đầu cơ về lương thực, đẩy giá lên cao mua tranh với Nhà nước. Mặt khác, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp làm chậm; việc thanh toán tàn dư bóc lột kiểu phong kiến ở một số nơi chưa triệt để, phú nông và một số trung nông lớp trên vẫn chiếm hữu nhiều ruộng đất, trong khi nhiều nông dân khác thiếu hoặc không có ruộng.

- Một trở ngại lớn cho công tác lương thực cũng như cho nhiều mặt công tác của Đảng ở nông thôn là cấp huyện nói chung còn yếu, các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể ở cơ sở xã, ấp chưa được củng cố; nhiều cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu trong việc nộp thuế nông nghiệp và bán lương thực cho Nhà nước; một số cán bộ, đảng viên bị thoái hoá, hư hỏng.

3. Trước tình hình chung về lương thực của cả nước hiện nay, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long phải tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động lương thực vụ mùa và vụ Đông Xuân này theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước đã định.

Công tác lương thực là một công tác cách mạng, đòi hỏi các cấp, các ngành phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, có chủ trương và biện pháp cụ thể, thiết thực, có hiệu lực. Các tỉnh phải đặt việc huy động lương thực hiện nay là

công tác trọng tâm trước mắt, kết hợp chặt chẽ với đẩy mạnh sản xuất lương thực vụ Hè Thu và vụ mùa năm 1978, với công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư nhân, xây dựng và củng cố cơ sở đảng, chính quyền và đoàn thể ở xã, ấp, từng bước xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện theo chỉ thị của Bộ Chính trị và nghị quyết của Hội đồng Chính phủ.

Khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long rất lớn. Các tỉnh phải phấn đấu thực hiện thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất và tăng diện tích để tăng sản lượng lương thực nhiều hơn nữa. *Hiện nay số lương thực hàng hoá trong nhân dân còn nhiều. Phải phấn đấu hoàn thành nhanh gọn nhiệm vụ thu thuế nông nghiệp, đẩy mạnh việc thu mua lương thực vụ mùa và vụ Đông Xuân tới mức cao nhất có thể đạt được, để tạo điều kiện thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch nhà nước về huy động lương thực cả năm 1978.*

Trong thời gian từ giữa tháng 3 -1978 đến 30-4-1978, các tỉnh cần mở một đợt vận động chính trị sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nông dân, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, làm cho người nông dân hiểu rõ lợi ích của Nhà nước và lợi ích của người nông dân về cơ bản là nhất trí, nói rõ cho mọi người thấy khó khăn chung, giáo dục nông dân lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, hăng hái làm tròn nghĩa vụ nộp thuế và bán lương thực cho Nhà nước, không vì lợi riêng mà chạy theo giá cao ở thị trường "tự do".

Đối với những phú nông và trung nông lớp trên cố tình ghìm lúa lại để bán ra thị trường "tự do" theo giá đầu cơ, cần dựa vào quần chúng đấu tranh, vừa thuyết phục vừa bắt buộc phải bán cho Nhà nước; đối với những trường hợp thật

cần thiết thì sử dụng biện pháp trưng mua. Tăng cường quản lý thị trường lương thực theo đúng nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, xử phạt nghiêm khắc những hành động đầu cơ tích trữ lương thực, làm hỗn loạn giá cả thị trường.

Cán bộ, đảng viên phải thực sự gương mẫu trong việc chấp hành toàn bộ chính sách lương thực của Đảng và Chính phủ. Thông qua công tác huy động lương thực mà xem xét cán bộ, đảng viên, củng cố và phát triển đảng, xây dựng và kiện toàn chính quyền cơ sở, kiên quyết đưa những phần tử thoái hoá, hư hỏng ra khỏi Đảng, ra khỏi các cấp lãnh đạo; nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng và chính quyền cấp huyện và cơ sở.

Đi đôi với các biện pháp giáo dục và hành chính như trên, cần tổ chức và quản lý tốt việc đưa tư liệu sản xuất, một phần vật liệu xây dựng (chủ yếu là gỗ) và một số hàng tiêu dùng thiết yếu về nông thôn, phân phối đến tận tay nông dân, kịp thời phục vụ nông dân làm vụ Hè Thu và vụ mùa, giải quyết một số nhu cầu bức thiết về đời sống của họ; chuẩn bị thực hiện tốt chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều mà Chính phủ sắp ban hành, nhằm thắt chặt quan hệ giữa các tổ chức kinh tế của Nhà nước với nông dân dưới sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của uỷ ban nhân dân huyện, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nông dân trong các lĩnh vực sản xuất và lưu thông phân phối, vừa thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước, vừa bảo đảm Nhà nước nắm được đại bộ phận lương thực hàng hoá, vừa tác động tích cực đến các mặt cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, xây dựng lực lượng quốc doanh ở

địa bàn nông thôn, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, củng cố cơ sở xã, ấp.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì cùng các ngành có liên quan (vật tư, lâm nghiệp, nội thương, lương thực...) làm việc trực tiếp với từng tỉnh để tính toán kế hoạch cụ thể về số vật tư, hàng hoá cần cung ứng cho nông dân đi đôi với việc thu mua lương thực.

Các ngành cung ứng vật tư, hàng hoá cho nông dân và ngành lương thực phải tổ chức hệ thống phân phối vật tư, và thu mua một cách hợp lý, thuận tiện, kịp thời vụ, bảo đảm vật tư và hàng hoá đến tận tay nông dân.

Song song với việc cải tạo công thương nghiệp tư doanh, cần đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đưa nông dân vào con đường lao động sản xuất tập thể, quản lý chặt chẽ thị trường lương thực, kiên quyết trừng trị kịp thời bọn gian thương đầu cơ về lương thực.

Về vấn đề ruộng đất, Ban Bí thư giao trách nhiệm cho Ban Nông nghiệp Trung ương phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và Bộ Nông nghiệp tổ chức điều tra trong vòng ba tháng để nắm chắc tình hình chiếm hữu ruộng đất ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và nghiên cứu đề nghị với Ban Bí thư chủ trương, chính sách về vấn đề này.

4. Phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo thực hiện của Nhà nước đối với công tác thu mua lương thực.

Các cấp uỷ và chính quyền tỉnh, huyện, xã phải tập trung sức chỉ đạo công tác thu mua lương thực. Chọn cán bộ tốt, có năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt để đưa xuống cơ sở làm công tác vận động sản xuất và thu mua lương thực, kịp

thời khen thưởng, biểu dương những cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các bộ, ngành ở trung ương và tỉnh, nhất là các ngành vật tư, nông nghiệp, nội thương, lương thực, lâm nghiệp, giao thông - vận tải, trong phạm vi trách nhiệm của mình, phải chỉ đạo chặt chẽ, giải quyết kịp thời việc cung ứng vật tư, hàng hoá và tổ chức phân phối đến tay nông dân để phục vụ tốt việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và thu mua lương thực.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ thường xuyên theo dõi việc thực hiện, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời giải quyết những mắc mứu, khó khăn trong công tác lương thực.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN XUÂN BÁCH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 35-CT/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1978

Về việc tăng cường xây dựng đảng trong xí nghiệp quốc doanh

Xí nghiệp quốc doanh là đơn vị cơ sở của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, là nơi hàng ngày quần chúng công nhân thực hiện và giám sát việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, là trường học quản lý xã hội chủ nghĩa và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Do tính chất trọng yếu của xí nghiệp quốc doanh trong giai đoạn mới của cách mạng, các cấp, các ngành phải quan tâm xây dựng các xí nghiệp vững mạnh toàn diện, cả về nhiệm vụ chính trị và về xây dựng tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, đặc biệt coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng thực sự làm được vai trò hạt nhân lãnh đạo, phát huy được sức mạnh tổng hợp của xí nghiệp, bảo đảm cho từng xí nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ.

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo và kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng

Xí nghiệp quốc doanh quản lý theo chế độ thủ trưởng, dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ xí nghiệp. Tổ chức đảng có trách nhiệm lãnh đạo và kiểm tra mọi hoạt động của xí nghiệp, chịu trách nhiệm về công tác của mình trước tổ chức đảng cấp trên.

Tổ chức đảng trong xí nghiệp phải tập trung vào nhiệm vụ quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong toàn thể đảng viên, cán bộ và quần chúng, phát huy vai trò làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, phát động phong trào quần chúng tiến hành ba cuộc cách mạng; bảo đảm xí nghiệp xây dựng kế hoạch theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, thực hiện điều lệ xí nghiệp của Nhà nước, thi hành chế độ quản lý có kết quả nhằm thực hiện bằng được nhiệm vụ kế hoạch từng năm và 5 năm, khai thác được khả năng tiềm tàng của xí nghiệp, tăng thêm sản phẩm và mặt hàng có chất lượng tốt, giá thành hạ. Từng xí nghiệp phải có biện pháp tích cực tăng cường lãnh đạo công tác quản lý kinh tế, đưa các mặt quản lý vào nền nếp, đẩy mạnh phong trào ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và xây dựng con người mới, chăm lo tốt đời sống công nhân và cán bộ.

Tổ chức đảng phải lãnh đạo phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, phát huy quyền lực của giám đốc và hiệu lực của bộ máy quản lý, vai trò của công đoàn và đoàn thanh niên trong xí nghiệp. Phải coi trọng giáo dục nâng cao ý thức làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, trước hết biểu hiện ở thái độ lao động tự giác, có năng suất cao, tôn trọng kỷ luật, bảo vệ của công và tích cực tham gia quản lý xí nghiệp, đồng thời đấu tranh khắc phục những hiện tượng mất dân chủ, quan liêu, độc đoán chuyên quyền,

trù dập những người trung thực.

Giám đốc xí nghiệp phải nắm vững và thực hiện có kết quả đường lối, chính sách của Đảng và kế hoạch nhà nước, biết kết hợp chặt chẽ chính trị và kinh tế, tư tưởng và tổ chức, giáo dục và hành chính trong công tác quản lý. Giám đốc phải không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực để đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Từng thời gian tổ chức đảng phải nghe các đoàn thể trong xí nghiệp phản ánh tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, đề ra phương hướng hoạt động cho từng tổ chức quần chúng nhằm duy trì phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi, liên tục, đều khắp trong xí nghiệp.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, trước hết đảng uỷ phải được kiện toàn gồm những cán bộ vững vàng về chính trị, có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác mình phụ trách, có năng lực đóng góp vào sự lãnh đạo tập thể và có năng lực tổ chức thực hiện. Số lượng đảng uỷ viên nhiều nhất không quá 15 người.

Đảng uỷ phải cải tiến lề lối làm việc và tác phong công tác.

Lãnh đạo toàn diện nhưng từng thời gian phải tập trung vào mặt công tác trọng yếu nhất. Đối với những việc mới và khó, phải làm thử rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Phải có chương trình công tác từng năm, từng quý, từng tháng và lịch công tác từng tuần ăn khớp với hoạt động của các tổ chức trong xí nghiệp.

Giữ vững lãnh đạo tập thể, chống độc đoán chuyên quyền, nhưng phát huy cao độ cá nhân phụ trách, định rõ trách nhiệm của từng đảng uỷ viên. Luôn luôn sát sản xuất,

sát công nhân, hiểu căn kẽ thực tế, chú trọng phát hiện khả năng tiềm tàng của đơn vị. Từng quý, từng năm và sau khi kết thúc một việc quan trọng phải sơ kết, tổng kết công tác lãnh đạo của đảng uỷ, đẩy mạnh phê bình, tự phê bình để tăng cường đoàn kết, nâng cao trình độ, thúc đẩy công tác.

2. Tăng cường xây dựng tổ chức đảng

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, ở mỗi tổ chức kinh tế cơ sở thực hiện hạch toán độc lập phải tổ chức một cơ sở đảng.

Các cấp uỷ đảng phải rất coi trọng xây dựng và chỉ đạo sự hoạt động của các chi bộ, tổ đảng, để tổ chức đảng làm được vai trò hạt nhân lãnh đạo ở từng bộ phận công tác trong xí nghiệp. Bố trí cán bộ có năng lực lãnh đạo làm bí thư chi bộ, thường xuyên hướng dẫn công tác cho bí thư chi bộ và các chi uỷ viên. Bí thư chi bộ không chuyên trách mỗi tháng cần có một số thì giờ làm công tác đảng. Ban Tổ chức Trung ương thảo luận với các cơ quan nhà nước để có quy định cụ thể về việc này.

Từng đảng bộ phải có kế hoạch nâng cao trình độ cho đảng viên, tổ chức cho đảng viên học tập chính trị, văn hoá theo chương trình đã quy định, hướng dẫn đảng viên thực hiện chương trình hành động từng tháng. Chi bộ phải quản lý hành động hằng ngày của đảng viên.

Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên và thường xuyên tiến hành công tác phát triển đảng. Các đảng viên mới được kết nạp phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn và phát huy tác dụng tốt; đề phòng phần tử xấu

và kẻ địch chui vào Đảng.

3. Phải coi trọng *kiện toàn đội ngũ cốt cán ở xí nghiệp*, trước hết là giám đốc và bí thư đảng uỷ phải có đủ phẩm chất và năng lực, có sức khoẻ, đáp ứng được kịp thời cho yêu cầu mới.

Ban cán sự đảng ở các bộ, tổng cục có trách nhiệm phối hợp với các tỉnh uỷ, thành uỷ làm quy hoạch, bồi dưỡng, bố trí cán bộ chuyên môn, cán bộ đảng và đoàn thể quần chúng ở xí nghiệp thuộc bộ, tổng cục. Việc bố trí bí thư đảng, thư ký công đoàn, bí thư thanh niên phải làm đúng những quy định về quản lý cán bộ của Đảng và các đoàn thể nhân dân.

Ban Tổ chức Trung ương và Ban Công nghiệp Trung ương nghiên cứu để đề nghị với Trung ương Đảng và Chính phủ các chủ trương, biện pháp và chính sách tương đối toàn diện nhằm kiện toàn đội ngũ cốt cán ở xí nghiệp. Ngay từ bây giờ phải tổ chức các lớp đào tạo giám đốc và bí thư đảng uỷ, đồng thời tận dụng các trường sở sẵn có của trung ương, của ngành và địa phương mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày để nâng cao năng lực số cán bộ hiện có.

Đảng bộ cơ sở cũng phải làm tốt nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ của xí nghiệp. Phải giáo dục cán bộ đảng viên nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, tiêu chuẩn cán bộ do Trung ương đề ra. Trong công tác cán bộ phải thật công tâm, tuyệt đối không được "yêu ai nên tốt, ghét ai nên xấu". Đảng uỷ phải cùng giám đốc xí nghiệp làm quy hoạch cán bộ một cách đồng bộ; lên danh sách cán bộ kế tục và cán bộ dự bị ở mỗi chức vụ.

Việc quy hoạch, sử dụng, đề bạt cán bộ phải do tập thể

đảng uỷ (hoặc ban thường vụ) xem xét quyết định, sau khi đã nghiên cứu ý kiến đề nghị của giám đốc và bí thư đảng uỷ. Đối với cán bộ thuộc diện cấp trên quyết định cũng phải đưa ra đảng uỷ (hoặc ban thường vụ) thảo luận và kiến nghị.

4. Cấp uỷ địa phương phải tăng cường chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng trong các xí nghiệp, từng thời gian chỉ ra những mục tiêu lãnh đạo cho cơ sở và tăng cường kiểm tra có trọng điểm những xí nghiệp quan trọng của trung ương và địa phương.

Các ban tổ chức, kiểm tra, tuyên huấn, ở cả cấp tỉnh, thành, huyện, quận, thị và khu phố (thành phố trực thuộc) cần bố trí cán bộ có năng lực theo dõi xí nghiệp.

Ở các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Quảng Ninh, Hà Nam Ninh, Vĩnh Phú, Bắc Thái, Đồng Nai, phải kiện toàn hoặc thành lập ban công nghiệp để giúp cấp uỷ theo dõi, chỉ đạo cơ sở đảng trong các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã thủ công nghiệp.

Ban cán sự đảng ở các bộ, tổng cục có trách nhiệm giúp cơ sở đảng quán triệt nhiệm vụ của ngành, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp và chủ động góp ý kiến với cấp uỷ địa phương về chủ trương và biện pháp xây dựng đảng gắn liền với nhiệm vụ chính trị.

Cấp uỷ địa phương và ban cán sự ở bộ, tổng cục phải thường xuyên cùng nhau bàn bạc, phối hợp trong việc chỉ đạo cơ sở, nhất là giải quyết những vấn đề về cán bộ ở xí nghiệp.

*

* *

Căn cứ vào *Điều lệ Đảng* và Chỉ thị này, Ban Tổ chức

Trung ương hướng dẫn cụ thể cho các loại cơ sở đảng ở xí nghiệp công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, đoàn thăm dò địa chất,... thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của mình; cùng với Ban Công nghiệp, Ban Kinh tế Trung ương xác định danh sách các xí nghiệp trọng điểm mà Trung ương phải trực tiếp và thường xuyên theo dõi.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 17-QĐ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 1978

Giải thể Đảng uỷ Giao thông - vận tải Trung ương và thành lập Ban Cán sự đảng của Bộ Giao thông - vận tải

- Thi hành Điều 11 *Điều lệ Đảng*;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức, Ban Công nghiệp Trung ương và Đảng uỷ Giao thông - vận tải Trung ương;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Giải thể Đảng uỷ Giao thông - vận tải Trung ương (thành lập theo Nghị quyết số 143 ngày 30-6-1966) và thành lập Ban Cán sự của Đảng ở Bộ Giao thông - vận tải trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương.

- Ban Cán sự Đảng ở Bộ Giao thông - vận tải sẽ căn cứ vào quy định chung của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Cán sự đảng của các bộ, tổng cục để hoạt động.

2. Đảng bộ Tổng Cục đường sắt, Đảng bộ Ban Xây dựng 64

(giúp Lào), Đảng bộ Tổng Công ty đại lý vận tải quá cảnh Việt Nam (vận tải cho Lào) nay trực thuộc Ban Cán sự Bộ Giao thông - vận tải.

Đảng bộ Tổng Cục đường sắt cần chuyển giao các tổ chức cơ sở đảng, ở những đơn vị cơ sở đóng tỉnh tại ở các địa phương như: Đảng bộ Xí nghiệp xe lửa Gia Lâm, Xí nghiệp Hữu nghị Đồng Mỏ, các xí nghiệp Mỏ Đá, các trường học, các bệnh viện, v.v. về trực thuộc đảng bộ địa phương nơi các đơn vị đó đóng.

3. Giải thể các đảng uỷ của các cục vận tải đường sông, đường biển, đường bộ ô tô, Đảng uỷ Cục Quản lý đường bộ.

Các tổ chức cơ sở đảng trước đây thuộc các đảng bộ này nay chuyển giao về trực thuộc các đảng bộ địa phương nơi đơn vị đóng.

4. Chuyển giao Đảng bộ Xí nghiệp liên hiệp cầu Thăng Long, các đảng bộ của các xí nghiệp liên hiệp công trình 1, 2, 3, 4, các đảng bộ trường đại học (đường sắt, đường bộ, đường thuỷ, hàng hải), Đảng bộ Viện Thiết kế, đảng bộ cơ quan bộ, về trực thuộc đảng bộ địa phương nơi đơn vị hoạt động.

Các đảng bộ bộ phận, chi bộ của các đơn vị công tác thuộc các xí nghiệp liên hiệp công trình hoạt động ở địa phương nào cần được giới thiệu với các huyện uỷ, đảng uỷ xã nơi đơn vị đóng để liên hệ công tác và chịu sự chỉ đạo của các cấp uỷ đó về việc thi hành các chính sách của Đảng, Nhà nước được thực hiện ở địa phương, về quan hệ với quần chúng ở địa phương.

5. Trước khi kết thúc nhiệm vụ, Đảng uỷ Giao thông - vận tải hiện nay phải cùng với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Công nghiệp Trung ương bàn kế hoạch tiếp tục chuyển giao xong các tổ chức đảng nói trên.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ địa phương nơi có các đơn vị giao thông - vận tải của bộ hoạt động có trách nhiệm tổ chức tốt việc tiếp nhận và quản lý các tổ chức đảng được chuyển về trực thuộc đảng bộ địa phương.

6. Ở các địa phương tỉnh, thành phố cũng giải thể đảng uỷ giao thông - vận tải và thành lập ban cán sự ty, sở giao thông - vận tải làm các chức năng, nhiệm vụ đã được quy định cho các ban cán sự ở các ty, sở.

7. Đảng uỷ Giao thông - vận tải Trung ương, Ban Công nghiệp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Cán sự Đảng bộ Giao thông - vận tải và các cấp uỷ địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 18-QĐ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 1978

Về việc thành lập Đảng bộ Tổng Công ty đại lý vận tải quá cảnh Việt Nam

- Xét đặc điểm tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty đại lý vận tải quá cảnh Việt Nam;

- Xét đề nghị của Đảng uỷ Giao thông - vận tải Trung ương, của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Công nghiệp Trung ương;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Đảng bộ Tổng Công ty đại lý vận tải quá cảnh Việt Nam gồm: Đảng bộ cơ quan Tổng Công ty, đảng bộ các xí nghiệp vận tải, đảng bộ ở các chi cục có làm nhiệm vụ vận tải...

2. Đảng uỷ Giao thông - vận tải Trung ương tạm thời chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Tổng Công ty đại lý

vận tải quá cảnh Việt Nam và chậm nhất trong vòng 6 tháng Đảng bộ Tổng Công ty phải tổ chức đại hội để bầu cử Ban Chấp hành chính thức.

- Đại hội đại biểu của Đảng bộ Tổng Công ty triệu tập thường lệ hai năm một lần.

3. Các tổ chức đảng ở các xí nghiệp vận tải thuộc Tổng Công ty đóng ở địa phương nào cần được giới thiệu để liên hệ công tác và chịu sự kiểm tra, chỉ đạo của cấp uỷ huyện, thị địa phương nơi đó về việc thi hành các chính sách của Đảng, Nhà nước được thực hiện ở địa phương, về quan hệ với quần chúng ở địa phương.

4. Đảng uỷ Giao thông - vận tải Trung ương, Đảng uỷ Tổng Công ty đại lý vận tải quá cảnh Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 36-TT/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1978

Về việc khẩn trương làm tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam

Đến nay, các bộ, các ngành trung ương thực hiện công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở miền Nam chưa được đầy đủ. Bộ Chính trị quyết định: Mỗi ngành cần có đồng chí bộ trưởng hoặc một đồng chí thứ trưởng thường trực ở miền Nam để cùng các uỷ ban nhân dân thành phố và tỉnh chỉ đạo việc cải tạo kết hợp với xây dựng và quản lý ngành, phối hợp tốt giữa trung ương và địa phương, tập trung sức hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa trong năm 1978, trước hết là xoá bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa.

1. Tiếp tục điều tra nắm vững tình hình thực tế trong toàn ngành, hoàn chỉnh quy hoạch sắp xếp trong toàn ngành và trong từng địa phương và cùng với các địa phương

bàn định các phương án cải tạo và kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa.

2. Tích cực phát triển và củng cố lực lượng kinh tế quốc doanh, bảo đảm ưu thế ngày càng tăng của kinh tế quốc doanh. Gấp rút chấn chỉnh công tác quản lý kinh tế ở các xí nghiệp, cửa hàng, kho tàng đi vào nền nếp. Đồng thời phát triển và củng cố kinh tế tập thể trong các lĩnh vực đang tiến hành cải tạo kết hợp với xây dựng.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành với địa phương để chấp hành tốt Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị. Tất cả các ngành quân, dân, chính, đảng phải chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách và luật pháp nhà nước về cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, chính sách cải tạo và quản lý thị trường. Các xí nghiệp, cơ quan, cán bộ các ngành, các đơn vị quân đội đóng ở địa phương nào đều phải chấp hành đầy đủ, nghiêm chỉnh chủ trương của tỉnh uỷ, thành uỷ và quyết định của uỷ ban nhân dân tỉnh và thành phố; phải chịu sự kiểm tra của cấp uỷ địa phương về mặt đảng, của uỷ ban nhân dân địa phương về mặt thi hành luật pháp và quản lý kinh tế. Trong những trường hợp cần thiết, các uỷ ban nhân dân thành phố hoặc tỉnh có quyền kiểm tra các xí nghiệp, cửa hàng, kho tàng của các ngành trung ương đặt ở địa phương. Riêng đối với các doanh trại quân đội, uỷ ban nhân dân thành phố hoặc tỉnh cần phối hợp với các cấp có thẩm quyền trong quân đội để tiến hành khi có vấn đề cần kiểm tra.

4. Ban Tổ chức Trung ương và từng ngành phải gấp rút tăng thêm cán bộ cho các địa phương. Tăng cường

kiểm tra đội ngũ cán bộ về mặt thực hiện chủ trương chính sách của Trung ương và về mặt phẩm chất đạo đức. Kiên quyết xử trí nghiêm minh những cán bộ sa đọa, biến chất, tham ô, móc ngoặc, cố tình làm sai chính sách của Đảng và Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số 08-NQ/TW, ngày 1 tháng 4 năm 1978

**Về việc phát hành tiền ngân hàng mới, thu hồi
tiền ngân hàng cũ ở hai miền, thống nhất tiền tệ
trong cả nước**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TIỀN TỆ VÀ SỰ CẦN THIẾT
PHẢI THỐNG NHẤT TIỀN TỆ TRONG CẢ NƯỚC**

I- Sau khi *miền Bắc* được hoàn toàn giải phóng, sau hơn bốn năm khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá và tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, đến năm 1959, chúng ta đã thu hồi đồng tiền ngân hàng cũ, phát hành tiền Ngân hàng Nhà nước mới. Từ đó, đồng tiền Ngân hàng Nhà nước được phát huy tác dụng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, phục vụ việc củng cố quan hệ sản xuất mới trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trên cơ sở sản xuất công, nông nghiệp ngày càng

phát triển, lưu thông hàng hoá không ngừng được mở rộng, sức mua của đồng tiền được giữ vững và được tín nhiệm trong nhân dân. Nhưng từ năm 1965, do nhu cầu của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, yêu cầu của sự nghiệp khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá sau chiến tranh và do những thiếu sót và sơ hở trong quản lý kinh tế, quản lý tài chính của ta, từ năm 1965 đến 1977, chúng ta đã bội chi tiền mặt, đưa tổng số tiền lưu thông tăng lên gấp năm lần so với năm 1959 trong lúc giá trị hàng hoá luân chuyển trên thị trường có tổ chức chỉ tăng khoảng 2,4 lần. Như vậy, sức mua của đồng tiền ở miền Bắc giảm xuống rõ rệt so với trước.

Ở *miền Nam*, tháng 9-1975, chúng ta đã tiến hành thu hồi tiền ngụy Sài Gòn, phát hành giấy bạc Ngân hàng Việt Nam. Qua thu đổi, ta đã đổi cho dân 507 triệu đồng tiền mới và đã quản lý hơn 206 triệu đồng, nắm công cụ tiền tệ trong tay Nhà nước phục vụ sự nghiệp khôi phục và phát triển kinh tế, cải tạo và quản lý thị trường, phát triển văn hoá, hàn gắn những vết thương của chiến tranh, giải quyết những hậu quả nặng nề của chiến tranh và của thực dân kiểu mới. Những thắng lợi đã thu được trong việc thu hồi tiền ngụy Sài Gòn, phát hành tiền ngân hàng, đã góp phần phục vụ sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân, hạn chế tác động tiêu cực của những phần tử đầu cơ, tích trữ, lũng đoạn thị trường lúc bấy giờ.

Tuy nhiên, trong tình hình nền kinh tế còn chưa được cải tạo, đi liền với việc nắm và quản lý tiền, chúng ta đã không nắm và quản lý hàng hoá, nhất là nắm tồn kho còn trong tay của tư thương, của bọn đầu cơ tích trữ, mặt khác, vì chúng ta chưa tổ chức tốt việc thu mua, nắm sản phẩm hàng hoá

trong tay Nhà nước, tổ chức phân phối hàng hoá lại yếu, công tác quản lý thị trường, quản lý tiền tệ, tài chính có nhiều thiếu sót và sơ hở, tư sản thương nghiệp và bọn đầu cơ tích trữ sẵn có một khối lượng hàng hoá và hệ thống tư thương đến tận nông thôn đã thừa cơ nắm trở lại một khối lượng tiền ngày càng lớn, ra sức lũng đoạn thị trường, lũng đoạn giá cả. Thương nghiệp tư nhân tranh mua với Nhà nước, không những chúng nắm một phần nông sản, hải sản, lâm sản quan trọng mà còn nắm một phần sản phẩm do quốc doanh sản xuất, do Nhà nước nhập khẩu, đưa ra bán ở thị trường không tổ chức với giá cao, gây cho chúng ta nhiều khó khăn về hàng hoá, tiền tệ, giá cả, trong sản xuất và đời sống của nhân dân, cũng như trong quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước.

Để đảm bảo những yêu cầu về vốn khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, sau khi thu đổi, chúng ta phải tiếp tục đưa tiền mặt ra chi dùng, nhưng vì khuyết điểm và sơ hở nói trên, số tiền mặt chi ra thì nhiều, nhưng thu về quá ít, phải bội chi tiền mặt, đưa số tiền mặt lưu thông cuối năm 1977 ở các tỉnh phía Nam tăng hơn 13% so với tổng số tiền ngụy lưu hành cuối tháng 4-1975, trong khi khối lượng hàng hoá luân chuyển giảm xuống nhiều, sức mua của đồng tiền miền Nam giảm xuống nhiều so với trước.

Tổng số tiền lưu thông tăng nhanh trong lúc sản xuất còn khó khăn, khối lượng hàng hoá trong tay Nhà nước không tăng mà còn giảm xuống, công tác quản lý thu mua phân phối hàng hoá còn nhiều thiếu sót và sơ hở, công tác quản lý tiền tệ, quản lý thị trường, quản lý giá cả thiếu chặt chẽ. Tình hình ấy làm cho giá cả trên thị trường không tổ chức tăng lên, gây khó khăn cho việc thu mua, nắm sản

phẩm hàng hoá trong tay Nhà nước, khó khăn cho việc tổ chức lại sản xuất và phân công mới lao động xã hội, cho việc tăng cường quản lý kinh tế và quản lý tài chính nhà nước. Về mức độ, thì tình hình thị trường, giá cả, tiền tệ ở các tỉnh phía Nam có nhiều khó khăn và cấp bách hơn. Nhưng nhìn chung thì ở miền Nam cũng như miền Bắc đều có những khó khăn và yêu cầu phải giải quyết một cách kịp thời và có hiệu quả, bảo đảm quan hệ chặt chẽ giữa tiền tệ và hàng hoá, phát huy tác dụng của tiền tệ là công cụ có hiệu lực trong tay Nhà nước để tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống.

II- Trước đây, sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tuy là một nước thống nhất, nhưng do còn có sự khác biệt về phương thức sản xuất và phân phối, chúng ta phải tạm thời cho lưu hành hai đồng tiền khác nhau ở hai miền. Ngày nay, miền Nam sau gần ba năm khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước cải tạo và xây dựng kinh tế theo phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, bao gồm các cơ sở kinh tế quốc doanh và công tư hợp doanh giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân, các cơ sở kinh tế tập thể từng bước được xây dựng, các thành phần kinh tế tư nhân và cá thể đang được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội, nhiều nguyên tắc và chế độ quản lý của Nhà nước, những chính sách lớn về giá cả, tiền lương, chính sách đầu tư, tín dụng... đã được áp dụng thống nhất trong cả nước.

Tình hình mới đòi hỏi phải thống nhất tiền tệ và củng cố tiền tệ trong cả nước, làm cho đồng tiền của ta thực hiện được chức năng là thước đo giá trị của hàng hoá, là phương tiện để lưu thông hàng hoá, để tính toán và thanh toán giữa các ngành kinh tế quốc dân, là công cụ trong tay Nhà nước để

tổ chức sản xuất, lưu thông, phân phối, tổ chức đời sống nhân dân, phục vụ cải tạo các thành phần kinh tế theo chủ nghĩa xã hội và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Bộ Chính trị quyết định: *cho thu hồi hai đồng tiền ngân hàng hiện đang lưu hành ở miền Bắc và ở miền Nam, phát hành đồng tiền mới thống nhất cho cả nước*. Việc thực hiện thống nhất tiền tệ, tăng cường quản lý tiền tệ lần này được gắn liền với các biện pháp quản lý vật tư hàng hoá, xoá bỏ kinh doanh thương nghiệp của các nhà tư sản, đảm bảo nắm trong tay Nhà nước phần lớn những sản phẩm hàng hoá, nhất là những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất, cho đời sống của nhân dân, cho xuất khẩu, có nội dung đấu tranh giai cấp nhằm xoá bỏ bóc lột, xoá bỏ tác động tiêu cực của các hoạt động tích trữ đầu cơ trong xã hội, chống ăn cắp, tham nhũng trong các ngành kinh tế quốc dân, thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng cường lưu thông phân phối, ổn định giá cả và thị trường, ổn định đời sống nhân dân.

III- Để đạt những yêu cầu nói trên, rút kinh nghiệm của lần thu đổi ở miền Bắc (2-1959) và thu đổi ở miền Nam (tháng 9-1975), đi liền với biện pháp tiền tệ, phải tập trung *sức làm tốt những công tác cấp bách như sau:*

1. Tiến hành kiểm kê và trưng mua những vật tư hàng hoá, thiết bị, phụ tùng, nhất là những mặt hàng tối thiết cho đời sống của dân và tư liệu sản xuất... còn trong tay tư sản thương nghiệp và gian thương, tổ chức tốt việc thu mua, nắm trong tay Nhà nước phần lớn nông sản, hải sản, lâm sản hàng hoá, theo hợp đồng hai chiều, tăng cường và cải tiến việc phân phối vật tư, hàng hoá của Nhà nước, củng cố và phát triển mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và các hợp

tác xã mua bán, cấm mọi việc mua bán những mặt hàng thiết yếu cho đời sống của nhân dân, những nguyên liệu cho công nghiệp và để xuất khẩu, những loại hàng hoá vật tư do quốc doanh sản xuất hoặc nhập khẩu do Nhà nước thống nhất quản lý. Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Chính phủ, các ngành có trách nhiệm bàn bạc cụ thể với địa phương lập danh mục mặt hàng và mức độ cụ thể áp dụng ở từng vùng lớn.

2. Tập trung sức chấn chỉnh một bước, nhưng cơ bản quản lý kinh tế - tài chính trong các ngành kinh tế quốc doanh, các cơ quan nhà nước, bảo đảm phát huy mọi khả năng về lao động, tài sản, vật tư, tiền vốn để phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả phục vụ, tăng thu, tiết kiệm chi, thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ và nguyên tắc quản lý tài sản, quản lý vốn, quản lý sản phẩm của Nhà nước, chống lãng phí, ăn cắp tài sản, tham nhũng và nghiêm cấm các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị bộ đội tự ý giao dịch làm khách hàng tiêu thụ hoặc cung cấp vật tư hàng hoá cho tư thương, cho bọn đầu cơ tích trữ. Các bộ và tổng cục, các ủy ban nhân dân địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ quản lý trong ngành và trong địa phương.

3. Tiến hành đăng ký kinh doanh và sắp xếp lại một bước sản xuất kinh doanh của tư nhân nhằm phát huy khả năng lao động sản xuất, kỹ thuật về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dưới sự quản lý của Nhà nước. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất và kinh doanh tập thể hoặc cá nhân đặt quan hệ hợp đồng với kinh tế nhà nước, mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước, cắt đứt mọi quan hệ của tư thương, đầu nậu với nông thôn và các cơ sở sản xuất, chú trọng những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất, cho đời sống, cho xuất khẩu.

4. Tăng cường quản lý tiền tệ, tín dụng, quản lý tài chính nhà nước, quản lý lưu thông hàng hoá, kết hợp chặt chẽ kế hoạch điều hoà lưu thông tiền tệ, kế hoạch thu chi tài chính với kế hoạch lưu thông, phân phối vật tư, hàng hoá phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân, khắc phục tình trạng thiếu hoặc thừa tiền, thiếu hoặc thừa hàng hoá, vật tư một cách giả tạo, có kế hoạch cân đối tiền và hàng trên từng vùng kinh tế cụ thể và trong từng thời gian. Trên cơ sở làm tốt những việc nói trên, phải phấn đấu tăng thu và tiết kiệm chi, thăng bằng thu chi ngân sách nhà nước một cách tích cực, phấn đấu giữ vững và nâng cao sức mua của đồng tiền, tăng nhanh vòng quay của đồng tiền sớm đạt và vượt mức đã thực hiện trước chiến tranh ở miền Bắc (trên 6 vòng).

Những công tác trên đây phải được tiến hành một cách khẩn trương, phối hợp chặt chẽ với kế hoạch cải tạo các thành phần kinh tế theo chủ nghĩa xã hội và kế hoạch thống nhất tiền tệ trong cả nước.

Phần thứ hai

YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC THU ĐỔI TIỀN CŨ, PHÁT HÀNH TIỀN MỚI. CHỦ TRƯỞNG VÀ CHÍNH SÁCH CỤ THỂ VỀ THỐNG NHẤT TIỀN TỆ

I- YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC THU ĐỔI

Việc phát hành tiền mới, thống nhất tiền tệ lần này phải *đạt được những yêu cầu chủ yếu* sau đây:

1. Xây dựng hệ thống tiền tệ thống nhất và ổn định cho

cả nước, làm công cụ có hiệu lực trong tay Nhà nước để thúc đẩy kế hoạch hoá tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống nhân dân, phân công mới lao động xã hội, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo các thành phần kinh tế theo chủ nghĩa xã hội.

2. Qua thu đổi và quản lý tiền tệ và những biện pháp kinh tế khác, tước đoạt lại phần thu nhập của bọn đầu cơ tích trữ, bọn ăn cắp và những nguồn thu nhập không chính đáng khác, góp phần đấu tranh nhằm xoá bỏ bóc lột, xoá bỏ lối làm ăn phi pháp, phá rối thị trường của tư thương, phục vụ và thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đưa cả nước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

3. Nắm tình hình thu nhập bằng tiền ở các vùng, trong các cơ quan, xí nghiệp và các tầng lớp dân cư để có kế hoạch và biện pháp tăng cường công tác tổ chức điều hoà lưu thông tiền tệ, bảo đảm yêu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân, phục vụ lưu thông hàng hoá và thúc đẩy việc cải tiến và tăng cường quản lý kinh tế, quản lý tài chính trong các ngành và ở các địa phương.

4. Trong khi tiến hành thu đổi phải bảo đảm thuận lợi cho nhân dân lao động, cho các xí nghiệp, cơ quan, bảo đảm an ninh, trật tự, bảo đảm sinh hoạt bình thường của nhân dân, bảo đảm sản xuất và lưu thông hàng hoá, phải có biện pháp chống phân tán tiền của những phần tử làm ăn phi pháp, chống lợi dụng tham ô, tránh nhầm lẫn trong cán bộ làm công tác thu đổi.

Để đạt yêu cầu nói trên, phải bảo đảm tuyệt đối bí mật, tuyệt đối an toàn và việc thu đổi phải được chỉ đạo hết sức

tập trung và chặt chẽ, từ việc chuẩn bị, tiến hành thu đổi, đến lúc kết thúc.

II- VỀ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP THU ĐỔI TIỀN CŨ, PHÁT HÀNH TIỀN MỚI

Bộ Chính trị quy định như sau:

1. Sớm nhất là từ 20-4-1978 và chậm nhất là ngày 3-5-1978 cho thu hồi toàn bộ các loại tiền ngân hàng từ 1 đồng trở lên hiện đang lưu hành ở cả hai miền và cho phát hành các loại tiền của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày giờ cụ thể Ban Chỉ đạo thu đổi Trung ương sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định.

Thời gian thu đổi tiền trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, được tiến hành trong ba ngày, những vùng xa xôi hẻo lánh được Ban Chỉ đạo thu đổi Trung ương ấn định có thể kéo thêm đến năm ngày.

2. Tiền ngân hàng cũ đem đổi tiền ngân hàng mới tính theo tỷ lệ ấn định là:

- 1 đồng ngân hàng cũ ở miền Bắc đổi bằng 1 đồng ngân hàng mới,

- 0,80 đồng ngân hàng cũ ở miền Nam đổi bằng 1 đồng ngân hàng mới.

Tất cả các cơ quan, đơn vị bao gồm cơ quan nhà nước, xí nghiệp, bộ đội, tổ chức tập thể, xã hội, tôn giáo, ngoại kiều, các đoàn ngoại giao và nhân dân phải kê khai số tiền mặt có đến ngày thu đổi và đem đổi hết ở bàn đổi tiền.

- Tiền ngân hàng cũ ở miền Bắc có ở miền Nam và tiền ngân hàng cũ ở miền Nam có ở miền Bắc phải kê khai cụ thể và được đổi theo quy định sau khi xét cụ thể.

Tiền trên tài khoản, tiền lương, giá chỉ đạo của Nhà nước được tính theo tỷ lệ ấn định giữa đồng ngân hàng cũ và đồng ngân hàng mới và được chuyển đổi theo giá trị tiền mới.

3. Từ ngày công bố đổi tiền đến hết thời gian đổi tiền, các loại tiền ngân hàng cũ vẫn có giá trị trong mọi khoản thanh toán ở mỗi miền tính theo tỷ lệ đổi của nó được quy định ở điều 2 trên đây. Tiền mặt cũ không kê khai hoặc kê khai mà không đem đổi trong thời hạn quy định ở điều 1, sẽ không còn giá trị.

4. Mức tiền mặt được đổi ngay được ấn định như sau:

- Mỗi hộ độc thân được đổi ngay đến mức tối đa ở thành thị là 100 đồng, ở nông thôn là 50 đồng.

- Mỗi hộ gia đình có 2 nhân khẩu được đổi ngay ở thành thị mức tối đa là 200 đồng, ở nông thôn là 100 đồng.

- Mỗi hộ gia đình có 3 nhân khẩu trở lên được đổi thêm cho mỗi nhân khẩu ở thành thị là 50 đồng, ở nông thôn là 30 đồng, những hộ nhiều nhân khẩu nhất cũng chỉ được đổi ngay đến mức tối đa ở thành thị là 500 đồng, ở nông thôn là 300 đồng.

- Mỗi nhân khẩu trong các hộ tập thể, như bộ đội, công an vũ trang, công nhân viên chức, sinh viên... được đổi ngay đến mức tối đa là 100 đồng.

5. Nghiêm cấm mọi hành động phân tán tiền, nhận tiền phân tán của người khác và các hành động lợi dụng, gian lận khác trong quá trình tiến hành thu đổi tiền.

6. Ngoài số tiền mặt được đổi ngay, số còn lại được ghi vào sổ tiết kiệm hay tiền gửi và được rút ra cho sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh theo chính sách quy định như sau:

- Tiền gửi tiết kiệm được rút ra tự do không hạn chế sau lần đổi tiền. Ngân hàng phải bảo đảm phục vụ người gửi và rút tiền gửi một cách nhanh chóng, thuận tiện.

- Tiền gửi khác rút ra để sản xuất, kinh doanh theo phương hướng nhiệm vụ kế hoạch nhà nước được bảo đảm mọi dễ dàng, nếu xét cần thiết Nhà nước còn có thể cho vay thêm vốn để kinh doanh.

Các loại tiền tiết kiệm và tiền gửi khác được hưởng lợi tức ngân hàng theo quy định.

Những khoản tiền qua điều tra và xác minh là tiền thu nhập không hợp pháp hoặc nhận tiền phân tán của người khác sẽ xét và xử lý theo quy định và pháp luật của Chính phủ.

7. Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ và uỷ ban nhân dân địa phương, ngành ngân hàng là công cụ chính phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm và các đoàn thể nhân dân tổ chức việc đổi tiền ngân hàng mới, thu tiền ngân hàng cũ dưới sự chỉ đạo trực tiếp và kiểm tra của bàn thu đổi được thành lập ở các cấp.

8. Sau đợt thu đổi tập trung (từ 3 đến 5 ngày như quy định ở điều 1), việc rút tiền tiết kiệm và tiền gửi được thực hiện qua tổ chức ngân hàng các cấp. Ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thanh toán các loại tiền thu đổi, tiền gửi theo quy định của Nhà nước.

9. Mọi khiếu nại sau khi đã khoá sổ thu đổi giao cho Ngân hàng Nhà nước xét và giải quyết theo quy định của Nhà nước.

10. Các loại tiền nước ngoài được xét đổi theo chính sách và tỷ giá đã quy định do Ngân hàng Nhà nước phụ trách.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Để thực hiện được các yêu cầu, chủ trương và biện pháp nêu ở phần I và II, Bộ Chính trị quyết định:

1. Coi công tác thu đổi và thống nhất tiền tệ kết hợp với các biện pháp quản lý sản xuất, quản lý lưu thông, phân phối, quản lý thị trường là một công tác *trung tâm đột xuất*, vừa nhằm thực hiện thống nhất tiền tệ, tăng cường quản lý tiền tệ, vừa chấn chỉnh một bước các mặt quản lý sản xuất, lưu thông phân phối vật tư và hàng hoá, tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh chống đầu cơ bóc lột ngoài xã hội, chống tham ô, lãng phí, ăn cắp trong các ngành, các xí nghiệp, cơ quan nhà nước. Công việc này được thực hiện tốt sẽ góp phần tạo ra chuyển biến mới trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1978, làm đà cho việc thực hiện kế hoạch các năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980.

Để đảm bảo thắng lợi đợt công tác này, các ngành, các cấp phải tập trung sức chỉ đạo chặt chẽ, huy động lực lượng cán bộ tham gia theo một chiến dịch lớn, từ việc chuẩn bị, đến lúc triển khai các mặt công tác cho đến lúc kết thúc.

Các cấp uỷ và uỷ ban nhân dân địa phương phải huy động cán bộ các ngành, các đoàn thể nhân dân tham gia và tập trung sức chỉ đạo theo kế hoạch, biện pháp và chính sách thống nhất của Trung ương.

2. Để giúp Trung ương và Hội đồng Chính phủ chỉ đạo công tác này, Bộ Chính trị quyết định thành lập *Ban Chỉ đạo* gồm các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, làm Trưởng ban.

- Đồng chí Đỗ Mười, Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, làm Phó ban, chuyên trách về vật tư, hàng hoá, quản lý thị trường.

- Đồng chí Hoàng Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, làm ủy viên thường trực và chuyên trách về công tác thu đổi.

- Đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Bí thư Thành uỷ, phụ trách chỉ đạo công tác này tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đồng chí Vũ Tuân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, theo dõi đôn đốc chung việc thu đổi tại miền Bắc.

- Đồng chí Trần Vỹ, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, phụ trách chỉ đạo công tác này tại Thủ đô Hà Nội.

Ban Chỉ đạo Trung ương có bộ phận chuyên trách về công tác vật tư hàng hoá thị trường và bộ phận chuyên trách về công tác thu đổi và thống nhất tiền tệ, chịu trách nhiệm chỉ đạo từng mặt công tác trong phạm vi cả nước.

3. Để giúp Trung ương Đảng, Chính phủ, các đảng bộ và chính quyền các cấp chỉ đạo việc thu đổi và thống nhất tiền tệ, Hội đồng Chính phủ ra quyết định thành lập ban chỉ đạo thu đổi ở các cấp với thành phần như sau:

- *Ban thu đổi Trung ương*, gồm có: Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, đại diện Bộ Nội vụ, đại diện Bộ Quốc phòng, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- *Ban thu đổi ở các tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương*, gồm có: đồng chí bí thư hoặc chủ tịch uỷ ban nhân dân làm trưởng ban và các trưởng ty tài chính, giám đốc ngân hàng, đại diện của bộ chỉ huy địa phương, đại diện ngành công an và ngành kiểm sát nhân dân.

- *Ở cấp huyện, thành phố trực thuộc tỉnh hoặc thị xã và cấp tương đương*, thành phần ban thu đổi giống như ở cấp tỉnh hoặc thành phố, và có thể có cán bộ cấp trên cử về tham gia, ban thu đổi các tỉnh, thành phố phải căn cứ vào khối lượng công tác cụ thể ở từng nơi để có kế hoạch tăng cường cán bộ có năng lực hướng dẫn và kiểm tra cụ thể, bảo đảm hoàn thành tốt công tác thu đổi.

- *Ở cấp xã, phường, thị trấn*, thành phần ban thu đổi giống như ở cấp huyện. Nhiệm vụ của ban thu đổi ở xã, phường là tổ chức các bàn đổi tiền thuận lợi cho dân, thuận lợi cho việc quản lý và kiểm tra của Nhà nước.

Trong thời gian tiến hành việc thu đổi, các cấp uỷ đảng và uỷ ban nhân dân các cấp phải huy động các ngành, các đoàn thể quần chúng tập trung sức tuyên truyền giải thích và lãnh đạo nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh chính sách và chủ trương của Đảng và Nhà nước, có kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tuyệt đối cho công tác thu đổi, thực hiện tốt việc thu đổi và giám sát chặt chẽ thu đổi.

Căn cứ vào nghị quyết của Bộ Chính trị, Hội đồng Chính phủ sẽ ra những quyết định cụ thể và Ban thu đổi Trung ương hướng dẫn việc thi hành.

Trong cao trào cả nước đang dồn sức thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV và các nghị quyết Hội nghị lần thứ hai và thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương

Đảng, tạo ra chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1978 và kế hoạch 5 năm 1976 - 1980, việc thống nhất tiền tệ gắn với việc tăng cường quản lý hàng hoá, quản lý thị trường lần này có ý nghĩa kinh tế và chính trị sâu sắc. Đó là điều kiện không thể thiếu được để phát triển nền kinh tế nước ta từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tất cả các ngành, các cấp, các cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở phải nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách và biện pháp đã đề ra trong nghị quyết này, phải huy động các phương tiện tuyên truyền, báo chí, các tổ chức quần chúng phổ biến một cách rộng rãi trong nhân dân, động viên mọi người hăng hái phát huy quyền làm chủ tập thể, đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính và lưu thông - phân phối, góp phần tích cực vào việc ổn định tiền tệ, ổn định giá cả và thị trường, ổn định đời sống trong tình hình mới.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 40-CT/TW, ngày 4 tháng 4 năm 1978

Về tăng cường công tác xây dựng đảng trong các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: “Thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp có vị trí quan trọng và lâu dài trong nền kinh tế quốc dân, cần được đặc biệt chú ý phục hồi và phát triển mạnh, nhất là những ngành nghề thủ công cổ truyền và mỹ nghệ ở các địa phương”.

Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là: tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển theo đúng phương hướng chung của nền kinh tế quốc dân, đồng thời tăng cường quản lý, tiếp tục cải tạo, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát huy tính tích cực, khắc phục những hiện tượng tiêu cực của những người thợ thủ công, đưa tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp từng bước tiến lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hội đồng Chính phủ đã có Nghị quyết 134-CP, ngày 3-8-

1976, quy định những việc cụ thể phải làm để tổ chức lại sản xuất, tăng cường và cải tiến một bước quản lý, phát huy hơn nữa tác dụng của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nhằm phát triển kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân. Các ngành, các địa phương cần nghiên cứu để nắm vững và nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết đó, phấn đấu trong vài ba năm tới tạo ra một bước phát triển mới về lực lượng sản xuất cũng như về quan hệ sản xuất trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Đi đôi với việc tăng cường sự quản lý của Nhà nước, phải tăng cường sự quản lý của tập thể đối với khu vực kinh tế tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; kiện toàn hệ thống liên hiệp xã các cấp, từ trung ương đến tỉnh, huyện.

Để hoàn thành nhiệm vụ trên đây, phải *tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và ra sức xây dựng, củng cố các chi bộ đảng trong các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp*. Chú trọng những điểm sau đây:

1. Xác định rõ nhiệm vụ lãnh đạo của tổ chức đảng trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp.

Hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp là đơn vị kinh tế tập thể, đồng thời là tổ chức sinh hoạt chính trị của những người lao động thủ công. Trong các hợp tác xã áp dụng chế độ quản lý theo nguyên tắc dân chủ, tập thể.

Tổ chức đảng trong hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp là người đại diện cho lập trường của giai cấp công nhân, có trách nhiệm lãnh đạo và kiểm tra mọi hoạt động của hợp tác xã, bảo đảm chấp hành đúng đắn đường lối và các chính sách của Đảng và Nhà nước. Trước mắt phải nắm vững nhiệm vụ của hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công

ng nghiệp là đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp. Tổ chức đảng phải lãnh đạo phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã viên, bảo đảm mọi việc quan trọng của hợp tác xã đều do xã viên dân chủ bàn bạc và quyết định; lãnh đạo làm tốt công tác quản lý hợp tác xã, nhằm tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cách mạng kỹ thuật; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích của xã viên với lợi ích của Nhà nước và của tập thể, gây không khí phấn khởi, đẩy mạnh phong trào cách mạng sôi nổi trong những người lao động thủ công. Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ trên mà tiến hành công tác xây dựng đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng và củng cố hợp tác xã.

Đối với việc thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, tổ chức đảng phải lãnh đạo hợp tác xã có thái độ đúng đắn trong việc tiếp nhận kế hoạch nhà nước giao và trong việc ký kết các hợp đồng sản xuất với các đơn vị gia công đặt hàng; chống thái độ dễ làm khó bỏ, dùn đẩy trách nhiệm, bắt bí khách hàng, v.v.. Chú trọng lãnh đạo bảo đảm chất lượng sản phẩm theo các hợp đồng đã ký kết, chống làm ăn gian dối, lấy cắp nguyên liệu của Nhà nước làm hàng đem bán ra ngoài thị trường không có tổ chức; lãnh đạo giải quyết tốt vấn đề nguyên liệu sẵn có của địa phương để thay thế những nguyên liệu phải nhập của nước ngoài.

2. Nắm vững chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng và tôn trọng nguyên tắc quản lý dân chủ của hợp tác xã, trên cơ sở

đó xây dựng tốt mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng với ban quản trị, ban kiểm soát của hợp tác xã và tập thể xã viên. Nói chung về các vấn đề quan trọng trong sản xuất, kinh doanh, đời sống của hợp tác xã, chi bộ phải bàn và quyết định chủ trương, biện pháp lãnh đạo quần chúng thực hiện. Sau khi đã thảo luận nhất trí trong nội bộ Đảng, chi bộ phải thông qua ban quản trị và ban kiểm soát của hợp tác xã để đưa ra đại hội xã viên thảo luận và quyết định, bằng cách *thuyết phục, vận động quần chúng, không được mệnh lệnh, gò ép quần chúng*.

Tổ chức đảng phải phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên lôi cuốn quần chúng thực hiện các nghị quyết của hợp tác xã; tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, kịp thời phát hiện các khuyết điểm, sai lầm trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, các chế độ quy định của Nhà nước. Nếu thấy có khuyết điểm, phải thông qua ban quản trị và ban kiểm soát của hợp tác xã để kịp thời sửa chữa.

3. Trong công tác củng cố chi bộ hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, phải hết sức chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; tăng cường công tác giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao quan điểm, lập trường giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên.

Yêu cầu rèn luyện đối với đảng viên trong thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp hiện nay là:

- Giác ngộ xã hội chủ nghĩa, biết đặt lợi ích của Nhà nước, của tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Tích cực tham gia xây dựng hợp tác xã, không chân trong, chân ngoài.

- Gương mẫu trong lao động sản xuất ở hợp tác xã, không làm ăn gian dối, không chạy theo thu nhập cá nhân mà lơ là công việc chung.

- Gương mẫu chấp hành pháp luật và các chính sách, chế độ Nhà nước đã quy định; có ý thức bảo vệ tài sản của Nhà nước và của hợp tác xã, không tham ô, móc ngoặc.

- Có quan hệ tốt với quần chúng, tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, không quan liêu, hách dịch, gia trưởng, độc đoán, trấn áp và ức hiếp quần chúng.

Đi đôi với việc tăng cường giáo dục đảng viên, kiên quyết đưa ngay những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, theo tinh thần Thông tri số 22-TT/TW, ngày 5-9-1977, của Ban Bí thư¹.

4. Hiện nay số lượng đảng viên trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp còn rất mỏng (chưa đầy 5% so với tổng số xã viên), nhiều hợp tác xã chưa có đảng viên. Các cấp uỷ và các chi bộ cần chú ý đúng mức đến việc phát triển đảng trong những người lao động thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, lựa chọn những xã viên ưu tú, xuất thân từ nhân dân lao động, đã được rèn luyện thử thách trong phong trào cách mạng ở cơ sở, trong việc củng cố và xây dựng hợp tác xã. Phải nắm vững phương châm “coi trọng chất lượng, phát triển đi đôi với củng cố”, khắc phục tư tưởng thành kiến, hẹp hòi, ngại khó, sợ trách nhiệm; đồng thời đề phòng tư tưởng chạy theo số lượng hoặc cảm tình cá nhân mà kết nạp

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.38, tr.429 (B.T).

những người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Đối với các hợp tác xã hiện chưa có đảng viên, hoặc chưa đủ đảng viên để thành lập chi bộ, các cấp uỷ phải cử cán bộ trực tiếp xây dựng cơ sở đảng, hoặc điều động thêm cán bộ, đảng viên tăng cường cho các hợp tác xã để có thể thành lập được các chi bộ đảng. Những đảng viên là cán bộ về nghỉ hưu, không phải là xã viên của hợp tác xã thì sinh hoạt với chi bộ đường phố, hoặc chi bộ xã, thôn, theo chỗ ở của các đồng chí đó, không sinh hoạt ghép trong chi bộ hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp.

5. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp. Các trường đảng của tỉnh, huyện cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các bí thư chi bộ, chi uỷ viên chi bộ hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Các trường nghiệp vụ của các bộ, tổng cục và các tỉnh, thành phố dành một tỷ lệ thích đáng để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật cho các hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp.

Các cấp uỷ đảng, nhất là các huyện uỷ, quận uỷ, phải thường xuyên chỉ đạo công tác xây dựng đảng trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp. Cần phân công một đồng chí trong cấp uỷ trực tiếp phụ trách công tác này và bố trí cán bộ có năng lực, có hiểu biết về thủ công nghiệp giúp cấp uỷ theo dõi, chỉ đạo các chi bộ hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Các ngành tài chính, ngân hàng, lao động, ngoại thương, v.v. phải tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ thiết thực cho các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp

hoạt động. Đảng đoàn liên hiệp xã các cấp có trách nhiệm giúp các cơ sở đảng quán triệt nhiệm vụ chính trị của ngành, chủ động tham gia ý kiến với các cấp uỷ về công tác xây dựng đảng trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp xã để hướng dẫn và chỉ đạo công tác vận động quần chúng trong các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 37-TT/TW, ngày 7 tháng 4 năm 1978

Về việc kỷ niệm ngày chiến thắng (30-4), ngày Quốc tế lao động (1-5) và ngày sinh của Hồ Chủ tịch (19-5)

Năm nay, nhân dân ta tổ chức kỷ niệm ngày chiến thắng (30-4), ngày Quốc tế lao động (1-5) và ngày sinh của Hồ Chủ tịch (19-5), giữa lúc cán bộ, đảng viên và đồng bào ta đang ra sức phấn đấu khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, tích cực đấu tranh cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, đưa nông dân vào con đường hợp tác hoá, hăng hái tham gia cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới, quyết tâm thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai và thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong phong trào quần chúng, trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, đã xuất hiện những nhân tố mới, những điển hình tốt, càng chứng minh sự đúng đắn của đường lối của Đảng ta, bản chất tốt đẹp của chế độ ta, truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân ta.

Tuy nhiên, tình hình sản xuất và đời sống đang còn nhiều khó khăn, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội chậm được khắc phục. Mặt khác, bọn đế quốc và các thế lực phản động đang gieo rắc những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc chế độ ta, âm mưu phá rối sự nghiệp hoà bình xây dựng của nhân dân ta, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Đối với tình hình đó, một số người do không đánh giá đúng thành tựu và khuyết điểm, thuận lợi và khó khăn sinh ra bi quan, dao động hoặc lơ là, mất cảnh giác.

Nhân dịp ba ngày kỷ niệm này, *cần tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị* trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nhằm những yêu cầu và nội dung sau đây:

1. Nhận thức đúng tình hình và nhiệm vụ của nước ta hiện nay, tự hào về thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và những biến đổi cách mạng to lớn trong cả nước từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng; phát huy vai trò làm chủ tập thể, ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kiên cường phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, kiên quyết tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, vận động và tổ chức nông dân miền Nam đi vào sản xuất tập thể, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của kẻ thù phá hoại trật tự an ninh, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

2. Biết ơn sâu sắc công lao và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chủ tịch, ra sức học tập đạo đức của Người, nêu cao phẩm chất “tận trung với nước, tận hiếu với dân”, “cần, kiệm, liêm,

chính, chí công vô tư”, cống hiến hết sức mình vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Đối với cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, cần nêu cao tính tiên phong của giai cấp công nhân, tinh thần suốt đời phấn đấu vì lý tưởng cộng sản, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

Đối với nhân dân, cần nêu cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy tính tự giác, chủ động và sáng tạo trong lao động sản xuất, tiết kiệm và tổ chức đời sống, trong đấu tranh xoá bỏ bóc lột, khắc phục những thói hư tật xấu và những biểu hiện tiêu cực, đảm bảo an ninh trật tự, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Sau đây là những hình thức tổ chức cụ thể:

1. Mặt trận và các đoàn thể tổ chức rộng rãi những cuộc hội thảo, những buổi mạn đàm nhân ngày chiến thắng 30-4 và ngày hội lao động 1-5 nhằm:

- Biểu dương những thành tựu lớn lao, những biến đổi sâu sắc mà chế độ ta đã đem lại cho đất nước, cho các tầng lớp nhân dân lao động, cho mỗi địa phương, cho mỗi người dân từ sau ngày đại thắng 30-4-1975.

- Cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, phát huy những nhân tố mới ở mỗi địa phương, đơn vị.

- Nêu cao trách nhiệm và quyết tâm của mọi người kiên cường phấn đấu vì nền độc lập, tự chủ và sự giàu mạnh của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các cấp uỷ cần cử cán bộ có tín nhiệm đến báo cáo, hướng dẫn nội dung và giải đáp thắc mắc của quần chúng tại các

cuộc hội thảo, các buổi mạn đàm ở cơ sở. Cuộc sinh hoạt này cần tiến hành vào cuối tháng 4-1978.

2. Ngày 1-5, các tỉnh, thành, thị xã *tổ chức mít tinh kỷ niệm*.

Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố, thị xã ở phía Nam cần biến cuộc mít tinh này thành cuộc biểu dương mạnh mẽ lực lượng của quần chúng đấu tranh xoá bỏ công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới.

Tại các cuộc mít tinh này, các đồng chí bí thư hoặc chủ tịch tỉnh, thành phố thay mặt đảng bộ và chính quyền đánh giá tình hình địa phương, biểu dương những việc làm tốt, phê phán những thiếu sót và kêu gọi quần chúng nêu cao tinh thần làm chủ, hăng hái thực hiện những công tác trước mắt của địa phương.

3. Vào dịp kỷ niệm ngày sinh của Bác, các cấp uỷ, các chi bộ, các tổ chức quần chúng ở cơ sở cần tiến hành một cuộc sinh hoạt nghiêm túc (thay cho sinh hoạt thường lệ) căn cứ vào những ý kiến của cán bộ, quần chúng trong cuộc sinh hoạt kỷ niệm 30-4 – 1-5 và trong dịp thảo luận Dự thảo Hiến pháp bước I mà tự phê bình và phê bình sâu sắc về phẩm chất, đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật, thiếu tinh thần trách nhiệm, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Trên cơ sở đó mà có nghị quyết đẩy mạnh phong trào quần chúng ở địa phương, tăng cường công tác xây dựng đảng, rèn luyện đạo đức, tác phong, sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm của mỗi cấp, mỗi đơn vị, mỗi người.

Cuộc sinh hoạt này phải được chuẩn bị chu đáo, lãnh đạo chặt chẽ. Cấp trên và cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu tự phê

binh và phê bình. Các cấp phải báo cáo kết quả lên cấp trên, các tỉnh, thành, ban cán sự đảng ở các bộ, đảng đoàn các đoàn thể phải báo cáo lên Ban Bí thư.

4. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, cổ động có tính quần chúng rộng rãi (biểu diễn nghệ thuật, thể dục thể thao...), biến các ngày lễ thành ngày hội của quần chúng, thúc đẩy phong trào lao động sản xuất, củng cố quốc phòng và an ninh, tổ chức tốt đời sống.

Báo chí, đài phát thanh và truyền hình căn cứ vào những yêu cầu, nội dung trên đây, mở một đợt tuyên truyền, cổ động bằng nhiều hình thức sinh động từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 5-1978.

Về mặt tuyên truyền đối ngoại, nhân dịp này, cần chú ý:

Giới thiệu những thành tựu của nhân dân ta nỗ lực hàn gắn thương tích chiến tranh, xây dựng lại đất nước từ sau cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi. Nêu cao đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị của Đảng và Nhà nước ta; tranh thủ hơn nữa sự đồng tình và ủng hộ quốc tế đối với đường lối và sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

KHẨU HIỆU

1. Tinh thần ngày 30-4-1975, ngày chiến thắng vẻ vang của dân tộc Việt Nam muôn năm!

2. Tinh thần ngày Quốc tế lao động 1-5 muôn năm!

3. Đồng bào và chiến sĩ cả nước nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần tự lực tự cường, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa!

4. Tập trung cao độ lực lượng cả nước, tạo ra một bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp!

5. Toàn dân, toàn quân hăng hái tham gia các cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc!

6. Phát huy quyền làm chủ tập thể, hăng hái tham gia thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam!

7. Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại!

8. Nhân dân Việt Nam đoàn kết chặt chẽ với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân lao động toàn thế giới kiên quyết đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội!

9. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin vô địch muôn năm!

10. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

11. Đảng Cộng sản Việt Nam, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam muôn năm!

12. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 41-CT/TW, ngày 12 tháng 4 năm 1978

Về việc bồi dưỡng về quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ

Để đáp ứng trước mắt yêu cầu bồi dưỡng về quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ, Ban Bí thư quyết định mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày (có tính chất tập huấn) nhằm làm cho cán bộ hiểu thống nhất những nghị quyết quan trọng của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế và làm đúng các nghị quyết đó.

Trong năm 1978, mở các lớp như sau:

1. Lớp bồi dưỡng ngắn ngày về xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện

Các lớp này mở cho các đồng chí thường vụ huyện ủy, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên ủy ban nhân dân huyện; bí thư tỉnh ủy hay phó bí thư phụ trách kinh tế, chủ tịch, phó chủ tịch và một số ủy viên ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách một số ngành hay lĩnh vực quan trọng về kinh tế; thủ trưởng các bộ và cơ quan ngang bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ; đại diện các ban của Đảng và các đoàn thể quần chúng, cục, vụ, viện trưởng, v.v..

Mở lớp đầu tiên ở miền Bắc (từ 10 đến 15 ngày) trên cơ sở các văn bản của Đảng và Nhà nước về huyện. Sau khi kết thúc lớp này (tháng 3-1978), cử một đoàn cán bộ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế và các bộ có liên quan đi nghiên cứu việc vận dụng các văn bản trên vào các huyện miền Nam để trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ ra các văn bản bổ sung cần thiết. Dựa vào các văn bản đã có và sẽ bổ sung mà mở lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ huyện miền Nam.

Trong tháng 7-1978, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ chủ trì mở hội nghị có tính chất tập huấn tại thành phố Hồ Chí Minh cho các tỉnh miền Nam. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế cùng với các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm về nội dung, Văn phòng Phủ Thủ tướng chịu trách nhiệm về tổ chức. Căn cứ vào tài liệu trình bày tại hội nghị đó chỉnh lý thêm và giao cho hệ thống trường đảng mở tiếp các lớp bồi dưỡng ngắn ngày trong năm 1978 cho xong một lượt đối với số cán bộ nói trên.

Trong năm 1978, cán bộ chủ chốt ở cấp huyện ở miền Bắc và ở miền Nam học về quản lý kinh tế chỉ theo các lớp bồi dưỡng ngắn ngày này.

Các bộ mở những lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ trung ương, tỉnh, huyện về ngành và lĩnh vực mình phụ trách, nhưng không được triệu tập cán bộ chủ chốt ở huyện (thành phần như đã nêu trên) dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

2. Lớp bồi dưỡng ngắn ngày về quản lý xí nghiệp công nghiệp quốc doanh (điều lệ đã ban hành theo Nghị định 93-CP)

Những lớp này mở cho các đồng chí giám đốc xí nghiệp,

phó giám đốc, bí thư đảng uỷ, thư ký công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của xí nghiệp; đại diện các bộ, các công ty, liên hiệp xí nghiệp.

Đối với miền Bắc, các bộ quản lý sản xuất tiếp tục mở lớp bồi dưỡng (từ 20 ngày đến 1 tháng) cho giám đốc xí nghiệp (cả trung ương và địa phương). Các bộ quản lý chức năng mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ nghiệp vụ của mình nhằm phục vụ tốt việc thực hiện điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh. Bộ Công nghiệp nhẹ với sự giúp đỡ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế và các bộ chức năng, mở lớp bồi dưỡng cho giám đốc các xí nghiệp công nghiệp địa phương và cán bộ quản lý của các tỉnh.

Đối với miền Nam, cử một đoàn cán bộ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế và các bộ có liên quan đi nghiên cứu việc vận dụng điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh vào các xí nghiệp ở miền Nam. Dựa vào các văn bản đã có và kết quả điều tra nghiên cứu, mở các lớp bồi dưỡng về điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh vào tháng 6-1978, mỗi lớp khoảng từ 20 ngày đến 1 tháng.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế cùng với các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm về nội dung, Văn phòng Phủ Thủ tướng chịu trách nhiệm về tổ chức.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ chủ trì mở lớp đầu độ 300 người, sau đó giao hệ thống trường đảng mở tiếp các lớp trong năm 1978 cho xong một lượt đối với số cán bộ trên.

3. Tổ chức các buổi báo cáo về quản lý kinh tế cho cán bộ cao cấp

Chuẩn bị đề cương các chuyên đề nghiên cứu trình Ban

Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ duyệt đề từ giữa năm 1978 tổ chức các buổi báo cáo về quản lý kinh tế cho cán bộ cao cấp, theo định kỳ 1 tháng 2 ngày.

Dự các buổi báo cáo này có các đồng chí uỷ viên Trung ương Đảng, thủ trưởng các bộ và cơ quan ngang bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ; đại diện các ban của Đảng và các đoàn thể quần chúng; bí thư và chủ tịch tỉnh.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế cùng với Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Trường đại học Kinh tế kế hoạch và một số bộ chịu trách nhiệm về nội dung; Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm về tổ chức.

- Sau Hội nghị Trung ương bàn chuyên đề về quản lý kinh tế sẽ mở lớp nghiên cứu về quản lý kinh tế cho cán bộ cao cấp.

Để thực hiện mục tiêu bồi dưỡng ngắn ngày trong năm 1978 như trên, Ban Bí thư quyết định:

Phân công một đồng chí trong Ban Bí thư thống nhất chỉ đạo công tác này.

Cử một đồng chí Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế với một số cán bộ có trình độ và kinh nghiệm để chuyên trách công tác đào tạo, bồi dưỡng về quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cao cấp. Giao cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế cùng với các cơ quan có liên quan chuẩn bị đề án chung về bồi dưỡng về quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ để trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ.

Giao cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế với sự cộng tác của Trường đại học Kinh tế kế hoạch, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Trường Hành chính Nhà nước và các bộ có

liên quan bàn và giải quyết cụ thể các vấn đề về nội dung của các lớp bồi dưỡng nói trong Chỉ thị này (chương trình bài giảng, người giảng...)

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 43-CT/TW, ngày 14 tháng 4 năm 1978

**Về việc nắm vững và đẩy mạnh công tác cải tạo
nông nghiệp ở miền Nam**

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp cũng như công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam là yêu cầu khách quan và cấp bách. Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam phải gắn với củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp của cả nước, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam nhằm xoá bỏ bóc lột ở nông thôn, đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp, đi lên chủ nghĩa xã hội; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các ngành nghề khác ở nông thôn, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phân công lại lao động và tăng năng suất lao động; từng bước cải thiện

đời sống nông dân, xây dựng nông thôn mới; góp phần phân bổ lại lực lượng sản xuất trên phạm vi cả nước, góp phần tích cực đáp ứng các nhu cầu về lương thực - thực phẩm, về nguyên liệu cho công nghiệp, về hàng xuất khẩu, làm cho nông nghiệp thành cơ sở thuận lợi để phát triển công nghiệp.

Phải đồng thời thực hiện ba cuộc cách mạng, gắn cải tạo với xây dựng, nông nghiệp với công nghiệp, gắn cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp; gắn thay đổi quan hệ sản xuất với tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất; gắn hợp tác hoá với thủy lợi hoá và từng bước cơ giới hoá; gắn sản xuất với lưu thông - phân phối và tổ chức đời sống; gắn kinh tế với quốc phòng. Phải lấy huyện làm địa bàn thực hiện ba cuộc cách mạng và kết hợp các mặt chặt chẽ với nhau để đưa nông dân, đưa nông thôn đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng huyện thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp.

Những quan điểm trên đây đã được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, lần thứ ba của Trung ương, nhưng các cấp, các ngành nắm chưa thật vững và tích cực thực hiện, công tác cải tạo nông nghiệp ở miền Nam tiến hành chậm, kết quả đạt được còn ít và chưa vững chắc.

1. *Các cấp, các ngành phải đặt công tác cải tạo gắn với xây dựng đối với nông nghiệp miền Nam là một công tác trọng tâm thường xuyên, tập trung sức thực hiện trong những năm trước mắt, nhanh chóng tạo ra những chuyển biến mới trong nền kinh tế quốc dân.*

Các cấp bộ đảng, chính quyền, các đoàn thể, các ban, ngành từ trung ương đến địa phương, trước hết là đồng chí bí thư, đồng chí chủ tịch, các đồng chí trưởng ban, bộ trưởng

phải nắm chắc công tác này, kết hợp chặt chẽ với các công tác khác, khắc phục tình trạng buông lỏng hoặc chỉ đạo phân tán, không đồng bộ bảo đảm công tác trọng tâm thường xuyên này và các mặt công tác khác đều được tiến hành tốt và nhịp nhàng trên địa bàn huyện.

Mục đích, yêu cầu của cải tạo nông nghiệp không chỉ nhằm thay đổi *chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất* mà chính là nhằm *tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống, tăng tích lũy, tăng xuất khẩu*. Do đó, công tác mở đầu phải làm cho tốt là xây dựng quy hoạch và kế hoạch của từng huyện, gắn quy hoạch và kế hoạch huyện với quy hoạch và kế hoạch của tỉnh và của các ngành trung ương.

Phải quán triệt tinh thần tích cực, khẩn trương nhưng vững chắc, không chần chừ nhưng cũng không nôn nóng, làm lướt. Phải nắm chắc và vận dụng sáng tạo đường lối và quan điểm của Đảng, có chính sách và bước đi thích hợp với từng vùng, không rập khuôn, máy móc. Phải làm tốt công tác *thí điểm và chỉ đạo trọng điểm*, đi sát huyện và cơ sở, kịp thời phát hiện và biểu dương những điển hình và kinh nghiệm tốt, phê phán và uốn nắn những việc làm sai.

Phải đặc biệt chú trọng công tác *xây dựng đảng về tư tưởng và tổ chức*; công tác *lựa chọn, tăng cường và bồi dưỡng đào tạo cán bộ*; công tác *giáo dục phát động quần chúng*, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, gây thành phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng tham gia cải tạo và xây dựng nông nghiệp.

Phải củng cố và tăng cường Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam của Trung ương Đảng và Chính phủ, các ban cải

tạo nông nghiệp tỉnh, thành phố ở miền Nam (tổ chức thống nhất làm một ban cải tạo nông nghiệp và ban nông nghiệp tỉnh, thành phố) để giúp Trung ương Đảng và Chính phủ, các tỉnh uỷ, thành uỷ và uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố nghiên cứu và chỉ đạo công tác cải tạo gắn với xây dựng nông nghiệp ở miền Nam.

Các ban, ngành ở trung ương có liên quan trực tiếp như Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thủy lợi, nhất là Ban Nông nghiệp và Bộ Nông nghiệp cần thống nhất phần việc của ngành mình ở miền Nam vào kế hoạch chung của Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam, có các đồng chí lãnh đạo tham gia Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam và biệt phái một số cán bộ cần thiết vào làm việc ở Ban Cải tạo Nông nghiệp miền Nam. Các ban, ngành khác phải phân công một đồng chí lãnh đạo và một số cán bộ chuyên trách để theo dõi, phục vụ và kết hợp công tác của ban, ngành với công tác cải tạo và xây dựng nông nghiệp ở miền Nam, liên hệ chặt chẽ với Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam.

2. Tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, biến người nông dân cá thể thành người nông dân tập thể xã hội chủ nghĩa, là một khâu rất trọng yếu và có nhiều khó khăn phức tạp trong công cuộc cải tạo nông nghiệp, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi trung nông chiếm số đông trong nông dân và đã đi vào sản xuất nông sản hàng hoá. Vấn đề mấu chốt ở khâu này là phải có *chính sách đúng để tập thể hoá được tư liệu sản xuất chủ yếu* đi đôi với công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nông dân.

Để có căn cứ chính xác đề ra chính sách tập thể hoá và sử dụng các tư liệu sản xuất, cần tổ chức đợt *điều tra về tình hình sở hữu ruộng đất, máy móc, trâu bò của các tầng lớp nông dân hiện nay*. Cần tiến hành điều tra đối với tất cả các hộ nông dân trên toàn miền Nam để biết rõ: mức độ chiếm hữu ruộng đất của các loại hộ nông dân và số hộ nông dân không có ruộng đất; mức độ chiếm hữu các loại máy và trâu bò của các loại hộ nông dân và số hộ nông dân không có máy, trâu bò; số lao động đang làm nông nghiệp, làm các ngành nghề khác và lao động có kỹ thuật ở nông thôn.

Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam và Tổng cục Thống kê phối hợp với những ngành có liên quan để hướng dẫn các uỷ ban nhân dân tỉnh và thành phố làm tốt đợt điều tra này. Cần khẩn trương tiến hành để cuối tháng 6-1978 có báo cáo lên Bộ Chính trị.

Đi đôi với đợt điều tra rộng nói trên, Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam phối hợp với nông hội và một số ngành có liên quan, một số tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức một số tổ công tác về một số xã, ấp tiêu biểu ở từng vùng để nắm sâu tình hình và nghiên cứu đề xuất chính sách tập thể hoá. Cần kiểm tra lại tình hình bóc lột theo lối phong kiến, nếu thấy vẫn còn thì chỉ đạo giải quyết ngay, và tình hình bóc lột theo kiểu phú nông (bóc lột nhân công, cho vay nặng lãi) để có chủ trương giải quyết. Các tổ công tác có nhiệm vụ điều tra tình hình sở hữu ruộng đất (bao gồm ruộng, vườn, ao, địa, rừng cây...) của các hộ nông dân, nguồn gốc của sở hữu ruộng đất, nhất là đối với những hộ có nhiều ruộng đất so với mức bình quân, nghiên cứu đề xuất chính sách kể cả chính sách điều chỉnh ruộng đất của trung nông lớp trên trước khi hợp tác hoá và chính sách tập thể hoá tư liệu sản xuất khi hợp tác

hoá. Hướng nghiên cứu chính sách là: phải triệt để và dứt khoát tập thể hoá các tư liệu sản xuất chủ yếu của nông dân, xác lập chế độ sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa, nhưng về mức trả hoa lợi ruộng đất và giá mua lại máy, trâu bò thì cần thoả đáng để trung nông, nhất là trung nông lớp trên có thể tiếp thu và tự nguyện chấp hành. Việc đi sâu điều tra tình hình, nghiên cứu chính sách này cũng phải tiến hành khẩn trương, và báo cáo lên Bộ Chính trị vào cuối tháng 6-1978.

Rút kinh nghiệm ở những nơi nông dân đã tự điều chỉnh ruộng đất cho nhau từ sau ngày giải phóng, Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam cần hướng dẫn các tỉnh uỷ, thành uỷ dựa vào tổ chức nông hội tiến hành điều chỉnh ruộng đất càng sớm càng tốt ở những nơi có yêu cầu này. Các tỉnh uỷ, thành uỷ và uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần chỉ đạo chặt chẽ việc điều tra, nghiên cứu và điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân, đặt rõ trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên ở địa phương phải nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu bảo đảm đoàn kết trong nông dân lao động và đề phòng mọi hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra.

3. Hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam nói chung *phải đi từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, thích hợp với từng vùng, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ* và phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động.

Tuỳ theo đặc điểm từng vùng, có thể xây dựng hợp tác xã có trả hoa lợi ruộng đất, hoặc chỉ trả hoa lợi ruộng đất cho số ruộng đất trên mức bình quân, hoặc không trả hoa lợi ruộng đất. Về máy móc và trâu bò cày kéo thì hợp tác xã nào cũng tiến hành mua lại và trả tiền dần, trừ những máy không còn

dùng được hoặc sắp hỏng.

Quy mô hợp tác xã lúc đầu phải vừa với sức quản lý của cán bộ cơ sở, không nên làm to (vùng đồng bằng vào khoảng 200 ha; miền núi không kể đất rừng, vào khoảng 100 - 200 ha; qua bước này, chuẩn bị để tiến lên quy mô diện tích mà Nghị quyết lần thứ hai của Trung ương đã quy định).

Đi đôi với thành lập các *đội sản xuất cơ bản* (trồng trọt, chăn nuôi, các ngành nghề khác, ngay từ đầu hợp tác xã cần thành lập một số *đội, tổ lao động chuyên khâu* cần thiết để thực hiện ngay việc phân công và hợp tác lao động, mở rộng sản xuất và chuyên môn hoá lao động.

Hợp tác xã là đơn vị thống nhất kinh doanh phân phối, có quy hoạch, kế hoạch, định mức, tiêu chuẩn thống nhất, nhưng lúc đầu chưa nên nhấn mạnh việc quản lý và điều hành tập trung vào ban quản trị, mà cần nhấn mạnh việc quản lý và điều hành theo *đội sản xuất* cho thích hợp với trình độ quản lý.

Trong năm 1978, cần *đưa đại bộ phận nông dân vào các hình thức tổ chức hiệp tác lao động sản xuất* để tập dượt đi lên hợp tác xã, đồng thời tiếp tục *xây dựng hợp tác xã thí điểm* ở các vùng khác nhau theo tinh thần nói trên. Ở các tỉnh Nam Bộ, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, cần nhanh chóng đưa nông dân vào các tổ đoàn kết sản xuất gắn với kế hoạch và ban sản xuất áp theo kiểu Gò Công và các hình thức tập dượt khác, đồng thời xây dựng tốt một số hợp tác xã thí điểm. Ở các tỉnh duyên hải miền Trung và các tỉnh Tây Nguyên, đi đôi với việc phát triển và nâng cao chất lượng các tổ chức hiệp tác lao động sản xuất, cần kiểm tra, đánh giá kỹ các hợp tác xã đã có để có kế hoạch củng cố và phát

huy, nếu thấy cần thì chia những hợp tác xã quá lớn ra cho vừa sức quản lý của cán bộ cơ sở; rút kinh nghiệm việc xây dựng các hợp tác xã vừa qua để chuẩn bị chu đáo cho các hợp tác xã mới.

4. *Đẩy mạnh xây dựng các huyện trọng điểm và các huyện nói chung ở miền Nam* để tiến hành tốt cải tạo và xây dựng nông nghiệp. Việc xây dựng huyện, kể cả các huyện điểm của Trung ương, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, các Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, lần thứ ba của Trung ương và Chỉ thị số 33 của Bộ Chính trị là *trách nhiệm trực tiếp của các tỉnh và của bản thân các huyện*. Các tỉnh, huyện cần chủ động và tự lực vươn lên xây dựng huyện. Các ngành trung ương có trách nhiệm cùng với tỉnh xây dựng ngành mình ở huyện.

Trong năm 1978, các tỉnh và các ngành trung ương phải tập trung chỉ đạo các huyện trọng điểm của trung ương và của các tỉnh tiến được một bước rõ rệt về các mặt sau đây:

- *Xây dựng và xét duyệt xong quy hoạch, kế hoạch của huyện*, và bắt đầu thực hiện.

- *Xây dựng một số cơ sở vật chất - kỹ thuật và phúc lợi tập thể trên địa bàn huyện*, nhất là hệ thống thủy lợi và giao thông; cơ sở máy kéo, giống cây, giống con, bảo vệ thực vật và thú y; mạng lưới thương nghiệp cung ứng vật tư, hàng tiêu dùng và thu mua nông sản; bệnh viện, trường học...

- *Củng cố bộ máy và chấn chỉnh đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền*, đoàn thể quần chúng ở cấp huyện và ở các xã, ấp.

- *Có phong trào quần chúng sôi nổi đi vào làm ăn tập thể*, phát triển sản xuất, tổ chức đời sống và làm tốt nghĩa vụ đối

với Nhà nước. Đồng thời với việc tiến hành các công tác nói trên, phải đẩy mạnh việc *bồi dưỡng, đào tạo cán bộ*, để chuẩn bị mở rộng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp và xây dựng huyện trong năm 1979, tiến tới căn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam vào các năm sau.

Nhận được Chỉ thị này, các tỉnh uỷ, thành uỷ, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và các ban, ngành trung ương phải tổ chức tập thể nghiên cứu để quán triệt và bàn kế hoạch thi hành, hằng tháng báo cáo kết quả về Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ. Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam theo dõi, kiểm tra, phối hợp các ngành và hướng dẫn các địa phương thi hành Chỉ thị này.

Chỉ thị này được sao gửi toàn văn đến huyện uỷ và uỷ ban nhân dân các huyện ở miền Nam.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 36-TT/TW, ngày 15 tháng 4 năm 1978

Một số nhiệm vụ cụ thể về công tác C*

Nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ đặc biệt Việt - Lào, phải làm thật tốt các công tác sau đây:

1. Công tác biên giới

Để kết thúc tốt đẹp việc giải quyết biên giới giữa hai nước, ta nên cùng bạn xúc tiến các việc: chuyển giao cho nhau những vùng cần chuyển giao, có thể giữa các tỉnh làm với nhau dưới sự hướng dẫn của trung ương và phải làm thật tốt; xây dựng quy chế biên giới; các vấn đề cần nhiều thì giờ hoặc bạn thấy chưa có điều kiện tiến hành thì sẽ làm sau.

2. Công tác Việt kiều

Tăng cường công tác vận động, giáo dục Việt kiều ở Lào hết sức tôn trọng pháp luật của bạn và hết sức hữu nghị với bạn. Bộ Ngoại giao, Ban Việt kiều Trung ương và Ban Cán

* Công tác C: công tác Lào (B.T).

sự Đảng về công tác C cùng nhau chấn chỉnh bộ phận lãnh sự ở sứ quán Viêngchan để chuyên lo việc này; phải xác định rõ nội dung công tác, phương pháp công tác và tăng cường cán bộ có năng lực phụ trách. Trao đổi thêm với bạn để có thể sớm ký một hiệp định nội bộ về vấn đề Việt kiều.

3. Về viện trợ và hợp tác kinh tế

- *Vấn đề vận tải quá cảnh và giúp đỡ bạn có đường ra biển.* Việc này hai bên đã ký và bạn đã có chủ trương tích cực xây dựng tuyến đường thông ra biển qua phía đông. Để giúp bạn Lào trong việc quá cảnh hàng hoá và mở đường ra biển qua Việt Nam, phải giải quyết mấy vấn đề:

Giá cước: Hiện nay giá cước của ta quá cao so với Thái; Bộ Giao thông - vận tải cần sớm tính lại, không thể vì lý do đường xấu, xe nhỏ, tốn phí nhiều mà cứ tính giá như bây giờ. Trong vài ba năm trước mắt, Chính phủ tạm thời có chính sách bù lỗ cho cơ quan vận tải của ta.

Tổ chức lại lực lượng vận tải quá cảnh: Đây là vấn đề lâu dài, vừa để giúp đỡ Lào, vừa là việc kinh doanh có lợi về sau. Bộ Giao thông - vận tải phải xây dựng các công ty chuyên vận tải cho Lào; Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải nghiên cứu trang bị cho các công ty này các phương tiện như xe vận tải hạng lớn, cần cẩu, kho tàng... Cố gắng trong vài năm hình thành được lực lượng có thể vận tải hàng chục vạn tấn, với phương tiện tốt, giá cước rẻ.

Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ thị cho tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và các cơ quan có trách nhiệm sớm giải quyết khu kho và cơ quan làm việc cho bạn ở Đà Nẵng để sớm giúp bạn sử dụng cảng Đà Nẵng.

Xây dựng đường sá: Yêu cầu của bạn rất lớn, phía ta cũng có khó khăn, nhưng ta phải cố gắng trong một số năm trước mắt tập trung làm đường 9, đường 7, và đường 8 để bạn sớm có đường thông ra biển. Nhà nước cần dành một số thiết bị và vật tư thích đáng, Bộ Giao thông - vận tải và quân đội phải dành lực lượng đủ để thi công được nhanh hơn. Phải định rõ thời gian làm xong những đường này.

Về hợp tác kinh tế với bạn: Việc hợp tác với bạn phải theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền quốc gia, hai bên cùng có lợi, nhưng ta hết sức chú ý đến quyền lợi của bạn. Ngoài việc hợp tác tay đôi, ta nên bàn với bạn hình thức hợp tác tay ba; đối với những việc bạn hợp tác với nước khác, ta cũng sẵn sàng giúp bạn điều kiện thực hiện hoặc một số khâu bạn cần.

Những việc cụ thể mà hai bên đã thoả thuận và đã có điều kiện để thực hiện trong năm 1978 như khai thác gỗ ở khu vực Mường Phìn, thạch cao ở Đồng Hến, xây dựng số nông trường ở Xiêngkhỏang, Khămmuộn, Bôlôven, các cơ quan có trách nhiệm phải xúc tiến các mặt chuẩn bị để đầu mùa khô 1978 - 1979 thực hiện được. Về một số nông trường ở Bắc Lào, ta sẽ trao đổi cụ thể thêm với bạn. Cần xúc tiến việc hợp tác tay ba (Lào, Việt Nam, Thụy Điển) về khai thác gỗ. Đối với các khu vực phía bắc và phía nam, ta sẽ triển khai dần. Các vấn đề ta hợp tác với bạn phải thành nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước, được cân đối chặt chẽ các mặt và giao trách nhiệm đầy đủ cho các cơ quan có trách nhiệm thi hành. Cố gắng trang bị cơ giới đến mức cao.

Việc cung cấp hàng tiêu dùng cho bạn: Khả năng sản

xuất hàng tiêu dùng ở nước bạn còn rất hạn chế. Ta phải dành một phần hàng của ta để giúp bạn, gồm cả viện trợ và trao đổi ngoại thương. Ta phải bảo đảm hàng tiêu dùng cho hơn 3 triệu dân Lào, đặc biệt là hàng tiêu dùng cho 20 vạn dân Viêngchăn. Bộ Ngoại thương cùng Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và Uỷ ban Liên lạc kinh tế đặt kế hoạch thực hiện và sớm trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ thông qua.

4. Về công tác giúp bạn

Trong các công tác giúp bạn, ta phải làm tích cực phần giúp về kinh tế, văn hoá như điều tra khảo sát, xây dựng một số cơ sở kinh tế, văn hoá, cung ứng lương thực, hàng hoá. Nhà nước cố gắng bảo đảm cung ứng vật tư, thiết bị cần thiết cho công tác C đã được ghi vào kế hoạch nhà nước.

Đối với công nhân, cán bộ ta sang giúp bạn, phải giáo dục chu đáo về nhiệm vụ, về thái độ và tinh thần công tác. Các ngành phải chăm lo đời sống cho anh chị em; trong lúc chưa nghiên cứu giải quyết chế độ tiền lương và phụ cấp, thì có thể tạm giữ như Thông tư số 27 ngày 17-3-1969 của Thủ tướng Chính phủ.

Phải coi trọng việc đào tạo cán bộ cho bạn: đối với số cán bộ bạn học ở Trường Nguyễn Ái Quốc phải chăm lo việc ăn, ở, học tập cho tốt.

Về lớp cán bộ chủ chốt khoảng 35 người mà bạn nhờ Trung ương ta đào tạo trong hai năm, ta coi là một công tác đặc biệt quan trọng; đồng chí Xuân Thủy sẽ trực tiếp lãnh đạo lớp, Ban Tuyên huấn Trung ương chăm lo về nội dung học tập, Ban Đối ngoại Trung ương chăm lo về ăn, ở và các mặt sinh hoạt khác. Đồng chí Xuân Thủy và các cơ quan có

trách nhiệm giải quyết các vấn đề cụ thể để tổ chức lớp học này đạt kết quả tốt.

Về việc cử cán bộ ta sang giúp các ngành của bạn, Ban Bí thư đã chỉ đạo để thực hiện từng bước. Các ngành có trách nhiệm phải cùng Ban Tổ chức Trung ương và Ban Cán sự C lựa chọn đủ cán bộ có năng lực và phẩm chất để đáp ứng yêu cầu của bạn. Các ngành và Ban Cán sự C phải giáo dục, bồi dưỡng và chỉ đạo chặt chẽ công tác của cán bộ.

5. Việc mở rộng quan hệ giữa các địa phương ta và địa phương bạn

Từ trước đến nay, các tỉnh biên giới ta và bạn đã quan hệ chặt chẽ với nhau; Bộ Chính trị đã đồng ý với đề nghị của bạn là: ngoài các tỉnh biên giới, các tỉnh khác của ta cũng sẽ có quan hệ kết nghĩa với các tỉnh khác của bạn. Ban Đối ngoại và Ban Cán sự Đảng về công tác C sẽ hướng dẫn thực hiện việc này.

6. Về chỉ đạo

Các mặt công tác trong quan hệ với bạn Lào ngày càng phát triển, đòi hỏi sự chỉ đạo chặt chẽ hơn của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ. Các ngành phải phối hợp công tác chặt chẽ hơn nhất là giữa các ngành ngoại giao, viện trợ và hợp tác kinh tế, văn hoá, quân sự, Ban Đối ngoại của Đảng; các mặt công tác giúp bạn ở Việncăn cũng phải được quản lý thống nhất. Các công tác viện trợ và hợp tác kinh tế, văn hoá phải được tính vào kế hoạch nhà nước của ta.

Ban Cán sự C và Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí

thư nghiên cứu để chấn chỉnh và tăng cường các bộ phận công tác có liên quan theo hướng tổ chức gọn nhẹ, công tác phối hợp chặt chẽ, quản lý thống nhất tập trung.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐIỆN
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 15, ngày 17 tháng 4 năm 1978

**Về công tác cung ứng lương thực, thực phẩm
cho Thủ đô Hà Nội***

*Gửi: các tỉnh uỷ Hải Hưng, Thái Bình, Hà Nam Ninh,
Hà Sơn Bình, Hà Bắc*

Tình hình cung ứng lương thực, thực phẩm cho Thủ đô Hà Nội đang có rất nhiều khó khăn. Trong tháng 3 vừa rồi không đủ gạo để cung cấp theo tỷ lệ 30% gạo; sang tháng 4 còn khó hơn; thực phẩm thông thường như rau, đậu phụ, mỡ, cá... đều không đủ để bán theo tem phiếu. Chính phủ đã có những biện pháp để cung ứng theo tỷ lệ 30% gạo - 70% màu, nhưng đến nay vẫn chưa có đủ để bán ra theo mức đó; đời sống nhân dân Thủ đô vẫn rất khẩn trương.

Hà Nội là Thủ đô, là trung tâm chính trị, là bộ mặt của cả nước; việc quản lý đời sống vật chất và văn hoá cho nhân dân Thủ đô có ảnh hưởng rất quan trọng về mặt đối nội và đối ngoại. Việc chăm lo cho Thủ đô là trách nhiệm của Đảng -

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

chính - dân Hà Nội, đồng thời là trách nhiệm của Trung ương và của các địa phương, nhất là các địa phương quanh Hà Nội.

Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh Hải Hưng, Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình, Hà Bắc phải tích cực góp phần vào việc cung ứng lương thực thực phẩm cho Thủ đô nhằm khắc phục nhanh tình hình khẩn trương hiện nay. Tuy thu hoạch vụ mùa vừa qua không phải tốt nhưng vụ đông làm màu, nhất là khoai tây khá hơn mọi năm, hiện nay nhiều hợp tác xã còn có dự trữ thóc. Cần vận động và thực hiện nhanh kế hoạch đổi bột mì, ngô lấy thóc theo mức Bộ Lương thực và thực phẩm đã hướng dẫn; ngoài ra có thể vay một phần thóc của quỹ hợp tác xã hoặc có sáng kiến khác. Liên hệ chặt với Hà Nội để vận chuyển thóc về Hà Nội không chậm trễ. Chúng ta phải phấn đấu để cung ứng được cho Hà Nội 50% hoặc chí ít là hơn 40% gạo trong khẩu phần lương thực.

Việc này rất cấp bách nhất là trong hai tháng giáp hạt, trước vụ thu hoạch chiêm xuân.

Cũng phải chú trọng chỉ đạo tốt việc thu mua thực phẩm, nhất là thịt lợn, thực hiện chỉ tiêu điều động cho Trung ương.

Nhận Điện này, tổ chức thi hành ngay và báo cáo bằng điện lên Ban Bí thư trong tuần này.

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 19-QĐ/TW, ngày 19 tháng 4 năm 1978

Về việc thành lập Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc đặc biệt

- Để thực hiện yêu cầu của Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào về việc cử các đoàn cán bộ cao cấp của Đảng bạn sang nghiên cứu dài hạn về kinh nghiệm cách mạng Việt Nam;

- Xét tính chất quan trọng của nhiệm vụ chính trị đặc biệt đó;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc đặc biệt trực thuộc Ban Bí thư.

2. Giao Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Cán sự Đảng về công tác C phối hợp phụ trách Trường Nguyễn Ái Quốc đặc biệt; Ban Đối ngoại lo về tổ chức, Ban Tuyên huấn lo về chương trình và nội dung nghiên cứu; hai ban phối hợp với Ban Cán sự Đảng về công tác C.

Trường Nguyễn Ái Quốc đặc biệt có nhiệm vụ:

a) Căn cứ vào yêu cầu của Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào và nhiệm vụ được Ban Bí thư giao, xây dựng chương trình nghiên cứu cho cán bộ của bạn, trình Ban Bí thư duyệt, và tổ chức thực hiện tốt các chương trình đó.

b) Quan hệ với Đảng uỷ đoàn học viên của bạn để giúp cán bộ bạn nghiên cứu thu được kết quả cao nhất, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa hai đảng và nhân dân hai nước Việt Nam và Lào.

c) Quan hệ với các ban, ngành trung ương và địa phương có liên quan để tổ chức tốt việc phục vụ cán bộ bạn nghiên cứu.

d) Dự trù kinh phí và các chế độ cung cấp đặc biệt, thông qua Ban Đối ngoại trình Ban Bí thư duyệt; tổ chức tốt sinh hoạt vật chất và tinh thần cho học viên.

e) Chịu trách nhiệm trước Ban Đối ngoại về quản lý tài chính, tài sản và công tác nội bộ của trường.

3. Tổ chức bộ máy của trường gồm có:

- Ban Giám hiệu do Ban Bí thư chỉ định.

- Các bộ phận giúp việc: Phòng Giáo vụ, Phòng Hành chính - quản trị.

Ban Đối ngoại Trung ương bàn với Ban Tổ chức Trung ương để quy định về nhiệm vụ và biên chế, tổ chức của các bộ máy nói trên.

Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Cán sự Đảng về công tác C có trách nhiệm cử các cán bộ có chất lượng về nhận công tác ở trường và tham gia tích cực vào việc xây dựng trường.

4. Trường có kinh phí riêng. Kinh phí của trường do ngân sách của Đảng cung cấp.

5. Trường Nguyễn Ái Quốc đặc biệt, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Cán sự Đảng về công tác C và các ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 44-CT/TW, ngày 22 tháng 4 năm 1978

**Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội
chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư doanh
ở miền Nam**

I- NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trên cơ sở thiết lập chính quyền chuyên chính vô sản, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Đảng ta đã lãnh đạo công cuộc cải tạo toàn diện, sâu sắc về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở miền Nam và đạt được những thắng lợi to lớn: khôi phục và phát triển kinh tế, xoá bỏ bóc lột, chuyển dần nền kinh tế đi theo hướng độc lập, tự chủ và xã hội chủ nghĩa; quét các tàn tích văn hoá thực dân mới, khôi phục nhân phẩm, xây dựng đời sống văn hoá mới, con người mới, bước đầu đổi mới quan hệ giữa người với người; trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, củng cố quốc phòng... Thắng lợi

trước hết và cơ bản nhất là đất nước hoàn toàn độc lập, hoà bình, thống nhất, nhân dân trở thành người làm chủ tập thể trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Về mặt cải tạo kinh tế: Nhà nước ta đã nắm và trực tiếp quản lý các ngành kinh tế then chốt, nhiều cơ sở kinh tế quan trọng; nắm độc quyền ngoại thương, quốc hữu hoá vận tải đường sắt, đường biển và đường hàng không; quốc hữu hoá các ngân hàng tư nhân; độc quyền phát hành tiền tệ; thống nhất quản lý lương thực, kinh doanh xăng dầu; thống nhất quản lý việc mua bán vàng, bạc, kim cương, đá quý...; xoá bỏ kinh tế của tư sản mại bản và trừng trị tư sản gian thương lớn. Hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập và từng bước được củng cố, đang giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế miền Nam.

Tuy vậy, chúng ta có nhiều thiếu sót: chưa nắm vững chuyên chính vô sản, chưa phát động được phong trào quần chúng rộng rãi ở từng cơ sở, ở từng địa phương làm chủ tập thể trong cải tạo và xây dựng kinh tế; chưa vận dụng tốt đường lối xây dựng kinh tế của Đảng để xác định nội dung và bước đi của việc cải tạo kết hợp với xây dựng.

Chỉ đạo công tác cải tạo có lúc còn thiên về thay thế chế độ sở hữu một cách đơn giản và cải tạo theo kiểu hành chính. Việc xây dựng lực lượng kinh tế quốc doanh làm chậm trễ, nhất là trong thương nghiệp và vận tải; công tác quản lý kinh tế có nhiều sơ hở. Chưa gắn việc cải tạo quan hệ sản xuất với việc phát triển lực lượng sản xuất; chưa nắm chắc năng lực sản xuất của công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp để xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất theo

ngành, theo địa phương và ở từng cơ sở, xác định cơ cấu sản xuất và cách thức quản lý trong từng ngành để phát triển sản xuất. Việc cải tạo và xây dựng các ngành lưu thông, phân phối làm chậm và thiếu triệt để. Khuyết điểm lớn nhất là sau ngày giải phóng không tiến hành kiểm kê ngay thiết bị, vật tư hàng hoá tồn kho của tư sản; chưa làm tốt hợp đồng hai chiều để Nhà nước nắm được hàng hoá và cắt đứt quan hệ của tư sản đối với tiểu chủ, thợ thủ công và nông dân; hàng hoá của Nhà nước bị lấy cắp và lọt ra ngoài không ít. Công tác quản lý tiền tệ, tài chính, giá cả kém hiệu quả; giá thị trường bị đẩy lên quá cao; đời sống nhân dân có nhiều khó khăn, giai cấp tư sản lợi dụng sơ hở của ta để làm giàu thêm.

Công tác chỉ đạo thiếu tập trung: các bộ và tổng cục chưa nắm chắc sản xuất, nắm chắc cơ sở ở miền Nam; chưa coi trọng đúng mức công tác cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh. Một số địa phương còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm về cải tạo và xây dựng kinh tế, có nhiều lúng túng trong công tác nhưng chưa được các bộ và tổng cục hướng dẫn kịp thời. Đội ngũ cán bộ có nhiều mặt yếu, nhất là ở cơ sở; có một số cán bộ thoái hoá, bị tư sản mua chuộc.

II- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CẢI TẠO KẾT HỢP VỚI XÂY DỰNG KINH TẾ Ở MIỀN NAM

Mục đích cơ bản và lâu dài là xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, độc lập, tự chủ; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở, trong từng địa phương và trong cả nước, kết hợp chặt chẽ việc thay đổi quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất, nhằm mở rộng sản

xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước thoả mãn nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân; kết hợp cải tạo công nghiệp với cải tạo nông nghiệp; kết hợp cải tạo các ngành sản xuất với cải tạo các ngành lưu thông - phân phối; kết hợp việc cải tạo và xây dựng ở miền Nam với việc hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; xây dựng chế độ quản lý mới, hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Yêu cầu cụ thể trước mắt là:

- Xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đi liền với phát triển lực lượng sản xuất, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý, phát triển sản xuất, mở rộng mạng lưới lưu thông - phân phối.

- Sắp xếp việc làm cho người lao động, giải quyết nạn thất nghiệp do chế độ cũ để lại; từng bước cải thiện đời sống cho nhân dân lao động.

- Phát huy sự đóng góp ngày càng lớn của miền Nam đối với cả nước, thực hiện sự bổ sung cho nhau giữa các vùng, tạo nên những cân đối mới về kinh tế, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

- Qua quá trình cải tạo và xây dựng kinh tế mà xây dựng và củng cố đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

III- PHƯƠNG HƯỚNG CẢI TẠO KẾT HỢP VỚI XÂY DỰNG CÁC NGÀNH CÔNG, THƯƠNG NGHIỆP

1. Về cải tạo kết hợp với xây dựng các ngành công nghiệp

Phải tận dụng mọi năng lực sản xuất sẵn có của công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đồng thời sắp xếp lại nhằm mở rộng sản xuất, *gắn với công nghiệp miền Bắc, hình thành những ngành công nghiệp của cả nước*, có chất lượng mới cao hơn; đồng thời cùng với nông nghiệp, hình thành cơ cấu kinh tế mới trong phạm vi cả nước, trong từng tỉnh và từng huyện.

a) Các bộ, tổng cục có trách nhiệm chỉ đạo việc cải tạo và xây dựng toàn ngành từ trung ương đến cơ sở, bao gồm các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh, xí nghiệp hợp tác, cho tới cơ sở gia công, xí nghiệp quy mô lớn, vừa và nhỏ; thực hiện hiệp tác rộng rãi giữa các loại xí nghiệp ấy bằng nhiều kiểu tổ chức: công ty, liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, nhóm sản phẩm...; phân công, phân cấp quản lý một cách thích hợp. Các xí nghiệp công nghiệp phải gắn liền với địa phương, hình thành cơ cấu kinh tế trong địa phương và vùng lãnh thổ. Chính quyền địa phương phải có trách nhiệm đầy đủ đối với xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương, tận dụng năng lực sản xuất của các xí nghiệp này mà phát triển kinh tế trong địa phương. Phải ra sức cải tạo và *xây dựng cơ sở* cho vững mạnh, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng và đẩy mạnh sản xuất phát triển.

Các bộ, tổng cục phải cùng với địa phương xúc tiến điều tra cơ bản, nắm chắc các năng lực sản xuất trong toàn ngành và trên từng địa phương để lập phương án cải tạo kết hợp với xây dựng cho sát với từng ngành và từng địa phương. Ban Cải tạo công, thương nghiệp tư doanh trung ương hướng dẫn các ngành, các địa phương xây dựng phương án.

b) Vận dụng các hình thức cải tạo thích hợp đối với từng

ngành công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Sắp xếp hợp lý các cơ sở sản xuất vào nhóm sản phẩm do xí nghiệp quốc doanh làm hạt nhân nhằm chuyên môn hoá sản xuất, tận dụng các thiết bị, máy móc, tận dụng các nguồn lao động, thực hiện phân công và hiệp tác rộng rãi, mở rộng sản xuất, bảo đảm sản phẩm có chất lượng tốt với giá thành hạ.

Đối với công nghiệp tư bản tư doanh, ngoài những cơ sở đã quốc hữu hoá và xây dựng thành xí nghiệp quốc doanh, cần chọn đưa vào công ty hợp doanh những xí nghiệp quan trọng, có điều kiện mở rộng sản xuất, những xí nghiệp tuy không lớn nhưng kỹ thuật tương đối hiện đại, sản phẩm làm ra thuộc loại Nhà nước cần nắm chắc; một phần quan trọng xí nghiệp loại vừa và nhỏ nên tổ chức thành xí nghiệp hợp tác, công nhân, lao động sẽ mua lại tư liệu sản xuất và trả dần tiền vốn cho chủ tư sản. Ban Cải tạo công, thương nghiệp tư doanh trung ương, dựa vào Liên hiệp xã trung ương, nghiên cứu để làm điều lệ về tổ chức cho loại xí nghiệp hợp tác này. Tuy còn để một số cơ sở nhỏ của tư sản, nhưng nhất thiết phải tổ chức vào những nhóm sản phẩm làm gia công cho xí nghiệp quốc doanh, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước.

Đối với *tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp*, ngoài các hình thức hợp tác xã và tổ sản xuất (thực chất là tổ cung tiêu), hình thức sản xuất cá thể hoặc sản xuất ở gia đình được áp dụng trong những trường hợp xét có lợi cho phát triển sản xuất.

c) Phải rất coi trọng lực lượng *cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề* (kể cả cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề người Hoa). Bộ Lao động chủ trì việc nghiên cứu để quy định chính

sách, chế độ thoả đáng, tránh thành kiến, hẹp hòi, nhằm sử dụng tốt lực lượng này.

2. Xoá bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa

Yêu cầu chính là Nhà nước làm chủ thị trường, làm chủ lưu thông, phân phối sản phẩm. *Xoá bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa phải gắn liền với xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa*. Hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải thay thế hẳn và làm tốt hơn hệ thống thương nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Phải nhanh chóng mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa rộng khắp theo quy hoạch và thực hiện phân công, phân cấp hợp lý, gắn liền với địa phương và cơ sở; vừa bảo đảm tốt việc phân công thu mua, nắm nguồn hàng nông sản, lâm sản, thổ sản, thủy sản và hàng công nghiệp, vừa bảo đảm tiện mua, tiện bán cho nhân dân, phục vụ tốt sản xuất và đời sống của nhân dân góp phần ổn định giá cả thị trường và bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân, viên chức. Thương nghiệp quốc doanh phải mau chóng nắm được nguồn hàng công nghiệp và nguồn hàng nông sản, lâm sản, thổ sản, thủy sản, sớm cắt đứt quan hệ giữa giai cấp tư sản với người sản xuất nhỏ ở thành phố và với nông dân cá thể. Việc phát triển mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải đi đôi với việc sắp xếp lại các chợ.

Phải tích cực chống ăn cắp và móc ngoặc, không để hàng hoá của Nhà nước lọt ra ngoài. Phải có kế hoạch tích cực chuyển tư sản thương nghiệp và phần lớn tiểu thương sang sản xuất. Khi chuyển sang sản xuất thì ngay từ đầu phải hướng vào quỹ đạo của kinh tế xã hội chủ nghĩa: đưa vào các

cơ sở công tư hợp doanh, hợp tác xã sẵn có trong công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, hoặc thành lập xí nghiệp công tư hợp doanh mới, hợp tác xã mới để thu hút cả người và vốn của họ.

Cần phân loại và có kế hoạch sắp xếp lại tiểu thương, chuyển bớt tiểu thương sang sản xuất hoặc làm các nghề có ích khác. Đối với tiểu thương đang kinh doanh những mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý, thì chọn lựa những người có thái độ chính trị tốt và có nghiệp vụ khá để sử dụng trong mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, số còn lại thì chuyển sang nghề khác. Những người đang kinh doanh những mặt hàng mà Nhà nước còn cho phép thì được tiếp tục buôn bán nhưng phải đăng ký kinh doanh, tổ chức họ lại và có biện pháp quản lý họ về mặt hàng kinh doanh, phạm vi kinh doanh, giá mua, giá bán..., hướng dẫn họ chấp hành tốt các chính sách của Nhà nước và phục vụ tốt khách hàng. Đối với những người kinh doanh ngành ăn uống, may mặc, giặt là, sửa chữa,... thì quy hoạch lại để họ phục vụ tốt cho nhân dân và chuyển số thừa sang sản xuất. Sớm loại trừ những ngành dịch vụ không cần thiết hoặc có hại cho xã hội.

IV- MỤC TIÊU PHẢI ĐẠT TRONG NĂM 1978

1. Hoàn thành cải tạo *công nghiệp tư bản tư doanh*. Sắp xếp các cơ sở công nghiệp được cải tạo vào những tổ chức sản xuất mới trong ngành; thực hiện một bước quy hoạch và phân công, phân cấp quản lý, hình thành cơ cấu kinh tế mới của ngành.

2. Tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tại những vùng

tập trung và trong những ngành quan trọng được tổ chức lại, và có một bộ phận được đưa vào hợp tác xã. Sắp xếp một bước những tổ chức sản xuất tập thể theo quy hoạch của ngành, đưa những cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cá thể vào các nhóm sản phẩm đặt dưới sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh và dưới sự quản lý của Nhà nước.

3. Hoàn thành cải tạo *ngành công nghiệp chế biến nông sản* (xay sát lương thực, chế biến đường, mật, ép dầu, chế biến thức ăn gia súc...) bằng hình thức hợp doanh đối với các cơ sở lớn, hợp tác xã đối với các cơ sở nhỏ, sớm xây dựng được ngành chế biến nông sản của tỉnh, huyện và cơ sở chế biến của hợp tác xã nông nghiệp. Nhà nước phải nắm được chắc nguồn hàng nông sản và thực phẩm chế biến.

4. Xúc tiến một bước quan trọng việc cải tạo và xây dựng *ngành hải sản*. Đạt được tiến bộ trong việc tổ chức hậu cần, thu mua, chế biến cá; nhất là trong việc đẩy mạnh đánh bắt, nuôi và chế biến *tôm xuất khẩu*.

5. Làm xong phương án cải tạo và xây dựng *ngành lâm nghiệp*, đẩy mạnh khai thác và vận chuyển gỗ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sản xuất, xuất khẩu và đời sống nhân dân.

6. Hoàn thành cải tạo *ngành vận tải ô tô và vận tải đường sông*. Phân bố lại lực lượng vận tải giữa các tỉnh. Thực hiện Nhà nước thống nhất quản lý vận tải hàng hoá và hành khách trên các tuyến đường dài Bắc - Nam và liên tỉnh.

7. Hoàn thành cải tạo *ngành xây dựng* bằng cách thực hiện công, tư hợp doanh với các chủ thầu tư sản có nhiều vốn, có cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối lớn; tổ chức tư sản nhỏ và tiểu chủ vào hợp tác xã. Phát triển công ty xây dựng quốc doanh. Hoàn thành cải tạo và phát triển một bước *ngành sản*

xuất vật liệu xây dựng.

8. Đối với *thương nghiệp và kinh doanh dịch vụ* công cộng:

Đến cuối năm 1978, hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải nắm được tuyệt đại bộ phận các loại hàng thiết yếu, chiếm trên 60% giá trị bán lẻ trên thị trường.

Sắp xếp việc làm cho một bộ phận quan trọng những người tiểu thương trong diện cần chuyển sang sản xuất.

Xúc tiến việc cải tạo kết hợp với xây dựng trong ngành kinh doanh khách sạn, cho thuê nhà, các ngành kinh doanh sự nghiệp y tế, văn hoá, giáo dục...

V- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CẢI TẠO CÔNG THƯƠNG NGHIỆP

1. *Phải kết hợp cải tạo công thương nghiệp với:*

- *Cải tạo nông nghiệp*, làm cho công nghiệp và nông nghiệp, thành phố và nông thôn hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau về chính trị và về kinh tế.

- *Thực hiện Nghị quyết 228* của Bộ Chính trị, qua đó chấn chỉnh đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức.

- *Phân công, phân cấp quản lý* giữa các ngành và giữa trung ương với địa phương, theo nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

- *Xây dựng và củng cố* tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng; quản lý chặt chẽ cán bộ, ra sức bồi dưỡng năng lực và phẩm chất cho cán bộ, đảng viên, đào tạo và bồi dưỡng, phát hiện những cán bộ tốt mới xuất hiện trong

phong trào, làm trong sạch đội ngũ, kiên quyết loại trừ những phần tử thoái hoá, biến chất.

2. *Phải rất coi trọng việc phát động phong trào quần chúng:*

Yếu tố đảm bảo thành công của công cuộc cải tạo là phát động được phong trào cách mạng và phát huy quyền làm chủ của quần chúng. Các đoàn thể phải giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức làm chủ tập thể của quần chúng, phát động quần chúng tích cực tham gia vào công cuộc cải tạo công thương nghiệp, hăng hái đi vào sản xuất, tham gia quản lý, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới.

Quan tâm giáo dục những người trong diện cải tạo xã hội chủ nghĩa và những người trong gia đình họ, làm cho họ tiếp thu tốt chính sách cải tạo. Công tác giáo dục phải làm lâu dài và liên tục, trước, trong và sau cải tạo. Các tổ chức kinh tế trực tiếp làm công tác cải tạo phải phối hợp chặt chẽ với Mặt trận và các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ để làm tốt việc này.

Ban tuyên huấn hướng dẫn các cơ quan thông tin tuyên truyền, các đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính sách cải tạo cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên và toàn thể nhân dân.

3. *Xử lý nghiêm khắc* đối với bọn đầu cơ, ăn cắp, móc ngoặc, làm lộ bí mật nhà nước.

4. Về mặt tổ chức, phải phối hợp tốt các ngành, phối hợp tốt giữa ngành và địa phương, huy động các đoàn thể nhân dân. Đề cao kỷ luật; tất cả các cơ quan nhà nước, các đơn vị vũ trang và bán vũ trang đều phải chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách về cải tạo và quản lý thị trường.

Kiện toàn các tổ chức chuyên làm công tác cải tạo. Trong công tác cán bộ, phải rất coi trọng bồi dưỡng và sử dụng lực lượng tại chỗ. Mặt khác, phải tăng cường cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ cho các địa phương.

*
* *

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư doanh đang được đẩy mạnh và đến bước quyết định; *Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ* phải theo dõi chặt chẽ, chỉ đạo sát và kịp thời. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các bộ, tổng cục và uỷ ban nhân dân các cấp phải phụ trách, không được khoán trắng cho cán bộ, cho cấp dưới.

Các tỉnh và thành phố phải tập trung chỉ đạo hơn nữa, nắm tình hình thường xuyên và giải quyết nhanh công việc. Qua cải tạo mà xây dựng từng bước kinh tế của tỉnh, thành phố thành đơn vị kinh tế công - nông nghiệp; xây dựng từng bước huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp.

Mọi việc diễn ra và được quyết định tại cơ sở; các ngành, các cấp *phải hướng về cơ sở*, tạo điều kiện cho cơ sở phát huy mọi khả năng để phát triển sản xuất, cải tiến tổ chức và quản lý, thực hiện vượt mức chỉ tiêu kế hoạch nhà nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 40-TT/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1978

Về đẩy mạnh công tác khoa học - kỹ thuật trong quá trình xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

Trong việc triển khai xây dựng huyện theo Chỉ thị 33-CT/TW của Bộ Chính trị, phải đặt công tác khoa học - kỹ thuật là một bộ phận trong kế hoạch kinh tế và văn hoá của huyện. Các ngành, các cấp phải chú trọng chỉ đạo phát triển khoa học - kỹ thuật với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Các cơ quan điều tra nghiên cứu cơ bản và tổng hợp phải tổ chức điều tra đặc điểm tài nguyên, đất đai, khí hậu, nước... ở từng vùng, cung cấp những kết quả cần thiết cho tỉnh và huyện nhằm phục vụ công tác xây dựng quy hoạch và kế hoạch sản xuất của huyện. Uỷ ban phân vùng và quy hoạch trung ương, các ngành, các cơ quan trung ương, cấp tỉnh và bản thân cấp huyện, phải huy động lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật, quản lý kinh tế, xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch cụ thể huyện trên cơ sở những kết quả điều tra cơ bản và những căn cứ khoa học - kỹ thuật và kinh tế, xã hội đã có.

2. Các ngành và các tỉnh phải xây dựng những cơ sở thực nghiệm, sớm đi đến những kết luận chính xác để vận dụng

nhanh và tốt những kết quả khoa học - kỹ thuật vào điều kiện địa phương. Cấp huyện phải chỉ đạo tốt việc áp dụng kỹ thuật mới đã được kết luận vào sản xuất tại các cơ sở trong huyện, xây dựng nền nếp quản lý kỹ thuật trong các ngành sản xuất. Trên cơ sở những định mức tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật do các bộ, tổng cục và các cơ quan trung ương khác ban hành, phải cụ thể hoá các định mức, tiêu chuẩn, các quy trình, quy phạm kỹ thuật cho huyện và chỉ đạo thực hiện theo những định mức, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật ấy, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp. Cấp huyện phải chỉ đạo làm tốt công tác đo lường; chỉ đạo công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm ở các đơn vị, cơ sở sản xuất - kinh doanh trong huyện.

3. Cấp huyện phải chỉ đạo, vận động và tổ chức phong trào phát huy sáng kiến, phát minh, hợp lý hoá sản xuất; phải xây dựng điển hình, tổ chức trình diễn kỹ thuật, tập huấn kỹ thuật, động viên và hướng dẫn đông đảo cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản, công nhân, nông dân tập thể, thợ thủ công, v.v. triển khai mạnh mẽ cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật song song với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hoá.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 06-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 1978

Ý kiến của Ban Bí thư về việc đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên

Ban Bí thư đã nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo tình hình thực hiện Thông tri 22 và đã cho ý kiến về những việc phải làm tiếp.

1. Cần chuẩn bị một cuộc họp sơ kết việc thực hiện Thông tri 22 ở các cơ quan trung ương và các tỉnh, thành miền Bắc; Ban Bí thư sẽ chủ trì hội nghị này. Trước khi họp sơ kết, Ban Bí thư có thể nghe một địa phương và một ngành báo cáo, kết hợp nghe luôn việc thực hiện Nghị quyết 228.

Giao cho Ban Tổ chức Trung ương chỉnh lý lại báo cáo cho có chất lượng hơn, nêu các vấn đề một cách khái quát hơn. Ban Tổ chức Trung ương chủ động phối hợp với Ban Tuyên huấn và Ủy ban Kiểm tra Trung ương để có sự đánh giá nhất trí và góp phần nâng cao thêm báo cáo sơ kết. Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị dự thảo chỉ thị của Ban Bí thư về những công việc phải làm tiếp.

2. Lần sơ kết tới, nội dung chỉ đạo chủ yếu là đối với miền

Bắc. Qua kinh nghiệm đã làm từ 1972 đến nay, nếu thấy những chủ trương, quy định cụ thể của Ban Bí thư trước đây có điểm nào không phù hợp thì cần đề nghị sửa. *Phân loại đảng viên* là để phục vụ yêu cầu đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên cho nên *chỉ cần chia hai loại: đủ tư cách đảng viên và không đủ tư cách đảng viên*. Cần tập trung chỉ đạo và làm cho có hiệu quả nhằm vào *đối tượng chính phải đưa ra* khỏi Đảng hiện nay là *số có vấn đề chính trị và số thoái hoá biến chất*; đối với số đảng viên giác ngộ chính trị quá thấp thì cần có kế hoạch làm cho tốt việc bồi dưỡng và đưa ra khỏi Đảng những người đã qua giáo dục mà vẫn không tiến bộ và không tha thiết với công tác của Đảng. Yêu cầu về phẩm chất đối với từng loại cán bộ, đảng viên có khác nhau; ở nông thôn khác với ở cơ quan, xí nghiệp, ở miền núi khác với ở miền xuôi; cần nghiên cứu để có hướng dẫn cụ thể hơn. Đối với cán bộ, biểu hiện thoái hoá biến chất là: ăn cắp của công; ăn hối lộ, sa đọa về tư cách, gây chia rẽ bè phái, trù dập người tốt, ức hiếp nhân dân, làm trái chính sách và nghị quyết của Đảng.

Trong thời gian qua, số đã đưa ra khỏi Đảng phần lớn là đảng viên thường, sắp tới phải đưa ra những cán bộ không còn xứng đáng là đảng viên, như vậy mới có tác dụng nhiều về củng cố và xây dựng tổ chức. Phải chỉ đạo có trọng điểm, hướng vào các ngành có nhiều quyền lực hoặc nắm nhiều tiền bạc, vật tư, hàng hoá; chỉ đạo địa phương cũng phải có trọng điểm; phải kết hợp việc thực hiện Thông tri 22 với thực hiện Nghị quyết 228; kết hợp việc đưa ra với việc củng cố và xây dựng tổ chức, tiếp tục nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Ở miền Bắc tuy

không nhấn mạnh vấn đề phát triển đảng nhưng cũng không được xem nhẹ vì làm không tốt công tác phát triển đảng thì không làm trẻ được đội ngũ của Đảng.

Về thời gian thì đến giữa năm 1979 phải làm xong ở miền Bắc.

Về cách chỉ đạo, vừa qua có nơi làm từ dưới lên, có nơi làm từ trên xuống, có nơi làm từ huyện toả xuống và toả lên; cần nghiên cứu xem cách làm nào là tốt nhất.

Các cấp uỷ phải chỉ đạo chặt chẽ công tác này; giúp cấp uỷ chỉ đạo có ban tổ chức, ban tuyên huấn và uỷ ban kiểm tra; ban tổ chức làm thường trực và chủ trì việc phối hợp. Như vậy ban tổ chức cần phân công người phụ trách thường xuyên và từ đầu tới cuối. Đây là một cuộc đấu tranh gay go cho nên ở mỗi đơn vị cán bộ chủ chốt phải phụ trách, phải phát động cán bộ, đảng viên và quần chúng làm thì mới có kết quả. Ban tổ chức và uỷ ban kiểm tra phải theo dõi, thấy nơi nào làm có biểu hiện không đúng thì kiểm tra ngay. Kết luận cho rõ để cấp uỷ uốn nắn. Các đồng chí cấp uỷ viên phụ trách từng lĩnh vực công tác phải đôn đốc việc tiến hành công việc trong lĩnh vực mình phụ trách.

3. *Đối với miền Nam*, cần có đề án riêng và có chỉ thị riêng, sẽ kết hợp với việc xem xét vấn đề xây dựng đảng một cách toàn diện, đánh giá đội ngũ đầy đủ hơn, sâu sắc hơn. Phải tiến hành đồng bộ nhiều mặt công tác, gắn công tác xây dựng đảng với phong trào chung; vừa làm tích cực và đúng việc đưa ra, vừa làm đúng việc phát triển đảng, vừa tăng cường công tác giáo dục chính trị; gắn công tác xây dựng đảng với xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân; làm những việc trên đều phải dựa vào phát động phong trào

quần chúng làm chủ tập thể ở từng đơn vị, ở từng địa phương. *Đổi tượng phải đưa ra trước hết là số có vấn đề chính trị, số có hành động ngược lại chính sách và số mới kết nạp không đúng tiêu chuẩn.* Yêu cầu phát triển đảng ở miền Nam đặt ra khác với miền Bắc vì cơ sở đảng ở miền Nam hiện nay quá mỏng. Đưa ra cho đúng và kết nạp cho đúng đều khó, cho nên phải điều tra nghiên cứu và hướng dẫn cho cụ thể, kiểm tra cho chặt chẽ. Phải tập trung chỉ đạo để chỉnh đốn, nâng cao một bước chất lượng các huyện uỷ thì mới làm được tốt.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN XUÂN BÁCH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 05-TB/TW, ngày 11 tháng 5 năm 1978

Ý kiến của Bộ Chính trị về việc phân công lại tổ chức "Ban Quản lý xây dựng công trình thủy điện Hoà Bình trên sông Đà"

Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã báo cáo với Bộ Chính trị về tình hình chuẩn bị việc xây dựng công trình thủy điện Hoà Bình trên sông Đà trong thời gian vừa qua; nhiệm vụ công tác của Ban Quản lý xây dựng công trình thủy điện Hoà Bình trên sông Đà trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư đã căn bản hoàn thành; công trình đang bước vào giai đoạn chuẩn bị gấp để thi công và thi công. Bộ Chính trị xét cần phân công lại cho phù hợp với yêu cầu của giai đoạn thi công và phù hợp với những nguyên tắc về tổ chức quản lý và các chế độ quy định trong công tác xây dựng cơ bản hiện nay.

Hướng phân công như sau:

- Giao trách nhiệm quản lý xây dựng công trình thủy điện Hoà Bình cho một số bộ có chức năng đảm nhiệm để huy động toàn bộ và hợp lý các lực lượng hiện có, bảo đảm sự chỉ huy thống nhất trong giai đoạn thi công.

- Chuyển nhiệm vụ và toàn bộ bộ máy của Ban Quản lý xây dựng công trình thủy điện Hoà Bình hiện nay về Bộ Điện và than. Từ nay Bộ Điện và than làm nhiệm vụ bộ chủ quản công trình về mặt đầu tư (bên A). Bộ Điện và than phải phân công một đồng chí thứ trưởng am hiểu về thủy điện để nắm lấy công việc, sau này tiếp tục xây dựng các công trình thủy điện khác.

- Bộ Xây dựng làm nhiệm vụ của bộ nhận thầu chính về thi công xây dựng công trình (tổng B) và là đầu mối thống nhất về chỉ huy trên công trường thủy điện Hoà Bình. Các bộ khác có lực lượng xây dựng chuyên ngành tham gia xây dựng phần chuyên ngành (là những B nhận thầu của Bộ Xây dựng), theo sự phân công của Hội đồng Chính phủ. Bộ Xây dựng phải phân công một thứ trưởng có năng lực để chỉ huy việc thi công. Trong quá trình thi công công trình thủy điện Hoà Bình, Bộ Xây dựng có nhiệm vụ đào tạo, chuẩn bị và giữ gìn lực lượng thi công và thiết bị để xây dựng các công trình thủy điện tiếp sau.

- Đồng chí Hà Kế Tấn, tiếp tục giữ chức Bộ trưởng đặc trách công trình thủy điện Hoà Bình để giúp đồng chí Thủ tướng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và chỉ đạo chung việc thi công xây dựng công trình.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐIỆN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 23, ngày 12 tháng 5 năm 1978

**Về việc đẩy mạnh thu mua lương thực,
thực phẩm, quản lý lưu thông tiền mặt, quản lý
thị trường***

Gửi: Tỉnh, thành uỷ trong cả nước

Đồng điện anh Phạm Hùng, Tổ B2 (T78)

(Sao gửi anh Nguyễn Côn, anh Vũ Tuân, Bộ Lương thực, Bộ Tài chính, Ngân hàng, Nội thương, Hải sản, Bộ Nội vụ).
Sao cả cho 2 tổ chuyên viên.

Để phát huy và củng cố thắng lợi của việc thu đổi tiền, phải kịp thời làm tốt những công tác như sau:

1. Đẩy mạnh thu mua, bảo đảm chỉ tiêu thu mua lương thực, thực phẩm và các loại nông sản, hải sản. Phải kiên quyết đạt mức thu mua lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long. Cần tranh thủ thời cơ thuận lợi sau đổi tiền để thu mua vì điều kiện hoạt động mua tranh của tư thương đã bị

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

hạn chế; nhân dân có yêu cầu bán hàng để có thêm tiền mặt chi dùng. Ngân hàng Nhà nước cần bố trí đủ tiền mặt cần thiết cho công tác thu mua.

2. Quản lý lưu thông tiền mặt phải được tăng cường ngay, nghiêm chỉnh chấp hành chế độ quản lý tiền mặt, hạn chế việc tăng thêm khối lượng tiền mặt trong lưu thông. Bảo đảm thu đủ, chi đúng chế độ, phấn đấu để cân đối thu chi tiền mặt.

3. Tiếp tục sử dụng đúng đắn, có hiệu quả các biện pháp quản lý thị trường, kiểm tra hành chính một cách có tổ chức, có điều tra nắm chắc tình hình, kiên quyết ngăn chặn, tiến tới loại trừ tệ buôn bán phi pháp, làm nghề trái phép; bảo đảm mọi hoạt động sản xuất, lưu thông phát triển thuận lợi, giá cả không xảy ra đột biến, dần dần ổn định có lợi cho nhân dân lao động.

4. Qua công tác đổi tiền và thu mua mà xem xét cán bộ, đảng viên, củng cố cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể, biểu dương những gương tốt, kịp thời xử trí kỷ luật đối với những đơn vị hoặc cá nhân vi phạm chính sách, kỷ luật chung của Đảng và Nhà nước.

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 07-TB/TW, ngày 16 tháng 5 năm 1978

Ý kiến của Ban Bí thư về công tác của viện kiểm sát nhân dân và toà án nhân dân

Trong ba năm qua, hai ngành kiểm sát và toà án có nhiều cố gắng, đáp ứng được một phần yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới; công tác tuyên truyền phổ biến luật pháp, công tác đào tạo cán bộ có được chú trọng hơn trước; quan hệ công tác giữa ba ngành kiểm sát, toà án và công an có tiến bộ.

Phương hướng nhiệm vụ công tác của cả hai ngành phải quán triệt những yêu cầu cơ bản của tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV đã đề ra: "Nhà nước chuyên chính vô sản của ta phải là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, một tổ chức đủ năng lực tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới và con người mới, bảo vệ lợi ích của tập thể và lợi ích chính đáng của cá nhân, đủ sức giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và những thành quả của cách mạng... Tăng cường pháp chế

xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước đi vào quy chế chặt chẽ, thật sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể và bảo đảm quyền lợi của nhân dân, đồng thời đòi hỏi mọi công dân làm tròn nghĩa vụ và tuân theo pháp luật. Cán bộ, nhân viên nhà nước phải nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân không điều kiện. Chống tham ô, lãng phí, hách dịch, cửa quyền, vô trách nhiệm; ngăn ngừa một số cán bộ và nhân viên nhà nước biến thành một lớp người có đặc quyền, đặc lợi"...

Hiện nay, trên cả hai miền, những biểu hiện tiêu cực và tình hình phạm pháp vẫn xảy ra nhiều, có mặt nghiêm trọng kéo dài, nổi lên là một số loại tội phạm: chính trị, giết người, phá hoại đường lối, chính sách của Đảng, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, vi phạm trật tự và đạo đức xã hội. Công tác đấu tranh chống tội phạm, chống tiêu cực chưa làm chuyển biến tình hình một cách cơ bản; công tác phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm chưa được coi trọng đúng mức. Việc thi hành pháp luật ở các ngành, các cấp, nhất là ở cơ sở không nghiêm, tùy tiện ở cả các khâu bắt giữ, truy tố, xét xử; đang thiếu nhiều luật cần thiết, chưa có một cơ quan phụ trách việc nghiên cứu ban hành pháp luật.

Trước mắt, các ngành kiểm sát, toà án, công an cần *tổng kết tình hình và công tác trong ba năm qua*, làm rõ nguyên nhân phạm tội một cách khách quan, sâu sắc, tập trung vào các loại tội phạm nói trên, từ đó có phương hướng, biện pháp đấu tranh để khắc phục một cách cơ bản; *phải rất coi trọng công tác phòng ngừa tội phạm từ cơ sở*. Cần lập cơ quan nghiên cứu phân tích tội phạm. Phải bảo đảm chấp hành

nghiêm chỉnh những pháp luật đã có, đồng thời tổ chức làm nhanh việc nghiên cứu sửa đổi, *bổ sung pháp luật* để trong một thời gian ngắn có đủ pháp luật cần thiết; Ủy ban Pháp chế của Chính phủ là trung tâm tập hợp lực lượng nghiên cứu của các ngành phụ trách công việc này. Để tích cực phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phải đẩy mạnh công tác *tuyên truyền giáo dục pháp luật* một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức trong các cơ quan, xí nghiệp, trong các đoàn thể quần chúng, trong nhân dân ở đường phố, ở thôn xã, nghiên cứu việc đưa pháp luật vào chương trình giảng dạy chính khoá của các trường học để từng công dân nắm vững pháp luật và chấp hành tốt; cần đào tạo, bồi dưỡng báo cáo viên để làm công tác tuyên truyền pháp luật ở cơ sở; Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm cùng các ngành kiểm sát, toà án, công an, Ủy ban Pháp chế của Chính phủ tổ chức thực hiện tốt những việc trên. Các ngành kiểm sát, toà án, công an và thanh tra cần có chế độ phối hợp công tác nhưng phải bảo đảm chức năng của từng ngành, tránh chồng chéo dẫm chân lẫn nhau.

Phải có quy hoạch *đào tạo đội ngũ cán bộ pháp lý xã hội chủ nghĩa* cả đại học và trung cấp. Các ngành kiểm sát, toà án, công an phải tiêu chuẩn hoá cán bộ trong ngành, tiếp tục bồi dưỡng số cán bộ hiện có. Nhà nước cần sớm mở *Trường Đại học Pháp lý* để đào tạo cán bộ pháp lý bậc đại học cung cấp cho các ngành; Ủy ban Pháp chế và các ngành toà án, kiểm sát, công an cùng Bộ Đại học phối hợp Ban Khoa giáo Trung ương nghiên cứu gấp đề án tổ chức trường, chuẩn bị cán bộ và chương trình giảng dạy để Ban Bí thư duyệt. Phải xây dựng quy chế, tiêu chuẩn ngạch *bào chữa viên*, từng bước

kiện toàn tổ chức này để bảo đảm quyền chính đáng của bị can trước pháp luật, bảo đảm xét xử được khách quan, công minh; Ủy ban Pháp chế của Chính phủ đang phụ trách tổ chức này, cần nghiên cứu và đề nghị với Nhà nước ban hành quy chế đó và có kế hoạch đào tạo bào chữa viên.

Trong khi chưa lập được Ban Nội chính của Đảng, Ban Tổ chức Trung ương cùng các ngành liên quan nghiên cứu thêm về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Pháp chế của Đảng, Ủy ban Pháp chế của Chính phủ sao cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN XUÂN BÁCH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 42-TT/TW, ngày 29 tháng 5 năm 1978

Về việc làm ba bộ phim tài liệu lớn để kỷ niệm ba ngày kỷ niệm lớn trong năm 1980

Năm 1980 là năm nhân dân và Đảng ta sẽ tổ chức trọng thể những ngày kỷ niệm lớn: Đảng Cộng sản Việt Nam tròn 50 tuổi, kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm lần thứ 35 quốc khánh. Để phục vụ trực tiếp cho những ngày lễ lớn đó, đồng thời để đáp ứng lâu dài cho công tác giáo dục tư tưởng trong Đảng và ngoài nhân dân, Ban Bí thư quyết định giao cho Bộ Văn hoá và Thông tin và Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam làm ba bộ phim tài liệu lớn sau đây:

1. Bộ phim về *50 năm đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Bộ phim này phải phản ánh được các thời kỳ cách mạng từ ngày thành lập Đảng đến ngày nay. Tư tưởng chủ đạo của bộ phim dựa vào sự đánh giá cách mạng Việt Nam trong các Nghị

quyết Đại hội lần thứ III và Đại hội lần thứ IV của Đảng, làm nổi bật sự thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam, sự thắng lợi của sức mạnh tổng hợp của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sức mạnh của thời đại mà Đảng ta đã đánh giá đúng đắn.

2. Bộ phim về *cuộc đời và hoạt động cách mạng của Bác Hồ vĩ đại*. Bộ phim này có thể gồm nhiều tập. Sau bộ phim *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh* về giai đoạn đầu của cuộc đời và hoạt động cách mạng của Bác, cần làm tiếp những bộ phim về hoạt động cách mạng của Bác những năm ở nước ngoài cũng như sau khi Bác về nước cho đến ngày Bác mất. Những thời kỳ hoạt động của Bác ở nước ngoài cần được thể hiện gắn bó với bối cảnh lịch sử cụ thể của phong trào cách mạng thế giới; cố gắng thông qua những hình ảnh cụ thể mà làm sáng tỏ sự biến đổi của cách mạng thế giới, của phong trào cộng sản quốc tế. Các thời kỳ hoạt động của Bác từ Pác Bó cho đến sau này cần được thể hiện gắn liền với tập thể lãnh đạo của Bộ Chính trị và Trung ương.

Những bộ phim trên có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng mỗi bộ phim có chủ đề riêng, mang một sắc thái riêng; phải bảo đảm được tính chân thật lịch sử, mang tính tư tưởng và tính nghệ thuật cao.

3. Bộ phim tổng quát về *đất nước và lịch sử Việt Nam*. Bộ phim này vừa mang tính khoa học và giáo khoa (địa lý và lịch sử), vừa mang tính khái quát nghệ thuật. Bộ phim phải thể hiện được sức sống mãnh liệt của dân tộc suốt 4.000 năm lịch sử, và phải giới thiệu được vẻ đẹp, tiềm năng phong phú của đất nước Việt Nam, có tác động sâu sắc đến tình cảm yêu

nước và quyết tâm xây dựng và bảo vệ đất nước.

Bộ Văn hoá và Thông tin, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của ba bộ phim trên, và có kế hoạch cụ thể để thực hiện tốt. Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh có trách nhiệm chỉ đạo và phối hợp làm ba bộ phim trên. Các ngành, các địa phương cần tạo điều kiện thiết thực và có hiệu quả giúp đỡ các bộ phận phụ trách làm ba bộ phim trên hoàn thành nhiệm vụ.

T/M BAN BÍ THƯ

TỐ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 45-CT/TW, ngày 2 tháng 6 năm 1978

Khẩn trương đẩy mạnh việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý

I- ƯU ĐIỂM, KHUYẾT ĐIỂM CỦA CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ SỰ CẤP THIẾT PHẢI XÂY DỰNG QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, CÁN BỘ QUẢN LÝ

Trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, Đảng ta đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đông đảo, có phẩm chất cách mạng tốt đẹp, vững vàng về chính trị, gắn bó với nhân dân, trình độ kiến thức và năng lực ngày càng được nâng cao. Đây là một trong những thành quả to lớn nhất của cách mạng, đồng thời là bảo đảm quan trọng cho thắng lợi của mọi nhiệm vụ cách mạng.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý hiện còn nhiều nhược điểm: tuổi bình quân cao, nhiều đồng chí già yếu, ốm đau; trình độ kiến thức các mặt chưa được nâng cao tương xứng với nhiệm vụ; thành phần công nhân chiếm tỷ lệ thấp; cơ cấu chưa hợp lý, thiếu đồng bộ; số lượng có những nơi còn thiếu.

Từ sau khi có Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị¹⁾ và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá III)²⁾ công tác cán bộ đã có những tiến bộ quan trọng: việc điều động cán bộ, việc kiện toàn các cấp uỷ đảng và các cơ quan quản lý đã cố gắng bám sát và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức; lựa chọn và đề bạt cán bộ đã chú ý xem xét toàn diện cả phẩm chất và năng lực, đã đề bạt được một số cán bộ trẻ có kiến thức khoa học, kỹ thuật vào các chức vụ quản lý và lãnh đạo; đã đẩy mạnh một bước công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Song phải thấy rõ công tác cán bộ chuyển biến còn chậm; những khuyết điểm chính ở nhiều nơi là:

- Các cấp uỷ đảng, các cán bộ phụ trách chưa chỉ đạo sát sao công tác cán bộ, chưa gắn chặt lãnh đạo chính trị với lãnh đạo tư tưởng và tổ chức.

- Chưa thông suốt đầy đủ những quan điểm về công tác cán bộ của Đảng; còn nhiều biểu hiện hẹp hòi, bảo thủ hoặc bè phái, cục bộ, địa phương, cá nhân chủ nghĩa.

- Quản lý cán bộ chưa chặt chẽ, có những trường hợp nắm cán bộ không chắc; chưa kết hợp việc quản lý của cấp trên với việc dựa vào cán bộ, đảng viên bên dưới để kiểm tra, giáo dục và lựa chọn cán bộ.

- Chưa tích cực đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý; thiếu mạnh dạn phát hiện và đề bạt cán bộ trẻ, mặt khác, chậm giải quyết số cán bộ già yếu, ốm đau, năng lực hạn chế.

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.34, tr. 24 (B.T).

2) *Sđd*, t.35, tr. 278 (B.T).

- Chưa mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ kịp với yêu cầu; việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ quản lý làm kém.

- Công tác cán bộ còn sự vụ, chấp vá, thiếu tính kế hoạch và tính khoa học. Việc làm quy hoạch cán bộ triển khai chậm, chưa đều.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, để xây dựng đội ngũ cán bộ lớn mạnh ngang tầm nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức, phải ra sức tăng cường công tác cán bộ về mọi mặt, mau chóng sửa chữa những khuyết điểm trên đây, tiếp tục thực hiện đầy đủ Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV về công tác cán bộ.

Vấn đề then chốt là phải khẩn trương xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ. Tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng* của Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ rõ: "xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt quy hoạch cán bộ là một biện pháp đặc biệt trọng yếu có tính chất quyết định để tăng cường công tác cán bộ về mọi mặt". Làm tốt việc này chính là thiết thực "nâng cao tính khoa học và tính kế hoạch trong công tác cán bộ" như đã nêu trong Nghị quyết của Đại hội IV. Quy hoạch cán bộ nói chung, nhất là quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý càng quan trọng. Cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý là rường cột của chuyên chính vô sản, là lực lượng nòng cốt trong bộ máy của Đảng, của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Việc kiện toàn đội ngũ cán bộ này có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực của toàn hệ thống chuyên chính vô sản.

II- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐẾN NĂM 1980 VÀ 1985

1. Cần quán triệt những phương hướng chung là:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý kết hợp chặt chẽ với việc cải tiến công tác lãnh đạo của Đảng, cải tiến công tác quản lý, nhất là quản lý kinh tế của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ ấy phải đủ về số lượng, cơ cấu và chất lượng phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức của toàn Đảng và của từng ngành, từng địa phương.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý có đầy đủ phẩm chất và năng lực: tuyệt đối trung thành, vững vàng về chính trị, có kiến thức khoa học và kỹ thuật cần thiết, nắm chắc và biết cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng, có năng lực tổ chức thực hiện giỏi. Vừa lựa chọn, bố trí từng người đúng chỗ, đúng việc, vừa xây dựng thành một tập thể mạnh, có phong cách đồng đội, đoàn kết thống nhất.

- Kết hợp tốt cán bộ cũ với cán bộ mới, cán bộ lớn tuổi với cán bộ trẻ tuổi, thực hiện đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, bảo đảm tốt hơn nữa các lớp kế thừa trong đội ngũ cán bộ. Phải từng bước tăng cường số lượng cán bộ thuộc thành phần công nhân. Kết hợp cán bộ chính trị với cán bộ chuyên môn, kỹ thuật; mạnh dạn đề bạt những cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có đủ tiêu chuẩn vào các chức vụ lãnh đạo và quản lý.

- Vừa chú trọng làm tốt những việc cấp bách về kiện toàn cán bộ, bồi dưỡng cán bộ để kịp đáp ứng nhiệm vụ trước mắt,

vừa có nhìn xa, chủ động chuẩn bị tiến tới kiện toàn đội ngũ cán bộ một cách căn bản để đáp ứng nhiệm vụ lâu dài.

2. Cố gắng phấn đấu đến năm 1980 và 1985 đạt tới một số mục tiêu cụ thể như sau:

a) *Về số lượng và cơ cấu:* trên cơ sở xác định rõ bộ máy tổ chức, số lượng và cơ cấu cán bộ cần thiết, phấn đấu trong khoảng 1-2 năm, bố trí đủ số lượng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cho những bộ máy hiện có, chấm dứt tình trạng có những cương vị để trống, hoặc kiêm nhiệm, để "quyền" quá lâu; ngược lại, nơi quá nhiều phó thì rút bớt và sắp xếp lại cho hợp lý; những tổ chức mới thành lập đều phải được bố trí đủ cán bộ. Bảo đảm cơ cấu đồng bộ: trong số cán bộ phụ trách của bộ, tổng cục, cửa vụ, cục, công ty có đồng chí vững về chính trị, có đồng chí thạo về quản lý, có đồng chí giỏi về kỹ thuật, chuyên môn... Ở xí nghiệp, bệnh viện, trường học... bố trí đồng bộ cán bộ đảng và cán bộ quản lý, cán bộ đoàn thể quần chúng.

b) *Về nâng cao trình độ kiến thức các mặt:* đến 1985, trong cán bộ quản lý từ trưởng, phó ty, vụ, cục, viện trưởng và phó, giám đốc và phó giám đốc xí nghiệp, nông trường trở lên đến thứ trưởng, bộ trưởng phải có khoảng 80% được học qua chương trình lý luận chính trị cao cấp hoặc trung cấp, cũng khoảng 80% có trình độ đại học về quản lý, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ. Phấn đấu đến 1980 có khoảng 60% được học lý luận chính trị cao cấp hoặc trung cấp, khoảng 40% có trình độ đại học về quản lý, về kỹ thuật. Trong các cơ quan quản lý kinh tế, khoa học, giáo dục, y tế thì số cán bộ quản lý

có trình độ đại học về ngành nghề đó phải chiếm tỷ lệ cao hơn tỷ lệ quy định chung trên đây.

Đến 1985, chủ nhiệm các hợp tác xã nông nghiệp phải có trình độ trung học về quản lý, kỹ thuật, một bộ phận có trình độ đại học hoặc cao đẳng.

Đến 1985, có khoảng 90% tỉnh uỷ viên đã học qua chương trình lý luận chính trị cao cấp; khoảng 70% có trình độ đại học kinh tế và kỹ thuật; khoảng 90% huyện uỷ viên học qua chương trình lý luận chính trị cao cấp và trung cấp, khoảng 70% có trình độ đại học và trung học về kinh tế và kỹ thuật. Trước mắt từ nay đến 1980, ở miền Bắc có khoảng 60-70% tỉnh uỷ viên học qua chương trình lý luận chính trị cao cấp và khoảng 40 - 45% có trình độ đại học về quản lý, kỹ thuật chuyên môn; ở các huyện đồng bằng và trung du miền Bắc khoảng 70% huyện uỷ viên học qua chương trình lý luận chính trị cao cấp và trung cấp, khoảng 40 - 50% có trình độ đại học và trung học về quản lý, chuyên môn. Đối với các tỉnh, các huyện miền Nam và miền núi thì mức độ yêu cầu thấp hơn.

c) *Về kết hợp cán bộ cũ và cán bộ mới, đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý.* Trong hàng bộ trưởng, thứ trưởng, bên cạnh số cán bộ lớn tuổi còn sức khoẻ, có năng lực, phấn đấu tăng thêm số cán bộ ở độ tuổi dưới 50, đến năm 1980 được khoảng 30-40% và đến 1985 được khoảng 60-70%. Trong hàng cục, vụ, viện trưởng và phó, giám đốc và phó giám đốc xí nghiệp thì số dưới 45 tuổi đến 1980 chiếm khoảng 30 - 40% và đến 1985 chiếm khoảng 60-70%. Ở các ngành kinh tế, kỹ thuật thì tỷ lệ cán bộ quản lý trẻ phải cao hơn.

Trong các tỉnh uỷ, huyện uỷ, bên cạnh lớp cán bộ lớn tuổi, cần tăng thêm số cán bộ trẻ để đến 1985 số đông tỉnh uỷ viên ở độ tuổi 40-45, số đông huyện uỷ viên ở độ tuổi 35-40.

Ở các cơ quan quản lý, trong các đồng chí phó ít nhất phải có một người có thể sẵn sàng thay đồng chí trưởng, khi cần thiết. Trong ban thường vụ đảng uỷ các cấp, ít nhất có một đồng chí có thể sẵn sàng thay đồng chí bí thư.

d) *Về tỷ lệ cán bộ xuất thân công nhân*: đến 1985 có khoảng 25-30% tỉnh uỷ viên và 10-15% huyện uỷ viên xuất thân công nhân. Trong cán bộ quản lý xí nghiệp, cán bộ vụ, cục, công ty khối công nghiệp thì tỷ lệ này là khoảng 40-50%.

Trên đây chỉ xác định một số mục tiêu cho những đối tượng cán bộ chính. Từng tỉnh và ngành trung ương căn cứ vào đặc điểm tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị, tổ chức của địa phương, của ngành mà xác định nhu cầu về số lượng các loại cán bộ lãnh đạo, quản lý và cụ thể hoá phương hướng, mục tiêu phấn đấu nâng cao chất lượng từng đội ngũ cán bộ đến 1980 và 1985. Ở các tỉnh miền núi cần xác định thêm mục tiêu về xây dựng đội ngũ cán bộ thành phần dân tộc thiểu số. Ở các ngành, đơn vị có đông lao động nữ, cần xác định mục tiêu về xây dựng đội ngũ cán bộ nữ.

III- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CHÍNH

1. Xác định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và xây dựng tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý

a) Để có căn cứ làm quy hoạch cán bộ, sau khi nhiệm vụ chính trị đã được quy định, cần xác định nhiệm vụ tổ chức,

sắp xếp hợp lý bộ máy và biên chế, nhất là làm rõ nhiệm vụ và số lượng, cơ cấu cần thiết của từng cơ quan lãnh đạo, quản lý, xây dựng chức trách từng cán bộ.

b) Trên cơ sở đó, xây dựng tiêu chuẩn cụ thể từng loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Riêng về tiêu chuẩn trình độ kiến thức các mặt, cần quy định phù hợp với thực tế đội ngũ cán bộ của ta hiện nay ở từng miền khác nhau, nhằm động viên cán bộ phấn khởi vươn lên, ra sức tu dưỡng và học tập để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, tăng cường đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa cán bộ cũ và cán bộ mới, cán bộ chính trị và cán bộ chuyên môn.

Tiêu chuẩn của một cấp uỷ, của đội ngũ cán bộ quản lý một ngành phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ nói chung của Đảng mà cụ thể hoá nội dung từng điểm phù hợp với vị trí, chức trách của ngành đó, cấp đó.

Dựa trên tiêu chuẩn ấy, khi xây dựng tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ chỉ cần cụ thể hoá thêm tiêu chuẩn về năng lực và trình độ kiến thức. Tiêu chuẩn này nên quy định cụ thể trên ba mặt: năng lực về lãnh đạo, về tổ chức quản lý tương ứng với nhiệm vụ được giao; trình độ kiến thức cần thiết về lý luận chính trị, về văn hoá, về chuyên môn nghiệp vụ; đã trải qua những thực tiễn công tác nào (tuỳ theo yêu cầu của từng chức vụ khác nhau) và đã hoàn thành tốt những nhiệm vụ công tác ấy.

Không xem nhẹ kiến thức học tập ở trường lớp, mặt khác, không chỉ căn cứ vào bằng cấp mà xem nhẹ những hiểu biết và khả năng của cán bộ tích lũy trong công tác thực tiễn. Đối với cán bộ đương chức còn trẻ tuổi và đối với cán bộ dự bị thì yêu cầu học tập có hệ thống và sau một số năm phải đạt tới

trình độ quy định. Đối với cán bộ đã lớn tuổi thì yêu cầu học tập theo một chương trình thích hợp. Đối với cán bộ qua công tác thực tiễn lâu năm, đã tự học và tích lũy kiến thức tương đương với trình độ quy định, cấp trên cần xem xét, xác nhận và không đòi hỏi phải học có văn bằng.

Sau khi đã xây dựng tiêu chuẩn cụ thể, việc lựa chọn đề bạt cán bộ phải căn cứ vào những tiêu chuẩn ấy. Trong một số trường hợp đặc biệt nếu đề bạt cán bộ chưa có đủ tiêu chuẩn quy định thì phải chú ý tới chỗ người được đề bạt đó có triển vọng phấn đấu đạt tới những tiêu chuẩn ấy.

2. Lựa chọn và xây dựng lực lượng cán bộ dự bị

Đây là khâu then chốt của quy hoạch cán bộ, vừa có ý nghĩa quyết định đối với việc sắp xếp, kiện toàn cán bộ một cách chủ động, vừa bảo đảm chất lượng chiêu sinh các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Lựa chọn cán bộ dự bị cho chức vụ nào thì căn cứ vào những tiêu chuẩn cụ thể quy định cho chức vụ ấy, và phải quán triệt những phương hướng của quy hoạch nhằm từng bước cải tiến cơ cấu và chất lượng đội ngũ cán bộ. Cán bộ dự bị cho chức vụ nào, cấp nào phải trẻ hơn tuổi bình quân của cán bộ đương chức ở chức vụ ấy, cấp ấy.

Phải đi sát cấp dưới và cơ sở, từ trong thực tiễn sản xuất và công tác, từ những đơn vị tiên tiến đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà tìm tòi, phát hiện những cán bộ ưu tú và phải khắc phục thái độ bảo thủ hẹp hòi trong việc lựa chọn cán bộ dự bị. Mỗi chức vụ lãnh đạo và quản lý đều cần có cán bộ dự bị, song trước hết tập trung lựa chọn cán bộ cho những chức vụ cần thay thế hoặc kiện toàn từ nay đến 1980

theo dự kiến của quy hoạch. Tuỳ nguồn cán bộ từng nơi, mỗi chức vụ ấy nên có từ hai đến ba cán bộ dự bị, trong đó có người sẵn sàng thay thế ngay và có người để đào tạo chuẩn bị dài hạn hơn.

Lựa chọn được cán bộ dự bị rồi, phải căn cứ vào chỗ mạnh, chỗ yếu của mỗi người và ý định sử dụng lâu dài sau này mà có kế hoạch đưa đi đào tạo bồi dưỡng về những mặt kiến thức còn thiếu, hoặc sắp xếp lại công tác cho thích hợp, mạnh dạn giao việc nặng hơn hoặc đưa xuống cơ sở nếu chưa qua trường thành từ dưới lên, v.v.. Mỗi lần xét duyệt đề bạt cán bộ, chiêu sinh các trường, lớp đào tạo, cấp trên, cần qua đó kiểm tra việc lựa chọn và quản lý cán bộ dự bị của cấp dưới.

Mỗi năm, sau kỳ tổng kết công tác và sau đợt nhận xét cán bộ, cần đánh giá lại số cán bộ dự bị, thay đổi những người không đủ tiêu chuẩn, bổ sung những người mới.

3. Thực hiện đúng chính sách đối với cán bộ về hưu, cán bộ đau yếu, cán bộ năng lực không đủ đáp ứng nhiệm vụ

Cần ra sức bồi dưỡng kiến thức và khéo bố trí cán bộ cũ, tạo điều kiện cho các đồng chí đó phấn đấu vươn lên phát huy tác dụng trong giai đoạn cách mạng mới. Đồng thời cần thực hiện đúng chính sách đối với cán bộ về hưu, cán bộ đau yếu, cán bộ năng lực không đủ đáp ứng nhiệm vụ.

Số cán bộ đã đến tuổi quy định nói chung đều về hưu và cấp trên cử người thay thế ngay. Đó là vì yêu cầu kiện toàn bộ máy của Đảng và Nhà nước, và cũng phù hợp với lợi ích bản thân các đồng chí ấy. Chỉ trường hợp rất hạn chế đối với

cán bộ có năng lực, còn sức khoẻ, chưa có người thay thế, và do cấp trên yêu cầu, thì mới lưu lại làm việc thêm một thời gian. Quan tâm săn sóc đời sống tinh thần của cán bộ hưu; tùy điều kiện sức khoẻ và khả năng mỗi người, có thể giao những công việc thích hợp, tận dụng hiểu biết và kinh nghiệm của các đồng chí ấy để tiếp tục phục vụ cách mạng. Đồng thời, cần săn sóc chu đáo đời sống vật chất của cán bộ đã về hưu, thực hiện đầy đủ những chế độ mà Đảng và Nhà nước đã ban hành và nghiên cứu bổ sung thêm những chế độ cần thiết.

Số cán bộ đau yếu nhiều cần được đi điều trị dài hạn, rút khỏi cương vị phụ trách hiện tại và cử người khác thay thế.

Số cán bộ đã xét rõ là không đủ năng lực, đang trở ngại tới việc hoàn thành nhiệm vụ, cần kiên quyết sắp xếp lại công tác cho phù hợp với khả năng. Mức lương và các chế độ đãi ngộ đối với các đồng chí này vẫn giữ như cũ.

Trên cơ sở đánh giá, phân loại số cán bộ hiện có và căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức mà có *phương án cụ thể đến năm 1980 và trước mắt cho năm 1978 về sắp xếp, kiện toàn, điều chỉnh cán bộ*. Nội dung của phương án này bao gồm một mặt là: lập danh sách số cán bộ cần về hưu, giải quyết khẩn trương số cán bộ cần về hưu từ mấy năm nay còn đọng lại, và từ nay trở đi đưa việc cho cán bộ về hưu vào nền nếp bình thường; lập danh sách số cán bộ đau yếu nhiều cần nghỉ công tác và tổ chức việc điều trị, điều dưỡng cho các đồng chí đó; xem xét và lập danh sách cán bộ năng lực không đủ đáp ứng nhiệm vụ, và dự kiến sắp xếp lại công tác cho từng người. Mặt nữa, phương án bao gồm dự kiến đề bạt cán bộ để kiện toàn những đơn vị trọng yếu, những tổ chức mới lập, những đơn vị còn thiếu, nhất là

những ngành và đơn vị quan trọng đối với việc thực hiện kế hoạch nhà nước 1976-1980. Đồng thời kiên quyết điều chỉnh, phân bố lực lượng cán bộ một cách hợp lý, nhằm trước hết tăng cường cho cơ sở, cho cấp huyện, cho miền Nam, miền núi...

4. Thực hiện phương pháp dân chủ trong việc lựa chọn, đề bạt, kiện toàn cán bộ

Tổ chức cho chi bộ, cán bộ, đảng viên bên dưới tham gia vào việc lựa chọn, đề bạt, thay đổi cán bộ là một phương pháp rất trọng yếu bảo đảm cho những quyết định của cơ quan lãnh đạo về công tác cán bộ được chính xác, khách quan, toàn diện, ngăn chặn tình trạng chủ quan, độc đoán, cảm tình hoặc thành kiến cá nhân.

Cần tổ chức cho chi bộ, cán bộ trong cơ quan (kể cả cán bộ ngoài Đảng) nghiên cứu nắm vững những quan điểm công tác cán bộ của Đảng, trên cơ sở đó thảo luận xây dựng nhiệm vụ, chức trách, cơ cấu lãnh đạo của từng đơn vị và tiêu chuẩn cán bộ. Tiếp đó, anh chị em tham gia ý kiến cần thay đổi ai vì năng lực hoặc phẩm chất không đủ, và nên đề bạt ai có khả năng đáp ứng nhiệm vụ tốt hơn. Có thể dùng hình thức bỏ phiếu kín, cũng có thể từng người viết thư hoặc trực tiếp gặp cơ quan lãnh đạo cấp trên để phát biểu ý kiến. Trước khi đề bạt cán bộ, thủ trưởng và cơ quan lãnh đạo cần đưa ra đảng uỷ hoặc chi uỷ cơ quan thảo luận góp ý kiến, như đã quy định trong Thông báo số 11, ngày 18-4-1975 của Ban Bí thư¹⁾. Trên cơ sở những ý kiến

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.36, tr. 126 (B.T).

đó, cơ quan tổ chức tập hợp và thẩm tra thêm, rồi đưa ra tập thể cơ quan lãnh đạo cân nhắc và quyết định.

Mỗi cán bộ phụ trách ngành, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phát hiện và đề nghị với cấp trên về cán bộ dự bị có thể sẵn sàng kế tục cương vị công tác của mình. Đồng thời tổ chức lấy ý kiến của chi bộ, cán bộ, đảng viên bên dưới. Sau đó cơ quan lãnh đạo xem xét, quyết định và không cần phải thông báo trở lại cho cán bộ, đảng viên bên dưới về danh sách số cán bộ dự bị này.

5. Lập kế hoạch và tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

a) Cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, nẩy nở và trưởng thành từ phong trào cách mạng, từ công tác thực tiễn. Vì vậy phải coi trọng cải tiến công tác của các cơ quan, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, xây dựng và thực hiện chặt chẽ các chế độ công tác, chế độ tự phê bình và phê bình, chế độ nhận xét cán bộ, phát triển các hình thức bồi dưỡng ngắn ngày, sơ kết và tổng kết kinh nghiệm, tham quan nghiên cứu, học tập các điển hình tiên tiến, phân công cán bộ lãnh đạo cấp trên giúp đỡ kèm cặp trong công tác thực tế, v.v..

b) Kiện toàn và sắp xếp hợp lý hệ thống trường, lớp, cải tiến chương trình và nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy.

Về hệ thống trường đảng: kiện toàn và mở rộng quy mô các trường đảng cao cấp và trung cấp của trung ương; vừa có hệ bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đương chức, vừa có hệ đào tạo cán bộ lãnh đạo chung, cán bộ phụ trách công tác đảng, công tác chính trị, tuổi tương đối trẻ. Vừa tăng

cường trường lớp tập trung, vừa phát triển mạnh các lớp tại chức. Có chương trình học hoàn chỉnh cho cán bộ trẻ và có chương trình thích hợp cho cán bộ đứng tuổi.

Các trường đảng tỉnh vươn lên mở chương trình lý luận chính trị trung cấp; một số tỉnh lớn mở lớp lý luận cao cấp tại chức. Các trường đảng huyện vươn lên mở chương trình sơ cấp.

Sớm hình thành và phân rõ trách nhiệm các trường lớp bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý, nhất là cán bộ quản lý kinh tế. Các tỉnh, thành xây dựng hệ bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý trong các trường trung học và cao đẳng nông nghiệp, trường trung học kinh tế, trạm đại học tại chức... của địa phương. Từng bộ, tổng cục xây dựng chương trình và mở lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý đương chức của ngành hoặc dựa vào các trường đại học và trung học hiện có của ngành, mở các lớp đại học chuyên tu và cao đẳng đào tạo cán bộ quản lý. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế chủ trì bàn với các ngành có liên quan về việc tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, có sự phân công hợp lý giữa các trường, giữa bộ với địa phương.

Cần kiện toàn các trường bổ túc văn hoá tập trung và tại chức, nhất là ở miền Nam, để mau chóng nâng cao trình độ văn hoá của cán bộ.

c) Căn cứ vào những mục tiêu của quy hoạch, từng cán bộ đăng ký phấn đấu học tập nâng cao trình độ từ nay đến 1980, chi bộ tham gia ý kiến và cơ quan lãnh đạo phê chuẩn. Chấn chỉnh công tác chiêu sinh, bảo đảm trước hết bồi dưỡng số cán bộ lãnh đạo và quản lý đương chức và đào tạo số cán bộ dự bị cho các chức vụ lãnh đạo và quản lý chủ chốt ở các cấp,

các ngành. Trước mắt, ngay trong khoá học 1978 và 1979, cần đưa đến các trường đảng cao cấp và trung cấp số cán bộ dự bị để cử vào các chức vụ chủ chốt của các tỉnh uỷ, huyện uỷ trong các đại hội đảng bộ sẽ mở năm 1979 và 1981 và cán bộ dự bị cho các chức vụ chủ chốt của các bộ và các ngành trung ương.

Cần quản lý số cán bộ đã qua đào tạo, theo dõi việc bố trí, sử dụng họ và kết quả công tác của họ sau khi đi học về.

6. Tăng cường công tác quản lý cán bộ

Tìm hiểu cán bộ một cách có hệ thống, nắm chắc cán bộ một cách cụ thể và toàn diện, về phẩm chất và năng lực, mặt mạnh và mặt yếu, biểu hiện chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị từ trước đến nay... đó là điều kiện quan trọng bậc nhất để làm tốt việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, từ lựa chọn cán bộ dự bị đến sắp xếp, kiện toàn cán bộ và đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Các cấp uỷ đảng, trước hết là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành, phải nắm chắc cán bộ và công tác cán bộ, trước mắt là đi sâu chỉ đạo việc làm quy hoạch cán bộ. Ở các bộ cần có một đồng chí thứ trưởng chuyên trách về công tác tổ chức, công tác cán bộ, đồng thời đồng chí bộ trưởng và trưởng ban cán sự phải dành một phần thì giờ thích đáng cho công tác cán bộ.

Kiện toàn các ban tổ chức, các vụ cán bộ gồm những cán bộ trung thực, dân chủ, nắm vững đường lối, quan điểm công tác cán bộ của Đảng và có hiểu biết nhất định về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Trong cơ quan này, cần phân công vài cán bộ có năng lực do đồng chí trưởng ban, đồng chí vụ

trưởng trực tiếp phụ trách để chuyên giúp cấp uỷ, ban cán sự, đảng đoàn về việc làm quy hoạch cán bộ.

Các đoàn thể quần chúng có trách nhiệm giúp Đảng quản lý cán bộ, góp phần kiểm tra, giáo dục cán bộ, phát hiện và cung cấp cho Đảng những cán bộ ưu tú nảy nở trong phong trào quần chúng.

IV- VỀ KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Về làm quy hoạch cán bộ

- Ban Tổ chức Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm quy hoạch số cán bộ lãnh đạo chủ chốt (bí thư, phó bí thư, chủ tịch) các tỉnh, thành và cùng các ban giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy hoạch số cán bộ từ tổng cục phó, thứ trưởng trở lên.

Thường vụ tỉnh uỷ lập quy hoạch chung về đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong địa phương và trực tiếp quy hoạch cụ thể một số chức danh: tỉnh uỷ viên, trưởng, phó ty, thường vụ huyện uỷ..., còn các chức danh dưới thì phân công cho các ban cán sự ty, các thường vụ huyện uỷ quy hoạch cụ thể. Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp quy hoạch đối với tỉnh uỷ viên.

Bộ, tổng cục lập quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý toàn ngành và trực tiếp quy hoạch một số đối tượng như trưởng phòng, cục, vụ trưởng và phó, giám đốc và phó giám đốc xí nghiệp. Đồng thời phân cấp cục, vụ, công ty, xí nghiệp chịu trách nhiệm quy hoạch cụ thể số cán bộ ở các chức vụ dưới. Ban Tổ chức Trung ương và các ban của Trung ương tổng hợp

quy hoạch đối với cán bộ quản lý cấp vụ, cục, công ty... thuộc diện Trung ương quản lý.

Đối với đội ngũ bí thư đảng uỷ xí nghiệp, nông trường, bệnh viện, trường học... trực thuộc bộ, do bộ làm quy hoạch, nhưng cần bàn bạc nhất trí với tỉnh uỷ, thành uỷ quản lý các đảng bộ ấy.

Đối với đội ngũ trưởng, phó ty, trưởng phó phòng ở tỉnh, thành, huyện, quận thì bộ có nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn và kiện toàn hệ thống trường lớp, có kế hoạch chiêu sinh đào tạo, bồi dưỡng về mặt quản lý chuyên môn, và cùng với tỉnh uỷ, thành uỷ xem xét đánh giá các trưởng, phó ty, lựa chọn cán bộ dự bị và các kế hoạch sắp xếp, kiện toàn. Từng bộ tổng hợp quy hoạch cán bộ trưởng, phó ty của ngành mình, đồng thời từng tỉnh, thành uỷ tổng hợp quy hoạch các trưởng, phó ty trong địa phương mình.

Nên xây dựng quy hoạch đến năm 1985, nhưng phần tính toán cụ thể về đề bạt, điều động, chỉ tiêu đào tạo... thì làm đến năm 1980.

2. Về quản lý cán bộ dự bị

Theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, cấp nào chịu trách nhiệm quản lý những chức danh nào thì phải xem xét, kiểm tra, tổng hợp danh sách cán bộ dự bị cho những chức danh ấy, do cấp dưới đề nghị lên, và theo dõi việc bồi dưỡng, sử dụng số cán bộ dự bị này. Cụ thể là:

Ban Tổ chức Trung ương cùng các ban giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư lựa chọn cán bộ dự bị cho các chức danh bộ trưởng, thứ trưởng, bí thư và chủ tịch tỉnh, thành. Ban thường vụ tỉnh uỷ lựa chọn, lập danh sách số cán bộ dự bị cho

tỉnh uỷ viên và báo cáo lên Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương); số cán bộ dự bị cho bí thư và chủ tịch huyện thì báo cáo cho Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp và theo dõi chung. Ban cán sự các bộ lựa chọn, lập danh sách cán bộ dự bị cho các chức danh vụ, cục, viện trưởng và báo cáo lên Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương và các ban có quan hệ); đối với danh sách cán bộ dự bị cho các chức danh vụ, cục, viện phó thì báo cáo cho ban có quan hệ theo dõi và tổng hợp chung. Hằng năm phải báo cáo tình hình cán bộ dự bị và đề nghị bổ sung, điều chỉnh danh sách này; đồng thời hằng năm phải báo cáo lên cấp trên tình hình số cán bộ thuộc diện quản lý của cấp trên: về ưu điểm, khuyết điểm, về đời sống, và sức khoẻ.

3. Về trách nhiệm xây dựng và quyền hạn ban hành tiêu chuẩn cán bộ

- Ban Tổ chức Trung ương cùng các ban có liên quan nghiên cứu đề nghị Ban Bí thư quy định tiêu chuẩn các tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, đảng uỷ cơ sở, tiêu chuẩn các cán bộ phụ trách các bộ, tổng cục, ban ở trung ương.

- Từng bộ, ban, tổng cục xây dựng tiêu chuẩn cán bộ quản lý ngành mình kể cả ở cơ quan trung ương và địa phương. Riêng tiêu chuẩn cán bộ cấp cục, vụ, viện thì trình Ban Bí thư phê chuẩn (trong khi Ban Bí thư chưa phê chuẩn, bộ có thể ban hành quy định tạm thời).

- Các bộ chức năng: Kế hoạch, Tài chính, Lao động... xây dựng tiêu chuẩn những loại cán bộ này công tác ở các ngành khác. Bộ Đại học xây dựng tiêu chuẩn cán bộ quản lý các trường đại học và trung học của các bộ và địa phương. Bộ Y tế xây dựng tiêu chuẩn cán bộ quản lý các bệnh viện, bệnh xá

của các bộ và địa phương. Tiêu chuẩn giám đốc, phó giám đốc xí nghiệp do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế cùng Ban Công nghiệp Trung ương nghiên cứu đề nghị Hội đồng Chính phủ ban hành. Tiêu chuẩn cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp xây dựng.

4. Quân uỷ Trung ương căn cứ vào tinh thần Chỉ thị này chỉ đạo việc xây dựng tiêu chuẩn và quy hoạch cán bộ quân đội và báo cáo với Ban Bí thư về tiêu chuẩn và quy hoạch diện cán bộ thuộc Bộ Chính trị quản lý.

5. Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế và các ban kinh tế nghiên cứu việc sắp xếp, kiện toàn và phân công hợp lý giữa các trường đảng và các trường, lớp cán bộ quản lý, nhằm bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đạt được những mục tiêu nói ở mục I.

Những việc nói trên phải căn bản làm xong trước cuối năm 1978.

Ban Tổ chức Trung ương cùng các ban của Trung ương chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các ngành, các cấp thi hành Chỉ thị này và thường kỳ báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-TT/TW, ngày 2 tháng 6 năm 1978

Tăng cường cán bộ cho các tỉnh miền núi

Gần đây tình hình biên giới phía bắc có nhiều diễn biến phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải khẩn trương kiện toàn cấp huyện và cơ sở ở miền núi, nhất là các huyện, xã biên giới và vùng xung yếu vững mạnh đủ sức đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới. Ban Bí thư quyết định điều động 1.500 cán bộ từ các ngành trung ương các tỉnh đồng bằng, trung du, Khu IV cũ và những cán bộ quân đội được chuyển tăng cường cho cấp huyện (hiện nay đang học tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc 3, Nguyễn Ái Quốc 6) để bổ sung cho các tỉnh miền núi.

Các cán bộ đi làm nhiệm vụ này phải bảo đảm những tiêu chuẩn sau đây:

- Có quan điểm lập trường vững, hoàn toàn nhất trí và tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng.

- Là đảng viên, có khả năng làm công tác xây dựng cơ sở, vận động quần chúng.

- Tuổi từ 40 trở xuống, có đủ sức khoẻ để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.

Các tỉnh miền núi bố trí số cán bộ này về tăng cường cho những huyện và xã trọng điểm, chú ý trước hết những huyện, xã biên giới, vùng xung yếu, để làm công tác xây dựng củng cố đảng, chính quyền, các tổ chức quần chúng, các lực lượng bán vũ trang và các hợp tác xã.

Trước khi số cán bộ này được phân phối về các tỉnh, Ban Tổ chức Trung ương cùng các Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Dân tộc Trung ương, Ban Nông nghiệp Trung ương có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ một số vấn đề cần thiết. Khi về địa phương, tỉnh uỷ địa phương tiếp tục bồi dưỡng thêm một số vấn đề cụ thể của địa phương, tạo điều kiện cho cán bộ thích ứng được với địa bàn và vị trí công tác mới được giao.

Bộ Lao động cùng các ngành có liên quan soát lại các chế độ đối với cán bộ công tác ở miền núi, bổ sung thêm những chế độ cần thiết khuyến khích cán bộ xuống công tác ở huyện, ở cơ sở trình Chính phủ ban hành ngay.

Ngoài việc điều động số cán bộ trên, các ngành trung ương cùng với các tỉnh khẩn trương kiện toàn, củng cố cấp huyện và cơ sở thuộc ngành mình ở miền núi theo Chỉ thị số 17 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Đây là đợt điều động cán bộ có tính chất đột xuất phục vụ yêu cầu cấp bách, Ban Bí thư uỷ nhiệm cho Ban Tổ chức

Trung ương ra quyết định điều động cụ thể. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Dân tộc Trung ương, Ban Nông nghiệp Trung ương, các ban cán sự đảng các ngành trung ương, các tỉnh uỷ phải khẩn trương tổ chức thực hiện tốt Thông tri này và hết tháng 6 phải làm xong và báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 46-CT/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1978

Về phương hướng, nhiệm vụ công tác giáo dục lý luận, chính trị cho cán bộ, đảng viên ở các tỉnh miền Nam trong ba năm 1978-1980

Từ sau ngày giải phóng miền Nam, nhất là từ khi có Chỉ thị số 231, ngày 13-7-1976 của Ban Bí thư¹⁾, công tác giáo dục lý luận, chính trị cho cán bộ, đảng viên ở miền Nam đã được tổ chức tương đối rộng rãi. Hệ thống trường đảng trực thuộc Trung ương, trường đảng tỉnh, thành phố, huyện, quận đã được xây dựng; một số trường đã mở lớp đào tạo và bồi dưỡng dài hạn theo chương trình cơ bản; các lớp học ngắn ngày bồi dưỡng về đường lối, chính sách đã được tổ chức cho đông đảo cán bộ, đảng viên bằng cả hai hình thức học tập: tập trung và tại chức.

Kết quả công tác giáo dục lý luận, chính trị, mấy năm qua đã góp phần nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng cho

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.199 (B.T).

cán bộ, đảng viên, tạo nên sự nhất trí về đường lối chung, nâng cao một bước năng lực lãnh đạo, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, thúc đẩy sự chuyển hướng công tác của các tổ chức đảng phù hợp với yêu cầu của giai đoạn mới. Tuy nhiên chất lượng giáo dục còn thấp, việc bồi dưỡng đường lối, chính sách còn dừng ở những vấn đề chung, chưa vận dụng tốt những tư tưởng quan điểm của Đảng để giải quyết những vấn đề cụ thể của cuộc sống và khắc phục những tư tưởng sai trái với đường lối của Đảng. Hệ thống trường đảng tập trung được xây dựng nhanh nhưng đội ngũ cán bộ chỉ đạo và cán bộ giảng dạy còn thiếu và yếu; việc học tập tại chức chưa có điều kiện mở rộng. Vì vậy những kết quả đạt được còn thấp so với yêu cầu chung như Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương đã nhận định: "Công tác xây dựng đảng, công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, công tác vận động quần chúng đều chưa theo kịp tình hình, không bảo đảm tốt nhiệm vụ chính trị và yêu cầu quản lý kinh tế trong thời kỳ mới, chưa tích cực nêu cao tư tưởng, phẩm chất và tác phong cách mạng gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước".

Hiện nay và trong những năm trước mắt, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, cả nước ta đang ra sức đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các đảng bộ và nhân dân ở miền Nam đang tập trung sức giải quyết một loạt vấn đề quan trọng và cấp bách về cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, giáo dục, củng cố và tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội,

xây dựng và bảo vệ đảng, xây dựng và củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng ở cơ sở.

Tình hình đó đòi hỏi phải giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta những tư tưởng mới, tình cảm mới, những hiểu biết mới và năng lực mới. Vì vậy các cấp uỷ đảng ở miền Nam phải có những biện pháp mạnh mẽ và có hiệu lực để tăng cường công tác giáo dục lý luận, chính trị, nhanh chóng bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên và cốt cán ngoài Đảng những hiểu biết cần thiết về đường lối, chính sách của Đảng, về phẩm chất chính trị và năng lực công tác, bảo đảm tổ chức và lãnh đạo quần chúng hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới.

1. Phương hướng nhiệm vụ chung về giáo dục lý luận, chính trị trong ba năm 1978-1980 là phải kịp thời mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, đảng viên, đặc biệt chú trọng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các ngành, các cấp.

Các trường đảng tập trung phải mở hai loại lớp:

- Lớp ngắn ngày để bồi dưỡng về đường lối, chính sách, chủ trương công tác trước mắt và những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế dành cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt.

- Lớp đào tạo cán bộ theo các chương trình cơ bản, dành cho cán bộ trẻ, đã qua thử thách trong chiến đấu, sản xuất, công tác, có triển vọng đảm đương được những nhiệm vụ trọng yếu trong các cơ quan lãnh đạo của các ngành, các cấp.

Trong hai loại lớp nói trên, cần chú trọng mở được nhiều lớp ngắn ngày, bồi dưỡng được nhiều cán bộ chủ chốt kịp thời phục vụ những nhiệm vụ chính trị cấp bách trước mắt.

2. Về các lớp ngắn ngày

Để mau chóng tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ của cán bộ, đảng viên và quần chúng hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ chính trị của thời kỳ mới, Ban Bí thư quyết định đại bộ phận cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt của các cấp, các ngành trong năm 1978 và 1979 phải qua học tập một lớp ngắn ngày để bồi dưỡng về đường lối cơ bản, những chính sách lớn, những nhiệm vụ công tác trước mắt, công tác xây dựng đảng và công tác quản lý kinh tế. Nội dung chương trình gồm những vấn đề quy định thống nhất cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp tỉnh, thành phố đến cán bộ cơ sở với những mức độ cao thấp khác nhau. Tất cả các lớp đều phải có thời gian đi thực tế, nghiên cứu kinh nghiệm những cơ sở điển hình tiên tiến.

Cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt của cấp tỉnh, thành phố được lần lượt triệu tập đến học khoảng hai tháng ở Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cơ sở 2.

Cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt của cấp huyện trong đó có các đối tượng quy định theo Chỉ thị số 41, ngày 12-4-1978 của Ban Bí thư, học tập ở Trường Nguyễn Ái Quốc 4 và Nguyễn Ái Quốc 8, Chương trình học tập gồm 14 bài (chương trình kèm theo Chỉ thị này). Những vấn đề về quản lý kinh tế như đã nêu trong điểm 1 Chỉ thị số 41 sẽ học cùng với bài xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Thời gian học tập khoảng hai tháng.

Cán bộ lãnh đạo chủ chốt thuộc đối tượng của Trường Nguyễn Ái Quốc 7 sẽ được triệu tập đi học lớp ngắn ngày khoảng hai tháng rưỡi đến ba tháng để bồi dưỡng chương

trình 14 bài lý luận chính trị và các bài về quản lý kinh tế như Chỉ thị số 41 đã quy định.

Trường Nguyễn Ái Quốc 9, các trường Tuyên huấn Trung ương 2 và 3, và Trường Tổ chức kiểm tra Trung ương 2 căn cứ vào quy định trên mà tổ chức các lớp ngắn ngày cho các cán bộ chủ chốt thuộc đối tượng của trường mình theo sự hướng dẫn của Ban Tuyên huấn Trung ương.

Các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt của các đảng bộ cơ sở xã, ấp thì học theo chương trình 13 bài (có chương trình kèm theo) rút từ chương trình dài hạn ra. Thời gian học ở các lớp ngắn ngày của trường đảng tỉnh là một tháng rưỡi và ở trường đảng huyện là từ 25 đến 30 ngày.

3. Về các lớp dài hạn

Nội dung học tập ở các lớp đào tạo, bồi dưỡng dài hạn cho cán bộ sơ cấp, trung cấp vẫn áp dụng chương trình lý luận, chính trị cơ bản 12 tháng. Trong khi thực hiện, cần chú ý cải tiến một bước nội dung và phương pháp giảng dạy, bảo đảm những kiến thức cơ bản của giáo trình nhưng cần vận dụng thích hợp với trình độ học viên và yêu cầu công tác để xác định một chương trình hợp lý. Kết hợp chặt chẽ hơn nữa việc giáo dục lý luận Mác - Lênin với đường lối, chính sách, kết hợp chặt chẽ việc bồi dưỡng đường lối, chính sách với những kiến thức cần thiết về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, và những kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng ở các điển hình tiên tiến. Phải quán triệt phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, bảo đảm tính khoa học, tính chiến đấu trong học tập, gây được phong cách độc lập suy nghĩ, chủ động sáng tạo của học viên.

Xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán

bộ, đảng viên cơ sở ở miền Nam, Ban Bí thư chuẩn y chương trình "học tập lý luận, chính trị cho cán bộ đảng viên cơ sở các tỉnh miền Nam" của Ban Tuyên huấn Trung ương (kèm theo Chỉ thị này). Chương trình này dùng thống nhất cho cán bộ cơ sở và đảng viên, được thực hiện ở trường đảng tỉnh, trường đảng huyện, quận và ở cả các lớp học tại chức của các đảng bộ cơ sở với mức độ sâu nông khác nhau tùy theo trình độ và trách nhiệm công tác của người học. Thời gian học tập ở trường đảng tỉnh là ba tháng và ở trường đảng huyện là một tháng rưỡi.

Trong quá trình giảng dạy, phải quán triệt yêu cầu học tập là vừa bồi dưỡng một số điểm thật cần thiết về lý luận cơ bản, vừa bồi dưỡng về đường lối chung, về những chính sách lớn đang thực hiện, vừa bồi dưỡng một số kiến thức cần thiết về quản lý kinh tế và những kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng trên những lĩnh vực quan trọng của đời sống; kết hợp việc giáo dục lý luận chính trị với việc nâng cao năng lực công tác và rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác trước mắt, đồng thời cũng là chuẩn bị kiến thức để tiến lên học các chương trình lý luận cơ bản cao hơn trong những năm sau.

4. Về học tập tại chức

Việc mở rộng hình thức học tập tại chức về lý luận, chính trị là rất cần thiết, song hiện nay nhiều địa phương còn thiếu giảng viên, thiếu điều kiện vật chất, nên vấn đề học lý luận cơ bản mới đặt ra cho một số nơi có đủ điều kiện do Ban Tuyên huấn Trung ương quyết định.

Riêng những cán bộ thuộc đối tượng của Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc thì Ban Bí thư giao cho trường tổ

chức học tập tại chức tùy theo điều kiện công tác của các đồng chí đó và khả năng cố gắng của trường.

Ban Bí thư giao cho Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc việc cung cấp tài liệu và hướng dẫn các đồng chí bí thư, phó bí thư và chủ tịch tỉnh, thành phố ở miền Nam nghiên cứu những sách lý luận cơ bản cần thiết và các văn kiện chủ yếu của Đảng.

Phương hướng chung của hoạt động học tập tại chức của các tỉnh, thành phố trong năm 1978 là mở các lớp học tập ngắn ngày về đường lối, chính sách, công tác xây dựng đảng, xây dựng chính quyền và đoàn thể quần chúng cho các cán bộ, đảng viên, cốt cán ngoài diện chiêu sinh của các trường đảng tập trung. Đồng thời tích cực chuẩn bị mọi điều kiện để năm 1980 có thể tổ chức các lớp học lý luận cơ bản theo chương trình trung cấp, sơ cấp. Những vấn đề cần thiết phải chuẩn bị là tổ chức trường đảng tại chức (có một số cán bộ chuyên trách làm công tác này), thành lập lưới giảng viên kiêm chức, chuẩn bị hội trường, thư viện, lập quy hoạch học tập, v.v..

Đối với những lớp hiện đang học lý luận cơ bản thì trước hết cũng phải bảo đảm học chương trình ngắn ngày về đường lối, chính sách, nhiệm vụ công tác trước mắt, rồi sau sẽ tiếp tục học lý luận cơ bản.

Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cho các tỉnh, thành phố về việc chuẩn bị mở rộng hình thức học tập tại chức.

*
* *

Nhận được Chỉ thị này, các tỉnh uỷ, thành uỷ cần xây dựng quy hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ và kế hoạch mở

lớp theo phương hướng trên, có biện pháp tăng cường hệ thống trường đảng tập trung, chuẩn bị thành lập trường đảng tại chức, v.v..

Ban Tuyên huấn Trung ương có nhiệm vụ giúp Ban Bí thư chỉ đạo các địa phương tổ chức việc mở lớp học tập theo các chương trình nói trên. Ban Tổ chức Trung ương kết hợp với Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và kế hoạch mở lớp.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 44-TT/TW, ngày 6 tháng 6 năm 1978

Về tăng cường chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị

Từ khi Ban Bí thư có Chỉ thị số 20, ngày 24-9-1977 hướng dẫn tiếp tục thi hành trong cả nước Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, các tỉnh, thành ở miền Bắc có đẩy mạnh một số công tác như kiểm tra hành chính, quản lý thị trường, tăng cường quản lý trật tự trị an ở đường phố, nhưng trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp thì việc thực hiện Nghị quyết 228 vẫn chậm. Ở miền Nam mới làm việc truyền đạt nghị quyết trong hàng ngũ cán bộ; một số địa phương đã tích cực kiểm tra và xử lý kiên quyết một số vụ, việc trong cơ quan nhà nước. Tuy diện làm chưa rộng nhưng thái độ xử lý kiên quyết của cấp uỷ đối với những trường hợp phát hiện được đã có tác động tốt, cán bộ và quần chúng đồng tình.

Hiện nay, các mặt công tác đều khẩn trương, mặc dù vậy, các cấp, các ngành vẫn phải tiến hành kiên quyết cuộc đấu

tranh chống tiêu cực thì mới triển khai tốt các mặt công tác khác được. Chống tiêu cực ngoài xã hội và trong cơ quan nhà nước đều phải làm nhưng làm trong cơ quan nhà nước thì khó khăn, phức tạp hơn, nhất là khi đụng đến cán bộ có chức, có quyền, cho nên chỉ đạo phải nắm chắc các việc để xử lý đúng. Phải đạt được sự chuyển biến trong việc phát động đảng viên và quần chúng tích cực vươn lên đấu tranh, thực hiện quyền làm chủ tập thể xây dựng cơ quan, xí nghiệp, quyết ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực đang làm giảm sút sức chiến đấu, và làm xấu quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân.

Các ngành, các cấp *phải bố trí sự chỉ đạo đủ mạnh* để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 228, xem đây là đòn bẩy để phát động phong trào quần chúng, đẩy mạnh các công tác khác. Từng địa phương, từng ngành phải chọn trọng điểm và chỉ đạo cho đến nơi đến chốn. Đối với những vụ, việc phát hiện ra, phải chỉ đạo phối hợp các cơ quan có liên quan để thẩm tra, xác minh nhanh và xử lý dứt điểm. Thủ trưởng các đơn vị phải phụ trách trực tiếp việc thực hiện Nghị quyết 228 ở đơn vị mình. Những vụ, việc tệ hại nghiêm trọng xảy ra ở đơn vị nào mà chậm phát hiện thì người phụ trách ở đó có trách nhiệm. Người phụ trách ở đơn vị nào do mắc mứu bản thân mà lúng túng trong việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 228 thì phải thay thế.

Tổ chức thanh tra ở các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ làm cơ quan thường trực phụ trách theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình, nghiên cứu các biện pháp chỉ đạo và

chủ trì sự phối hợp những cơ quan có liên quan để xử lý các vụ, việc được phát hiện.

Ban cán sự các ngành ở trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ trong báo cáo hằng tháng gửi Ban Bí thư phải báo cáo rõ công việc và kết quả thi hành Nghị quyết 228.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 45-TT/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1978

Về việc cử cán bộ ở miền Nam ra học tập tham quan hợp tác xã ở miền Bắc

Để tạo điều kiện giúp cho các cán bộ cơ sở, huyện, tỉnh ở đồng bằng Nam Bộ tiếp thu vận dụng tốt Chỉ thị 43 của Bộ Chính trị về cải tạo nông nghiệp ở miền Nam, Ban Bí thư đồng ý với đề nghị của Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam để một số cán bộ ở tỉnh, huyện và cơ sở có trách nhiệm chỉ đạo và trực tiếp tham gia cuộc vận động cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh thuộc B2 cũ ra miền Bắc tham quan học tập một số hợp tác xã tiên tiến và một số huyện có nhiều kinh nghiệm tốt.

Để làm tốt công tác này, Ban Bí thư lưu ý:

1. Việc tổ chức tham quan học tập phải thiết thực, làm sao giúp cho anh em sau khi tham quan học tập về vận dụng tốt được vào địa phương. Vì vậy người đến học cũng như địa phương đón tiếp phải xác định rõ tình đồng chí chân thành, tạo điều kiện học tập lẫn nhau.

2. Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam phải cùng với Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức Trung ương, thảo luận thống nhất kế hoạch hướng dẫn đi tham quan học tập; quy định cụ thể các đối tượng ở tỉnh, huyện và cơ sở được cử đi học tập để hướng dẫn cho cấp uỷ địa phương thi hành; đồng thời cử một số cán bộ ra phụ trách cùng với cấp uỷ địa phương lo công tác này.

3. Các ban thường vụ tỉnh uỷ cần cử những đồng chí sau đây đi tham quan học tập lớp đầu: đồng chí thường vụ tỉnh uỷ phụ trách nông nghiệp, trưởng hoặc phó ban thường trực, ban cải tạo nông nghiệp tỉnh; bí thư huyện uỷ, đồng chí huyện uỷ viên phụ trách ban cải tạo nông nghiệp huyện, đồng chí huyện uỷ viên phụ trách xây dựng hợp tác xã thí điểm; đồng chí bí thư xã và 2, 3 đồng chí chủ chốt ở xã được chọn làm thí điểm xây dựng hợp tác xã để có kinh nghiệm về triển khai xây dựng sớm hợp tác xã và những đồng chí khác mà địa phương thấy thật cần thiết.

4. Ban thường vụ các tỉnh uỷ Thanh Hoá, Hà Nam Ninh, Thái Bình, Hải Hưng, Nghệ - Tĩnh và Vĩnh Phú có trách nhiệm phụ trách tốt lớp học tập tham quan tại chỗ này theo kế hoạch hướng dẫn của Trung ương.

T/L BAN BÍ THƯ
PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM CHUNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 46-TT/TW, ngày 15 tháng 6 năm 1978

Về việc kiểm tra các đảng viên mới kết nạp từ năm 1974 đến nay ở các tỉnh, thành miền Nam

Vừa qua, Ban Tổ chức Trung ương cử các tổ công tác để kiểm tra việc kết nạp những đảng viên mới từ 1974 đến nay ở một số cơ sở thuộc thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Hậu Giang, Cửu Long, Phú Khánh, Nghĩa Bình. Qua việc kiểm tra đã phát hiện ở các nơi này trong mấy năm qua kết nạp nhầm nhiều phần tử có vấn đề chính trị phức tạp và những phần tử cơ hội vào Đảng (nơi ít là 30%, nơi nhiều là 70%). Trong đó, có một số người vì quần chúng đảng viên thắc mắc nên huyện uỷ, quận uỷ đã thẩm tra, kết luận rõ không đủ tư cách đảng viên và đã đưa ra khỏi Đảng. Nhưng cũng còn nhiều trường hợp tuy đã rõ ràng không đủ tư cách đảng viên mà vẫn chưa kiên quyết đưa ra khỏi Đảng. Nhiều nơi vẫn chưa kiểm tra lại những đảng viên mới kết nạp từ 1975 đến

nay và đưa ra khỏi Đảng những trường hợp kết nạp nhằm vào Đảng như Chỉ thị 237, ngày 24-9-1976 của Ban Bí thư¹⁾ đã quy định. Ban Bí thư nhắc các cấp uỷ chú ý:

1. Đối với những trường hợp đã thẩm tra và kết luận là những phần tử phạm tiêu chuẩn chính trị, những phần tử sa sút về phẩm chất, những phần tử cơ hội, những người lịch sử không rõ ràng thì kiên quyết đưa ngay ra khỏi Đảng.

2. Những nơi chưa kiểm tra lại các đảng viên mới kết nạp như Chỉ thị 237 của Ban Bí thư quy định thì phải tổ chức ngay việc kiểm tra để kết luận rõ từng trường hợp. Nếu thấy không đủ tiêu chuẩn là đảng viên thì phải đưa ngay ra khỏi Đảng.

3. Những đảng viên vì cảm tình nể nang, vì động cơ xấu hoặc bị mua chuộc mà cố tình xác nhận hoặc bảo đảm để đưa vào Đảng những người phạm tiêu chuẩn chính trị, những phần tử xấu, nay vẫn không thật thà báo cáo với Đảng thì phải khai trừ ra khỏi Đảng.

4. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, cần rút kinh nghiệm và bồi dưỡng cho tổ chức cơ sở đảng và đảng viên nắm vững những quy định của *Điều lệ Đảng* và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục kết nạp người vào Đảng và các bản hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Từ nay, công tác phát triển đảng phải tiến hành một cách thật chặt chẽ, thông qua phong trào quần chúng thực hiện các nhiệm vụ của Đảng và các hoạt động của các tổ chức quần chúng.

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr. 299 (B.T).

5. Trong các ban tổ chức của cấp uỷ phải có một tổ cán bộ chuyên trách kiểm tra, theo dõi công tác phát triển đảng, có nhiệm vụ:

a) Giúp cấp uỷ thường xuyên kiểm tra xem xét trước những đối tượng định kết nạp vào Đảng để phát hiện và ngăn ngừa việc kết nạp nhằm những người không đủ tiêu chuẩn đảng viên vào Đảng và kịp thời phát hiện, thẩm tra, kết luận những trường hợp không đủ tiêu chuẩn đã kết nạp vào Đảng để đưa ra khỏi Đảng.

b) Kiểm tra việc hướng dẫn thực hiện phương hướng, phương châm, tiêu chuẩn, thủ tục, biện pháp kết nạp đảng viên mới và phổ biến những kinh nghiệm cho các cơ sở.

c) Ban Tổ chức Trung ương cần tiếp tục cử cán bộ đi kiểm tra, rút kinh nghiệm việc chấp hành *Điều lệ Đảng* và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác phát triển đảng, đồng thời bồi dưỡng cho cán bộ tổ chức tỉnh, huyện biết làm công tác phát triển đảng.

Các cấp uỷ cần có kế hoạch khẩn trương thực hiện tốt Thông tri này, chậm nhất là tháng 12-1978 phải kiểm tra xong những đảng viên mới được kết nạp từ 1974 lại đây, và hàng tháng báo cáo Ban Bí thư biết kết quả.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 47-CT/TW, ngày 16 tháng 6 năm 1978

Về công tác giáo dục ở các tỉnh, thành miền Nam trong ba năm tới (1978 - 1980)

I

Thực hiện Chỉ thị số 221-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng¹⁾ về công tác giáo dục, trong ba năm qua, các tỉnh, thành ở miền Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp giáo dục.

Hệ thống giáo dục của Mỹ - ngụy đã bị xoá bỏ. Chúng ta đã quốc lập hoá các trường học tư, xây dựng hệ thống giáo dục mới, thi hành chế độ giáo dục không mất tiền, bước đầu phát triển nền giáo dục xã hội chủ nghĩa.

Nạn mù chữ đã được thanh toán về cơ bản. Hàng chục vạn người lao động đang theo học các lớp bổ túc văn hoá ngoài giờ làm việc. Hơn ba vạn cán bộ, chiến sĩ và thanh niên ưu tú đang theo học trong các trường bổ túc văn hoá tập trung.

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36, tr.235 (B.T).

Nhà trẻ và lớp mẫu giáo phát triển khá nhanh ở một số địa phương. Các trường phổ thông phát triển rộng rãi, thu hút đông đảo con em nhân dân lao động vào học. Cuộc vận động thi đua "dạy tốt, học tốt" đang trở thành phong trào quần chúng trong ngành giáo dục và bước đầu thu được một số kết quả tốt.

Việc thu nhận, giáo dục và sử dụng số giáo viên mới giải phóng đã được giải quyết tương đối tốt. Hệ thống các trường sư phạm nhanh chóng được hình thành ở tất cả các tỉnh và thành phố, đã đào tạo thêm hàng vạn giáo viên mới. Đội ngũ giáo viên hiện có trên 11 vạn người bao gồm giáo viên kháng chiến, giáo viên mới giải phóng và giáo viên mới được đào tạo, đã cùng nhau đoàn kết, phấn đấu xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa.

Bộ máy quản lý giáo dục bước đầu được xây dựng ở các cấp từ tỉnh, thành đến trường học. Các đoàn thể quần chúng như Công đoàn giáo dục Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh đang được phát triển, góp phần phát huy quyền làm chủ tập thể của giáo viên và học sinh trong các trường học.

Tuy nhiên, trong công tác giáo dục ở miền Nam hiện nay, còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết tốt. Trình độ văn hoá của nhiều cán bộ, đảng viên và thanh niên còn quá thấp, nhưng công tác bổ túc văn hoá ở nhiều địa phương, nhất là bổ túc văn hoá cho cán bộ, đảng viên và thanh niên ưu tú, chưa được chú ý đúng mức. Một số người lao động còn mù chữ, số người vừa thoát mù chữ tiếp tục học lên còn ít. Phần lớn trẻ em chưa được vào nhà trẻ và lớp mẫu giáo. Còn 30% thiếu niên trong độ tuổi (từ 6 đến 15 tuổi) chưa được vào

trường phổ thông. Đội ngũ giáo viên còn thiếu nhiều và nhiều người chưa đạt được trình độ chính trị và nghiệp vụ cần thiết. Hệ thống các trường sư phạm chưa được củng cố. Công tác chính trị và tư tưởng trong trường học còn yếu và lực lượng để làm công tác này còn rất mỏng. Trường sở ở nhiều nơi, nhất là ở nông thôn và miền núi, còn quá sơ sài, nhưng nhiều địa phương chưa chú ý phát động quần chúng tham gia việc xây dựng. Hệ thống quản lý giáo dục, nhất là cấp huyện, quận và các trường cấp I, II còn yếu. Các đoàn thể quần chúng trong trường học phát triển còn chậm. Nhà trường chưa gắn chặt với các phong trào cách mạng của quần chúng địa phương. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp uỷ đảng và uỷ ban nhân dân các cấp đối với công tác giáo dục tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa được tăng cường đúng mức, do đó những nhược điểm và thiếu sót nói trên chưa được kịp thời khắc phục.

II

Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam, trong ba năm tới (1978 - 1980), cần tiếp tục phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp giáo dục, tạo thêm điều kiện để hoàn thành việc thống nhất nền giáo dục trong cả nước. Cụ thể là phải:

1. Đẩy mạnh công tác bồi túc văn hoá cho cán bộ, đảng viên và thanh niên ưu tú; triệt để hoàn thành xoá mù chữ, từng bước phổ cập cấp I cho nhân dân lao động, trước hết cho thanh niên

Các tỉnh và thành phố cần có quy hoạch về *bồi túc văn*

hoá cho cán bộ, đảng viên và thanh niên ưu tú, nhằm nhanh chóng phổ cập cấp I cho anh chị em, nâng trình độ văn hoá của cán bộ chủ chốt cấp huyện, cấp tỉnh lên cấp II, và của cán bộ trẻ, đảng viên trẻ và thanh niên ưu tú lên cấp III để chuẩn bị tốt cho việc đào tạo thành cán bộ chính trị, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ ở các bậc đại học, cao đẳng và trung học.

Cần củng cố và mở rộng mạng lưới các *trường bồi túc văn hoá tập trung* ở tỉnh và ở huyện, bảo đảm tỉnh nào cũng có trường cấp II và III, huyện nào cũng có trường cấp I và II. Cần có trường riêng cho cán bộ và trường riêng cho thanh niên hoặc lập hai hệ riêng trong cùng một trường. Cần tổ chức các lớp bồi túc văn hoá trong hệ thống trường đảng và các trường chuyên nghiệp; mở các trường bồi túc văn hoá có nội trú cho thanh niên các dân tộc ít người. Chương trình học của cán bộ phải kết hợp kiến thức văn hoá phổ thông với kiến thức kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý cần thiết. Chương trình học của thanh niên (kể cả cán bộ trẻ) phải bảo đảm hệ thống kiến thức văn hoá cơ bản.

Đi đôi với các trường, lớp bồi túc văn hoá tập trung, cần mở rộng các *trường, lớp bồi túc văn hoá tại chức* ở các cơ quan và xí nghiệp (nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường), các lớp bồi túc văn hoá tại chức hay nửa tập trung ở xã, ấp, bảo đảm cho đông đảo cán bộ và thanh niên có thể tham gia học tập ngoài giờ làm việc. Cần quy định chế độ học tập thống nhất và cố gắng đưa dần vào nền nếp. Đối với một số cán bộ chủ chốt không thể thoát ly công tác để đi học chỉ cần cử giáo viên dạy kèm, vừa hướng dẫn học văn hoá phổ thông, vừa tổ chức việc phổ biến những điều thường thức về khoa học, kỹ thuật và quản lý theo nhu cầu công tác.

Cần tiếp tục *đẩy mạnh cuộc vận động nhằm triệt để hoàn thành xoá mù chữ*. Tổ chức cho tất cả thiếu niên và những người lao động lớn tuổi chưa biết chữ được học, nhanh chóng biết đọc, biết viết, đồng thời có kế hoạch *huy động những người vừa thoát mù chữ tiếp tục học lên cấp I*, đặc biệt là công nhân ở các thành phố và khu công nghiệp, nhân dân ở các vùng giải phóng cũ, các khu kinh tế mới, các vùng dân tộc ít người và các vùng tôn giáo tập trung. Cần xây dựng đội ngũ giáo viên chuyên trách bổ túc văn hoá, đi đôi với việc huy động rộng rãi vào sự nghiệp này tất cả những người có trình độ văn hoá, kể cả lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong. Tổng Công đoàn Việt Nam cần đặc biệt quan tâm tổ chức và chỉ đạo việc học bổ túc văn hoá cho công nhân, viên chức. Ngành giáo dục có trách nhiệm đào tạo giáo viên chuyên trách bổ túc văn hoá và bồi dưỡng sư phạm cho giáo viên nghiệp dư, biên soạn loại sách phổ cập những thường thức về khoa học và chính trị cho đồng bào mới biết chữ, biên soạn sách bổ túc văn hoá phù hợp với yêu cầu và trình độ tiếp thụ của từng đối tượng.

2. Phát triển mạnh mẽ và có kế hoạch nền giáo dục mầm non và nền giáo dục phổ thông, nâng cao một bước chất lượng giáo dục toàn diện

Giáo dục mầm non là một bộ phận rất quan trọng trong sự nghiệp giáo dục. Trong hoàn cảnh xã hội miền Nam, sớm phát triển giáo dục mầm non có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc giáo dục thế hệ trẻ, ngay từ tuổi thơ ấu. Vì vậy, cần có kế hoạch phát triển nhiều nhà trẻ và lớp mẫu giáo nhằm thu hút số đông trẻ em trong độ tuổi. Trước mắt, cần phát

triển mạnh ở thành thị, khu công nghiệp, công trường, khu kinh tế mới, nông trường, lâm trường, vùng dân tộc ít người, vùng tôn giáo tập trung, bước đầu phát triển ở vùng nông thôn đông dân. Các cấp uỷ đảng và Uỷ ban nhân dân các cấp cần quan tâm giải quyết cơ sở vật chất cho các nhà trẻ và lớp mẫu giáo, bảo đảm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đã có đối với các cô nuôi dạy trẻ và giáo viên mẫu giáo.

Phấn đấu *để thu hút tuyệt đại bộ phận thiếu nhi từ 6 đến 15 - 16 tuổi vào trường phổ thông cơ sở (cấp I - II), trước hết là cấp I*. Sắp xếp lại mạng lưới các trường, lớp, nhất là ở nông thôn, cho sát với điều kiện đi học của trẻ em và năng lực quản lý của cán bộ, đưa các lớp cấp I về gần chỗ ở của học sinh. Tổ chức các lớp cấp I riêng theo chương trình ngắn hạn cho những thiếu niên đã quá độ tuổi học; ở thành phố và thị trấn, có thể mở những lớp học buổi tối cho đối tượng này. Ở vùng dân tộc ít người, cần mở các trường thiếu nhi có nội trú. Ở vùng biên giới có chiến sự, cần tổ chức tốt việc học ở nơi sơ tán, phát động nhân dân trong tỉnh giúp đỡ học sinh và giáo viên nơi có chiến sự. Trong những năm trước mắt, để đáp ứng yêu cầu mở rộng việc phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở, cần đào tạo giáo viên ngắn hạn, rồi bồi dưỡng dần; đồng thời khuyến khích giáo viên dạy thêm giờ, thêm lớp (giáo viên cấp I có thể dạy 2 lớp, giáo viên cấp II có thể dạy thêm 4 - 6 giờ mỗi tuần), và có thù lao thoả đáng cho những giờ dạy thêm theo chế độ đã ban hành.

Tiếp tục phát triển giáo dục phổ thông trung học (cấp III) một cách vững chắc, bảo đảm chất lượng giáo dục. Cần đặc biệt chú ý vùng giải phóng cũ, khu lao động ở các thành thị, vùng dân tộc ít người. Đẩy mạnh hơn nữa việc tăng thêm

thành phần con em nhân dân lao động vào học các trường phổ thông trung học. Ở những vùng dân tộc ít người, cần cố gắng làm cho học sinh học hết cấp II được lên học cấp III. củng cố các trường vừa học, vừa làm hiện có theo Quyết định số 63-CP, ngày 21-3-1978 của Hội đồng Chính phủ; tỉnh nào chưa có loại trường này thì cần mở thí điểm ít nhất một trường.

Nâng cao một bước chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là về chính trị, đạo đức và kiến thức văn hoá. Cải tiến chương trình giáo dục chính trị và đạo đức cho phù hợp với yêu cầu của cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đang diễn ra mạnh mẽ ở miền Nam trong những năm trước mắt. Chú trọng giáo dục cho học sinh lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ý thức lao động mới, tôn trọng trật tự kỷ luật, pháp luật nhà nước, bảo vệ của công, giữ gìn lối sống lành mạnh, chống mọi ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới và những thói xấu của các giai cấp bóc lột, của xã hội cũ. Về kiến thức văn hoá, cần chú ý gạt bỏ những quan điểm sai lầm, nhất là về khoa học xã hội. Hướng dẫn học sinh tham gia lao động sản xuất vừa sức, có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, từng bước nâng cao tác dụng giáo dục của lao động sản xuất đối với học sinh. Hướng dẫn các hoạt động văn nghệ và thể dục, thể thao cho đúng mức, góp phần tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong các trường học.

3. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ giáo viên xã hội chủ nghĩa

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ giáo

viên xã hội chủ nghĩa có vị trí đặc biệt quan trọng để đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong ba năm trước mắt và chuẩn bị cho cải cách giáo dục. Ngành giáo dục, ngành bảo vệ bà mẹ và trẻ em và các địa phương cần có kế hoạch cụ thể, thiết thực để *củng cố, mở rộng quy mô và mạng lưới các trường sư phạm* đào tạo và bồi dưỡng cô nuôi dạy trẻ, giáo viên mẫu giáo, giáo viên phổ thông cấp I và cấp II ở tất cả các tỉnh và thành phố. Trong ba năm tới, đi đôi với việc cải tiến chương trình và phương pháp đào tạo, cần ổn định địa điểm và quy mô các trường sư phạm, xúc tiến việc xây dựng cơ sở vật chất cần thiết. Tăng cường cán bộ và cơ sở vật chất cho các trường và các khoa đại học sư phạm hiện có, chuẩn bị tốt để phát triển trong kế hoạch sau.

Trước mắt, cần kịp thời mở rộng việc đào tạo giáo viên ngắn hạn cho các cấp I, II, đồng thời có quy hoạch *tích cực đào tạo giáo viên theo hệ thống chính quy*. Nguồn tuyển sinh chủ yếu phải là thanh niên tốt có trình độ văn hoá cấp II, cấp III ở địa phương; số thanh niên này cần được chính quyền địa phương quản lý tốt và ưu tiên dành cho các trường sư phạm. Các trường sư phạm cần tổ chức bổ túc văn hoá cho giáo sinh để đạt trình độ văn hoá tiêu chuẩn trước khi vào học chính khoá sư phạm. Các tỉnh có đồng bào đi xây dựng vùng kinh tế mới cần điều động theo đủ số giáo viên cần thiết, và đưa một số đoàn viên thanh niên có văn hoá vào học các trường sư phạm của địa phương mới đến.

Bộ Giáo dục phải tích cực chuẩn bị để sớm mở hệ *đào tạo giáo viên chính trị* trong các trường đại học sư phạm và một số trường cao đẳng sư phạm. Trước mắt, cần coi trọng việc đào tạo bằng phương thức tập huấn từng phần chương trình, kịp thời đáp ứng nhu cầu hiện nay.

Cần có chương trình, kế hoạch và tổ chức thích hợp để *bồi dưỡng giáo viên về chính trị, văn hoá và nghiệp vụ*, sát với từng đối tượng, cho tất cả anh chị em mau chóng đạt trình độ đào tạo tiêu chuẩn. Kết hợp việc bồi dưỡng tập trung với bồi dưỡng tại chức.

Chăm lo cải thiện *đời sống của giáo viên và gia đình của giáo viên, nhất là nữ giáo viên*. Ủy ban nhân dân, Công đoàn giáo dục, các đoàn thể thanh niên và phụ nữ các cấp cần giúp đỡ giáo viên ổn định nơi ăn ở, giảm bớt những khó khăn trong sinh hoạt, tạo điều kiện cho giáo viên có thể tập trung sức vào công tác giáo dục. Chấp hành tốt những chế độ, chính sách đã có đối với giáo viên. Bộ Giáo dục có trách nhiệm nghiên cứu đề nghị bổ sung những chế độ, chính sách đối với giáo viên cho phù hợp với tình hình mới và yêu cầu mới, nhất là đối với những giáo viên công tác ở những địa phương có nhiều khó khăn.

4. Đẩy mạnh phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt" theo gương các điển hình tiên tiến

Cần làm cho phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt" trở thành *một phong trào cách mạng của quần chúng* trong các trường học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo nguyên lý: "Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội". Thông qua phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt" mà từng bước phát huy vai trò làm chủ tập thể của giáo viên và học sinh, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giải quyết các vấn đề do thực tiễn công tác giáo dục đề ra ở từng địa phương.

Cần coi trọng và phổ biến rộng rãi *những kinh nghiệm*

của các điển hình tiên tiến về giáo dục của cả nước và của các tỉnh, thành miền Nam. Mỗi tỉnh, thành, mỗi huyện, quận cần chỉ đạo việc xây dựng những trường học tiên tiến tiêu biểu cho từng ngành học, từng cấp học ở từng vùng khác nhau, kịp thời tổng kết kinh nghiệm của các trường học tiên tiến đó để lãnh đạo chung.

5. Tích cực xây dựng trường sở và trang bị phương tiện dạy học

Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh, thành, huyện, quận và xã, phường cần đặt vấn đề xây dựng trường sở vào *vị trí ưu tiên thích đáng* trong kế hoạch xây dựng cơ bản của địa phương, dành vật tư cần thiết cho việc này. Cần động viên nhân dân, và thầy trò các trường học tham gia làm vật liệu xây dựng, trồng cây, góp công góp của xây dựng trường sở, mua sắm bàn ghế, thiết bị, phương tiện dạy học, tổ chức thư viện... Phấn đấu trong ba năm tới, phần lớn trường học có cơ sở tương đối tốt bằng gạch ngói.

6. Tăng cường công tác quản lý giáo dục

Ngành giáo dục cần *cải tiến công tác quản lý* theo hướng: nắm vững và bảo đảm quán triệt đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng; có kế hoạch phát triển giáo dục tích cực và vững chắc; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý và giáo viên; tăng cường công tác thanh tra, và giúp đỡ tại chỗ cho cán bộ, giáo viên ở cơ sở; làm tốt việc chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung, sát thực tế từng vùng.

Phòng giáo dục huyện, quận trực tiếp chỉ đạo các trường học và phong trào giáo dục trên địa bàn huyện, quận, nên

ngày càng có vị trí, quyết định trong việc quản lý sự nghiệp giáo dục. Vì vậy, cần kiên quyết điều động một số cán bộ có năng lực từ tỉnh, thành xuống để *kiện toàn một bước cấp huyện, quận*.

Các địa phương cần chú trọng *củng cố đội ngũ cán bộ quản lý của các trường học*. Mạnh dạn đề bạt những cán bộ, giáo viên đã được thử thách và có triển vọng, kịp thời mở những lớp tập huấn ngắn ngày để bồi dưỡng cho họ về nghiệp vụ quản lý trường học.

Bộ Giáo dục và Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương cần cải tiến tổ chức và lề lối làm việc để chỉ đạo sát hơn nữa các tỉnh, thành miền Nam, kịp thời giải quyết những vấn đề đặt ra ở các địa phương.

Cần *củng cố và phát triển các đoàn thể quần chúng* trong trường học. Phát triển mạnh mẽ và vững chắc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Thu hút tất cả giáo viên và nhân viên công tác trong các trường học vào Công đoàn giáo dục; thu hút tất cả thanh niên học sinh vào Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; thu hút tất cả thiếu nhi học sinh vào Đội Thiếu niên tiên phong và Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh. Xây dựng và thực hiện quy chế mới của trường học, bảo đảm cho các đoàn thể quần chúng thật sự tham gia quản lý trường học.

Kiên quyết đưa ra ngoài ngành giáo dục và trường học những phần tử phản động về chính trị, sa đọa về đạo đức. Hết lòng kiên trì giáo dục, giúp đỡ những người chậm tiến.

Tăng cường công tác *xây dựng đảng trong ngành giáo dục* theo Chỉ thị số 16-CT/TW, ngày 10-8-1977 của Ban Bí

thư Trung ương Đảng. Phân bố lại lực lượng đảng viên ở các trường học, có kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác đảng và tất cả đảng viên về đường lối, chủ trương của Đảng và phương pháp công tác. Phát triển đảng một cách vững chắc, bảo đảm tiêu chuẩn của người đảng viên công tác trong ngành giáo dục.

Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử phản động, những đảng viên thoái hoá, biến chất về chính trị và đạo đức, gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng.

Các *cấp uỷ đảng* cần nắm vững đường lối, chủ trương, kế hoạch của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục, xây dựng và sử dụng tốt tổ chức khoa giáo của cấp uỷ và các tổ chức đảng trong ngành giáo dục và trường học để lãnh đạo công tác giáo dục. Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần kiểm điểm công tác giáo dục trong ba năm qua, bàn bạc và có nghị quyết về công tác giáo dục ở địa phương trong ba năm tới (1978 - 1980). Sau đó, cần tổ chức phổ biến Chỉ thị này của Ban Bí thư và nghị quyết của tỉnh uỷ, thành uỷ về công tác giáo dục cho các cấp đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong tỉnh và thành phố trước ngày khai giảng năm học 1978 - 1979.

T/M BAN BÍ THƯ

TỐ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 21-QĐ/TW, ngày 17 tháng 6 năm 1978

Về việc thành lập bộ chỉ huy quân sự thống nhất ở các tỉnh và thành phố

Để bảo đảm thống nhất lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ các lực lượng vũ trang, lực lượng công an, động viên nhân dân tham gia chiến đấu đánh địch, xây dựng tuyến biên giới, huy động lực lượng phía sau lên phía trước, kịp thời phát hiện và đập tan các cuộc bạo loạn trong nội địa, nhất là ở các tỉnh miền Nam;

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập bộ chỉ huy quân sự thống nhất ở tất cả các tỉnh và thành phố trong toàn quốc gồm:

- Đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ làm chính uỷ.
- Đồng chí chính uỷ bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố làm phó chính uỷ.
- Đồng chí chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố làm chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự thống nhất.

- Đồng chí giám đốc sở và trưởng ty công an làm chỉ huy phó.

2. Bộ chỉ huy quân sự thống nhất có nhiệm vụ:

- Đối với các tỉnh biên giới phía tây nam xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, phát động chiến tranh nhân dân rộng khắp ở biên giới, xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, tiêu diệt từng đơn vị quân địch, tiêu hao rộng rãi, đập tan các cuộc bạo loạn nội địa.

- Đối với các tỉnh biên giới phía đông bắc và tây bắc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, phát động quần chúng xây dựng xã chiến đấu, xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu chống địch và đập tan các cuộc bạo loạn nội địa.

- Đối với các tỉnh ở phía sau, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương; tích cực chi viện cho các tỉnh biên giới về sức người sức của theo sự phân công đã định và trên cơ sở bàn bạc thống nhất với nhau; đập tan các cuộc bạo loạn nội địa trong tỉnh.

3. Bộ chỉ huy quân sự thống nhất các tỉnh biên giới đông bắc, tây bắc và biên giới tây nam sinh hoạt theo chế độ quy định như sau:

- Sinh hoạt thường kỳ để thống nhất đánh giá tình hình và thống nhất kế hoạch công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu hoặc kế hoạch chiến đấu của các lực lượng vũ trang, lực lượng công an và kế hoạch tổ chức huy động quần chúng phát triển chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh sản xuất.

- Sinh hoạt bất thường để thống nhất đánh giá tình hình và xử trí các tình huống đột xuất.

4. Các tỉnh, thành ở phía sau thì cũng sinh hoạt định kỳ

để bàn công tác vừa sản xuất vừa xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu đập tan các cuộc bạo loạn nội địa; đồng thời tích cực chi viện cho tiền tuyến theo sự phân công đã định.

5. Đồng chí phụ trách quân sự ở tỉnh, thành phải có chân trong ban thường vụ tỉnh, thành uỷ. Bộ chỉ huy quân sự thống nhất dựa vào cơ quan bộ chỉ huy quân sự tỉnh để tổ chức thực hiện các quyết tâm, kế hoạch của mình. Các cơ quan giúp việc cho bộ chỉ huy quân sự tỉnh phải được kiện toàn cho đủ chất lượng để bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ.

6. Khi có bộ đội chủ lực của quân khu hoặc bộ đội cơ động chiến lược đóng ở địa phương hoặc đến tham gia tác chiến ở địa phương thì bộ chỉ huy quân sự thống nhất thành, tỉnh cùng với bộ tư lệnh bộ đội chủ lực chủ động hiệp đồng tác chiến và giúp đỡ lẫn nhau trên các mặt, bảo đảm giành thắng lợi chung.

7. Bộ chỉ huy quân sự thống nhất thành, tỉnh, sau khi có quyết tâm, kế hoạch công tác hoặc kế hoạch tác chiến, xây dựng lực lượng, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, thì báo cáo lên quân khu duyệt để thi hành. Trong quá trình thực hiện, chú ý bảo đảm chế độ báo cáo và xin chỉ thị kịp thời, chính xác và thống nhất cho các khu và báo cáo về Ban Bí thư theo hệ thống Đảng. Ngoài ra các tỉnh đội, ty, sở công an vẫn báo cáo công tác của mình theo hệ thống ngành dọc cho cấp trên. Cử cố các cơ quan thông tin, liên lạc để đảm bảo sự chỉ đạo và báo cáo tình hình được thông suốt, mau lẹ từ trên xuống dưới. Những nơi đang tác chiến thì phải báo cáo hằng ngày về tình hình tác chiến quân sự giữa ta và địch, còn các nơi khác thì nửa tháng báo cáo tổng hợp các mặt một lần.

8. Ở các huyện, xã và phường ở tất cả các tỉnh, thành trong toàn quốc cũng tổ chức ban chỉ huy quân sự thống nhất, thành phần cũng gồm các đồng chí như ở các tỉnh, thành, nhiệm vụ cũng như sinh hoạt theo chế độ quy định và chế độ báo cáo thỉnh thị cho cấp trên đều theo như đã quy định cho các thành, tỉnh biên giới và các tỉnh phía sau.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 47-TT/TW, ngày 26 tháng 6 năm 1978

Về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ nhất ngày ký *Tuyên bố chung, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Việt Nam và Lào (18-7-1977 – 18-7-1978)*

Ban Bí thư quyết định tổ chức kỷ niệm lần thứ nhất ngày
ký *Tuyên bố chung, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Hiệp ước
hoạch định biên giới quốc gia* giữa Việt Nam và Lào một cách
trọng thể và thiết thực, với nội dung và cách làm như sau:

I- MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, nhất
là ở Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh có
chung biên giới với bạn, các ngành, các cơ quan có quan hệ
trực tiếp với bạn, nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng
và nội dung mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong
giai đoạn mới của cách mạng thể hiện trong *Tuyên bố
chung, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Hiệp ước hoạch định*

biên giới quốc gia giữa Việt Nam - Lào được ký kết tháng
7-1977.

2. Nhân dịp này, các ngành, các cơ quan, các đơn vị hữu
quan của ta tiến hành kiểm điểm và thực hiện tốt các văn
kiện mà hai bên Việt Nam - Lào đã ký kết, tăng cường hơn
nữa quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Nêu rõ đường lối,
chính sách đúng đắn, trước sau như một của Đảng và Chính
phủ ta đối với Lào, Campuchia, các nước khác ở Đông Nam
Á và Nam Á, nêu bật những thành tích về đối ngoại của ta,
phê phán và lên án những âm mưu và hành động vu cáo, cô
lập Việt Nam, chia rẽ Việt Nam và Lào, Việt Nam và các
nước khác.

II- CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC KỶ NIỆM

A- VỀ CÔNG KHAI

1. Trao đổi điện mừng

- Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta gửi điện
chúc mừng tới các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Dân
chủ Nhân dân Lào nhân dịp kỷ niệm một năm ký *Hiệp ước
và Tuyên bố chung* giữa hai nước (Bộ Ngoại giao chuẩn bị).

- Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào gửi điện tới Hội Hữu nghị
Lào - Việt Nam (cả ở trung ương và địa phương).

2. Mít tinh quần chúng

- Mít tinh trọng thể tại Hà Nội do Hội Hữu nghị Việt
Nam - Lào và Thành uỷ Hà Nội phụ trách.

- Mít tinh tại các tỉnh có chung biên giới với bạn.

3. Trao đổi đoàn

Các tỉnh có chung biên giới với các tỉnh bạn cử đại biểu thăm hữu nghị tỉnh bạn và đẩy mạnh các kế hoạch hợp tác, giải quyết tốt các vấn đề có liên quan giữa hai bên.

- Đoàn nhà báo ta sang thăm bạn và mời đoàn nhà báo bạn sang thăm ta để viết báo giới thiệu thành tựu của nhau (Hội Nhà báo Việt Nam phụ trách).

4. Mở đợt tuyên truyền rộng rãi về tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào

- Các báo, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình có bài và chương trình đặc biệt trong dịp kỷ niệm này (Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo).

- Tổ chức tuần lễ phim "Hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào" tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các nơi có điều kiện để giới thiệu một số bộ phim của Lào xen kẽ với phim Việt Nam (Bộ Văn hoá phụ trách).

- Trưng bày một số tranh ảnh về thành tựu xây dựng đất nước của Lào, về đoàn kết Việt Nam - Lào ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng (Bộ Văn hoá phụ trách).

5. Mở rộng hình thức kết nghĩa giữa ta và bạn

- Nhân dịp này, Thủ đô Hà Nội và Thủ đô Viênchăn nên tổ chức kết nghĩa (Thành uỷ Hà Nội có kế hoạch bàn với bạn).

- Những tỉnh đã tổ chức kết nghĩa thì cần có những hình thức hoạt động thiết thực để phát huy ý nghĩa của việc kết nghĩa với bạn.

B- MỞ ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ VỀ ĐỀ TÀI "ĐOÀN KẾT HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC VIỆT - LAO"

Trên cơ sở nghiên cứu Nghị quyết 251, ngày 30-4-1975 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 21 ngày 18-10-1977 của Ban Bí thư, *Tuyên bố chung, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào*, các ngành, các cấp, các đảng bộ, nhất là các đảng bộ, các cơ quan có quan hệ công tác với Lào, liên hệ kiểm điểm phê phán những nhận thức và hành động không có lợi cho quan hệ đặc biệt Việt - Lào, bàn biện pháp thực hiện tốt những việc đã cam kết với bạn, tăng cường hơn nữa quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

C- ĐỐI VỚI CÁN BỘ, HỌC SINH BẠN ĐANG HỌC VÀ CÔNG TÁC TRÊN ĐẤT TA

Tuỳ điều kiện cụ thể ở mỗi ngành, mỗi đơn vị mà lập chương trình tổ chức kỷ niệm cho phù hợp và mời bạn cùng tham dự. Nên tổ chức toạ đàm giữa ta và bạn về truyền thống đoàn kết giữa hai nước, hai đảng (dựa vào *Tuyên bố chung* và nội dung *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào* ký ngày 18-7-1977), Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm hướng dẫn các trường văn hoá, kỹ thuật. Học sinh bạn tại các trường của Bộ Nội vụ và của quân đội do Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và Ban Cán sự Bộ Nội vụ hướng dẫn.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

**(Trích bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị
lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng
từ ngày 14 đến ngày 22 tháng 7 năm 1978)**

Thưa các đồng chí,

Trong thời gian qua, nhiều điểm trong đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước không được thi hành đến nơi đến chốn, thậm chí có khi thi hành sai lệch; nhiều khuyết điểm đã phát hiện, nhưng chậm được sửa chữa, kéo dài năm này qua năm khác; nhiều mặt công tác trì trệ, nhiều năng lực bị lãng phí, nhất là lao động, ruộng đất, thiết bị, máy móc. Nhiều mất khâu trong bộ máy lãnh đạo và quản lý xộc xệch, thậm chí hư hỏng kéo dài. Chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn không thật rõ ràng, các ngành sản xuất thường cho các ngành tổng hợp là lạm quyền, gây khó khăn, trở ngại cho sản xuất; ngược lại, các ngành tổng hợp cho các ngành sản xuất là tùy tiện, không giữ vững tiêu chuẩn định mức, không chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ, thủ tục của Nhà nước. Các cơ quan trung ương cho các địa phương là cục bộ, địa phương chủ nghĩa, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước,

không chấp hành nghiêm chỉnh những quy định chung về tổ chức, quản lý; các địa phương thì cho các cơ quan trung ương là quan liêu, gò bó sự phát triển của kinh tế địa phương, việc phân cấp quản lý làm nửa vơi, phân nhiệm vụ nhưng không phân quyền hạn, phương tiện, cán bộ. Một số cán bộ bố trí không đúng chỗ, không đảm đương được nhiệm vụ, nhưng chưa kịp thời thay thế, thậm chí có hiện tượng vì người mà đặt thêm tổ chức, thêm chức vụ. Kết quả là bộ máy ngày càng phình to, biên chế càng lớn, hiệu lực càng giảm sút, bệnh quan liêu càng nghiêm trọng. Sở dĩ có tình hình trên là do có những khuyết điểm kéo dài trong công tác tổ chức quản lý, trong công tác cán bộ và tư tưởng; nhưng nguyên nhân sâu xa là do chúng ta nắm chưa vững *quy luật kinh tế và khoa học tổ chức*.

Trong điều kiện bình thường, bộ máy đó đã tỏ ra kém hiệu lực; trước tình hình và nhiệm vụ mới, bộ máy đó lại càng tỏ ra không đủ sức đảm đương nhiệm vụ. Vì vậy, kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc trở thành một nhiệm vụ cấp bách trước mắt mà chúng ta phải giải quyết cho được một bước cơ bản, để tạo điều kiện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mới trong tình hình mới.

Mục đích của việc kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc là tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo đảm chất lượng sản phẩm; hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng kinh tế ở miền Nam; kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường lực lượng quốc phòng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhằm đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên một bước mới, đập tan mọi âm

mưu và hành động phá hoại, xâm lược... Như vậy, kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc là nhằm đáp ứng hai yêu cầu chủ yếu: xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng.

Để đạt mục đích đó, Hội nghị Trung ương lần này ra Nghị quyết về *kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc*, từ Đảng đến Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, từ cấp trung ương đến tất cả các cấp, các ngành: quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, văn hoá, xã hội. Trong đó, phải hết sức coi trọng kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế, vì đây là *chỗ yếu kém nhất* đồng thời là *khó khăn nhất* của chúng ta hiện nay. Vì vậy, ở đây, tôi chủ yếu nói rõ thêm về bộ máy quản lý kinh tế.

Việc kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế phải xuất phát từ những đòi hỏi của việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới và chế độ quản lý kinh tế theo phương thức quản lý xã hội chủ nghĩa.

Vậy cơ cấu kinh tế mới của nước ta như thế nào?

Trước hết, chúng ta cho rằng cải tạo và xây dựng kinh tế ở nước ta là nhằm tạo ra cơ cấu kinh tế mới, nên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế mới là quá trình phát triển tổng hợp cả nông nghiệp lẫn công nghiệp, kết hợp thủ công với hiện đại; là quá trình tổ chức và phân công lại lao động xã hội; quá trình hình thành *các ngành* kinh tế - kỹ thuật thống nhất cả nước, các vùng kinh tế *địa phương* và các cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy luật phát triển, khách quan của *sản xuất và tái sản xuất*, đáp ứng yêu cầu của *chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa*.

Như vậy, nói cơ cấu kinh tế bao gồm ngành, địa phương và cơ sở là nói trên quan điểm sản xuất lớn có phân công

ngày càng sâu và hiệp tác ngày càng rộng, chứ không phải nói trên quan điểm tự túc, cục bộ hẹp hòi tách rời ngành với địa phương, tách rời địa phương này với địa phương khác...; là nói theo quy luật phát triển khách quan của kinh tế - kỹ thuật, chứ không phải nói theo ý muốn chủ quan của một cấp nào. Sản xuất cũng như phân phối, kinh tế cũng như kỹ thuật phát triển theo những quy luật mà chúng ta không thể tùy tiện xóa bỏ hay thay đổi. Các hình thức tổ chức kinh tế cũng như bộ máy lãnh đạo và quản lý do chúng ta xây dựng nên, đều phải xuất phát từ những quy luật đó, đều phải nhằm đáp ứng yêu cầu của những quy luật đó.

Những sự lúng túng, xộc xệch trong tổ chức và quản lý kinh tế của ta hiện nay, chủ yếu là do chưa nắm vững những quy luật của kinh tế - kỹ thuật, chưa hiểu rõ cơ cấu ngành, địa phương và cơ sở. Vì vậy, tuy trong dự thảo nghị quyết đã trình bày tương đối kỹ những vấn đề này, nhưng ở đây, tôi xin phép nhấn mạnh một số điểm để chúng ta cùng nhau nghiên cứu.

1. Cơ sở

Quan trọng của cơ sở là ở chỗ cơ sở là nơi trực tiếp làm ra của cải vật chất; nơi sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn, thực hiện các tiêu chuẩn, định mức về kinh tế, kỹ thuật. Do đó, cơ sở có mạnh, có hoạt động tốt thì nền kinh tế mới phát triển nhanh, năng suất lao động mới tăng lên, chất lượng sản phẩm mới được bảo đảm. Mọi việc làm của cấp trên, cuối cùng đều được thực hiện và thể hiện ở cơ sở. Nếu các ngành, các địa phương không thường xuyên nắm chắc cơ sở, không chỉ nắm tình hình chung mà phải nắm những diễn biến hàng ngày của từng cơ sở, thì tiếng là có nắm kinh tế, nhưng thực

tế chẳng nắm gì cả. Cơ sở quan trọng như vậy đó, nhưng hình như nhận thức đó chưa được quán triệt, chưa biến thành những việc làm tương xứng cần thiết. Trong thực tế có những chính sách, chế độ, thể lệ của cấp trên không sát với tình hình của cơ sở, không xuất phát đầy đủ từ khả năng và nhu cầu của cơ sở, không thật sự nhằm vào người thực hiện là cơ sở. Một tình hình khá nghiêm trọng và phổ biến là xa rời cơ sở, không hiểu tình hình của cơ sở; những cái hay không được kịp thời tổng kết, phát huy, những cái dở không được kịp thời khắc phục. Có những cửa hàng mậu dịch kéo dài tệ ăn cắp suốt mấy năm liền mà các cơ quan quản lý thương nghiệp không xem xét, dòm ngó. Có những nhà máy lãng phí nghiêm trọng lao động, vật tư, thiết bị máy móc, nhưng không ai giải quyết. Mặt khác, có những chính sách, việc làm của cấp trên cản trở sự phát triển của cơ sở, không phát huy mà còn làm mai một khả năng của cơ sở. Có khi chỉ vì một vài mắc mứu giữa một hai cấp trên mà để chậm trễ hàng năm công việc của cơ sở. Đó là điều đáng tiếc. Theo tôi, không nắm chắc cơ sở, không phục vụ tốt cho hoạt động của cơ sở - đó là những biểu hiện chủ yếu của bệnh quan liêu hiện nay. Có thể nói, nếu khắc phục được tình trạng xa rời cơ sở thì coi như về cơ bản giải quyết được bệnh quan liêu.

Do chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của cơ sở, nên đã coi nhẹ việc kiện toàn bộ máy quản lý ở cơ sở, không tăng cường mà còn rút bớt cán bộ có năng lực của cơ sở, không chú ý đào tạo cán bộ cho cơ sở, thậm chí cán bộ đào tạo ra cũng rất ít bố trí cho cơ sở.

Đối với việc xây dựng các tổ chức cơ sở, nhận thức của một số cán bộ cũng chưa thật sáng tỏ. Theo tôi, tổ chức một

cơ sở như thế nào là tùy theo đặc điểm sản xuất và kỹ thuật của từng ngành, cho nên trong công nghiệp có xí nghiệp hay xí nghiệp liên hợp; trong nông nghiệp có hợp tác xã, có tổ hợp nông - công nghiệp và huyện.

Trước hết, tôi xin nói về *cơ sở trong nông nghiệp*.

Chúng ta đã biết, nhiệm vụ kinh tế hàng đầu hiện nay là ra sức phát triển nông nghiệp nhằm bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản cho xuất khẩu. Muốn làm được ba nhiệm vụ đó, nền nông nghiệp nước ta phải được cải tạo và xây dựng thành nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nông nghiệp sản xuất nhỏ không bảo đảm vững chắc đời sống của nông dân, càng không làm nổi vai trò "cơ sở để phát triển công nghiệp".

Nông nghiệp sản xuất lớn là một nền nông nghiệp phát triển toàn diện đi đôi với chuyên canh, thâm canh trên quy mô lớn; thực hiện "cách mạng xanh", thủy lợi hóa và cơ giới hóa với trình độ ngày càng cao; trồng trọt phát triển cân đối với chăn nuôi; sản xuất đi đôi với chế biến. Muốn có một nền nông nghiệp sản xuất lớn như thế, phải tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất từ cá thể thành tập thể, phải kết hợp việc cải tạo quan hệ sản xuất với việc tổ chức lại sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật mới cho nông nghiệp, phải kết hợp *ngay từ đầu* nông nghiệp với công nghiệp, sở hữu tập thể với sở hữu toàn dân, nông dân với Nhà nước. Tất cả các mặt đó phải được thực hiện đồng bộ, nhịp nhàng trong phạm vi toàn ngành cũng như trên quy mô từng địa phương, từng cơ sở. Chúng ta đều biết chỉ trong sản xuất nhỏ mới có "nông nghiệp chay, nông nghiệp thuần túy"; còn trong sản xuất lớn,

hiện đại thì nông nghiệp bao giờ cũng gắn liền với công nghiệp thành một cơ cấu bên trong; hoạt động nông nghiệp và hoạt động công nghiệp lồng vào nhau, gắn bó với nhau như hai công đoạn của một quy trình sản xuất; lao động nông nghiệp dính chặt với lao động công nghiệp. Quy luật phát triển khách quan đó của sản xuất nông nghiệp đòi hỏi phải có một hình thức tổ chức nông nghiệp thích hợp, trong đó trông trọt phải cân đối với chăn nuôi, sản xuất phải đi đôi với chế biến, bảo đảm tăng nhanh cả năng suất sinh vật lẫn năng suất lao động. Do đó, đơn vị cơ bản hoàn chỉnh của nông nghiệp không thể chỉ là những hợp tác xã tồn tại riêng lẻ, mà *hợp tác xã phải cùng với các tổ chức kinh tế khác trên địa bàn huyện gắn với nhau thành một cơ cấu*, trong đó nòng cốt là *nông - công nghiệp*. Nói cách khác, phải từ cá thể cải tạo thành hợp tác xã, từ hợp tác xã phát triển thành đơn vị tổng hợp nông - công nghiệp là huyện thì mới thật sự có sản xuất lớn trong nông nghiệp. Khác với công nghiệp, trong một đơn vị cơ bản của nông nghiệp sản xuất lớn, có kinh tế huyện, kinh tế hợp tác xã và kinh tế gia đình; có sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu gia đình; có hoạt động nông nghiệp và hoạt động công nghiệp. Cho nên, trong điều kiện nước ta hiện nay, tuy chúng ta vẫn coi các *hợp tác xã là những đơn vị hạch toán kinh tế độc lập*; nhưng đứng về *tổ chức sản xuất* để tạo nên nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải lấy huyện làm đơn vị cơ bản để xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp, trong đó kết hợp chặt chẽ sản xuất với lưu thông, phân phối; bảo đảm cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa mua vào và bán ra, giữa nhu cầu trước mắt và tích lũy cho tái sản xuất mở rộng. Đó là phương

thức tất yếu của sản xuất nông nghiệp nước ta trên con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trước mắt, nó đặt ra hàng loạt vấn đề về tổ chức sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, về tổ chức thu mua và cung ứng hàng hoá theo hợp đồng hai chiều, về phân phối thu nhập...

Chỉ với phương thức đó, chúng ta mới có thể sử dụng hợp lý đất đai theo hướng chuyên canh, tổ chức và phân công lại lao động, để mở thêm ngành nghề, tăng năng suất lao động và thu nhập, tăng khả năng xuất khẩu; đồng thời đưa nông dân đi vào một quan hệ sản xuất mới cao hơn, vì họ không gắn bó với nhau trong một quan hệ tập thể mà còn gắn bó với Nhà nước, với công nhân, với cả xã hội thông qua việc kết hợp sở hữu tập thể với sở hữu toàn dân trên phạm vi huyện. Điều đặc biệt quan trọng là phương thức sản xuất đó tạo ra *sức mạnh tổng hợp* trên cả huyện, để phát triển và củng cố hợp tác xã, để làm thuỷ lợi và xây dựng các cơ sở vật chất khác cho sản xuất, cho đời sống: trường học, nhà trẻ, bệnh viện...

Phương thức sản xuất đó cho phép *tổ chức tốt đời sống nhân dân*, không những bảo đảm được nhu cầu vật chất và văn hoá mà còn kết hợp hài hoà đời sống riêng của từng gia đình với đời sống chung của tập thể; vừa khuyến khích người lao động hăng hái làm việc, vừa bảo đảm đời sống cho người già, trẻ em, bước đầu hình thành một chế độ mới thật sự.

Đó cũng là hình thức tổ chức thích hợp để *kết hợp kinh tế với quốc phòng, trị an*, làm cho mỗi huyện không những là một đơn vị kinh tế mạnh, mà còn là một pháo đài chiến đấu tốt (trước đây, chúng ta chỉ mới nói "làng chiến đấu", bây giờ là "huyện chiến đấu" thì sức mạnh sẽ được nhân lên gấp bội).

Vị trí cực kỳ quan trọng nói trên của địa bàn huyện đối với sản xuất, đời sống và quốc phòng đòi hỏi chúng ta phải có cách nhìn mới đối với vấn đề huyện, có quyết tâm mới trong việc xây dựng huyện, nhất là trong tình hình hiện nay. Chúng ta không cần chờ làm xong thí điểm, vì hiện nay, có nhiều vấn đề đã có thể kết luận được rồi. Chỉ thị 33 của Bộ Chính trị về huyện đã nêu ra những việc có thể làm ngay. Các ngành, các tỉnh, thành phố phải phối hợp với nhau mà làm trên từng loại huyện những công việc sau đây: kiện toàn bộ máy cấp huyện; phân cấp quản lý cho huyện; quy hoạch lại sản xuất và lao động của huyện; phát động phong trào sản xuất, xây dựng và chiến đấu; tổ chức đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân, v.v..

Trong năm 1978, trước hết tập trung sức xây dựng các huyện biên giới, đồng thời từng bước xây dựng các huyện khác trong cả nước, để đến năm 1980, tạo ra một bộ mặt mới trên khắp các huyện.

Trong việc xây dựng huyện, phải nắm vững phương châm: "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Nhà nước phải hết sức lo, tìm mọi cách giúp đỡ tốt nhất các địa phương, nhưng các địa phương phải biết tự lực, phải từ trong lao động, đất đai... vốn có của mình mà tiến lên, không nên đòi hỏi quá nhiều ở Nhà nước.

Việc xây dựng huyện phải đi đôi và phải nhằm xây dựng và củng cố tốt hợp tác xã, xoá bỏ tính chất phường hội, sản xuất nhỏ của hợp tác xã, làm cho các hợp tác xã thật sự trở thành những tế bào của nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. Trong đó, ruộng đất được sử dụng hợp lý theo hướng chuyên

canh; lao động được tổ chức và quản lý chặt chẽ; sản xuất được tiến hành theo hướng thâm canh, bảo đảm kịp thời vụ, bảo đảm các yêu cầu của kỹ thuật canh tác tiên tiến, tăng nhanh cả năng suất sinh vật lẫn năng suất lao động; phân phối được công bằng, thể hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Theo phương hướng đó, ở miền Bắc, các cơ quan quản lý nông nghiệp và các cấp địa phương phải nắm lại tình hình các hợp tác xã, phân loại khá - kém, để có kế hoạch cụ thể củng cố trong vài năm, nhằm thanh toán cho được tình trạng kém nát, đưa tất cả các hợp tác xã lên trình độ khá. Ở miền Nam, phải đẩy mạnh phong trào lập tập đoàn sản xuất và xây dựng hợp tác xã, để đến năm 1980, cơ bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp, tạo ra bộ mặt mới trong sản xuất nông nghiệp và nông thôn miền Nam, xây dựng hậu phương vững mạnh. Muốn thế, điều có ý nghĩa quyết định là một mặt phải ra sức xây dựng và củng cố các cơ sở đảng, phải đào tạo cán bộ tại chỗ; mặt khác gấp rút điều động hàng loạt cán bộ quản lý và kỹ thuật về tăng cường cho hợp tác xã.

Cơ sở trong công nghiệp là xí nghiệp hay xí nghiệp liên hợp.

Dựa theo phương hướng xây dựng cơ cấu kinh tế mới trong cả nước cũng như trên từng địa phương, sẽ dần dần mọc lên những khu công nghiệp mới thuộc các ngành then chốt làm xương sống cho hệ thống công nghiệp, đồng thời ở các tỉnh, huyện sẽ có những cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ sản xuất công cụ thường, sửa chữa máy móc, thiết bị, chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng, những hàng hoá có thể xuất khẩu, sản xuất vật liệu xây dựng... nhằm phục vụ sản

xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phục vụ quá trình tổ chức và phân công lại lao động, thúc đẩy tăng năng suất lao động, bảo đảm nhu cầu đời sống và tái sản xuất mở rộng.

Như vậy, cùng với quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, hệ thống công nghiệp sẽ từng bước hình thành bao gồm nhiều loại cơ sở với quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau gắn chặt với nông nghiệp thành cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại trong cả nước, cơ cấu công - nông nghiệp trong từng tỉnh, thành phố và cơ cấu nông - công nghiệp trong từng huyện.

Trước mắt, qua một thời gian xây dựng mới và nhờ tiếp thụ được một số cơ sở do chế độ cũ để lại, chúng ta hiện có hàng ngàn cơ sở thuộc các ngành công nghiệp khác nhau. Nhưng do có nhiều khuyết điểm về tổ chức và quản lý, nên hiện nay các cơ sở nông nghiệp có nhiều mặt yếu kém, không phát huy hết năng lực sản xuất, lãng phí nghiêm trọng lao động, thiết bị, máy móc. Vì vậy nhiệm vụ cấp bách trước mắt là phải nắm lại tình hình của từng cơ sở, để tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên môn hoá ngày càng sâu và hiệp tác ngày càng rộng. Phải vừa tổ chức lại, vừa trang bị thêm và mở rộng ra để tăng nhanh công suất; vừa xây dựng hình thức quốc doanh, vừa coi trọng hình thức hợp tác, nhất là trong công nghiệp địa phương - đó cũng là một tất yếu của quá trình đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Muốn thế, đi đôi với việc bổ sung, điều chỉnh thiết bị, máy móc, chúng ta phải quan tâm đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đủ sức nắm vững kỹ thuật, bảo đảm yêu cầu mở rộng sản xuất. Từng ngành, từng địa phương phải đi sâu xuống các cơ sở để làm tốt những công việc này.

Phải làm cho các cơ sở có quyền tự chủ về tài chính, có điều kiện thực hiện hạch toán kinh tế, bảo đảm sản xuất, kinh doanh có *hiệu quả* lớn nhất. Làm như vậy là để thúc đẩy việc quản lý chặt chẽ lao động, vật tư, tiền vốn, chống tham ô, lãng phí, phát huy mọi khả năng sáng tạo của cơ sở. Xí nghiệp nào làm tốt phải được khen thưởng thích đáng, được tăng phúc lợi, tạo ra sự nhất trí hoàn toàn giữa quyền lợi riêng của từng người công nhân với quyền lợi tập thể của xí nghiệp và quyền lợi chung của Nhà nước. Sự nhất trí về quyền lợi đi đôi với việc nâng cao không ngừng ý thức làm chủ tập thể, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của người công nhân, sẽ là một động lực vô cùng mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của xí nghiệp.

Là những tổ chức kinh tế hiện đại, sản xuất ra những sản phẩm có giá trị lớn, các xí nghiệp, trong quá trình sản xuất, nhất thiết phải làm đúng các quy trình, quy phạm kỹ thuật, đo lường chính xác để bảo đảm *chất lượng sản phẩm*, chống làm ẩu, làm dối.

Mỗi xí nghiệp thuộc về một ngành, đồng thời được bố trí trên một địa phương nhất định. Do đó, phải xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa xí nghiệp với ngành, giữa xí nghiệp với địa phương. Quan hệ giữa xí nghiệp với ngành chủ yếu là quan hệ trong việc thực hiện kế hoạch về sản xuất, về kỹ thuật. Còn quan hệ giữa xí nghiệp với địa phương, chủ yếu là quan hệ về cung ứng đời sống, về xây dựng cơ cấu hạ tầng: giao thông, vận tải, điện, nước...

Để xí nghiệp làm tốt những nhiệm vụ nói trên, điều đặc biệt quan trọng là phải kiện toàn cho được cơ quan quản lý xí nghiệp. Phải chăm lo đào tạo giám đốc, quản đốc, bí thư đảng

uỷ; xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa giám đốc, đảng uỷ, công đoàn, đoàn thanh niên, để vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện tốt chế độ thủ trưởng, đồng thời phát huy cao độ quyền làm chủ của quần chúng công nhân.

Ban Công nghiệp, các bộ, tổng cục công nghiệp cùng với các cơ quan tài chính, vật tư, kế hoạch và các địa phương phải có kế hoạch củng cố và kiện toàn các cơ sở công nghiệp, để trong vòng một vài năm xóa bỏ tình trạng yếu kém, trì trệ, hư hỏng, đưa tất cả các xí nghiệp đi vào làm ăn có nền nếp quy củ, bảo đảm đạt và vượt mức năng suất lao động, các định mức kinh tế, kỹ thuật của thời kỳ trước chiến tranh.

Ở đây, tôi chỉ nói đến các cơ sở sản xuất nông nghiệp và công nghiệp; còn các cơ sở thương nghiệp, cung ứng vật tư thì trong dự thảo nghị quyết đã nói đầy đủ. Đề nghị các đồng chí phụ trách các ngành thương nghiệp, vật tư cùng với các địa phương, trong một thời gian ngắn, chấn chỉnh cho được hệ thống thương nghiệp, vật tư và tất cả các cửa hàng bán lẻ trong cả nước; trước hết, phải kiên quyết ngăn chặn và chấm dứt tình trạng ăn cắp, móc ngoặc, cửa quyền, gây phiền hà cho người tiêu dùng. Một mặt, phải tạo thành cuộc vận động cách mạng sôi nổi của đông đảo quần chúng, nhất là của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong các ngành thương nghiệp, vật tư lên án mạnh mẽ, bài trừ triệt để các hiện tượng tiêu cực. Mặt khác, phải trừng trị nghiêm khắc không chút nể nang những phần tử hư hỏng, những con sâu một đục khoét tài sản của Nhà nước, của nhân dân; đồng thời kịp thời khen thưởng thích đáng những người tốt, việc tốt.

2. Địa phương

Trong quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất

lớn xã hội chủ nghĩa, sự phân công lao động nói riêng và sự phát triển kinh tế nói chung được diễn ra trước hết trên từng địa phương; các tài nguyên đất đai, rừng, biển cũng tồn tại trên từng địa phương. Vì vậy, *địa phương là một đơn vị tổ chức sản xuất*, kết hợp lao động với tài nguyên để làm ra của cải vật chất phù hợp với quy luật phát triển khách quan của kinh tế trong bước đi ban đầu là: không có sự "tự do phát triển", không có quá trình "dân chủ hoá" thì kinh tế không thể phát triển được; muốn có tập trung trên quy mô cả nước, trước hết phải có tích tụ ở từng cơ sở, từng địa phương. Từ sản xuất nhỏ tiến lên, chúng ta không thể bỏ qua được quy luật khách quan đó. Nhưng chúng ta tiến lên không phải sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa mà là sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, do đó, sự "tự do phát triển", "dân chủ hoá kinh tế" nói đây không phải chủ yếu là "tự do, dân chủ" cho từng cá nhân, từng hộ, mà chủ yếu là cho cả một tập thể, một địa phương trên cơ sở của một đường lối và kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất. Cũng vì tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cho nên chúng ta không đơn thuần chờ sự tích tụ của các cơ sở và các địa phương, mà đi đôi với việc khuyến khích, tạo điều kiện cho sự tích tụ ở các cơ sở, các địa phương và mở rộng sự phân công hiệp tác quốc tế, chúng ta có thể lợi dụng những ưu thế của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, để tiến hành *ngay từ đầu* sự tập trung, thống nhất trên những mặt cơ bản của nền kinh tế quốc dân. Nói cách khác, tích tụ và tập trung, tập trung và tích tụ là hai mặt gắn liền với nhau một cách hữu cơ, đưa nền kinh tế nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Càng mở rộng tích tụ thì càng có cơ sở để tiến hành tập trung; đồng thời biết tập trung đúng lúc,

đúng mức thì càng phát huy được hiệu quả của tích tụ và tạo điều kiện mở rộng tích tụ. Đó là một quy luật phát triển của kinh tế, đồng thời là một nghệ thuật trong chỉ đạo và quản lý kinh tế.

Trong kinh tế xã hội chủ nghĩa, việc phân phối cho tiêu dùng được thực hiện một cách có kế hoạch, vừa trực tiếp cho từng cá nhân vừa thông qua tổ chức tập thể. Vả chăng, như chúng ta đã biết, việc phân phối trong chủ nghĩa xã hội không những nhằm thoả mãn nhu cầu của đời sống, mà còn phải thể hiện quyền làm chủ của người lao động trong phân phối, trong việc tổ chức đời sống vật chất và văn hoá. Vì vậy, khi nói đến xây dựng cơ cấu sản xuất lớn, phát triển kỹ thuật, chúng ta phải nắm vững ngành; nhưng để tổ chức đời sống cho nhân dân (đời sống cá nhân và đời sống tập thể), chúng ta phải dựa vào địa phương, *lấy địa phương làm đơn vị tổ chức*. Như vậy, chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa quyết định vai trò cực kỳ quan trọng của địa phương. Không qua địa phương, không thực hiện được mục đích cơ bản của sản xuất xã hội chủ nghĩa là bảo đảm đời sống nhân dân, không thực hiện được quyền làm chủ của nhân dân trong phân phối và trong tổ chức đời sống. Chính quyền địa phương là người đại diện cho trung ương đồng thời đại diện cho nhân dân địa phương, để thực hiện nhiệm vụ đó.

Ngoài nội dung kinh tế, chúng ta còn coi mỗi địa phương là một đơn vị chiến đấu, đơn vị kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Để các địa phương có thể làm tròn đồng thời cả ba nhiệm vụ: sản xuất, tổ chức đời sống, quốc phòng thì phải mở rộng đủ quyền hạn và giao đủ trách nhiệm cho các địa phương, tạo điều kiện thuận lợi và địa bàn hoạt động rộng rãi cho các địa

phương. Chúng ta phải thấy, nếu các địa phương làm tốt được những nhiệm vụ đó - không chỉ của địa phương mà của cả bản thân trung ương - thì trung ương có điều kiện tập trung sức xây dựng những công trình quan trọng, những ngành then chốt.

Trước mắt, phải tiến hành thật tốt việc phân cấp quản lý cho các địa phương với những nội dung đã nêu ra trong dự thảo nghị quyết. Từ nay đến cuối năm, Hội đồng Chính phủ và các cơ quan trung ương phải giải quyết cho xong vấn đề này. Ngành nào không chịu làm hoặc không biết làm, đề nghị Hội đồng Chính phủ giúp đỡ cụ thể, đốc suất gắt gao, quy trách nhiệm rõ ràng.

Các địa phương phải cố gắng vươn lên làm tròn trách nhiệm của mình trước trung ương và nhân dân địa phương, phải bảo đảm cho được đời sống của nhân dân địa phương, đồng thời nhất thiết phải làm đầy đủ nghĩa vụ của trung ương giao. Ngoài việc bảo đảm những nhu cầu trước mắt, các địa phương còn phải biết thông qua xuất, nhập khẩu để xây dựng công nghiệp địa phương, trang bị kỹ thuật mới cho các ngành kinh tế trong địa phương, trước hết là phục vụ việc từng bước hiện đại hoá nông nghiệp. Để phát triển kinh tế địa phương, các tỉnh, thành phố, các huyện không nên chỉ trông chờ sự đầu tư của ngân sách nhà nước mà phải chủ động thông qua tín dụng của ngân hàng để vay vốn.

Lần này, chúng ta xác định rõ hơn vị trí trọng yếu và trách nhiệm nặng nề của địa phương, cho nên trong nội dung phân cấp có một điểm quan trọng cần nhấn mạnh là: trên cơ sở bảo đảm các chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch nhà nước, các địa phương có *quyền chủ động mở rộng sản xuất, kinh doanh, kể cả kinh doanh xuất khẩu; được quyền giao thiệp với nhau*

về hợp tác sản xuất, về trao đổi mọi loại sản phẩm của địa phương, để phát huy hết sáng kiến, sử dụng hết khả năng của địa phương. Hội đồng Chính phủ cần có chính sách và quy định cụ thể về vấn đề này.

3. Ngành

Nói đến cơ cấu của sản xuất lớn hiện đại, trước hết phải nói đến *ngành sản xuất - kỹ thuật*, vì ngành sản xuất - kỹ thuật là những tổ chức cơ bản của nền sản xuất cơ khí hoá. Mỗi ngành là một lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội. Sự cân đối của sản xuất và tái sản xuất, trước hết và chủ yếu là cân đối giữa các ngành sản xuất - kỹ thuật. Nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ muốn tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vừa phải qua sự phát triển của kinh tế địa phương, vừa phải qua sự hình thành và lớn lên không ngừng của các ngành sản xuất kỹ thuật; nhất là khoa học - kỹ thuật muốn đi vào sản xuất, nhất thiết phải qua sự hoạt động của các ngành. Vai trò "then chốt" của cách mạng khoa học - kỹ thuật đã vạch rõ tầm quan trọng của việc xây dựng các ngành sản xuất - kỹ thuật, đã xác định vị trí then chốt của các ngành sản xuất - kỹ thuật trong cơ cấu kinh tế mới của nước ta. Cái yếu kém cơ bản của nền kinh tế nước ta hiện nay chính là các ngành sản xuất - kỹ thuật chưa lớn mạnh, không đồng bộ, không hỗ trợ được cho nhau, thậm chí có nhiều ngành chưa hình thành. Công nghiệp không phục vụ nổi nông nghiệp, nhưng nông nghiệp cũng không làm được "cơ sở cho công nghiệp phát triển"...

Vì vậy, xây dựng, củng cố các ngành sản xuất - kỹ thuật là một nhiệm vụ có tính chiến lược, cả trước mắt lẫn lâu dài.

Trong các kế hoạch kinh tế dài hạn cũng như ngắn hạn, đều phải đặt rõ nhiệm vụ xây dựng các ngành sản xuất - kỹ thuật, làm cho các ngành ngày càng lớn mạnh, dần dần trở thành những trụ cột của nền kinh tế quốc dân.

Về phần mình, các cơ quan quản lý ngành phải làm tốt những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

1. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch dài hạn về phát triển ngành. Trên cơ sở đó, thực hiện tốt kế hoạch hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt của nền kinh tế quốc dân, đồng thời tiến hành tái sản xuất mở rộng trong toàn ngành.

2. Tiến hành chuyên môn hoá và hiệp tác sản xuất trong nội bộ ngành và giữa ngành này với ngành khác, nhằm sử dụng năng lực sản xuất của ngành với hiệu quả cao nhất. Phải khắc phục tình trạng "khép kín" trong từng xí nghiệp, từng ngành - vì đó cũng chỉ là một cách tổ chức theo lối sản xuất nhỏ - mà hậu quả tai hại là lãng phí thiết bị, máy móc.

3. Xác định phương hướng phát triển khoa học - kỹ thuật của ngành trên cơ sở quán triệt đường lối cách mạng khoa học - kỹ thuật của cả nước; gắn việc nghiên cứu với việc ứng dụng, đưa nhanh những tiến bộ về khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất. Công nhân lành nghề là một nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển của ngành, cho nên các ngành phải rất coi trọng công tác đào tạo công nhân, có kế hoạch cụ thể về đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật cho toàn ngành.

4. Xây dựng chính sách và kế hoạch vật tư cho ngành. Loại nào có thể sản xuất trong nước thì chủ động tổ chức khai thác; loại nào cần mua nước ngoài thì phải nắm vững sự cân đối giữa yêu cầu sản xuất và khả năng nhập khẩu nguyên liệu, phải có kế hoạch xuất nhập tích cực để tạo

vật tư cho mình, không nên chỉ một chiều đòi hỏi vật tư ở Nhà nước.

5. Cùng với Chính phủ xây dựng chính sách và chế độ quản lý của ngành, làm cho chính sách của ngành trở thành chính sách kinh tế của Nhà nước. Từng ngành phải soát xét, sửa đổi những thủ tục, thể lệ không hợp lý, tránh gây phiền hà cho những đối tượng mà ngành phải phục vụ.

Như vậy là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý ngành rất lớn. Họ cần được Nhà nước giao đầy đủ quyền hạn và phương tiện, để có thể tiến hành tốt sản xuất và tái sản xuất mở rộng không ngừng trong toàn ngành.

Trước mắt, về mặt kiện toàn các ngành sản xuất - kỹ thuật, có hai việc lớn cần làm ngay:

Một là, tổ chức lại sản xuất của ngành trong cả nước; xây dựng nhóm sản phẩm, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp để tạo ra cơ cấu kinh tế mới của ngành. Công việc này cần cố gắng thực hiện cho xong trong vòng một vài năm.

Hai là, tổ chức lại bộ máy quản lý của ngành, giảm mạnh biên chế, bỏ cục, bỏ vụ, bỏ những cơ quan trung gian không cần thiết, tạo ra quan hệ trực tiếp giữa giám đốc xí nghiệp với bộ và tổng cục.

Các ngành tổng hợp.

a) *Ủy ban Kế hoạch.* Trong nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, phải trải qua nhiều sự đổ vỡ, phá sản mới hình thành được những cân đối tạm thời trong kinh tế. Còn trong nền sản xuất nhỏ thì không có cân đối của toàn bộ nền sản xuất xã hội, mà chỉ có kế hoạch của từng người sản xuất, từng gia đình. Vậy nước ta đang ở trong buổi đầu của quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta

phải tiến hành kế hoạch hoá như thế nào? Xây dựng cân đối ra sao? Cái gì nên tập trung, cái gì nên để rộng quyền dân chủ cho cấp dưới? Chẳng hạn như hiện nay, kế hoạch nhà nước trung ương chỉ mới bao quát được khoảng 600 mặt hàng, dù là những mặt hàng quan trọng nhất, trong khi xã hội có hàng ngàn, vạn mặt hàng. Do nhận thức không thật rõ thực tế khách quan đó, cho nên chúng ta có nhiều khuyết điểm trong công tác kế hoạch hoá như quan liêu, thoát ly thực tế... Chúng ta không đủ sức kế hoạch hoá tất cả một cách tập trung, nhưng cũng không mạnh dạn mở rộng quyền cho cấp dưới. Chúng ta không đủ sức từ bên trên, bảo đảm tất cả mọi nhu cầu, nhưng cũng không tạo điều kiện cho cấp dưới vươn lên đảm đương nhiệm vụ. Kết quả là một số nhu cầu của đời sống không được thoả mãn mà nhiều khả năng sản xuất cũng không được khai thác hết; kế hoạch nhà nước vừa không tích cực, vừa không vững chắc. Thậm chí có khi làm kế hoạch, chúng ta quá nhấn mạnh vào khả năng viện trợ, nêu ra một số ước đoán về chỉ tiêu, do đó kế hoạch vừa không khoa học, vừa không cách mạng, không nắm vững cái chỗ dựa cơ bản, cái vốn quý nhất, lớn nhất của ta hiện nay là lao động, đất đai, rừng, biển và những thiết bị, máy móc hiện có.

Chúng ta đề ra chế độ "kế hoạch hoá ba khâu" (trung ương, địa phương, cơ sở), coi trọng làm kế hoạch từ dưới lên là phù hợp với quy luật phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phù hợp với tình hình thực tế nước ta hiện nay. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần phải nghiên cứu, nắm vững lại nội dung, chế độ kế hoạch hoá, giao đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm làm kế hoạch cho ngành, địa

phương và cơ sở; đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng hướng dẫn, tổng hợp đối với toàn bộ kế hoạch kinh tế quốc dân, làm tròn nhiệm vụ của cơ quan tham mưu kinh tế quan trọng nhất của Đảng và Nhà nước.

b) *Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước* phải nắm vững các nguồn vốn, phải hiểu rõ các ngành, các cấp tiến hành sản xuất, kinh doanh như thế nào, sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn ra sao; phải hiểu được đưa ra một đồng vốn, một cân nguyên liệu thì thu được hiệu quả gì. Trên cơ sở đó, xác định phương pháp sử dụng vốn một cách có lợi nhất, phát huy vai trò kiểm tra của mình, để giữ vững các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước, khuyến khích các xí nghiệp kinh doanh có lãi và thực hiện tốt hạch toán kinh tế. Phải khẳng định lại một lần nữa rằng đầu tư cho sự nghiệp thì qua tài chính; còn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh thì chủ yếu là qua tín dụng ngân hàng. Đó là cách làm hợp lý để tránh tình trạng thiếu vốn, đồng thời thúc đẩy các ngành, các cấp làm ăn có tính toán, có hiệu quả, chống lãng phí, tham ô.

c) *Các cơ quan vật tư* phải xây dựng chính sách về khai thác, sử dụng vật tư phù hợp với tình hình kinh tế nước ta. Những vật tư, nguyên liệu gì mà trong nước có khả năng cung ứng thì kiên quyết không nhập, bằng *mọi cách thu mua*, khai thác cho hết để bảo đảm nhu cầu sản xuất và đời sống. Các cấp quản lý kinh tế, các cơ quan vật giá, thu mua phải có biện pháp cấp bách khắc phục những khuyết điểm kéo dài trên lĩnh vực này. Đối với những vật tư, nguyên liệu cần nhập khẩu thì phải tìm cách tạo ra nguồn hàng xuất để trao đổi. Từng ngành, từng địa phương phải có kế hoạch tạo vật tư cho mình, không thể chỉ một chiều, thụ động chờ vật

tư của Nhà nước. Mặt khác, Nhà nước phải có chính sách thoả đáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, các địa phương sản xuất, khai thác, thu mua vật tư, nguyên liệu được nhiều nhất. Đã lên kế hoạch sản xuất là phải có vật tư bảo đảm sản xuất; nếu không thì hoặc không lên kế hoạch hoặc chuyển hướng kế hoạch cho thích hợp.

d) *Về tổ chức khoa học - kỹ thuật*, phải củng cố hệ thống các viện; có tổ chức và chế độ quản lý đúng để đẩy mạnh việc đưa thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào trong sản xuất, bắt buộc mọi hoạt động sản xuất đều phải nghiêm chỉnh tuân thủ những quy tắc về kỹ thuật, tránh lối làm bừa, làm ẩu. Những kết luận về kỹ thuật đã được thực tiễn chứng minh thì nhất thiết phải biến thành kỷ luật sản xuất mà mọi người phải tuân theo. Phải củng cố Ủy ban Khoa học - kỹ thuật, xây dựng các tổ chức khoa học - kỹ thuật ở khắp các ngành, các địa phương; vừa có sự quản lý thống nhất, vừa gắn liền chặt chẽ với các cơ sở sản xuất.

Trên đây, tôi đã trình bày một số ý kiến về tổ chức và quản lý kinh tế *làm cơ sở* cho việc kiện toàn bộ máy, cải tiến chế độ làm việc đã được trình bày kỹ trong dự thảo nghị quyết. Để kết thúc phần này, tôi xin phát biểu tóm tắt về *chế độ làm việc của một số cơ quan trung ương*.

1. Bộ Chính trị sẽ tập trung lo những vấn đề lớn trong đường lối đối nội, đối ngoại, đồng thời phân công theo dõi một số vùng xung yếu, những mặt công tác quan trọng, để cho công việc được tiến hành nhanh chóng.

2. Ban Bí thư, ngoài những công việc về đảng, dân vận và công tác kiểm tra, phải cùng với Hội đồng Chính phủ có bộ phận trực chung, để kịp thời giải quyết công việc của các

ngành, các địa phương. Điều đó đối với địa phương lại càng cần thiết, vì ở địa phương, công việc đảng và chính quyền thường gắn liền làm một.

3. Hội đồng Chính phủ cần cải tiến cách làm việc, đưa các mặt hoạt động của Nhà nước đi vào nề nếp, vào pháp chế xã hội chủ nghĩa, có hiệu lực, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, phục vụ tốt chiến đấu, loại trừ các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

4. Kiện toàn gấp hai văn phòng: Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Hội đồng Chính phủ, để làm tốt nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp tình hình một cách kịp thời, chính xác; sắp xếp chương trình làm việc, quản lý các loại hội nghị, chấm dứt tình trạng hội họp quá nhiều, gây khó khăn cho các cấp, nhất là cấp dưới; cùng với các ngành xoá bỏ cho được những thủ tục phiền hà, nạn quan liêu giấy tờ.

5. Đối với các ban của Đảng, từ nay đến cuối năm, phải kiện toàn sắp xếp cho xong theo tinh thần của nghị quyết. Cần thêm bớt ban gì thì Bộ Chính trị sẽ quyết định.

Vấn đề sau cùng tôi muốn nói tới là vấn đề *xây dựng đảng và công tác cán bộ*.

Như chúng ta đã nói nhiều lần, củng cố chi bộ, xây dựng chi bộ vững mạnh là vấn đề cơ bản nhất trong công tác xây dựng đảng. Các ban tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra, các cấp uỷ đảng phải nắm vững tình hình các loại chi bộ, phân tích cho được mặt mạnh, mặt yếu của từng chi bộ để có kế hoạch củng cố. Phải làm sao đến năm 1980, không còn chi bộ nào gọi là yếu kém nữa. Cấp bách trước mắt là phải kiên quyết đưa ngay ra khỏi Đảng những phần tử có vấn đề chính trị, những kẻ

chống lại quan điểm, đường lối của Đảng, những người vô trách nhiệm, những tên ăn cắp của công, ức hiếp quần chúng. Mặt khác, phải tích cực xây dựng cơ sở đảng ở những nơi chưa có; nhưng phải làm thận trọng, theo đúng tiêu chuẩn, thủ tục, để phòng những phần tử xấu tìm cách chui vào Đảng.

Đối với *công tác cán bộ*, phải tiến hành sơ kết việc thi hành Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị giải thích vì sao thực hiện chậm, ít kết quả, và phải làm gì để đẩy mạnh thực hiện nghị quyết. Từng ngành, từng cấp phải có quy hoạch và chủ trương cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng và cất nhắc cán bộ, trong một thời gian nhất định, xây dựng cho được các tập thể cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất trên từng lĩnh vực công tác. Phải giảm mạnh biên chế ở cấp trung ương và cấp tỉnh để tăng cường cán bộ cho huyện, xã, bổ sung cán bộ cho các tổ chức sản xuất. Trước khi chuyển sang công tác mới, cần tổ chức huấn luyện chu đáo. Đối với cán bộ khoa học - kỹ thuật, từng ngành phải nắm lại lực lượng để có kế hoạch sử dụng đúng: kiên quyết điều chỉnh những trường hợp bố trí không đúng ngành nghề; phân bố hợp lý giữa trung ương, địa phương và cơ sở; hình thành các ekip đồng bộ phù hợp với yêu cầu của sản xuất.

Đặc biệt phải chú ý đào tạo, tăng cường cán bộ cho các vùng dân tộc ít người, để tạo nòng cốt cho sự đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các vùng dân tộc, làm cho các vùng dân tộc nhanh chóng trở thành những căn cứ vững về chính trị, mạnh về kinh tế và quốc phòng.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành công việc của mình.

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị trọng đại được vạch ra trong nghị quyết của Hội nghị, cần tiến hành sâu rộng *công tác tư tưởng* trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, làm cho mọi người nhận rõ *kẻ thù* cùng âm mưu và hành động phá hoại, xâm lược của nó, nhận rõ nhiệm vụ mới, không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Bồi đắp ý chí "Không có gì quý hơn độc lập tự do", xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tinh thần tự lực tự cường, quyết chiến quyết thắng, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng "Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Nghiêm khắc phê phán chủ nghĩa cá nhân: ăn cắp của công, ức hiếp quần chúng, ngại khó ngại khổ, tự do vô kỷ luật, cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Để phát động *phong trào cách mạng* sôi nổi trong cả nước, các chi bộ đảng, công đoàn, đoàn thanh niên, hội nông dân, hội phụ nữ phải làm thật tốt công tác chính trị tư tưởng, tuyên truyền vận động quần chúng một cách cụ thể, sát hợp với từng giới, từng tầng lớp, từng người, chú ý nhiều hơn tới những người, những đối tượng chậm tiến, ít hiểu biết.

Sau khi có nghị quyết, vấn đề quan trọng nhất là quyết tâm và kế hoạch thực hiện nghị quyết. Đối với những việc liên quan đến cả nước, đến nhiều ngành, nhiều cấp thì Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ sẽ chủ trì giải quyết. Đối với những việc thuộc phạm vi quyền hạn của từng ngành, từng cấp, thì các ngành và các cấp phải chủ động vạch kế hoạch hành động cho ngành mình và cấp mình: việc gì cần làm và có thể làm thì phải làm ngay, việc gì có khó

khẩn thì phải tích cực tạo điều kiện mà làm, không nên thụ động, chờ đợi.

*
* *

Với truyền thống đoàn kết nhất trí của Đảng, với ý chí kiên cường bất khuất của dân tộc, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng Đảng ta nhất định thắng! Dân tộc ta nhất định thắng! Chúng ta... quyết thắng chủ nghĩa quan liêu trong tổ chức và quản lý, làm tròn xuất sắc sứ mệnh vẻ vang mà lịch sử giao phó!

Trong niềm tin tất thắng đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ IV)

Số 10-NQ/TW, ngày 27 tháng 7 năm 1978

**Về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc,
đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới***

I

Đảng ta và nhân dân ta đang đứng trước nhiệm vụ cực kỳ trọng đại là đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khi phải chiến đấu quyết liệt để đập tan âm mưu và hành động... hòng làm suy yếu và thôn tính nước ta. Trong cuộc đấu tranh này nhân dân ta phải toàn thắng, làm cho chủ nghĩa xã hội ở nước ta không ngừng lớn lên, Đảng và Nhà nước ta mạnh lên, tổ chức và quản lý khoa học hơn, xã hội ta tốt đẹp hơn.

Từ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trong một thời

* Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) họp từ ngày 14-7 đến ngày 22-7-1978 (B.T).

gian ngắn, chúng ta đã xây dựng được hệ thống tổ chức thống nhất của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong cả nước, và sử dụng bộ máy đó hoàn thành những công tác lớn có ý nghĩa chiến lược về cải tạo và xây dựng kinh tế, văn hoá, về phát triển sản xuất, giữ gìn trật tự, an ninh, về tổ chức đời sống của nhân dân lao động.

Tuy nhiên, do chưa nắm vững quy luật kinh tế và khoa học tổ chức, do chậm sửa chữa những khuyết điểm kéo dài trong tổ chức và chế độ làm việc, nên hiện nay bộ máy của chúng ta *kém hiệu lực, không đủ sức tổ chức thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước*. Bộ máy tổ chức quá chồng chéo, quá nhiều tầng, nấc, nhiều cấp trung gian. Chức trách từng bộ phận, từng người không rõ ràng, quan hệ ngang - dọc không được xác định cụ thể, không thông suốt đến cơ sở. Kỷ luật và pháp chế bị buông lỏng, bệnh quan liêu phổ biến và trầm trọng, các đoàn thể quần chúng có xu hướng hành chính hoá, quan liêu hoá.

Trước tình hình mới, để làm tròn sứ mệnh lịch sử đối với dân tộc và nhân dân thế giới, phải *phát huy quyền làm chủ tập thể* của nhân dân lao động về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội trong cả nước, trên từng địa phương và trong mọi cơ sở, gấp rút *kiện toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý* từ Đảng đến Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, từ trung ương đến các ngành, các cấp.

Mục đích của việc kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc là: tăng năng suất lao động, bảo đảm chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế; hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng ở

miền Nam; kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhằm đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên một bước mới, đánh bại mọi mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc...

Cần *đổi mới sâu sắc* về quan điểm xây dựng tổ chức; đổi mới cách chỉ đạo, kiên quyết xoá bỏ những phương pháp và thói quen làm việc không phù hợp với giai đoạn mới của cách mạng; sẵn sàng *thích ứng nhanh* với mọi tình huống, bảo đảm cả hai yêu cầu: xây dựng, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Cần quán triệt từ trên xuống dưới quan điểm cơ bản của chế độ ta là "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý", thi hành đúng đắn nguyên tắc "*tập trung dân chủ*", "*tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách*" trong Đảng và ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, chế độ "*thủ trưởng*" trong các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế. Cần bảo đảm sự lãnh đạo và quản lý *toàn diện* các mặt đấu tranh, các lĩnh vực hoạt động xã hội; *thống nhất lãnh đạo và quản lý cả nước*.

Ở tất cả các cấp, Đảng tăng cường sự lãnh đạo của mình, nhưng không bao biện công việc của Nhà nước. Đảng phải ra sức củng cố Nhà nước, phát huy hiệu lực của chính quyền, làm cho Nhà nước vừa thể hiện đúng đắn sự lãnh đạo của Đảng, vừa thể hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Về kinh tế, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải xuất phát từ những đòi hỏi của việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới (ngành,

địa phương và cơ sở) và phương thức quản lý mới; phải phát huy tác dụng chủ động, tích cực đối với việc hình thành cơ cấu kinh tế mới, đủ sức vận dụng phương thức quản lý mới.

Về quốc phòng và an ninh, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải bảo đảm các lực lượng vũ trang và an ninh luôn luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược và hoạt động phản cách mạng.

Về đối ngoại, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải bảo đảm tăng cường công tác quốc tế của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, thực hiện thắng lợi chính sách đối ngoại của Đảng trong tình hình mới.

Về văn hoá, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải bảo đảm sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động văn hoá, xã hội, từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng và an ninh.

Trong xây dựng tổ chức, phải coi trọng *chất lượng*, bảo đảm *hiệu lực* của bộ máy, *hiệu quả* của sản xuất, công tác, chiến đấu. Toàn thể bộ máy lãnh đạo và quản lý phải *hướng mạnh về cơ sở*, lấy cơ sở làm đối tượng phục vụ một cách thông suốt, nhanh nhạy, trực tiếp; phải thường xuyên bám sát và củng cố cơ sở, *kịp thời* giải quyết những vấn đề do cơ sở đề ra.

Phải hoàn toàn xuất phát từ công việc, từ yêu cầu kinh tế - kỹ thuật mà đặt tổ chức và bố trí cán bộ; khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, chồng chéo cách bức, gò bó cơ sở, cũng như tình trạng phân tán, lỏng lẻo kỷ luật. Kiện toàn gấp những bộ phận yếu. Kiên quyết tinh giản bộ máy, cắt bỏ

những bộ phận thừa, thay thế những cán bộ hư hỏng hoặc không đủ năng lực.

Đề cao chế độ *trách nhiệm*, cả trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân, cả về tinh thần và vật chất, bảo đảm *kỷ luật* nghiêm ngặt trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, kế hoạch nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc *chức trách* của từng tổ chức và từng người; quyền hạn và trách nhiệm phải cân xứng với nhau. Bảo đảm cho các quyết định được chính xác, tổ chức thực hiện được mau lẹ, dứt điểm, đạt yêu cầu đề ra, tránh tình trạng "quyết nhiều làm ít".

Xây dựng chế độ làm việc *cách mạng và khoa học*: khẩn trương, sắc bén, có tính chiến đấu cao; sát thực tế, chống quan liêu, nắm vững mọi nhu cầu cụ thể trong đời sống hàng ngày của quần chúng và mọi khả năng hiện thực để đáp ứng nhu cầu; kiên trì học tập, không ngừng nâng cao trình độ nhận thức và vận dụng các quy luật, nhất là quy luật kinh tế; dám nghĩ dám làm, *chống bảo thủ, trì trệ*; coi trọng điều tra nghiên cứu, tính toán kỹ lưỡng, tìm phương án tối ưu, nhằm giải quyết cho được những vấn đề thiết thực, đạt *hiệu suất* cao trong chiến đấu, *năng suất, hiệu quả* và *chất lượng* tốt trong quản lý kinh tế, thoả mãn những nhu cầu cấp bách của nhân dân trong sản xuất và đời sống.

Theo yêu cầu của nhiệm vụ mới, *bổ trí lại đội ngũ cán bộ*, tăng cường mạnh cho những ngành then chốt, huyện và cơ sở; nâng cao phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên, xiết chặt hàng ngũ, bảo đảm yêu cầu của việc kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc.

II

KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, CẢI TIẾN LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG

A- KIẾN TOÀN CƠ SỞ

1. Các cơ sở của nền kinh tế quốc dân là tế bào sản xuất, kinh doanh, là đơn vị tổ chức chiến đấu; là nơi trực tiếp diễn ra ba cuộc cách mạng; là nơi thể hiện cụ thể quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm sự nhất trí giữa quyền lợi của cả nước với quyền lợi của tập thể và quyền lợi của từng người lao động.

Cơ sở là nơi Đảng, Nhà nước và quần chúng liên kết thành một cơ cấu chặt chẽ, để hoàn thành mọi nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng, văn hoá, xã hội, trước nhất là sử dụng tốt sức lao động, thiết bị, vật tư, tiền vốn, ngăn chặn tham ô, lãng phí, qua đó mà giáo dục, bồi dưỡng quần chúng, rèn luyện, sàng lọc và phát triển cán bộ, đảng viên.

2. Chế độ làm chủ tập thể của quần chúng ở cơ sở cần được bảo đảm bằng một cơ cấu tổ chức đúng và những thể chế cần thiết định rõ quyền hạn và trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ của từng tổ chức cũng như từng người.

3. Các cơ sở phải thực hiện cho được chế độ *hạch toán kinh tế*, sản xuất và kinh doanh có lãi, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, nâng cao thu nhập của mỗi người lao động, phát triển phúc lợi tập thể, tăng thêm nguồn vốn tự có để tái sản xuất mở rộng.

Trên cơ sở bảo đảm các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, các cơ sở có quyền *đặt quan hệ kinh tế trực tiếp* với các đơn vị kinh tế khác, với các viện nghiên cứu và trường học bằng những

hợp đồng về phân công và hợp tác sản xuất, về cung ứng vật tư, về tiêu thụ sản phẩm, về vận chuyển hàng hoá, về đào tạo công nhân, về áp dụng và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

4. *Các xí nghiệp quốc doanh* phải thi hành nghiêm chỉnh điều lệ xí nghiệp đã ban hành, ra sức tổ chức lại sản xuất, quản lý chặt chẽ lao động, vật tư, tiền vốn theo các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật tiến bộ, nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm tăng thêm số lượng và nâng cao chất lượng các mặt hàng; phải có phương hướng tăng cường trang bị kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, phát triển kinh doanh đáp ứng nhiều hơn nữa yêu cầu của nền kinh tế quốc dân, thoả mãn đầy đủ hơn nữa lợi ích của các thành viên trong xí nghiệp.

Các hợp tác xã nông nghiệp phải cùng với các đơn vị kinh tế khác trên địa bàn huyện hình thành một cơ cấu thống nhất, tổ chức lại sản xuất và lao động nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, phát triển cân đối trồng trọt với chăn nuôi, tích cực mở mang ngành nghề. Sớm nghiên cứu và ban hành điều lệ mới của hợp tác xã nông nghiệp phù hợp với phương hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Các đơn vị cung ứng vật tư và cửa hàng thương nghiệp phải ra sức cải tiến tổ chức, phương thức và thái độ kinh doanh, mở rộng việc ký kết và nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng về cung ứng vật tư kỹ thuật cho sản xuất, về thu mua, tiêu thụ sản phẩm; xoá bỏ các thủ tục gây phiền hà, kiên quyết chống tham ô, móc ngoặc, cửa quyền, vươn lên xứng đáng là hậu cần đắc lực của sản xuất và nội trợ tốt của toàn dân.

5. Các ngành và các địa phương chủ quản phải tăng cường chỉ đạo các cơ sở của mình, tạo điều kiện cho cơ sở thực

hiện tốt chế độ hạch toán kinh tế, kiện toàn bộ máy quản lý xí nghiệp, đào tạo giám đốc cho xí nghiệp quốc doanh, chủ nhiệm, kế toán trưởng và cán bộ kỹ thuật cho hợp tác xã. Các cấp trên của cơ sở phải xuất phát từ nhu cầu của cơ sở mà tổ chức lại các mối quan hệ giữa các cấp trên với nhau và giữa cấp trên với cơ sở, để bảo đảm cho hoạt động của cơ sở được thuận lợi. Phải phấn đấu cung ứng đầy đủ năng lượng, vật tư, phụ tùng để cho sản xuất tại cơ sở được liên tục, đều đặn. Các cấp trên phải bám sát cơ sở, đến giải quyết vấn đề tại chỗ, song phải tôn trọng quyền hạn của cơ sở, không can thiệp có tính chất sự vụ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

6. Ở miền Bắc *chính quyền cấp xã* không trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của các hợp tác xã, nhưng phải lo xây dựng cơ cấu kinh tế hạ tầng chung (đường sá, cầu cống, sông ngòi...) kiểm tra các hợp tác xã trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất, làm nghĩa vụ bán nông sản, nộp thuế, trả nợ cho Nhà nước; quản lý ngân sách xã; bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, chăm lo đời sống vật chất và văn hoá của quần chúng; kiểm tra mọi tổ chức và mọi công dân thực hiện pháp luật và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Ở miền Nam, trong những năm trước mắt, chính quyền cấp xã, cùng với cấp huyện, có nhiệm vụ quản lý toàn diện các công việc ở xã: chỉ đạo cải tạo quan hệ sản xuất, sử dụng hợp lý ruộng đất, tổ chức lại sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; chỉ đạo các ban sản xuất xã và ấp, các tổ chức sản xuất tập thể, các hộ nông dân cá thể xây dựng và thực hiện kế hoạch nhà nước; chăm lo đời sống

vật chất và văn hoá của nhân dân. Nghiên cứu để điều chỉnh hợp lý địa giới các xã quá rộng.

Tất cả các xã trong cả nước phải khẩn trương xây dựng và nắm vững lực lượng dân quân, du kích, chỉ đạo chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tuyển quân đúng chính sách, đúng tiêu chuẩn, bảo đảm chất lượng, và chấp hành tốt các chính sách hậu phương. củng cố các ban chỉ huy quân sự xã.

Trước mắt, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ, các bộ và các địa phương phải gấp rút điều động hàng loạt cán bộ, đảng viên tốt tăng cường cho các xã, thôn, ấp ở vùng biên giới miền núi, miền Nam, nhất là ở những nơi nhiệm vụ chiến đấu cấp bách mà cơ sở cách mạng còn yếu.

Ở những thôn, ấp chưa có chi bộ hoặc tổ đảng, phải xây dựng cơ sở đoàn thanh niên cộng sản vững chắc, xây dựng những cốt cán đáng tin cậy, thành lập các nhóm trung kiên làm nòng cốt vận động quần chúng và chuẩn bị cho công tác phát triển đảng.

Trong việc kết nạp đảng viên mới, các cơ sở phải theo đúng những tiêu chuẩn, thủ tục đã quy định. coi trọng làm trẻ đội ngũ đảng viên.

B- KIẾN TOÀN CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

1. Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, việc xây dựng và phát triển các cơ cấu kinh tế địa phương (huyện, tỉnh, thành) có ý nghĩa chiến lược quan trọng.

Dựa theo quy hoạch và kế hoạch kinh tế của cả nước, địa bàn kinh tế huyện, tỉnh là nơi thực hiện việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, bảo đảm nhu cầu của nhân dân, làm tròn nghĩa vụ đối với cả nước.

Địa bàn huyện, tỉnh là nơi thực hiện sự phân phối theo phương thức xã hội chủ nghĩa, là đơn vị tổ chức đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong phạm vi địa phương.

Địa bàn huyện, tỉnh là nơi phát triển tổng hợp cả kinh tế, văn hoá, đời sống và quốc phòng. Trong tình hình cả nước vừa sản xuất, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, càng phải kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

Chính quyền nhà nước huyện, tỉnh vừa đại diện cho chính quyền trung ương, vừa đại diện cho nhân dân địa phương, hai mặt đó thống nhất làm một, thể hiện ở chỗ giải quyết tốt các vấn đề về sản xuất, chiến đấu và đời sống ở địa phương. Hội đồng Chính phủ thông qua các cấp chính quyền địa phương để trực tiếp với quần chúng, động viên và quản lý hoạt động của quần chúng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, chăm lo đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Phải xuất phát từ vị trí và nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương mà kiến toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý ở địa phương cho phù hợp, bảo đảm gọn, nhẹ, có hiệu lực mạnh và hiệu quả cao.

Các bộ, các cơ quan quản lý ngành phải nghiên cứu, nắm vững khả năng phát triển ngành mình ở từng địa phương, gắn bó chặt chẽ cơ cấu ngành với cơ cấu kinh tế địa phương, từ đó xác định cơ cấu hợp lý để phát triển ngành một cách mạnh mẽ nhất tại các địa phương.

Hội đồng Chính phủ và các cơ quan trung ương phải khẩn trương phân cấp và giao quyền cho địa phương, tương ứng với vai trò và nhiệm vụ của mỗi địa phương. Các xí

ng nghiệp trung ương đóng tại địa phương phải tôn trọng quyền quản lý của chính quyền địa phương trên lãnh thổ, tích cực góp phần phát triển kinh tế địa phương và cải thiện đời sống của nhân dân địa phương.

2. Xây dựng các *huyện* từng bước thành các đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, các địa bàn vững chắc về quốc phòng và an ninh, là một nhiệm vụ hết sức quan trọng hiện nay. Mỗi huyện phải mau chóng trở thành một pháo đài vững mạnh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ, các ban của Đảng, các bộ phải thực hiện khẩn trương hơn nữa Chỉ thị 33 của Bộ Chính trị, gắn chặt việc phát triển sản xuất với việc củng cố quốc phòng, bảo đảm cải tạo và xây dựng kinh tế, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Trước hết, *tập trung xây dựng các huyện vùng biên giới, các hải đảo, các huyện trọng điểm về kinh tế và quốc phòng*. Tuỳ theo vị trí từng loại huyện, mà định phương hướng và mục tiêu xây dựng cụ thể. Các huyện biên giới phía tây nam phải là những pháo đài chiến đấu, bảo vệ tốt sinh mệnh và tài sản của nhân dân, đồng thời đẩy mạnh sản xuất. Các huyện biên giới phía bắc phải phát triển mạnh về kinh tế và quốc phòng, bảo đảm an ninh, trở thành phòng tuyến vững chắc kịp thời đập tan mọi âm mưu của địch. Các huyện đồng bằng và trung du phải đẩy mạnh sản xuất, để đóng góp nhiều nhất cho cả nước, tích cực phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Hội đồng Chính phủ và các bộ, các tỉnh phải tiến hành ngay việc xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện, chỉ đạo các huyện xây dựng nhanh các tổ chức sản xuất, kinh doanh và bộ

máy quản lý phù hợp với vị trí kinh tế, quốc phòng của từng loại huyện. Phân cấp đúng mức cho cấp huyện về quản lý kế hoạch ngân sách, về cơ sở vật chất - kỹ thuật để bảo đảm yêu cầu của sản xuất, quốc phòng và an ninh. Đặc biệt phải *gấp rút tăng cường cán bộ để kiện toàn bộ máy cấp huyện*.

Cải tiến sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp huyện theo hướng bám sát cơ sở, giải quyết nhanh công việc của cơ sở, tập trung sức đưa cơ sở tiến lên đồng đều; nâng cao nhanh chóng năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, tổ chức đời sống vật chất và văn hoá; chỉ huy tốt chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn trật tự an ninh. Các huyện uỷ, quận uỷ phải phân công cấp uỷ viên giúp đỡ cơ sở đảng; cán bộ huyện, quận chủ yếu phải hoạt động tại cơ sở.

3. *Mỗi tỉnh, thành* là một địa bàn chiến lược về kinh tế và quốc phòng, về chiến đấu và hậu cần. Trong điều kiện mới, các tỉnh, thành phải nắm vững cả hai nhiệm vụ: sản xuất và chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu; đặt đúng vị trí của từng nhiệm vụ trong từng thời gian nhất định.

Về *kinh tế*, mỗi tỉnh, thành phải tiến hành phân công lại lao động, khai thác các tài nguyên đất, rừng, biển, tận dụng các năng lực sản xuất, đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng; xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, tổ chức tốt công tác phân phối, bảo đảm nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân, thực hiện tốt hậu cần tại chỗ, làm tròn nghĩa vụ với cả nước.

Các tỉnh, thành có trách nhiệm rất lớn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân; đối với việc xây dựng và quản lý cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp tỉnh; đối với việc xây dựng các

huyện thành những đơn vị kinh tế nông - công nghiệp; đối với các xí nghiệp công nghiệp trung ương trong tỉnh, thành; đối với việc bảo đảm đời sống của tất cả dân cư trong tỉnh.

Cần khẩn trương phân cấp quản lý kinh tế cho tỉnh, thành. Ngoài việc giao một số xí nghiệp và cơ sở kinh tế khác, chủ yếu phải phân cấp đúng đắn và rành mạch về kế hoạch và ngân sách, về quản lý lao động, thiết bị, vật tư, về quản lý tổ chức, cán bộ. Đặc biệt coi trọng mở rộng quyền hạn và trách nhiệm về kế hoạch và cải tiến công tác kế hoạch hoá ở cấp tỉnh, làm cho kế hoạch tỉnh bao quát được các mặt sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng, khoa học và kỹ thuật, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân trong tỉnh. Trên cơ sở thực hiện tốt kế hoạch nhà nước và nghĩa vụ đối với cả nước, các tỉnh, thành có *quyền chủ động mở rộng sản xuất và kinh doanh, kể cả kinh doanh xuất khẩu, giao dịch với các địa phương khác* về hợp tác sản xuất, về trao đổi sản phẩm.

Về quốc phòng và an ninh, các cấp uỷ tỉnh, thành phải nắm chắc công tác quân sự, trị an, xây dựng quốc phòng toàn dân, tăng cường bảo vệ an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, sản xuất với chiến đấu và phục vụ chiến đấu; thống nhất lãnh đạo hoạt động của mọi lực lượng vũ trang và an ninh trên địa bàn địa phương.

Những tỉnh có chiến đấu phải đặt nhiệm vụ chiến đấu lên đầu, đồng thời rất coi trọng đẩy mạnh sản xuất, tổ chức tốt đời sống. Những tỉnh khác phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm là sản xuất, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và tích cực phục vụ chiến đấu. Các tỉnh có biên giới phải tuỳ theo tính chất từng vùng biên giới mà lãnh đạo tốt công

tác chiến đấu, bảo vệ biên giới xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng về mọi mặt, củng cố quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước láng giềng. Các tỉnh, huyện đồng bằng có nhiệm vụ viện trợ cho các tỉnh, huyện biên giới về lao động và cán bộ, về lực lượng chiến đấu và phục vụ hậu cần...

Để hoàn thành những nhiệm vụ nói trên, các tỉnh uỷ, thành uỷ và chính quyền cấp tỉnh, thành phải *cải tiến công tác lãnh đạo và quản lý, kiện toàn tổ chức cấp tỉnh, thành*.

Nên có những đồng chí phụ trách các ngành, các địa phương và cơ sở quan trọng trong tỉnh, thành tham gia tỉnh uỷ, thành uỷ. Trước mắt, cần gấp rút kiện toàn các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, để bảo đảm lãnh đạo toàn diện cả kinh tế, văn hoá, quốc phòng, an ninh. Bí thư cấp uỷ phải trực tiếp nắm các vấn đề cơ mật về an ninh, quốc phòng ở địa phương.

Ở cấp tỉnh, thành, cần phối hợp chặt chẽ hoạt động của các ban của Đảng với các cơ quan của chính quyền trong việc nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện. Các ban của cấp uỷ và các ty, sở phải gọn nhẹ. Chuyển giao trách nhiệm quản lý sản xuất, kinh doanh cho các xí nghiệp, công ty; giảm biên chế của các ty, sở.

Các ty, sở chịu sự chỉ đạo toàn diện của uỷ ban nhân dân và sự chỉ đạo về nghiệp vụ, kỹ thuật của các bộ. Các cấp uỷ viên hoạt động ở cơ quan nhà nước phải sử dụng chức vụ chính quyền để giải quyết công việc.

C- XÂY DỰNG CÁC NGÀNH KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ KIẾN TOÀN CÁC BỘ

Trong quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải luôn luôn nắm vững nhiệm vụ xây

dựng và phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật, vì đó là những tổ chức then chốt của nền sản xuất cơ khí hoá.

Nhiệm vụ cơ bản của cơ quan quản lý ngành (bộ, tổng cục) là:

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn về phát triển ngành. Trên cơ sở kế hoạch dài hạn, xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, đồng thời phát triển ngành mình trên quy mô ngày càng lớn.

2. Thực hiện chuyên môn hoá và hiệp tác trong nội bộ ngành và giữa ngành này với ngành khác.

3. Xác định phương hướng phát triển khoa học - kỹ thuật, có kế hoạch đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật cho ngành.

4. Xây dựng kế hoạch và chính sách vật tư cho ngành.

5. Cùng với Chính phủ xây dựng chính sách, chế độ quản lý cho ngành.

Trước mắt, *các cơ quan quản lý ngành* phải tăng cường quản lý hành chính - kinh tế, quản lý kỹ thuật đối với toàn ngành, đồng thời trực tiếp chỉ đạo các đơn vị kinh doanh trực thuộc bộ. Bộ trưởng phải khẩn trương tổ chức lại sản xuất của ngành trong cả nước, tạo ra cơ cấu kinh tế mới của ngành, tùy điều kiện mà lập nhóm sản phẩm, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty, và giao chức năng trực tiếp quản lý sản xuất, kinh doanh cho các tổ chức kinh tế ấy. Theo hướng đó, *sửa đổi mạnh cơ cấu tổ chức của bộ*: bỏ hẳn các cục; bớt vụ và giảm mạnh biên chế các vụ. Các vụ là cơ quan tham mưu, không có quyền chỉ đạo các xí nghiệp và tổ chức sản xuất. Bố trí hợp lý các viện nghiên cứu để hoạt động

gắn bó với sản xuất, có hiệu quả thực tế. Phần lớn lực lượng tác chiến lâu nay ở tại cơ quan bộ (từ kế hoạch hoá đến quản lý lao động, vật tư, tài chính, kỹ thuật) phải được chuyển mạnh về các liên hiệp sản xuất và đơn vị cơ sở.

Mở rộng thích đáng quyền hạn và trách nhiệm của bộ trưởng. Cụ thể hoá hơn nữa quyền hạn và trách nhiệm của bộ trưởng (và của các cấp) về cân đối kế hoạch, quyết định chỉ tiêu kế hoạch, vật tư, tiền vốn, lao động, giá cả, tiền lương, các công trình xây dựng, các đề tài nghiên cứu khoa học - kỹ thuật.

Trong *quan hệ giữa bộ và chính quyền địa phương*, cần chấm dứt hiện tượng bộ trưởng chỉ lo phần kinh tế trực thuộc trung ương, chính quyền cấp tỉnh chỉ lo phần kinh tế trực thuộc địa phương, đưa đến tranh chấp lẫn nhau.

Cần quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh đối với phần kinh tế trực thuộc trung ương về tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm kết cấu hạ tầng, chăm lo đời sống công nhân, cán bộ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch nhà nước, các chế độ quản lý kinh tế và các luật pháp khác của Nhà nước. Bộ phải tạo mọi điều kiện cho cấp tỉnh làm tốt chức trách trên.

Cần quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của bộ trưởng đối với phần kinh tế trực thuộc địa phương về chỉ đạo xây dựng quy hoạch và kế hoạch, tổ chức sản xuất, chỉ đạo thống nhất phương hướng phát triển khoa học - kỹ thuật, chế độ quản lý, hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đào tạo cán bộ, công nhân, kiểm tra sự hoạt động của kinh tế địa phương.

Các bộ tổng hợp phải vừa phục vụ đắc lực, vừa kiểm tra

chặt chẽ các bộ quản lý ngành, coi phục vụ đắc lực là nhiệm vụ chủ yếu. Phải thật sự thông suốt các quan điểm, đường lối kinh tế của Đảng, phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc phục vụ sản xuất và đời sống, khắc phục tình trạng chồng chéo, không nhất trí. Phải nâng cao chất lượng nghiên cứu chính sách, xoá bỏ những thủ tục, chế độ không thích hợp, gây trở ngại cho hoạt động của các ngành, các địa phương và cơ sở. Phải hết sức tinh giản bộ máy ở cấp trung ương, tăng cường cán bộ cho cấp huyện và cơ sở.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải được kiện toàn và phải đổi mới cách làm việc; phải thấu hiểu mọi nhu cầu, nắm sát các khả năng của nền kinh tế. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế hoạch hoá ba khâu (trung ương, địa phương và cơ sở); mở rộng quyền hạn và tạo điều kiện cho các ngành và các địa phương xây dựng và thực hiện kế hoạch; chú trọng xây dựng kế hoạch từ dưới lên; kế hoạch kinh tế quốc dân phải thật sự là kết quả tổng hợp tốt kế hoạch của các bộ và các uỷ ban nhân dân tỉnh, thành.

Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước phải vươn lên làm chủ các nguồn vốn, các nguồn của cải, và có hướng sử dụng đúng, tác động tốt nhất vào đầu tư xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề, phân công lại lao động, làm ra nhiều giá trị sử dụng; đồng thời phải tăng cường kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh của các ngành, các cấp nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế, tăng năng suất lao động, bảo đảm quan hệ hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, cân đối giữa thu và chi, giữa hàng và tiền. Bộ Tài chính có nhiệm vụ tham gia xây dựng kế hoạch kinh tế và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

Nghiên cứu lại tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Uỷ ban Vật giá, để có sự cải tiến cần thiết, làm cho công tác giá cả phục vụ sản xuất và đời sống một cách sắc bén và có hiệu quả nhiều hơn.

Các tổ chức quản lý vật tư phải được kiện toàn, bổ sung thêm cán bộ, để làm tròn nhiệm vụ: nắm vững nhu cầu vật tư của toàn bộ nền kinh tế cũng như của từng đơn vị cơ sở; xác định các nguồn vật tư để có chính sách và biện pháp khai thác tốt nhất; xây dựng chính sách sử dụng vật tư hợp lý, với các định mức tiên tiến; mở rộng mạng lưới cung ứng vật tư đến tận cơ sở sản xuất một cách kịp thời, đồng bộ, đúng quy cách, phẩm chất; tiến hành kinh doanh vật tư, để việc quản lý vật tư đạt hiệu quả cao. Cố gắng tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho mạng lưới cung ứng vật tư.

Củng cố các tổ chức quản lý và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, nhằm thúc đẩy việc ứng dụng các thành quả khoa học và tiến bộ kỹ thuật ở các ngành, các địa phương và cơ sở; thường xuyên kiểm tra các đơn vị sản xuất chấp hành nghiêm chỉnh các quy trình, quy phạm kỹ thuật, các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, các định mức kinh tế - kỹ thuật. Phát động và quản lý tốt phong trào học tập nắm vững kỹ thuật, phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết những vấn đề do thực tiễn đề ra, phục vụ kịp thời sản xuất, quốc phòng và đời sống.

Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ phải chỉ đạo khẩn trương việc kiện toàn tổ chức các bộ cho kịp yêu cầu của nhiệm vụ mới. Các Bộ Quốc phòng, Nội vụ phải kiện toàn tổ chức, chuyển phương thức hoạt động phù hợp với thời chiến.

Các bộ phụ trách kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội phải gấp rút chấn chỉnh tổ chức, giảm nhẹ bộ máy, đổi mới cách làm việc, tăng cường quản lý toàn ngành trong cả nước.

Các bộ trưởng phải trực tiếp nắm và chỉ đạo kịp thời công việc của bộ ở *các tỉnh miền Nam, các địa phương xung yếu, các nơi có chiến sự*; phải nghiên cứu cách làm việc của các cơ quan trung ương, để hết sức tránh tạo thành cấp trung gian giữa bộ và các tỉnh ở miền Nam. Từng bộ phải có phương án sẵn sàng chuyển hướng tổ chức và quản lý trong trường hợp có chiến đấu.

Trong việc kiện toàn các bộ, cần chú trọng trước hết Ủy ban Kế hoạch, các bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Hải sản, Giao thông - vận tải, Cơ khí và luyện kim, Công nghiệp nhẹ, Ngoại thương, Nội thương, Vật tư.

D- CƯỜNG CỐ CÁC ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG

Để đáp ứng yêu cầu cấp bách của việc phát động rộng rãi các phong trào sản xuất và tiết kiệm, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, cần gấp rút đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể, từ cấp trung ương đến cơ sở. Thực hiện tốt sự phối hợp giữa các đoàn thể trong việc vận động quần chúng.

Khắc phục lối hoạt động hành chính quan liêu, tách rời quần chúng, tách rời sản xuất, chiến đấu và đời sống xã hội. Khôi phục và phát huy truyền thống vận động quần chúng của Đảng: đi đôi với phát động, giáo dục chung, phải đi sâu giác ngộ, cảm hoá từng người, giúp đỡ từng gia đình giải quyết những mắc mứu về tư tưởng, những khó khăn trong đời sống.

Các đoàn thể phải tăng cường giáo dục, làm cho quần chúng hiểu rõ quan điểm, đường lối của Đảng, tình hình và

nhiệm vụ trước mắt; phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu cứu nước vào trong phong trào xây dựng chế độ làm chủ tập thể; làm cho quần chúng giác ngộ về quyền làm chủ tập thể của mình, phát huy vai trò của người làm chủ trong sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước, tham gia xây dựng đảng, kiểm tra công tác và phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, lấy phong trào cách mạng của quần chúng để giáo dục quần chúng.

Phải giáo dục thanh niên hiểu rõ lý tưởng của mình là xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Giáo dục cho công nhân và người lao động nhận thức được rằng chỉ có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mới bảo đảm sự nhất trí giữa quyền lợi chung và quyền lợi riêng, bảo đảm đời sống cho mình cả trước mắt và lâu dài. Phát huy vai trò của phụ nữ trong việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể, chăm lo nuôi dạy trẻ em, quan tâm đời sống phụ nữ, coi trọng bảo hộ lao động.

Cải tiến sinh hoạt của các đoàn thể ở cơ sở, làm cho đơn vị cơ sở thực sự là nơi thể hiện thiết thực quyền lợi và nghĩa vụ của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, có sức động viên, giáo dục, có tính chiến đấu cao. Tránh tổ chức học tập, hội họp kéo dài, trùng lặp, lãng phí thời gian.

Gấp rút kiện toàn các ban chấp hành, nhất là ở *cấp huyện và cơ sở*. Tinh giản bộ máy chuyên trách của các đoàn thể; sử dụng rộng rãi nhiều cán bộ làm công tác đoàn thể nhưng không thoát ly sản xuất, công tác.

Ban Bí thư, các ban thường vụ cấp uỷ coi trọng chỉ đạo công tác của các đoàn thể, định kỳ nghe báo cáo của các đảng đoàn trong các đoàn thể. Hội đồng Chính phủ và chính quyền các cấp tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các đoàn thể, cho việc phát động phong trào quần chúng; coi trọng giải quyết thích đáng những yêu cầu về đời sống vật chất, tinh thần của công nhân và nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn.

Nghiên cứu bổ sung chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc, nhất là ở miền Nam.

E- KIẾN TOÀN CẤP TRUNG ƯƠNG

Ban Chấp hành Trung ương

1. Từ nay đến hết năm 1980, phải chuẩn bị và tiến hành tốt các kỳ họp của *Ban Chấp hành Trung ương* nhằm giải quyết những vấn đề quan trọng nhất của toàn Đảng, như: kế hoạch nhà nước; cải tiến quản lý kinh tế; một số vấn đề về phát triển công nghiệp, nông nghiệp và cách mạng khoa học - kỹ thuật; hiến pháp mới; công tác tư tưởng và văn hoá; chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ V.

Các uỷ viên Trung ương cần được thông báo kịp thời về tình hình hoạt động của các ngành, các cấp, về các vấn đề thời sự, chính sách, những diễn biến của cuộc đấu tranh hiện nay. Mỗi đồng chí uỷ viên Trung ương có trách nhiệm tham gia tích cực vào công việc chung của Trung ương và chỉ đạo thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương trong phạm vi mình phụ trách. Thông qua hoạt động thực tiễn, tiếp xúc với cán bộ, đảng viên và quần chúng, mỗi đồng chí kịp thời phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị và Ban Bí thư về các vấn đề cần thiết.

Bộ Chính trị thay mặt Ban Chấp hành Trung ương giữa hai kỳ họp của Trung ương, giải quyết các vấn đề quan trọng về đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, chỉ đạo các hoạt động của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, đồng thời xem trọng tổng kết lý luận cách mạng Việt Nam và có kế hoạch xây dựng đội ngũ kế thừa.

Tập thể Bộ Chính trị quyết định những vấn đề quan trọng nhất. Trên những mặt công tác lớn, Bộ Chính trị phân công một số đồng chí trong Bộ Chính trị trực tiếp phụ trách giải quyết kịp thời các công việc cụ thể căn cứ vào nghị quyết chung của tập thể Bộ Chính trị. Đối với một số địa bàn cần thiết, Bộ Chính trị phân công một số đồng chí trong Bộ Chính trị trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc để công việc được tiến hành nhanh chóng.

Ban Bí thư thường xuyên và kịp thời nắm chắc tình hình về mọi mặt trong cả nước, tổ chức tốt việc thông tin trong nội bộ Đảng, làm thấu suốt tình hình và nhiệm vụ mới trong toàn Đảng, chỉ đạo chặt chẽ công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác cán bộ, công tác xây dựng đảng, công tác vận động quần chúng, đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra; cùng với Chính phủ quyết định những chủ trương, chính sách lớn để bảo đảm thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị.

Ban Bí thư cần tăng cường kiểm tra, đi sát cấp dưới, vừa nắm chắc các ngành (kể cả quân đội và an ninh), vừa nắm chắc các cấp uỷ trực thuộc, đồng thời trực tiếp nắm một số huyện và cơ sở trọng điểm về kinh tế, quốc phòng, chú trọng chỉ đạo sát hơn nữa các tỉnh miền Nam. Tăng cường sự chỉ

đạo trực tiếp của Ban Bí thư và từng đồng chí bí thư đối với các ban của Đảng.

Ban Bí thư phải có bộ phận thường trực. Mỗi đồng chí bí thư phụ trách một hoặc một vài ban, chỉ một số ít đồng chí kiêm trưởng ban. Từng đồng chí bí thư hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các *ngành* và các *địa phương* thuộc khối mình phụ trách. Những vấn đề quan trọng của các ngành, các cấp phải được thảo luận và quyết định tập thể trong Ban Bí thư. Các đồng chí bí thư không kiêm nhiệm công việc của Chính phủ.

2. Nhanh chóng *kiện toàn tổ chức các ban* để bảo đảm nâng cao chất lượng lãnh đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Các ban có trách nhiệm chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành các nghị quyết của Trung ương ở các ngành, các cấp; làm tốt công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác quản lý cán bộ trong phạm vi từng ban phụ trách; hướng dẫn nghiệp vụ cho các ban cấp dưới.

Chấn chỉnh gấp tổ chức của các ban theo hướng nâng cao năng lực nghiên cứu và kiểm tra, bộ máy gọn, nhẹ, tăng chất lượng, rút số lượng, bớt phó trưởng ban, bớt vụ, tinh giản bộ máy hành chính. Có những ban, ngoài trưởng, phó ban, chỉ cần tổ chức một số tổ chuyên viên có năng lực. Các trưởng ban, phó trưởng ban không kiêm bộ trưởng, thứ trưởng.

Tuỳ theo nhu cầu công tác, Bộ Chính trị sẽ quyết định cụ thể việc thêm, bớt các ban.

Kiện toàn Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương phải cùng với các ban và Văn phòng Hội đồng

Chính phủ nắm vững và tổng hợp tình hình một cách kịp thời, phục vụ tốt sự chỉ đạo của Ban Bí thư. Thành lập Ban Tài chính và quản trị của Trung ương.

Chính phủ

Hội đồng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cần quản lý chặt chẽ các mặt hoạt động của Nhà nước về tổ chức sản xuất, đời sống, phục vụ chiến đấu, khắc phục các mặt tiêu cực trong xã hội. Hội đồng Chính phủ phải chỉ đạo các ngành, các địa phương và cơ sở bảo đảm cho được quyền làm chủ tập thể của quần chúng và giữ gìn tốt của công. Phải tăng cường kiểm tra, nắm rất sát diễn biến của các mặt hoạt động, nhất là ở các ngành và địa phương trọng điểm, các vùng có chiến sự, giải quyết khẩn trương công việc cho cấp dưới, đôn đốc sát sao, khen thưởng kịp thời và thi hành kỷ luật nghiêm minh.

Hội đồng Chính phủ phải thảo luận và kết luận về các quy hoạch, kế hoạch kinh tế quốc dân trước khi trình Bộ Chính trị, Trung ương Đảng và Quốc hội; kịp thời cụ thể hoá và thể chế hoá các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị thành các chủ trương, chính sách và biện pháp tổ chức thực hiện, bằng các văn bản pháp quy của Chính phủ hoặc các dự thảo luật trình Quốc hội.

Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo, điều hoà, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc các bộ trưởng và chủ tịch tỉnh, thành phố.

Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng cần có chế độ làm việc tập thể, để chuẩn bị cho hội nghị toàn thể Hội đồng Chính phủ hoặc để giúp ý kiến cho Thủ tướng quyết định những vấn đề cần thiết.

Các Phó Thủ tướng là người được uỷ nhiệm thay mặt Thủ tướng trong một vài lĩnh vực và một số công việc nhất định.

Tổ chức tốt công tác thường trực của Chính phủ và các bộ, bảo đảm thường xuyên có người có thẩm quyền giải quyết kịp thời và dứt khoát mọi việc để thúc đẩy sản xuất, phục vụ đời sống, phục vụ chiến đấu.

Đổi Văn phòng Phủ Thủ tướng thành Văn phòng Hội đồng Chính phủ, một bộ máy *thống nhất, gọn, nhẹ*, dưới quyền điều khiển của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng; chú ý khắc phục hiện tượng phân tán, rời rạc, làm chậm trễ công việc.

III

CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

1. Nắm chắc tình hình, cải tiến công tác thông tin

Các cơ quan đảng và nhà nước phải cải tiến ngay việc nắm tình hình, thực hiện đúng chế độ thông tin, nâng cao chất lượng thông tin, bảo đảm *kịp thời, chính xác, bí mật*.

Chấp hành nghiêm ngặt các quy định của *Điều lệ Đảng* và của Trung ương về chế độ cấp dưới báo cáo, xin chỉ thị cấp trên; cấp trên thông báo tình hình và công việc cho cấp dưới; chế độ thông báo trong nội bộ cấp uỷ.

Cải tiến tổ chức và phương pháp công tác của cơ quan làm nhiệm vụ thông tin, nhất là cơ quan thống kê của Nhà nước, để phục vụ tốt hơn sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ. Tăng cường các phương tiện vật chất và kỹ thuật cho công tác thông tin, đặt biệt chú ý các tỉnh, huyện ở biên giới, miền núi và các vùng xung yếu.

Trong nội bộ Ban Chấp hành Trung ương:

- Hằng tháng, Văn phòng Trung ương gửi các uỷ viên

Trung ương báo cáo những nét chính về tình hình hoạt động chung của các cấp, các ngành.

- Ba tháng, sáu tháng, một năm, Ban Bí thư gửi các uỷ viên Trung ương báo cáo về những công việc mà Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã giải quyết.

- Khi có sự kiện hoặc công tác quan trọng đột xuất, Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư thông báo kịp thời cho các uỷ viên Trung ương.

- Văn phòng Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương giúp Ban Bí thư tổ chức việc cung cấp cho các uỷ viên Trung ương những thông tin cần thiết về chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, bằng các tài liệu tham khảo hoặc các buổi báo cáo chuyên đề. Sử dụng tốt các tạp chí thông tin về lý luận, về khoa học - kỹ thuật, về quản lý kinh tế.

2. Thực hiện nền nếp làm việc có chương trình, kế hoạch, làm đúng chức trách và chế độ công tác, làm việc thiết thực, khẩn trương, sát thực tế

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, trước hết là ở cấp trung ương và các tỉnh, thành phố, phải bố trí hợp lý *chương trình hành động* trong nhiệm kỳ cấp uỷ, chương trình hành động hằng năm, sáu tháng; *kế hoạch công tác cụ thể và lịch làm việc* để thực hiện chương trình hành động. Kế hoạch công tác và lịch làm việc cần có dự phòng cho các công tác đột xuất.

Mỗi cấp uỷ đảng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải định rõ và gương mẫu thực hiện *chức trách, chế độ công tác* của mình, đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc quy định chức

trách, chế độ công tác của các cơ quan cấp dưới. Từ đó, bố trí bộ máy tổ chức và phân công cán bộ đúng việc, đúng chỗ, định rõ chức trách của mỗi người, nâng cao trách nhiệm, kỷ luật và hiệu suất công tác.

Trong việc chuẩn bị quyết định cũng như khi chỉ đạo thực hiện quyết định, phải *sử dụng tổ chức*, giao việc cho từng cơ quan đúng chức trách, tạo điều kiện cho mỗi tổ chức làm tốt nhiệm vụ của mình.

Ở tất cả các cấp, phải thực hiện chế độ *cán bộ lãnh đạo trực tiếp đến cơ sở, gặp cấp dưới để hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành nghị quyết, tiếp xúc với đảng viên và quần chúng*, nhất là ở các vùng xung yếu về an ninh và quốc phòng. Giảm bớt thì giờ hội họp không cần thiết, chống lối làm việc quan liêu, phát ra nhiều chỉ thị, nghị quyết, nhưng không đôn đốc, kiểm tra ráo riết việc thi hành. Coi trọng việc làm thủ đối với những chủ trương, chính sách quan trọng.

Các ban kiểm tra của Đảng, các cơ quan thanh tra của Nhà nước và đoàn thể quần chúng phải tập trung sự hoạt động của mình nhằm ngăn ngừa và khắc phục kịp thời những hiện tượng ăn cắp của công, ức hiếp quần chúng, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Các tổ chức kiểm tra và thanh tra phải chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước về những hiện tượng kéo dài đó. Chỉ đạo chặt chẽ việc nghiên cứu, xử lý và trả lời kịp thời các thư yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại, khiếu tố của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3. Cải tiến chế độ hội nghị và tổ chức thi hành nghị quyết

Cải tiến việc *chuẩn bị hội nghị*, để các kỳ họp có hiệu

suất cao, giải quyết nhanh, gọn các vấn đề. Từng cấp phải quản lý chặt chẽ việc triệu tập hội nghị, khắc phục tình trạng hội họp quá nhiều. Phải tổ chức chu đáo việc nghiên cứu và soạn thảo các báo cáo, dự thảo nghị quyết, đồng thời chuẩn bị đầy đủ cho các đồng chí dự họp về tình hình và nội dung các vấn đề cần thảo luận và quyết định.

Trong hội nghị, phải dành phần lớn thời gian để thảo luận và quyết định các chủ trương. Hội nghị phải có kết luận rõ về từng vấn đề và tập thể thông qua nghị quyết.

Tổ chức *truyền đạt nghị quyết* một cách chính xác và nhanh chóng. Những nghị quyết không có vấn đề cơ mật thì công bố toàn văn hoặc tinh thần cơ bản trên báo Đảng.

Sau khi có nghị quyết, cần đề ra *kế hoạch thực hiện nghị quyết*, định rõ: phương pháp thực hiện nghị quyết, các chính sách cần ban hành, nội dung công việc và kết quả phải đạt được, các bước tiến hành, thời hạn làm xong, phân công và trách nhiệm cụ thể cho các ban, các ngành, các cấp, các tổ chức và từng cá nhân.

Trong quá trình thực hiện nghị quyết, nếu có gì vướng mắc, các đồng chí phụ trách các ngành, các cấp phải nêu ra với cơ quan có thẩm quyền để kịp thời giải quyết, chấm dứt tình trạng kéo dài vướng mắc, làm chậm trễ công việc.

Ban Bí thư và Chính phủ cần chỉ đạo chặt chẽ việc *thi hành các nghị quyết quan trọng*; có hướng dẫn, giúp đỡ riêng đối với những ngành và địa phương gặp nhiều khó khăn.

Các đồng chí lãnh đạo và các ban phải *theo dõi, đôn đốc, kiểm tra* chặt chẽ việc thi hành nghị quyết; phát hiện kịp thời những điển hình tốt, uốn nắn các thiếu sót, đề xuất những điều cần bổ sung, sửa đổi về chủ trương, chính sách.

Phải tổ chức *tổng kết*, có kết luận rõ ràng về kết quả đạt

được, đánh giá những nơi làm tốt, những nơi làm xấu, những ưu điểm và khuyết điểm trong sự chỉ đạo thi hành nghị quyết, phê phán nghiêm khắc hoặc thi hành *kỷ luật* đối với những cơ quan và cán bộ làm hỏng việc.

4. Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình

Các cấp uỷ phải gương mẫu tự phê bình và yêu cầu cấp dưới phê bình trong các kỳ tổng kết công tác hằng năm và tổng kết các nghị quyết quan trọng.

Thực hiện tự phê bình và phê bình trong các kỳ sinh hoạt kiểm điểm công tác của Trung ương, của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Trong kỳ họp cuối năm của Ban Chấp hành Trung ương, cần có kiểm điểm và rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo của Trung ương.

Thực hiện đều đặn chế độ nhận xét cán bộ theo định kỳ.

IV

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC CÁN BỘ, PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO QUẦN CHÚNG

1. Tinh giản bộ máy, bố trí, điều chỉnh cán bộ

Theo những yêu cầu mới về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, từng ngành, từng cấp, từng cơ quan, đơn vị phải xác định lại vị trí, chức trách, nhiệm vụ và các mối quan hệ công tác của ngành, địa phương, đơn vị mình. Bỏ những tổ chức, những bộ phận làm trùng công việc của cơ quan khác, bộ phận khác, hoặc làm thay công việc của cấp dưới. Trên cơ

sở đó, sắp xếp lại tổ chức, tinh giản bộ máy, giảm biên chế hành chính, tăng cường cán bộ cho cấp dưới, nhất là huyện và cơ sở.

Nhà nước cần có chính sách đối với số cán bộ dôi ra trong khi chưa sắp xếp được công việc. Những người yếu đau, mất sức thì cho nghỉ dưỡng sức, nghỉ mất sức.

Quán triệt và đẩy mạnh thi hành Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ. Từng cấp uỷ, cơ quan, đơn vị phải *nắm chặt lực lượng cán bộ* để bố trí và sử dụng đúng, theo các tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, về thái độ đối với đường lối, quan điểm của Đảng; điều chỉnh ngay những cán bộ khoa học - kỹ thuật bố trí không đúng ngành, nghề; ngăn ngừa việc bố trí cán bộ theo cảm tình, theo óc địa phương, cục bộ.

Trước hết, cần tăng cường cán bộ để kiện toàn những ngành then chốt, những địa bàn quan trọng về kinh tế, quốc phòng và đối ngoại, những địa phương ở miền Nam.

Ở mỗi bộ, bộ trưởng và các thứ trưởng phải là những cán bộ thật sự có năng lực về lãnh đạo và quản lý, đủ sức tổ chức thực hiện các quyết định đã đề ra. Trong một số ngành, kiên quyết giảm bớt số lượng thứ trưởng, thay đổi những người không làm nổi nhiệm vụ. Soát lại đội ngũ cán bộ của từng bộ, mạnh dạn điều chỉnh và đề bạt cán bộ phụ trách các vụ kế hoạch, khoa học - kỹ thuật, nghiên cứu chính sách, tổ chức cán bộ, giám đốc các xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty, giám đốc và bí thư đảng uỷ các xí nghiệp quan trọng.

Điều chỉnh cán bộ để kiện toàn bộ phận chủ chốt của các *tỉnh uỷ, thành uỷ*, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Tăng cường cán bộ cho các *huyện*, chú trọng các huyện ở vùng biên giới. Một mặt, đào tạo, bồi dưỡng và tận dụng cán bộ tại chỗ; mặt khác, điều động ngay một số lớn cán bộ ở các ngành trung ương và tỉnh về tăng cường cho huyện một cách đồng bộ. Mỗi ngành phải có kế hoạch đào tạo, điều động, bảo đảm đủ cán bộ cho ngành mình ở cấp huyện.

Thực hiện đúng chế độ nghỉ hưu và chính sách đối với cán bộ cũ. Thi hành đầy đủ chính sách đối với cán bộ tăng cường cho huyện và cơ sở, cho các vùng biên giới. Có chế độ thích hợp để phát huy lâu dài khả năng của các chuyên gia giỏi về khoa học, kỹ thuật, về quản lý.

Đối với cán bộ, nhân viên thuộc bộ máy của chế độ cũ, cần sử dụng tốt khả năng chuyên môn, tiếp tục cải tạo về chính trị, tư tưởng, thanh thải những phần tử xấu, phát hiện kịp thời những phần tử địch còn ẩn nấp.

Khẩn trương xây dựng *quy hoạch cán bộ* các loại, nhất là cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý kinh tế. Bố trí lại hệ thống trường đảng, trường nhà nước và trường các đoàn thể cho hợp lý, ra sức nâng cao chất lượng huấn luyện và hiệu quả học tập.

2. Tăng cường công tác tư tưởng; rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên

Để giành thắng lợi trên các mặt xây dựng, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, cần ra sức tăng cường công tác tư tưởng, mau chóng làm cho quan điểm, đường lối của Đảng thông suốt trong đảng viên và quần chúng, biến thành sức mạnh vật chất to lớn.

Ban Bí thư cùng các cấp ủy đảng phải thông qua các sinh

hoạt trong từng tổ chức và phong trào sản xuất, chiến đấu, làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trước hết là cán bộ cao cấp và trung cấp, hiểu rõ *tình hình và nhiệm vụ mới*; bản chất, âm mưu, hành động của kẻ thù; đường lối, chủ trương của Đảng; chỗ mạnh của ta, chỗ yếu của địch; bồi dưỡng lòng tin tưởng vững chắc ở thắng lợi, ý chí "Không có gì quý hơn độc lập tự do", tinh thần tự lực tự cường, quyết chiến quyết thắng, "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Tiếp tục giáo dục đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, chú trọng nâng cao hiểu biết về kinh tế và kỹ thuật; phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ý thức cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kịp thời chống lại và nghiêm trị những hành động truyền bá tư tưởng, quan điểm trái với đường lối của Đảng. Sử dụng tốt các công cụ tuyên truyền, nhất là báo chí; có kỷ luật đọc báo đối với cán bộ, đảng viên.

Lúc này, mỗi cán bộ, đảng viên càng phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, *kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân*, nhất là các bệnh tư lợi, tham ô; quan liêu, cửa quyền, trù dập những người trung thực; lẩn tránh những nơi, những việc khó khăn. Nêu cao nếp sống cần cù, giản dị, trong sạch.

Các ban, đảng đoàn, ban cán sự ở trung ương, các cấp ủy, tỉnh, thành và huyện, quận, các cấp chỉ huy quân sự cần nghiêm túc kiểm điểm, giúp cán bộ sửa chữa nhanh các khuyết điểm về phẩm chất.

Quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên về tư tưởng và phẩm chất, về hoạt động thực tiễn. Kịp thời ngăn chặn kẻ địch và phần tử xấu tấn công vào nội bộ ta.

3. Làm trong sạch hàng ngũ của Đảng

Việc nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp vào Đảng những người ưu tú phải đi đôi với việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Đó là một sinh hoạt thường xuyên rất cần thiết, để làm cho hàng ngũ của Đảng ngày càng lớn mạnh, trong sạch. Phải gắn liền với việc kiện toàn cơ sở, phát động phong trào quần chúng, để kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những loại người sau đây:

- Những người rõ ràng phạm tiêu chuẩn về chính trị. Những phần tử tiếp tay cho kẻ thù chống lại cách mạng.

- Những người có hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, gây bè phái nghiêm trọng. Những cán bộ có chức, có quyền mà đã thoái hoá, biến chất. Những phần tử ăn cắp, hối lộ, trù dập người tốt, ức hiếp quần chúng, không chấp hành chính sách của Đảng.

- Những người giác ngộ chính trị quá thấp đã qua giáo dục nhiều lần mà không tiến bộ, không tha thiết ở trong Đảng.

Phải kiểm tra cụ thể từng cơ sở để bảo đảm việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng được kịp thời và chính xác.

4. Phát động phong trào quần chúng

Nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ về xây dựng kinh tế, văn hoá và củng cố quốc phòng, an ninh, phải đẩy lên trong cả nước, trong mọi ngành, mọi cấp các *phong trào cách mạng sôi nổi và liên tục của đông đảo quần chúng đẩy mạnh sản xuất, tăng cường tiềm lực về mọi mặt, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu*.

Để phát động phong trào, một mặt, phải làm thật tốt công tác tư tưởng, giáo dục và phát huy cao độ lòng yêu nước

và yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc chính đáng, quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Mặt khác, phải kịp thời cải tiến tổ chức và quản lý của Nhà nước, bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết, nhất là thiết bị, vật tư, năng lượng, giải quyết thoả đáng những yêu cầu tối thiểu trong đời sống, có chính sách khen thưởng, xử phạt kịp thời và nghiêm túc.

Thông qua các phong trào cách mạng mà rèn luyện, sàng lọc cán bộ, đảng viên, xây dựng đội ngũ cốt cán, xây dựng và củng cố các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể.

*

* *

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ và các ngành, các cấp cần có chương trình hành động cụ thể để thực hiện tốt nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này. Những kết quả của công tác kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc phải tạo ra một sự chuyển biến cơ bản, một sức mạnh mới thúc đẩy các mặt hoạt động của Đảng và Nhà nước, phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng, hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế và văn hoá, bảo đảm đời sống nhân dân, tăng cường năng lực chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, xây dựng xã hội ta, Đảng ta và Nhà nước ta ngày càng vững mạnh.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 50-CT/TW, ngày 15 tháng 7 năm 1978

Bổ sung về việc giải quyết đối với dân Campuchia chạy sang Việt Nam

1. Trong thời gian qua, các ban, bộ, ngành, địa phương hữu quan đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW, ngày 21-10-1977 và Chỉ thị 42-CT/TW, ngày 12-4-1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đối với người dân Campuchia chạy sang Việt Nam.

Xuất phát từ nhận thức rõ việc người Campuchia sang lánh nạn chính trị ở ta, nương tựa nhân dân ta để sống, nhưng không phải để làm ăn bình thường, mà chính là biểu hiện ý chí bất hợp tác triệt để của nhân dân Campuchia đối với chính quyền phản động Campuchia và quyết tâm tìm con đường đánh đổ chúng, nên nhiều tỉnh, huyện và các ngành hữu quan đã quan tâm, tích cực giúp đỡ số dân Campuchia chạy sang địa phương mình sớm đi vào ổn định đời sống, giúp đỡ về ăn, mặc, nhà ở, trị bệnh, cấp đất và phương tiện để tự sản xuất. Ngoài ra, các tỉnh, huyện đã chú ý việc bảo vệ an toàn, giúp họ tự quản tốt dưới chính quyền của ta, giải quyết

mối quan hệ với nhân dân địa phương. Đó là một trong những công tác quan trọng góp phần giúp đỡ cách mạng Campuchia, đồng thời vun đắp thêm mối tình hữu nghị vĩ đại sẵn có giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia.

Đến nay, có những bộ phận người Campuchia đã tự túc hoàn toàn về lương thực, một phần thực phẩm, rau quả. Có nơi còn bán nghĩa vụ cho Nhà nước ta hàng chục tấn lương thực.

Tuy nhiên, một số địa phương chưa quan tâm đầy đủ, chưa có tổ chức chuyên trách, chưa nắm chắc tình hình nhân dân Campuchia sang ở địa phương mình, chỉ mới giúp đỡ họ ổn định việc ăn, ở bước đầu.

2. Bọn phản động Campuchia càng đàn áp, khủng bố nhân dân Campuchia càng đấu tranh, cách mạng Campuchia càng quyết liệt, chắc nhân dân Campuchia (nhất là những lực lượng chống đối khi gặp khó khăn) còn tiếp tục chạy sang ta để lánh nạn và nương tựa vào ta. Nhân dân ta có nghĩa vụ giúp đỡ, bảo vệ và tổ chức cuộc sống cho họ trên đất ta, giúp họ điều kiện tiếp tục làm cách mạng chống bọn phản động Campuchia.

Các địa phương cần phát huy thành quả đã đạt, khắc phục những thiếu sót nói trên, thực hiện tốt hơn nữa Chỉ thị 22-CT/TW và Chỉ thị 42-CT/TW và Chỉ thị bổ sung này nhằm xây dựng các khu dân cư Campuchia chạy sang thành những nguồn đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng cho cách mạng bạn. Đó là vấn đề quyết định nhất đối với cách mạng Campuchia.

Để có nguồn đó, trong khi tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 22-CT/TW, Chỉ thị 42-CT/TW và Chỉ thị bổ sung này, các địa phương, các ngành cần lưu ý một số việc sau đây:

a) Cần vận dụng chính sách vật chất rộng rãi đối với họ.

Những người chưa có khả năng tự túc về lương thực, ta cấp kéo dài thêm, đối với những người đã tự túc được, ta cũng không đặt vấn đề nghĩa vụ lương thực đối với họ, giúp đỡ họ trong việc trị bệnh, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, phòng dịch.

b) Tạo điều kiện mở các lớp học dạy trẻ em Campuchia học chữ, tiếng Campuchia (có thể sử dụng sách giáo khoa dùng cho giáo viên, học sinh đồng bào Khơme Nam Bộ ở các tỉnh Cửu Long, Hậu Giang). Tuỳ điều kiện có thể tổ chức bình dân học vụ, chống nạn mù chữ Campuchia cho người lớn. Qua đó, mà giáo dục nâng cao lòng yêu nước, tăng cường đoàn kết hữu nghị giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia, đập tan âm mưu chia rẽ của bọn phản động và làm cho họ thấy rõ tính chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

c) Giáo dục động viên họ cho con em họ tham gia công tác cách mạng. Có thể cho họ tổ chức Hội đồng hương Campuchia để họ có nơi sinh hoạt nội bộ, giáo dục đoàn kết, tương trợ, động viên nhắc nhở nhau hướng vào sự nghiệp cách mạng Campuchia.

3. Về tổ chức thực hiện, cần quán triệt Chỉ thị 22-CT/TW và Chỉ thị 42-CT/TW, đặc biệt chú ý:

a) Để bảo đảm giúp đỡ người Campuchia tổ chức cuộc sống nhưng phải coi đây là nguồn đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng cho cách mạng bạn, các cấp uỷ địa phương có kế hoạch chọn lọc kỹ lưỡng người tốt, cảnh giác có kẻ xấu chui vào, động viên lứa tuổi 16 - 35 tham gia lực lượng cách mạng, phát hiện những người có kỹ thuật chuyên môn, trí thức... để có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo họ nhằm phục vụ cho sự nghiệp cách mạng trước mắt và lâu dài.

b) Ban chỉ đạo công tác người Campuchia của tỉnh có nhiệm vụ: chỉ đạo tổ chức, tuyên truyền giáo dục, chăm lo đời sống và lựa chọn người làm nguồn cung cấp cho lực lượng cách mạng bạn.

Ban B.68 của Trung ương Đảng¹⁾ liên hệ chặt chẽ với các ban chỉ đạo của tỉnh để thực hiện tốt nhất việc tổ chức quản lý, giáo dục, bồi dưỡng lâu dài đối với cán bộ, nhân viên, đảng viên người Campuchia sang ta (Chỉ thị 22), đặc biệt là giúp bạn xây dựng lực lượng cách mạng.

c) Những nơi người Campuchia sang ở lẻ tẻ, phân tán trong nhân dân ta như Cửu Long, Hậu Giang... cũng cần cử người chuyên trách để có kế hoạch giúp đỡ họ về đời sống vật chất, tinh thần, tuyên truyền giáo dục động viên tham gia cách mạng và chọn người cung cấp cho nhu cầu xây dựng lực lượng cách mạng bạn.

Chỉ thị này bổ sung Chỉ thị 22-CT/TW và Chỉ thị 42-CT/TW hiện hành.

Các đồng chí nhận Chỉ thị này chỉ phổ biến riêng trong ban chỉ đạo công tác người Campuchia của tỉnh và các cơ quan có tên ghi dưới đây để biết và thi hành...

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) Đoàn chuyên gia Việt Nam tại Campuchia (B.T).

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 23-QĐ/TW, ngày 18 tháng 7 năm 1978

Về việc hợp nhất hai trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II và Nguyễn Ái Quốc phân hiệu III thành Trường Nguyễn Ái Quốc II

Để nâng cao chất lượng công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và các ngành kinh tế (trừ khối nông nghiệp);

Căn cứ đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Hợp nhất hai Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II và Nguyễn Ái Quốc phân hiệu III thành Trường Nguyễn Ái Quốc II.

2. Trường Nguyễn Ái Quốc II có nhiệm vụ:

a) Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.

b) Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong các ngành kinh tế (trừ khối nông nghiệp).

3. Việc sắp xếp lại đội ngũ cán bộ phụ trách các khoa, các phòng của trường do hai ban giám đốc của hai trường bàn bạc đề nghị Ban Tuyên huấn Trung ương quyết định.

4. Địa điểm của trường đặt tại cơ sở hiện nay của Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu III (Gia Lâm - Hà Nội). Cơ sở hiện nay của Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II (Đống Đa - Hà Nội) bàn giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương để điều chỉnh cho Trường Nguyễn Ái Quốc V và một phần dùng làm cơ sở bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên.

5. Trường Nguyễn Ái Quốc II là trường trực thuộc Trung ương Đảng. Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư chỉ đạo nội dung giảng dạy và công tác tổ chức, cán bộ của trường.

Ban Công nghiệp Trung ương, Ban Kinh tế kế hoạch Trung ương, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch mở lớp, chiêu sinh của trường, tham gia chỉ đạo nội dung học tập và cử cán bộ tham gia giảng dạy ở trường.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm chiêu sinh và phân phối công tác cho những cán bộ được đào tạo tại trường.

Văn phòng Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn xây dựng, quản lý cơ sở vật chất và cung cấp kinh phí cho hoạt động của trường.

Các ban, các bộ, các ngành trong các khối công nghiệp và lưu thông phân phối có trách nhiệm giúp trường nắm được phương hướng công tác, tình hình hoạt động thực tế của ngành và cử cán bộ tham gia giảng dạy về quản lý kinh tế.

6. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Văn phòng Trung ương, các ban, bộ, ngành có liên quan và hai ban giám đốc của Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II và Nguyễn Ái Quốc phân hiệu III chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

TỐ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 24-QĐ/TW, ngày 18 tháng 7 năm 1978

Thành lập Trường Đảng Tây Nguyên

- Căn cứ Chỉ thị số 231-CT/TW về "Công tác giáo dục lý luận chính trị ở miền Nam trong giai đoạn mới của cách mạng"¹⁾;

- Xét yêu cầu công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ cấp huyện miền núi ở Tây Nguyên và các tỉnh từ Bình Trị Thiên đến Thuận Hải;

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Trường Đảng Tây Nguyên chuyên trách bồi dưỡng và đào tạo cán bộ lãnh đạo cấp huyện của các tỉnh Gia Lai - Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, các huyện miền núi thuộc các tỉnh từ Bình Trị Thiên đến Thuận Hải. Trường có nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ đương chức và đào tạo cán bộ các dân tộc ít người.

2. Trường Đảng Tây Nguyên trực thuộc Trung ương, được thực hiện mọi chế độ chính sách đã được Đảng và Nhà nước ban hành như các trường đảng trung cấp, và được hưởng một số chế độ, chính sách đặc biệt phục vụ cho yêu cầu đào tạo cán bộ dân tộc.

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.37, tr. 199 (B.T).

Địa điểm của trường đặt tại thị xã Buôn Ma Thuột.

3. Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Ban Dân tộc Trung ương, xây dựng nội dung chương trình giáo dục thích hợp với yêu cầu và trình độ của cán bộ dân tộc; quản lý các hoạt động của trường.

Ban Dân tộc Trung ương tham gia chỉ đạo về nội dung giáo dục đường lối, chính sách dân tộc và công tác dân tộc.

Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm chiêu sinh và phân phối cán bộ sau khi đào tạo; phối hợp với Ban Dân tộc Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương và các ngành có liên quan nghiên cứu quy định các chế độ chính sách phục vụ cho công tác đào tạo cán bộ dân tộc ít người.

Văn phòng Trung ương chịu trách nhiệm cung cấp và quản lý kinh phí, cơ sở vật chất của trường.

Các tỉnh uỷ cử cán bộ đến học có trách nhiệm thường xuyên cung cấp tình hình thực tế của địa phương cho trường.

Tỉnh uỷ Đắk Lắk chịu trách nhiệm sắp xếp địa điểm của trường.

T/M BAN BÍ THƯ

TỐ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 48-CT/TW, ngày 18 tháng 7 năm 1978

Về việc biên soạn cuốn 50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam

Năm 1980 là năm cả nước ta tổ chức trọng thể ba ngày kỷ niệm lớn: kỷ niệm lần thứ 50 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh Bác Hồ, kỷ niệm lần thứ 35 Quốc khánh. Để phục vụ trực tiếp những ngày lễ lớn, đồng thời để đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài công tác giáo dục tư tưởng trong Đảng và ngoài nhân dân, Ban Bí thư quyết định giao cho Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương viết cuốn *50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Yêu cầu cơ bản của cuốn *50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam* là trình bày khái quát quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng từ ngày thành lập đến nay, làm rõ việc Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam để xác định đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng qua các thời kỳ và các giai đoạn; làm rõ các phong trào cách mạng của nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng qua các thời kỳ và các giai đoạn; làm rõ những chủ trương, biện pháp xây dựng đảng bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra trong các thời kỳ và các giai đoạn; và sơ bộ nêu lên những kinh nghiệm về lãnh đạo cách mạng của Đảng trong những thời kỳ lớn dựa theo những

tổng kết của Đại hội lần thứ III, Đại hội lần thứ IV và các đại hội, các hội nghị quan trọng trước đây của Đảng.

Thực hiện yêu cầu trên đây, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng cần bổ sung và nâng cao những phần sẵn có trong cuốn *45 năm hoạt động của Đảng Lao động Việt Nam* đồng thời biên soạn những hoạt động của Đảng trong thời kỳ từ 1973 trở lại đây. Thời gian hoàn thành cuốn sách là nửa đầu năm 1979 để kịp phát hành vào dịp 3-2-1980. Số trang sách không quá 300 trang.

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng cần có kế hoạch cụ thể và tổ chức biên soạn tốt cuốn sách trên. Ban Tuyên huấn Trung ương, Quân uỷ Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng cùng các ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp và giúp đỡ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng biên soạn cuốn sách. Các tỉnh, thành uỷ trong cả nước, nhất là các tỉnh, thành uỷ miền Nam cần cung cấp tài liệu và tạo điều kiện thiết thực và có hiệu quả giúp Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng hoàn thành nhiệm vụ.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 52-TT/TW, ngày 30 tháng 8 năm 1978

Về quan hệ giữa các ban kinh tế Trung ương với các ngành và các địa phương và về cách làm việc của các ban kinh tế tỉnh, thành

Tiếp theo Chỉ thị 34 về kiện toàn các ban kinh tế của Đảng, nay quy định về cách làm việc như sau:

I- QUAN HỆ GIỮA CÁC BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG VỚI CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Về công tác kiểm tra

- Trong những cuộc kiểm tra lớn do các ban kinh tế chủ trì, các ngành có trách nhiệm cử cán bộ tham gia và cung cấp tài liệu theo yêu cầu kiểm tra.

- Khi kết luận qua kiểm tra, các ban kinh tế Trung ương phải thảo luận với ngành hữu quan cho nhất trí, nhất là về phân tích nguyên nhân và quy trách nhiệm. Trường hợp không nhất trí thì phải báo cáo những ý kiến khác nhau lên

cấp lãnh đạo.

- Khi ngành tổ chức kiểm tra trong ngành thì thông báo kết quả kiểm tra cho ban kinh tế hữu quan biết.

- Các ngành có thể đề xuất với các ban kinh tế tổ chức kiểm tra ở các cơ sở, các địa phương có liên quan nếu thấy cần.

2. Về công tác nghiên cứu

- Đối với các đề án do các ngành nghiên cứu trình Trung ương, các ban kinh tế Trung ương có trách nhiệm hợp tác với các ngành trong quá trình chuẩn bị. Khi đề án được trình lên lãnh đạo, ban kinh tế phải phát biểu ý kiến chính thức của mình bằng văn bản.

- Đối với các vấn đề do các ban kinh tế Trung ương chủ trì nghiên cứu, tùy theo yêu cầu, các ngành hợp tác bằng cách cung cấp tài liệu, góp ý kiến hoặc cử cán bộ tham gia nghiên cứu.

3. Về công tác cán bộ

Khi cần đề bạt, điều động và giải quyết những vấn đề về cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, ngành phải làm đầy đủ thủ tục gửi đến ban kinh tế hữu quan. Ban kinh tế phải trả lời trong vòng một tháng kể từ ngày nhận đủ thủ tục. Trường hợp có vấn đề cần nghiên cứu lâu hơn thì ban kinh tế phải thông báo cho ngành biết. Đối với những trường hợp thuộc quyền quyết định của Ban Bí thư, ban kinh tế làm việc với Ban Tổ chức Trung ương và báo cáo lên Ban Bí thư cũng trong thời hạn đó.

Đối với những trường hợp mà giữa ban và ngành, hoặc giữa ban kinh tế và ban tổ chức không nhất trí, ban kinh tế phải báo cáo cả hai ý kiến lên lãnh đạo.

4. Về công tác đảng

- Các ban kinh tế Trung ương quan hệ chặt chẽ với các

đảng uỷ cơ quan bộ, tổng cục. Qua công tác đảng và qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, Ban Kinh tế Trung ương cùng đảng uỷ nhận xét, đánh giá cán bộ và tham gia ý kiến với ban cán sự theo Thông báo số 11-TB/TW của Ban Bí thư.

- Các đồng chí trưởng, phó trưởng ban và cán bộ có trách nhiệm của ban kinh tế được dự các cuộc sinh hoạt của đảng uỷ cơ quan bộ, tổng cục và các tổ chức đảng cơ sở trực thuộc khi cần thiết.

- Khi chuẩn bị đại hội đảng bộ, đảng uỷ báo cho ban kinh tế hữu quan biết để tham gia ý kiến về đánh giá tình hình, xác định nhiệm vụ chính trị của đảng bộ và dự kiến cơ cấu của đảng uỷ (chủ yếu là thường vụ đảng uỷ).

5. Về quan hệ công tác

- Các đồng chí trưởng, phó trưởng ban ban kinh tế được tham gia các sinh hoạt quan trọng của ban cán sự. Hằng năm và khi có vấn đề cần thiết, các ban kinh tế tổ chức hội nghị chung với các ban cán sự.

- Cán bộ, chuyên viên theo dõi ngành của ban kinh tế được dự các sinh hoạt của ngành, kể cả hội nghị ban cán sự và đảng uỷ cơ quan; đồng thời được trực tiếp làm việc với các tổ chức chính quyền, đảng, đoàn thể của các cơ sở và cán bộ, đảng viên trong ngành.

- Khi ban kinh tế có những yêu cầu đối với ngành và ngược lại, thì hai bên phải trả lời cho nhau trong vòng không quá một tháng.

6. Về cung cấp tài liệu

Các ngành cung cấp cho các ban những loại tài liệu sau đây:

- Các báo cáo, thông báo thường kỳ và bất thường, các

báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước, công tác cán bộ, các báo cáo phân tích hoạt động kinh tế và các hoạt động khác của ngành.

- Các bản kế hoạch tiến hành và báo cáo kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết quan trọng của Đảng và Nhà nước.

- Các bản báo cáo điều tra, khảo sát tình hình cơ bản của ngành (tình hình tài nguyên, năng lực sản xuất, đội ngũ cán bộ, công nhân...).

- Các báo cáo kết quả tham quan, khảo sát nước ngoài, các tài liệu khoa học - kỹ thuật.

- Các bản quy hoạch, kế hoạch dài hạn, hằng năm, 6 tháng và hằng quý.

- Các bản kế hoạch hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật với nước ngoài.

- Chương trình nghiên cứu hằng năm và các đề án chuẩn bị trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Chính phủ.

- Những nghị quyết, chỉ thị,... của ngành hướng dẫn thi hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

- Chương trình công tác hằng năm, hằng quý, và lịch công tác hằng tuần.

- Ngoài ra, hằng tháng, các ngành cử cán bộ phản ánh tình hình trực tiếp với ban hữu quan một lần và khi có tình hình đột xuất thì báo cáo kịp thời bằng hình thức thích hợp.

Theo sự thoả thuận giữa ban và ngành, một số xí nghiệp lớn, cơ sở quan trọng của ngành thường xuyên gửi cho ban kinh tế hữu quan những tài liệu thuộc các loại nói trên.

II- QUAN HỆ GIỮA CÁC BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG VỚI CÁC BAN KINH TẾ TỈNH, THÀNH

1. Mỗi năm Ban Kinh tế Trung ương mở hội nghị với ban kinh tế tỉnh, thành một lần (không kể hội nghị bất thường) để hướng dẫn công tác.

2. Hằng quý, 6 tháng và một năm, các ban kinh tế tỉnh, thành phải gửi báo cáo về các ban kinh tế trung ương về tình hình thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, về tình hình phát triển kinh tế và tình hình hoạt động của các ban kinh tế.

Ngoài những báo cáo thường kỳ, khi cần nắm thêm vấn đề gì, các ban kinh tế Trung ương sẽ có yêu cầu cụ thể.

- Định kỳ 6 tháng và một năm, các ban kinh tế Trung ương tổng hợp tình hình và làm thông báo gửi các ban kinh tế tỉnh và thành phố.

3. Khi nghiên cứu lập quy hoạch, làm đề án phát triển kinh tế địa phương..., các ban kinh tế tỉnh, thành gửi dự thảo cho các ban kinh tế Trung ương để tham gia ý kiến.

Khi họp tổng kết công tác hoặc bàn những vấn đề quan trọng, các ban kinh tế địa phương thông báo cho các ban kinh tế Trung ương biết để cử cán bộ về dự.

4. Ban kinh tế địa phương có trách nhiệm hợp tác tốt với cán bộ của ban kinh tế Trung ương cử về nghiên cứu, kiểm tra công việc ở địa phương.

Các ban kinh tế Trung ương có nhiệm vụ giúp các ban kinh tế địa phương về kinh nghiệm công tác.

III- VỀ CÔNG VIỆC CỦA CÁC BAN KINH TẾ TỈNH, THÀNH

1. *Công tác nghiên cứu và kiểm tra:* các ban kinh tế tỉnh, thành phố phải dành nhiều thì giờ vào nhiệm vụ theo dõi,

kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của cấp uỷ địa phương trong các ngành, các cấp ở địa phương. Qua theo dõi, kiểm tra sẽ phát huy mặt tốt, đồng thời phát hiện những vấn đề cần nghiên cứu giải quyết. Công tác nghiên cứu chủ yếu là vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương cho sát với hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Như vậy sẽ gắn chặt hai mặt công tác nghiên cứu và kiểm tra, nhằm giúp cấp uỷ nâng cao chất lượng chỉ đạo về kinh tế.

- Phải kết hợp việc theo dõi nắm tình hình thường xuyên với việc tổ chức những đợt kiểm tra tập trung khi phát hiện những vấn đề lớn. Ban kinh tế phải phối hợp với ngành hữu quan để tiến hành kiểm tra. Từng đợt kiểm tra phải có kết luận rõ và có biện pháp giải quyết những vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra.

2. Về công tác cán bộ, các ban kinh tế phải thông qua việc theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế để hiểu sâu cán bộ cốt cán trong các ngành, chủ yếu là về mặt trình độ, năng lực công tác, tham gia ý kiến khi cấp uỷ xét duyệt đề bạt, bố trí hoặc xử lý kỷ luật đối với cán bộ và giúp cấp uỷ quản lý cán bộ. Các cấp uỷ cần đề cao trách nhiệm của các ban kinh tế trong công tác cán bộ. Khi xét quyết định về cán bộ phụ trách, cần có sự nhất trí giữa ban kinh tế với ban tổ chức.

3. Về công tác đảng, các ban kinh tế tỉnh, thành phố có nhiệm vụ cùng ban tổ chức cùng cấp theo dõi sự chỉ đạo của các ban cán sự đảng các ngành, hoạt động của đảng bộ các cơ quan và một số đảng bộ cơ sở lớn.

4. Đối với các cơ sở kinh tế trung ương đặt tại địa phương, ban kinh tế tỉnh, thành phố có nhiệm vụ giúp cấp uỷ tỉnh,

thành phố về các vấn đề:

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành của các cơ sở đó về các chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Chính phủ (kể cả những nghị quyết, quyết định của cấp uỷ đảng và uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành theo thẩm quyền của mình).

- Tham gia ý kiến về quy hoạch, kế hoạch phát triển của các đơn vị kinh tế, về việc thiết lập, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, bãi bỏ, chọn địa điểm xây dựng các công trình kinh tế trung ương tại địa phương.

- Theo dõi, nghiên cứu, giúp cấp uỷ tỉnh, thành phố chỉ đạo giải quyết tốt khâu hậu cần cho các cơ sở kinh tế trung ương như cung cấp lao động, nguyên liệu, vật liệu, chăm lo đời sống cho cán bộ, công nhân, bảo đảm về an ninh trật tự.

5. Quan hệ làm việc giữa ban kinh tế thành, tỉnh với các ngành cùng cấp cũng theo các quy định áp dụng trong quan hệ giữa các ban kinh tế Trung ương với các ngành ở trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 53-TT/TW, ngày 30 tháng 8 năm 1978

Về việc sưu tầm các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh để xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*

Ngày 7-1-1978, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Nghị quyết đã chỉ rõ: "Xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* bao gồm toàn bộ những tác phẩm mà Người để lại cho chúng ta dưới những hình thức rất phong phú: từ những báo cáo, luận văn chính trị, lời kêu gọi, lời huấn thị, diễn văn, trả lời phỏng vấn đến các hình thức văn học, nghệ thuật, các thư từ, điện văn và các văn kiện của Đảng và của Nhà nước ta mà Người ký tên đã được xuất bản và chưa xuất bản, kể cả các bút tích của Hồ Chủ tịch trên sách, báo, tài liệu và văn hoá phẩm ở trong nước và nước ngoài".

Song, hiện nay những tác phẩm đó của Hồ Chủ tịch đang còn phân tán ở nhiều nơi, do nhiều cơ quan và cá nhân cất giữ, chưa được tập trung về một cơ quan quản lý để thuận tiện cho việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Do đó, để thực hiện khẩn trương và chu đáo nghị quyết nói trên của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Ban Bí thư Trung ương yêu cầu các cấp uỷ đảng, các ngành ở trung ương và các địa phương nghiên cứu kỹ Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* và Thông tri này, định ra các chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm làm tốt các công tác sau đây:

1. Tổ chức việc sưu tầm và thống kê các tác phẩm của Hồ Chủ tịch và các tài liệu có liên quan đến hoạt động cách mạng của Người

Để Hội đồng chỉ đạo biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* có thể nắm được toàn bộ các tác phẩm của Hồ Chủ tịch và các tài liệu có liên quan đến hoạt động cách mạng của Người, các cấp uỷ đảng, các cơ quan trung ương, các địa phương cần nhanh chóng tổ chức việc sưu tầm trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các đơn vị quân đội và các cá nhân; thống kê các tác phẩm của Hồ Chủ tịch, các tài liệu có liên quan đến hoạt động cách mạng của Người; thống kê các lần thăm hỏi và làm việc của Hồ Chủ tịch ở cơ quan và ở địa phương mình để gửi bản thống kê đó về Hội đồng chỉ đạo biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* theo trật tự thống kê sau đây:

Về thống kê tài liệu: a) Số thứ tự; b) Tên tài liệu; c) Ngày, tháng, năm của tài liệu; d) Tên cơ quan, đơn vị hoặc người cất giữ tài liệu.

Về thống kê hoạt động của Hồ Chủ tịch đối với địa phương, cơ quan, đơn vị hoặc ngành mình: a) Số thứ tự; b) Tên

cuộc đến thăm; c) Ngày, tháng, năm; d) Có bài nói, bút tích, ảnh chụp không?; đ) Tên cơ quan hoặc người cất giữ tài liệu đó; e) Lý do cuộc đến thăm.

2. Tổ chức việc sao chép, chụp ảnh các tác phẩm, tài liệu nói trên theo yêu cầu của Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*

Sau khi làm xong thống kê và gửi về Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*, các cơ quan, đơn vị ở trung ương và ở các địa phương cần tiến hành ngay việc sao chép, chụp ảnh lại các tài liệu đó (nếu cấp uỷ địa phương và các ngành cần giữ lại hiện vật để trưng bày) và giao bản gốc cho hội đồng.

Các cấp uỷ, các cơ quan ở trung ương và các địa phương cần cử cán bộ đem các tài liệu đã sưu tầm và sao chép được giao cho Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*, đồng thời báo cáo cho hội đồng biết tình hình công tác sưu tầm ở địa phương, đơn vị và cơ quan mình.

3. Tổ chức việc chú thích những tài liệu đã sưu tầm được

Để giúp cho Hội đồng chỉ đạo biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* có thể nghiên cứu và sử dụng được các tài liệu đã sưu tầm, các cơ quan, đơn vị ở trung ương và ở các địa phương cần làm tốt công tác chú thích và xác minh các tài liệu đó. Cụ thể là mỗi tài liệu gửi đi nhất thiết phải kèm theo một bản hồ sơ nói rõ các vấn đề sau đây:

1) Tài liệu này do ai cung cấp? (cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân nào?). Ngày, tháng, năm cung cấp tài liệu;

2) Hồ Chủ tịch nói hoặc viết bài, thư đó trong hoàn cảnh nào, bao giờ? (ở hội nghị nào? hoặc viết cho ai? vì sao?);

3) Sau khi Hồ Chủ tịch có chỉ thị hoặc nói chuyện, v.v. thì phong trào hoặc cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân đó có biến chuyển gì tốt.

VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ở các cơ quan trung ương

Các cấp uỷ ở các cơ quan trung ương cần cử những cán bộ có năng lực làm công tác sưu tầm, xác minh và chú thích các tài liệu để chuyên trách làm những công tác trên đây và trực tiếp báo cáo tình hình sưu tầm tài liệu cho Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Ở các tỉnh và thành phố

Ban chấp hành đảng bộ các tỉnh, thành phố cần giao các công tác sưu tầm, thống kê, chú thích nói trên cho ban nghiên cứu lịch sử Đảng của tỉnh, thành (hoặc cơ quan nào thích hợp) tổ chức thực hiện và báo cáo với Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Trong quân đội

Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam cần căn cứ vào Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* và Thông tri này để ra chỉ thị cụ thể cho các cơ quan và đơn vị trong quân đội tổ chức thực hiện.

VỀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Từ tháng 9 đến tháng 12-1978:

Các cơ quan, đơn vị, các ban nghiên cứu lịch sử Đảng ở trung ương và địa phương cần làm xong một bước công tác sưu tầm và thống kê tài liệu để gửi báo cáo về Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Từ tháng 1 đến tháng 4-1979:

Cơ quan có trách nhiệm nói trên cần tiến hành các công việc chú thích, xác minh các tài liệu đã sưu tầm để gửi dần về cho Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Từ tháng 5 năm 1979 trở đi:

Công việc sưu tầm, xác minh, chú thích các tác phẩm của Hồ Chủ tịch cần được tiếp tục tiến hành trong nhiều năm. Do đó, các cơ quan có trách nhiệm làm công việc này ở trung ương và ở các địa phương cần có kế hoạch làm việc từng năm; và hằng quý đều có báo cáo tình hình cho Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Cơ quan thường trực của Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*, làm việc tại trụ sở Nhà xuất bản Sự thật, 24 phố Quang Trung, Hà Nội, chịu trách nhiệm tiếp nhận các tài liệu và các báo cáo của các nơi gửi tới.

*

* *

Việc sưu tầm tài liệu để xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* là một công tác quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn

quân ta; đồng thời, công tác này cũng giúp cho các địa phương và các cơ quan, đơn vị, các ngành tìm lại những lời dạy của Hồ Chủ tịch để làm công tác tuyên huấn, bảo tàng, lưu niệm và viết lịch sử đảng của địa phương mình.

Do đó, Ban Bí thư Trung ương mong rằng các cấp uỷ đảng trong toàn Đảng, toàn quân sẽ khẩn trương thực hiện tốt Thông tri này, tích cực góp phần vào việc xây dựng và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Tổng cục Chính trị quân đội, Bộ Văn hoá và Thông tin, các cơ quan báo chí, thư viện, bảo tàng và lưu trữ trung ương cần hướng dẫn công tác cho các cơ quan trong ngành thực hiện tốt Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 54-TT/TW, ngày 30 tháng 8 năm 1978

Về việc sưu tầm các tác phẩm của Hồ Chủ tịch ở nước ngoài để góp phần xây dựng và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*

Ngày 7-1-1978, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết về việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*. Nghị quyết đã chỉ rõ: "Xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* bao gồm toàn bộ những tác phẩm mà Người để lại cho chúng ta dưới những hình thức rất phong phú: từ những báo cáo, luận văn chính trị, lời kêu gọi, lời huấn thị, diễn văn, trả lời phỏng vấn đến các hình thức về văn học, nghệ thuật, các thư từ, điện văn và các văn kiện của Đảng và của Nhà nước ta mà Người ký tên, đã được xuất bản và chưa xuất bản; kể cả các bút tích của Hồ Chủ tịch trên các sách báo, tài liệu và văn hoá phẩm ở trong nước và ở nước ngoài".

Song, hiện nay, nói riêng ở nước ngoài, những tác phẩm đó của Hồ Chủ tịch đang còn phân tán ở một số nước trên thế giới, do nhiều cơ quan, nhiều tổ chức và cá nhân ở nước ngoài

cất giữ, chưa được sưu tầm và tập trung để phục vụ cho việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Do đó, để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cơ quan của Đảng và Nhà nước ta ở nước ngoài cần nghiên cứu kỹ nghị quyết nói trên của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Thông tri này, đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm thực hiện tốt các công tác sau đây:

1. Mấy công tác cần phải làm

1- Tổ chức việc sưu tầm (sao chép, chụp ảnh, mua lại) các tác phẩm của Hồ Chủ tịch hiện có ở các cơ quan, các tổ chức, các cá nhân người nước ngoài hoặc Việt kiều còn đang cất giữ.

2- Tổ chức việc sưu tầm (sao chép, chụp ảnh, mua lại) các sách báo, tài liệu của nước ngoài có bài, ảnh nói về hoạt động của Hồ Chủ tịch.

3- Các tài liệu sưu tầm cần được thống kê để gửi về nước theo trật tự thống kê sau đây: a) Số thứ tự; b) Tên tác phẩm hoặc tài liệu; c) Xuất xứ của tác phẩm hoặc tài liệu (sao chép ở đâu? Do ai cung cấp? Hồ Chủ tịch nói hoặc viết vào thời gian nào, hoàn cảnh nào?, v.v.).

2. Về tổ chức thực hiện

- Các cơ quan của Đảng và Nhà nước ta ở nước ngoài cần giao các công tác trên đây cho đồng chí tùy viên văn hoá Đại sứ quán phụ trách tổ chức thực hiện.

- Các khoản chi phí cho công tác sưu tầm các tài liệu nói

trên do các cơ quan của Đảng và Nhà nước ta ở nước ngoài giải quyết và thanh toán với Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

- Yêu cầu công tác sưu tầm và thống kê các tác phẩm của Hồ Chủ tịch và các tài liệu nói về hoạt động của Người ở nước ngoài phải được tiến hành một cách khẩn trương và chu đáo, tránh lầm lẫn, luộm thuộm. Các cơ quan của Đảng và Nhà nước ta ở nước ngoài cần cử cán bộ đem tài liệu và các bản thống kê về nước để cung cấp cho Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*, tuyệt đối không gửi các tài liệu và các bản thống kê theo đường bưu điện hoặc nhờ ai khác.

Thời gian cần gửi các tài liệu về nước đợt đầu là tháng 12-1978.

Từ năm 1979 trở đi, công tác sưu tầm, xác minh, chú thích các tài liệu của Hồ Chủ tịch và các tài liệu khác nói về hoạt động của Người cần được tiếp tục tiến hành trong nhiều năm. Các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở nước ngoài cần có kế hoạch công tác hằng năm, hằng quý có báo cáo tình hình, gửi tài liệu mới sưu tầm được cho Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*.

Cơ quan thường trực của hội đồng làm việc tại trụ sở của Nhà xuất bản Sự thật, 24 phố Quang Trung, Hà Nội, chịu trách nhiệm tiếp nhận các tài liệu và báo cáo của các cơ quan đảng và nhà nước ở nước ngoài gửi về nước.

*

* *

Trên đây là một công tác có ý nghĩa to lớn của Đảng và

Nhà nước ta. Ban Bí thư Trung ương mong rằng các cơ quan đảng và nhà nước ở nước ngoài, nhất là các cơ quan đại sứ quán Việt Nam ở Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, sẽ hết sức cố gắng, khẩn trương tổ chức thực hiện tốt Thông tri này, góp phần vào việc xuất bản sớm bộ *Hồ Chí Minh toàn tập*.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT**CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

Số 11-NQ/TW, ngày 19 tháng 9 năm 1978

**Về tổ chức đảng và tổ chức công tác chính trị
trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng và Hồ Chủ tịch sáng lập, là công cụ bạo lực sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng. Từ ngày thành lập đến nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã lãnh đạo chặt chẽ quân đội, đã quyết định những vấn đề: đường lối, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, chế độ lãnh đạo, chỉ huy, chế độ công tác chính trị và công tác cán bộ trong quân đội.

Đó là nhân tố quyết định nhất mọi chiến thắng và trưởng thành của quân đội, đảm bảo quân đội tuyệt đối trung thành với mục đích, lý tưởng của Đảng, với sự nghiệp cách mạng của nhân dân và của cả dân tộc Việt Nam. Quân đội đã cùng với toàn dân đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trước tình hình mới, nhiệm vụ chung của cách mạng

Việt Nam là: động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, tinh thần tự lực, tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa toàn diện và rộng khắp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, phá tan âm mưu của địch hòng làm suy yếu và đánh phá nước ta; giành thắng lợi trong chiến tranh biên giới phía tây nam, tăng cường phòng thủ đất nước, sẵn sàng chiến đấu đánh bại chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn. Tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và toàn thể loài người tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ... làm tốt nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta, góp phần bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc ở Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Các lực lượng vũ trang phải tiếp tục quán triệt và thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ: chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và xây dựng kinh tế. Nhiệm vụ hàng đầu là chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, trước mắt phải cùng nhân dân chiến thắng trong cuộc chiến tranh biên giới phía tây nam sẵn sàng đánh thắng địch ở những hướng khác, ở hải đảo, đập tan các cuộc bạo loạn ở nội địa, khẩn trương chuẩn bị cùng toàn dân đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn...

Để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang, quân đội phải tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối chính trị và quân sự của Đảng, không ngừng nâng cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, mài sắc ý chí chiến đấu, nâng cao trình độ kiến

thức, năng lực tổ chức và hành động cách mạng, khắc phục những hiện tượng tiêu cực, lỏng lẻo, trì trệ.

Mấu chốt là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, xây dựng Đảng bộ quân đội vững mạnh. Các tổ chức đảng trong quân đội phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc lãnh đạo tập thể, lãnh đạo tập thể đi đôi với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm cá nhân. Quân đội ta phải thấm nhuần sâu sắc và thực hiện nghiêm chỉnh lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Để quán triệt những vấn đề cơ bản về xây dựng đảng và những quy định của *Điều lệ Đảng* trong việc xây dựng Đảng bộ quân đội vững mạnh, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quy định về tổ chức đảng và tổ chức công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

Phần thứ nhất

TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

A- VẬN DỤNG NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG, TRONG QUÂN ĐỘI TỔ CHỨC ĐẢNG THEO NHỮNG NGUYÊN TẮC CHÍNH SAU ĐÂY

1. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức theo hệ thống ngành dọc từ cơ sở trở lên, đặt dưới sự

lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hoạt động tuân theo *Điều lệ Đảng* và các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Ban Chấp hành Trung ương chỉ định Quân uỷ Trung ương để lãnh đạo, chỉ đạo công tác của Đảng trong quân đội do Ban Chấp hành Trung ương uỷ nhiệm.

3. Tổ chức đảng ở cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, cơ quan, học viện, nhà trường, bệnh viện, xí nghiệp phải phù hợp với tổ chức và hoạt động của quân đội.

4. Ban chấp hành đảng bộ các cấp, do bầu cử dân chủ, hoặc do cấp trên chỉ định, tuý theo vị trí và điều kiện hoạt động.

5. Các cấp uỷ đảng trong quân đội chấp hành đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, lãnh đạo tập thể phải đi đôi với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm cá nhân.

6. Ở mỗi cấp đều có cán bộ và cơ quan chính trị chuyên trách công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị.

B- HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

I- HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP

1. Toàn quân có Quân uỷ Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Quân uỷ Trung ương do Bộ Chính trị Trung ương Đảng chỉ định, gồm các uỷ viên Bộ Chính trị, một số uỷ viên Trung ương công tác trong quân đội và một số uỷ viên Bộ Chính trị có liên quan nhiều đến việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

Số lượng uỷ viên của Quân uỷ Trung ương từ 13 đến 15 đồng chí. Ban Thường vụ năm đồng chí, gồm bí thư, một hoặc hai phó bí thư và các uỷ viên. Đồng chí Tổng Bí thư Đảng là Bí thư Quân uỷ Trung ương.

2. Ở quân khu, quân đoàn, quân chủng và đơn vị tương đương có ban chấp hành đảng bộ, gọi tắt là đảng uỷ, do Bộ Chính trị chỉ định, số lượng từ 11 đến 15 uỷ viên chính thức. Ban thường vụ có từ năm đến bảy đồng chí. Bí thư đảng uỷ phải có ít nhất 10 tuổi đảng. Đảng uỷ quân khu, gồm một số đồng chí công tác trong quân đội và các đồng chí bí thư tỉnh uỷ của các tỉnh trong địa bàn quân khu đó.

3. Ở binh chủng có ban chấp hành đảng bộ, gọi tắt là đảng uỷ, do Quân uỷ Trung ương chỉ định, số lượng từ 9 đến 11 uỷ viên chính thức. Ban Thường vụ từ 3 đến 5 đồng chí. Bí thư đảng uỷ phải có ít nhất 10 năm tuổi đảng.

4. Ở sư đoàn và đơn vị tương đương có ban chấp hành đảng bộ gọi tắt là đảng uỷ, do đại hội đại biểu đảng bộ dân chủ bầu cử, cấp trên trực tiếp chuẩn y. Trường hợp đặc biệt thì do đảng uỷ cấp trên một cấp tạm thời chỉ định. Số lượng từ 9 đến 11 uỷ viên chính thức (có thể thêm 1 đến 2 uỷ viên dự khuyết), ban thường vụ từ 3 đến 5 đồng chí. Bí thư Đảng uỷ phải có ít nhất 5 năm tuổi đảng.

5. Ở trung đoàn, lữ đoàn và đơn vị tương đương, các học viện, nhà trường, xí nghiệp quốc phòng, bệnh viện, cơ quan, các tiểu đoàn trực thuộc của các đơn vị từ cấp sư đoàn trở lên và tương đương là tổ chức cơ sở của Đảng trong quân đội. Tuỳ theo quy mô tổ chức, yêu cầu, nhiệm vụ, số lượng đảng viên mà tổ chức thành tổ chức cơ sở đảng một, hai hay ba cấp, do Quân uỷ Trung ương quyết định. Ban chấp hành đảng bộ gọi tắt là đảng uỷ, ban chấp hành chi bộ gọi tắt là chi uỷ, do đại hội đại biểu đảng bộ hoặc đại hội toàn thể đảng viên dân chủ bầu cử.

6. Ở cơ quan Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, có ban chấp hành đảng bộ cơ quan, gọi tắt là đảng uỷ cơ quan, do đại hội đại biểu đảng bộ dân chủ bầu cử, số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên chính thức và từ 1 đến 3 uỷ viên dự khuyết. Ban thường vụ có 5 đồng chí.

7. Ở Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Xây dựng kinh tế, có ban chấp hành đảng bộ gọi tắt là đảng uỷ, lãnh đạo mọi mặt công tác của Đảng đối với cơ quan và đơn vị trực thuộc, do Quân uỷ Trung ương chỉ định, số lượng từ 9 đến 13 đồng chí. Ban thường vụ từ 3 đến 5 đồng chí. Quân uỷ Trung ương uỷ nhiệm cho ban thường vụ các đảng uỷ này giúp Quân uỷ Trung ương đề xuất các vấn đề về chủ trương, kế hoạch công tác chung toàn ngành của những ngành đó.

8. Ở cơ quan quân sự địa phương tỉnh, thành, có ban chấp hành đảng bộ, gọi tắt là đảng uỷ quân sự tỉnh, thành, lãnh đạo mọi mặt công tác của Đảng đối với cơ quan và đơn vị trực thuộc đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh uỷ, thành uỷ và sự chỉ đạo mọi mặt về quân sự của quân khu; do tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ định sau khi đã trao đổi thống nhất ý kiến với quân khu.

9. Ở các huyện, các quận nếu có đơn vị bộ đội địa phương thì lập đảng uỷ, nếu không có đơn vị bộ đội địa phương thì lập ban cán sự, do huyện uỷ chỉ định, tỉnh uỷ, thành uỷ chuẩn y sau khi đã lấy ý kiến của đảng uỷ quân sự tỉnh, thành.

10. Ngoài những tổ chức đã quy định ở trên, trường hợp có nhiệm vụ đặc biệt, thì Ban Chấp hành Trung ương hoặc Quân uỷ Trung ương có thể chỉ định đảng uỷ lâm thời để lãnh đạo, sau khi hoàn thành nhiệm vụ thì giải thể.

II- NHIỆM KỲ CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

- Quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng và đơn vị tương đương, hai năm tiến hành hội nghị cán bộ một lần để kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình, góp ý kiến về công tác lãnh đạo.

- Sư đoàn, đảng bộ cơ sở, hai năm tiến hành đại hội một lần, chi bộ một năm một lần, nhiệm vụ của đại hội theo như quy định của *Điều lệ Đảng*.

III- ĐỊNH KỲ HỘI NGHỊ CỦA CẤP ỦY ĐẢNG

- Quân uỷ Trung ương họp thường lệ ba tháng một lần, Thường vụ Quân uỷ Trung ương họp một tuần một lần.

- Đảng uỷ quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, sư đoàn và tương đương họp thường lệ ba tháng một lần.

- Đảng uỷ cơ sở, chi bộ họp thường lệ một tháng một lần.

Ngoài ra khi cần thiết có thể họp bất thường.

IV- ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

1. Các tổ chức là cấp trên của tổ chức cơ sở, tổ chức cơ sở đảng có 500 đảng viên chính thức và dự bị trở lên hoặc những tổ chức cơ sở đảng đã được quyền chuẩn y kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đảng viên với hình thức khai trừ ra khỏi Đảng, đều được tổ chức ra uỷ ban kiểm tra, gồm một số uỷ viên trong ban chấp hành và một số ngoài ban chấp hành.

2. Nơi nào đảng uỷ do đại hội dân chủ bầu cử, thì đảng uỷ nơi đó cử ra uỷ ban kiểm tra, cấp trên trực tiếp chuẩn y; nơi nào đảng uỷ do cấp trên chỉ định, thì đảng uỷ đề nghị danh sách uỷ ban kiểm tra, cấp trên trực tiếp chỉ định.

C- NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGUYÊN TẮC LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

I- NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

1. Quân uỷ Trung ương

Quân uỷ Trung ương có hai chức năng chủ yếu: là cơ quan quân sự của Đảng, có nhiệm vụ đề đạt với Ban Chấp hành Trung ương Đảng về các chủ trương quân sự và quốc phòng; là một cấp uỷ đảng, lãnh đạo mọi mặt công tác của Đảng trong quân đội theo sự uỷ nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương.

a) *Quân uỷ Trung ương có nhiệm vụ nghiên cứu đề nghị lên Bộ Chính trị quyết định các vấn đề sau đây:*

- Đường lối, nhiệm vụ quân sự, kế hoạch phòng thủ, các phương án tác chiến chiến lược.

- Nhiệm vụ và kế hoạch xây dựng các lực lượng vũ trang, bao gồm ba thứ quân, lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị.

- Nhiệm vụ và kế hoạch xây dựng kinh tế của quân đội.

- Phương hướng và kế hoạch xây dựng hậu phương, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của quân đội, xây dựng nền công nghiệp quốc phòng; chủ trương, kế hoạch sẵn sàng chuyển đất nước vào chiến tranh.

- Ngân sách quốc phòng.

- Nghiên cứu những chuyên đề về quân sự và quốc phòng quan trọng.

- Thành lập, giải thể và thay đổi tổ chức cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng và tương đương; chỉ định đảng uỷ, bí thư các đảng uỷ quân khu, quân đoàn, quân chủng và tương

đương; bổ nhiệm, bãi miễn chức vụ chủ nhiệm và phó chủ nhiệm các tổng cục, tư lệnh quân khu, quân đoàn, quân chủng và tương đương; thăng và giáng cấp quân hàm cấp tướng. Những việc trên đây sau khi Bộ Chính trị quyết định thì đưa ra Nhà nước theo đúng pháp chế.

b) Quân uỷ Trung ương đề nghị lên Ban Bí thư quyết định các vấn đề sau đây:

- Nhiệm vụ, phương hướng giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ trong quân đội.
- Các chính sách chế độ trong các lực lượng vũ trang và củng cố quốc phòng.
- Chủ trương công tác quân sự địa phương.
- Chủ trương về quan hệ giữa quân đội ta với quân đội các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước dân tộc chủ nghĩa, các phong trào giải phóng dân tộc, các đoàn thể cách mạng các nước.

c) Bộ Chính trị uỷ nhiệm cho Quân uỷ Trung ương: căn cứ vào đường lối, nhiệm vụ cách mạng, đường lối, nhiệm vụ quân sự, căn cứ vào những nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, được quyết định cụ thể các vấn đề sau đây:

- Kế hoạch phòng thủ bảo vệ đất nước, tổ chức và huấn luyện các lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cơ sở hậu cần của quân đội và công nghiệp quốc phòng.
- Kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu xây dựng kinh tế do Trung ương Đảng và Chính phủ giao cho quân đội.
- Chủ trương và kế hoạch giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ trong quân đội.
- Dự trù, phân phối, sử dụng ngân sách quốc phòng, bảo

quản và phân phối vật tư, trang bị kỹ thuật cho xây dựng, chiến đấu và sinh hoạt của quân đội.

- Kế hoạch thực hiện những việc đã được Trung ương ta thoả thuận với các nước anh em, các phong trào giải phóng dân tộc, các đoàn thể cách mạng các nước.

- Hướng dẫn các cấp uỷ đảng địa phương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác quân sự địa phương.

- Thành lập, giải thể và thay đổi tổ chức cả về đảng và chính quyền từ cấp binh chủng, sư đoàn và tương đương trở xuống; chuẩn y hoặc chỉ định các đảng uỷ, bí thư đảng uỷ từ cấp dưới quân khu, quân đoàn, quân chủng và tương đương trở xuống; bổ nhiệm, bãi miễn chức vụ cán bộ từ cấp phó tư lệnh quân khu, quân đoàn, quân chủng, cục trưởng, sư đoàn trưởng và tương đương trở xuống; phong cấp, thăng và giáng cấp quân hàm từ cấp đại tá trở xuống.

- Quyết định các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với cấp uỷ, cán bộ, đảng viên, do Quân uỷ Trung ương quản lý theo quy định của *Điều lệ Đảng*, uỷ quyền của Bộ Chính trị và pháp luật nhà nước.

- Triệu tập đại hội đại biểu đảng bộ toàn quân để thảo luận đề án đại hội đại biểu toàn quốc theo chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Đảng uỷ các cấp có nhiệm vụ

- Quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, nghị quyết đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể đảng viên của đảng bộ cấp mình.

- Lãnh đạo toàn đảng bộ và cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị

đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân, không ngừng nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu cao, chiến đấu thắng lợi để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; hăng hái lao động xây dựng đất nước, làm tròn nhiệm vụ quốc tế vẻ vang khi được giao.

- Thực hiện quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ, phát huy hiệu lực của lãnh đạo, của chỉ huy và vai trò của các tổ chức quần chúng, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

- Bồi dưỡng cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa, có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội cao, có phẩm chất và năng lực làm chủ và sử dụng tốt những trang bị kỹ thuật, đưa lại hiệu suất chiến đấu, năng suất lao động và hiệu quả công tác cao.

- Phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật tự giác nghiêm minh, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các điều lệnh, điều lệ và các quy định, chế độ của quân đội.

- Chấp hành tốt các chế độ quy định về quản lý, sử dụng tài chính, vật tư, cơ sở vật chất kỹ thuật của quân đội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của nhân dân và của quân đội.

- Thường xuyên xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức mạnh chiến đấu của các tổ chức đảng và vai trò gương mẫu của đảng viên.

- Thực hiện đường lối, chính sách của Đảng về công tác cán bộ, chăm lo bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ trong đơn vị.

- Chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ, công nhân và nhân viên quốc phòng trong đơn vị.

Ngoài những nhiệm vụ nói trên, từng thời gian Quân uỷ Trung ương có thể giao thêm những nhiệm vụ khác.

II- NGUYÊN TẮC LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

Đảng uỷ các cấp trong quân đội phải thực hiện đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, lãnh đạo tập thể phải đi đôi với cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm cá nhân.

1. Quân uỷ Trung ương

- Những vấn đề đề nghị lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, những nhiệm vụ đã được Trung ương uỷ nhiệm, đều do Quân uỷ Trung ương hoặc Thường vụ Quân uỷ Trung ương thảo luận quyết định.

- Sau khi có nghị quyết của Quân uỷ Trung ương, Thường vụ Quân uỷ Trung ương, thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo tổ chức thực hiện. Trường hợp đặc biệt có thể uỷ quyền cho một đồng chí thủ trưởng Bộ triển khai tổ chức thực hiện một số công tác nhất định. Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị giúp Bí thư Quân uỷ Trung ương và Quân uỷ Trung ương triển khai công tác đảng, công tác chính trị.

2. Các cấp uỷ đảng

- Đảng uỷ các cấp khi nhận được nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh cấp trên phải đưa ra tập thể đảng uỷ (hoặc thường vụ) bàn bạc và quyết định. Sau khi đảng uỷ (hoặc thường vụ) có quyết định thì thủ trưởng quân sự và chính trị,

theo đúng chức trách tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả.

- Trường hợp khẩn cấp, không hợp được đảng uỷ (hoặc thường vụ) thì thủ trưởng quân sự, chính trị theo chức trách mà nghiên cứu quyết định tổ chức thực hiện, rồi báo cáo và chịu trách nhiệm với cấp uỷ và cấp trên.

D- QUAN HỆ GIỮA CẤP ỦY ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI VỚI CẤP ỦY ĐẢNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ VỚI ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

1. Quan hệ giữa đảng uỷ quân khu và tỉnh uỷ, thành uỷ trong quân khu

Quan hệ giữa đảng uỷ quân khu và tỉnh uỷ, thành uỷ là quan hệ ngang và phối hợp công tác để thực hiện công tác quân sự địa phương. Mọi việc có liên quan giữa quân đội và địa phương trên địa bàn quân khu phải do đảng uỷ quân khu và tỉnh uỷ, thành uỷ bàn bạc nhất trí. Bộ Chính trị đã quyết định các bí thư tỉnh uỷ, trên địa bàn quân khu nào thì tham gia vào đảng uỷ quân khu đó để đảm bảo thống nhất lãnh đạo trên một địa bàn chiến lược.

Tuy vậy, cũng cần phải quy định một số điểm về quan hệ lãnh đạo và công tác như sau:

- Tỉnh uỷ, thành uỷ trực tiếp lãnh đạo đảng uỷ và bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành chấp hành các nghị quyết, mệnh lệnh, chỉ thị của đảng uỷ, bộ tư lệnh quân khu và của cấp trên về mọi mặt. Nếu có những ý kiến chưa nhất trí giữa tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ quân khu thì đề nghị lên cấp trên. Trường hợp khẩn cấp trong chiến đấu, thành uỷ, tỉnh uỷ vẫn

lãnh đạo đảng uỷ, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành thực hiện những mệnh lệnh, chỉ thị chiến đấu, đồng thời báo cáo xin ý kiến của Trung ương và Quân uỷ Trung ương.

- Đảng uỷ quân sự tỉnh, thành phải báo cáo và xin chủ trương lãnh đạo của tỉnh uỷ, thành uỷ để thực hiện chỉ thị, nghị quyết, mệnh lệnh của cấp trên về mọi mặt công tác.

Về đảng bộ các cơ quan và đơn vị bộ đội địa phương do tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo; về quân số, cán bộ, trang bị và kỹ thuật do quân đội quản lý. Nhưng khi điều động, đề bạt hoặc thi hành kỷ luật cán bộ do quân khu uỷ quản lý, thì quân khu uỷ phải bàn bạc nhất trí với tỉnh uỷ, thành uỷ.

2. Quan hệ giữa đảng uỷ quân sự tỉnh với đảng uỷ, hoặc ban cán sự huyện, quận

Thực hiện như quan hệ giữa đảng uỷ quân khu và đảng uỷ quân sự tỉnh, thành.

3. Quan hệ giữa cấp uỷ đơn vị chủ lực với cấp uỷ đảng địa phương

Các đơn vị chủ lực đến đóng quân ở địa phương, đảng uỷ đơn vị phải báo cáo tình hình, nhiệm vụ cần thiết có liên quan với thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ nơi đóng quân và cùng cơ quan quân sự địa phương thống nhất kế hoạch tác chiến ở địa phương theo kế hoạch chung của cấp trên, chấp hành luật pháp của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương. Khi chuyển đi nơi khác phải báo cáo với cấp uỷ đảng địa phương và với cơ quan quân sự địa phương để điều chỉnh kế hoạch phòng thủ.

*Phần thứ hai***NHIỆM VỤ, HỆ THỐNG TỔ CHỨC
CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VIỆT NAM**

Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam là một vấn đề nguyên tắc trong học thuyết xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng ta.

Trong giai đoạn cách mạng trước, công tác đảng, công tác chính trị đã góp phần quan trọng bảo đảm cho các lực lượng vũ trang nhân dân ta hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Sang giai đoạn cách mạng mới, trước tình hình và nhiệm vụ mới càng cần thiết phải tăng cường công tác đảng, công tác chính trị và kiện toàn hệ thống tổ chức công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

A- NHIỆM VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ

1. Không ngừng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, xây dựng quân đội về chính trị, tư tưởng, tổ chức theo đúng đường lối chính trị, quân sự của Đảng, đảm bảo quân đội tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, với sự nghiệp cách mạng của nhân dân, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phát huy bản chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp của quân đội, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao cho.

2. Quán triệt đường lối và quan điểm tư tưởng quân sự

của Đảng, không ngừng phát triển nền khoa học quân sự và nghệ thuật quân sự cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

3. Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng, nhiệm vụ chính trị của quân đội, không ngừng nâng cao lòng yêu nước và trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, phát huy bản chất truyền thống cách mạng của Đảng, của quân đội; bồi dưỡng ý thức và tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, làm cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa; động viên cán bộ, chiến sĩ ra sức học tập nâng cao kiến thức khoa học - kỹ thuật, nâng cao sức mạnh chiến đấu.

4. Tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết giữa quân đội với nhân dân, tôn trọng và giúp đỡ nhân dân, giữ nghiêm kỷ luật quần chúng, đoàn kết chặt chẽ với các đoàn thể và tổ chức khác trong hệ thống chuyên chính vô sản, đoàn kết quốc tế.

5. Xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật tự giác của quân đội, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mọi điều lệnh, chế độ quy định của quân đội, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.

6. Xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng các tổ chức quần chúng, kiện toàn tổ chức chỉ huy, phát huy sức mạnh lãnh đạo của Đảng, hiệu lực của tổ chức chỉ huy và tác dụng của các tổ chức quần chúng.

7. Thường xuyên chăm lo đến đời sống tinh thần, vật chất của bộ đội, tổ chức tốt sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, bảo đảm cho quân đội có đời sống văn minh, lành mạnh.

8. Nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống mọi

hoạt động phá hoại của kẻ thù, bảo vệ Đảng, bảo vệ quân đội. Tích cực tấn công chính trị làm tan rã hàng ngũ địch.

B- HỆ THỐNG TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ CỦA CƠ QUAN CHÍNH TRỊ VÀ CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ CÁC CẤP

1. Hệ thống tổ chức cơ quan chính trị

- Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội dưới sự lãnh đạo của Quân uỷ Trung ương, sự hướng dẫn, kiểm tra của Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

- Ở quân khu, quân đoàn, quân chủng và đơn vị tương đương có cục chính trị; sư đoàn và đơn vị tương đương có phòng chính trị; trung đoàn và đơn vị tương đương có ban chính trị.

Cơ quan chính trị ở mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị, dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, sự chỉ đạo trực tiếp của cán bộ phụ trách chính trị cấp mình và sự chỉ đạo hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên.

2. Hệ thống tổ chức cán bộ phụ trách công tác chính trị

Trong điều kiện hiện nay, để tăng cường và phát huy hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị, vẫn tạm thời thực hiện chế độ chính uỷ và chính trị viên. Từ đại đội trở lên đến quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, các viện, trường học và các đơn vị đều có chính uỷ hay chính trị viên.

Chính uỷ hay chính trị viên, phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, được lựa chọn và bồi dưỡng về công tác đảng, công tác chính trị, công tác quân sự trong quân đội, do cấp trên có thẩm quyền bổ nhiệm. Chính uỷ và chính trị viên tiến hành công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

3. Nhiệm vụ của cơ quan chính trị và cán bộ phụ trách công tác chính trị các cấp

a) *Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ:*

Giúp Quân uỷ Trung ương, tổ chức quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, đảm bảo sự thống nhất, nhất trí trong toàn quân và tổ chức chấp hành, biến đường lối, chính sách của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của quân đội.

Thường xuyên chỉ đạo các cấp thực hiện các nhiệm vụ công tác đảng, công tác chính trị.

Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp đi sâu vào các mặt công tác chính trị trong chiến đấu, huấn luyện, trong việc nâng cao trình độ và năng lực sáng tạo nghệ thuật quân sự, trong xây dựng kinh tế và sản xuất.

b) *Cơ quan chính trị các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ:*

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, phát huy hiệu lực của các tổ chức quần chúng,

các công cụ của công tác chính trị, trách nhiệm và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đảm bảo hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trên giao cho đơn vị.

Ngoài nhiệm vụ chung ở trên, cơ quan chính trị các quân chủng, binh chủng, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Xây dựng kinh tế, Tổng cục Kỹ thuật còn có nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong ngành mình để phổ biến trong toàn quân, theo sự hướng dẫn thống nhất của Tổng cục Chính trị. Cơ quan chính trị các quân khu còn có nhiệm vụ hướng dẫn cơ quan chính trị của bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phối hợp với các cơ quan của tỉnh, thành làm tốt công tác chính trị đối với lực lượng vũ trang địa phương.

c) Nhiệm vụ của cán bộ phụ trách công tác chính trị:

Trực tiếp chỉ đạo cơ quan chính trị và cán bộ chính trị cấp dưới, tổ chức thực hiện công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị theo đúng nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và nghị quyết của đảng ủy cấp mình.

Tham gia bàn bạc các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung của đơn vị.

d) Tổ chức quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam:

Các tổ chức quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, gồm có:

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Hội đồng quân nhân.
- Công đoàn.

Các tổ chức quần chúng trong quân đội, chỉ tổ chức ở đơn vị cơ sở của quân đội, không có hệ thống dọc, đặt dưới sự lãnh

đạo trực tiếp của đảng ủy, chỉ bộ và sự chỉ đạo của thủ trưởng chính trị và cơ quan chính trị các cấp.

*
* *

Nghị quyết này chỉ quy định những vấn đề chính về tổ chức đảng và tổ chức công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam, những chi tiết do Quân ủy Trung ương quy định cụ thể.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 12-NQ/TW, ngày 19 tháng 9 năm 1978

Về chính sách lương thực trước mắt

Hiện nay, trong cả nước đang có khí thế sôi nổi thực hiện nghị quyết các Hội nghị lần thứ hai và lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về sản xuất nông nghiệp. Song nhìn chung, nông nghiệp chưa phát triển mạnh đều khắp các vùng; sản xuất, chế biến và thu mua màu chưa được coi trọng đúng mức; sản lượng lương thực chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước; khối lượng lương thực nhập khẩu hàng năm tăng lên nhiều. Trong tình hình mới, có thêm những nhu cầu mới và Nhà nước phải có dự trữ khá hơn để chủ động trong mọi tình huống.

Giải quyết vấn đề lương thực, bảo đảm cho cả nước đủ lương thực tiêu dùng và có dự trữ là mục tiêu cấp bách hiện nay. Phải tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện, trong bất cứ tình hình nào cũng phải đạt cho được các mục tiêu về *sản xuất lương thực* mà Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra. Từng tỉnh, từng huyện phải nắm lại tình hình đất đai, lao động và nhu cầu để xây dựng

một kế hoạch tích cực về sản xuất nông nghiệp, trước hết là lương thực, nhằm bảo đảm cho được nhu cầu lương thực của nhân dân địa phương và đóng góp lương thực cho trung ương để cung cấp cho các thành phố, khu công nghiệp, các vùng kinh tế mới... Mọi diện tích đất đai, dù là của hợp tác xã hay của nông dân cá thể, nhất thiết không được bỏ hoang, bỏ hoá, nhất thiết phải được sử dụng hết theo quy hoạch và kế hoạch chung của cả huyện. Bộ Nông nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ có liên quan phải chỉ đạo và giúp đỡ các địa phương bố trí kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt nhằm đạt cho được các mục tiêu lớn về phát triển sản xuất *nông nghiệp toàn diện, cả trồng trọt và chăn nuôi*, trong đó *các mục tiêu về lương thực là cơ bản nhất*. Đồng thời với việc thực hiện thâm canh, tăng năng suất trên diện tích trồng lúa, phải hết sức đẩy mạnh sản xuất màu. Tất cả các tỉnh, các huyện đều phải có kế hoạch tận dụng đất đai, sức lao động, thời vụ để đẩy mạnh sản xuất màu, đưa màu vào cơ cấu lương thực của địa phương và làm nghĩa vụ với Trung ương. Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, phải hết sức coi trọng chế biến; các ngành công nghiệp phải kịp thời bảo đảm chế biến hết số màu sản xuất, trước hết ở những vùng màu tập trung. Trong việc thu mua lương thực, phải coi trọng cả lúa và màu, khắc phục hiện tượng coi nhẹ việc thu mua màu.

Để giải quyết vấn đề lương thực, *phải nắm vững sản xuất là khâu quyết định, đồng thời phải tăng cường tổ chức thu mua, có chính sách thích hợp về huy động, phân phối và quản lý thị trường, nhất là ở các tỉnh, thành phố miền Nam*. Ba năm qua, sản lượng lương thực ở đồng bằng sông Cửu

Long có tăng, nhưng phần lương thực Nhà nước huy động lại ngày càng giảm, mặc dù các tỉnh có cố gắng chỉ đạo.

Dựa vào kinh nghiệm công tác lương thực trong thời gian qua, Bộ Chính trị quyết định từ nay áp dụng ở các tỉnh, thành phố miền Nam, từ Bình Trị Thiên đến Minh Hải, chính sách như sau: các hộ nông dân phải làm nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp đầy đủ; ngoài nghĩa vụ đó, Nhà nước dùng tư liệu sản xuất và một số hàng tiêu dùng để mua lương thực của nông dân qua hợp đồng hai chiều (Nhà nước bảo đảm cung cấp cho nông dân tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; ngược lại, các hợp tác xã và nông dân bảo đảm bán nông sản hàng hoá cho Nhà nước). Sau khi đã nộp đủ thuế và bán đủ lương thực cho Nhà nước theo hợp đồng, các hợp tác xã và hộ nông dân được lưu thông tự do phần lương thực còn lại. Nhà nước sẽ mua phần lương thực này với giá thoả thuận.

Về phân phối lương thực, cần bảo đảm cung cấp cho công nhân, cán bộ và gia đình, cho bộ đội, công an và những người sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề cá, nghề rừng, nghề muối, trồng cây công nghiệp... bán sản phẩm của mình cho Nhà nước theo kế hoạch. Đối với các tầng lớp nhân dân khác, Nhà nước cố gắng hết sức cung cấp, theo khả năng lương thực của Nhà nước.

1. Về thuế nông nghiệp, Bộ Tài chính phải hướng dẫn các địa phương tính toán chính xác mức thuế nông nghiệp theo đúng chính sách. Các địa phương phải làm thật tốt công tác tuyên truyền, giáo dục và thu thuế nông nghiệp, phát động phong trào quần chúng đẩy mạnh sản xuất và làm tròn nghĩa vụ nộp thuế; kiên quyết chống thất thu, bảo đảm thu đúng mức thuế đã định.

2. Về thu mua lương thực bằng hợp đồng hai chiều, Hội đồng Chính phủ phải chỉ đạo các ngành có liên quan và các địa phương triển khai nhanh và tốt việc này, bảo đảm một quan hệ tương ứng thích đáng giữa khối lượng lương thực thu mua với số vật tư, hàng hoá Nhà nước cung ứng; phấn đấu *thu mua khoảng 70% sản lượng lương thực hàng hoá tại các tỉnh miền Nam*.

Phải tổ chức tốt hợp đồng hai chiều, bố trí cán bộ có năng lực và đủ tin cậy làm việc này. Ủy ban nhân dân các huyện, xã chịu trách nhiệm tổ chức việc ký hợp đồng và thực hiện hợp đồng giữa cơ quan quản lý kinh tế nhà nước với người sản xuất lương thực. Các cơ quan đảng và nhà nước cấp trên phải tăng cường hướng dẫn và kiểm tra, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, bảo đảm ký kết và thực hiện hợp đồng đúng chính sách và đạt kết quả tốt, mở rộng quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và nông dân, loại trừ tư thương ra khỏi thị trường nông thôn đối với những nông sản quan trọng do Nhà nước thống nhất quản lý.

Phải chấn chỉnh việc quản lý vật tư, hàng hoá, đưa vật tư, hàng hoá đến tận tay người sản xuất đúng hợp đồng đã ký; kiên quyết chống ăn cắp, chống để hư hỏng, mất mát.

Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, đặc biệt chú ý những mặt hàng như vật liệu xây dựng, xuống, ghe, đồ gỗ..., đáp ứng yêu cầu của nông dân ở các vùng khác nhau.

3. *Sau khi đã nộp đủ thuế và bán đủ lương thực cho Nhà nước theo hợp đồng*, hợp tác xã và nông dân được lưu thông tự do số lương thực còn lại. Bằng giá thoả thuận, Nhà nước sẽ mua số lương thực này để Nhà nước nắm được nhiều lương

thực hơn. Các địa phương được quyền đặt quan hệ với nhau về mua lương thực theo chính sách của Nhà nước. Đồng thời, Nhà nước cũng cho phép nhân dân trao đổi với nhau phần lương thực thừa này; cho phép hàng xay, hàng xáo đăng ký kinh doanh trên những địa bàn nhất định. Đi đôi với việc *mở rộng quyền tự do lưu thông* cho người sản xuất, Nhà nước *phải có biện pháp kiên quyết nhằm ngăn chặn hoạt động đầu cơ, tích trữ của tư thương.*

Các đảng bộ phải lãnh đạo các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin, văn hoá mở một cuộc vận động triệt để chống nấu rượu lậu và hạn chế uống rượu.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 08-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1978

Ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội phụ nữ toàn quốc*

1. Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ V (sẽ khai mạc ngày 16-10-1978) có ý nghĩa rất quan trọng, vì là đại hội phụ nữ toàn quốc đầu tiên từ sau khi nước nhà thống nhất, là đại hội lớn của phụ nữ nước ta trong tình hình mới sau khi Đảng có Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai, lần thứ ba và lần thứ tư; Đại hội này sẽ có trên 40 đoàn đại biểu phụ nữ các nước tới dự.

Đại hội phụ nữ toàn quốc cần thể hiện rõ tinh thần và nội dung các nghị quyết của Đảng, động viên toàn thể phụ nữ Việt Nam thực hiện tốt nhất khẩu hiệu: Tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa! Không có gì quý hơn độc lập, tự do!

2. Trong chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ Việt Nam đã góp phần công lao xứng đáng cả ở hậu phương và tiền tuyến, giữ

* Ban Bí thư họp ngày 6-9-1978 (B.T).

vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phải phát huy đầy đủ vai trò làm chủ tập thể của phụ nữ nước ta trong ba cuộc cách mạng, phụ nữ cùng nam giới nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Làm chủ tập thể là biểu hiện cao nhất của sự bình đẳng nam, nữ. Phụ nữ Việt Nam ta đang phát huy truyền thống từ ngàn xưa "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh", "thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn", "cha sinh không bằng mẹ dưỡng". Cần bồi dưỡng những đức tính quý báu sẵn có của phụ nữ Việt Nam, làm cho người phụ nữ có giác ngộ cao và có năng lực làm chủ tập thể, thể hiện rõ được tinh thần và năng lực ấy trong sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Đại hội không chỉ nêu ra nhiệm vụ chính trị chung mà phải chỉ ra được những vấn đề mới, thiết thực và sinh động đang đặt ra trước phong trào phụ nữ trong cả nước, những công việc thích hợp với điều kiện, khả năng của phụ nữ mà Hội Liên hiệp phụ nữ cần động viên, tổ chức một cách sâu, rộng như trong nông nghiệp, làm tốt chăn nuôi, chăm sóc cây trồng, trong công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, làm hàng thủ công, mỹ nghệ, trong các hoạt động văn hoá, xã hội, trong các ngành dịch vụ, v.v.. Trong những loại công việc ấy, chị em phụ nữ có khả năng và phải làm thật tốt, với chất lượng cao. Trong tình hình mới hiện nay, chị em phụ nữ lại tiếp tục động viên chồng, con đi chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, thay thế chồng con làm nhiệm vụ ở hậu phương...

Phụ nữ phải chủ động tham gia quản lý ở các cấp, nhất là

ở cơ sở; đấu tranh kiên quyết giữ cho tài sản của Nhà nước và của tập thể khỏi bị ăn cắp, lãng phí và cũng là giữ cho con người khỏi bị hư hỏng, kiên quyết chống những biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

Phụ nữ có vai trò lớn trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá. Giữ gìn văn hoá dân tộc, xây dựng con người mới chính là nhiệm vụ của phụ nữ. Mẹ hiền, mẹ khoẻ thì đẻ và nuôi dạy con khoẻ, con ngoan. Làm cách mạng là để cho mọi người có hạnh phúc. Muốn có hạnh phúc thì đời sống vật chất và tinh thần phải tốt; muốn được no đủ thì mọi người phải lao động với năng suất cao. Hạnh phúc còn phải thể hiện ở tình thương trong từng gia đình, giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái. Tiêu biểu cho tình thương là người phụ nữ. Cho nên phải ra sức xây dựng tình thương, làm cho mỗi gia đình Việt Nam đều có hạnh phúc, toàn thể dân tộc ta sống hạnh phúc.

Đẻ con và nuôi con là chức năng riêng của phụ nữ. Nhưng Đảng, Nhà nước, toàn xã hội phải chăm lo đời sống sức khoẻ của phụ nữ. Hội phụ nữ phải cùng với công đoàn, ngành thương nghiệp, cơ quan bảo vệ bà mẹ và trẻ em và các ngành có liên quan cùng chính quyền địa phương tổ chức tốt các nhà trẻ, tổ chức tốt việc chế biến và cung ứng lương thực, thực phẩm, cố gắng giảm bớt khó khăn cho phụ nữ trong đời sống hằng ngày. Các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền phải theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ vấn đề này.

3. Đại hội phụ nữ toàn quốc không những phải động viên, cổ vũ phong trào nói chung, mà điều rất quan trọng là phải phổ biến được những bài học thực tế sinh động, những kinh nghiệm tốt trong công tác vận động phụ nữ ở các ngành, các

địa phương, có những kiến nghị thiết thực với Đảng và Chính phủ để giải quyết tốt các vấn đề về tổ chức và chính sách có quan hệ đến lao động, công tác và đời sống của phụ nữ. Trong đại hội cũng cần có đấu tranh, phê phán những tư tưởng sai lệch hoặc những thiếu sót có tính chất phổ biến của các ngành, các cấp và của hội đối với phong trào phụ nữ.

Ngoài bản báo cáo chung của Ban Chấp hành Trung ương Hội, cần có những báo cáo bổ sung tiêu biểu cho phong trào phụ nữ, công tác vận động phụ nữ ở từng lĩnh vực, ở từng vùng, nhất là ở những ngành có đông nữ hoặc liên quan nhiều đến lao động, đời sống nữ, thí dụ: trong ngành công nghiệp nhẹ, phụ nữ có những khó khăn gì trong sản xuất và đời sống, trong việc học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp? Đã khắc phục ra sao, có kiến nghị gì? ; ngành y tế đối với việc nghiên cứu sức khoẻ, bệnh tật của phụ nữ đã đạt được những kết quả gì? và còn cần phải giải quyết những vấn đề gì?...

Cần làm rõ nội dung hoạt động của ban chấp hành hội ở từng cấp. Các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ cũng như các đoàn thể khác cần nắm được những việc đang làm và sắp làm của các địa phương để sự chỉ đạo của các đoàn thể cấp trên ăn khớp với sự lãnh đạo của địa phương. Trung ương Hội và các đoàn thể khác ở trung ương có trách nhiệm trực tiếp giúp đỡ công tác vận động quần chúng ở Hà Nội là Thủ đô của cả nước.

Hội phải có phương thức hoạt động thích hợp, đi sâu vào từng loại ngành, nghề, từng lứa tuổi phụ nữ và gây thành phong trào cách mạng thực sự của quần chúng.

Ở các thành, tỉnh miền Nam đang vừa cải tạo xã hội chủ nghĩa, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, Trung ương Hội, Tổng

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải có cách tổ chức làm việc cho sát với phong trào, hiểu thật rõ đời sống và tâm tư, tình cảm của các tầng lớp quần chúng cả ở nông thôn và thành thị, giải quyết kịp thời những khó khăn của các đoàn thể quần chúng từ tỉnh, thành đến cơ sở.

Trung ương Hội phải tăng cường công tác nghiên cứu, có chương trình nghiên cứu chuyên đề về từng mặt của phong trào phụ nữ Việt Nam, làm đến nơi, đến chốn, có tổ chức thảo luận chu đáo và có kết luận rõ ràng, đồng thời thường xuyên nắm tình hình phụ nữ ở các ngành, các địa phương, nắm vững các điển hình tiên tiến làm tốt công tác vận động phụ nữ.

Trung ương Hội phải làm tốt các hoạt động quốc tế, tăng cường đoàn kết hữu nghị với phụ nữ các nước trên thế giới. Cán bộ phụ nữ ta có rất nhiều khả năng làm công tác đối ngoại. Cần phải lựa chọn, đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ nữ có trình độ, có năng lực, có nghiệp vụ cao về hoạt động quốc tế.

4. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương cùng Đảng đoàn phụ nữ Trung ương giải quyết các vấn đề cụ thể về kiện toàn bộ máy của cơ quan Trung ương Hội, chú ý tăng thêm các cán bộ có khả năng nghiên cứu về phong trào phụ nữ. Trung ương Hội phải liên hệ thường xuyên với các cán bộ nữ công tác ở các ngành; nghiên cứu cụ thể về hình thức tổ chức và phương pháp phối hợp để làm tốt công tác vận động phụ nữ, trước hết là ở những ngành có đông nữ, có liên quan nhiều đến đời sống phụ nữ. Hội có thể lấy một số cán bộ ở cơ sở lên các cấp trên để huấn luyện, đào tạo, đồng thời cần thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ trên về cơ sở.

Cơ quan lãnh đạo của Hội là Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký. Đoàn Chủ tịch phải gồm những người tiêu biểu cho phong trào phụ nữ Việt Nam trên các lĩnh vực hoạt động, thể hiện tính chất mặt trận của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Ban Thư ký là bộ máy hành động, chỉ đạo cụ thể phải gồm những cán bộ có trình độ nghiên cứu cao, đề xuất được với Trung ương Đảng và Chính phủ những chủ trương, chính sách về vấn đề phụ nữ. Số lượng Ban Thư ký không nên đông quá. Ban Thư ký phải có quan hệ công tác chặt chẽ với các đoàn thể khác, với các ban của Đảng và các ngành của Chính phủ.

Hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam nên từ 18 tuổi trở lên.

Về ngân sách của các đoàn thể, Nhà nước vẫn có một khoản trợ cấp nhất định cho các đoàn thể và kiểm tra việc chi - thu theo chế độ tài chính chung, nhưng từng đoàn thể có thể có một số nguồn thu riêng và được chủ động trong việc sử dụng các nguồn thu đó.

Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương cùng các đoàn thể và Bộ Tài chính nghiên cứu để quy định cụ thể về vấn đề này.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG
NGUYỄN KHÁNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 09-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1978

Kết luận của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ về vụ tai nạn lao động ở cống Hiệp Hoà (Nghệ - Tĩnh)

Ngày 12-9-1978, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã nghe báo cáo và cho ý kiến về vụ tai nạn lao động xảy ra ở cống Hiệp Hoà, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ-Tĩnh. Đồng chí Nguyễn Sĩ Quế, Bí thư Tỉnh uỷ Nghệ - Tĩnh trình bày bản kiểm điểm và những kiến nghị của Thường vụ Tỉnh uỷ Nghệ - Tĩnh về kỷ luật đối với các tổ chức và cá nhân có trách nhiệm trong vụ này. Các đồng chí Nguyễn Thọ Chân, Bộ trưởng Bộ Lao động; Nguyễn Thanh Bình, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi; Trần Nam Trung, Chủ nhiệm Uỷ ban Thanh tra Chính phủ đã phát biểu ý kiến.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ kết luận như sau:

1. Mấy năm gần đây tỉnh Nghệ - Tĩnh có nhiều cố gắng phát động phong trào cách mạng của quần chúng làm thủy lợi và xây dựng cơ bản. Chủ trương tu bổ hệ thống thủy lợi

Đô Lương là đúng; việc mở rộng cống Hiệp Hoà là cần thiết.

Tai nạn lao động xảy ra ở cống Hiệp Hoà ngày 3-1-1978 là nghiêm trọng: sập cống, sạt lở hàng vạn mét khối đất xuống lòng kênh làm chết 97 người, bị thương 132 người. Sau khi xảy ra tai nạn, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân Nghệ - Tĩnh đã kịp thời giải quyết hậu quả, bảo đảm được nước tưới cho vụ Xuân 1978 ở phía bắc Nghệ - Tĩnh, giữ vững được phong trào quần chúng.

Tai nạn xảy ra có nguyên nhân khách quan là cống đã xây dựng từ trên 40 năm, độ bền giảm, lại bị bom đạn trong hai lần chiến tranh phá hoại làm hư hỏng nhiều; nguyên nhân trực tiếp là do những thiếu sót về mặt kỹ thuật, chỉ đạo thi công không đúng quy định của thiết kế; sử dụng lực lượng lao động thủ công trên hiện trường quá đông, không chấp hành đúng kỷ luật về thi công và an toàn lao động.

2. Về trách nhiệm đối với vụ tai nạn lao động xảy ra ở Hiệp Hoà:

- Trách nhiệm trực tiếp thuộc về Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ty Thuỷ lợi và Ban Chỉ huy công trường Hiệp Hoà là những cơ quan chỉ đạo thực hiện.

Uỷ ban nhân dân tỉnh, trước hết là đồng chí Chủ tịch, không chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước, không thực hiện đúng các chế độ, thể lệ theo chức năng của Uỷ ban nhân dân tỉnh trong khi duyệt nhiệm vụ thiết kế công trình cống Hiệp Hoà. Việc buông lỏng các quy định về thiết kế, thi công đã tạo sơ hở cho công trường không nghiêm túc chấp hành các quy trình quy phạm kỹ thuật và bảo đảm an toàn lao động. Thiếu kiểm tra chặt chẽ trong quá trình thi công

Ty Thuỷ lợi Nghệ - Tĩnh là cơ quan chịu trách nhiệm trực

tiếp về mặt kỹ thuật và chỉ huy thi công công trình, đã không làm đúng chức năng của mình trong việc xét duyệt thiết kế kỹ thuật của công trình Hiệp Hoà, tùy tiện châm chước các phương án kỹ thuật, buông lỏng việc chỉ đạo quá trình thi công ở công trường. Khi phát hiện có khả năng sạt lở và tình trạng không an toàn lao động, ty đã không kiên quyết ngăn chặn và có biện pháp khắc phục. Trách nhiệm trực tiếp trong việc này là đồng chí Nguyễn Hữu Chúc, Trưởng ty, và đồng chí Đào Xuân Nhiệm, Phó trưởng ty phụ trách thi công công trình Hiệp Hoà. Ban Chỉ huy công trường Hiệp Hoà mà trực tiếp là kỹ sư Hồ Như Hồng, Trưởng ban, tuy làm việc rất tận tụy, nhưng phạm nhiều khuyết điểm: chỉ huy thi công không theo đúng thiết kế, tùy tiện thay đổi tiến độ thi công làm rối loạn phương án tổ chức mặt bằng thi công; không quan tâm đến an toàn lao động; khi phát hiện cống rạn nứt, có hiện tượng sạt lở, không tìm biện pháp xử lý kịp thời, cũng không nghiêm túc báo cáo xin chỉ thị của cấp trên, vẫn tiếp tục đưa lao động ra làm việc ở nơi nguy hiểm.

Ty Lao động Nghệ - Tĩnh không làm đầy đủ chức năng kiểm tra việc bảo đảm an toàn lao động trên công trường.

- Trách nhiệm của Thường vụ Tỉnh uỷ Nghệ - Tĩnh là chưa quan tâm kiểm tra công việc chuẩn bị, vấn đề tổ chức lao động, an toàn lao động trên các công trình xây dựng cơ bản, do đó không kịp thời phát hiện và ngăn ngừa những việc làm không đúng kỷ luật về an toàn lao động.

- Bộ Thuỷ lợi có trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hướng dẫn các nguyên tắc và thủ tục xét duyệt công trình, khi nói rộng quyền cho cấp dưới, đã châm chước và buông lỏng những yêu cầu kỹ thuật. Đối với những công trình lớn, kỹ

thuật phức tạp, sử dụng nhiều nhân lực, di dời với động viên tinh thần cách mạng của quần chúng, càng phải hết sức coi trọng khoa học - kỹ thuật và tổ chức quản lý. Bộ Thuỷ lợi phải rút kinh nghiệm sâu sắc về phân cấp công trình, về quản lý kỹ thuật và báo cáo, tự phê bình, nhận trách nhiệm trước Chính phủ.

3. Qua vụ tai nạn lao động nghiêm trọng ở Hiệp Hoà (Nghệ - Tĩnh) cần rút ra những kinh nghiệm cho sự lãnh đạo và chỉ đạo công tác xây dựng cơ bản:

- Yêu cầu sản xuất và xây dựng ngày càng khẩn trương đòi hỏi phải động viên phong trào quần chúng sôi nổi và liên tục, nhưng không được tách rời cách mạng và khoa học; trong sản xuất và xây dựng cơ bản, phải có quy hoạch, kế hoạch, phải hết sức tôn trọng các quy trình, quy tắc kỹ thuật.

Ở công trường cống Hiệp Hoà, cán bộ và quần chúng có nhiệt tình cách mạng cao là rất tốt, nhưng tổ chức và chỉ đạo, nhất là quản lý về mặt kỹ thuật thì có nhiều thiếu sót. Chúng ta đòi hỏi ở mọi người nhiệt tình cách mạng, đồng thời về mặt chỉ đạo phải nhanh chóng nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật và quản lý, nhằm sử dụng tiết kiệm nhất sức lao động, vật tư, tiền vốn, đạt năng suất lao động cao, chất lượng tốt, sớm đưa công trình vào sử dụng.

- Vấn đề tổ chức lao động, chỉ huy, điều hành một công trường lớn phải hết sức chặt chẽ, tính toán kỹ lưỡng, không thể làm ô ạt, coi nhẹ các yêu cầu về kỹ thuật. Triệt để bảo đảm an toàn cho người lao động là trách nhiệm của người lãnh đạo. Ở mỗi công trường xây dựng cơ bản, người lãnh đạo, chỉ huy phải hết sức chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động và trước hết phải có biện pháp bảo

đảm an toàn lao động. Ở công trường Hiệp Hoà, khi xét duyệt công trình, các cơ quan lãnh đạo đã không đòi hỏi biện pháp bảo đảm an toàn lao động; Ban Chỉ huy công trường cũng không quan tâm vấn đề bảo hộ lao động. Trong quá trình thi công trên hiện trường phức tạp, người lãnh đạo và chỉ huy không dự kiến đầy đủ những tình huống xấu có thể xảy ra để có biện pháp cụ thể phòng ngừa tai nạn, đó là sai lầm lớn.

- Phải sử dụng đúng chức năng của tổ chức. Trong trường hợp công trường Hiệp Hoà, thiếu quy định rõ ràng, dứt khoát về trách nhiệm của Ty Thuỷ lợi, Ty Lao động và phần chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân. Vì vậy thiếu sự hợp đồng và kiểm tra lẫn nhau trong quá trình thi công ở công trường.

4. Vụ xảy ra ở cống Hiệp Hoà, Nghệ - Tĩnh là vụ tai nạn lao động lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng của nhân dân. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ xét phải xử lý kỷ luật nghiêm túc đối với các tổ chức và cán bộ phụ trách trực tiếp ở công trường này.

Hình thức kỷ luật như sau:

- Hội đồng Chính phủ khiển trách đồng chí Trương Văn Kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; và xem xét thêm về trách nhiệm của đồng chí Bộ trưởng Bộ Thuỷ lợi.

- Cảnh cáo trong Đảng đối với đồng chí Trưởng ty Thuỷ lợi Nghệ - Tĩnh Nguyễn Hữu Chúc và đồng chí Phó Trưởng Ty Thuỷ lợi Nghệ - Tĩnh Đào Xuân Nhiệm.

- Cách chức, về mặt chính quyền, hai đồng chí Trưởng ty và Phó trưởng Ty Thuỷ lợi nói trên.

- Đối với kỹ sư Hồ Như Hồng, cách chức Trưởng phòng

Kiến thiết cơ bản Ty Thuỷ lợi, Trưởng Ban chỉ huy công trường Hiệp Hoà, hạ bậc kỹ sư 2 xuống kỹ sư bậc 1 và Tỉnh uỷ xét về kỷ luật đảng.

Việc ra nghị quyết kỷ luật sẽ do các cấp uỷ quản lý tổ chức và cán bộ thi hành.

Tỉnh uỷ Nghệ - Tĩnh có trách nhiệm giải thích cho cán bộ và nhân dân trong tỉnh về những kết luận trên đây của Trung ương Đảng và Chính phủ, tiếp tục động viên, cổ vũ phong trào cách mạng của đồng bào Nghệ - Tĩnh hăng hái tiến lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

T/L BAN BÍ THƯ

TRẦN XUÂN BÁCH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 26-QĐ/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1978

Về việc các bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ tham gia quân khu uỷ

- Để kết hợp kinh tế và quốc phòng, thống nhất chỉ đạo xây dựng quốc phòng toàn dân và phát triển chiến tranh nhân dân trên địa bàn từng quân khu;
- Theo đề nghị của Quân uỷ Trung ương;

BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ đều tham gia quân khu uỷ. Các tỉnh, thành nằm trong địa bàn của quân khu nào thì đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ tham gia quân khu uỷ của quân khu đó.

Điều 2. Quân uỷ Trung ương, các quân khu uỷ, các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 55-TT/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1978

Về việc tăng cường giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước

Từ trước tới nay, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị định, thông tư quy định và hướng dẫn việc giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước. Tuy vậy, vẫn còn không ít đơn vị và cán bộ chưa nghiêm chỉnh thực hiện, việc giữ gìn bí mật còn nhiều sơ hở, việc mất tài liệu mật, quan trọng đã xảy ra ở một số nơi.

Trong tình hình mới, kẻ địch đang tìm mọi cách lợi dụng các sơ hở của ta để nắm được các chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, xây dựng đảng, v.v., hòng chống phá ta. Vấn đề nâng cao cảnh giác, giữ gìn bí mật phải được coi trọng nhiều hơn nữa.

Ban Bí thư nhắc các cấp, các ngành nghiêm chỉnh thực hiện mấy điểm sau đây:

1. Các đồng chí bí thư cấp uỷ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải thường xuyên giáo dục, kiểm tra cán bộ, đảng viên, công

nhân viên về ý thức cảnh giác cách mạng; nghiêm túc thi hành các chế độ, thể lệ về giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước; củng cố bộ phận theo dõi bảo mật, giữ gìn tài liệu mật, các diện mật của cơ quan, đơn vị.

2. Hết sức chặt chẽ trong việc phát hành công văn, tài liệu mật. Người ký công văn hoặc người thay mặt cấp uỷ, cơ quan phải xác định mức độ mật của công văn tài liệu, quy định rõ phạm vi, hình thức phổ biến, quyền hạn được sao chép tài liệu.

Tài liệu nào quy định không được sao thì nơi nhận phải chấp hành đúng. Văn bản nào cần thu hồi sau khi dùng thì phải ghi rõ thời hạn thu hồi, và nơi nhận phải trả lại đúng hạn.

3. Việc ghi âm cũng như cho mượn, cho sao các băng ghi âm các buổi nói chuyện mật phải do người thay mặt cấp uỷ hoặc cơ quan quyết định.

4. Không được mang tài liệu mật, kể cả sổ tay công tác về nhà ở.

5. Cán bộ đi công tác xa, không được mang theo những tài liệu mật không liên quan đến công tác. Trường hợp cần mang theo tài liệu mật, phải được cấp uỷ hoặc thủ trưởng đơn vị đồng ý và phải đăng ký với bộ phận giữ tài liệu mật. Đi đường, phải mang tài liệu mật theo người, không được buộc sau xe đạp hoặc để sau xe ô tô, không giao cho người không có trách nhiệm giữ hộ hoặc để ở nơi không có người có trách nhiệm coi giữ cẩn thận.

6. Các cấp uỷ và thủ trưởng cơ quan, đơn vị cần biểu dương những người chấp hành tốt và thi hành kỷ luật

ng nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm chế độ, nội quy giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước.

Thông tri này cần được phổ biến tới chi bộ.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN XUÂN BÁCH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 54-CT/TW, ngày 2 tháng 10 năm 1978

**Về nhiệm vụ của Trường Đảng cao cấp
Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn mới**

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, những năm qua, đã có nhiều cố gắng trong việc truyền đạt những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm quán triệt những quan điểm và đường lối của Đảng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng, vào sự nghiệp xây dựng đảng.

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc là *cơ quan giáo dục huấn luyện cán bộ cao cấp và trung cấp*, đồng thời là một *cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng*. Trường có nhiệm vụ góp phần quan trọng vào việc thực hiện kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý cao cấp và trung cấp, đồng thời có nhiệm vụ đào tạo một đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác - Lênin có trình độ trên đại

học. Ngoài việc giảng dạy, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc còn có nhiệm vụ nghiên cứu lý luận không những để làm tốt việc giảng dạy, mà còn để góp phần vào công tác nghiên cứu lý luận của toàn Đảng.

Hiện nay, cả nước đang đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, công tác giảng dạy và nghiên cứu của Trường Đảng cao cấp đứng trước những yêu cầu to lớn mới. Phải ra sức phấn đấu khắc phục những nhược điểm, khuyết điểm, đặc biệt phải cố gắng kết hợp tốt hơn nữa lý luận với thực tiễn cách mạng Việt Nam, với đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm đầy đủ tính khoa học, tính chiến đấu trong nội dung giảng dạy, gây được phong cách suy nghĩ khoa học độc lập và sáng tạo của người học. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã ghi rõ: “Đảng ta, toàn thể cán bộ đảng viên chẳng những phải có đạo đức, phẩm chất và nhận thức ngày càng cao hơn, đặc biệt là về lý luận và phương pháp luận, về các quy luật kinh tế và quy luật đấu tranh giai cấp trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền mà còn phải có năng lực mới trong lĩnh vực tổ chức cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, lĩnh vực mà hiện nay Đảng ta còn nhiều nhược điểm”. Vì vậy, cần phải “tổ chức việc giáo dục lý luận và chính trị, nâng cao nhanh chóng trình độ và năng lực công tác của các loại cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và những cán bộ đã hoạt động cách mạng nhiều năm mà chưa có điều kiện học tập”.

I- NHIỆM VỤ HÀNG ĐẦU CỦA TRƯỜNG ĐẢNG LÀ PHẢI NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ

CÔNG TÁC GIÁO DỤC

Nội dung giáo dục phải bảo đảm trang bị vững chắc cho cán bộ những kiến thức cơ bản về lý luận Mác - Lênin và những kinh nghiệm lịch sử của Đảng ta, thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; phải làm cho học viên quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách, các quan điểm, tư tưởng của Đảng; phải làm cho cán bộ nắm được những hiểu biết cần thiết về quản lý kinh tế, quản lý xã hội nói chung; phải tổ chức tốt việc nghiên cứu thực tiễn, đặc biệt là nghiên cứu và học tập những kinh nghiệm đã được tổng kết của các đơn vị điển hình tiên tiến. Từ tất cả điều đó, nâng cao rõ rệt trình độ lãnh đạo và khả năng công tác của cán bộ. Các bài giảng phải cố gắng kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tế để có tác dụng thiết thực đối với nhận thức tư tưởng và hoạt động thực tiễn của cán bộ.

Cần nâng cao tính chiến đấu, tính phê phán trong nội dung giảng dạy và học tập, kịp thời ngăn chặn và phê phán mọi biểu hiện tư tưởng không vô sản trong cán bộ, thể hiện trên nhận thức, trong hành động, trái với quan điểm và đường lối của Đảng, thể hiện trong các mặt quan hệ xã hội, nhất là trong quan hệ với quần chúng, cũng như thể hiện trong phẩm chất, đạo đức và sinh hoạt hàng ngày, phải kiên quyết khắc phục tư tưởng tiểu tư sản mà biểu hiện phổ biến về mặt chính trị là sự dao động hữu khuynh và “tả” khuynh, mà hữu khuynh là chủ yếu; về mặt ý thức là chủ nghĩa cá nhân dưới nhiều màu sắc; về mặt phương pháp là chủ nghĩa chủ quan một chiều. Phải kiên quyết đấu tranh chống mọi

ảnh hưởng của tư tưởng tư sản và những tàn dư tư tưởng phong kiến trong cán bộ, đảng viên.

Là một công cụ quan trọng của Đảng trên mặt trận tư tưởng và lý luận, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc phải đi hàng đầu trong việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa cơ hội và xét lại dưới mọi màu sắc, chủ nghĩa sô vanh nước lớn, bảo vệ đường lối cách mạng và các quan điểm của Đảng, làm nổi bật việc Đảng ta vận dụng một cách độc lập, tự chủ và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đi đôi với cải tiến nội dung giảng dạy, cần cải tiến phương pháp giáo dục nhằm phát triển khả năng suy nghĩ độc lập của người học, phát huy tính chủ động sáng tạo và vai trò làm chủ tập thể của học viên trong quá trình giáo dục.

II- ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẢNG CAO CẤP CẦN THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ SAU ĐÂY

1. Cần cải tiến công tác chiêu sinh đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn và sắp xếp các loại lớp thích hợp. Phải có đầy đủ ý thức rằng Trường Đảng không chỉ là một cơ sở đào tạo mà còn là một công cụ tổ chức của Đảng. Căn cứ vào quy hoạch cán bộ của Đảng, Trường Đảng cao cấp có nhiệm vụ bồi dưỡng và đào tạo về mặt lý luận và chính trị những cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt ở các cương vị sau đây:

- Các cấp uỷ viên tỉnh, thành, các bí thư và phó bí thư huyện, các cán bộ quản lý chủ chốt các ty, sở (trừ cán bộ quản lý về kỹ thuật).

- Các đồng chí lãnh đạo và quản lý các bộ, ban, vụ, cục, viện (trừ những cán bộ quản lý về khoa học - kỹ thuật).

- Các đồng chí giám đốc, bí thư đảng uỷ (trừ các đồng chí quản lý về khoa học - kỹ thuật) các cơ sở kinh tế lớn, các trường đại học và bệnh viện lớn.

- Các cán bộ cao cấp trong lực lượng vũ trang từ thượng tá trở lên.

- Những cán bộ kế cận được chọn lọc để có thể đảm đương các chức vụ chủ chốt.

Đối với các lớp đào tạo dài hạn, tiến tới chỉ thu nhận những đồng chí có trình độ đại học, ít nhất là đã tốt nghiệp cấp III. Trước mắt, đối với những cán bộ thuộc các tỉnh phía Nam chưa có trình độ văn hoá cấp II nên tổ chức học bổ túc văn hoá hết lớp 7 trước khi cử đến trường.

Trường Đảng phải cùng với Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương bảo đảm việc chiêu sinh đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Trường Đảng cao cấp cần mở các loại lớp sau đây:

a) *Hệ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trung, cao cấp.* Cần xác định các loại lớp thích hợp: dài ngày và ngắn ngày, tập trung và tại chức, để một mặt bồi dưỡng cho cán bộ đương chức những kiến thức cần thiết ở từng thời kỳ, mặt khác để đào tạo một cách cơ bản những cán bộ trẻ, có triển vọng, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt dự bị cho những nhiệm vụ tới.

1- Lớp đào tạo cơ bản dài hạn, thời gian hai năm, nhằm

đào tạo những cán bộ lãnh đạo trung, cao cấp của Đảng. Đối tượng đi học chủ yếu chọn trong những cán bộ trẻ tuổi, đã qua thử thách, có triển vọng.

2- Lớp bổ túc ngắn hạn từ một đến hai tháng. Các cán bộ lãnh đạo chủ chốt đã qua các lớp đào tạo cơ bản dài hạn từng thời gian phải được bổ sung những kiến thức về những vấn đề quan trọng và mới về lý luận, về đường lối chính sách của Đảng, về khoa học quản lý.

3- Bên cạnh hai loại lớp nói trên, trước mắt trong vài ba năm tới, cần phải mở một loại lớp bồi dưỡng ngắn hạn (từ sáu tháng đến một năm) nhằm bồi dưỡng lý luận về những vấn đề cấp bách trong đường lối của Đảng cho các cán bộ lãnh đạo và quản lý đương chức, tuổi đã trên 50, chưa qua các lớp lý luận, trung, cao dài hạn.

b) *Hệ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lý luận*

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc có nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh về ba môn lý luận cơ bản Mác - Lênin và tiến tới đào tạo cả nghiên cứu sinh về các môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng đảng.

Việc đào tạo nghiên cứu sinh cần đặt yêu cầu như Đại hội IV chỉ ra là phải: “Đào tạo một cách cơ bản, có hệ thống với chất lượng cao, một đội ngũ cán bộ lý luận có phẩm chất chính trị tốt, rất mực trung thành với sự nghiệp của Đảng, có trình độ khoa học cao, nắm vững phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin và những thành tựu mới nhất của khoa học xã hội, đủ sức phục vụ Đảng trong việc nghiên cứu và làm sáng tỏ những vấn đề phức tạp của lý luận cách mạng và của quá trình phát triển xã hội hiện đại”.

Đối với việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lý luận Trường

Đảng cao cấp cần mở hai loại lớp:

1- *Lớp nghiên cứu sinh*, nhằm đào tạo cán bộ giảng dạy lý luận chính trị ở các trường Đảng phân hiệu và các tỉnh, thành, các trường đại học và cán bộ nghiên cứu ở các ngành của trung ương. Tuổi đời không quá 35, trường hợp đặc biệt có châm chước nhưng cũng không quá 40 tuổi, đã học xong chương trình trung cấp lý luận và có trình độ văn hoá đại học.

2- *Lớp chuyên tu*, nhằm bồi dưỡng giảng viên các trường Đảng phân hiệu và các tỉnh thành, các cán bộ tổ trưởng bộ môn và những giảng viên chủ chốt các môn Mác - Lênin ở các trường đại học, các đoàn thể ở trung ương.

Tiến tới tổ chức bảo vệ luận án cho một số nghiên cứu sinh có công trình nghiên cứu đạt chất lượng cao.

3- Bên cạnh Trường Đảng cao cấp tập trung, cần kiện toàn và mở rộng *Trường Đảng cao cấp tại chức* cho các đối tượng không có điều kiện đi học Trường Đảng cao cấp tập trung. Chương trình tại chức về cơ bản giống như chương trình các lớp tập trung, nhưng cần thu gọn hơn.

Ban giám đốc Trường Đảng cao cấp tập trung đồng thời là ban giám đốc Trường Đảng cao cấp tại chức.

Các khoa của Trường Đảng cao cấp tập trung chịu trách nhiệm về chương trình và nội dung giảng dạy ở Trường Đảng cao cấp tại chức. Để đáp ứng yêu cầu học tập tại chức cần phải chú trọng từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ giảng dạy cho trường tại chức.

Để mở rộng hệ thống tại chức cho cán bộ cao, trung cấp, có thể mở một số lớp lý luận tại chức ở các ngành chung quanh trung ương, do các ban cán sự đảng phối hợp với các

đảng ủy cơ quan tổ chức và lãnh đạo với sự giúp đỡ của Trường Đảng cao cấp tại chức.

Các lớp cao cấp tại chức ở tỉnh, thành do thiếu giảng viên nên chỉ triển khai từng bước, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Cần cải tiến nội dung, chương trình cũng như phương pháp học tập và hình thức tổ chức cho thích hợp với điều kiện học tập tại chức.

2. *Tăng cường công tác quản lý học viên.* Trường không những phải làm tốt việc nâng cao trình độ lý luận cách mạng mà còn phải làm tốt việc rèn luyện phẩm chất cách mạng, cho nên trong công tác quản lý học viên, việc lãnh đạo tư tưởng phải chặt chẽ, phải tiến hành tự phê bình và phê bình thường xuyên trong suốt quá trình học tập.

Học viên cần nêu cao kỷ luật học tập, về trật tự, về tính tổ chức, về phẩm chất đạo đức cũng như lối sống có văn hoá. Cần phải đặc biệt coi trọng và có những biện pháp có hiệu quả nhằm cải tiến và tăng cường công tác đảng trong học viên. Các lớp có đảng uỷ lớp do đảng bộ học viên mỗi lớp bầu lên và hoạt động dưới sự chỉ đạo của ban giám đốc nhà trường với tư cách là ban cán sự Đảng.

Để quản lý tốt học viên trong thời gian học tập, cần có quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường với các địa phương, các ngành có người đi học. Các địa phương, các ngành có trách nhiệm cung cấp những tài liệu cần thiết cho nhà trường hiểu rõ học viên, tạo những điều kiện cần thiết cho nhà trường tổ chức các đợt đi nghiên cứu thực tế, v.v..

3. Để ngày càng phát huy chức năng nghiên cứu của trường, cần củng cố và kiện toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý công tác nghiên cứu khoa học, tăng thêm số lượng cán bộ đủ

sức vừa giảng dạy tốt vừa nghiên cứu tốt, cần có một số chế độ cụ thể để tổ chức và động viên cán bộ tích cực nghiên cứu khoa học có hiệu quả thiết thực và có chất lượng cao.

Nhiệm vụ nghiên cứu hàng đầu về triết học, chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xã hội khoa học, là tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lớn trong đường lối, chính sách của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm cách mạng đã tích lũy được.

Trước mắt cần tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau đây: các quy luật của chủ nghĩa xã hội; con đường đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; ba cuộc cách mạng và vấn đề xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới; công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ở nước ta; tổ chức và quản lý kinh tế; xây dựng đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, v.v., phê phán triệt để các loại chủ nghĩa cơ hội và xét lại, các quan điểm phản cách mạng của bọn phản động quốc tế, để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ quan điểm và đường lối của Đảng ta.

4. Để đảm bảo yêu cầu của nhiệm vụ vừa giảng dạy nghiên cứu khoa học ngày càng cao, cần đặc biệt chú trọng *tăng cường đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học* của trường về số lượng và chất lượng.

Do chức năng và nhiệm vụ của trường, các địa phương và các ngành có trách nhiệm cung cấp cán bộ có khả năng lý luận cho trường. Do đó, Ban Bí thư đồng ý cho Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc được ưu tiên lựa chọn trong học viên

tốt nghiệp các khoá những đồng chí có khả năng làm công tác giảng dạy và nghiên cứu lý luận, để bổ sung và tăng cường đội ngũ của mình.

Cần thực hiện việc tiêu chuẩn hoá cán bộ giảng dạy, cải tiến và tăng cường công tác quản lý cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nhằm thúc đẩy sự cố gắng phấn đấu và tạo điều kiện cho cán bộ phát huy khả năng tiến bộ và sức cống hiến của mình. Cần phát triển đội ngũ giảng viên kiêm chức để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác giảng dạy hiện nay, và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ hiện nay có đủ thì giờ nghiên cứu lý luận và thực tiễn. Cần có chế độ bồi dưỡng giảng viên về đường lối, chính sách của Đảng, về hiểu biết thực tiễn. Các giảng viên Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc được dự các hội nghị cán bộ do Trung ương triệu tập để phổ biến các nghị quyết về đường lối, chính sách của Trung ương. Phải có chế độ cho các giảng viên luân phiên đi về cơ sở thâm nhập vào phong trào cách mạng của quần chúng để nghiên cứu các vấn đề thực tiễn, nghiên cứu việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, phục vụ cho yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học và rèn luyện phẩm chất cách mạng.

5. Trường Đảng cần gấp rút cải tiến các khâu tổ chức và cải tiến phương pháp giáo dục nhằm phát triển khả năng suy nghĩ độc lập của người học, phát huy tính chủ động sáng tạo và vai trò làm chủ tập thể của học viên trong quá trình giáo dục. Nhà trường, các khoa giảng dạy có trách nhiệm tổ chức tốt và không ngừng cải tiến tất cả các khâu.

Nhà trường phải rất coi trọng việc học tập các phong trào thực tiễn, các điển hình tiên tiến, tổ chức tốt các đợt đi nghiên cứu thực tế. Cần phấn đấu để có chương trình phân

ngành cho từng loại đối tượng học viên khác nhau. Cần tổ chức các buổi tiếp xúc giữa giảng viên và học viên đều đặn và có hiệu quả hơn.

6. Để thực hiện được nhiệm vụ to lớn của nhà trường trong giai đoạn cách mạng mới, cần *mở rộng cơ sở vật chất* của trường, *tăng cường trang bị các phương tiện hiện đại* bảo đảm những điều kiện cần thiết cho việc giảng dạy, học tập, và nghiên cứu khoa học của nhà trường (thư viện, phòng đọc, các phương tiện thông tin khoa học, các máy móc phục vụ giảng dạy và học tập), mở rộng công tác biên dịch phục vụ kịp thời việc nghiên cứu những vấn đề mới trên thế giới.

Cải thiện các điều kiện sinh hoạt cho các học viên và xây dựng các chế độ thích hợp bảo đảm cho người học có những điều kiện vật chất cần thiết để học tập, ăn, ở và giải trí tốt trong Trường Đảng.

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cùng Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các ban cán sự Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ có liên quan, phối hợp nghiên cứu để kịp thời giải quyết những nhiệm vụ trên.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 56-TT/TW ngày 2 tháng 10 năm 1978

Về việc điều động tiếp cán bộ tăng cường cho các tỉnh miền núi

Vừa qua Ban Bí thư đã điều động đợt đầu 1.500 cán bộ tăng cường cho các cơ sở yếu ở các tỉnh miền núi biên giới phía bắc.

Ban Bí thư quyết định điều động tiếp một đợt cán bộ nữa để tăng cường cho các tỉnh miền núi nhằm kiện toàn một bước cấp tỉnh, cấp huyện, chủ yếu là cấp huyện, đủ sức chỉ đạo cơ sở đẩy mạnh sản xuất, xây dựng lực lượng, củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu đánh bại âm mưu của mọi kẻ thù.

Việc kiện toàn cấp tỉnh, cấp huyện theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư là một việc lớn phải có kế hoạch toàn diện. Các tỉnh uỷ miền núi cần có kế hoạch giải quyết tốt vấn đề cán bộ, trước hết là phải đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng tốt đội ngũ cán bộ tại chỗ, thật cần thiết mới yêu cầu Trung ương bổ sung cán bộ nơi khác đến.

Tất cả các ngành trung ương phải có trách nhiệm giải

quyết yêu cầu cán bộ để kiện toàn ngành mình ở cấp tỉnh, huyện miền núi. Trước mắt cần kiện toàn gấp các cơ quan xây dựng đảng, các tổ chức quần chúng, các cơ quan an ninh, quốc phòng, thông tin liên lạc, giao thông vận tải, các cơ quan nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, thương nghiệp, kế hoạch, thống kê, tài chính, vật tư, thông tin văn hoá, y tế, giáo dục. Việc điều động cán bộ gắn với việc đưa lao động miền xuôi đi xây dựng kinh tế ở các tỉnh miền núi đã có kế hoạch riêng.

Cán bộ được điều động kiện toàn cấp tỉnh, cấp huyện lần này bao gồm cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, *do ngành trung ương trực tiếp phụ trách điều động và chủ yếu điều ở các ngành trung ương*. Cần chọn những cán bộ tốt, có nhiệt tình, hăng hái, quyết tâm thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ được giao; tuổi đời từ 50 trở xuống, có sức khoẻ tốt. Có thể chọn cả cán bộ ngoài Đảng và cán bộ nữ.

Các ban cán sự đảng, các đảng đoàn các ngành trung ương có trách nhiệm xem xét yêu cầu về cán bộ của ngành dọc cấp dưới gửi lên, trực tiếp xây dựng kế hoạch điều động cụ thể để kiện toàn ngành mình ở cấp tỉnh, cấp huyện. Trong khi xây dựng kế hoạch điều động cán bộ cho các tỉnh miền núi, các ngành trung ương cần cân nhắc toàn diện, cân đối trong phạm vi cả nước, nhưng phải ưu tiên cho miền núi và miền Nam (việc điều động cán bộ cho miền Nam sẽ có chỉ thị sau). Các tỉnh uỷ các tỉnh miền núi có trách nhiệm xét duyệt yêu cầu của các ngành cấp tỉnh trước khi ngành cấp tỉnh làm việc với ngành dọc ở trung ương và kiểm tra các ngành cấp

tỉnh trong việc sử dụng cán bộ do trung ương điều động về. Các tỉnh uỷ, thành uỷ ở các tỉnh đồng bằng, trung du có trách nhiệm cung cấp một số cán bộ cần thiết do các ngành trung ương yêu cầu để bổ sung cho miền núi.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm trực tiếp xây dựng kế hoạch điều động cán bộ kiện toàn các cấp uỷ, cán bộ ngành tổ chức, và một số cơ sở còn yếu; giúp Trung ương thống nhất kế hoạch điều động, kiểm tra công tác điều động cán bộ của các ngành để đảm bảo số lượng, chất lượng, thời gian điều động số cán bộ này. Trong tháng 10-1978 phải hoàn thành, và đầu tháng 11-1978 báo cáo kết quả lên Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Để tạo điều kiện giúp cán bộ công tác tốt, chậm nhất trong tháng 10-1978, Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Lao động cần trình lên Ban Bí thư Trung ương và Chính phủ ban hành bổ sung một số chế độ đối với cán bộ công tác ở miền núi, biên giới và hải đảo. Bộ Nội thương cần có kế hoạch phân phối chăn, màn, áo bông bán cho những cán bộ đến công tác lâu dài ở miền núi. Đối với những cán bộ được điều động đi miền núi nếu *đã ba năm* chưa được nâng lương bậc thì nên xem xét giải quyết.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 28-QĐ/TW ngày 3 tháng 10 năm 1978

Về tổ chức hệ thống trường Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Để tăng cường sự lãnh đạo thống nhất công tác giáo dục lý luận, chính trị trong toàn Đảng và nâng cao chất lượng giáo dục lý luận, chính trị trong quân đội đáp ứng yêu cầu tình hình và nhiệm vụ mới, theo đề nghị của Quân uỷ Trung ương, Ban Bí thư *quyết định tổ chức hệ thống trường Đảng trong quân đội* như sau:

1. Hệ thống trường Đảng trong quân đội là một bộ phận của hệ thống trường Đảng của toàn Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Ban Bí thư Trung ương Đảng và sự lãnh đạo trực tiếp của Quân uỷ Trung ương. Ban Tuyên huấn Trung ương có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra công tác giáo dục lý luận, chính trị ở các trường Đảng trong quân đội. Tổng cục Chính trị chỉ đạo cụ thể thực hiện thống nhất chương trình, nội dung, phương châm, phương pháp.

2. Hệ thống trường Đảng trong quân đội có nhiệm vụ

giáo dục cho đảng viên và cán bộ của Đảng trong quân đội về lý luận Mác - Lênin, lịch sử Đảng và đường lối, chính sách của Đảng theo chương trình nội dung thống nhất trong toàn Đảng; giáo dục những vấn đề về đường lối, quan điểm, nhiệm vụ quân sự của Đảng, công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Quân uỷ Trung ương và chỉ thị của Tổng cục Chính trị.

3. Hệ thống trường Đảng và lớp huấn luyện của Đảng trong quân đội được tổ chức từ cấp trung đoàn trở lên, bao gồm:

- Học viện Chính trị là trường Đảng tập trung giảng dạy theo chương trình lý luận, chính trị cao cấp của Đảng.

- Trường sĩ quan chính trị là trường Đảng tập trung, giảng dạy theo chương trình lý luận, chính trị trung cấp của Đảng nằm trong hệ đại học Mác - Lênin.

- Trường Đảng ở quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng và các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, giảng dạy theo chương trình lý luận, chính trị trung cấp của Đảng.

- Lớp huấn luyện về Đảng ở sư đoàn, giảng dạy theo chương trình lý luận, chính trị sơ cấp của Đảng.

- Lớp huấn luyện về Đảng ở trung đoàn, giảng dạy theo chương trình lý luận, chính trị của đảng viên ở cơ sở.

Tất cả đảng viên và cán bộ của Đảng trong quân đội phải học xong chương trình của cấp mình theo quy định thống nhất trong toàn Đảng. Đối với những đảng viên và cán bộ thuộc các ngành, các cấp trong quân đội nếu được qua các lớp dài hạn của các trường đào tạo cán bộ chỉ huy, chuyên môn, kỹ thuật trong hệ thống trường chính quy của quân đội, học

đu chương trình lý luận, chính trị ở cấp nào thì được coi như đã hoàn thành chương trình học tập lý luận, chính trị của trường Đảng ở cấp đó.

4. Quân uỷ Trung ương căn cứ vào tình thần nội dung trên, quy định cụ thể về nhiệm vụ và tổ chức biên chế cho từng trường.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 29-QĐ/TW, ngày 3 tháng 10 năm 1978

Về tổ chức hệ thống trường quân sự và chuyên môn kỹ thuật trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Để tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và công tác quản lý tập trung của Nhà nước đối với công tác nhà trường và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ quân sự, chuyên môn kỹ thuật trong quân đội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Quân uỷ Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định *tổ chức hệ thống trường quân sự và chuyên môn kỹ thuật trong quân đội* như sau:

1. Hệ thống trường quân sự và chuyên môn kỹ thuật trong quân đội là một bộ phận của hệ thống chung các nhà trường của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Ban Bí thư Trung ương Đảng và sự quản lý tập trung của Hội đồng Chính phủ, do Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng trực tiếp lãnh đạo,

chỉ đạo, quản lý. Các trường quân đội phải tuân thủ và vận dụng thực hiện mọi quy chế mà Nhà nước đã ban hành với các trường trong cả nước.

2. Hệ thống trường quân sự và chuyên môn kỹ thuật trong quân đội gồm:

a) Các học viện:

- Học viện quân sự cao cấp đào tạo, bổ túc cán bộ cao cấp chỉ huy các quân chủng, binh chủng và các ngành nghiệp vụ của quân đội và tiến hành bồi dưỡng những vấn đề quân sự cần thiết cho cán bộ cao cấp thuộc các ngành của Đảng và Nhà nước có liên quan đến quốc phòng theo chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Các học viện quân sự đào tạo cán bộ trung cấp chỉ huy các quân chủng, binh chủng và các ngành nghiệp vụ quân đội.

- Các học viện chuyên môn kỹ thuật quân sự đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ đại học và trên bậc đại học.

b) Các trường đại học và cao đẳng quân sự:

- Các trường cao đẳng chỉ huy, đào tạo sĩ quan chỉ huy phân đội các quân chủng, binh chủng, các ngành nghiệp vụ của quân đội có trình độ quân sự, chính trị đáp ứng yêu cầu được đề ra và có kiến thức cơ bản về văn hoá tương đương bậc cao đẳng.

- Các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật nghiệp vụ quân sự, đào tạo sĩ quan kỹ thuật nghiệp vụ có trình độ đại học và cao đẳng.

c) Các trường quân khu, quân đoàn, tỉnh bổ túc sĩ quan chỉ huy phân đội thuộc quân khu, quân đoàn, tỉnh và bồi dưỡng cán bộ làm công tác quân sự địa phương cấp tỉnh, huyện, xã.

d) Các trường đào tạo hạ sĩ quan.

đ) Các trường trung học chuyên nghiệp, các trường công nhân kỹ thuật đào tạo nhân viên chuyên môn kỹ thuật trung cấp và thợ lành nghề phục vụ cho sản xuất quốc phòng, xây dựng kinh tế và các ngành chuyên môn kỹ thuật quân đội.

e) Các trường văn hoá ngoại ngữ.

3. Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng căn cứ những quy định trên để xác định cụ thể tổ chức và nhiệm vụ các trường trong quân đội.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ Giáo dục, Tổng cục Đào tạo công nhân kỹ thuật có nhiệm vụ hướng dẫn và giúp đỡ quân đội xây dựng, tổ chức hệ thống trường quân sự và chuyên môn kỹ thuật trong quân đội (chiêu sinh, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, tài liệu giảng dạy, v.v.) để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Bộ Quốc phòng cùng với Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Tổng cục Đào tạo công nhân kỹ thuật bàn bạc để thể chế hoá và quy định các mối quan hệ giữa các trường trong quân đội với các trường cùng ngành tương đương do các bộ khác quản lý.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 57-TT/TW, ngày 3 tháng 10 năm 1978

Về việc kết nạp đảng viên ở những đơn vị quân đội, công an nhân dân vũ trang đang trực tiếp chiến đấu

Hiện nay ở nhiều đơn vị quân đội và lực lượng công an nhân dân vũ trang đang trực tiếp chiến đấu, số lượng đảng viên quá ít không bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, trong khi đó qua thực tế chiến đấu đã xuất hiện rõ những quần chúng ưu tú.

Để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, theo đề nghị của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bí thư đồng ý cho phép tổ chức đảng trong các đơn vị quân đội và lực lượng công an nhân dân vũ trang *đang trực tiếp chiến đấu* được vận dụng thủ tục kết nạp đảng viên đã quy định ở điểm 2 Điều 4 của *Điều lệ Đảng* như sau:

Trong phạm vi một trung đoàn, lữ đoàn hoặc tiểu đoàn là

đơn vị cơ sở đang làm nhiệm vụ chiến đấu, khi người xin vào Đảng đã được Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở cơ sở và một đảng viên chính thức có hai năm tuổi đảng trong chi bộ bảo đảm, nhưng người bảo đảm chưa có thời gian cùng công tác một năm trở lên với người xin vào Đảng thì chi bộ vẫn có thể quyết định kết nạp người đó vào Đảng, nếu xét có đủ tiêu chuẩn. Trong trường hợp này phải có thêm một đảng viên chính thức ở chi bộ khác ở cùng trong đơn vị cơ sở đó có hai năm tuổi đảng và đã có thời gian cùng công tác một năm trở lên với người xin vào Đảng bảo đảm về lịch sử chính trị và ưu điểm, khuyết điểm của người đó trong thời gian cùng công tác.

Trường hợp trên đây chi bộ phải nắm chắc được lý lịch của người xin vào Đảng, bảo đảm là người đó không phạm những điều do Trung ương quy định về lịch sử chính trị và phải xem xét toàn diện quá trình công tác, phẩm chất đạo đức của người đó, bảo đảm đủ tiêu chuẩn đảng viên. Phải cân nhắc xem xét kỹ lưỡng, hết sức tránh vì yêu cầu về số lượng mà không coi trọng chất lượng và phải đề phòng những sơ hở để kẻ địch hoặc phần tử xấu có thể lợi dụng chui vào Đảng.

Ngoài điểm nói trên, các thủ tục khác về kết nạp đảng viên phải được chấp hành nghiêm chỉnh.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 55-CT/TW, ngày 14 tháng 10 năm 1978

Về việc mở đại hội các cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và cơ sở

Đại hội đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã và cơ sở sắp tới họp trong hoàn cảnh cả nước vừa đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu; kế hoạch nhà nước 5 năm 1976 - 1980 chỉ còn hai năm để thực hiện; nhiệm vụ cũ chưa được hoàn thành lại có thêm những nhiệm vụ mới; những khó khăn cũ chưa được khắc phục, lại có thêm những khó khăn mới, nhất là những khó khăn do thiên tai gây ra ở nhiều địa phương.

Vì vậy, đại hội các cấp lần này có tầm quan trọng đặc biệt, cần được chuẩn bị và tiến hành tốt theo các yêu cầu, chủ trương, biện pháp sau đây:

1. Về xác định nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức của đảng bộ

Quán triệt Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ IV, các nghị quyết của Trung ương sau Đại hội, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương về tình hình và nhiệm vụ mới, về "kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc", và nghị quyết sắp tới của Trung ương về kế hoạch nhà nước, đại hội các cấp cần đánh giá đúng tình hình của địa phương, đơn vị, kiểm điểm sâu sắc việc thực hiện nghị quyết của đại hội đảng bộ kỳ trước, rút ra những nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân chủ quan về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của cấp uỷ đảng, cơ quan quản lý và bộ máy nhà nước. Trên cơ sở đó, đề ra các mục tiêu, biện pháp phấn đấu tích cực và vững chắc về nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức trong 2 năm 1979-1980, đặc biệt tập trung bàn kỹ các vấn đề chủ yếu sau đây:

a) *Về sản xuất, đời sống*

Phải tạo ra được sự *nhất trí* cao trong việc đánh giá tình hình, tìm ra *thế mạnh và khâu yếu* của địa phương, đơn vị; nêu cao tính tự lực tự cường, phát huy mọi khả năng tiềm tàng về lao động, đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật khác của địa phương, *tập trung sức giải quyết tốt vấn đề lương thực và thực phẩm*, trước hết là lương thực; ra sức cố gắng để phát triển hàng tiêu dùng, nguyên liệu cho công nghiệp và các mặt hàng xuất khẩu.

Có biện pháp giải quyết tốt những khó khăn trong đời sống của quần chúng; những nơi có thiên tai phải bàn biện pháp khắc phục các hậu quả, nhất thiết không để xảy ra nạn đói.

Từ những mục tiêu chủ yếu nói trên mà định rõ hướng hoạt động của các ngành kinh tế, văn hoá, thúc đẩy đồng thời

ba cuộc cách mạng.

Các địa phương *miền Nam* phải kiểm điểm kỹ và bàn biện pháp đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp gắn liền với xoá bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa, và tổ chức lại sản xuất.

Các *thành phố, thị xã* phải bàn kỹ nhiệm vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và tổ chức đời sống.

Ở *cơ sở*, chủ yếu bàn mục tiêu, biện pháp phấn đấu trong năm 1979 theo vị trí và cơ cấu kinh tế của đơn vị.

Kế hoạch nói chung, nhất là ở các tỉnh *biên giới, ven biển nơi có chiến sự, các địa bàn xung yếu* phải thấu suốt yêu cầu kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, sản xuất với chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Nếu cần, phải có hai phương án khác nhau: phương án cho tình hình bình thường, phương án cho tình hình đột xuất.

b) *Về an ninh, quốc phòng*

Theo đúng vị trí của từng vùng, kiểm điểm tình hình an ninh và quốc phòng, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu; bàn biện pháp đẩy mạnh quân sự địa phương, thực hiện quốc phòng toàn dân, hậu cần tại chỗ, nhất là củng cố an ninh chính trị, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chủ động đập tan mọi hoạt động xâm lược và phản cách mạng của địch. Nâng cao cảnh giác cách mạng, nắm chắc cơ sở và hoạt động của địch, nhất là ở miền Nam và biên giới phía bắc, nhưng phải đánh giá đúng và phát huy tốt bản chất cách mạng của đông đảo quần chúng, tránh gây nghi ngờ, quy kết liên quan một cách tùy tiện.

c) *Về quyền làm chủ tập thể của quần chúng*

Phê phán nghiêm khắc và có biện pháp khắc phục tình hình quan liêu mệnh lệnh, thói của quyền, ức hiếp quần chúng, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Cần tập trung thảo luận các biện pháp chỉ đạo cụ thể và nghiêm trị những vụ cần thiết để giải quyết dứt điểm một số thiếu sót nghiêm trọng nhất trong quan hệ giữa các cơ quan, nhất là các cơ quan phục vụ sản xuất, đời sống, và giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng để có chuyển biến thật sự.

d) Về tổ chức

Đánh giá đúng tổ chức của Đảng, chính quyền và các đoàn thể, đặc biệt là *các cấp lãnh đạo*, để có chuyển biến mạnh mẽ trong kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc theo đúng Nghị quyết số 10-NQ/TW của Trung ương.

Có biện pháp đẩy mạnh xây dựng *huyện và cơ sở*, kiện toàn chính quyền, nhất là các cơ quan quản lý và tổ chức kinh tế, các cơ quan an ninh và quân sự đủ mạnh và có hiệu lực.

Khắc phục khuynh hướng hành chính hoá, quan liêu hoá trong các đoàn thể, củng cố và phát triển tổ chức quần chúng.

Đề ra yêu cầu, biện pháp, nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Xây dựng cơ sở đảng thật *trong sạch, vững mạnh*, đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, gắn liền với xây dựng chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, theo năm yêu cầu:

- Lãnh đạo tốt sản xuất, phát triển sức sản xuất, củng cố, hoàn thiện, cải tạo tốt quan hệ sản xuất;
- Phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, tổ chức tốt đời sống quần chúng, huy động quần chúng làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, xây dựng

quốc phòng toàn dân, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu tốt;

- Xây dựng đảng, chính quyền và đoàn thể vững mạnh;
- Có đội ngũ cốt cán vững vàng, trong sạch, liêm khiết và biết cách làm ăn.

Định rõ biện pháp và bảo đảm thời gian hoàn thành việc làm trong sạch đội ngũ đảng, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng theo đúng Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Coi trọng chỉ đạo công tác phát triển đảng theo đúng yêu cầu về chất lượng nhằm làm trẻ đội ngũ đảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ từ cơ sở.

2. Về bầu cử cấp uỷ

a) Đại hội các cấp lần này phải đạt được một sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc kiện toàn các cấp uỷ, thật sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện chính trị, kinh tế, văn hoá, quốc phòng, an ninh, v.v., bảo đảm trong sạch về chính trị, có phẩm chất, có năng lực lãnh đạo kinh tế, quốc phòng, an ninh cao hơn khoá trước; có tuổi đời bình quân thấp hơn; tăng thêm thành phần công nhân, cán bộ có trình độ kinh tế, kỹ thuật, cán bộ nữ, người dân tộc ở vùng dân tộc.

Chấp hành nghiêm túc quyết định của Trung ương: "phải hoàn toàn xuất phát từ công việc, từ yêu cầu kinh tế, kỹ thuật, mà đặt tổ chức, bố trí cán bộ", "ngăn ngừa việc bố trí cán bộ theo cảm tình, theo óc địa phương, cục bộ", khắc phục những quan điểm bảo thủ, phong kiến trong việc lựa chọn người vào cấp uỷ.

Tiêu chuẩn của cấp uỷ viên cần nhấn mạnh về *lập trường chính trị*: phải thật sự kiên định, hoàn toàn nhất trí và thật

sự thông suốt với đường lối, quan điểm của Đảng cả về đối nội, đối ngoại; *về năng lực*: phải có kiến thức cần thiết và kinh nghiệm thực tế đủ sức tham gia lãnh đạo tập thể và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết của cấp uỷ ở cương vị mình phụ trách; *về đạo đức, tác phong*: phải có tinh thần cách mạng tiến công, chăm lo giữ gìn đoàn kết nội bộ, giữ gìn kỷ luật của Đảng, chăm lo đời sống quần chúng, có tác phong dân chủ, sâu sát quần chúng, cấp dưới và cơ sở.

Đối với các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu mà cấp trên không yêu cầu tiếp tục công tác thì để nghỉ hưu. Những đồng chí ốm yếu, không đủ sức khoẻ làm việc thì để nghỉ dưỡng sức, chữa bệnh.

Những đồng chí qua nhiệm kỳ trước đã không phát huy rõ tác dụng của cấp uỷ viên, hoặc ít được tín nhiệm vì có nhiều khuyết điểm, quần chúng chê bai, hoặc năng lực kém thì cần được thay thế.

Những đồng chí vì quyền lợi bản thân, gia đình mà không chấp hành hoặc không vận động, thuyết phục gia đình chấp hành các chính sách của Đảng (như thuế, thu mua, cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ bóc lột) thì nhất thiết không được bầu vào cấp uỷ.

Những trường hợp có vấn đề lịch sử chính trị chưa được điều tra, xác minh để kết luận rõ theo đúng thủ tục thì không đưa vào cấp uỷ.

Tuyệt đối không để trong cấp uỷ những người không thông suốt với đường lối, quan điểm của Đảng cả về đối nội, đối ngoại.

b) Trên cơ sở quán triệt những yêu cầu chung trên đây, việc kiện toàn ban chấp hành ở từng cấp cần theo sự hướng

dẫn dưới đây:

- Ở cấp tỉnh và thành phố trực thuộc

Số lượng cấp uỷ viên có từ 35 đến 45 (trong đó có từ 2 đến 4 dự khuyết); ban thường vụ có từ 11 đến 13, trường hợp đặc biệt cần thêm thì đề nghị Ban Bí thư xét.

Ban thường vụ nói chung gồm đồng chí bí thư, đồng chí chủ tịch uỷ ban nhân dân (có thể là phó bí thư, phụ trách kinh tế), đồng chí phó bí thư thường trực; các đồng chí phụ trách kế hoạch, công nghiệp, nông nghiệp, tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra, công an, quân sự, dân vận, thành phố trực thuộc tỉnh hoặc huyện trọng điểm, v.v.. Tuỳ theo tình hình cụ thể có đồng chí phụ trách công đoàn (ở thành phố và tỉnh có nhiều công nghiệp), phụ trách thanh niên.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn cấp uỷ viên, cấp uỷ nên có các đồng chí phụ trách các đoàn thể (công đoàn, thanh niên, phụ nữ, nông hội ở miền Nam) thật sự được quần chúng các giới tín nhiệm, ở các ngành quan trọng về kinh tế và văn hoá, các ban kinh tế, khoa giáo, có những đồng chí là bí thư huyện uỷ, quận uỷ, thành uỷ, thị uỷ (ít nhất có các đồng chí phụ trách các huyện, quận quan trọng ở từng vùng khác nhau) và một số bí thư, giám đốc các xí nghiệp, công ty, nông trường lớn, v.v..

Hạ thấp tuổi đời bình quân các cấp uỷ viên tỉnh, thành xuống trên dưới 45 tuổi; chú trọng đưa những đồng chí đã qua trường đảng trung, cao cấp vào cấp uỷ; đưa tỷ lệ các đồng chí có trình độ đại học về kinh tế, khoa học - kỹ thuật khoảng trên dưới 50% số cấp uỷ viên (ở miền Nam ít nhất trên dưới 35%).

Cần kiện toàn tốt các ty, sở. Những đồng chí phụ trách

các ngành kinh tế, kỹ thuật nói chung phải có trình độ đại học và đã có kinh nghiệm trong thực tiễn; nếu chưa qua đại học thì phải có hiểu biết về quản lý kinh tế, kỹ thuật, đã qua chỉ đạo thực tiễn nhiều năm trong ngành, có khả năng học tập để tiếp thụ kiến thức mới. Các đồng chí phụ trách các ngành kinh tế, kỹ thuật quan trọng nên đưa vào cấp uỷ nếu có đủ tiêu chuẩn; nhưng nếu đảm nhiệm tốt công tác chuyên môn mà chưa có đủ tiêu chuẩn để đưa vào cấp uỷ thì cứ để làm nhiệm vụ đó, không đưa cấp uỷ viên làm công tác khác đến thay thế; trong trường hợp này nếu cần có thể đưa đồng chí bí thư đảng uỷ cơ quan vào cấp uỷ, nếu có đủ tiêu chuẩn.

- Ở cấp huyện và tương đương

Số lượng cấp uỷ viên huyện, quận, thành, thị thuộc tỉnh, thành phố, nói chung có từ 25 đến 35 (từ 2 đến 4 dự khuyết). Ban thường vụ có từ 9 đến 11 đồng chí, gồm các đồng chí bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân (có thể là phó bí thư phụ trách kinh tế), phó bí thư thường trực; các đồng chí phụ trách nông nghiệp (hoặc nông, lâm, ngư nghiệp), công nghiệp, kế hoạch, quân sự, công an, tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra (một vài công tác trên nếu không đủ uỷ viên thường vụ thì cử huyện uỷ viên phụ trách).

Các cấp uỷ viên khác được chọn trong các đồng chí có đủ tiêu chuẩn, có sức khoẻ phụ trách những ngành quan trọng về kinh tế, văn hoá, các ban, các đoàn thể và cơ sở, phù hợp với vị trí đặc điểm ở từng huyện hoặc quận, thị... chú trọng có ít nhất 1/3 cấp uỷ viên công tác ở cơ sở xã, phường, hợp tác xã, xí nghiệp, trạm trại, v.v., hoặc chuyên trách chỉ đạo xã, cơ sở yếu kém, vùng xung yếu, v.v.. Ít nhất ở mỗi vùng kinh tế, kỹ thuật có một vài đồng chí là bí thư xã hoặc chủ nhiệm hợp

tác xã.

Cần rất coi trọng lựa chọn cán bộ xuất thân là công nhân, biết quản lý thành thị tham gia các quận uỷ, thành uỷ, thị uỷ.

Hạ thấp tuổi đời bình quân của các cấp uỷ viên xuống khoảng dưới 40 tuổi. Chú trọng lựa chọn các đồng chí có đủ tiêu chuẩn, đã qua trường đảng lớp trung cấp vào ban thường vụ. Kiện toàn tốt các ban chuyên môn của chính quyền; các đồng chí phụ trách các ngành kinh tế, kỹ thuật, nói chung (ít nhất hiện nay là các ngành nông nghiệp, công nghiệp, y tế, giáo dục...) phải có trình độ đại học hoặc trung cấp và đã có kinh nghiệm thực tiễn. Nếu chưa có thì trên điều về.

- Các đảng uỷ cơ sở

Qua đại hội lần này, các tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, v.v. phải bảo đảm kiện toàn bằng được các đảng uỷ, chi uỷ cơ sở, tạo điều kiện để đưa cơ sở tiến lên tương đối đồng đều trong vài năm tới.

Số lượng cấp uỷ viên, cách phân công cụ thể sẽ căn cứ vào quy định đã có của Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Các cấp đảng uỷ xã, xí nghiệp, v.v. phải có những đồng chí công tác ở hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất, phân xưởng, đội sản xuất, thôn, ấp, v.v..

Trên cơ sở tiêu chuẩn chung của cấp uỷ viên, cần nhấn mạnh lựa chọn những đồng chí biết làm và dám làm, liêm khiết, đoàn kết được nội bộ, dân chủ với quần chúng. Nhất thiết không để lọt vào cấp uỷ những người tham ô, vô trách nhiệm, tư lợi, ức hiếp quần chúng, không chấp hành các chính sách, v.v..

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các huyện uỷ và cấp uỷ tương đương cần cử cán bộ xuống kiểm tra cơ sở chủ yếu là các xã, phường (tập trung vào các xã, phường yếu kém, trung bình) và những đơn vị cơ sở trọng điểm khác để chấn chỉnh một bước các đảng uỷ, chi uỷ cơ sở theo yêu cầu trên đây, ít nhất là bố trí đúng các đồng chí trong ban thường vụ, các đồng chí bí thư, chủ tịch, các đồng chí phụ trách công an, quân sự tạo điều kiện cho việc bầu cử sắp tới đạt đầy đủ yêu cầu đề ra; cơ sở nào không có đủ cốt cán thì đưa cán bộ về để bố trí.

Đi đôi với kiện toàn cấp uỷ, phải kiện toàn chính quyền và các đoàn thể. Các đảng uỷ, chi uỷ, cơ quan chính quyền từ uỷ ban nhân dân đến các cơ quan kinh tế, công an, dân quân, các ban quản trị hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất, các ban chấp hành đoàn thể, nhất là thanh niên, công đoàn, phải thật sự vững mạnh. Ở miền Nam, cần chú trọng không để lọt những phần tử địch, phần tử xấu và những người bóc lột vào các cơ quan nói trên.

4. Về chỉ đạo việc chuẩn bị và tiến hành đại hội

Quán triệt yêu cầu cách mạng và khoa học trong việc tiến hành đại hội các cấp: chuẩn bị kỹ, nắm chắc thực tế, dám nhìn thẳng vào sự thật, đề cao phê bình và tự phê bình, tập trung giải quyết những vấn đề mấu chốt, định mục tiêu sát với thực tế, ngắn gọn, thiết thực, tránh phô trương, hình thức.

a) Từng cấp uỷ phải chủ động *chuẩn bị kỹ đề án đại hội và nhân sự cấp uỷ*, đến mức thống nhất về cơ bản để đại hội tiến hành nhanh gọn có chất lượng cao. Sử dụng tốt các ban, ngành trong việc đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương,

biện pháp.

Việc đưa đề án hoặc dự thảo tóm tắt xuống đại hội cấp dưới thảo luận và lấy ý kiến của quần chúng phải làm một cách thiết thực. Phải tổng hợp được ý kiến của cấp dưới và của quần chúng để tập thể thảo luận, bổ sung đề án.

Về chuẩn bị nhân sự, cần tiến hành tự phê bình và phê bình tập thể cấp uỷ và từng cấp uỷ viên. Tổ chức cho các ban cán sự đảng, các đảng đoàn, các đảng uỷ cơ quan, các cấp uỷ cấp dưới trực tiếp và một số cán bộ, v.v. góp ý kiến, phê bình các cấp uỷ viên và giới thiệu những đồng chí xứng đáng vào cấp uỷ mới.

Ở các xã, phường, xí nghiệp, v.v. tổ chức cho hội đồng nhân dân, đại hội xã viên, đại hội công nhân viên chức, ban chấp hành các đoàn thể giới thiệu những người xứng đáng vào cấp uỷ; cấp trên cần cử cấp uỷ viên, cán bộ về để nghiên cứu ý kiến của quần chúng.

Ở các cấp tỉnh, thành phố, huyện, v.v. cần tổ chức cho hội đồng nhân dân góp ý kiến về sự lãnh đạo của cấp uỷ và công tác của uỷ ban, các ngành, phê bình nhận xét các cấp uỷ viên. Ý kiến của quần chúng cần được nghiên cứu kỹ, xem xét từng trường hợp và được báo cáo với các đại biểu những vấn đề xét cần.

Ngay từ bây giờ, gắn liền với việc thi hành Nghị quyết của Trung ương về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc và Chỉ thị này, cần thúc đẩy việc thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý theo Chỉ thị số 45-CT/TW. Bố trí đúng cán bộ chủ chốt ở các ngành các cấp, bảo đảm kiện toàn tổ chức tương xứng với các mặt công tác, vừa kết hợp chuẩn bị tốt cho việc bầu cử cấp uỷ khoá này, vừa tìm hiểu và bố trí

cán bộ dự bị có triển vọng tham gia cấp uỷ khóa tới. Giải quyết ngay một số vấn đề về phẩm chất, trước hết trong cấp uỷ, ban, đảng đoàn theo Nghị quyết số 10 của Trung ương.

Cần chỉ đạo tốt việc bầu cử đại biểu từ cơ sở, bảo đảm chất lượng đại biểu đi dự đại hội cấp trên. Số lượng đại biểu của mỗi đảng bộ cần theo đúng Quy định số 12-QĐ/TW, ngày 4-2-1978 của Ban Bí thư. Đối với một số đảng bộ huyện và khu phố có trên dưới 200 tổ chức cơ sở đảng, tỉnh uỷ, thành uỷ có thể quyết định tăng thêm số đại biểu cho đến trên dưới 300; trường hợp có trên dưới 250 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thì có thể cử đến 350 đại biểu.

b) Cấp trên cần chỉ đạo chặt chẽ cả về nội dung và nhân sự. Ban Bí thư sẽ có kế hoạch chỉ đạo các tỉnh, thành phố; các ban phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Trung ương trong việc này. Các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo đại hội cấp huyện và tương đương, và cùng với cấp huyện tập trung chỉ đạo đại hội cơ sở.

Các ngành ở trung ương cần gợi ý cho các tỉnh uỷ, thành uỷ những vấn đề quan trọng trong công tác của từng ngành mà đại hội đảng bộ phải chú trọng giải quyết; từng ngành phải sớm chỉ đạo việc tổ chức lại ngành, thực hiện phân cấp quản lý cho địa phương theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương. Các ban cán sự đảng phải kiểm tra đôn đốc việc này. Cần làm tốt trách nhiệm đối với các tổ chức cơ sở đảng ở những đơn vị trực thuộc bộ theo quy định đã có của Ban Bí thư; coi trọng việc làm quán triệt nhiệm vụ công tác của các ngành, chỉ rõ nhiệm vụ chủ yếu của từng cơ sở, kiện toàn các giám đốc, phó giám đốc, đề xuất với cấp uỷ bố trí lại bí thư, v.v. ở những nơi còn yếu trước khi cơ sở mở đại hội.

c) Đại hội các cấp sẽ được *tiến hành vào đầu năm 1979 từ cơ sở* sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm và kế hoạch nhà nước. Sau đại hội, cấp uỷ phải bàn chương trình hành động trong nhiệm kỳ, xác định rõ và bổ sung cụ thể chức trách, chế độ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ và cấp uỷ viên.

Cần tập trung bàn các biện pháp thi hành nghị quyết của đại hội trong năm 1979, phát động phong trào quần chúng rộng rãi trên mọi lĩnh vực, bảo đảm cho nghị quyết của đại hội được thực hiện thắng lợi, tạo ra một khí thế mới trong đảng bộ và nhân dân, một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào, nhất là trong sản xuất và quốc phòng, an ninh.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban có kế hoạch hướng dẫn việc thi hành Chỉ thị này và tổng hợp tình hình thực hiện để báo cáo với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 30-QĐ/TW, ngày 28 tháng 10 năm 1978

Về đoàn cán bộ tuyên huấn giúp Lào

Căn cứ vào yêu cầu của Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào;

Căn cứ vào sự thoả thuận giữa Trung ương hai đảng về hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau;

Theo đề nghị của Ban Tuyên huấn và Ban Tổ chức Trung ương;

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập đoàn cán bộ tuyên huấn giúp Lào, bên cạnh Trung ương Đảng bạn, với nhiệm vụ: nghiên cứu giúp bạn toàn diện về công tác tuyên truyền - huấn luyện, báo chí - xuất bản, thông tin - văn hoá; đề xuất, kiến nghị với Trung ương Đảng ta về công tác tuyên truyền - huấn luyện văn hoá nhằm tăng cường tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa hai đảng và nhân dân hai nước.

2. Đoàn cán bộ gồm các cán bộ chuyên trách về từng mặt

công tác đã nói ở trên. Các ngành thuộc khối tuyên huấn có tổ cán bộ giúp bạn như thông tấn, văn hoá, v.v. cần cử tổ trưởng làm thành viên của đoàn cán bộ này.

3. Chỉ định đồng chí Phan Hiền, trợ lý đặc trách công tác giúp Lào của Ban Tuyên huấn Trung ương, làm Trưởng đoàn cán bộ tuyên huấn. Trưởng đoàn chỉ đạo mọi mặt hoạt động của đoàn theo nguyên tắc, chế độ đã quy định.

4. Ban Tuyên huấn Trung ương chọn và duyệt danh sách các đoàn viên, chỉ định Phó trưởng đoàn, giúp Ban Bí thư Trung ương chỉ đạo thường xuyên hoạt động của đoàn.

5. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự C, Ban Liên lạc đối ngoại và các cơ quan hữu quan bảo đảm các chế độ chính sách; giúp đỡ kinh nghiệm và phương tiện hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn cán bộ tuyên huấn làm tròn nhiệm vụ.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 58-TT/TW, ngày 28 tháng 10 năm 1978

Về việc tăng cường cán bộ cho miền Nam

Trong ba năm qua, đội ngũ cán bộ ở miền Nam đã có những biến đổi quan trọng về số lượng, cơ cấu và chất lượng. Lực lượng cán bộ tại chỗ phát triển mau qua các phong trào cách mạng của quần chúng, đồng thời hàng vạn cán bộ các loại từ cơ quan trung ương và các tỉnh miền Bắc được điều động đến; nhờ vậy về căn bản đã đáp ứng được các nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam.

Tuy nhiên, nhiều nơi chưa bố trí và sử dụng tốt, chưa phát huy hết khả năng của cán bộ; việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa thật tích cực; việc phân bố lực lượng cán bộ nhìn trên phạm vi cả nước còn chưa hợp lý, ở miền Nam vẫn tương đối mỏng và yếu, nhất là ở cơ sở và cấp huyện.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, phải ra sức khắc phục những nhược điểm nói trên, mau chóng tăng cường lực lượng cán bộ ở miền Nam. Việc này phải được tiến hành trên cả ba mặt: bố trí hợp lý, sử dụng tốt hơn nữa lực lượng cán bộ hiện có, kể cả người địa phương và người từ nơi khác đến; đẩy

mạnh việc bồi dưỡng cán bộ hiện có và đào tạo cán bộ mới cho địa phương; điều động thêm trong chừng mực cần thiết một số cán bộ từ các cơ quan trung ương và các tỉnh miền Bắc vào tăng cường cho miền Nam.

Cụ thể là:

1. Gắn liền với việc thực hiện Chỉ thị 55-CT/TW, ngày 14-10-1978 của Ban Bí thư, trong quá trình chuẩn bị đại hội các tỉnh, huyện, cần soát lại lực lượng cán bộ hiện có, kiểm tra việc bố trí và sử dụng cán bộ. Phát hiện và mạnh dạn đề bạt những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị và cơ cấu tổ chức. Điều chỉnh lại những trường hợp sử dụng không đúng ngành nghề, không hợp với khả năng cán bộ. Ổn định công tác của cán bộ, sử dụng cán bộ theo chức trách của mỗi người trong bộ máy tổ chức; hết sức hạn chế việc thay đổi xáo trộn công tác của cán bộ hoặc sử dụng cán bộ vào những việc linh tinh, không có trách nhiệm rõ ràng.

Từng ngành trung ương có trách nhiệm cùng với tỉnh soát lại lực lượng cán bộ của ngành ở tỉnh và huyện, tham gia ý kiến với tỉnh về việc bố trí, sử dụng cán bộ. Đồng thời các ngành trung ương có kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho các đồng chí trưởng phó ty, trưởng phó phòng ở miền Nam, và đi sát giúp đỡ xây dựng bộ máy, xác định chức năng, nhiệm vụ, cải tiến lề lối làm việc để giúp các ty, phòng mau chóng nắm được nhiệm vụ và biết cách làm việc.

2. Trên cơ sở sử dụng hợp lý và phát huy thật tốt lực lượng cán bộ hiện có, đối chiếu với yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, mà xác định cụ thể số cán bộ còn thiếu cần được

tăng cường ở mỗi cấp, mỗi ngành; không tăng cường cán bộ một cách dàn đều, tràn lan.

Trước hết, tập trung sức tăng cường cán bộ cho cơ sở, nhất là những cơ sở yếu kém và thuộc vùng xung yếu; kiện toàn cho được các đảng uỷ, chi uỷ và các chức vụ chủ chốt: bí thư, chủ tịch, xã đội trưởng, công an trưởng, đồng chí phụ trách dân vận. Nguồn cán bộ này chủ yếu do từng tỉnh tự giải quyết; rút bớt ở các ngành của tỉnh, huyện những cán bộ chính trị có kinh nghiệm công tác đảng, công tác quần chúng để đưa về tăng cường cho xã, ấp. Riêng đối với một số xã thuộc miền núi và số xã có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa hoặc đồng bào dân tộc từ miền Bắc di cư vào, nếu tỉnh không có đủ cán bộ đưa về, thì có thể yêu cầu tăng cường một số cán bộ xã từ miền Bắc vào.

Đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ của ngành ở tỉnh, huyện và cơ sở trực thuộc trung ương thì từng ngành trung ương có kế hoạch kiện toàn và bổ sung cho những nơi còn thiếu, yếu. Chú trọng trước hết kiện toàn cán bộ cho những vùng xung yếu: thành phố lớn, vùng biên giới tây nam, vùng dân tộc, vùng tôn giáo, và những địa phương, những cơ sở trọng điểm của từng ngành. Trước mắt, từ nay đến cuối năm 1978, phải có kế hoạch tăng cường cán bộ đáp ứng những nhu cầu cấp bách nhất và chuẩn bị cho việc kiện toàn các tỉnh uỷ, huyện uỷ trong đại hội các đảng bộ đầu năm 1979.

3. Số cán bộ điều động tăng cường cho miền Nam trước hết lấy ở các cơ quan trung ương, đồng thời cũng lấy một phần ở các tỉnh miền Bắc. Kế hoạch điều động cán bộ của mỗi ngành do ngành trung ương đó quản lý thống nhất.

Số cán bộ dự định bổ sung cho các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở miền Nam phải được lựa chọn trong những cán bộ có chất lượng chính trị và chuyên môn khá đang giữ chức vụ tương đương ở miền Bắc. Không điều động những cán bộ kém phẩm chất, kém năng lực, cũng không nên điều động số cán bộ có hoàn cảnh gia đình quá khó khăn hoặc đau yếu, hoặc đã chiến đấu nhiều năm ở miền Nam mới chuyển ngành ra miền Bắc.

Cán bộ được điều động tăng cường cho miền Nam theo yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng; không quy định chỉ đi 2 hoặc 3 năm.

Số cán bộ trước đây các ngành trung ương và các tỉnh miền Bắc điều động vào công tác ở miền Nam với thời hạn 2 - 3 năm, nay giao cho các tỉnh miền Nam xếp hẳn vào bộ máy của địa phương; những người đủ tiêu chuẩn thì được đề bạt vào các chức vụ lãnh đạo và quản lý. Các ngành trung ương và các địa phương cần làm tốt công tác tư tưởng với anh chị em này. Đối với một số ít cán bộ mà gia đình ở miền Bắc có quá nhiều khó khăn thì điều động trở ra miền Bắc.

Trước khi nhận công tác, những cán bộ được điều động vào miền Nam phải được bồi dưỡng về tình hình, nhiệm vụ, các chủ trương chính sách ở miền Nam hiện nay.

Sau khi đã nhất trí kế hoạch điều động của các ngành trung ương và tỉnh miền Bắc, các tỉnh miền Nam cần làm tốt việc tiếp nhận cán bộ, bồi dưỡng về tình hình và nhiệm vụ của địa phương, bố trí đúng ngành nghề và đúng chức vụ đã thoả thuận với các ngành trung ương khi điều động. Cần chăm lo chu đáo đời sống của anh chị em, cố gắng giúp đỡ anh em đưa vợ con vào cùng trong điều kiện và khả năng cho phép.

4. Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm điều động cán bộ tăng cường cho các tỉnh uỷ, huyện uỷ và cho các ban tổ chức, đồng thời có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các ngành và các tỉnh thực hiện Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 59-TT/TW, ngày 2 tháng 11 năm 1978

Giải quyết việc nghỉ hưu của cán bộ

Trong những năm vừa qua, các ngành, các cấp đã cố gắng thực hiện Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, cho nhiều cán bộ già yếu được nghỉ hưu, đồng thời mạnh dạn đề bạt nhiều cán bộ trẻ thay thế. Những cố gắng đó đã góp phần làm cho tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước được tăng cường, và góp phần giữ gìn sức khoẻ cho cán bộ.

Tuy nhiên, nhiều ngành, nhiều cơ quan vẫn chưa nghiêm chỉnh thực hiện các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đã ban hành. Nhiều cán bộ đã có quyết định nghỉ hưu từ lâu, nhưng đến nay vẫn để làm việc ở chức vụ cũ, chưa bố trí cán bộ khác thay thế và chưa làm xong các thủ tục cần thiết để các cán bộ đó được nghỉ hưu. Mặt khác, hiện nay còn khá nhiều cán bộ đã quá tuổi nghỉ hưu, sức khoẻ không bảo đảm để công tác, nhưng vẫn chưa được về nghỉ hưu. Tình trạng đó đã ảnh hưởng nhiều đến việc kiện toàn bộ máy của Đảng và Nhà nước, gây khó khăn cho công tác quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ.

Vì vậy, Ban Bí thư nhắc các ban cán sự, các đảng đoàn, các tỉnh uỷ, thành uỷ và các ban của Đảng:

1. Đối với những cán bộ đã có quyết định nghỉ hưu, cần cử ngay cán bộ khác thay thế và làm các thủ tục cần thiết để các đồng chí đó về nghỉ, không được kéo dài quá một tháng

sau khi có Thông tri này.

2. Từ nay đến cuối năm, cần cho những cán bộ còn lại đã đến tuổi hưu trí được nghỉ hưu. Khi cho cán bộ nghỉ hưu, cần chuẩn bị ngay cán bộ thay thế, bảo đảm sau khi đã có quyết định thì chậm nhất là một tháng phải bàn giao công việc và làm xong các thủ tục cần thiết để cho cán bộ đó nghỉ hưu. Nếu ai không chịu làm thủ tục về hưu thì cứ cắt lương và chuyển sang lương hưu. Trường hợp đặc biệt có nhu cầu cần thiết cho công tác và cán bộ định giữ lại tiếp tục làm việc còn đủ sức khoẻ và khả năng thì cần báo cáo để cơ quan cấp trên xét duyệt mới được giữ lại.

3. Đối với cán bộ đã về hưu, nếu cơ quan, đơn vị có nhu cầu thì có thể sử dụng những cán bộ còn sức khoẻ và khả năng làm việc theo chế độ hợp đồng trong từng thời gian, nhưng không bố trí giữ những chức vụ cũ. Cần tổ chức tốt việc quản lý, chăm sóc đời sống và sức khoẻ, tạo điều kiện để mọi cán bộ khi đã về hưu đều được tham gia sinh hoạt tại cơ sở, tiếp tục cống hiến cho cách mạng.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 62-TT/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1978

Về việc lãnh đạo, chỉ đạo mở rộng diện thi hành chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều trong cả nước

Theo tinh thần các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai và lần thứ ba; để thắt chặt quan hệ kinh tế nhà nước với nông dân và những người làm nghề rừng, nghề cá, nghề muối, thúc đẩy sản xuất phát triển theo quy hoạch và kế hoạch nhà nước, bảo đảm Nhà nước nắm chắc các nguồn hàng lương thực, thực phẩm, nông sản, hải sản, ngày 23-3-1978, Hội đồng Chính phủ đã ra Quy định tạm thời số 65-CP về chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều và Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 175-TTg hướng dẫn việc thi hành.

Sau một quá trình thực hiện ở một số tỉnh và nhiều huyện trong cả nước, Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã nghe báo cáo sơ kết tình hình kết quả đã đạt được và đã ra Chỉ thị số 525-TTg, quyết định mở rộng diện thi hành trong cả nước. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã họp với các đại diện các tỉnh, thành phố ở cả hai miền để truyền đạt chỉ thị và bàn cụ thể việc thực hiện.

Đây là một vấn đề rất quan trọng, là một biện pháp cơ bản, lâu dài, có ý nghĩa lớn về kinh tế và chính trị, gắn liền với việc xây dựng và thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước trên địa bàn từng huyện, từ khâu sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, đến khâu lưu thông phân phối, tiêu dùng. Làm tốt việc này không những có tác dụng thúc đẩy sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch nhà nước, bảo đảm Nhà nước nắm nguồn hàng chắc hơn, nhiều hơn mà còn góp phần thiết thực vào việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, thúc đẩy việc xây dựng cấp huyện và tăng cường cấp huyện, củng cố và tăng cường cơ sở đảng ở xã, ấp, chấn chỉnh tổ chức và cải tiến phương thức quản lý của các ngành kinh tế các cấp, nhất là trên địa bàn huyện.

Yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ nghiên cứu kỹ để nắm vững nội dung các văn kiện của Chính phủ đã ban hành về vấn đề này, lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức thực hiện ở các ngành, các cấp cả về mặt công tác chính trị, tư tưởng và về tổ chức quản lý. Trước mắt, cần gắn chặt việc ký kết hợp đồng kinh tế hai chiều với việc xây dựng kế hoạch nhà nước năm 1979 trên địa bàn từng huyện trong những tháng cuối năm 1978 để kịp thực hiện từ vụ sản xuất Đông Xuân 1978-1979.

Kết quả thế nào, các tỉnh uỷ, thành uỷ thường kỳ báo cáo Ban Bí thư biết.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 57-CT/TW, ngày 15 tháng 11 năm 1978

**Về việc xoá bỏ các hình thức bóc lột của phú nông,
tư sản nông thôn và tàn dư bóc lột phong kiến;
thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể
của nông dân lao động; đẩy mạnh công tác cải tạo
xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp
ở các tỉnh miền Nam**

I- TÌNH HÌNH CƠ BẢN Ở NÔNG THÔN QUA CÁC ĐIỂM ĐIỀU TRA THUỘC MỘT SỐ TỈNH Ở NAM BỘ

Thi hành Chỉ thị số 43 của Bộ Chính trị về *Nắm vững và đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam*, việc điều tra tình hình sở hữu ruộng đất, máy móc nông nghiệp, trâu bò, lao động của các tầng lớp nông dân đã được tiến hành có kết quả ở 12 điểm thuộc một số tỉnh Nam Bộ.

Như nhận định trước đây của Bộ Chính trị, qua công tác điều tra ở các điểm, ta thấy rõ tàn dư bóc lột của địa chủ

phong kiến về cơ bản đã bị xoá bỏ, phần lớn ruộng đất đã thuộc về nông dân lao động, cơ cấu các tầng lớp nông dân đã có nhiều biến đổi. Tuy nhiên, một số nơi vẫn còn tồn dư bóc lột của địa chủ phong kiến và khá nhiều nơi vẫn tồn tại những hình thức bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn, chủ yếu là bóc lột nhân công, kinh doanh ruộng đất, kinh doanh máy móc nông nghiệp và trâu bò theo phương thức tư bản chủ nghĩa, cho vay nặng lãi, kết hợp với kinh doanh công, thương nghiệp.

Tình trạng chênh lệch quá nhiều về sở hữu ruộng đất giữa các hộ vẫn còn, kể cả nơi bình quân diện tích cao và nơi bình quân diện tích thấp. Trong khi một bộ phận nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất, thì vẫn còn một bộ phận nông dân khác chiếm hữu quá nhiều ruộng đất, không đủ sức lao động để tự làm, phải thuê mướn nhân công, kinh doanh thu lợi. Máy móc giữ một vị trí rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, nhất là trong các khâu làm đất, tưới nước, trực đập, chế biến, vận chuyển. Nhưng hầu hết máy lớn, máy vừa và một phần trâu bò cày kéo đang là phương tiện kinh doanh thu lợi của một số ít người, chi phối rất lớn quá trình sản xuất nông nghiệp miền Nam.

Ở các điểm điều tra, số *trung nông* chiếm một tỷ lệ khá đông, phổ biến là trên dưới 70%, có nơi gần 80% số hộ. Số *lao động làm thuê và bán nông* vẫn còn nhiều, thường chiếm khoảng trên dưới 20%, có nơi gần 30% số hộ ở nông thôn. Hợp hai lực lượng này lại thì lực lượng nông dân lao động chiếm trên 90% số hộ và chiếm đại bộ phận ruộng đất và tư liệu sản xuất khác (trừ máy lớn). Đây là *lực lượng to lớn làm chủ nông thôn*. Xu thế tất yếu và cấp bách của những người lao

động làm thuê và bán nông, những trung nông có ruộng tự làm là *hợp tác hoá nông nghiệp và tổ chức lại sản xuất, gắn bó chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nông dân với Nhà nước, xoá bỏ bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, đóng góp nông sản phẩm và trao đổi hàng hoá với Nhà nước*. Số này chiếm đại bộ phận trong nông dân lao động và là lực lượng tích cực đi lên chủ nghĩa xã hội, tích cực chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về *cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn miền Nam*. Trong trung nông, có một bộ phận là trung nông lớp trên, chiếm khoảng 10% - 15% tổng số hộ ở nông thôn, tuy có bóc lột chút ít và có mặt dao động, tiêu cực đối với chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, song về cơ bản họ là những người lao động; nhiều người vốn là tá điền được cách mạng đem lại ruộng đất; qua hai cuộc kháng chiến, họ gắn bó với Đảng và chính quyền cách mạng. Khi được phổ biến kỹ chính sách và có phong trào quần chúng mạnh thì số này sẽ theo xu thế chung của lực lượng nông dân lao động, đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp.

Nhưng bên cạnh những nông dân lao động nói trên, vẫn tồn tại một số *phú nông và tư sản nông thôn*. Số này tuy ít, nhưng kết hợp với bộ phận trung nông lớp trên có tham gia bóc lột, họ trở thành một lực lượng đáng kể: họ nắm trong tay một phần quan trọng ruộng đất và tư liệu sản xuất khác, nhất là hầu hết các máy móc nông nghiệp lớn, một số trâu bò cày kéo để kinh doanh kiếm lợi, và phần lớn nông sản hàng hoá. Với mức độ khác nhau ở từng nơi, nhất là ở những nơi có nhiều máy móc nông nghiệp lớn, số này đang chi phối sản

xuất và bóc lột nông dân lao động. Nói chung phú nông và tư sản nông thôn có nhiều phản ứng tiêu cực đối với việc thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đang là thế lực duy trì con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, là trở ngại lớn nhất đối với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất và đời sống ở nông thôn, thực hiện chính sách thu mua nông sản phẩm, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, v.v.. Một số còn cấu kết với những phần tử ngụy quân, ngụy quyền cũ không chịu cải tạo, hoạt động phá rối trật tự, an ninh, chống phá cách mạng.

Tình hình như vậy mà việc xoá bỏ tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến ở một số nơi lại tiến hành chưa triệt để; nhiều nơi chưa thấy rõ cần phải *kiên quyết xoá bỏ bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn và phần bóc lột của trung nông lớp trên*. Tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở các cấp, nhất là *cấp huyện* và *cơ sở*, chưa được kịp thời chấn chỉnh và củng cố. Lập trường, quan điểm giai cấp công nhân của nhiều cán bộ, đảng viên còn mơ hồ; ý chí phấn đấu và phẩm chất cách mạng của một số bị giảm sút. Nhiều nơi, đảng viên xuất thân từ thành phần giai cấp bóc lột hiện còn giữ vai trò lãnh đạo chủ chốt ở xã, ấp; họ chưa thật sự giác ngộ về Đảng, chưa hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; thậm chí có người còn bảo vệ quyền lợi của giai cấp bóc lột. Đó là một nguyên nhân rất quan trọng làm cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở nhiều nơi chưa mạnh; vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa thật sự được phát huy; tổ chức đảng và chính quyền còn yếu; nhiều mặt công tác còn bị trì trệ hoặc không được thực hiện một

cách nghiêm túc.

Các ngành, các cấp cần rút kinh nghiệm cuộc điều tra của Trung ương, kết hợp với việc chuẩn bị giải quyết tiếp những vấn đề tồn tại về ruộng đất, xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, để tiến hành điều tra ở địa phương; qua đó mà nắm vững tình hình phân hoá giai cấp ở nông thôn và các tầng lớp nông dân; tình hình ruộng đất, máy móc, trâu bò, lao động; nắm vững đặc điểm của từng nơi; *đi sâu kiểm điểm lãnh đạo và thi hành các chủ trương, chính sách* của Trung ương cho sát hợp.

II- NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT Ở NÔNG THÔN CÁC TỈNH MIỀN NAM

Từ tình hình trên đây, phải thấu suốt và thực hiện tốt hơn nữa Chỉ thị số 43 của Bộ Chính trị về việc nắm vững và đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam. *Phải tiếp tục tiến hành cách mạng ở nông thôn, kiên quyết xoá bỏ bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn, triệt để xoá bỏ tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến; thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, mở rộng xây dựng các tập đoàn sản xuất, làm thí điểm và từng bước mở rộng xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh sản xuất, từng bước nâng cao đời sống của nông dân và tích cực làm mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước; chấn chỉnh và củng cố các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, bảo đảm trật tự an ninh ở nông thôn miền Nam.*

Việc tiến hành nhiệm vụ trên đây phải kết hợp với đẩy mạnh thực hiện các công tác thường xuyên về sản xuất, thu mua, đời sống, văn hoá, giáo dục, y tế, kết hợp kinh tế với quốc phòng, v.v..

Phải nắm vững mục đích và phương hướng cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam, như trong Chỉ thị số 43 đã đề ra là:

"Xoá bỏ bóc lột ở nông thôn, đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hoá nông nghiệp, tiến lên chủ nghĩa xã hội; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các ngành nghề khác ở nông thôn, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phân công lại lao động và tăng năng suất lao động; từng bước cải thiện đời sống nông dân, xây dựng nông thôn mới".

"Phải đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng, gắn cải tạo với xây dựng, nông nghiệp với công nghiệp, gắn thay đổi quan hệ sản xuất với tổ chức lại sản xuất; gắn hợp tác hoá với thuỷ lợi hoá và từng bước cơ giới hoá; gắn sản xuất với lưu thông, phân phối và tổ chức đời sống; gắn kinh tế với quốc phòng. Phải lấy huyện làm địa bàn thực hiện ba cuộc cách mạng và kết hợp các mặt chặt chẽ với nhau, để đưa nông dân, đưa nông thôn đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng huyện thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp".

Dưới đây là các nhiệm vụ cụ thể:

1. *Triệt để xoá bỏ tàn dư bóc lột phong kiến và các hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa* (bao gồm bóc lột của phú nông, tư sản nông thôn và phần bóc lột tư bản chủ nghĩa của một số trung nông lớp trên), *xúc tiến điều chỉnh lại ruộng đất, tổ*

chức lại việc sử dụng máy móc nông nghiệp.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, cần tập trung xoá bỏ phần ruộng đất, máy móc và trâu bò kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ tình trạng cho vay nặng lãi, nhằm xoá bỏ bóc lột giai cấp ở nông thôn, thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo tiền đề thuận lợi cho việc tập thể hoá tư liệu sản xuất, chủ yếu trong nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất và tổ chức sử dụng tốt số máy móc và trâu bò cày kéo hiện có, xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và nghề phụ gia đình.

Cần xác định rõ, *phú nông và tư sản nông thôn* là những hộ chiếm hữu nhiều ruộng đất hoặc tư liệu sản xuất khác, tuy có trực tiếp lao động song nguồn thu nhập chủ yếu là dựa vào thuê mướn nhân công hoặc kinh doanh máy móc nông nghiệp và trâu bò cày kéo; có người còn kết hợp kinh doanh thương nghiệp và cho vay nặng lãi.

Cần phân biệt rõ và tránh nhầm lẫn giữa trung nông lớp trên với phú nông và tư sản nông thôn. *Trung nông lớp trên* là những người tuy có phần thu nhập bằng thuê mướn nhân công hoặc kinh doanh máy móc nông nghiệp, trâu bò cày kéo, nhưng nguồn thu nhập của họ dựa vào sức lao động tự làm là chính.

Cần nắm vững nội dung đấu tranh giai cấp, trên cơ sở đó thực hiện tốt đoàn kết nông thôn, phát triển sản xuất.

Dưới đây là mấy chính sách cụ thể:

a) *Đối với ruộng đất*

Thực hiện chính sách xoá bỏ kinh doanh tư bản chủ nghĩa của phú nông và tư sản nông thôn về ruộng đất; điều

chỉnh phần ruộng đất không đủ sức làm của một số hộ trung nông lớp trên, mở đường cho phú nông và tư sản nông thôn trở thành người lao động, không bóc lột; giao ruộng đất cho những người không có ruộng hoặc thiếu ruộng sử dụng; đồng thời vận động tổ chức các tầng lớp nông dân lao động đi vào làm ăn tập thể.

Đối với *phú nông* và *tư sản nông thôn*, thì vận động, thuyết phục và cho *hiến ruộng*. Trong trường hợp vận động, thuyết phục không được thì *trưng mua* phần ruộng đất thừa của họ (tức là ruộng đất mà họ và gia đình họ không đủ sức tự làm để sống).

Đối với những hộ phú nông và tư sản nông thôn có vấn đề chính trị phản động hoặc đã từng dựa vào thế lực của ngụy quân, ngụy quyền trước đây để cưỡng chiếm, cưỡng mua, hoặc từ ngày giải phóng đến nay không chịu thi hành chính sách thuế, chính sách thu mua lương thực của Nhà nước, thì *tịch thu* hoặc *trưng thu* phần ruộng đất của họ vượt quá mức bình quân đầu người ở địa phương.

Đối với những hộ *trung nông lớp trên*, thì vận động, thương lượng để họ *nhường bớt* số ruộng không đủ sức lao động tự làm.

Mức *để lại ruộng đất* (bao gồm cả ruộng và vườn) cho các loại hộ nói trên là căn cứ vào mức bình quân chiếm hữu ruộng đất của xã tính theo đầu người. Đối với nơi ít ruộng, sau khi trừ đi số diện tích tính theo bình quân đầu người của từng hộ, nếu trội lên từ trên 0,5 héc-ta thì rút số còn lại. Đối với nơi nhiều ruộng đất, huyện có thể quy định mức đó cao hơn, nhưng cao nhất cũng không được quá 1 héc-ta.

Cần kiểm tra lại để *giải quyết hết những ruộng đất còn*

phát canh thu tô của địa chủ phong kiến, trừ trường hợp già cả, neo đơn, đau yếu, mất sức lao động có một ít ruộng đất cho phát canh hoặc nhờ người khác làm giúp, thu hoa lợi để sống...

Tất cả những ruộng đất của ngụy quân, ngụy quyền và những bọn phản động khác bỏ chạy khi miền Nam được giải phóng mà cơ quan, đoàn thể, đơn vị bộ đội hoặc cá nhân hiện đang sử dụng, đều phải giao lại cho chính quyền địa phương và nông hội, không ai được tự ý giữ lại.

Số ruộng rút ra được đem chia theo mức bình quân đầu người ở địa phương cho những hộ không có ruộng, thiếu ruộng và những hộ làm nghề khác, nay không có công việc, tự nguyện lao động nông nghiệp. Trong trường hợp số ruộng rút ra không được nhiều, thì tập trung chia cho những người không có ruộng hoặc quá thiếu ruộng.

Những gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội tại ngũ được ghi số liệt sĩ hoặc bộ đội tại ngũ đó vào sổ nhân khẩu chung của gia đình để nhận phần ruộng đất được chia hoặc để lại.

Mức chia bao nhiêu là tùy theo số ruộng rút ra được và số người được chia ở từng nơi, nhưng không nên vượt quá mức bình quân đầu người chung của xã. Đối với những xã có mức bình quân đầu người cao thì mức chia cho một nhân khẩu không quá 2.000m²; những nơi diện tích nhiều cũng không quá 3.000m². Trong trường hợp chia cho một nhân khẩu từ 2.000m² - 3.000m² thì cấp tỉnh phải xét và quyết định.

Cần công bố rõ số ruộng đất giao cho từng hộ, đồng thời vận động mọi người đi vào làm ăn tập thể. *Cần chuẩn bị tốt, để sau khi điều chỉnh ruộng đất thì thành lập ngay các tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, không*

nên để chậm, và không nên ngừng lại ở tổ đoàn kết sản xuất. Nơi cơ sở yếu thì tỉnh, huyện cần tăng thêm cán bộ về giúp để có đủ sức vừa tiến hành điều chỉnh ruộng đất, vừa kết hợp xây dựng ngay các tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã.

Ở nơi ít ruộng đất, có thể tổ chức những người không có ruộng hoặc thiếu ruộng thành tập đoàn, vận động họ chuyển đến nơi nhiều ruộng đất để khai hoang hoặc nhận ruộng đất địa phương bớt cho họ, để họ sản xuất và ổn định đời sống lâu dài.

Đối với ruộng xâm canh, nếu là của phú nông, tư sản nông thôn và trung nông lớp trên thì giải quyết theo quy định ở trên. Nếu là của những người lao động tự làm thì tùy theo điều kiện từng nơi, từng hộ để giải quyết bằng nhiều cách như: vận động họ di cư đến nơi có ruộng, tiến hành đổi ruộng hoặc quy ruộng xâm canh thành những khu vực riêng, v.v..

b) Đối với máy móc nông nghiệp

Thực hiện chính sách xoá bỏ phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa về máy móc nông nghiệp của phú nông và tư sản nông thôn, gắn liền với *tập thể hóa máy móc nông nghiệp* của nông dân lao động, và tổ chức *các đơn vị chuyên doanh máy móc nông nghiệp*. Phải kết hợp việc tổ chức lại máy móc của tư nhân với việc củng cố, tăng cường các trạm máy móc nông nghiệp quốc doanh, các cơ sở sửa chữa, giải quyết việc cung cấp phụ tùng thay thế và xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức quản lý máy móc nông nghiệp có hiệu lực ở huyện và ở tỉnh.

Cùng với việc thực hiện chính sách, phải có hình thức tổ chức và chế độ quản lý thích hợp để bảo quản tốt máy móc và

phát huy được tác dụng máy móc, phụ tùng, phương tiện đồ nghề hiện có của tư nhân, bảo đảm thực hiện được kế hoạch sản xuất, sử dụng và phát huy khả năng kỹ thuật của chủ máy, của những người lao động lái máy, sửa chữa máy, không được để xảy ra tình trạng làm hư hại máy, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất.

Đối với máy móc nông nghiệp của *tư sản nông thôn* dùng để kinh doanh thu lợi, thì dùng nhiều hình thức: *vận động, thuyết phục* để họ bán lại cho tổ chức kinh doanh tập thể và cho họ tham gia vào tổ chức đó. Nơi chưa tổ chức kinh doanh tập thể máy móc nông nghiệp thì tạm thời để các chủ máy tổ chức thành các tổ hợp kinh doanh chung, theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Nhà nước; quyền sở hữu vẫn thuộc chủ máy. Trong trường hợp vận động, thuyết phục không được thì *trưng mua*. Nếu có hành động làm hư hại máy hoặc không chịu đưa máy tham gia hoạt động sản xuất thì *trưng thu* hoặc *phạt bằng tiền*.

Đối với những hộ có vấn đề chính trị phản động, hoặc nguồn gốc của máy là do chiếm đoạt, do dựa vào thế lực ngụy quân, ngụy quyền mà có, thì *tịch thu* hoặc *trưng thu*.

Đối với những máy dùng để kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa, nhưng thuộc loại hộ trung nông lớp trên, thì *vận động, thuyết phục* họ đưa vào kinh doanh tập thể, do tập thể hoá giá như đối với số máy của các tầng lớp nông dân lao động khác. Nơi chưa tổ chức kinh doanh tập thể máy thì tạm thời có thể để họ tham gia vào tổ chức kinh doanh chung của các chủ máy. Trong trường hợp vận động, thuyết phục không được, thì chính quyền địa phương đứng ra mua lại máy, giao cho đơn vị kinh doanh sử dụng và trả tiền dần.

Giá mua lại cần được tính toán thoả đáng, căn cứ vào khả năng sử dụng còn lại của máy, có tham khảo giá lúc mua và giá thị trường, vừa khuyến khích chủ máy, vừa bảo đảm lợi ích của đơn vị chuyên doanh.

Cần thu hút những người lao động biết lái máy và sửa chữa máy vào các đơn vị chuyên doanh máy. Có thể giữ mức thu nhập của họ xấp xỉ với mức thu nhập khi họ làm cho chủ tư nhân.

Đối với máy kéo và máy bơm lớn, cần tổ chức thành các đơn vị chuyên doanh, thực hiện kinh doanh hạch toán độc lập, theo từng xã hoặc liên xã, nhưng trực thuộc huyện, sau này sẽ chuyển dần lên thành tổ chức quốc doanh.

Nơi có điều kiện thì tổ chức thành *đội máy kinh doanh tập thể của những người lao động lái máy* (bao gồm cả chủ máy và những người lao động trực tiếp lái máy, sửa chữa máy, có nghiệp vụ quản lý máy). Tổ chức này mua lại máy để kinh doanh chung; quyền sở hữu máy thuộc tập thể; thực hiện phân phối theo lao động.

Nơi chưa tổ chức được đội máy tập thể thì có thể tạm thời thành lập *tổ hợp máy, tức là tổ chức của những người chủ máy kinh doanh chung*. Máy đưa vào kinh doanh được định giá và tính thành cổ phần. Số tiền thu nhập được, sau khi trừ chi phí sản xuất, trả tiền thuê mướn nhân công, nộp thuế, phải dành cho quỹ khấu hao, quỹ tích lũy, quỹ công ích; số còn lại phân phối theo cổ phần của chủ máy. Đối với tổ chức này, cần có sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ để chuyển dần quyền sở hữu tư liệu sản xuất lên hình thức sở hữu tập thể, không được để lâu và không để biến thành tập đoàn tư sản bóc lột tập thể nông dân lao động.

Cần xây dựng và củng cố *các trạm máy kéo quốc doanh kiêm trạm sửa chữa ở huyện*, tăng thêm cán bộ cho bộ máy quản lý trạm máy móc nông nghiệp huyện để làm nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm soát các đội máy tập thể và tổ hợp máy (đối với các máy lớn).

Đối với các máy vừa, máy nhỏ và trâu bò cày kéo, thì tổ chức thành các đội chuyên doanh tập thể trực thuộc xã hoặc ban quản lý các tập đoàn sản xuất, để sau này trở thành đội chuyên môn của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Nơi đã có hợp tác xã, cần thực hiện tốt việc tập thể hoá máy móc và trâu bò cày kéo, chấn chỉnh tổ chức quản lý, bảo dưỡng và sử dụng tốt hơn khi còn làm ăn cá thể.

c) Đối với nợ lãi

Thực hiện chính sách xoá bỏ tình trạng cho vay nặng lãi, khuyến khích nhân dân lao động giúp đỡ lẫn nhau lúc khó khăn. Đối với những khoản nợ bằng tiền, bằng thóc vay của những hộ chuyên cho vay lấy lãi, nếu tính đến nay chủ nợ đã thu lãi ngang với số vốn lúc cho vay, thì được hoàn toàn xoá nợ.

2. *Kết hợp xoá bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa, điều chỉnh lại ruộng đất, tổ chức sử dụng máy móc nông nghiệp với vận động hợp tác hoá nông nghiệp.*

Đi đôi với việc điều chỉnh ruộng đất, tổ chức sử dụng máy móc nông nghiệp, cần mở rộng việc xây dựng các *tập đoàn sản xuất* hoặc nơi có đủ điều kiện thì xây dựng *hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*, thực hiện tập thể hoá tư liệu sản xuất. Xây dựng tập đoàn sản xuất phải gắn với xây dựng ban quản lý các tập đoàn, cơ quan quản lý ở trên những tập đoàn, để chỉ đạo, hướng dẫn các tập đoàn. Thực

hiện ngay từ đầu việc tổ chức lại sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, phân công lại lao động theo quy hoạch và kế hoạch chung của xã, gắn liền với việc thực hiện quy hoạch và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để chuyển các tập đoàn lên thành hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Cần xây dựng và củng cố các tập đoàn sản xuất, từng bước xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Nơi nào quần chúng chưa thật sự tự nguyện thì tiếp tục phát triển và củng cố các tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất, song phải tích cực chuẩn bị để đưa lên tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã, không được dẫm chân tại chỗ. Cần lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; *làm nhanh, làm mạnh, nhưng phải vững chắc*. Phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, làm cho quần chúng thật sự tự giác, tự nguyện và thu hút được đại đa số hộ tham gia. Đối với số phú nông và tư sản nông thôn, sau khi họ đã thôi bóc lột và trở thành người tự lao động mà sống, thì được kết nạp vào tập đoàn và hợp tác xã, song không cử vào ban quản lý tập đoàn và hợp tác xã.

Tuỳ theo điều kiện từng nơi và dựa vào quần chúng dân chủ bàn bạc, thật sự tự nguyện, có thể *trả hoa lợi ruộng đất cho tất cả diện tích đưa vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, hoặc trả hoa lợi ruộng đất cho phần diện tích vượt trên mức bình quân chung*. Đối với những nơi bình quân diện tích xấp xỉ như nhau, hoặc phần lớn là ruộng đất công, ruộng đất được chia cấp, ruộng đất khai hoang, phục hoá tập thể, thì có thể không trả hoa lợi ruộng đất. Phải kết hợp trả hoa lợi

ruộng đất với bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động. Mức trả hoa lợi ruộng đất có thể từ 10% đến 15%, có nơi đến 20% tính theo sản lượng tính thuế nông nghiệp. Riêng đối với những hộ liệt sĩ, neo đơn, mất sức lao động thì trường hợp nào cũng cần trả hoa lợi ruộng đất, và có thể trả cao hơn mức quy định chung của hợp tác xã.

Đối với những người lao động làm thuê, đời sống trước mắt có nhiều khó khăn, cần vận động tương trợ lương thực và có thể tạm ứng tiền công để họ có đủ điều kiện sinh sống và tích cực tham gia lao động sản xuất tập thể.

Xúc tiến việc quy hoạch trên địa bàn huyện, xây dựng và củng cố các trạm, trại cần thiết của huyện, tăng cường cán bộ và kiện toàn bộ máy cấp huyện, dựa vào cấp huyện để chỉ đạo thực hiện việc điều chỉnh ruộng đất, tổ chức sử dụng máy móc nông nghiệp, mở rộng xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

3. Chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức ở cơ sở

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp thực chất là *một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt và triệt để ở nông thôn*. Phải làm tốt việc chấn chỉnh và củng cố các tổ chức cơ sở *đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng ở xã, ở ấp*, để có chỗ dựa thực hiện thắng lợi nhiệm vụ nêu ra trên đây và các nhiệm vụ khác của Đảng và Nhà nước.

Phải làm cho *tổ chức cơ sở của Đảng thật sự trong sạch và vững mạnh*, đứng vững trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, nắm vững và phát huy chức năng của chính quyền, vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, kiên quyết xoá bỏ mọi hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa, quyết tâm xây dựng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, tổ

chức lại sản xuất và phát triển sản xuất.

Cần kết hợp với điều tra và điều chỉnh ruộng đất, xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, để nắm lại tình hình cán bộ, đảng viên, nhất là kiểm tra lập trường, quan điểm của cán bộ, đảng viên ở cơ sở, ở huyện và ở tỉnh, thành đối với việc thực hiện chủ trương, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn.

Cần tăng cường, giáo dục nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, xác định và củng cố lập trường, quan điểm giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên. Đảng viên phải là người có lao động, không bóc lột. Mỗi đảng viên phải nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chú trọng lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ, và mạnh dạn giao nhiệm vụ cho những đồng chí có lập trường, quan điểm vững vàng, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, có phẩm chất, đạo đức tốt, có tinh thần phấn đấu làm tròn nhiệm vụ được giao, nhất là những đồng chí xuất thân từ gia đình nông dân lao động đã kinh qua rèn luyện trong quá trình kháng chiến hoặc qua vận động thi hành các chính sách từ sau ngày giải phóng.

Đối với số cán bộ, đảng viên không nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, mất cảnh giác chính trị, thoái hoá, giảm sút về phẩm chất, đạo đức, cần kiên trì giáo dục, kiểm điểm, phê bình; nếu không tích cực sửa chữa khuyết điểm, thì thi hành kỷ luật thích đáng. Đối với số đảng viên xuất thân từ gia đình phú nông, tư sản nông thôn, nếu phạm

những khuyết điểm trên đây mà không sửa chữa thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng và rút mọi chức vụ trong chính quyền và đoàn thể.

Tổ chức chính quyền ở xã, ấp, từ uỷ ban nhân dân đến các tổ chức kinh tế, an ninh, quân sự, đều phải rà lại và kiện toàn để bảo đảm làm được chức năng chuyên chính vô sản, phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tích cực tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Các tổ chức Nông hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cũng phải từ nhiệm vụ trên đây mà củng cố và phát triển các tổ chức ở xã, ấp; làm cho đoàn viên, hội viên thành lực lượng chính trị tích cực vận động quần chúng hăng hái thực hiện chủ trương, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn.

Tuyệt đối không cử vào các chức vụ trong chính quyền và đoàn thể những người bản thân thuộc các giai cấp bóc lột, trừ trường hợp những người được rèn luyện trong kháng chiến, hoặc qua các cuộc vận động đã tích cực chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và được quần chúng tín nhiệm.

Cùng với việc chấn chỉnh và củng cố tổ chức ở cấp mình, tỉnh và huyện cần phải ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho xã và ấp. Vừa phải nâng cao trình độ chính trị, trình độ tổ chức và quản lý cho cán bộ đảng, chính quyền, cán bộ các đoàn thể quần chúng, vừa phải nhanh chóng lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và nghiệp vụ, để xây dựng và quản lý tốt các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp về mọi mặt, bao gồm kinh doanh

máy móc nông nghiệp.

III- CÁCH TIẾN HÀNH CUỘC VẬN ĐỘNG

Nắm vững công tác cải tạo gắn liền với khôi phục và phát triển nông nghiệp miền Nam là một công tác trọng tâm thường xuyên, cần tập trung sức lực để thực hiện trong những năm trước mắt, như Chỉ thị số 43 của Bộ Chính trị đã nêu rõ.

Phải làm tốt việc xoá bỏ các hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa, điều chỉnh ruộng đất, tổ chức máy móc nông nghiệp, xây dựng các tập đoàn sản xuất và các thí điểm hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, coi đây là bước vận động rộng lớn nhằm giành thắng lợi quyết định cho nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh và tổ chức lại sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu làm tốt việc điều chỉnh ruộng đất, tổ chức tốt việc sử dụng máy móc nông nghiệp và trâu bò cày kéo, xây dựng tập đoàn sản xuất và thí điểm hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hoặc nơi nào có đủ điều kiện thì mở rộng xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong năm 1979. Riêng đối với máy lớn và máy vừa thì phấn đấu làm xong trong Đông Xuân 1978 - 1979.

Dưới đây là *biện pháp thực hiện*:

Tiến hành tuyên truyền, giáo dục, phát động tư tưởng sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nông dân, làm cho mỗi người hiểu rõ nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, hiểu rõ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nắm được chủ trương, chính sách, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, thấy rõ trách nhiệm làm chủ tập thể, tích cực thực hiện chính sách, quyết tâm đi vào làm ăn tập thể và hăng hái

tham gia phong trào lao động sản xuất ở nông thôn.

Tổ chức hội nghị tỉnh uỷ và hội nghị cán bộ tỉnh để nghiên cứu Chỉ thị này của Trung ương, nghe báo cáo điều tra điển hình về tình hình cơ bản ở nông thôn và báo cáo kiểm điểm việc thực hiện và kế hoạch thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp của địa phương. Sau đó, mở đợt giáo dục chính trị cho tất cả cán bộ, đảng viên ở tỉnh, huyện, xã và ấp; mở đợt học tập và thảo luận sâu rộng trong quần chúng về con đường tất yếu đưa nông thôn nước ta lên chủ nghĩa xã hội là *hợp tác hoá nông nghiệp*; nội dung và yêu cầu xây dựng *tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*.

Từ nay đến hết quý I năm 1979, cần làm tốt việc chỉ đạo điển hình trên phạm vi huyện, để rút kinh nghiệm thi hành Chỉ thị này của Trung ương. Trung ương cùng với tỉnh trực tiếp chỉ đạo bốn huyện, trong đó có hai huyện ở đồng bằng sông Cửu Long, một huyện ở miền Đông Nam Bộ và một huyện ở Liên khu V cũ. Mỗi tỉnh trực tiếp chỉ đạo làm trước ở một huyện trọng điểm của tỉnh để rút kinh nghiệm và bồi dưỡng cán bộ, nhằm triển khai công tác này.

Đồng thời, khẩn trương thực hiện những công việc đang làm theo Chỉ thị số 43 của Bộ Chính trị, các Chỉ thị số 15, số 28 và số 29 của Ban Bí thư, nhất là xúc tiến việc quy hoạch và tăng cường cán bộ cho huyện, kể cả cán bộ địa phương miền Nam và một số cán bộ miền Bắc điều vào cho tỉnh và huyện ở miền Nam; xúc tiến việc đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và nghiệp vụ để xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng

Chính phủ, các tỉnh miền Nam, nhất là các tỉnh thuộc Nam Bộ, cùng với Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương, Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Vật tư, Bộ Cơ khí và luyện kim, Bộ Tài chính và các ngành hữu quan khác cần tích cực tổ chức thực hiện, trước hết là tập trung làm tốt việc chỉ đạo thí điểm ở các huyện trọng điểm của Trung ương và của tỉnh.

Cần tăng cường cán bộ và kiện toàn bộ máy cho Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương để giúp Trung ương Đảng và Chính phủ chỉ đạo thí điểm và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện những chỉ thị đã ban hành. Ở các tỉnh, huyện cần tăng cường cán bộ, kiện toàn bộ máy cho các ban cải tạo nông nghiệp tỉnh, huyện. Ngoài các đồng chí cấp uỷ được phân công chuyên trách, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, *các đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh uỷ, huyện uỷ cần đặc biệt quan tâm chỉ đạo thí điểm huyện.*

Các ngành, các cấp cần dựa vào Chỉ thị này để đánh giá tình hình, kiểm điểm lãnh đạo, chỉ đạo, ra sức phát huy ưu điểm, kịp thời uốn nắn, sửa chữa khuyết điểm, đưa phong trào hợp tác hoá tiến lên nhanh, mạnh và vững chắc.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 58-CT/TW, ngày 8 tháng 12 năm 1978

Về cuộc vận động "*Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu*" của các lực lượng vũ trang nhân dân nhân dịp kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-1979) và kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-1980)

Chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, trong mấy năm qua, các lực lượng vũ trang nhân dân đã có những cố gắng lớn để thực hiện nhiệm vụ được giao, lập được những thành tích mới. Đặc biệt là trong năm 1978, sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chỉ trong một thời gian ngắn, các lực lượng vũ trang đã có bước chuyển biến cách mạng mới trên nhiều mặt, nhất là trong nhiệm vụ chiến đấu và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; đã có một bước phát triển lớn về số lượng và tổ chức, chất lượng được nâng cao. Trước tình hình... đang ra sức phá hoại hòng làm suy yếu và thôn tính nước ta, thì nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa càng trở thành nhiệm vụ hết sức cấp bách, lớn lao của toàn Đảng, toàn dân

và toàn quân ta.

Về nhiệm vụ quốc phòng trong giai đoạn mới:

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương đã vạch rõ: "Chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt để nắm chắc thế chủ động, giáng cho kẻ thù xâm lược những đòn sấm sét ngay từ đầu, dù chúng dùng phương tiện chiến tranh gì với bất cứ quy mô nào" và "phải khẩn trương xây dựng và rèn luyện bộ đội chủ lực tinh nhuệ và cơ động; tăng cường trang bị và năng lực chỉ huy cho bộ đội địa phương; chuẩn bị lực lượng dự bị hùng hậu; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp có chất lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu cao".

Để thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ tư, không ngừng nâng cao chất lượng mọi mặt của các lực lượng vũ trang và tăng cường nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới, theo đề nghị của Quân uỷ Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định mở cuộc vận động lớn *"Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu"* của các lực lượng vũ trang nhân dân *trong thời gian 2 năm, từ 22-12-1978 đến 22-12-1980, nhằm mục đích:*

1- Trên cơ sở không ngừng nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tập trung mọi cố gắng, phấn đấu nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, nâng cao chất lượng mọi mặt của cán bộ, chiến sĩ, của tất cả các đơn vị, trong mọi ngành công tác, trên mọi lĩnh vực hoạt động, trong cả ba thứ quân, cả tuyến trước và tuyến sau, để tạo thành sức mạnh tổng hợp, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, lao động sản xuất của lực lượng vũ trang trong giai đoạn mới.

2- Phát huy bản chất, truyền thống cách mạng của lực lượng vũ trang nhân dân, nêu cao tinh thần kỷ luật tự giác, nghiêm minh, tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, thực hiện toàn quân là một ý chí, quân với dân là một ý chí, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Cuộc vận động có *ba nội dung lớn:*

1- Rèn luyện, xây dựng, nâng cao sức mạnh chiến đấu; luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi; lao động, sản xuất, công tác đạt năng suất cao và có hiệu quả kinh tế tốt.

2- Phát huy truyền thống quân với dân là một ý chí; phát huy tác dụng nêu gương tốt của người quân nhân cách mạng và của toàn thể các lực lượng vũ trang nhân dân trên các mặt hoạt động của đời sống xã hội.

3- Nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, làm tốt nghĩa vụ quốc tế được giao.

Cuộc vận động *"Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu"* của các lực lượng vũ trang nhân dân tiến hành trong 2 năm, nhưng trong năm 1979 cần tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ và *tập trung đạt cho được 5 mục tiêu chủ yếu sau đây:*

1- *Mạnh về ý chí chiến đấu, mạnh về đoàn kết, kỷ luật*, sẵn sàng hy sinh, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Khắc phục có hiệu quả mọi biểu hiện hoà bình chủ nghĩa, chấm dứt những vụ vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, chấm dứt tệ quân phiệt và giảm hẳn nạn đào ngũ. Từng người, từng đơn vị luôn luôn sẵn sàng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

2- *Mạnh về tổ chức và năng lực hành động*, trước hết là xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh; có chi bộ ở đại đội, có đội

ngũ cán bộ, đảng viên đủ và có chất lượng. Tăng cường rèn luyện, tập trung nâng cao chất lượng huấn luyện sẵn sàng chiến đấu; có chuyển biến rõ rệt về trình độ, năng lực chiến đấu, trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ huy và quản lý bộ đội. Mỗi cán bộ, chiến sĩ đều nắm vững kỹ thuật, chiến thuật; làm chủ và giữ gìn, sử dụng tốt mọi vũ khí, trang bị; nắm vững nghiệp vụ và làm tốt chức trách trong mọi hoàn cảnh. Quản lý và sử dụng tốt cơ sở vật chất, kỹ thuật. Tổ chức và quản lý phong trào lao động sản xuất có hiệu quả kinh tế tốt.

3- *Mạnh về đoàn kết quân dân.* Tôn trọng và bảo vệ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động. Bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của nhân dân. Tôn trọng chính quyền, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước và giữ nghiêm kỷ luật trong quan hệ với nhân dân, với các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Nêu gương tốt về mọi mặt của mỗi quân nhân và của từng đơn vị.

4- *Mạnh về đoàn kết quốc tế.* Tăng cường đoàn kết với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tăng cường tình đoàn kết đặc biệt Việt - Lào, tình đoàn kết hữu nghị với các lực lượng cách mạng chân chính và nhân dân cách mạng Campuchia.

5- *Tổ chức tốt đời sống tinh thần, văn hoá và vật chất* của bộ đội, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.

Đối tượng của cuộc vận động là tất cả cán bộ và chiến sĩ, cơ quan, nhà trường và đơn vị, cả ba thứ quân, cả lực lượng sẵn sàng chiến đấu, lực lượng sản xuất quốc phòng và lực lượng xây dựng kinh tế.

Đây là cuộc vận động lớn của các lực lượng vũ trang nhân dân, có quan hệ đến toàn Đảng, toàn dân, đến các cấp, các ngành, các đoàn thể từ trung ương đến địa phương. Vì vậy:

1- Các cấp uỷ đảng ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, các đoàn thể nhân dân và lực lượng công an nhân dân vũ trang có trách nhiệm tích cực chỉ đạo cuộc vận động *"Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu"* của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Giáo dục, động viên, cổ vũ toàn dân, toàn quân về nhiệm vụ quốc phòng, ý thức kết hợp kinh tế với quốc phòng, về nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, về lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và ý thức chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, chính quy, hiện đại và nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Tổ chức hành động phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị lực lượng vũ trang và các cơ quan, đoàn thể để góp phần tích cực nhất thực hiện cuộc vận động, thực hiện quân với dân đoàn kết nhất trí, củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân.

Tổ chức những hoạt động thiết thực tham gia xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng như: đăng ký và làm tốt nghĩa vụ quân sự; xây dựng, củng cố lực lượng dự bị và dân quân tự vệ, xây dựng làng, xã chiến đấu; lao động xây dựng các tuyến phòng thủ biên giới, xây dựng công trình quốc phòng; thân ái phê bình, giúp đỡ các lực lượng vũ trang; động viên cổ vũ cán bộ, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ chiến đấu ở biên giới tây nam, sẵn sàng chiến đấu ở biên giới phía bắc, ở hải đảo và đang làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Lào, v.v.; quan tâm giúp đỡ cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của quân đội; chăm lo thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các lực lượng vũ trang, đối với thương binh và gia đình liệt sĩ.

Nhân ngày 22-12-1978, Mặt trận Tổ quốc ở trung ương và địa phương tổ chức mít tinh kỷ niệm và kêu gọi hưởng ứng cuộc vận động lớn của các lực lượng vũ trang nhân dân.

2- Các cấp uỷ đảng, các cán bộ lãnh đạo và chỉ huy trong các lực lượng vũ trang nhân dân phải lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cuộc vận động một cách chặt chẽ, chủ động, tích cực, tập trung thống nhất, bằng nhiều biện pháp, hình thức phong phú để cuộc vận động đạt kết quả thiết thực.

Động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát huy vai trò gương mẫu, xung kích, thực sự tham gia cuộc vận động.

Chăm lo xây dựng và tăng cường mối quan hệ gắn bó với nhân dân, đoàn kết giúp đỡ nhân dân, phát huy vai trò nêu gương tốt về mọi mặt của mỗi quân nhân và của từng đơn vị lực lượng vũ trang.

3- Bộ Quốc phòng cùng với Tổng Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các ngành như Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ Văn hoá và Thông tin, Tổng cục Thể dục Thể thao, v.v. xây dựng một kế hoạch thống nhất để trình Ban Bí thư duyệt về các vấn đề: vận động tuyển quân, tổ chức kết nghĩa, tổ chức các câu lạc bộ quân chủng, binh chủng, ngày hội thể thao quốc phòng; bồi dưỡng cho thanh niên những kiến thức cần thiết để làm nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc; nghiên cứu bổ sung một số chế độ, chính sách cần thiết nhằm động viên xây dựng lực lượng vũ trang và xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Khẩu hiệu của cuộc vận động là:

- Toàn dân là một ý chí, quân với dân là một ý chí, tất cả vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa!

- Ý chí mạnh, chất lượng cao, đoàn kết tốt, kỷ luật nghiêm, quyết chiến, quyết thắng!

- Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng!

*

* *

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, đồng thời là yêu cầu cấp thiết trước mắt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Quân uỷ Trung ương và các cấp uỷ đảng trong quân đội, các cấp, các ngành, các đoàn thể, các địa phương căn cứ vào Chỉ thị này có kế hoạch chu đáo tiến hành cuộc vận động trong ngành mình, cấp mình, địa phương mình; chủ động kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong và ngoài lực lượng vũ trang để cuộc vận động đạt kết quả tốt nhất.

Ban Bí thư chỉ đạo cuộc vận động này. Các cấp, các ngành, các lực lượng vũ trang báo cáo kết quả sơ kết từng đợt về Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 65-TT/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1978

Về việc kỷ niệm lần thứ 20 ngày Cách mạng Cuba thành công

Mồng 1-1-1979 là ngày kỷ niệm lần thứ 20 ngày cách mạng Cuba thành công.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Cuba, đứng đầu là đồng chí Phiden Caxtô-rô, trong 20 năm qua, trong hoàn cảnh khó khăn phức tạp, cách mạng Cuba đã giữ vững và ngày càng củng cố vị trí tiên đồn này của chủ nghĩa xã hội ở Tây bán cầu, đã thu được những thành tựu to lớn về mọi mặt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; đồng thời đã nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, cùng các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác hết lòng giúp đỡ các lực lượng giải phóng dân tộc ở châu Phi, châu Mỹ latin và châu Á, phát huy vai trò quan trọng trong phong trào các nước Không liên kết, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Nhân dân Cuba đã và đang tiếp tục dành cho nhân dân ta sự ủng hộ và sự giúp đỡ quý báu đầy nhiệt tình trong cuộc

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống đế quốc và phản động quốc tế hiện nay.

Để tăng cường hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cuba, để tỏ lòng biết ơn của nhân dân ta đối với Đảng Cộng sản và nhân dân Cuba anh hùng, Ban Bí thư chủ trương:

Cùng với nhân dân Cuba, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cả loài người tiến bộ, chúng ta sẽ tổ chức một đợt hoạt động từ 16-12-1978 đến 1-1-1979 nhân ngày hội lịch sử này của nhân dân Cuba.

Ngoài việc tổ chức mítting trọng thể ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tại các địa phương và các cơ sở kết nghĩa với Cuba hoặc do Cuba giúp đỡ, cần tổ chức một đợt tuyên truyền bằng báo, đài và lực lượng báo cáo viên của Đảng nhằm giới thiệu rộng rãi về ý nghĩa thắng lợi và những thành tựu của cách mạng Cuba, về vai trò và sự đóng góp của Cuba vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân thế giới, về tình hữu nghị và đoàn kết chiến đấu giữa Việt Nam và Cuba; tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ và những hoạt động khác giới thiệu Cuba như chiếu phim, triển lãm, biểu diễn ca, múa, nhạc, v.v.; tổ chức một đợt thi đua ngắn ở các cơ sở kết nghĩa với Cuba hoặc do Cuba giúp đỡ với những mục tiêu cụ thể.

Khẩu hiệu nhân dịp kỷ niệm này là:

- Nhiệt liệt chào mừng kỷ niệm lần thứ 20 ngày cách mạng Cuba thành công (1-1-1959 - 1-1-1979)!

- Nước Cộng hoà Cuba anh hùng muôn năm!
- Tình hữu nghị và đoàn kết chiến đấu anh em giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cuba đời đời bền vững!

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 13-TB/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1978

Quyết định của Bộ Chính trị Về việc phân vạch địa giới một số tỉnh và thành phố

Ngày 11-12-1978, sau khi nghe báo cáo của đại diện Chính phủ, đại diện Thành uỷ Hà Nội và đại diện các tỉnh uỷ Hà Sơn Bình, Cao Lạng, Bắc Thái, Quảng Ninh, Bộ Chính trị đã quyết định việc phân vạch địa giới một số tỉnh và thành phố nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng trong tình hình mới. Hội đồng Chính phủ hướng dẫn ngay các tỉnh và thành phố có liên quan làm đầy đủ các thủ tục pháp luật để trình Quốc hội phê chuẩn trong kỳ họp sắp tới.

1. Mở rộng ngoại thành Hà Nội

+ Để bảo đảm cho việc xây dựng Thủ đô theo quy hoạch từ nay đến năm 2000, đáp ứng được các chức năng chính của ngoại thành đối với nội thành, Bộ Chính trị quyết định:

a) Nhập vào Hà Nội những huyện và xã sau đây của tỉnh Hà Sơn Bình: huyện Ba Vì, huyện Thạch Thất, huyện Phúc Thọ, huyện Hoài Đức, huyện Đan Phượng; thị xã Sơn Tây; thị xã Hà Đông; bảy xã thuộc huyện Quốc Oai: Cộng Hoà, Tân Hoà, Tân Phú, Đại Thành, Hiệp Thuận, Liên Hiệp, và Tam Hiệp, hai xã Tiên Phương, Phụng Châu và phần bắc đường số 6 của hai xã Ngọc Hoà và Ngọc Sơn thuộc huyện Chương Mỹ; xã Hữu Hoà và phần bắc đường số 6 của xã Phú Lâm thuộc huyện Thanh Oai; bốn xã: Việt Hưng, Thanh Hưng, Đại Thanh, Liên Ninh thuộc huyện Thường Tín.

Các cơ quan thuộc tỉnh Hà Sơn Bình vẫn ở thị xã Hà Đông cho đến khi xây dựng được trụ sở ở Xuân Mai.

b) Nhập huyện Sóc Sơn, huyện Yên Lãng cũ thuộc tỉnh Vĩnh Phú vào ngoại thành Hà Nội.

+ Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân Hà Nội có trách nhiệm xây dựng Thủ đô trở thành trung tâm chính trị và văn hoá của cả nước; một trung tâm kinh tế quan trọng có công - nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; một thành phố xã hội chủ nghĩa tiêu biểu cho truyền thống cách mạng và văn minh của đất nước. Đặc biệt đối với ngoại thành, phải có kế hoạch củng cố quan hệ sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất, cải tạo và xây dựng đồng ruộng để sớm hoàn thành thuỷ lợi hoá và cơ khí hoá, thực hiện thâm canh, tăng năng suất, xây dựng một vành đai thực phẩm bảo đảm cung cấp một phần quan trọng thực phẩm (rau, thịt, cá, trứng...) cho nhân dân.

Xây dựng Thủ đô cũng là trách nhiệm của mọi ngành. Ban cán sự các bộ có trách nhiệm giúp đỡ tích cực và chủ động phối hợp với Thành uỷ Hà Nội để xây dựng thành phố

theo phương hướng nói trên.

Trong khi đẩy mạnh thực hiện những công tác trước mắt, phải làm tốt việc thiết kế quy hoạch xây dựng Thủ đô và chuẩn bị quy hoạch kinh tế tổng thể và cụ thể phục vụ cho kế hoạch 5 năm 1981 - 1985.

2. Thành lập hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn

+ Để bảo đảm phát triển kinh tế, văn hoá và củng cố quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, Bộ Chính trị quyết định chia tỉnh Cao Lạng hiện nay thành hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn:

- Tỉnh Cao Bằng gồm các huyện của tỉnh Cao Bằng cũ và nhập thêm hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã của tỉnh Bắc Thái vào tỉnh Cao Bằng.

- Tỉnh Lạng Sơn gồm các huyện của tỉnh Lạng Sơn cũ và nhập thêm huyện Đình Lập của tỉnh Quảng Ninh vào tỉnh Lạng Sơn.

+ Tỉnh uỷ Cao Lạng hiện nay có trách nhiệm chuẩn bị và lãnh đạo tốt về tổ chức, cán bộ và các mặt cần thiết để thành lập hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn; bảo đảm tài sản, vật tư không bị mất mát, công việc không bị đình đốn.

3. Nhập huyện Duyên Hải thuộc tỉnh Đồng Nai vào ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh

Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh cần tích cực đưa những người chưa có việc làm trong nội thành ra các huyện ngoại thành, nhất là huyện Duyên Hải, để phát triển sản xuất thực phẩm cung cấp cho thành phố, đồng thời có kế hoạch bảo đảm an ninh cho thành phố

4. Nhập huyện Vĩnh Châu thuộc tỉnh Hậu Giang

vào tỉnh Minh Hải

Tỉnh uỷ Minh Hải có trách nhiệm tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ huyện Vĩnh Châu phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng huyện thành một huyện nông - ngư - công nghiệp, đồng thời có kế hoạch phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp trong toàn tỉnh, bảo đảm cung ứng ngày càng nhiều lương thực, thực phẩm cho nhân dân và đáp ứng các nhu cầu của Nhà nước.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN
KẾT LUẬN HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

Ngày 19 tháng 12 năm 1978

Thưa các đồng chí,

Qua hơn một tuần làm việc, nhiều đồng chí Trung ương đã phát biểu ý kiến.

Các đồng chí đều bày tỏ sự nhất trí về nhận định tình hình kinh tế, về nhiệm vụ kinh tế trước mắt và về các biện pháp tăng cường chỉ đạo thực hiện để chuyển cho được tình hình.

Nhiều ý kiến nhấn mạnh các nhân tố tích cực trong phong trào cách mạng của quần chúng và biểu thị quyết tâm giữ vững những chỉ tiêu chủ yếu trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Mặt khác, các đồng chí phát biểu ý kiến đã vạch rõ những khuyết điểm trong tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện của các ngành, các cấp từ trên xuống dưới, đồng thời đã đề ra một số kiến nghị về cải tiến sự chỉ đạo của Trung ương

Đảng và Chính phủ.

Bộ Chính trị đã nghiên cứu các ý kiến đó. Hôm nay, tôi thay mặt Bộ Chính trị trình bày bản kết luận Hội nghị của chúng ta.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 1978

Trong hoàn cảnh đặc biệt phức tạp của năm 1978, những kết quả đã đạt được trên mặt trận kinh tế, tuy còn thấp, đã phản ánh những cố gắng to lớn của tất cả các ngành, các cấp.

Nhiều nhân tố tích cực đang hình thành và phát triển. Đó là:

- Sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về tình hình và nhiệm vụ mới thực sự đã tạo ra một sức mạnh to lớn, kể cả trên mặt trận kinh tế.

- Phong trào thủy lợi, tăng vụ, trồng màu tiếp tục phát triển. Số lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới, diện tích khai hoang, diện tích trồng rừng tăng nhiều so với các năm trước. Ở các vùng bị lụt nặng, các đảng bộ và nhân dân đã phát huy tinh thần tự lực, tự cường khắc phục hậu quả thiên tai, chăm lo đời sống nhân dân, kịp thời đẩy mạnh sản xuất, khôi phục nhanh các mặt hoạt động. Nhiều địa phương có thành tích khá toàn diện trong sản xuất nông nghiệp và huy động sản phẩm cho Nhà nước.

- Nhiều xí nghiệp và hợp tác xã làm ăn giỏi, đạt năng suất và hiệu quả cao, mặc dầu cũng gặp khó khăn về điều kiện sản xuất hoặc về thời tiết như nhiều nơi khác.

- Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh đã giáng một đòn quyết định đối với giai cấp tư sản; việc cải tạo nông nghiệp đang triển khai rộng trên nhiều vùng.

- Công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tăng cường lực lượng quốc phòng, củng cố biên giới tiến hành tốt, có hiệu quả.

Càng đi về địa phương, càng đi sát cơ sở, càng thấy rõ những nhân tố mới. Những đơn vị tiên tiến ở ngành nào cũng có, địa phương nào cũng có, đã tạo nên những điển hình sinh động phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng nền nếp quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta đang đứng trước những khó khăn nghiêm trọng, thể hiện ở các mặt sau đây:

Một là: sản xuất và thu nhập quốc dân hai năm nay gần như không tăng:

- Sản lượng lương thực giảm sút nặng, trong khi dân số tiếp tục tăng mỗi năm 2,5%.

- Tốc độ phát triển kinh tế năm 1978 chậm chưa từng có (công nghiệp chỉ tăng 7% so với mức tăng của nhiều năm là 13%, nông nghiệp giảm 11% so với năm 1976). Vì vậy, sản xuất không đủ tiêu dùng.

Hai là: Nhu cầu nhập khẩu lớn, nhưng xuất khẩu tăng không kịp, do đó có khó khăn trong việc trả nợ, trong việc nhập phụ tùng, nguyên liệu bảo đảm cho sản xuất hoạt động bình thường.

Ba là: Lao động, đất đai, thiết bị, máy móc, vật tư chưa được sử dụng hết và bị lãng phí nghiêm trọng.

- Khoảng 1/3 lao động chưa được sử dụng tốt, chưa đủ

việc làm. Việc phân bố lại lao động tiến hành chậm. Năng suất lao động xã hội rất thấp. Biên chế hành chính quá nặng nề.

- Diện tích đất chưa khai khẩn còn lớn; số bỏ hoá ở miền Bắc gần 10 vạn hécta. Tiềm năng tăng vụ, tăng năng suất chưa được phát huy.

- Thiết bị, máy móc, vật tư không được kiểm kê chặt chẽ; bảo quản kém, sử dụng lãng phí; việc điều động có nhiều khó khăn do tư tưởng cục bộ, bản vị. Xe, máy trong xây dựng cơ bản mới sử dụng 30% công suất; máy kéo trong nông nghiệp chỉ hoạt động có 30%, do thiếu phụ tùng, nguyên liệu, thiếu thợ, tổ chức quản lý lỏng lẻo. Vật tư tiêu hao trong sản xuất vượt mức trước chiến tranh từ 10 đến 15%.

Bốn là: Tiền tệ, giá cả và đời sống có nhiều khó khăn.

Ngân sách bội chi lớn. Tiền hàng không cân đối, đồng tiền giảm giá, vòng quay chậm lại. Thị trường, giá cả không ổn định.

Đời sống của nhân dân lao động, nhất là công nhân, cán bộ, có nhiều khó khăn. Các mặt tiêu cực trong xã hội có chiều hướng tăng.

Tóm lại, hai khó khăn nổi bật trước mắt là:

- Thiếu lương thực.
- Thiếu ngoại tệ, nhất là ngoại tệ tư bản.

Tình hình trên đây là hậu quả của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đã tác động từ nhiều năm, trong đó *nguyên nhân chủ quan là chính.*

Về khách quan

- Trong chiến tranh chống Mỹ, mặc dầu kẻ địch tàn phá ghê gớm, chúng ta đã cố gắng ổn định được đời sống nhân

dân, đó là *thắng lợi rất lớn.*

Tuy vậy, hậu quả của chiến tranh rất nặng nề.

Ở miền Bắc, nhiều cơ sở kinh tế bị đánh phá, nền nếp quản lý bị đảo lộn, công nghiệp không phát triển được; nông nghiệp nhìn chung tiến bộ chậm. Ở miền Nam, kẻ địch để lại một nền kinh tế phụ thuộc bên ngoài về nhiều mặt: lương thực, phụ tùng, nguyên liệu, đời sống.

Khuyết điểm của chúng ta là chưa lường hết những hậu quả đó, thấy tiềm năng, thấy thuận lợi, mà không thấy đầy đủ các khó khăn, phức tạp.

Những hậu quả đó chưa khắc phục hết, thì sự thù địch của bọn phản động... lại gây khó khăn cho tổ chức lao động, gây thiệt hại cho nền kinh tế, buộc ta phải tăng chi phí quốc phòng lên cao.

- Do thiên tai nặng, hai năm 1977 và 1978 bị mất mùa liên tiếp bốn vụ, làm hao hụt một khối lượng lớn lương thực.

Về chủ quan

Một là: Chưa có ý thức đầy đủ vươn lên giải quyết những vấn đề cấp bách của nền kinh tế theo hướng độc lập tự chủ.

Kinh tế nước ta vốn phụ thuộc. Trong chiến tranh, ta có sự giúp đỡ lớn của nước ngoài. Sau khi nước nhà thống nhất, nhiệm vụ quan trọng nhất là xây dựng một nền kinh tế độc lập, trước hết phải bảo đảm cho được đời sống nhân dân, nhất là về ăn, mặc, và phải từng bước cân đối được xuất - nhập khẩu. Nhưng do ý thức đó chưa sâu sắc, *tư tưởng ỷ lại* nặng, ta không vươn lên giải quyết các vấn đề mà ta có khả năng giải quyết, như: coi trọng màu đi đôi với thâm canh lúa để có đủ lương thực; trồng dâu, dạy để giải quyết vấn đề mặc;

làm bèo dâu, phân xanh, phân chuồng để thay một phần phân đạm; khai thác vật tư trong nước để giảm nhập khẩu, phấn đấu cân bằng xuất nhập khẩu...

Hai là: Không quán triệt đường lối, có nhiều khuyết điểm trong công tác kế hoạch:

- Ta đi vào chủ nghĩa xã hội không có sẵn một nền công nghiệp nặng. Đó là sự mất cân đối lớn nhất cần phải vài chục năm mới giải quyết được. Nhưng chúng ta đã tìm được con đường tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; nắm vững khả năng lớn nhất hiện nay là lao động, đất đai và những cơ sở công nghiệp (nặng, nhẹ) hiện có để thỏa mãn các nhu cầu của xã hội. Đường lối đó rất đúng. Nhưng trong chỉ đạo kinh tế, đặc biệt trong việc bố trí kế hoạch đã không làm đúng như vậy, không *xuất phát từ lao động, đất đai*, mà nặng về cân đối kế hoạch trên cơ sở khối lượng vật tư không nắm chắc nhập từ bên ngoài. Cho nên đến nay *lao động thừa, đất đai thừa*, tư liệu sản xuất sử dụng không hết mà xã hội lại thiếu sản phẩm.

- Chưa nắm vững nhiệm vụ hàng đầu là sản xuất nông nghiệp và đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chưa tập trung đầu tư thật sự và đồng bộ cho mặt trận nông nghiệp (từ thiết bị, vật tư, đến tổ chức, cán bộ); trong nông nghiệp, chưa thật sự tập trung cho các vùng trọng điểm có khối lượng lớn về lương thực, nguyên liệu và nông sản xuất khẩu.

Nghiêm trọng nhất là chậm trễ trong việc củng cố hợp tác xã và xây dựng huyện, tạo địa bàn kết hợp công - nông nghiệp,

phân công lại lao động, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn.

- Không kịp thời tổ chức lại *sản xuất công nghiệp*, không đi sâu nắm vững các cơ sở công nghiệp để có kế hoạch khai thác, mở rộng và trang bị lại. Chưa tập trung sức xây dựng nhanh những ngành, những cơ sở trọng điểm thiết thực phục vụ nông nghiệp, đặc biệt không thấy hết tầm quan trọng của *cơ khí, năng lượng*, và sự yếu kém của *giao thông - vận tải* để dồn sức giải quyết.

- Trong công tác xuất nhập khẩu, chưa có chủ trương đúng và kế hoạch cụ thể nhằm khai thác thế mạnh của ta về xuất khẩu: nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, khoáng sản và gia công cho nước ngoài... Tổ chức xuất nhập khẩu không hợp lý; không bố trí đúng cán bộ đủ sức đảm đương nhiệm vụ. Nhiều chính sách khuyến khích xuất khẩu không được giải quyết kịp thời.

Hàng nhập khẩu nhiều thứ không đúng yêu cầu, cái cần thì không nhập; cái có thể sản xuất trong nước thì không cố gắng sản xuất, vẫn đi mua ngoài; cái chưa cần thì nhập về nhiều, để tích lại gây ứ đọng vốn, làm thiệt hại lớn cho nền kinh tế. Điều cần nhấn mạnh là hàng nhập khẩu sử dụng lãng phí, kém hiệu quả (máy kéo, ô tô, xăng dầu...).

- Trong xây dựng cơ bản, chưa thật sự tập trung đầu tư xây dựng nhanh những ngành và cơ sở sản xuất cấp thiết (như cơ khí, than...). Việc phát triển vật liệu xây dựng chưa tích cực, chưa đều khắp các vùng. Việc bố trí xây dựng dàn mỏng mỏng, nhiều công trình xây dựng kéo dài.

Thiên về xây dựng xí nghiệp mới, coi nhẹ *đầu tư bổ sung* để tận dụng khả năng hiện có.

- Kế hoạch tập trung quan liêu, thiếu căn cứ chính xác.

Kế hoạch nhà nước chỉ nắm được 600 mặt hàng trong khi xã hội có hàng vạn mặt hàng, thế nhưng lại ôm đồm quá nhiều, thường dôi từ trên xuống, không giao đầy đủ quyền và tạo điều kiện cho các cơ sở, các địa phương, các ngành làm kế hoạch, kết quả là nhiều khả năng không được tận dụng. Đặc biệt là kế hoạch cấp huyện đề ra đã lâu, nhưng chưa có tiến bộ gì đáng kể.

Ba là: Khuyết điểm về chính sách kinh tế.

Chính sách kinh tế là những công cụ rất quan trọng, thể hiện cụ thể quan điểm, đường lối của Đảng, hướng dẫn và quyết định những hoạt động thực tiễn hàng ngày của xã hội; đặc biệt đối với nước ta, từ sản xuất nhỏ tiến lên, khu vực sản xuất tập thể và cá thể còn lớn thì vai trò của chính sách càng quan trọng. Chính sách sai hay đúng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, đến việc phát triển sản xuất, đến quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đến phong trào quần chúng. Thế nhưng vừa qua, chúng ta không coi trọng đầy đủ việc chỉ đạo chính sách.

Chính sách kinh tế của ta có những khuyết điểm như sau:

- Gò bó, cứng nhắc, không tạo điều kiện cho các cơ sở, các địa phương, các ngành hoạt động thuận lợi, phát huy hết mọi khả năng.

- Không thực sự đòi hỏi và khuyến khích các cấp và những người lao động làm việc có kỹ thuật, có kỷ luật, tiết kiệm lao động, vật tư, tiền vốn, đạt năng suất và hiệu quả cao.

- Không tạo đầy đủ điều kiện cho sự phát triển lâu dài của nền kinh tế, như xem nhẹ việc đào tạo thợ, nhất là thợ lành nghề bậc cao, xem nhẹ công tác điều tra cơ bản, đầu tư

ngiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật...

- Một số chính sách kinh tế không được ban hành kịp thời, thậm chí có những quyết định không phù hợp với chủ trương chung. Ví dụ: không cung ứng đủ lương thực cho những vùng cây công nghiệp xuất khẩu; thiếu khuyến khích sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, làm cho mặt hàng ngày càng ít đi.

- Bước sang hoà bình xây dựng, chúng ta đã đặt vấn đề vận dụng các đòn bẩy kinh tế (tiền lương, giá cả, thu mua, tín dụng...) là quan trọng, nhưng do nhận thức không được quán triệt, lại không sát thực tế, không nhạy cảm với cái mới, quen nếp làm cũ, nên các đòn bẩy kém tác dụng khuyến khích lao động và sản xuất, không bảo đảm đầy đủ sự nhất trí giữa lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân.

- Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam được đẩy mạnh, nhưng chưa gắn chặt với tổ chức lại sản xuất công nghiệp, tổ chức lại lưu thông phân phối, xây dựng các ngành. Do đó, không phát huy được mạnh mẽ kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa; năng lực sản xuất chưa được tận dụng; việc thu mua, nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước đạt kết quả thấp; Nhà nước chưa làm chủ được thị trường. Việc cải tạo nông nghiệp ở miền Nam nhiều tỉnh làm chậm. Việc hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc có nhiều khuyết điểm.

Bốn là: Hệ thống tổ chức sản xuất có nhiều sai sót.

- Việc tổ chức và quản lý ở cơ sở quá kém, lãng phí nghiêm trọng lao động, thiết bị, vật tư, không theo các quy trình, quy phạm kỹ thuật, các tiêu chuẩn, định mức. Do đó, năng suất thấp, giá thành cao, chất lượng kém.

- Trong từng ngành, chậm hình thành hệ thống sản xuất, kinh doanh hợp lý, duy trì quá lâu tình trạng hành chính, quan liêu, gồm nhiều vụ, cục, nhiều tầng nấc trung gian.

- Không kết hợp được *ngành* với *địa phương* thành một cơ cấu đúng. Những cơ sở sản xuất cần được tập hợp theo ngành kinh tế - kỹ thuật thì lại bị xé lẻ, phân tán. Những công việc cần phân cấp cho địa phương thì không tiến hành tích cực.

Năm là: Hệ thống tổ chức lãnh đạo và quản lý kinh tế chậm đổi mới.

- Quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chưa được xác định cụ thể ở từng cấp; cách làm việc thiếu ăn khớp, trách nhiệm, quyền hạn không thật rõ ràng.

Công tác chỉ đạo thực hiện từ trên xuống dưới đều rất yếu. Nhiều nghị quyết của Trung ương không được cụ thể hoá thành chương trình hành động với những biện pháp thiết thực, cụ thể, với thời hạn và trách nhiệm rõ ràng để thực hiện đến nơi đến chốn. Nhiều vấn đề đã có quyết định cụ thể nhưng không được chấp hành tích cực và nghiêm chỉnh.

- Quân chúng chưa được thực sự làm chủ. Những điển hình làm chủ tốt như Định Công chưa được tổng kết sâu sắc, việc phổ biến kinh nghiệm làm không chặt chẽ, thiếu kiên trì, thiếu đi sâu.

Phong trào quần chúng chỉ nổi lên trên một số mặt, ở một số địa phương, chưa thành phong trào chung nên không khắc phục được các hiện tượng tiêu cực. Chúng ta mới nặng về hô hào, động viên, chưa thiết thực tạo những điều kiện cần thiết cho phong trào quần chúng, như: cải tiến quản lý, cung ứng nguyên liệu, chăm lo đời sống...

Tóm lại, chúng ta vận dụng vào thực tiễn chưa thật đúng các quy luật kinh tế và đường lối kinh tế, nên có nhiều khuyết điểm, trong đó có *ba loại khuyết điểm chính là:*

Một là, khuyết điểm về bố trí kế hoạch.

Hai là, khuyết điểm về chính sách kinh tế.

Ba là, khuyết điểm về tổ chức quản lý và công tác cán bộ.

Ba loại khuyết điểm đó là những biểu hiện chủ yếu của việc không nắm vững vấn đề cơ bản, then chốt, là: *củng cố cơ sở và xây dựng huyện.*

Về các khuyết điểm trên, *các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở đều có trách nhiệm.* Mỗi ngành, mỗi cấp phải nghiêm khắc tự phê bình về khuyết điểm của mình, vạch ra biện pháp và định rõ thời hạn sửa chữa bằng được, không đổ trách nhiệm cho cơ quan khác, người khác.

Phần thứ hai

MẤY VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ TRƯỚC MẮT

Trong hai năm 1979 - 1980, nhất thiết phải thực sự *chuyển biến trong chủ trương kinh tế và đổi mới trong tổ chức quản lý* để khắc phục một bước quan trọng các khó khăn hiện nay, lập thể cân đối mới, chuẩn bị đưa nền kinh tế tiến lên trong kế hoạch 5 năm 1981-1985.

Hiện nay, cùng một lúc, chúng ta phải làm ba nhiệm vụ:

- Ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân.

- Củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện cho những năm sau.

Chúng ta phải *hết sức quan tâm đến đời sống*, vì đó là yêu cầu cấp thiết trước mắt, là cách tốt nhất để phát huy quyền làm chủ tập thể, bồi dưỡng lực lượng nhằm hoàn thành tốt cả ba nhiệm vụ. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu *lương thực, thực phẩm* của Đại hội, vừa coi trọng thâm canh lúa, vừa đẩy mạnh sản xuất và chế biến màu, đưa tỷ lệ màu lên 30-40% trong cơ cấu bữa ăn. Đó là chiến lược lương thực của nước ta. Về *mặc*, cố gắng phát triển dâu tằm, bông, đay; trước mắt bảo đảm cho mỗi người bình quân 3m vải, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên có hai bộ quần áo. Về *ở*, cố gắng giải quyết cho được mức diện tích nhà ở tối thiểu cần thiết cho các khu công nghiệp và thành phố, nhất là Hà Nội. Tổ chức tốt đời sống *văn hoá*, bảo đảm trẻ em có đủ trường học, người ốm đau có nơi chữa bệnh.

- Trong khi tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải *ra sức củng cố quốc phòng và an ninh*, bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta, kiên quyết đánh thắng trong cuộc chiến tranh biên giới tây nam, tăng cường phòng thủ biên giới phía bắc... Địch muốn làm yếu ta thì ta càng phải lớn mạnh nhanh chóng cả về kinh tế và quốc phòng; làm kinh tế không phải chỉ vì yêu cầu của đời sống mà còn vì yêu cầu của quốc phòng.

- Việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phải làm một cách tập trung, đồng bộ, để sớm đạt được hiệu quả kinh tế. Trước những mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế quốc dân, điều quan trọng là phải bố trí kế hoạch cho đúng, phân

phối cho đúng thiết bị, vật tư, tiền vốn trong nước và nước ngoài nhằm giải quyết những nhu cầu cấp bách nhất; sử dụng vốn đầu tư đúng chỗ, đúng lúc để dùng được nhiều lao động, tạo ra nhiều việc làm, khai thác được nhiều tiềm năng, làm ra nhiều của cải, khắc phục từng bước các mặt mất cân đối.

Để làm tròn ba nhiệm vụ nói trên, phải tập trung sức giải quyết các vấn đề sau đây:

1. *Dùng hết lao động và đất đai, mở mang nông nghiệp, lâm nghiệp; đây là chiến lược số 1 của ta hiện nay.*

- Tích cực phân bố lại lao động nông thôn, giữ vững chỉ tiêu đưa lao động (1 triệu 8) đi vùng kinh tế mới và chỉ tiêu khai hoang (1 triệu héc-ta). Chú trọng trước hết đến các vùng đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên để nhanh chóng tạo ra cho cả nước một khối lượng lương thực cần thiết và nguồn hàng xuất khẩu quan trọng.

Trong việc khai hoang, phải mở ra những công trường lớn, tận dụng lao động thủ công kết hợp với một phần máy móc, đồng thời áp dụng ngay những biện pháp khoa học, kỹ thuật tiên tiến. Cần tính toán chu đáo quy hoạch của từng địa bàn, khai hoang đến đâu phải đưa vào sản xuất đến đó. Chú trọng ngay từ đầu những quy định về chống xói mòn, bảo vệ môi trường.

- Ở thành phố, phải có kế hoạch đẩy mạnh xuất - nhập, tận dụng lao động làm hàng gia công cho nước ngoài; mở mang sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, tạo nguồn hàng trao đổi với nông thôn. Đó là cách tốt nhất để phát huy các thế mạnh của thành phố, vừa bảo đảm nhu cầu của thành phố, vừa tác động đến nông thôn và nông nghiệp.

- Quân đội, khi chưa có chiến sự, phải ra sức xây dựng kinh tế. Dùng lực lượng quân đội làm thuỷ lợi, khai hoang, làm đường nhằm góp phần phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, tự túc một phần lương thực, thực phẩm cho quân đội. Trong tổ chức lực lượng quân sự cũng như trong làm kinh tế, quân đội phải nêu cao ý thức tiết kiệm, đạt cho được hiệu quả thiết thực.

2. *Để dùng hết lao động và đất đai, khâu mấu chốt là ra sức xây dựng và củng cố hợp tác xã gắn liền với xây dựng huyện.* Phải từ cá thể cải tạo thành hợp tác xã, từ hợp tác xã phát triển thành đơn vị tổng hợp nông - công nghiệp là huyện.

Tập trung sức phấn đấu đến năm 1980 hoàn thành cơ bản việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam. Cần thi hành nghiêm chỉnh chỉ thị mới đây của Bộ Chính trị về việc xoá bỏ triệt để các hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa về ruộng đất, xúc tiến điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn, đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam. Ở miền Bắc, phải làm tốt việc tổ chức lại sản xuất, củng cố hợp tác xã, *mở rộng phong trào làm theo Định Công, Vũ Thắng*, bảo đảm sau vài năm không còn hợp tác xã kém, nát, trì trệ.

- Việc xây dựng và củng cố hợp tác xã phải gắn liền với *xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện.*

Huyện là đơn vị tổ chức và phân công lại lao động, một yêu cầu tất yếu khách quan của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Huyện là địa bàn kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, gắn bó nông - công nghiệp thành một cơ cấu, kết hợp sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, đưa nông dân đi vào một quan hệ

sản xuất mới cao hơn, trở thành người làm chủ tập thể không những trong phạm vi hợp tác xã, mà cả trong phạm vi địa phương và cả nước.

Huyện là địa bàn kết hợp kinh tế với quốc phòng, làm cho mỗi huyện trở thành một pháo đài chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Huyện là đơn vị tổ chức đời sống vật chất và văn hoá, kết hợp hài hoà đời sống chung với đời sống riêng, vừa thực hiện phân phối theo lao động, vừa mở rộng phúc lợi tập thể. Trên cơ sở đó, khai thác các tiềm năng ở cơ sở, xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực, khắc phục tình trạng trì trệ.

Nội dung xây dựng huyện đã được vạch ra trong Nghị quyết số 33 của Bộ Chính trị. Do đó, không cần chờ làm xong thí điểm, mà các ngành, các địa phương phải hợp sức với nhau triển khai việc xây dựng các huyện trong cả nước. Trước mắt, phải làm ngay, trong đầu năm 1979, một số việc sau đây:

a) Đưa 2/3 huyện uỷ viên về xã và hợp tác xã, đưa 1/2 tỉnh uỷ viên về làm bí thư, chủ tịch huyện.

b) Từng ngành trung ương phải chuyển một bộ phận cán bộ quản lý và khoa học - kỹ thuật của ngành về tăng cường cho huyện, giúp huyện *làm chủ* được quy hoạch và kế hoạch, áp dụng khoa học - kỹ thuật để thâm canh, tăng vụ, phân công lại lao động, phát triển ngành nghề, tổ chức đời sống. Từng ngành giúp huyện cũng chính là xây dựng ngành mình trên địa bàn huyện, liên kết với các ngành khác để tạo nên sức mạnh tổng hợp phục vụ tốt cơ sở và đời sống nhân dân.

c) Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải nắm chặt việc chỉ đạo xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện. Phải có bộ phận chuyên lo, kiểm tra, đôn đốc thường

xuyên; cứ ba tháng một lần tiến hành kiểm điểm, xem xét, sơ kết... Ngành nào, địa phương nào làm chậm hoặc có sai sót, phải kịp thời uốn nắn.

- Đi đôi với việc xây dựng, củng cố hợp tác xã và huyện, phải *kiện toàn gấp Bộ Nông nghiệp* và hệ thống tổ chức nông nghiệp từ trên xuống dưới. Xây dựng một tổ chức mạnh, có đủ quyền lực, trực thuộc Hội đồng Chính phủ, bố trí cán bộ có năng lực, chuyên trách việc khai hoang, xây dựng các vùng kinh tế mới. Trong quý I năm 1979, phải làm cho xong. Phải xây dựng một phương thức chỉ đạo nông nghiệp thích hợp: nắm vững tình hình từng vùng, xây dựng các quy trình kỹ thuật và các biện pháp kinh tế nhằm đạt cho được từng mục tiêu cụ thể ở từng vùng. Ví dụ: muốn có 5 tấn một hécta, thì nước phải thế nào, giống phải thế nào, phân bón phải thế nào, trừ sâu bệnh phải thế nào. Không thể chỉ nêu chung chung các biện pháp: nước, phân, cần, giống, rồi phó mặc cho bên dưới muốn làm thế nào thì làm.

- Từ việc củng cố hợp tác xã và huyện, làm kế hoạch từ dưới lên, mà *tính toán lại kế hoạch nông nghiệp năm 1979*, xây dựng kế hoạch nông nghiệp năm 1980.

3. Ra sức củng cố xí nghiệp, xây dựng các ngành kinh tế - kỹ thuật ngày càng lớn mạnh

- *Xí nghiệp* là nơi sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn, làm ra của cải, bảo đảm chất lượng sản phẩm, là nơi thể hiện sự nhất trí giữa lợi ích xã hội với lợi ích cá nhân, thể hiện quyền làm chủ tập thể của người lao động. Các xí nghiệp phải trở thành những đơn vị làm chủ kế hoạch sản xuất và kinh doanh.

Muốn vậy, phải tập trung lực lượng của bộ, của toàn

ngành cùng với các địa phương đến tận nơi để *củng cố xí nghiệp*, đưa chế độ quản lý của xí nghiệp vào nền nếp: tuân thủ nghiêm khắc các quy trình, quy phạm kỹ thuật, giữ vững các tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm cho sản xuất đạt hiệu quả và năng suất cao, chất lượng tốt. Nơi nào làm tốt thì kịp thời khen thưởng thỏa đáng; nơi nào làm kém, làm ẩu thì phải xử phạt nghiêm minh; kiên quyết chống thái độ tùy tiện, tự do, vô kỷ luật.

Phải thông qua việc củng cố cơ sở mà xem xét, sửa đổi các chính sách, thể lệ, thủ tục không hợp lý do các cấp trên đề ra, thiết thực phát huy các khả năng của cơ sở, xây dựng quyền làm chủ của cơ sở.

- *Ngành* là tổ chức cơ bản của nền sản xuất cơ khí hoá, đóng vai trò then chốt. Nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ muốn tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa vừa phải qua sự phát triển của kinh tế địa phương, vừa phải qua sự hình thành và lớn lên không ngừng của các ngành kinh tế - kỹ thuật nhất là khoa học - kỹ thuật muốn đi vào sản xuất, nhất thiết phải thông qua sự hoạt động của các ngành. Xây dựng và củng cố các ngành là một nhiệm vụ chiến lược, cả trước mắt và lâu dài.

Trước mắt, từng ngành phải tích cực *tổ chức xong sớm sản xuất của ngành* bằng cách thành lập các liên hiệp xí nghiệp, các công ty. Phải làm khẩn trương, song nội dung và cách làm phải thích hợp với đặc điểm từng ngành, để thực sự đi vào hạch toán kinh doanh, tránh lặp lại dưới hình thức biến tướng cách làm ăn hành chính quan liêu cũ. Thực hiện việc cải tổ bộ máy của bộ mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương đã nêu ra: bỏ cục, bớt vụ, giao quyền quản lý

kinh doanh, kể cả quyền xuất nhập khẩu cho các công ty, liên hiệp xí nghiệp, còn bộ thì làm tốt công tác *quản lý hành chính kinh tế*, tức là: lập quy hoạch, kế hoạch phát triển, xây dựng chính sách, chế độ, xác định các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, chỉ đạo phát triển khoa học - kỹ thuật và đào tạo cán bộ, công nhân cho toàn ngành.

Các bộ phải chỉ đạo kiên quyết việc này, không do dự, trù trừ, hữu khuynh với những thái độ bảo thủ, cá nhân.

- Từ việc củng cố xí nghiệp, tổ chức lại sản xuất của ngành, nắm lại lao động, vật tư, thiết bị, máy móc, mà xem xét lại kế hoạch công nghiệp, tìm mọi biện pháp khắc phục cho được tình trạng công nhân không đủ việc làm, một phần máy móc còn để không.

- Đặc biệt coi trọng tăng cường các ngành *cơ khí, điện* và *giao thông - vận tải* để thanh toán sự yếu kém làm cản trở hoạt động bình thường và đà phát triển của nền kinh tế. Các ngành *tài chính, ngân hàng, vật tư* phải nắm vững các nguồn vốn và vật tư tại từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành và trong cả nước, để huy động nhằm đáp ứng yêu cầu của sản xuất, bảo đảm sử dụng có hiệu quả, chống tham ô, lãng phí.

4. *Cải tiến một số chính sách kinh tế*

- Qua ý kiến phát biểu tại Hội nghị này cũng như qua thực tế diễn ra trong xã hội, chúng ta đều thấy sự cần thiết phải cải tiến một số chính sách kinh tế, chủ yếu là:

- + Chính sách phân bố lao động, xây dựng vùng kinh tế mới.
- + Chính sách thu mua lương thực và các nông sản khác.
- + Chính sách xuất khẩu.
- + Chính sách giá cả và tiền lương.

+ Chính sách tài chính và ngân hàng phục vụ sản xuất.

- Việc cải tiến các chính sách đó phải quán triệt bốn yêu cầu cơ bản sau đây:

Một là, khuyến khích đẩy mạnh *sản xuất*, làm nhiều sản phẩm cho xã hội. Khuyến khích đi sâu vào *kỹ thuật*, coi trọng kỹ thuật, tuân thủ các quy trình kỹ thuật trong sản xuất. Khuyến khích *tiết kiệm* lao động, vật tư, nguyên liệu.

Hai là, bảo đảm sự nhất trí giữa *lợi ích* nhà nước với lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân: cái gì có lợi cho Nhà nước thì đều phải có lợi cho tập thể, cho cá nhân, và ngược lại. Thực hiện đầy đủ nguyên tắc phân phối theo lao động.

Ba là, mở rộng quyền cho các cấp, chống gò bó, hạn chế khả năng sáng tạo của các cấp; linh hoạt, chống cứng nhắc, trở ngại cho sản xuất và lưu thông.

Bốn là, bảo đảm nhanh nhạy, thuận tiện, chống phiền hà, rắc rối, làm chậm các hoạt động kinh tế và gây khó khăn cho đời sống.

Trong quý I năm 1979, Bộ Chính trị phải quyết định về ba chính sách trước mắt: chính sách phân bố lao động, xây dựng vùng kinh tế mới; chính sách thu mua lương thực và các nông sản khác; chính sách xuất khẩu. Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ phải sớm chuẩn bị đề án đưa ra Bộ Chính trị.

5. *Cải tiến tổ chức bộ máy và chỉ đạo thực hiện*

Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương đã nói đầy đủ. Ở đây, chỉ nêu lên một số điểm cấp thiết trước mắt:

- Trước hết, phải *cải tiến mạnh mẽ cách làm việc của Hội đồng Chính phủ, nhất là Thường vụ Hội đồng Chính phủ*: giao đầy đủ quyền hạn cho các ngành và địa phương, để cho từng

ngành và từng địa phương, dựa theo đường lối, chủ trương và kế hoạch chung, *làm chủ* được phương hướng và kế hoạch phát triển của mình, chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân về kết quả công việc của ngành mình và địa phương mình.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ tập trung sức vào việc xây dựng kế hoạch, điều hoà, phối hợp các ngành nhằm hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế; *kịp thời tháo gỡ* những vướng mắc, trắc trở trong quá trình thực hiện; cùng với Ban Bí thư xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước, nghiên cứu và ban hành các chính sách quan trọng.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ và các cơ quan trung ương phải làm việc trực tiếp nhiều hơn nữa với các tỉnh, thành, trực tiếp nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị của địa phương và cơ sở.

Trong đầu năm 1979, phải hoàn thành việc phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương. Trong khi làm, phải nghiên cứu kỹ, nhưng không cầu toàn, qua quá trình thực hiện, nếu có gì không hợp lý, sẽ tiếp tục điều chỉnh.

Đi đôi với việc lãnh đạo và quản lý cả nước, phải đặc biệt chăm lo cho thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời phải phát huy tác dụng của các thành phố lớn đối với nền kinh tế quốc dân.

Phải đề cao kỷ luật trong chỉ đạo và quản lý, nhất là *chế độ trách nhiệm cá nhân*. Mỗi công việc đều phải có người chịu trách nhiệm cụ thể; kết quả công việc tốt hay xấu phải được kiểm tra và kết luận rõ ràng.

Các tỉnh miền Nam đang trong quá trình cải tạo, bộ máy Đảng, chính quyền và đoàn thể đang trong quá trình xây

dựng, tình hình chung còn nhiều khó khăn, phức tạp. Vì vậy, trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo và quản lý thống nhất cả nước, cần nghiên cứu một chế độ và phương pháp làm việc thích hợp để chỉ đạo sát và giải quyết kịp thời các vấn đề kinh tế - xã hội ở miền Nam.

- *Ban Bí thư* cần cải tiến cách làm việc để giải quyết kịp thời và dứt điểm các công việc; tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng đảng, công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ, làm cho xong việc đưa ra khỏi Đảng những phần tử úc hiếp quần chúng, ăn cắp của công. Phải củng cố và sử dụng tốt các ban của Đảng để thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước, kịp thời phát hiện và uốn nắn các lệch lạc, sai sót, bảo đảm các nghị quyết của Đảng được thi hành thông suốt từ trên xuống dưới.

- *Bộ Chính trị* phải tập trung nhiều hơn nữa vào việc lãnh đạo kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề: kế hoạch, chính sách, tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ chủ chốt ở các ngành và các địa phương. Để Bộ Chính trị giải quyết được kịp thời và chính xác các vấn đề kinh tế, cần cải tiến chế độ và trình tự chuẩn bị các đề án, bảo đảm thu góp được trí tuệ của đông đảo cán bộ kinh tế và khoa học - kỹ thuật.

- Ngay từ đầu năm 1979, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phân công nhau cùng với các đồng chí phụ trách ngành về các địa phương trọng điểm kiểm tra công việc, giải quyết *tại chỗ* các vấn đề cần thiết, tính toán lại kế hoạch kinh tế năm 1979 từ cơ sở.

- Để hoàn thành các nhiệm vụ nói trên, điều quan trọng là làm tốt *công tác cán bộ*, thay thế ngay những cán bộ thật sự

không đảm đương nổi nhiệm vụ. Trong quý I năm 1979, phải giải quyết cho được vấn đề chấn chỉnh tổ chức và bố trí cán bộ của một số ngành và địa phương quan trọng mà hiện còn yếu.

Phải nắm lại đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và thợ giỏi, để có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng đúng ngành, nghề, đúng khả năng từng người. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng và thái độ rộng rãi để sử dụng cho được cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề ở các vùng mới giải phóng.

Phải chăm lo bồi dưỡng trình độ hiểu biết kinh tế, văn hoá khoa học - kỹ thuật cho cán bộ. Mặt khác, phải hết sức coi trọng nâng cao phẩm chất cách mạng: chống tư tưởng hoà bình, xả hơi, quan liêu, độc đoán, cá nhân, tư lợi.

- Cuối cùng, dựa trên những nhiệm vụ về xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, phát động cho được *phong trào cách mạng của nhân dân* từ thành thị đến nông thôn, dấy lên trong cả nước một khí thế sôi nổi. Muốn vậy, ngoài việc tuyên truyền, động viên, phải bảo đảm cho được *quyền làm chủ* của quần chúng, phải sửa đổi cách tổ chức quản lý, giải quyết thiết thực các vấn đề nguyên liệu, vật tư và các nhu cầu thiết yếu trong đời sống.

Ở miền Nam, phải có cách đánh giá đúng quần chúng. Trước đây, địch tìm cách "bôi đen" quần chúng, nay ta phải "nhuộm đỏ" lại; không nên hiểu và giải quyết một cách máy móc vấn đề "liên quan". Chúng ta rất cảnh giác với âm mưu và hành động phá hoại của địch, tỉnh táo phát hiện và kiên quyết trừng trị những phần tử chống đối, song phải phân biệt bọn xấu với đông đảo quần chúng. Cần thu hút phần lớn quần chúng vào các đoàn thể, để quần chúng tự thấy mình gắn bó với cách mạng và là người chủ của xã hội, đồng thời

để cách mạng có điều kiện giáo dục, cải tạo họ.

Thưa các đồng chí,

Bộ Chính trị đã nghiên cứu kỹ ý kiến của các đồng chí Trung ương góp vào bản dự thảo nghị quyết. Nói chung, các đồng chí đều nhất trí với những vấn đề cơ bản trong dự thảo và đã góp những ý kiến cụ thể xác đáng. Đề nghị Trung ương uỷ nhiệm cho Bộ Chính trị dựa vào các ý kiến bổ sung của Trung ương, chỉnh lý bản dự thảo và ban hành thành văn kiện chính thức.

Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương đã nêu bật những nhân tố mới, tích cực trong phong trào cách mạng, đồng thời phê phán nghiêm khắc những thiếu sót. Điều đặc biệt quan trọng là trong tình hình khó khăn hiện nay, tất cả chúng ta đều nhất trí cho rằng Đảng ta và nhân dân ta hoàn toàn có khả năng thực tế vượt qua được khó khăn, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. Phải biến niềm tin của Trung ương thành niềm tin và hành động thực tế của toàn Đảng, toàn dân, khắc phục thái độ hoài nghi, do dự, nhất là trong tình hình hiện nay, khi kẻ địch đang ra sức phá chúng ta bằng cách gieo rắc hoang mang hòng làm giảm sút niềm tin.

Chúng ta nhất định... bảo vệ được nền độc lập của Tổ quốc. Chúng ta nhất định đem lại cơm no, áo ấm cho nhân dân, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị của chúng ta đã hoàn thành công việc và đến đây kết thúc.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ IV)

Số 13-NQ/TW, ngày 25 tháng 12 năm 1978

Về nhiệm vụ kinh tế năm 1979

I - TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 1978

Năm 1978, trong hoàn cảnh đặc biệt phức tạp, khó khăn do hành động thù địch... và do thiên tai nặng nề trên cả hai miền gây ra, những kết quả đạt được trên mặt trận kinh tế tuy còn thấp, đã thể hiện những cố gắng liên tục và khả năng to lớn của nhân dân ta, của tất cả các ngành, các cấp.

Nhiều nhân tố tích cực đang hình thành và phát triển:

- Sự nhất trí cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về tình hình và nhiệm vụ mới theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương, thật sự đã tạo ra một sức mạnh to lớn, kể cả trên mặt trận kinh tế.

- Phong trào thủy lợi, tăng vụ, thâm canh, trồng màu tiếp tục phát triển. Diện tích gieo trồng, diện tích canh tác mới, diện tích trồng rừng, lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới

tăng hơn các năm trước. Đảng bộ và nhân dân các vùng bị lũ, lụt nặng trong Nam, ngoài Bắc đã chiến đấu kiên cường, tích cực khắc phục hậu quả thiên tai, kịp thời ổn định đời sống, đẩy mạnh sản xuất, khôi phục nhanh các mặt hoạt động.

- Nhiều địa phương và cơ sở có thành tích khá toàn diện trong sản xuất nông nghiệp và huy động sản phẩm cho Nhà nước. Một số tỉnh trước đây vốn rất thiếu lương thực, nhưng do biết tập trung sức chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là phát triển mạnh hoa màu, nên đã tự giải quyết được nhu cầu lương thực của địa phương và có phần đóng góp cho trung ương.

- Có những xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh, hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, tập đoàn sản xuất, mặc dầu cũng gặp nhiều khó khăn, vẫn đẩy mạnh được sản xuất, đạt năng suất và hiệu quả cao, bảo đảm chất lượng sản phẩm. Trong công nghiệp có những tiến bộ mới về cải tiến kỹ thuật, tìm kiếm nguyên liệu thay thế, v.v..

- Ở miền Nam, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh đã căn bản hoàn thành; phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đang tiến triển thuận lợi.

- Công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tăng cường lực lượng quốc phòng, củng cố biên giới, bảo vệ an ninh chính trị triển khai nhanh, tốt và có hiệu quả.

Càng đi về địa phương, đi sát cơ sở, càng thấy rõ những nhân tố mới. Ngành nào, địa phương nào cũng có những đơn vị tiên tiến, những điển hình sinh động phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, tiến hành đồng thời ba cuộc

cách mạng, làm tốt nhiệm vụ phát triển sản xuất, tổ chức đời sống, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Tuy nhiên, so với những nhiệm vụ kinh tế của kế hoạch 5 năm 1976-1980 thì kết quả đạt được trong ba năm qua còn rất thấp. Nền kinh tế nước ta hiện đứng trước những khó khăn nghiêm trọng:

- *Một là*, sản xuất và thu nhập quốc dân tăng rất chậm trong khi dân số tăng nhanh; sản xuất không đủ tiêu dùng.

- *Hai là*, xuất khẩu kém, giữa xuất và nhập mất cân đối ngày càng lớn. Việc nhập phụ tùng, nguyên liệu cần thiết cho sản xuất gặp nhiều khó khăn.

- *Ba là*, thu không đủ chi; thị trường, giá cả không ổn định; đời sống nhân dân lao động ở một số vùng, nhất là công nhân, viên chức có phần khó khăn hơn trước.

Trong khi đó, lao động, đất đai còn nhiều, chưa sử dụng hết; thiết bị, máy móc, vật tư chưa được kiểm kê chặt chẽ, chưa được quản lý và khai thác tốt để đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống.

Khó khăn nổi bật nhất hiện nay là:

- Thiếu lương thực.

- Thiếu ngoại tệ, nhất là ngoại tệ tư bản.

Tình hình nghiêm trọng trên đây là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động từ nhiều năm. Khuyết điểm chủ quan là nguyên nhân của tình trạng trì trệ kéo dài trong tổ chức và quản lý kinh tế.

Về khách quan

Trước hết là tình trạng không cân đối vốn có của một nền kinh tế lạc hậu và phụ thuộc, chịu ảnh hưởng nặng của chiến

tranh và chủ nghĩa thực dân mới. Với cơ sở vật chất - kỹ thuật thấp kém, nền kinh tế nước ta chưa đủ sức tự trang bị về kỹ thuật, chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của đời sống. Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước, chúng ta thấy những tiềm năng, thuận lợi mới, nhưng chưa lường hết hậu quả của chiến tranh và các khó khăn, phức tạp do nền kinh tế nước ta còn những mặt phụ thuộc bên ngoài.

Hậu quả của chiến tranh chưa khắc phục xong, thì hành động xâm lấn và phá rối của bọn phản động... lại gây thêm khó khăn, thiệt hại cho nền kinh tế, buộc ta phải tăng chi phí quốc phòng.

Thiên tai nặng trong hai năm 1977, 1978 gây mất mùa liên tiếp, làm hao hụt một khối lượng lớn lương thực.

Về chủ quan

1. *Trong xây dựng kế hoạch cũng như tổ chức thực hiện, chưa thấu suốt quan điểm độc lập, tự chủ, vươn lên tự lực giải quyết những vấn đề kinh tế cấp bách mà ta có khả năng giải quyết*, như: tích cực tăng vụ và thâm canh lúa di đôi với tận lực sản xuất và chế biến màu để có đủ lương thực; phát triển các loại cây có chất đạm, chất đường, chất béo, các loại rau quả, đẩy mạnh chăn nuôi, mở mang nghề cá để có thêm thực phẩm; ra sức trồng dâu nuôi tằm, trồng đay, bông để giải quyết vấn đề mặc; đẩy mạnh sản xuất vôi, lân, làm nhiều phân chuồng, phân xanh để tăng năng suất cây trồng; tìm mọi cách khai thác vật tư trong nước để giảm nhập khẩu; triệt để tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư...

2. Trong bố trí kế hoạch kinh tế, chưa nắm vững nhiệm vụ hàng đầu hiện nay là ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chưa đầu tư tập trung và đồng bộ cho nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, cho các vùng trọng điểm để có khối lượng lớn về sản phẩm hàng hoá; thực hiện chậm việc phân bố lại lao động, mở rộng diện tích đất nông nghiệp; chưa coi trọng đúng mức phát triển chăn nuôi cân đối với trồng trọt.

Chưa dồn sức xây dựng nhanh những cơ sở cần thiết về cơ khí, năng lượng, giao thông vận tải để phục vụ nông nghiệp; chưa chú trọng đầu tư chiều sâu để tận dụng công suất thiết bị, máy móc; chưa quan tâm tạo nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Chưa tập trung sức khai thác các thế mạnh về hàng xuất khẩu từ nông sản, lâm sản, hải sản, khoáng sản và gia công cho nước ngoài. Chưa đầu tư đúng mức và đồng bộ để tạo ra nguồn hàng xuất khẩu chủ lực. Sử dụng hàng nhập lãng phí và kém hiệu quả.

Trong xây dựng cơ bản, kéo dài tình trạng phân tán dàn đều, không tập trung xây dựng nhanh những ngành và cơ sở sản xuất cấp thiết nhất đối với nền kinh tế; bố trí khối lượng công trình không cân đối với khả năng vật liệu và lực lượng thi công, chậm đưa công trình vào sử dụng.

Công tác kế hoạch hoá tập trung quan liêu, gò bó, chưa phát huy tính chủ động của các cơ sở, các địa phương và các ngành. Kế hoạch vừa kém tích cực, vừa thiếu vững chắc. Một số chỉ tiêu đề ra không thực hiện được.

3. Các chính sách kinh tế chưa thật sự khuyến khích sản xuất, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở, các địa

phương và các ngành phát huy hết khả năng; chưa khuyến khích và đòi hỏi người lao động làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, tiết kiệm lao động, vật tư, tiền vốn, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả tốt. Một số chính sách cụ thể về thu mua, giá cả, tiền lương, tín dụng không phù hợp, tác động không tốt đối với sản xuất và đời sống.

4. Hệ thống tổ chức sản xuất chậm được chấn chỉnh. Tổ chức và quản lý ở cơ sở quá kém, lãng phí nghiêm trọng lao động, vật tư, không tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, các tiêu chuẩn, định mức, do đó năng suất thấp, giá thành cao, chất lượng kém.

Việc xây dựng huyện tiến hành quá chậm.

Trong từng ngành, chậm hình thành các tổ chức sản xuất, kinh doanh chuyên môn hoá và hiệp tác. Tình trạng chồng chéo, cản trở lẫn nhau giữa các ngành, giữa ngành với cấp, nhất là giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, chậm được khắc phục.

5. Bộ máy quản lý và công tác chỉ đạo thực hiện chưa bảo đảm chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng

Bộ máy quản lý chậm được cải tiến và kiện toàn. Biên chế hành chính quá nặng.

Nhiều vấn đề đã có quyết định cụ thể nhưng không được chấp hành tích cực và nghiêm chỉnh; thiếu biện pháp thiết thực, không định rõ trách nhiệm và thời hạn thực hiện. Các kinh nghiệm hay, điển hình tốt chưa được kịp thời tổng kết và nhân rộng ra.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam chưa gắn chặt với việc tổ chức lại sản xuất công nghiệp và lưu thông phân phối dưới các hình thức

thích hợp, với việc xây dựng và quản lý tốt hoạt động của các ngành. Năng lực sản xuất chưa được tận dụng, có phần bị mất mát, hư hỏng; việc thu mua, nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước đạt kết quả thấp; Nhà nước chưa hoàn toàn làm chủ được thị trường.

Việc xoá bỏ tàn dư bóc lột phong kiến và các hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa ở nông thôn và việc cải tạo nông nghiệp ở nhiều tỉnh miền Nam làm chậm. Một số tỉnh chưa thật sự gắn liền việc đẩy mạnh hợp tác hoá với việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp.

Quần chúng chưa thật sự làm chủ trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức sản xuất và đời sống; phong trào cách mạng của quần chúng chưa phát triển rộng khắp; tệ quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho dân, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng ở các cấp, nhất là ở cơ sở, vẫn còn nặng. Các hiện tượng tiêu cực như ăn cắp, lừa dối, lãng phí, làm ăn phi pháp chưa được khắc phục.

*

* *

Về các khuyết điểm trên, *các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở đều có trách nhiệm*. Mỗi ngành, mỗi cấp phải nghiêm khắc tự phê bình về khuyết điểm của mình, định rõ thời hạn sửa chữa bằng được, không chờ đợi và đổ trách nhiệm cho cơ quan khác, người khác.

Bộ Chính trị chưa giải quyết kịp thời một số chủ trương, chính sách kinh tế, một số vấn đề về tổ chức, cán bộ. *Ban Bí thư* chịu trách nhiệm chính về những thiếu sót trong công tác tổ chức, cán bộ, công tác tư tưởng và vận động quần chúng;

chưa kiểm tra chặt chẽ hoạt động của bộ máy nhà nước, phát hiện và uốn nắn sai sót, tổng kết điển hình tiên tiến; chưa cùng Thường vụ Hội đồng Chính phủ giải quyết kịp thời các vấn đề về chính sách và quản lý kinh tế.

Hội đồng Chính phủ, nhất là Thường vụ Hội đồng Chính phủ, chịu trách nhiệm chính về những khuyết điểm trong việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, trong các chính sách, trong tổ chức quản lý kinh tế và quản lý nhà nước, trong việc điều hành, phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp; giải quyết công việc cho cấp dưới chưa cụ thể và kịp thời.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm chính về những khuyết điểm trong công tác kế hoạch hoá, chưa phát huy tính chủ động của các cơ sở, các địa phương và các ngành để xây dựng kế hoạch, bố trí các cân đối kinh tế quốc dân một cách tích cực và vững chắc.

Từng bộ, tổng cục chịu trách nhiệm về những khuyết điểm trong việc cụ thể hoá chủ trương của Đảng, xây dựng kế hoạch, chính sách và chỉ đạo thực hiện ở ngành mình. Cách làm việc còn quan liêu, không sát cơ sở, không nắm toàn ngành, chưa xây dựng quan hệ tốt với các địa phương.

Các tỉnh, thành chưa thật sự làm chủ việc xây dựng kinh tế ở địa phương, chưa chủ động khai thác và phát huy mọi khả năng để đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm nhu cầu đời sống nhân dân, đóng góp cho trung ương và trang bị cho kinh tế địa phương.

Các huyện, các đơn vị cơ sở còn bị động, chờ đợi cấp trên, chưa phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tận dụng năng lực sản xuất sẵn có và phát huy sáng kiến của

quần chúng để xây dựng kế hoạch, tăng năng suất lao động, mở rộng mặt hàng, tổ chức đời sống.

II- NHIỆM VỤ KINH TẾ NĂM 1979

Trong tình hình mới, phải ra sức xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của quần chúng để thực hiện đồng thời ba nhiệm vụ chung:

Một là, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân.

Hai là, tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau.

Phải hết sức *quan tâm đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, nhất là ăn, mặc, ở*; đó là yêu cầu cấp bách trước mắt, là một nội dung cơ bản của việc xây dựng quyền làm chủ tập thể, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, bồi dưỡng lực lượng nhằm hoàn thành tốt cả ba nhiệm vụ.

Phải ra sức tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc. *Có phương hướng xây dựng quốc phòng đúng*, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, tận dụng lực lượng quân đội làm kinh tế, quản lý chặt chi phí quốc phòng, tiết kiệm sức người, sức của để giảm bớt khó khăn cho nền kinh tế.

Phải dồn sức xây dựng cho được những *cơ sở vật chất - kỹ thuật quan trọng và cấp bách nhất*; tạm hoãn hoặc giảm bớt xây dựng những công trình chưa thật cần thiết hoặc chưa có điều kiện làm ngay.

Trong việc thực hiện ba nhiệm vụ nói trên, phải nắm vững vấn đề quan trọng nhất là bảo đảm cho *người lao động*

có việc làm, có đủ ăn, đủ mặc. Muốn vậy, phải tận dụng hai thế mạnh của ta là *lao động và đất đai* cùng các tư liệu sản xuất khác hiện có.

Trong năm 1979, phải thực hiện tốt *các nhiệm vụ kinh tế* sau đây:

1. *Tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, nhất là lương thực, thực phẩm. Kết hợp chặt chẽ nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp*

Phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, dùng hết lao động, đất đai, máy móc và mọi khả năng khác để làm lương thực, thực phẩm.

Năm 1979, phấn đấu đạt cho được 16 đến 17 triệu tấn lương thực, trong đó có khoảng 4 triệu tấn màu quy thóc. Những nơi có điều kiện làm lương thực phải ra sức tăng vụ, thâm canh, mở thêm diện tích canh tác.

Về *lúa* phải tập trung đầu tư, tăng thêm lao động, giải quyết nước và sức kéo để sớm mở ra hai vụ ở đồng bằng sông Cửu Long, nhất là ở ba tỉnh Minh Hải, Hậu Giang, Kiên Giang. Đẩy mạnh thâm canh ở đồng bằng Bắc Bộ, đưa vào sản xuất cho hết diện tích còn hoang, hoá ở miền Bắc.

Mở rộng và chỉ đạo chặt chẽ phong trào thủy lợi nhằm đạt hiệu quả tốt nhất.

Dành 10 đến 15% diện tích canh tác cho chăn nuôi, tích cực đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính, kết hợp chăn nuôi với trồng trọt. Sản xuất nhiều voi, lân, tăng nhanh phân chuồng, phân xanh, bảo đảm chỉ tiêu nhập phân đạm, cung ứng đủ thuốc trừ sâu.

Về *màu*, phát triển mạnh ở mọi nơi, nhất là ở miền Đông

Nam Bộ, Tây Nguyên, trung du, miền núi; mở nhanh vụ đông ở đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Khu IV cũ; trồng các loại màu thích hợp ở đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Trung Bộ.

Nhà nước phải xây dựng những khu vực lớn làm màu, kết hợp thủ công với cơ giới; khuyến khích hợp tác xã, gia đình sản xuất màu. Phải giải quyết tốt vấn đề đào dỡ, phơi sấy, chế biến và vận chuyển màu. Xây dựng hàng loạt cơ sở chế biến màu tập trung, trang bị rộng rãi công cụ cải tiến cho các hợp tác xã và gia đình chế biến màu.

Phấn đấu nâng tỷ lệ màu trong cơ cấu bữa ăn.

Bộ Nông nghiệp phải trình *kế hoạch cụ thể về các vùng lúa, vùng màu* để Chính phủ quyết định ngay đầu năm 1979. Đối với từng vùng, phải có phương án kinh tế - kỹ thuật đúng, xác định mục tiêu cần đạt, phương tiện cần có, yêu cầu đối với từng ngành, từng địa phương, định rõ trách nhiệm thực hiện và cán bộ phụ trách.

Bộ Lương thực và thực phẩm, Bộ Nông nghiệp, Bộ Cơ khí và luyện kim phải xây dựng *kế hoạch cụ thể về chế biến màu* để trình Chính phủ quyết định đầu năm 1979.

Giữ vững và thực hiện kiên quyết mục tiêu *xây dựng các vùng kinh tế mới* đã được xác định ở Đại hội lần thứ IV của Đảng và ở Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương. Tập trung chỉ đạo một số địa bàn trọng điểm ở đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và một số tỉnh miền núi phía bắc để tạo ra sản lượng lương thực, thực phẩm và nguồn hàng xuất khẩu quan trọng.

Chính phủ phải có kế hoạch tích cực và cụ thể *đẩy mạnh*

việc phân bố lại lao động trong cả nước, trước hết cho các địa bàn trọng điểm nói trên.

Trong việc xây dựng các khu kinh tế mới, phải chuẩn bị tốt về tổ chức và cán bộ, bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế, tránh làm hình thức. Củng cố vững chắc các khu kinh tế mới đã xây dựng. Tính toán chu đáo quy hoạch của từng địa bàn, *mở diện tích đến đâu, đưa vào sản xuất và thâm canh đến đó*. Chú trọng ngay từ đầu những quy định về chống xói mòn, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Nhà nước phải giải quyết tốt lương thực cho kế hoạch xây dựng các khu kinh tế mới; các địa phương đưa người đi và các địa phương tiếp nhận người đến phải cùng nhau đảm nhận một phần lương thực. Lập một tổ chức mạnh, có đủ quyền lực, trực thuộc Hội đồng Chính phủ, chuyên trách công tác xây dựng các khu kinh tế mới; giao cho cơ quan này đảm nhiệm công tác định canh, định cư.

Đẩy mạnh *trồng rừng, bảo vệ rừng và khai thác rừng* một cách hợp lý, kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp; bằng mọi cách chấm dứt nạn phá rừng, cháy rừng và lãng phí lâm sản. Tăng thêm đầu tư để sớm tạo ra nguồn xuất khẩu lớn về gỗ và các lâm sản khác.

Đẩy mạnh đánh, bắt *hải sản*, tổ chức tốt việc nuôi tôm, cá nước ngọt, nước lợ; ra sức khai thác khả năng lớn về xuất khẩu hải sản. Tăng cường cơ sở hậu cần cho nghề cá, bảo đảm sửa chữa tàu thuyền, cung ứng phụ tùng, nhiên liệu, dụng cụ đồ nghề.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất phải chuyển biến một cách căn bản công tác thu mua nắm nguồn hàng nông sản, lâm sản và hải sản, nhằm bảo đảm nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

2. *Đẩy mạnh xuất khẩu để bảo đảm yêu cầu nhập khẩu*

Tăng cường đầu tư để tăng nhanh năng lực xuất khẩu, trước hết trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, khoáng sản và gia công xuất khẩu. Mạnh dạn nhập khẩu vật tư, nguyên liệu để tăng xuất khẩu, với điều kiện bảo đảm có hiệu quả kinh tế tốt.

Nhanh chóng tạo ra những vùng xuất khẩu lớn về nông sản (cao su, cà phê, lạc, đỗ, dưa, chuối, thuốc lá, chè, đay, tơ tằm, cói, v.v.), về chăn nuôi, về hải sản và lâm sản. Tích cực khai thác và cung ứng đủ nguyên liệu để tăng mức xuất khẩu hàng mây, tre, cói, hàng mỹ nghệ. Mở rộng gia công cho các nước về các mặt hàng sợi, dệt và may mặc, thêu, thảm len, dược liệu, ... Thành lập những công ty chuyên doanh phụ trách các mặt hàng xuất khẩu quan trọng từ trồng trọt, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

Ban hành ngay trong quý I năm 1979 một số chính sách khuyến khích xuất khẩu: bảo đảm cung ứng đủ lương thực cho những vùng, những người sản xuất hàng xuất khẩu; điều chỉnh một số giá mua để khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu; các ngành, các địa phương và các cơ sở được sử dụng một phần ngoại tệ thích đáng trong kim ngạch xuất khẩu của mình để nhập vật tư, nguyên liệu cần thiết.

Tính toán chặt chẽ các yêu cầu nhập khẩu và chi ngoại tệ. Kiên quyết giảm nhập những vật tư, hàng hoá mà trong nước sản xuất được; tận dụng khả năng khai thác mọi nguồn vật tư, nguyên liệu trong nước.

3. *Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng*

Năm 1979, phải cố gắng bảo đảm tốt hơn nhu cầu về hàng tiêu dùng, nhất là những hàng sản xuất với nguyên

liệu trong nước như đồ gỗ, giấy viết, chiếu cói, đồ sành sứ, thủy tinh, kim khí, v.v..

Tích cực giải quyết *vấn đề mặc* bằng cách đẩy mạnh *trồng dâu, nuôi tằm* ở khắp nơi, từ những khu vực có điều kiện chuyên canh lớn, cho đến vườn nhà, bờ vùng, bờ thửa. Tăng nhanh diện tích trồng đay, mở rộng vùng chắc diện tích trồng bông. Xây dựng sớm các cơ sở kéo sợi mới để mở rộng dệt gia công cho nước ngoài. Trong điều kiện khó khăn hiện nay, việc phân phối vải phải ưu tiên cho đồng bào miền núi, cho những người lao động làm những việc mau hư hỏng quần áo, tránh phân phối bình quân.

Hết sức khuyến khích các cơ sở, các địa phương và các ngành, cả quốc doanh, tập thể và tư nhân, tận dụng nguyên liệu trong nước, phế liệu, phế phẩm để sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả hàng xuất khẩu.

4. *Các ngành công nghiệp nặng và giao thông vận tải* phải phục vụ tốt hơn cho nông nghiệp và các hoạt động kinh tế quan trọng khác; đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tăng nhanh năng lực sản xuất và vận chuyển, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng.

Đặc biệt chú trọng phát triển than, điện, cơ khí, phân bón, vật liệu xây dựng. Đẩy mạnh thăm dò dầu khí. Tăng thêm năng lực đi đôi với cải tiến quản lý giao thông - vận tải, nhất là đường sắt, đường biển, đường sông.

5. *Chấn chỉnh công tác xây dựng cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.*

Hết sức tập trung cho các mục tiêu quan trọng và cấp bách, tạm hoãn những công trình chưa thật cấp thiết, chưa có điều kiện hoàn thành đồng bộ. Chỉ khởi công mới những

công trình có đủ vật tư bảo đảm tiến độ xây dựng và có nguyên liệu khi công trình được huy động vào sản xuất. Tăng cường đầu tư phục vụ xuất khẩu, đầu tư tạo nguyên liệu, đầu tư bổ sung để tận dụng công suất hiện có. Bảo đảm đủ vốn, vật liệu, lực lượng thi công cho các công trình chuyển tiếp, nhất là công trình hoàn thành trong năm 1979 - 1980.

Đối với các công trình dưới hạn ngạch, từng ngành, từng địa phương phải căn cứ vào khả năng thực tế để bố trí sát, đúng, kiên quyết khắc phục tình trạng xây dựng phân tán dàn đều, kéo dài thời gian thi công, không bảo đảm chất lượng.

6. Tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam

Ở miền Bắc, phải làm tốt việc tổ chức lại sản xuất, củng cố hợp tác xã, mở rộng phong trào làm theo Định Công, Vũ Thắng... bảo đảm sau vài năm không còn hợp tác xã kém, nát, trì trệ.

Ở miền Nam, phấn đấu đến năm 1980 căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, gắn liền với tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất.

Thi hành nghiêm chỉnh chỉ thị của Bộ Chính trị về xoá bỏ tàn dư bóc lột phong kiến và các hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển nhanh chóng và vững chắc tập đoàn sản xuất và hợp tác xã.

Việc xây dựng và củng cố hợp tác xã phải gắn liền với việc xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện.

Củng cố và nâng cao kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư doanh ở miền Nam. Quản lý tốt các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh; hoàn thành việc cải

tạo các cơ sở tư doanh còn lại theo các hình thức thích hợp; tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các ngành, nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; phát triển nhanh hơn nữa thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, chuyển tư sản thương nghiệp và một phần tiểu thương sang sản xuất.

7. Bảo đảm các yêu cầu về tăng cường quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, củng cố các vùng biên giới, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

8. Ra sức xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế nói trên, điều có ý nghĩa quyết định là xây dựng và phát huy cho được *quyền làm chủ tập thể* của nhân dân lao động ở cơ sở, địa phương và trong cả nước.

Từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành phải có kế hoạch và hình thức tổ chức cụ thể thực hiện quyền làm chủ của quần chúng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Trên lĩnh vực kinh tế, quyền làm chủ đó là làm chủ lao động, làm chủ đất đai, làm chủ sản xuất, phân phối và tổ chức đời sống, thể hiện trong việc kế hoạch hoá và quản lý kinh tế, bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, giữa nghĩa vụ và quyền lợi, phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của cả tập thể và từng người lao động.

Cần xây dựng thành chế độ việc các tổ chức đảng và chính quyền thường xuyên tiếp xúc với quần chúng, và việc quần chúng kiểm tra, góp ý kiến với các cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Kiên quyết chống mọi hành vi ức hiếp quần chúng, ăn cắp của công; thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Phát động *phong trào thi đua* sôi nổi trong cả nước, nâng cao tinh thần chủ động, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân nhằm khắc phục khó khăn, tận dụng mọi khả năng sản xuất hiện có, tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Muốn vậy, đi đôi với công tác tuyên truyền, động viên, phải có các chính sách kinh tế thích hợp, cải tiến tổ chức và quản lý, giải quyết tốt các yêu cầu thiết thực trong sản xuất và đời sống.

III- CẢI TIẾN TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Những việc phải thực hiện trong năm 1979 là:

1. *Thật sự đổi mới kế hoạch hoá cả nội dung và phương pháp*

Trong kế hoạch hoá, phải xuất phát chủ yếu từ lao động, đất đai, rừng, biển và các tư liệu sản xuất hiện có để khai thác hết tiềm lực, bảo đảm cho kế hoạch vừa tích cực vừa vững chắc.

Kế hoạch phải được xây dựng từ cơ sở, từ huyện. Mở rộng quyền kế hoạch hoá để cho các cơ sở, các địa phương, các ngành làm chủ được kế hoạch của mình, Ủy ban Kế hoạch phải làm tốt nhiệm vụ tổng hợp và cân đối.

Phải thể hiện chủ trương kinh tế của Đảng thành các phương án kinh tế - kỹ thuật tốt, phát huy trí tuệ của đội ngũ cán bộ kinh tế và cán bộ khoa học, kỹ thuật. Kế hoạch nhà nước phải là bản tổng hợp các phương án kinh tế - kỹ thuật được lựa chọn kỹ.

Ngày từ đầu năm 1979, các đồng chí trong Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ cùng các đồng chí phụ trách ngành về các địa phương trọng điểm kiểm tra công việc, giải

quyết tại chỗ các vấn đề cần thiết về sản xuất và đời sống, chỉ đạo việc tính toán lại kế hoạch từ cơ sở. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải tổng hợp, hoàn chỉnh kế hoạch năm 1979 gắn liền với xây dựng sổ kiểm tra của kế hoạch năm 1980, đồng thời xúc tiến làm kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981 - 1985).

2. *Đẩy mạnh việc xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện*

Các ngành và các địa phương phải hợp sức triển khai việc xây dựng huyện trong cả nước theo Chỉ thị số 33 của Bộ Chính trị, biến huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, thành pháo đài chiến đấu bảo vệ đất nước. Phải làm ngay từ đầu năm 1979 một số việc sau đây:

Đưa phần lớn huyện ủy viên về xã và hợp tác xã, đưa một nửa tỉnh ủy viên về làm bí thư huyện.

Từng ngành trung ương phải chuyển một bộ phận cán bộ quản lý và khoa học, kỹ thuật về tăng cường cho huyện, giúp huyện làm chủ được quy hoạch và kế hoạch, áp dụng khoa học - kỹ thuật để thâm canh, tăng vụ, phân công lại lao động, phát triển ngành nghề, tổ chức đời sống, kết hợp kinh tế với quốc phòng. Từng ngành phải xây dựng ngành mình trên địa bàn huyện, liên kết với các ngành khác để tạo nên sức mạnh tổng hợp phục vụ tốt cơ sở.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần chỉ đạo chặt việc xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện; có bộ phận chuyên lo kiểm tra, đôn đốc thường xuyên; tập trung chỉ đạo một số huyện có vị trí quan trọng để rút kinh nghiệm.

3. *Cải tiến một bước các chính sách kinh tế*

Trước mắt, giải quyết ngay một số vấn đề sau đây:

- Thi hành trong cả nước Nghị quyết 12 của Bộ Chính trị về thu mua lương thực bao gồm ba điểm: thuế, hợp đồng hai chiều, mua theo giá thoả thuận đối với số lương thực còn lại.

Vận dụng tinh thần đó để cải tiến chính sách thu mua các sản phẩm khác của kinh tế tập thể và cá thể.

- Mở rộng quyền cho các xí nghiệp, các đơn vị kinh tế tập thể và cá thể được sản xuất và lưu thông thuận tiện (với giá cả linh hoạt) những mặt hàng không do Nhà nước quản lý và cung ứng vật tư; đặc biệt khuyến khích việc sản xuất những mặt hàng dùng nguyên liệu trong nước, dùng phế liệu, phế phẩm.

- Sửa đổi một số giá mua hàng xuất khẩu và nguyên liệu, làm hàng xuất khẩu. Quy định phần ngoại tệ dành cho các cơ sở, các địa phương, các ngành làm hàng xuất khẩu.

- Xác định danh mục vật tư, hàng hoá do Nhà nước thống nhất quản lý. Quy định trách nhiệm và quyền hạn của liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp liên hợp trong việc lập kế hoạch, lên đơn hàng vật tư, trực tiếp liên hệ với nguồn cung ứng vật tư (kể cả vật tư nhập khẩu). Bảo đảm huy động dễ dàng nguồn vật tư ứ đọng vào sản xuất. Khuyến khích tận dụng vật tư sẵn có, thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu. Bảo đảm cung ứng vật tư đồng bộ, kịp thời, thuận tiện, với chi phí ít nhất; quyết toán vật tư theo khối lượng sản phẩm đã sản xuất dựa trên các định mức tiến bộ.

- Ban hành các quy định cụ thể về ngân sách tỉnh, thành và ngân sách huyện; nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của tỉnh, thành và huyện đối với công tác tài chính ở địa phương. Quy định tỷ lệ lãi hoặc tiền thưởng cho các địa phương cung ứng được nhiều nguyên liệu cho sản xuất.

Xí nghiệp trung ương cũng như xí nghiệp địa phương đều

phải đóng góp theo tỷ lệ thích đáng vào ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

- Điều chỉnh giá bán một số hàng; thực hiện từng bước việc thống nhất giá trong cả nước. Xoá bỏ những khoản bù lỗ không hợp lý trong ngân sách nhà nước. Giảm bớt việc bán theo giá cung cấp những mặt hàng không thiết yếu.

- Xúc tiến nghiên cứu cải tiến chính sách tiền lương, chính sách giá, chính sách phân bố lại lao động, xây dựng vùng kinh tế mới, chính sách tài chính, tín dụng phục vụ sản xuất.

4. Thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương về kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc

Giải quyết sớm sự phân công, phân cấp giữa các ngành, giữa trung ương, địa phương và cơ sở.

Khẩn trương tổ chức lại sản xuất của ngành bằng cách thành lập liên hiệp xí nghiệp, công ty phù hợp với đặc điểm của từng ngành, để thật sự đi vào hạch toán kinh doanh, tránh lặp lại dưới hình thức biến tướng cách làm ăn hành chính quan liêu cũ.

Cải tổ bộ máy của bộ và tổng cục, giao quyền quản lý kinh doanh, kể cả quyền xuất, nhập khẩu, cho các công ty, liên hiệp xí nghiệp, còn bộ và tổng cục thì chủ yếu làm tốt công tác quản lý hành chính kinh tế: lập quy hoạch phát triển; xây dựng chính sách, chế độ; chỉ đạo phát triển khoa học, kỹ thuật; xác định tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; đào tạo cán bộ và công nhân. Trên cơ sở đó, giảm biên chế hành chính để tăng lao động cho khu vực sản xuất, bổ sung cán bộ cho huyện và cơ sở.

Nhanh chóng kiện toàn tổ chức và cán bộ của một số bộ,

tổng cục mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra.

Ban Bí thư cần tăng cường kiểm tra, phát hiện kịp thời nhân tố tích cực, tổng kết điển hình tiên tiến, uốn nắn sai sót, lệch lạc; chỉ đạo chặt công tác tổ chức, cán bộ, công tác tư tưởng và vận động quần chúng.

Cải tiến mạnh mẽ chế độ làm việc của Hội đồng Chính phủ, nhất là của Thường vụ Hội đồng Chính phủ, nhằm tăng cường chỉ đạo, điều hành thống nhất và phối hợp có hiệu lực đối với các ngành, các cấp; giải quyết kịp thời các vấn đề về chính sách và tổ chức quản lý kinh tế; chỉ đạo chặt các công tác trọng tâm, các địa bàn trọng điểm; giao quyền rõ ràng cho các ngành, các cấp.

Làm tốt công tác cán bộ và củng cố các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể ở cơ sở gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế. Các ban cán sự đảng ở các bộ và tổng cục, các tỉnh uỷ, thành uỷ phải hiểu rõ tình hình cán bộ, kiên quyết tăng cường cán bộ có năng lực, hiểu biết kinh tế và kỹ thuật cho các liên hiệp xí nghiệp, công ty, xí nghiệp liên hợp, các huyện và các cơ sở.

Phải nắm lại đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân để có kế hoạch bồi dưỡng, sử dụng đúng. Đặc biệt coi trọng việc *đào tạo công nhân lành nghề*, để đáp ứng đủ yêu cầu của việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật mới và phát triển kinh tế trong các kế hoạch sau. Có chính sách đãi ngộ thoả đáng và thái độ rộng rãi để sử dụng cho được cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân giỏi ở các vùng mới giải phóng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 59-CT/TW, ngày 25 tháng 12 năm 1978

Về việc tổ chức quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và quyết định nhiệm vụ kinh tế năm 1979.

1. Việc truyền đạt Nghị quyết của Trung ương phải nhằm đạt được những yêu cầu sau đây:

a) Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhất trí với nhận định của Trung ương về *tình hình và nhiệm vụ kinh tế trước mắt*, những chủ trương và biện pháp phải thực hiện nhằm đẩy mạnh sản xuất, nhất là *nông nghiệp*, cải tiến công tác và tổ chức quản lý kinh tế, ra sức khắc phục khó khăn, tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong năm 1979, chuẩn bị điều kiện để đạt những tiến bộ lớn hơn trong những năm sau.

b) Biến Nghị quyết của Trung ương thành *ý chí và hành động thống nhất* của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, *dũng*

cảm gánh lấy trách nhiệm trước khó khăn và thử thách, đề cao tính chủ động sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, ý thức tổ chức, kỷ luật và hợp tác xã hội chủ nghĩa, nhằm tạo ra những bước tiến mới của nền kinh tế, của công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, và tổ chức chỉ đạo thực hiện.

c) Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương về giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ lớn, *thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong việc xây dựng kế hoạch, xác định và thực hiện những biện pháp thiết thực cụ thể của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở* với tinh thần *tích cực và vững chắc*, khai thác tốt tiềm năng về lao động và đất đai cùng những thiết bị, vật tư đã có, *không trông chờ, ỷ lại*, không đòi hỏi những điều kiện còn phụ thuộc bên ngoài.

d) Phát động phong trào thi đua sôi nổi của quần chúng nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên cả hai mặt trận kinh tế và quốc phòng, giành những thắng lợi mới cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Những vấn đề cần chú ý trong việc quán triệt Nghị quyết

a) Nêu cao tinh thần *phê bình và tự phê bình nghiêm túc* trong việc đánh giá tình hình kinh tế: mỗi cấp, mỗi ngành cần đánh giá đúng đắn, đầy đủ tình hình kinh tế và công tác chỉ đạo của ngành, địa phương và cơ sở với ý chí cách mạng tiến công, tinh thần trách nhiệm cao và thái độ khách quan, khoa học. Khẳng định dứt khoát những tiến bộ và thành tựu; vạch rõ những khó khăn, khuyết điểm và nguyên nhân, nhấn mạnh những nguyên nhân *chủ quan, trách nhiệm* của ngành, địa phương và cơ sở đối với khó khăn, và khuyết

điểm; phân tích sâu sắc những khả năng thực tế của ngành, địa phương và cơ sở, đặc biệt chú trọng nêu bật những *điểm hình tiên tiến, những nhân tố mới*, những kinh nghiệm bổ ích để vượt qua khó khăn, sửa chữa khuyết điểm.

Uốn nắn những biểu hiện không đúng như chỉ thấy khó khăn, khuyết điểm, không thấy thuận lợi, tiến bộ hoặc ngược lại chỉ thấy thuận lợi tiến bộ coi nhẹ khó khăn, khuyết điểm; chỉ thấy một số chỉ tiêu kế hoạch thiếu cân đối vững chắc, không thấy nhiều chủ trương và biện pháp đúng, nhiều việc có khả năng làm được nhưng chưa tích cực làm; chỉ thấy trách nhiệm của cấp trên, của người khác mà không thấy trách nhiệm của mình; ỷ lại, thụ động, bảo thủ, trì trệ, coi thường đảng viên và quần chúng, hoài nghi, bi quan trước khó khăn...

b) Trên cơ sở đó, thảo luận đầy đủ những mục tiêu và kế hoạch cụ thể, biện pháp thiết thực để biến khả năng thành hiện thực. Tính toán lại kế hoạch năm 1979 của đơn vị với tinh thần *tích cực, chủ động*, đồng thời bảo đảm *cân đối vững chắc*. Những việc phải làm và có thể làm thì phải bảo đảm sự cân đối và đồng bộ để làm cho được. Những việc thấy rõ là chưa đủ sức làm thì kiên quyết bố trí lại kế hoạch.

Các cấp trên phải giúp cấp dưới với tinh thần cố gắng cao nhất những điều kiện vật chất cần thiết để thực hiện kế hoạch. Tránh hứa hẹn những thứ không chắc chắn.

c) Phát huy đầy đủ *dân chủ nội bộ* và *quyền làm chủ tập thể của quần chúng*, chú trọng ý kiến của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật ở các cấp, những người lao động xuất sắc và có tay nghề giỏi ở cơ sở trong việc đánh giá tình hình, tìm rõ nguyên nhân, biện pháp sửa chữa cũng như trong việc xây

dựng kế hoạch.

d) Kịp thời phát động phong trào *học tập* trong mỗi ngành và địa phương các *điển hình tiên tiến* thể hiện sinh động đường lối của Đảng và sự sáng tạo của quần chúng, nhất là ở cơ sở. Các địa phương và các ngành phải *cùng nhau tổng kết những bài học thắng lợi của các điển hình tiên tiến một cách sâu sắc*, nhất trí và tổ chức việc học tập, phổ biến một cách có hiệu quả.

3. Về cách làm cụ thể

a) Khẩn trương tiến hành *đợt sinh hoạt* thực hiện Nghị quyết:

+ Các *tỉnh và thành phố* trực thuộc trung ương triệu tập ngay *hội nghị cán bộ* gồm các tỉnh, thành uỷ viên, trưởng và phó ban, ngành, thường vụ huyện uỷ, bí thư đảng uỷ trực thuộc để nghiên cứu Nghị quyết của Trung ương và thảo luận việc quán triệt Nghị quyết ở địa phương.

Sau đó, triệu tập hội nghị cán bộ cơ sở (hội nghị chung hoặc theo từng vùng) gồm bí thư và phó bí thư phụ trách chính quyền ở cơ sở, và cán bộ cấp huyện còn lại để nghe tỉnh uỷ, thành uỷ trực tiếp truyền đạt Nghị quyết của Trung ương, hướng dẫn việc quán triệt Nghị quyết và kế hoạch của tỉnh, thành cho huyện và cơ sở.

+ Các *ngành trung ương* triệu tập hội nghị cán bộ thuộc cơ quan bộ, tổng cục và các đơn vị trực thuộc để nghiên cứu và thảo luận việc quán triệt Nghị quyết của Trung ương vào phạm vi ngành. Từng ngành cần có *kế hoạch hướng dẫn* về những vấn đề cần chú ý trong ngành mình ở địa phương khi

quán triệt Nghị quyết (có thể gợi ý những vấn đề cụ thể cho từng tỉnh). Tiếp đó, nên có những hội nghị *chuyên đề về quản lý và kỹ thuật* toàn quốc hoặc từng vùng, để bàn biện pháp cụ thể thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ của ngành.

+ Ở *cơ sở*, tổ chức *hội nghị đảng bộ* (có thể có cán bộ cốt cán ngoài Đảng tham dự) để truyền đạt Nghị quyết của Trung ương và thảo luận kế hoạch của cơ sở, đi sâu vào những biện pháp cụ thể, chú trọng những việc cần làm ngay.

Tổ chức việc giải thích Nghị quyết của Trung ương trong *quần chúng*, động viên hướng dẫn quần chúng tham gia xây dựng kế hoạch của cơ sở một cách thiết thực. Sinh hoạt này tổ chức theo đơn vị sản xuất hoặc công tác.

+ *Quân uỷ Trung ương* căn cứ Chỉ thị này, có kế hoạch hướng dẫn việc truyền đạt Nghị quyết của Trung ương trong các lực lượng vũ trang.

Tài liệu sử dụng ở các hội nghị cán bộ tỉnh, thành phố, ngành trung ương là *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương* (toàn văn) và báo cáo về tình hình, nhiệm vụ kinh tế của địa phương hoặc ngành. Các hội nghị cán bộ cơ sở và đảng viên sử dụng *Đề cương* giải thích Nghị quyết do Ban Tuyên huấn Trung ương biên soạn và tóm tắt báo cáo tình hình, nhiệm vụ kinh tế của địa phương.

Đợt sinh hoạt này phải làm xong trong tháng 1-1979. Trong khi tiến hành đợt sinh hoạt, phải bảo đảm chỉ đạo tốt vụ sản xuất chiêm xuân.

b) Các *báo và đài phát thanh, truyền hình* có kế hoạch giải thích những vấn đề quan trọng của Nghị quyết, làm rõ thực chất của tình hình và nội dung các nhiệm vụ lớn; biểu dương những nhân tố tích cực và điển hình tiên tiến, phê

phán những hiện tượng tiêu cực (có thể nêu đích danh đơn vị, địa phương; song không để lộ bí mật kinh tế); giải đáp thắc mắc của đảng viên và quần chúng về những vấn đề nói trên; cổ vũ phong trào lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức và quản lý; kịp thời giới thiệu những tiến bộ mới của các cơ sở, các ngành, các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế năm 1979.

c) Các ngành *thông tin, cổ động, văn hoá quần chúng, văn học nghệ thuật* hướng dẫn đọc báo, sách, tổ chức nói chuyện chuyên đề về kinh tế, kỹ thuật, chú trọng giới thiệu những kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, tổ chức triển lãm kinh tế và tiến bộ kỹ thuật... theo tinh thần Nghị quyết Trung ương, hướng dẫn khuyến khích những sáng tác, biểu diễn nghệ thuật nêu cao những nhân tố mới, con người mới, phê phán những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

d) Hệ thống *trường đảng, trường quản lý, trường kỹ thuật nghiệp vụ* tổ chức lớp ngắn ngày cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, vừa giáo dục những vấn đề cơ bản của Nghị quyết, vừa bồi dưỡng những vấn đề cần thiết đối với từng loại cán bộ (như tổ chức và quản lý kinh tế cho cán bộ quản lý, tiến bộ kỹ thuật cần ứng dụng cho cán bộ kỹ thuật...), coi trọng việc học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến.

Việc quán triệt và thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng phải đạt được mục đích tạo một chuyển biến tốt thật sự trên mặt trận kinh tế để thực hiện thắng lợi kế hoạch 1979 và tiến lên hoàn thành những nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm trong năm 1980, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV

đã quyết định.

Các cấp, các ngành cần ra sức tổ chức và lãnh đạo tốt đợt sinh hoạt này và phong trào thực hiện kế hoạch 1979, *kết hợp chặt chẽ với việc tiến hành đại hội Đảng các cấp*, hàng tháng báo cáo kết quả về Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 66-TT/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1978

**Về kỷ luật phát ngôn về lịch sử chính trị
của cán bộ, đảng viên**

Sau ngày miền Nam giải phóng, việc thẩm tra, kết luận một số trường hợp cán bộ, đảng viên bị bắt, bị tù hoặc có quan hệ xã hội phức tạp trong chiến tranh là cần thiết. Quyền hạn thẩm tra, kết luận và phổ biến kết luận về những việc này thuộc cấp uỷ đảng có trách nhiệm quản lý cán bộ, đảng viên theo quy định phân cấp của Ban Bí thư. Ngoài ra không ai được phát ngôn tùy tiện về lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên.

Vừa qua một số người đã tùy tiện nói đồng chí này, đồng chí kia, thậm chí cả đồng chí trong cấp uỷ có vấn đề chính trị; việc phát ngôn vô trách nhiệm đó dễ gây ra lúng củng nội bộ và dễ bị kẻ địch lợi dụng để xuyên tạc và chia rẽ ta.

Phải nghiêm chỉnh chấm dứt hành động vô nguyên tắc như trên.

1. Các cấp uỷ đảng dựa theo sự phân cấp quản lý cán bộ của Ban Bí thư, cần tiếp tục thẩm tra, kết luận về những cán

bộ, đảng viên bị bắt, bị tù hoặc có quan hệ xã hội phức tạp theo những quy định hiện hành. Những trường hợp đã có kết luận thì chỉ phổ biến trong phạm vi do cấp uỷ có thẩm quyền quy định.

2. Nghiêm cấm việc phát ngôn tùy tiện về lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên. Nếu ai phát hiện cán bộ, đảng viên nào có vấn đề chính trị thì chỉ báo cáo trực tiếp với cơ quan có thẩm quyền, không được nói với những người không có trách nhiệm. Những trường hợp phát ngôn tùy tiện về lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên cần được xử lý kịp thời: nếu do vô tình thì giáo dục, nếu do cố ý thì thi hành kỷ luật nghiêm.

Thông tri này cần được phổ biến đến tận chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.